Số 1 NĂM THỨ NHẤT 1er JUILLET 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1288

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

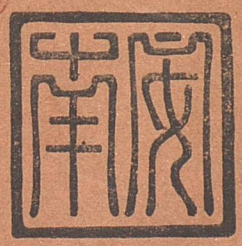

TÒA BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1.—*Kính cáo Quốc-dân An-nam ta*
2.—*Mấy nhời rãi tỏ cùng các bạn đồng-bang*
3.—*Thử nghĩ về tiền-đồ nước Nam ta.*
4.—*Chức-trách của người có gia-đình.*
5.—*Việc tàm tang.*
6.—*Nghề nhuộm thâm ở xã Xuân-Cầu.*
7—*Nói về duyên cách của pháp-luật*
8.—*Một cách đo ruộng giản dị.*
9. *Nhời luận-thuyết giải về nghĩa thiên-lương.*
10. *Cuộc du-lãm về khu thứ nhất ở đường xe lửa Vinh -- Đông-hà.*
11.—*Hán-văn hàm thụ trích lục.*
12.—*Nhời thư của hai chị em gái nhà nghèo khuyên răn nhau.*
13. *Khuyên anh Giáo. - Vịnh cái cây bên đường phố Hanoi.*
14 —*Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết).*
15.—*Nghìn năm non Thúy ông Từ-Đạm (thời-sự)*

Giá mua tạp-chí và sự gửi phong-thư

Giá đồng-niên, **4 $ 00**; Nửa năm, **2 $ 20**; Mỗi số **0 $ 20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau

Các phong-thư và mandat, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT:
Nguyễn-Khắc Hiếu

AN - NAM TẠP - CHÍ

KÍNH CÁO QUỐC-DÂN AN-NAM TA

Gần nay, các việc vui buồn hay dở phát hiện luôn luôn ở [illegible] kỳ, mà cảm-tình của quốc-dân ta ăn ở cùng nhau, như hoa như [illegible] nhiều năm trước, đã như Giời mới mở lòng khai khiếu [illegible] Việt-Nam. Cứ cái cảm-tình tốt đẹp ấy, giữ cái thái-độ êm đềm, [illegible] khai-hóa của Chánh-phủ; biết đâu nữa giang sơn Đại-Việt, không [illegible] mặt cùng người. Tuy vậy mà một cảm-tình chưa đủ cậy để văn-minh; muốn văn-minh, tất phải quốc-dân có tư-cách. Nghĩ như tư-cách quốc-dân, thực chưa dễ nói; mà luân thường phong hóa, không thể coi khinh. Bản-chí nay ra đời, vì quốc-dân truyền giữ một việc đó. Bản-chí đối với các đoàn-thể cùng mọi người trong quốc-dân, thân sơ như nhất, vô ân vô thù. Ai là người có công về thế đạo nhân tâm, Bản-chí phải linh biểu bằng ngòi bút để làm khuyên cho kẻ khác, xin ai đừng có bận lòng ơn. Ai là người có tội với xã-hội nhân-quần, Bản-chí phải trừng trị bằng câu văn để làm răn cho kẻ khác, xin ai đừng có đem lòng oán. Cái thiên-chức của Bản-chí đã tự nhận như thế, thời phàm các đoàn-thể cùng mọi người trong quốc-dân, dẫu ai có đem lòng ân oán đối với Bản-chí, Bản-chí cũng chẳng nhận mà không dám từ. Chỉ mong sao cho **nhân tâm phong tục được thuần chính,** *cho* **đại đa số quốc-dân có tư cách,** *để cùng nhau học theo đường trí-thức, bước lên đài văn-minh. Ấy thời là Bản-chí đối với quốc-dân hết chức trách vậy.*

Ngoài một việc quang minh chính đại đó, như các việc **thực-nghiệp thường-thức** *đối với bình dân xã-hội, các việc* **văn-học triết-học** *đối với học-giới sĩ-lưu, cùng là những* **thời-sự trong ngoài,** *xin đắp-đổi trục kỳ có cống hiến các độc-giả. Bản-chí đối với quốc-dân ta, cảm-tình vô-hạn, kỳ vọng vô hạn, không thể biết nói sao cho xiết; nay xin chỉ có một câu rằng:* Người An-nam, báo An-nam.

AN-NAM TẠP-CHÍ.

Mấy nhời rải tỏ cùng các bạn đồng-bang.

Nay tôi có mấy nhời thành khẩn, xin rải tỏ trước các bạn cùng nghiệp, các bạn đọc báo trong đồng bang ta.

Xưa từ khi tôi thôi việc báo Hữu-Thanh, là về khoảng tháng chạp năm Tân-dậu (Janvier 1922), các bạn đồng bang ở gần xa [illegible] yêu mà có nhời thăm hỏi [illegible] khi ấy có giữ lại được một [illegible] của ông Vũ-quang-Long, làm [illegible] de l'Indochine ở Quảng-Đông gửi về. Trong thư của ông viết thời đại, nay được đăng như dưới:

«Canton le 5 Février 1922

M. Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính thư Nguyễn Tiên-sinh

Báo Hữu-Thanh ra đời, lấy hữu ái làm chủ-nghĩa. Tôi là người xem báo Hữu-Thanh, không biết bao nhiêu tình hữu ái và mối cảm-tình cùng báo Hữu-Thanh, mà nhất là Tiên-sinh là ông chủ bút Hữu-Thanh vậy.

. . . . . Từ khi Tiên-sinh ra văn với đời, ban đầu in ở Đông-Dương-tạp-chí; từ khi Đông-Dương-tạp-chí đình bản, thời Tiên-sinh lại xuất bản nhiều sách, mà những sách ấy toàn là những văn chương lỗi lạc, tri thức cao xa, dẫu đọc qua chưa hiểu hết nghĩa, mà nghe ra thời như xuân phong thoảng tới vậy.

Từ nghe Trung-Bắc-tân-văn đăng tin Tiên-sinh sắp ra làm chủ bút Hữu-Thanh, tấm lòng mừng rỡ khôn xiết kể. . . .

Không ngờ đâu Tạp-chí Hữu-Thanh ra đời chưa đầy một năm, mà nay Tiên-sinh đã vội rũ áo ra về, không tưởng đến xã-hội làm trọng, thời thật là Tiên-sinh vô tình quá lắm. Hay là Tiên-sinh hãy còn đeo đẳng mối tư tưởng chán đời, mà cho thói đời là điều bạc, nên không chịu bận lòng chăng? Điều ấy tôi không dám chắc. Đã hay rằng Tiên-sinh vì mẹ già ngoài tám mươi, lo không được gần gụi mà sớm khuya định tỉnh thần hôn. Nếu vậy, theo như luân thường thời Tiên-sinh là người con chí hiếu. Đành vậy mà tôi e rằng phen này Tiên-sinh không khỏi lòng người nghị luận là Tiên-sinh không đởm nổi việc bảo Hữu-Thanh.

Riêng về phần tôi viết thơ này, thật không có ý gì khác, mà chỉ riêng mối cảm-tình cùng văn chương của Tiên-sinh, nên có đôi lời bầy tỏ. Mong rằng Tiên-sinh ra về phen này, sẽ làm trọn người con hiếu-tử, và sau này Tiên-sinh có nhiều thì giờ nhàn dỗi thời lại xuất bản nhiều sách hay.

. . . . . .

Kính thư

«Vũ-quang-Long»

Lúc ấy, tôi nhân đương việc nhà bối rối, cho nên không có thư giả nhời ông, và lại cũng không biết giả nhời ông thế nào cho là phải. Sang tháng ba năm sau, Gia-từ tạ thế; tôi từ đấy chỉ ở nhà theo về việc trước dịch, cũng mong được có nhiều sách xuất bản, để không phụ tấm lòng tốt của ông Vũ-quang-Long đã kỳ vọng cho. Song mà thường tình con người ta, nằm lâu thời nhớ dậy; lại từ ấy đến nay, trong khoảng bốn năm năm, những việc đời chái tai ngứa mắt cũng không ít; lại gần ít lâu nay, các việc hay dở phát sinh ra ở trong xã-hội, như gió như bão, khích động đến tâm-chào, khiến cho người dưới ngọn đèn xanh lại muốn dự một phần ngôn-trách trong báo-giới. Ngày mồng 9 tháng Décembre 1925, tôi đệ

đơn lên Chánh-phủ, xin phép ra Tạp-chí. Ngày 11 tháng Février 1926, được nghị-định của Chánh-phủ cho phép. Mấy tháng giời xếp đặt, đến nay mà tạp-chí mới ra được số đầu. Nay về sau, tôi xin đoan quyết rằng không dám lấy nhẽ gì lại từ việc như tôi ở Hữu-Thanh khi trước. Chỉ nghĩ như : tài học sơ, kiến văn hẹp, trong không được có tư bản như ai tiền vàn bạc mớ, ngoài không được có thế lực của một vị vương công tây nam nào, đơn hèn một kẻ thư-sinh mà đứng đỡm đương một tòa báo ; sao cho được có bổ ích đến luân thường phong hóa của quốc-dân xã-hội, thế tất phải có trông cậy ở cảm-tình trợ-lực của các bạn đồng bang. Vấn-vương còn lắm nợ ba sinh, ruột tằm tơ rối. Khắc-khoái thấu cùng ai bốn bể, tiếng quốc đêm trường. Dám mong các bạn đồng bang ta nghĩ đến nước An-Nam mà giúp cho báo An-Nam, thời phần riêng của tôi thực cũng được hàm ơn chẳng ít. Tấc gang giãi tỏ, muôn vàn cậy mong.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu
bạch

Sông cái
chiếc thuyền nan

Thả chiếc thuyền nan bé tẻo heo,
Cũng buồm, cũng cột, cũng giây lèo.
Nghìn trùng sóng gió ba khoang nứa :
Bốn mặt non sông một mái chèo.
Những hẹn nước mây thu mấy độ.
Thử xem giời biển rộng bao nhiêu.
Con đường vô hạn vui chăng tá ?
Mà hỡi giòng sông tiếng nước reo ?

TẢN-ĐÀ.

社 說

THỬ NGHĨ VỀ TIỀN-ĐỒ NƯỚC NAM TA

Hiện nay, khắp mọi người trong quốc-dân, ai nấy hẳn đều cũng muốn biết cái tiền-đồ của nước ta hay dở ra làm sao. Sự đó tuy không thể biết trước được cho dành, song thực cũng nên nghĩ tới vậy.

Tiền-đồ của nước nhà hay dở, trông ở hai phương-diện: một là phương-diện khai-hóa và một là phương-diện tiến-hóa. Phương-diện khai-hóa thời do ở Chánh-phủ Đại-Pháp; phương-diện tiến-hóa thời trông ở quốc-dân. Về phương-diện khai-hóa thời ta chỉ cứ yên chí rằng Chánh-phủ hết lòng vì dân ta, dìu dắt cho mỗi ngày mỗi tới, để theo cùng các nước văn-minh; về phương-diện tiến-hóa mà do ở quốc-dân thời quốc-dân ta chính nên nghĩ ngợi cùng nhau vậy.

Một nước hay hay dở, trông ở quốc-dân; quốc-dân hay hay dở, xem ở tư-cách. Tư-cách của quốc-dân mà hay thời vận nước sau này sẽ được hay; tư-cách của quốc-dân mà dở thời vận nước sau này cũng sẽ được dở vậy. Trong quốc-dân, rất là nhiều hạng người, khó thể lấy nhất luật mà nói; nói cho phải thời phải lấy hạng sĩ phu làm đầu. Hạng sĩ phu, không cứ sĩ, thương, quân, dân, nam, phụ, lão, thiếu, phàm có học-vấn trí-thức, là hạng người ấy vậy. Hạng sĩ phu, tức thế-tục gọi là « thượng lưu xã-hội (1) », đối với toàn-thể quốc-dân, ví như cái toa đầu ở xe-lửa. Sự hay dở của nước nhà mai sau, trước trông ở tư-cách của một hạng người đó. Cứ sự-thế mà nghĩ thời như thế, cứ sự-thực mà xét thời tư-cách của một hạng người đó ra làm sao? Trong một hạng người, hay dở cũng rất là khác nhau, khó thể lấy nhất luật mà nói; nay cứ sự-thực mà xét về tư-cách riêng từng người một ra làm sao?

Người nhiệt tâm công danh mà lấy vợ cả, vợ lẽ, con gái, em gái để dùng làm cái mồi mua chuộc, có hay không?

---

(1) Cứ thế-tục gọi là *thượng lưu xã-hội* thời tất là người có thêm về phú quí, đây cũng là biết qua như thế mà thôi.

Người nhiệt tâm làm giầu mà ăn bớt tiền công kẻ phu thuê, bỏ chết mấy trăm mạng con người ở mạn ngược, có hay không?

Người nhiệt tâm ô my mà trái luật văn-minh, giữ lòng man giã mà xuất kẻ ngu-dân, qùi qùi lạy lạy, có hay không?

Người . . . .

Thôi chẳng qua, cũng là ta lại với ta, nói càng nhơ nhuốc sấu sa với người. Nếu những sự-thực ấy mà không có, thời tư-cách của một hạng người thượng-lưu xã-hội, hoặc có hi-vọng cho nước nhà; nếu những sự-thực ấy chẳng may mà có thực ra chăng, thời cái tư-cách của một hạng người thượng-lưu xã-hội đó cũng khó trông mong vậy. Tuy vậy, xin ai nấy trong quốc-dân, nghe đến những câu tôi nói đây mà chớ buồn. Vì là sao? Trong quốc-dân ta nay mà qủa có những người tư-cách như thế chăng, thời chẳng qua cũng chỉ là một số người rất ít, mà những người đó kể cũng đã như lá đã vàng, như cây đã cội, như hơi thu cỏ nội, bóng đọi tàn canh. Cái tư-cách sấu sa nhơ nhuốc mà quấy hôi bôi nhọ cho quốc-dân, chẳng bao lâu cũng sẽ theo những con người kia mà qua đời mãn kiếp vậy. Nay về sau, không dám biết ai là người trong thượng-lưu xã-hội; không cứ sĩ, thương, quân, dân, nam, phụ, lão, thiếu, phàm hơi có học-vấn trí-thức, đều nên nhận một phần chức-trách với quốc-dân. Nếu muốn nhận một phần chức-trách với quốc-dân trước hết tất phải có tư-cách; nếu muốn có tư-cách, tất phải lấy luân-thường phong-hóa làm trọng; nếu có lấy luân-thường phong-hóa làm trọng, thời rồi mới có cái tính-chất đạo-đức; nếu có cái tính-chất đạo-đức thời rồi những học-vấn trí-thức mới có thực-ích đến nhân-quần; học-vấn trí thức có thực-ích đến nhân-quần mà quốc-dân xã-hội mới có trông mong vậy. Nay xin có một nhời minh quyết thưa với toàn thể quốc-dân rằng: Đại đa số quốc-dân có tư-cách thời mới có thể theo sự khai-hóa của Chánh-phủ mà mong phần tiến-hóa; đại đa số quốc-dân không có tư-cách thời dẫu có khai-hóa mà không có tiến-hóa, tiền-đồ của nước nhà còn mong chi! Nếu ai ai muốn biết cái tiền-đồ của nước Nam ta hay dở ra làm sao, xin ai ai cùng thử tự nghĩ ra làm sao.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu.

社會之家庭說

Gần nay, các quân-tử trong xã-hội vì xã-hội phát ngôn lập luận; phần nhiều lấy những việc công-ích của xã-hội làm chú ý. Như thế. thực vẫn là quang đại chánh đáng. Tuy vậy, xã-hội là kết họp nhiều những gia-đình mà làm nên. Nếu đem trăm nghìn vạn ức cái gia-đình hủ bại mà mong kết thành một cái xã-hội văn minh, không có thể được vậy. Vậy Bản-chí mở ra mục này, truyền vì gia đình của xã-hội, nói về luân-lý, sinh-lý, các việc nhật dụng thường hành ; không hiềm nhỏ vụn, cốt được tỏ tường, mong có ít nhiều thực-ích cho gia-đình ; để gây lấy cái nền văn minh của xã-hội. Các quân-tử có lòng yêu, xin chớ khinh thường mà thường đem ý kiến giúp cho, thực là hạnh-phúc choxã-hội chẳng nhỏ vậy.

An-nam Tạp-chí

CHỨC TRÁCH CỦA NGƯỜI CÓ GIA-ĐÌNH

Trừ những nhà đàn bà hóa chưa nói, phàm một gia-đình nào có người đàn ông thời người đàn ông ấy là chủ, tức là người có gia-đình. Người có gia-đình cầm chủ-quyền trong một nhà, phải làm cho trong một nhà có thể-thống, việc luân-lý được nghiêm chỉnh, việc sinh-lý được phát đạt, các việc nhật dụng thường hành, sự sự hợp nghi, đó là chức-trách vậy. Người có gia-đình mà hết được chức-trách thời trong gia-đình ấy mới có thể-thống, thời các việc luân-lý, sinh-lý nhật dụng thường hành mới được hoàn hảo mỹ mãn mà làm một nhà thượng lưu. Nếu người có gia-đình mà không hết chức-trách thời trong một gia-đình ấy không có thể-thống, không có thể-thống thời một là đến suy hèn lụn bại, nghèo đói khó khăn ; hai là dẫu có ăn ngon mặc tốt, chức trọng quyền cao, cũng chỉ là một nhà hạ-lưu trong xã-hội vậy.

Trong xã-hội ta nay, ai là người có gia-đình mà hết được chức-trách thời không phiền phải nói đến ; thử nghĩ về những người không hết chức-trách có mấy tính chất khác nhau ; mà cái tệ hại của những gia-đình ấy, cũng có mấy tính chất khác nhau như dưới :

1e Người có gia-đình, thừa cơ nghiệp của người trước mà hư hèn lười biếng, hoặc ăn chơi quá độ, khiến cho một nhà ấy suy hèn lụn bại, nghèo đói khó khăn.

2e Người có gia-đình, tuy không thừa cơ nghiệp của người trước, chỉ là tự mình trong tay làm ra, song mà ăn chơi quá độ, khiến cho một nhà ấy đến xuy hèn lụn bại, nghèo đói khó khăn.

Giở lên hai điều là những người có gia-đình, tự mình cầm chủ-quyền mà không hết chức-trách, làm cho bại hoại sự sinh-lý của một gia-đình vậy.

3e Người có gia-đình, trong nhà giàu có, chỉ vì gia-pháp không nghiêm, khiến cho trong một nhà, các con cùng thịt xương, cùng máu mủ mà sinh ra có những sự oán thù kiện cáo, đến bại sản vong gia.

4e Người có gia-đình, vợ nọ con kia, chỉ vì ân ý không công, khiến cho trong một nhà, kẻ mang hờn, kẻ tủi phận, mà sinh ra có những sự chẫm minh thắt cổ, uổng mạng oan gia.

Giở lên hai điều là những người có gia-đình, tự mình cầm chủ-quyền mà không hết chức-trách, làm cho bại hoại sự luân-lý của một gia-đình vậy.

5e Người có gia-đình, để chủ-quyền mất về tay đàn bà, vì nỗi dì ghẻ con chồng mà khiến cho trong một nhà, bố đương đường phú quí, con đi cầu thực tha phương.

6e Người có gia-đình, chủ quyền mất về tay đàn bà, vì nỗi kiêu xa dâm dật mà *khiến cho trong một nhà, giai đầu đĩ* thuốc sái, gái thời cờ bạc trai lơ.

7e Người có gia-đình, chủ-quyền mất về tay đàn bà, vì nỗi nuông con chiều con, gả bán cho con, mà khiến cho trong một nhà mất ân mất nghĩa, mất danh mất giá, cho anh hờn em giận, kẻ nhiếc người chê.

Giở lên ba điều, là những người có gia-đình, tự mình đánh mất chủ-quyền, không hết chức trách, làm cho bại hoại sự luân-lý của một gia-đình vậy.

Những người có gia-đình, không hết chức-trách mà làm cho trong một nhà đến bi sầu thảm đạm, tưởng không biết bao nhiêu là tình sự khác nhau ; nay chỉ lược tả những cái chân-tướng biểu biểu như đó, đủ thấy rằng chức-trách của người có gia-đình là trọng yếu, mà câu truyện gia-đình của xã-hội thực đáng lưu tâm vậy.

Xã-hội muốn văn-minh, phải trông ở gia-đình không hủ bại ; gia-đình muốn được không hủ bại, phải trông ở người có gia-đình hết chức-trách. Hiện nay, những ai là người có chức-trách gia-đình, nếu có lòng yêu đến xã-hội mà muốn cho văn-minh, xin hãy tự một gia-đình riêng, làm cho được hoàn hảo mỹ mãn. Nay thử nghĩ như một cái gia-đình nào, việc luân-lý nghiêm chính, việc sinh-ly phát đạt, các việc nhật dụng thường hành, sự sự hợp nghi, tưởng cũng là hiếm có. Nếu trong xã-hội có được nhiều những cái gia-đình như thế, quá nửa là những cái gia-đình như thế, thời cái nền văn-minh dẫu chưa xây, đã cao được quá nửa, lo gì xã-hội không văn-minh. Nếu trong xã-hội chỉ nhiều những cái gia-đình như đã tả ở trên kia, cùng kết hợp để xây nền văn-minh, tưởng chỉ như vua Thục đắp thành Loa, một ngày khó vững vậy. Hiện nay, những ai là người có gia-đình, nếu tự xét trong gia-đình, các việc đã hoàn hảo mỹ mãn, thời không phiền dám nói đến ; ai nếu tự xét trong gia-đình mà còn có khuyết-điểm, thời xin cùng nhau hết chức trách, cho xã-hội mong nhờ.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Công cáo các nhà Thực-nghiệp

Xin có nhời công cáo các nhà thực-nghiệp trong nước ta, hết thảy nông, công, thương, sự làm ăn của ai có đặc-sắc hơn chúng, mong rằng cứ thực tường biên, gửi lại cho Bản-chí ; Bản-chí xin đăng tải vào phần thực-nghiệp, để công chúng cùng biết. Đó là chức-vụ của Bản-chí đối với xã-hội, không tính phí quảng-cáo. Nếu như việc làm bình thường, không có đặc-sắc thời Bản-chí không nhận đăng tải, mong lượng miễn cho.

An-nam-tạp-chí cẩn cáo

實業之部

VIỆC TÀM TANG

Trong các thực-nghiệp, muốn cho được hoàn hảo, tất phải khảo xét tường tận. Như nghề giồng dâu, phải biết chất đất thế nào, có mấy phần hữu cơ chất, mấy phần vô cơ chất . . . . Nghề nuôi tằm, phải biết kiểu xưởng tằm của nước Ý thế nào, kiểu xưởng tằm của nước Nhật thế nào. Như thế thời công trình to nhớn xa rộng, không thích hợp với bình dân xã-hội. Nay một phần thực-nghiệp của Bản-chí, là chuyên đối với bình-dân xã-hội, cho nên trong việc khảo cứu dịch thuật, cốt lấy những điều dản dị bình thường, tiện cho khắp thầy các nhà thực-nghiệp chốn dân quê có thể theo mà thực hành, hoặc có bổ ích đôi chút. Phàm các bài khảo về thực-nghiệp sau này, đều theo ý thế vậy.

An-Nam Tạp-Chí

CÁCH GIỒNG DÂU

Muốn cho nghề tằm tơ được phát đạt trước hết phải chú ý ở việc giồng dâu, dâu có tốt thời tằm mới tốt. Vậy nên việc giồng dâu là sự quan yếu trong nghề tằm tơ vậy.

Cây dâu chẳng những chỉ dùng về việc nuôi tằm mà thôi; lại còn được nhiều việc khác: gỗ dâu có thể dùng mà chế đồ; vỏ dâu có thể dùng làm giấy; quả dâu có thể dùng ủ rượu. Coi đó, công dụng của cây dâu cũng to nghề giồng dâu thực là một mối lợi rất nhớn vậy.

Kén đất — Cây dâu là một thứ thực-vật mạnh sống, chẳng cứ chất đất ráo hay ẩm, rắn hay bở, đều có thể phát sinh được; nhưng mà giồng ở chỗ nào chất đất sốp bở và mềm ẩm thời hơn nhất là chỗ đất phù sa thời càng là tốt lắm

Cách giồng. — Giồng dâu không nên giồng mau, dâu vườn nên giồng cây nọ cách cây kia độ năm sáu thước, khi giồng phải đào hố sâu độ một thước, rộng độ hai thước, trộn đồ bón với đất bùn đổ vào cho đầy, rồi đánh dâu con, rửa cho sạch, bỏ hết rễ thối, giồng vào; khi giồng phải vuốt rễ cho thẳng, nếu để cong queo thời cây dâu lâu bén chân.

Cây dâu con rất dễ giồng, dẫu bỏ trên mặt đất trong vài mươi ngày, nếu rễ chưa khô, dem giồng cũng sống.

Giồng dâu nên giồng từ mùa đông thời hơn, để đến tháng hai tháng ba mới giồng thời hay sinh sâu.

Làm cỏ. — Giồng dâu cũng như cấy lúa, cần phải làm cỏ luôn, một là để cho cây dâu khỏi bị những thứ cỏ ấy chia sẻ bớt những chất mầu trong đất; hai là làm cho khối đất sốp bở, thời không-khí dễ thấu, nước mưa dễ ngấm, đồ bón dễ tan, cây dâu dễ hút nước mầu thời mới chóng tốt. Đại khái mỗi năm nên làm cỏ bốn lần: lần thứ nhất

vào độ cuối mùa xuân, trước khi dâu mọc mầm; lần thứ hai, sau khi bắt đầu, hái lá; lần thứ ba vào khoảng mùa hè; lần thứ tư vào khoảng mùa thu, sau khi lá dâu đã lụi. Trong bốn lần ấy, lần đầu, dâu mới mọc mầm, việc làm cỏ chỉ nên sới nông; lần cuối, dâu đã lụi lá, thời nên đào sâu; còn hai lần dữa, nên đào vừa vừa, không nông lắm, không sâu lắm. Mỗi lần làm cỏ lại phải bới nhặt đá sỏi, cho rễ cây khỏi vướng, rồi lại phải vun đất vào gốc dâu như cũ.

Mỗi năm đến cuối mùa đông, nên đào hoặc cuốc, hoặc cày những đất ở gần gốc cây, phơi cho ải; đến mùa hè đập nhỏ đất ấy, vun vào gốc, thế thời dâu, hốt mà không hay có sâu.

Tra đồ bón - Đồ bón tức là một thứ bổ dưỡng cho loài cây, bất cứ dâu vườn dâu đồng, cần phải năng tra đồ bón; nếu không thời mầu đất mỗi ngày một sác, thân cây mỗi ngày một cằn, lấy đâu có lá xanh mầm tốt. Bởi vậy, muốn cho đất khỏi sác, cây khỏi cằn, thời mỗi năm ít ra cũng phải tra bón hai lần, hay là ba lần. Nếu bón hai lần, thời lần đầu nên bón từ mùa xuân, sau khi đã làm cỏ lần thứ nhất, dâu sắp mọc mầm; lần thứ hai, vào mùa hè, sau khi mới hái lá. Nếu bón ba lần thời lần thứ ba vào khoảng mùa thu, sau khi đã làm cỏ lần cuối cùng.

Đồ bón dâu cũng như đồ bón lúa, muốn dùng thứ gì cũng được, nhưng có pha đất phù-sa thời tốt hơn: nếu vườn dâu xa sông, không tiện lấy đất phù-sa thời nên pha đất bùn ao. Lúc bón thời đào hố hay rãnh ở gần gốc dâu, sâu độ năm, sáu tấc, tra đồ bón cho đầy, rồi lấp đất lên.

Xửa cành. - Dâu giống trong một năm, thân cây đã nhớn, cành tràn bốn mặt rườm-rà, như tàn như tán; nếu cứ để vậy thời cây đậm quá, mầm trồi tất phải gầy nhỏ, lá mỏng dần đi, nên phải sang sửa luôn luôn. Chỗ nào thưa thời nuôi thêm mầm; chỗ nào mau thời cắt bớt nhánh; mỗi năm lại phải cắt bớt cành khô, cành sâu; cành già năm trước cũng ắt bớt đi, chỉ để một vài cành nhớn, thời sang năm dâu mầm mới to, lá mới dầy.

Trừ sâu. - Cây dâu nào giống chưa lâu năm, bón tưới nhiều, vun sới nhiều, mà tự nhiên lá vàng cằn, nhiều cành khô chết, đó là có sâu. Sâu dâu có hai thứ: một thứ ăn trong lớp vỏ cây; một thứ ăn ngoài vỏ. Thứ sâu ăn trong lớp vỏ cây, tức là con giống sén tóc (thứ sâu này lâu ngày biến hình, lại thành con sén tóc), miệng có hai nanh sắc như kéo, có thể cắn đứt mầm cây và cành cây. Khi con sén tóc sắp đẻ, cắn thủng vỏ cây, rồi đẻ trứng vào trong. Nếu thấy cây dâu có chỗ chảy nhựa, chính là chỗ con sén tóc đã đẻ, phải khoét chỗ vỡ ấy, tìm lấy những hạt nhỏ như hạt gạo giết đi cho hết; hạt nhỏ ấy tức là trứng nó mà rồi sau sẽ thành sâu. Nếu không biết trước, trứng ấy nở ra thành sâu, tất đào hang trong thân cây mà ở. Lúc ấy phải tìm cửa hang (là chỗ có mọt gỗ đùn ra), lấy giây thép xiên vào; thời sâu phải chết. Nếu hang sâu quá, giây thép xiên không tới, thời lấy bách-bộ (vị thuốc bắc có tính sát trùng), thái nhỏ ngâm nước mà rỏ vào trong hang; hoặc lấy dầu ta rỏ vào, thời sâu cũng chết. Rỏ nước hay dầu để giết sâu, nên kén những ngày đầu tháng mà rỏ về buổi sáng, vì các giống sâu, về những đầu tháng thời ăn giở lên và mỗi buổi sáng bò ra cửa hang đi hút hơi sương, nếu lúc ấy rỏ thuốc hay dầu vào hang thời sâu dễ ăn phải mà

chết. Thứ sâu ấy đã ăn vào cây mà không trừ ngay, dần dần đục mãi xuống gốc, cây dâu phải chết.

Thứ sâu ăn ngoài vỏ cây, hình dáng như con tằm mà nhỏ hơn, chỉ ăn lá dâu. Cái lá nào đã bị nó ăn thời chỉ còn sơ, mà cây cũng vì thế phải chết. Cách trị thứ sâu ấy thời lấy lá thuốc lào, thuốc lá, hoặc bách-bộ, đâm nhỏ hòa với nước, rồi dùng chổi quét vào lá dâu, sâu ăn phải lá thuốc thời chết. Hễ thấy cây dâu nào có thứ sâu ấy thời nên trị ngay, nếu trậm vài ngày, sâu già quấn tổ như kén, rồi hóa con ngài đẻ trứng vào cây, trứng ấy lại nở thành sâu, thời không thể nào trừ xiết.

Hái dâu. — Những lá dâu non bắt đầu nảy ra, trong khoảng tháng riêng, tháng hai, gọi là *dâu lứa đầu*. Dâu ấy hái rồi, lại nảy một thứ lá khác, gọi là *dâu thứ hai*. Dâu lứa đầu phải hái cho hết từ lúc còn non: nếu nhiều quá, tằm ăn không xiết, cũng phải hái bỏ đi. Nếu không hái hết thời sang xuân, lá dâu sẽ cặn mỏng dần. Dâu thứ hai thời không cần bỏ nữa. Khi hái dâu không nên bẻ cành, vì những cành ấy chính là cành sang xuân nẩy lá vậy.

Hái dâu phải có lần lượt, lá già hái trước, lá non hái sau, để lại cho nhớn; và rất không nên hái búp, vì búp để lại trong mươi ngày lại thành lá to; vả lại những lá búp chất vị còn đắng và xít, tằm ăn không tốt.

Khi tằm mới nở, ăn ít, bẫy nên hái những lá tai, (tức là hai lá nở trước ở hai bên búp), vì những lá ấy già hơn, để lại cũng không lớn nữa.

Tằm đã ngủ lần thứ hai (ta gọi tằm ăn hai), đã ăn nhiều dâu, nếu hái lá tai không đủ, phải hái thêm lá ngọn. Lá ngọn là những lá búp đã nở hết, ở trong không còn búp non, dẫu để lại cũng không lớn thêm bao nhiêu.

Từ lần ngủ thứ ba (ta gọi tằm ăn ba) giở đi, tằm ăn càng nhiều, nhưng hái dâu cũng nên trọn những lá non hái trước; đến khi ăn rồi, sẽ nên hái cả một lượt. Song trong một ruộng dâu, cũng có cây sớm cây muộn: khi hái cả lớp, cũng nên trọn cây già hái trước, cây non hái sau, thời lá dâu nhớn được hết sức mà sôi nhiều.

Những lá ngọn hái cho tằm ăn trong lần ngủ thứ hai, không nên hái mãi một cây; nếu một cây dâu năm nào cũng bị hái ngọn thời không bao lâu sẽ cỗi. Vậy nên khi hái lá ngọn, cũng phải chia có lần lượt: mỗi cây cách một năm sẽ hái một lần, năm nay hái cây này, sang năm hái cây khác, như thế thời không hại cây.

Cây dâu nào già, hoặc khô, hoặc rỗng ruột, đó là cây sắp lụi, phải giồng sẵn ngay một cây bên cạnh; cây cũ chết thời chặt đi cho cây mới lên. Nếu không muốn giồng cây khác, thời cưa ngay thân cây sắp lụi ấy đi, chỉ để cái gốc cao độ 4, 5 tấc, rồi bón đất vào, sang năm gốc ấy sẽ nẩy mầm thành cây.

(còn nữa)

Lộc-Hà Ngô-tất-Tố
dịch thuật

NGHỀ NHUỘM THÂM Ở XUÂN-CẦU

Xã Xuân Cầu ngày xưa là Huê-Cầu, về huyện Văn-Giang tỉnh Bắc-Ninh.

Phong dao có câu: *Ai về Đồng-Tỉnh Huê-Cầu? Đồng-Tỉnh bán thuốc, Huê-Cầu nhuộm thâm.* Xem câu ấy thời biết nghề nhuộm thâm ở xã Xuân-Cầu ngày xưa cũng có tiếng vậy. Ai có đến làng Xuân-Cầu, trông thấy mấy cây bàng cổ-thụ

đã mấy trăm năm nay, ấy là một thứ vật liệu rất tốt về nghề nhuộm thâm của làng ấy. Cách nhuộm có hai thứ, mầu vải cũng khác nhau :

1· *Nhuộm thâm đen.* — Trước hết nấu vải cho kỹ, rồi bỏ lá bàng và lá sồi vào, nấu lẫn với vải, nấu độ đến khi những lá ấy không còn tí nhựa nào thời thôi. Trong khi nấu thời ngày phơi, đêm nấu; khi thôi nấu thời phải giữ nước ấy lại để làm nước nhuộm; nhuộm độ năm ngày, đến chiều ngày thứ năm thời lấy bùn ao trát lên trên mặt vải, phơi khô, để một đêm, sáng mai dũa bùn đi rồi, vò thật kỹ cho ra hết nước đục; rồi lại bắt đầu nhuộm lại năm ngày nữa, ngày thứ năm lại trát bùn ao như lần trước, bao giờ mang vải ra dũa bùn rồi, mà không còn thấy nước đục nữa là được.

2) *Nhuộm thâm tràm hay là thâm huyền.* — Cách đánh chàm. — Tháng từ tháng năm cắt cây chàm ngâm vào một cái thùng gỗ to, mỗi ngày một lần đánh cho lá và cây nhũn ra, lấy nước lọc thật kỹ, để cho nước ấy cạn, đông như thạch, thế là nhuộm được.

Khi nhuộm, pha bột chàm ấy bỏ vào cái vại đổ đầy nước, chiều hôm trước quấy cho tuyết chàm nổi lên, khi nào bột chàm lắng trong, mới lấy cái vỉ tre đan sẵn, để vừa khít vào vại, ngăn cho bột chàm khỏi nổi lên; hôm sau lấy nước tuyết mà nhuộm, đến chiều lại đổ nước đã nhuộm rồi vào vại, đánh lấy nước tuyết như hôm trước; nhuộm bao giờ thấy có mầu thâm huyền thời thôi. Thế là cách nhuộm thâm chàm hoặc thâm huyền.

Cách làm mặt vải bóng. — Muốn làm cho mặt vải bóng nhẫy, thời ngay khi dấu nước lá hoặc nước chàm mà đem phơi lần cuối cùng, phải lấy thật nhiều văng (văng làm bằng che, to bằng chiếc đũa, dài hơn khổ vải một ít, hai đầu có đanh nhọn) cắm hai đầu nhọn vào mép vải, cách độ một gang tay một cái. Văng thế là để cho mép vải thẳng khỏi quăn.

Khi nào nhuộm đã được mầu rồi, quấn vải thật chặt vào một cái lõi (lõi tết bằng gai thật nhỏ, tết rõ lắn, to bằng ngón tay cái), lăn cho vải quấn thật chặt vào lõi. Người ta đã có một phiến đá vuông, mặt thật nhẵn, để cuộn vải lên trên, lấy chầy nện thật mạnh, vừa nện vừa lăn cho đều; khi nào sợi vải lì, mặt vải bóng thời thôi. Thế là được vải bóng.

Cách thức nhuộm như vậy, thật là công phu, mất nhiều thì giờ, khi nắng còn chóng; nếu phải độ mưa dầm thời lâu không biết thế nào, mà vải nhuộm lại xấu.

Nghề nhuộm thâm của Xuân-Cầu, tuy không được đẹp như các hạng vải thâm của ngoại-quốc, nhưng mà bền mầu hơn.

Mong rằng các nhà nghề nhuộm thâm ta sẽ lưu tâm tham-khảo nghiên-cứu cho nghề thâm ấy được hoàn-hảo bành-trướng, thời cũng là một mối lợi rất to của dân nước nhà vậy.

Một người ở Xuân-Cầu lai cảo

GIẤC MỘNG CON

Nay tôi muốn in lại quyển **Giấc-Mộng-Con**, mà tìm lấy một bản cũ thực khó.

Vậy ai có mà gửi về cho, xin kính biếu một năm An-nam tạp-chí. — Ai có mà gửi về sau thời thôi.

Nguyễn-khắc-Hiếu bạch.

常識之部

Việc Pháp-Luật

Nói về duyên cách của pháp-luật

Người ta trừ cứ một mình cầy lấy thóc mà ăn, dệt lấy vải mà mặc, làm lấy cửa nhà mà ở, các đồ đạc mà dùng thời mới không cần phải có bè bạn, có đoàn-thể. Người ta chỉ cứ đóng cửa lại ăn no ngủ kỹ, không cần phải mưu việc công-ích, không cần phải tính đường tiến-hóa thời mới không cần phải giao-thiệp với đời. Đã có bè bạn, có đoàn thể có giao-thiệp với đời, thời cần phải có sự đề-phòng để giữ lấy lợi-quyền cho nhau, trừ cái tệ đoan xẩy ra thời mới không đến nỗi loạn trật-tự trong xã-hội. Sự đề-phòng là gì ? Tức là pháp-luật vậy.

Cho nên ở về đời thái-cổ, chữ nghĩa chưa có, phải dùng cách kết thừng ; cách sinh-hoạt chưa có, phải ở lỗ ăn lông, đi làm về nghỉ, sớm tối khù-khì, không biết việc đời là gì, không biết giao-thiệp là gì, không ganh-tị nhau, không cãi-cọ nhau, có cần gì mà phải đề phòng, cần gì mà phải đặt ra pháp-luật.

Kịp đến đời Đường, Ngu, nhân-trí đã tiệm khai, nhân-văn đã tiệm chứ, phong-tục đã dần dần bác-tạp, không được thuần-thúy như xưa, công việc đã dần dần phiền-phức không được thái-giản, như xưa. Nào là Tam-miêu thoán-nghịch, bọn Cung-công làm sằng ; nào là việc trị thủy, nào là việc tuần-thú, sẩy ra biết bao nhiêu việc làm cho quân tướng phải săn-sóc lo ngày lo đêm, ăn không no, ngủ không yên giấc. Từ đấy mới phải đặt ra pháp-luật để làm cách đề-phòng.

Thoạt tiên đặt ra tội đánh đòi, để trừng-trị những người phạm vào khinh-tội, rồi đến ngũ-hình để trừng-trị những người phạm vào trọng-tội, như **mặc** 墨, **tỵ** 劓, **phị** 剕, **cung** 宮, **đại tích** 大辟. **Mặc** nghĩa là ai có tội gì thì khắc chữ vào người, lấy tràm đổ vào, cho không bao giờ phai được ; **tỵ** nghĩa là cắt mũi ; **phị** nghĩa là cắt chân tay **cung** nghĩa là cắt bỏ dương-vật : **đại-tích** nghĩa là tội chém. Ngoài ngũ-hình lại còn những tội phụ thuộc, như **lưu**, 流 **thoán**, 竄 **phóng**, 放 vân vân. Cất ông Cao-Giao làm quan Sĩ-sư để giữ chuyên-trách về việc hình-phạt. Sĩ-sư tức là Hình-bộ Thượng-thư đời bấy giờ vậy.

Đây là cách chế hình, còn cách làm hình thì rất là thận trọng. Phàm gặp tội nghi ngờ thời chiếu theo khinh-tội mà khoan nghị ; sảnh tai thời được phép tha ; đối với việc hình thì phải kính cẩn, vân vân . . . . Xem như thế thì biết thánh-nhân chế hình là một việc bất-đắc-dĩ, vì nhân phong-hội khí-vận bắt-buộc mà phải làm, chớ không phải có ý đặt ra nghiêm-hình trọng-phạt để thi cái độc-thủ bác tước như đời sau.

Đến đời Hạ, Thương, Chu, lại có đặt thêm ra tội **giảo** 絞, tội **lăng trì** 凌遲, **Giảo** nghĩa là bắt tội-nhân phải thắt cổ ; **lăng-trì** nghĩa là sẻo từng miếng thịt. Đời nhà Tần lại sướng hành cái tội **chu-di tam tộc** 誅夷三族, nghĩa là giết cả ba họ : họ người có tội, họ nhà mẹ, họ nhà vợ.

Xem ra đời còn thuần-phác thời không cần phải pháp-luật, đời có văn-minh khai-hóa thời mới cần phải đến pháp-luật; song dựng ra pháp-luật mà dùng đến ngũ hình: **chảm** 斬, **giảo, lăng-trì** và **chu di tam tộc**, thời hại đến nhân-đạo là bao nhiêu, thương đến hòa-khí là bao nhiêu. Tuy lâm hình có lòng chắc-đát, nhưng đã đặt ra thảm hình, tức là bày ra cái cạm để bẫy người đời, người có lương-tâm ai chẳng ngậm-ngùi đau đớn. Cho nên ở vào đời pháp-luật thịnh-hành và nghiêm-khắc như là đời nhà Tống, ông Tô Đông-Pha đã phải có câu diễu đời rằng: « *Độc thư vạn quyển bất độc luật, chí quân Nghiêu Thuấn chung vô thuật.* 讀書萬卷不讀律致君堯舜終無術 ». Nghĩa là đọc muôn vạn quyển sách, mà không đọc luật thời dẫu có muốn giúp vua làm được như Nghiêu, Thuấn, cũng đành chịu phép. Hai câu ấy ở trong một bài thơ của ông đưa cho Vương-An-Thạch, ngụ ý nói rằng: thiếu gì thiên kinh vạn quyển, lại chỉ có luật mới chí quân Nghiêu, Thuấn được hay sao? Nói xa nói gần để hủy báng Vương-An-Thạch không biết cách chí quân, không biết tỉnh hình-pháp để giữ lấy hòa-khí cho thiên-hạ.

Đời Hán Văn-đế có Thuần-vu-Khôn làm quan giữ kho mắc tội, con là nàng Đề-Oanh sợ cha bị hại, dâng thư xin thế mình thay tội cho cha, lời lẽ rất bi-ai thảm-đạm. Vua Văn-đế cảm lời nói của nàng có nghĩa tư-tưởng, có lòng hiếu-thảo, bèn hạ lệnh trừ bỏ nhục-hình, nghĩa là bỏ hết cả những thảm-hình làm đến hại thi-thể người ta, mà rồi dần dần đổi ra **xuy, trượng, đồ, lưu, tử,** 笞杖徒流死. Ấy nhục-hình tỉnh giảm từ đấy, mà kẻ đời sau mới khỏi nghe cái tiếng đồ oán bi-ai của kẻ oan-dân, khỏi trông thấy cái hiểm-tượng phanh xé băm vằm của bực tàn-bạo.

Nước ta theo văn-hiến của Tàu, chính-trị là chính-trị tầu, pháp-luật là pháp-luật tầu, tuy lịch-đại có chàm-trước, tùy quốc-tục dân-phong mà thay đổi ít nhiều; song thay đổi thêm bớt chẳng qua thuộc về chi điều ngạnh khái mà thôi, chứ đến cái cốt-tử thời không bao giờ thay đổi. Hình-luật nhà Đinh nhà Lê thì giản-lược, nhưng quá ư nghiêm-khắc; hình-luật nhà Lý, nhà Trần, nhà Hậu-Lê thời có khoan từ, nhưng lại quá ư phiền toái. Đến đời vua Gia-Long tham-thái luật Tàu, nhân thời-thế phong-tục trong nước, trâm-trước biệt lập ra bộ Quốc-triều hình-luật, tiết-mục rõ-ràng mà có thứ tự, điều khoản chu-đáo mà không phiền-phức, thực là một bộ luật có giá trị nhất từ khi mới lập quốc đến giờ. Mấy trăm năm nay, ta vẫn theo luật ấy không có cái gì tệ, không có cái gì là không thích nghi.

Tuy nhiên, dân-trí mỗi ngày một khai-thông, phong-tục mỗi ngày một biến-đổi, pháp-luật cũng phải tùy thời mà biến thông, thì buổi nào, kim-cương ấy, không thể giao trụ mà cổ sắt được. Nước Đại-Pháp nhân trình-độ của dân ta và cái phong-trào khích-thích ngày nay, xửa đổi lại hình-luật và cách tổ-chức việc tư-pháp cho hợp thời. Bắt đầu từ năm 1918 đã thi-nghiệm thi-hành ở Bắc-kỳ một bộ hình mới. Bộ luật này nhân luật cũ Gia-Long và tham-bác những điều cốt-yếu của luật bên Pháp mà soạn thành. Thoạt tiên còn thi-nghiệm thi-hành một vài tỉnh, sau xem ra rất hợp với trình-độ dân ta; sau khi thi-hành không có ngăn trở chút nào, thì dần dần đem ra thi-hành suốt cả toàn hạt. Hiện nay thì đã là một bộ luật có giá-trị rất quan-hệ cho quốc-dân. Còn luật Dân-sự và Thương-sự thời hiện đương xửa soạn chửa song. Phàm những việc thuộc về luật Hộ thì nhất thiết hãi tạm dùng luật cũ đời Gia-Long.

Nước ta bây giờ có hai Chính-phủ: Chính-phủ Nam-triều và Chính-phủ Bảo-

hộ. Vì có hai Chính-phủ cho nên luật cũng phải chia ra có hai thứ: Luật nước Pháp và luật An-nam. Luật Pháp là để xử những việc thuộc về dân Pháp và các dân ngoại-quốc; luật An-nam là để xử những việc chuyên thuộc về dân An-nam. Nghi phục về pháp-luật thời có chia ra áo đen và áo đỏ, nghĩa là phiên xử án, các quan-chức mặc **áo đen** hoặc **áo đỏ** để tỏ ra có ý thận-trọng về pháp-luật vậy.

Thế nào là **áo đen**? Nguyên tây-phương lấy sắc đen làm giấu bi-ai, tức như là lấy sắc đen làm giấu tang-chế. Việc hình-án rất quan-hệ đến lợi-quyền tính-mệnh của người ta, làm sao biện cho rõ khúc trực, làm sao cho thấu được điều oan uổng của dân, thực đáng thận-trọng lám lắm. Khi làm-hình mặc áo đen là lấy giấu bi-ai làm cho người ta phải đem lòng bi-ai đối với pháp-luật, để cho được thận trọng và khỏi nhỡ có điều gì sơ-xuất, cũng như ta có chữ « tuất hình » vậy.

Thế nào là **áo đỏ**? Tòa án **áo đỏ** tức là tòa án Đại-hình. Hòm xử đó, phần nhiều có những việc đại-gian đại-ác, phải dùng đến luật xử-tử, các hlưu-huyết. Đó tức là lấy nghĩa giọt máu đào, lấy sắc máu để làm giấu-hiệu, cũng là một cách thận hình-phạt vậy.

Ấy là duyên-cách của pháp-luật; còn đến ý luật thì rất là thâm-thúy, nghĩa luật thì rất la gian sáp, xem luật phải để ý tứ mà suy cầu, mới có thể hiểu thấu được tinh-thần của luật, khám-phá được thâm ý của người làm luật. Ta hãi dẫn qua một vài đoạn rất giản-dị mà coi:

Luật định giết người thì phải tội; nhưng giết người vì cách hộ-vệ chính-đáng thời lại được khoan-miễn. Tòa Phúc-thẩm đã kết-nghĩ chung-thẩm rồi, nhưng lại có khi được lấy giấy má chứng-thực tội oan xin tái-thẩm, như là một việc mới sẩy ra. Hai người nguyên bị kiện nhau, tòa đã phân sử phải trái và kết-liễu việc ấy rồi, thế mà người thứ ba (tức là người xưa nay vẫn đứng ngoài công việc kiện ấy) lại được phép đứng ra can-thiệp làm cho sự kết-liễu trước lại hóa ra vô-hiệu. Cùng là một sự bán con, nhưng bán cho người trong họ-đương tộc-thuộc thì không sao, bán con cho một người ngoài thời phải tội khổ sai. Cùng là một sự thông dâm, nhưng thông dâm với trẻ con vị-thành-nhân và đàn-bà có chồng thì có tội, thông dâm với đàn-bà chưa chồng và con gái đến tuổi thời lại hóa ra vô tội. Luật định giết người vì cách hộ-vệ chính-đáng thì được khoan miễn, vậy thì súc vật của hàng xóm vào ruộng đất của mình hiện có reo giồng cây cối, mình ném hoặc đánh chết để giữ lấy hoa-lợi của mình, sao lại có tội? Tức như điều thứ 302 tiết thứ tám trong bộ hình-luật: « Người « chủ sở-hữu hoặc người thuê mướn « không có sự gì cầu-thiết mà tự-tiện giết « hay là đánh bị thương những voi, ngựa, « trâu, bò, và gia-thú gia-cầm của người « ta chạy vào trong nhà của mình, hoặc « trong sân vườn có rào giậu, hoặc những « nơi phụ-thuộc với nhà cửa của mình, « hoặc trong ruộng đất của mình, hiện « có reo giồng hoặc có nông-vụ chưa « thu-hoạch hay đã thu-hoạch mà còn « để đống, thời phải bị phạt giam từ sáu « ngày đến một tháng và phạt bạc từ 7 « đồng đến 10 đồng; vả lại phải bị bồi-« thường một khoản tương-đương với « vật bị sát thương ấy cho người chủ « sở-hữu bị hại »

Ấy trong luật biến-hóa ly-kỳ, thiên-hình vạn-trạng đến như thế, khiến cho ta đọc mà phải ngạc-nhiên, khiến cho ta đọc mà phải suy nghĩ mãi không tìm được mành mối, không hiểu được căn

nguyên. Thế mới biết ý luật hay mà tinh, nghĩa luật rộng mà khó. Ta đọc luật không chịu để tâm suy cứu cho thật hiểu thấu thời tài nào đi cho khỏi lầm đường, khỏi vì pháp-luật làm cho ta phải hối hận, cũng như uống thuốc lầm phương, chính thuốc lại làm hại cho ta vậy.

Bởi vậy, ở vào đời giao-thiệp cạnh-tranh này, ta phải lấy pháp-luật làm cái hộ-phù cho ta, ta phải hiểu thấu pháp-luật để giữ lấy quyền lợi của ta, để giao-thiệp với đời một cách chính-đáng, khỏi phải đứng vào cái địa-vị thiệt-thòi suy kém. Ta lại nên đọc nhắc lại câu thơ phúng thế của ông Tô Đông-Pha : «Độc thư vạn quyển bất độc luật, chí quân Nghiêu Thuấn chung vô thật.» Câu ấy nguyên là câu lấy nghĩa xa-xôi bóng-bẩy mà diễu đời, nay ta dùng câu ấy lấy nghĩa đen và nghĩa chính mà phản lại làm câu khuyên đời.

Bài này chuyên nói về duyên-cách của pháp luật ; từ kỳ sau giở đi, sẽ có những bài giảng-giải nghĩa luật, thích-dẫn ý luật, thỉnh-thoảng lại có bài thí-dụ để cho ai xem cũng dễ hiểu ngay, ai cũng có thể ngồi ở trong nhà mà nói truyện luật-pháp một cách rất thông-thạo tinh-tường, cũng như là đã từng bước chân vào trường luật-học vậy.

Sơn-Xá Lê-Khắc-Hoa
Đông-Dương Tư-pháp

MỘT CÁCH ĐO RUỘNG GIẢN DỊ

Cách đo ruộng của nước ta, trong những mẫu, sào, thước, tấc, có nhiều số bực ngoắt ngoéo; như một sào 15 thước, 1 phân 6 ly, hay là một miếng 9 than, 1 than 25 ô v. v. . . Vì thế, trong phép tính ruộng của ta cũng có một chút lôi-thôi khó-khăn. Vả lại trước ta đo ruộng vẫn dùng phép tính Trạng Lường, phép ấy tuy cũng đúng, nhưng mà cách tính vắn-tắt khó hiểu, xứ quê ít người học biết. Gần nay phép đo ruộng có nhiều cách mới, như đo ống ròm, đo ảnh, vân vân. . . lại có một lối bình-dị, là đo thành sào mẫu tây, mà so đổi sang sào mẫu annam ; những cách đo ruộng ấy thật là tinh tường nhanh nhẹn, hiềm vì không hợp cho thói quen của người thôn quê. Phép đo ảnh, đo ống ròm thì người quê cố-nhiên không mấy kẻ biết, mà cách đổi sào mẫu tây sang sào mẫu annam, cũng là một điều khó hiểu cho xã-hội ở chốn hương thôn. Vì vậy tôi tham-bác lối mới, lối cũ thử làm ra một phép đo ruộng giản-dị, có thể khiến cho những người có chút ý sáng nhân đó mà biết cách đo ruộng ; như vậy tưởng cũng có ích cho sự cần dùng của dân quê ta ngày nay vậy.

Các tên số bực dùng trong sự đo

Số bực dùng để đo bề giài.

Đo bề giài có 2 thứ số bực 1° là số bực ăn-mười, 2° là số bực ăn-năm. Những số bực ăn-mười là :

Thước. — Đo bề giài theo số bực ăn-mười thì lấy thước làm unité. Thước ta xưa vẫn lấy 17 đồng tiền Gia-long làm chuẩn đích, nhưng bây giờ tiền ấy lâu ngày, quanh cạnh mòn sất, đồng to, đồng nhỏ không đều nhau ; nếu cứ theo như phép cũ, thì sẽ có cái tệ thước giài thước ngắn không nhất định. Vậy nay cứ lấy 4 tấc tây (décimètre) làm một thước. (đánh dấu là (t).

Những số bực nhỏ của một thước là :

Tấc. — tấc là 1 phần 10 của một thước.

Phân. — Phân là 1 phần 100 của một thước.

Ly. — Ly là 1 phần 1000 của một thước.

Vậy thì một thước có 10 tấc, 100 phân, 1000 ly.

Số bực nhớn của thước là :

Trượng. — Trượng là 10 thước (đánh dấu là (tr), so với thước tây (mètre) là :

$$0^m40 \times 10 = 4^m00.$$

Những số bực ăn-năm là :

Ngũ. — Đo bề giài dùng theo số bực ăn năm thì lấy ngũ làm unité.

5 thước là một ngũ (đánh dấu là (n), so với thước tây là :

$$0^m40 \times 5 = 2^m00.$$

Số bực nhỏ của ngũ là :

Gang. — Gang là 1 phần mười của một ngũ.

Các số bực ăn-mười và các số bực ăn-năm so hợp với nhau thì 1 trượng có 2 ngũ, 1 ngũ có 5 thước, 1 thước có 2 gang, 1 gang có 5 tấc. Nói trái lại thì tấc là 1 phần 5 của gang, gang là 1 phần 2 của thước, thước là 1 phần 5 của ngũ, ngũ là 1 phần 2 của trượng.

Đo bề mặt.

Đo bề mặt nghĩa là tìm cái lượng rộng của mặt phẳng nào, như mảnh ván, tấm vải, hay là hồ, ao, ruộng, đất v. v. Cách đo bề mặt thường phải nhân số thước bề giài của cạnh nằm, với số thước bề giài của chiều cao. Như hình vẽ số 1 thì A là cạnh nằm. B là chiều cao.

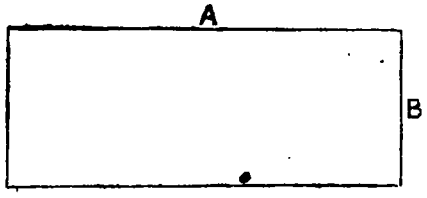

Các tên số bực dùng để đo bề mặt.

Các số bực dùng để đo bề mặt của ta cũng có 2 thứ: số bực ăn-mười và số bực ăn-năm. Những số bực ăn-mười dùng để đo bề mặt là :

Ô. — Ô có tiếng gọi là ghế, ngang một thước, giọc một thước (danh dấu là (Ô), so với thước vuông tây (mètre carré) là :

$$0,40 \times 0,40 = 0^{m}216$$

Đo bằng thước thì lấy ô làm unité.

Những số bực nhỏ của ô là :

Tấc vuông. — Tấc vuông, ngang 1 tấc, giọc 1 tấc. là 1 phần 100 của một ô

Phân Vuông . - Phân vuông ngang 1 phân, giọc 1 phân. là một phần 100 của một tấc vuông, 1 phần 10.000 của một ô.

Ly vuông. — Ly vuông ngang 1 ly, giọc 1 ly là 1 phần 100 của một phân vuông, một phần vạn của một tấc vuông, 1 phần triệu của một Ô. Vậy thì 1 ô có một 100 tấc vuông, 10.000 phân vuông, 1,000,000 ly vuông (xem hình vẽ thứ 2)

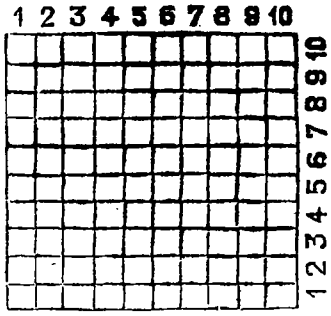

(Hình số 2 này tức như một ô, nghĩa là ngang 1 thước, giọc 1 thước Mỗi ô con tức là 1 tấc vuông).

Số bực nhớn của ô.

Trượng–vuông. - Trượng vuông có tiếng gọi là đấu, ngang một trượng, giọc 1 trượng, đánh dấu là (tr²) . 1 trượng vuông có 100 ô. so với thước vuông tây là :$(0^{m}40 \times 10) \times (0^{m}40 \times 10)$ $16^{m}20000$.

Những số bực ăn-năm dùng để đo bề mặt là :

Ngũ-Vuông. – Ngũ vuông có tiếng gọi là than, ngang 1 ngũ, giọc 1 ngũ, (đánh dấu là (n²) So với thước vuông tây là : $(0^{m}40 \times 5) \times (0^{m}40 \times 5) = 4^{m2}000$.

Đo bằng ngũ thì lấy ngũ vuông làm unité.

Số bực nhỏ của ngũ vuông là :

Gang vuông . — Gang vuông là 1 phần 100 của ngũ vuông. ngang 1 gang giọc 1, gang.

Các số bực ăn-mười dùng để đo bề mặt, so hợp với các số bực ăn năm thì 1 trượng vuông có 4 ngũ vuông, 1 ngũ vuông có 25 ô, 1 ô có 4 gang vuông.

Những tên số bực của ruộng annam.

Mẫu. — Tính các thửa ruộng to thì lấy mẫu làm unité. Theo số bực ăn mười thì ngang 15 trượng, giọc 15 trượng, hay là ngang 150 thước, giọc 150 thước là một mẫu. Vậy thì một mẫu có 225 trượng vuông, hay là 22,500 ô :

$$150 \times 150t = 225 \text{ tr } 200 \text{ ô.}$$

Tính theo số bực ăn năm thì ngang 30 ngũ, giọc 30 ngũ là 1 mẫu. Vậy thì một mẫu có 900 ngũ vuông.

$$30n \times 30n = 900 \ n^2$$

Một mẫu tính ra thước vuông tây là :

$$(0^m40 \times 150) \times (0^m40 \times 150) = 3600 \text{ mètres carrés.}$$

Sào. — Tính những thửa ruộng nhỏ thì lấy sào làm unité, theo số bực ăn mười, thì ngang 1 trượng 5 thước, giọc 15 trượng, hay là ngang 15 thước, giọc 150 thước là một sào. Vậy thì 1 sào có 22 tr 25, hay là 2250 ô.

$$150 \times 15 = 2250 \text{ ô.}$$

Tính theo số bực ăn nằm thì ngang 3 ngũ, giọc 3 ngũ là một sào. Vậy thì 1 sào có 90 ngũ vuông :

$$30n \times 3n = 90 \text{ n2.}$$

1 sào so với thước vuông tây là : $(0^m40 \times 150) \times (0^m40 \times 15) = 360^{m2}$.

Những số bực nhỏ của một sào.

Thước ruộng. — Thước ruộng (Đánh dấu là tv.) là 1 phần 15 của một sào. Tính theo số bực ăn mười, thời ngang 10 thước, giọc 15 thước là một thước ruộng. Vậy thì 1 ruộng có 150 ô.

$$15 \times 10 = 150 \text{ ô.}$$

Tính theo số bực ăn năm thời ngang 2 ngũ, giọc 3 ngũ là 1 thước ruộng. Vậy thì 1 thước ruộng có 6 ngũ vuông.

$$2 \times 3 = 6n^2.$$

1 thước ruộng so với thước vuông tây là :

$$(0^m40 \times 10) \times (0^m40 \times 15) = 24^{m}200$$

(Còn nữa)

NGÔ-TẤT-TỐ

CÁC SÁCH ĐÃ IN CỦA

TẢN-ĐÀ TU THƯ CỤC

Lên sáu	giá	0$10	Truyện Tỷ-Bà	»	0, 50
Lên tám	»	0, 20	Bức tranh lòng son	»	0, 08
Đài gương	»	0, 35	Truyện Trinh-thám Ba-Lan	»	0, 20
Đàn bà tầu	»	0, 25	Truyện Thế-gian quyển nhất	»	0, 30
Thần tiền	»	0, 30	Truyện Thế-gian quyển nhì	»	0, 20
Giấc mộng con	»	0, 38	**Đại-Học**	»	0, 70
Khối tình con quyển nhất	»	0, 18	Sự-tích 18 đời Hùng-Vương	»	0, 20
Khối tình con quyển nhì	»	0, 20	Cẩm-Hương-Đình	»	0, 50
Khối tình bản chính	»	0, 25	Chết sống thuyền-quyên	»	0, 40
Khối tình bản phụ	»	0, 10	**Kinh-Thi** quyển nhất	»	1, 50
Còn chơi	»	0, 30	Quốc Sử huấn mông	»	0, 60
Tản-Đà tùng văn	»	0, 30	Thơ Tản-Đà	»	0, 20

Các sách này có bán tại Tản-Đà Thư-Điếm

58, Hàng Bông — HANOI

文學之部

NHỜI LUẬN-THUYẾT GIẢI VỀ NGHĨA THIÊN-LƯƠNG

Nhời luận thuyết giải về nghĩa thiên-lương, ta lưu ý đã hơn mười năm nay, vẫn định có một ngày soạn thành một quyển sách ; song một vì sức học nông nổi, hai vì bước gặp rối bời, cho nên chí nguyện chưa thỏa. Có được thỏa cái chí nguyện ấy chăng nữa, ít cũng ở mười năm về sau. Nay nhân trong thì giờ biên tập An-Nam-tạp-chí, lược thảo những ý kiến về nhời luận thuyết đó, trình chính các bực cao nhã quân-tử trong xã-hội ; còn như tiết mục thiên chương, cho được có trật tự tường minh, xin đợi khi khác vậy.

ĐẠI-NGHĨA CỦA HAI CHỮ' THIÊN-LƯƠNG

Nói về phần chung của nhân loại

Thiên-lương là gì ? là một vật rất tự nhiên tinh thủy, có ba nguyên-chất, phát sinh tự ở người mà ra, khai hoa kết quả, làm một thứ không-khí thứ hai của loài người vậy.

Ba nguyên-chất của thiên-lương là gì? Một là *lương-tri*, là cái tri-giác rất tự nhiên tinh thủy; hai là *lương-tâm*, là cái tâm địa rất tự nhiên tinh thủy ; ba là *lương-năng*, là cái năng-lực rất tự nhiên tinh thủy. Ba nguyên-chất đó ở trong người, ấp làm một khối, như một hạt giống có ba mảnh đặt nằm ở dưới đất ; sau lúc đã phát sinh thời chia làm ba ngành. Ba ngành đó mỗi ngày mỗi nhớn, khai hoa kết quả, làm cho loài người được hưởng thụ mà có cái quang-cảnh như ngày nay. Nay chia nói như dưới :

1° **Lương-tri**. -- Một ngành lương-tri, sau lúc đã nhớn lên thời làm phần **trí** của nhân loại. Nghĩ như loài người từ lúc còn ăn lông ở lỗ, cho đến có nhà cửa, ăn thức chín ; cho đến có thuyền đi nước, xe đi cạn ; cho đến có máy hơi nước, đèn lửa điện ; cho đến có hàn-thử-châm, phong-vũ-biểu, tiềm-đĩnh phi-cơ. Ấy đều bởi một chất lương-tri phát sinh tư tưởng, mà khai hoa kết quả như thế vậy.

2) **Lương-tâm**. -- Một ngành lương-tâm, sau lúc đã nhớn lên thời làm phần **đức** của nhân loại. Nghĩ như loài người từ lúc còn chưa có vợ chồng, cha con, anh em, vua tôi, bè bạn ; cho đến có luân thường đạo lý của gia-đình xã-hội ; cho đến có hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, xỉ ; cho đến có những sự sát thân thành nhân, xả thân cứu thế của các bực nhân-nhân quân tử, đại-thánh đại-hiền. Ấy đều bởi một chất lương-tâm, phát sinh tư trưởng mà khai-hoa kết quả như thế vậy.

3) **Lương-năng**. -- Một ngành lương-năng, sau lúc đã nhớn lên thời làm phần **tài năng** của nhân loại. Phàm loài người có những tài năng, nhỏ như cầm kỳ, thi, họa, sạ, ngự, thư, số ; nhớn đến thánh văn thần võ, tế thế kinh bang. Ấy đều bởi một chất lương-năng phát

sinh tư tưởng mà khai hoa kết quả như thế vậy.

Cứ phần riêng mà nói thời giá-trị của lương-năng đối với lương-tri, lương-tâm, như không đủ sánh cùng. Song hai ngành kia đều nhờ sức lương-năng mới được có khai hoa kết quả. Cho nên nói về nghĩa thiên-lương, có thể cứ hai phần **trí, đức** mà lương-năng tự có phần ở trong vậy.

Vậy thời bảo thiên-lương là một thứ không-khí thứ hai của loài người là sao? Loài người ta phải có nhờ không-khí mới sống, chỗ đó cũng như các loài vật; loài người ta phải có nhờ sự khai hoa kết quả của thiên-lương, mới sống được ở trên các loài vật mà làm chúa tể ở trên mặt địa-cầu, cho nên gọi là "*một thứ không-khí thứ hai*" vậy.

Thử nghĩ như loài người hiện nay, nếu bỏ hẳn một phần **trí**, phàm các việc lợi-dụng do *lương-tri* phát sinh tư tưởng, khai hoa kết quả mà làm nên như đã thuật ở điều lương-tri ở trên kia), nhất thiết không có nữa; lại chỉ cứ ăn lông ở lỗ, như mấy vạn năm về trước kia, Vậy thời dẫu có luân thường đạo lý của gia-đình xã-hội, hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân-nhân quân-tử, đại-thánh đại-hiền, cũng chẳng qua chỉ như đàn thỏ đàn cừu, chỉ đủ làm một thức ăn rất ngon cho hổ báo sài lang vậy. Dẫu có sinh tồn chăng nữa, mà cái giá-trị của nhân loại còn đủ kể nữa ru!

Lại nghĩ như loài người hiện nay, nếu bỏ hẳn một phần **đức**, phàm các sự luận-tự do lương-tâm phát sinh tư tưởng, khai hoa kết quả mà làm nên (như đã thuật ở điều lương-tâm ở trên kia), nhất thiết không có nữa; lại không có vợ chồng cha con, anh em, vua tôi, bè bạn, như mấy vạn năm về trước kia; vậy thời dẫu có nhà cửa cao, thức ăn ngon, thuyền đi nước, xe đi cạn; máy hơi nước, đèn lửa điện, hàn-thử-trâm, phong-vũ-biểu, tiềm-đĩnh phi-cơ, cũng chẳng qua chỉ như hổ báo sài lang, chỉ thêm gươm súng làm vuốt nanh mà cắn sé lẫn nhau vậy. Dẫu có sinh tồn chăng nữa, mà cái giá-trị của nhân loại còn đủ kể nữa ru!

Cho nên không có phần **trí** của thiên-lương thời loài người không thể tranh được với các giống ác thú mà sinh tồn; không có phần **đức** của thiên-lương thời loài người không thể cùng nhau mà sinh tồn. Cho nên loài người mà sinh tồn được, là nhờ **trí**: loài người mà cùng nhau sinh tồn được, là nhờ **đức**. Cho nên bảo thiên-lương là một thứ không khí thứ hai của loài người, **trí** là dưỡng-khí, **đức** là đạm-khí vậy.

(sẽ tiếp theo)

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Cuộc du-lãm ở khu thứ nhất về đường xe-lửa Vinh — Đông-hà

Con đường xe-lửa Vinh, Đông-hà mà bấy nay ta vẫn hằng mong-mỏi đợi tin, mà nhất là dân ở các tỉnh sở-tại như Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị, ngày đêm chờ đợi cho chóng hoàn-thành để tiện đường vận-tải các lâm-sản như gỗ lim, chè, cau cùng các thứ thổ-ngơi khác, mà bây giờ vẫn phải chịu cách vận-tải bằng trâu bò, thuyền bè, như hồi năm mươi năm về trước.

Đường xe-lửa đây chia làm ba phần: phần thứ nhất từ tỉnh-ly Nghệ-an đến Tân-ấp, là địa phận Hà-tĩnh; phần thứ nhì từ Tân-ấp đến Ngân-sơn, là địa phận Quảng-bình; phần thứ ba từ Ngân-sơn đến Đông-hà là địa-phận Quảng-trị.

Nay ta hãi nói về phần thứ nhất và lược-thuật về thổ-sản các Ga từ Vinh đến Tân-ấp thì Ga nào cũng đã đặt bàn giây-thép và mọi sự đã xếp đặt chu-tất cả rồi. Đường sắt này đã đặt song đến Tân ấp dài 89 kilomètres cả thảy, đường đá đã rải song lượt thứ nhất, còn lượt thứ hai đã được gần 50 kilomètres vào quãng hai ga Phượng-trạch và Thanh-luyện. Cứ như ý-kiến quan Chánh kỹ-sư quan Đốc-đường Vinh, Đông-hà thì sang tháng tám tây này xe lửa đã có thể chạy suốt từ Hanoi vào tới Tân-ấp được.

Ký-giả nhân mới vâng lệnh quan trên vào công-cán trong mươi hôm thì công việc xem ra đã tấn-bộ lắm; tiện đây xin ghi chép những điều mắt thấy tai nghe để công đồng-lãm cũng không phải là vô-ích vậy.

QUÃNG ĐƯỜNG TỪ VINH ĐẾN TÂN-ẤP

Từ Vinh đến Yên-xuân	10km350
Từ Yên-xuân đến Chợ Thượng .	7 , 500
Từ Chợ Thượng đến Phùng-công.	8 , 300
Từ Phùng-công đến Yên-Duệ . .	5 , 676
Từ Yên-Duệ đến Hòa-duyệt . . .	6 . 424
Từ Hòa-Duyệt đến Phượng-trạch	6 , 536
Từ Phượng-trạch đến Thanh-luyện	5 , 641
Từ Thanh-luyện đến Chu-lễ. . . .	10 , 303
Từ Chu-lễ đến Gia-phổ.	3 . 970
Từ Gia-phổ đến Lộc-yên	4 , 550
Từ Lộc-yên đến Phúc-trạch. . .	7 , 285
Từ Phúc-trạch đến La-khê. . . .	6 , 878
Từ La-khê đến Tân-ấp.	5 , 530

Cứ như lời huyền-truyền thì nào ma thiêng, nước độc, hổ thét, voi gầm, chung quanh vẫn đất nước nhà, mà coi hình như Côn-lôn La-bảo; nhưng nghiệm xét ra thì người mình, mà nhất là bọn lao-động thường hay ăn bậy uống càn, không có chút chi là vệ-sinh cả, nên mới sinh ra bụng ỏng mặt vàng, thịt da gầy bủng. Một người điền-tốt ở chốn thôn quê, tuy cơm hầm cà kho, nhưng khí-hậu vẫn lành, nay ứng-mộ vào chân phu làm mỏ hay làm đường, cơm thì cơm nắm, cá thì cá khô, khi nước suối, lúc nước ngòi, suốt ngày lao-động, đương khi nóng bức hôi-hôi bồ-kê nhễ-nhại, cũng nhảy ngay xuống suối cho thỏa chí vẫy-vùng. Đêm đến giải bãi nằm rơm, hay cái liếp, có khi quét sạch đất làm giường nằm, thủy thổ đã bất-phục lam-chướng lại nặng-nề, làm gì cái ốm chẳng giắt đến ngay, đến lúc rét lại chùm chiếu ra phơi nắng, cơn sốt vì thế lại nặng thêm, dẫu mỗi ngày được vài viên ký-ninh cầm sức cũng chẳng lại nào; không làm được lại chẳng có lương, bệnh-viện chẳng có, lắm người phải ôm chiếu hành-khất mà về. Tưởng các nhà có trách-nhiệm về việc di-dân cùng các ông chủ thầu cũng nên để tâm đến vậy.

Đây là những cảnh-tượng hằng ngày ký-giả thường được mục-kích trong khi qua Tân-ấp La-khê. Lại để về bên tay phải đi vòng quanh một chút, rồi cứ thẳng đường đi qua những nơi đồng-điền bát-ngát, thì đã đến ngay ga Yên-xuân, là nơi thóc gạo đã nhiều, trứng gà trứng vịt cũng lắm. Dân-cư ở đây rất là đông-đúc, mà có vẻ trù-phú hơn cả miền này; gỗ gụ, gỗ lim, gỗ giẻ, gỗ táu, ở Linh-cảm tải ra đều do con sông này tải về Bến-thủy. Nay ga đã liền sông, lại có con đường xuống bến thời sự vận-tải còn gì tiện-lợi cho bằng.

Đường xe lửa sở-dĩ phải cản nảnh về mạn trong này, không qua tỉnh-lỵ Hà-tĩnh, là vì muốn tránh các chỗ khó-khăn như sông Giành (Linh-giang) như đèo Ngang thời thiệt-thòi cho ta không được ngoạn-cảnh chuông nhà Hồ, phá Tam-giang, nhưng ta muốn tắt ngang sang Lào thì lại tiện lợi lắm. Vì

sở xe lửa đương cắm con đường từ Tân-ấp qua Savannakhet đến Takhet ảv Vientiane; đợi khi song con đường Đông-hà thời con đường Tân-ấp Takhet sẽ bắt đầu khởi-công, nếu con đường này được như-ý, thì không những mỏ vàng ở Xieng khouag, mỏ thiếc ở Cammôn tiện đường khai-khẩn, mà những bò ở Nong-khay, thóc gạo ở Savannekhet cũng dễ đường vận-tải.

Lại theo đường cũ mà đi thời phải qua một cái cầu dài hơn bẩy trăm thước coi từa-tựa như cầu Hàm Rồng mà có bay dịp. Suốt từ Hanoi vào Huế, cái cầu này tuy không được hùng-vĩ như cầu Hàm Rồng, cái vẻ thanh-kỳ thật là có một không hai, tuy dài mà xinh-xắn, không rộng nhưng gọn-gàng, cái tài tinh khéo của các công-trình-sư đã mất bao công tô-điểm mới được hoàn-thành. Nghĩ giá thử vào nơi đô-hội, thì chiều chiều đã rao-nức những tài-tử giai-nhân. Thế nhưng đây thời chỉ là một cái cảnh thanh-tao tịch-mịch, ngoài giăng trong gió mát, duy có nước biếc non xanh.

Ga chợ Thượng ở vào dữa địa-phận làng chợ Thượng và Thọ-trường, phiên chợ ăn vào ngày bốn và ngày chín, thổ-sản có tơ lụa là nhiều, chợ đây vừa to vừa rộng và đông hơn cả miền này, nhân có con sông chẩy qua, nên cái cảnh trên bến dưới thuyền cũng có vẻ náo-nhiệt, mà việc buôn bán cũng nhân đó mà ngày một sầm-uất thêm, nay lại có con đường sắt chạy từ bến lên ga thì việc vận-tải lại càng được tiện-lợi mọi bề. Cái cầu trên sông chợ Thượng tuy chỉ có ba dịp nhưng trông cũng có vẻ khả-quan. Đi đến ga Phùng-công thì trông ra khác hẳn, phong-cảnh đìu-hiu, dân-cư thưa-thớt, vì con sông ở đây không được lành, nên nhiều người mặt bủng da chì, hỏi ra thì họ nói rằng trên thượng-lưu con sông này có một cây lá han tới vài ôm, đã nhiều người muốn chặt mà không sao chặt được vì thế những khi mưa lũ, nước lá han chẩy xuống sông ai tắm phải thì ngứa-ngáy hàng năm bẩy hôm mới khỏi, còn người nào ăn phải thì cũng chẳng lành, nên những nhời dị-đoan được thể mà bầy đặt ra, nào tà, nào ma, nào quỉ, nào quái ở cây lá han, có người lại bảo là cửu-dĩ thành-yêu nên mới sinh ra lắm bệnh.

Từ Yên-duệ đến Phương-trạch, Thanh-luyện, Chu-lễ, Gia-phổ là nơi sẻn cau tươi rất nhiều, nhất là lụa đậu sáu ở ga Chu-lễ đã có tiếng là bền mà đẹp. Đây có con đường ô-tô ra tỉnh-lỵ Hà-tĩnh dài mười sáu kilomètres. Gần đây họ mới tìm được mỏ than ăn xuốt cả một giẫy núi chạy dài cho đến La-khê có 30 kilomètres, nhà máy diêm Bến-Thủy đã lấy ba tấn về thử thì tốt lắm, so với than Hongay thì không được bằng, nhưng đọ với than Tuyên-quang và Phủ Nho-quan thì có phần đắc-lực hơn nhiều, nếu nhà máy diêm xin được phép khai-khẩn thì cái mỏ này sẽ chóng to-tát phát-đạt biết chừng nào.

Ga Lộc-yên thì dân-cư đã có bề đông-đúc, chung quanh có mấy cái đồn-điền giồng đủ các thứ chè, cà phê, quả chẩu, bưởi, cam, quế, ước lượng có mấy trăm mẫu-tây mà xem ra cây nào cũng được nhờ khí-hậu mà tươi-tốt lạ thường; bò ở đấy nuôi cũng sinh-sản chóng lắm, có đàn đến năm, sáu trăm con, mà con nào cũng mập-mạp dễ coi, ngay trước của ga mới thiết-lập một cái chợ, ăn vào ngày bốn ngày chín, do mấy nhà đồn-điền xin phép lập lên, ngày phiên xem ra cũng đông-đúc lắm, có khi ăn hết hàng mười mấy con lợn. Quan Công-sứ Hà-tĩnh cộn đương trù-liệu phương-sách để đánh một con đường thẳng qua quả núi ở miền trong đồn-điền để các dân-cư ở mé trong quả núi này có đường đem các

sản-vật ra buôn bán, ai nghe thấy cũng đem lòng mong-mỏi, vì dân-cư trong đó với dân-cư ngoài này, bấy lâu bị ngọn núi này ngăn-trở, thành ra sự thương mại cũng vì đó mà bế-tắc, thật là thiệt-hại vô-cùng.

Ga Phúc-trạch có hai từng, mà là chính ở con đường này, nên địa-thế rộng lắm, có các nhà cho máy nghỉ. Nếu con đường này chạy, thì xe lửa sẽ chạy suốt từ Hanoi vào đây mới nghỉ, chứ không nghỉ ở Nghệ như bây giờ. Vì tự Hanoi vào Huế, đây vừa đúng nửa đường. Bởi thế đã có nhà tây-thương mới dựng một nhà khách-sạn rất to ở gần ga. Thế mới biết cách thương-mại của người-tây can đảm thật. Ở đây có đồn khố xanh đóng gần bờ sông, cách nhà ga độ hơn kilomètre ; trước chợ đây to lắm, nhưng vì các chú quyền nhũng-nhiễu, không những mua hà-hiếp, của một đồng chỉ giả năm hào, mà còn làm lắm đều khả-ố, nên đã bẵng đi một độ hàng mấy tháng không ai họp chợ, nay nhân có quan đồn mới đến, tỏ rõ tình hình, bèn ra lịnh nghiêm-cấm, nên kẻ buôn người bán, mới lại lác-đác được mấy chục người, nhưng vẫn có bề lẻ-tẻ quạnh hưu.

Ga La-khê thì núi đá chung quanh bao-bọc, một con đường này đều lấy đá ở đây đem đi giải mà những đá đã đập rồi hãi còn tới bốn vạn thước đứng. Con sông chảy về đây cũng độc lắm, trông suốt, đáy sông, thấy từng hòn đá, mà mầu nước vẫn xanh lè, là vì rừng lim ở trên thượng-lưu chẩy về, nếu không có chín ngọn thác ngăn trở, thì gỗ ở rên rừng chỉ chở một ngày đã về tới nơi, nên nay đã có nhà đại-thương xin phép đem cốt-mìn bắn chín ngọn thác này đi để cho tiện đường vận-tải.

Từ đây đến Tân-âp thì hai bên san-sát toàn rừng, nào khỉ, nào vượn, nhảy-nhót hoa cả mắt, voi cũng nhiều, có khi ra hàng đàn hàng chục con, hổ cũng lắm, có khi ra cả ban ngày, công và gà lôi thì nhiều lắm, chẳng chiều nào đi bắn là không gặp. Đêm đến quanh mình, nào vượn hót chim kêu, voi hét hổ gầm, những người đân đấy họ cho là thường cả, có khi họ trông thấy hổ mà dám vác đòn gánh đuổi theo, như mình đối với con chó dữ vậy.

Câu truyện hầu các ngài đến đây cũng đã dài, còn cái sự ích-lợi về con đường này tương-lai thế nào, các ngài chắc cũng đã đủ hiểu ; vậy ký-giả cũng không giám thêm nhời bình-luận cho thêm rườm.

Hoài-Đông PHAN-HUY-XUYÊN

Hán-văn hàm-thụ

(Trích nhời dẫn-giải ở bài học số 4)

行 行 Phàm cũng là một chữ mà hai chữ đặt theo luôn nhau, nên nhận kỹ nghĩa như sau này :

1. — Nếu những chữ ấy là *adjectif qualificatif* hoặc *adverbe* thời hai chữ đặt liền nhau đó, tức là *locution adverbiale*. Như các chữ ở bài in làm mẫu, 浩 浩 *hiệu hiệu* là *lồng lộng*, 飄 飄 *phiêu phiêu* là *phơi phới*, ấy là hai chữ *adverbe* mà làm thành một *locution adverbiale*. Lại như chữ 高 高 *cao cao* là *cao lắm*. 小 小 *tiểu tiểu* là *nhỏ mọn*, ấy là hai chữ *adcjectif qualificatif* mà làm thành một *locution adverbiale*. Phàm gặp các chữ như thế, đều theo như thế mà nhận nghĩa nhất-định.

2. — Nếu những chữ ấy là *nom* thời hai chữ đặt liền nhau mà cứ mỗi chữ một nghĩa, như 年 年 *niên niên* là *năm nay năm khác*, 日 日 *nhật nhật* là *ngày này ngày khác*, 處 處 *xứ xứ* là *chốn này chốn khác*, 人 人 *nhân nhân* là *người này người khác*. Theo văn Pháp thời những chữ ấy, nghĩa là *tous les ans, tous les jours, tous les pays, tous*—

les hommes. Phàm gặp những chữ như thế, có thể theo như thế mà nhận nghĩa. Tuy vậy, ít khi cũng có khác, như trong sách Luận-ngữ có câu rằng 君君臣臣父父子子 *quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử,* nghĩa là *vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con.* Như thế, cũng là hai chữ *nom* mà chữ trên là *sujet,* chữ dưới là *complément.* Song như câu ấy thực ít thấy.

3. — Nếu những chữ ấy là *verbe* thời chỉ là hai chữ *verbe* đặt đi luôn nhau mà tỏ ra nghĩa nặng-nề, vấn-vương, nhiều thêm tình-tự. Như hai chữ 行行 *hành hành* trong bài này, nghĩa chỉ là *đi* cả, mà nói một chữ *đi* chưa hết nhời, cho nên lại nói chữ *đi* nữa, để tỏ ý *đi mà còn ngần-ngại.* Suy ra như các chữ 去去 *khứ khứ* là *đi đi,* 來來 *lai lai* là *lại lại,* cũng đều có ý riêng như thế. Tuy vậy, ít khi cũng có khác thời không thể theo như thế làm nhất-định: Như ở trong kinh Thi có câu rằng 崇墉言言 *Sùng dung ngôn ngôn,* nghĩa là *cái thành của nước Sùng thật cao lớn,* Chữ 言 là *nói,* ở chỗ khác thời là *verbe,* mà hai chữ dùng liền nhau ở câu đó thời là một *locution adverbiale.* Song những câu ấy cũng ít thật.

4. — Nếu những chữ ấy mà là dùng để hệt như tiếng các thứ chim, cùng là những vật gì, thời không cứ là *verbe, adverbe* hay *nom,* nghĩa đều như nhau cả. Như ở trong kinh Thi, câu 關關雎鳩 *quan quan thư cưu,* hai chữ *quan quan* là hệt như tiếng chim thư-cưu kêu. Thơ cổ của ta có hai câu 鶺鴒鳧家家 *giá-cô minh gia gia* 杜鵑鳴國國 *đỗ quyên minh quốc quốc,* những chữ *gia gia quốc quốc* đó cũng đều là hệt tiếng con giá-cô và con đỗ-quyên. Phàm gặp các chữ đó, đều nên theo thế câu văn mà nhận nghĩa.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Nhời thư của hai chị em gái nhà nghèo khuyên răn nhau

Từ có quốc-văn đến nay, một sự viết thư cũng không dễ; lại nghe có nhiều người nói rằng: « Con gái học chữ quốc-ngữ, phần nhiều chỉ tiện cho sự viết thư tình; còn về bên chánh-đáng mà có ích lợi được thời ít. » Nhân thế, tôi viết chơi một bài thư này; cũng là sự huấn luyện quốc-văn, phù-thực phong-hóa vậy.

TẢN-ĐÀ

. . . . . Le 1 Juillet 1926

Kính thưa Chị.

Nay em có nhời kính chúc Chị bình-an mạnh khỏe, và sự buôn bán được phát-đạt, em mừng. Em cùng các em bé ở nhà, nhờ giời cũng được như thường xin nói để Chị biết. Sau này có mấy lời trung-khúc, xin giãi tỏ, mong để Chị xét cho.

Hai chị em ta là phận gái, chẳng may gặp cảnh nhà sa-sút, qua bóng xuân huyên, ba mẫu vườn hoang, một đàn em dại; trên dẫu có các anh nhớn, nhưng đã hèn đốt không bằng ai, lại cờ bạc mê chơi, không tưởng đến cửa nhà của cha mẹ, Bởi thế cho nên việc nhà lo liệu, mới đến Chị cùng em. Từ độ Chị ra ngoài buôn bán, em ở nhà chỉ quanh-quẩn ở trong mấy mẫu vườn, trông nhờ vào những cái rau cái cỏ mà chơi cùng các em bé, qua-quýt tháng ngày. Em nghe

như em, một là không có cái tài buôn bán như Chị; hai là nếu muốn cũng theo Chị ra ngoài buôn bán thời ở nhà lấy ai săn-sóc đàn em. Thế cho nên dẫu rằng túng bấn khó khăn, em cũng chỉ yên phận thôn quê mà vui cảnh gia-đình vậy. Mỗi những lúc nắng hạ khắt-khe, bóng tà bảng-lảng; chiều thu hiu-hắt, gió may lạnh-lùng; em nghĩ càng nhớ đến Chị bao nhiêu mà càng lo cho Chị bấy nhiêu: Một mình thân gái đi ra ngoài, lặn-lội sông ngòi, xông pha sương gió, ngược khuya xuôi sớm, ăn chợ ngủ nhờ; trong tay lưng vốn không có được là bao; bạn hay có ít mà bạn dở thời nhiều. Bao những sự đáng lo nghĩ cho Chị, tức đều là những sự đáng lo nghĩ cho em vậy. Em nghĩ như cảnh nhà ta nay, phần hưng-vượng chỉ trông nhờ vào Chị; nếu chẳng may mà Chị đi ra ngoài, bị yếu bị đau, bị lừa bị dảo, buôn thua bán lỗ, mắc nợ mang công, thời vận nhà đương buổi suy-vi, một mình em biết cùng ai lo tính. Bởi thế cho nên em phải có mấy nhời thưa Chị. Một là xin Chị làm ăn đừng nên bốc vác quá, xuôi ngược đừng nên xông pha quá; sự làm giầu ai cũng muốn chóng, nhưng cũng phải tùy sức lượng vốn, sao cho khỏi sinh lụy về sau. Chị nghe mấy lời em nói đây, chắc cho là em không có cái gan làm giầu, đứng dưới gốc lo cho người trên cây; dẫu Chị có cười em như thế chăng, mà cái lòng em yêu quý Chị thời không thể im đi mà không nói đến vậy. Hai là xin Chị phải cẩn-thận về đường danh-tiết. Xem như các vật trong thế-gian, càng dẫu lắm, càng dễ mẻ; càng trắng lắm, càng dễ nhơ. Em thấy con gái trong họ ta, có người xưa kia ở nhà cũng đoan-trang, mà sau khi ra buôn bán ở ngoài về, rồi chẳng khỏi mang tai mang tiếng. Chị nghe những câu em nói đây, chắc cho là em đẻ sau muốn khôn trước, ở trong bồ muốn dạy người kinh-đô; dẫu Chị có gắt em như thế chăng, mà cái lòng em yêu quý Chị thời không thể im đi mà không nói đến vậy. Nghĩ về phần Chị ở ngoài thời em xin thưa Chị như thế; còn về việc nhà sau này thời em lại muốn thưa với Chị rằng: Như nhà ta tuy hiện là trong buổi suy-vi; nhưng nhờ giời còn mấy đứa em giai, nếu chúng nó được chuyên theo về việc học-hành, cũng có thể làm nên con người khá. Nay chúng ta chỉ nên chăm-nom cho các em, gìn-giữ cho khỏi hư, lo liệu cho đủ về việc học; các em khá thời vận nhà tự hay. Còn như sự giầu nghèo của người ta, có người cũng có giời, lúc giời chửa cho hay, dẫu muốn làm giầu cũng khó vậy. Bạn liễu bồ, ân cốt nhục, mấy hàng trân-trọng, xa-xôi Chị có thấu tình!

Nay kính thư

tên ký

Vịnh cái cây ở bên đường phố Hanoi

Đội giời đạp đất đất Thăng-Long,
Đứng giữa trần-ai đã mấy đông.
Cội Lạc cành Hồng vui-vẻ mới,
Mưa Âu gió Á rập-rìu chung,
Khắt-khe ngày hạ, xòe-xoe rợp;
Vồn-vã đêm thu lắc-cắc rung.
Danh lợi bên đường ai mặc kẻ,
Tấm lòng tươi héo với non sông.

LƯU-VĂN-THỌ
Phú-thọ

Khuyên anh Giáo

Anh giáo ơi !

Em tiếc cho anh cũng bậc tài-danh, con nhà gia-giáo học-hành lại cũng thông thông.

Anh giáo ơi !

Sóng Âu-châu chàn sang cõi Á-đông, học nho bãi bỏ mà cái ngòi lộng gặp lúc suy-đồi.

Anh giáo ơi !

Chỗ danh-gia anh chẳng nhẽ đi bồi, học-hành là nghệ-nghiệp, anh cũng phải theo thời mà học cái chữ Tây.

Anh giáo ơi !

Buổi tàn-trào anh cũng gặp được bước may, dồ bằng tốt-nghiệp anh ra làm thầy cho lũ thiếu-niên.

Anh giáo ơi !

Cái thân anh anh tưởng đã thần-tiên, tháng lương anh mấy chục đồng tiền anh nghĩ đã là to.

Anh giáo ơi !

Kiếp nam-nhi anh chẳng biết lấy làm lo, mà chè sen, rượu cúc, nhà trò anh những mê chơi.

Anh giáo ơi !

Anh mảng vui anh quên bẵng cả việc đời, " hoàng nô ", " hắc quỉ " anh để cái trái-đài ngày một lên cao.

Anh giáo ơi !

Thôi cái nợ tiền-nong anh cũng chẳng sợ chi nào, nợ non nợ nước anh toan tính làm sao bây giờ.

Anh giáo ơi !

Mặt tu-mi sao cho khỏi thẹn với cơ-đồ, này cuộc tương-lai xã-hội cũng trông nhờ vào bọn các anh.

Anh giáo ơi !

Đệ-tử anh là vận-mệnh quốc-dân, anh phải ra tay dạy dỗ cho chúng dân tính khôn.

Anh giáo ơi !

Anh chẳng trông bộn ngày nay họ vào cúi ra luồn, râu-ria mũ áo đã đáng buồn hay chưa ?

Anh giáo ơi !

Em khuyên anh dừng quản chi khi đi sớm, lúc về trưa, văn bài anh nên chăm chỉ, nắng mưa anh cũng chớ ngại-ngùng.

Anh giáo ơi !

Việc trong nhà đã có em trông, dù giăng thanh hay gió thảm em cũng xin dốc một lòng thuyền-quyên.

Nguyễn-ngọc-Liên

6. Phố Cửa-Hậu' Sơn-Tây.

Ngô Việt xuân-thu

NGÔ-TẤT-TỐ DỊCH-THUẬT

HỒI THỨ 1

Lo thù riêng, anh-hùng bạc tóc ; Tỏ giạ thực, ngư-phủ gìm thuyền.

Gậm giời có nước đến nay, đã bao nhiêu nước rất nhớn mà mất, bao nhiêu nước đương thịnh hoá suy ; cũng vô-số nước đã mất lại còn, vô-số nước đương suy hoá thịnh. Vậy biết một nước còn hay mất, thịnh hay suy, chẳng quan-hệ ở đất nước nhớn nhỏ ; vận nước tốt sấu vậy. Muốn biết cớ đó tại làm sao, không cần phải tìm xét ở xa rộng, cứ đem một đoạn lịch-sử con con của các nước hầu đời cuối nhà Chu, cũng đủ rõ vậy.

Nhà Chu từ vua Vũ-vương đặt ra phép phong-kiến, đem đất nước chia phong cho các anh em, con cháu và các bề tôi có công, gọi là nước hầu. Trong khi còn thịnh, nước hầu giữ lễ

triều cống, Thiên-tử cầm-quyền trinh chu. Đến khi đã suy, Thiên-tử không đủ sức đàn-chế, nước hầu đều tự-tiện chiến-tranh; nước nhớn lấn nước nhỏ; nước mạnh đè nước yếu; tuy danh là các nước hầu, song chẳng khác gì nước độc-lập vậy. Những nước thường hay tranh-chiến; nhớn thì Ngô, Việt, Sở, Tấn Tống, Tề, Tần, Thịnh, Lỗ, Vệ, vân vân . . . . . nhỏ thì Trần, Sái, Đường, Sào, Quích, Thư, Bộc Hứa, vân vân. . . . Trong các nước ấy, sự tranh-chiến dữ-dội nhất là nước Việt, nước Sở và nước Ngô.

Nước Ngô họ Cơ, là đồng-tình với vua Thiên-tử nhà Chu, các đời vua trước chưa hề tranh-chiến với các nước hầu, sự tranh-chiến của nước Ngô bắt đầu từ vua Thọ-Mộng, mà phần nhiều là tranh-chiến với nước Sở.

Từ Thọ-Mộng qua Chư-Phàn, Dư-Sái, Dư-Muội, trong bốn đời vua ấy. bên Ngô đã nhiều trận tranh-chiến với bên Sở, nhưng mà trận được trận thua, chưa có trận nào kịch-liệt, kịch-liệt nhất là một trận về năm thứ hai vua Liêu (con vua Dư-Muội), con cả Chư-Phàn là công-tử Quang, đánh nhau với quân Sở ở sứ Trường-Ngạn, quân công-tử Quang thua to, bên Sở bắt được một chiếc thuyền Dư-hoàng của vua Ngô vẫn đi.

Từ trận này, quân Sở đánh được quân Ngô, vua Bình-vương lấy làm đắc-chí, truyền lệnh trong nước đóng thuyền, tập quân thủy, sắp-sửa sang đánh nước Bộc (là một nước nhỏ ở gần nước Sở). Bấy giờ có viên nịnh-thần là Phí-Vô-Cực nói với Bình-vương rằng:

— Nước Tấn sở dĩ nên được nghiệp bá là vì ở giữa Trung-quốc. Nước Sở ta ở nơi hẻo-lánh, cho nên không thể tranh với Tấn được. Nếu Đại-vương muốn tranh với Tấn, thời nên đắp to vòng thành Thành-Phủ, cho Thái-tử ra coi, để giao-thông với các nước phía Bắc, mà Đại-vương thời liên-hợp với các nước phía Nam. Như vậy có thể lấy được thiên-hạ, chẳng những làm nên nghiệp bá mà thôi.

Bình-vương lấy làm phải, liền sai đắp thành Thành-Phủ, cho Thái-tử tên là Kiến ra đó chấn-thủ, dùng Ngũ-Xa làm Thái-phó, Phí-Vô-Cực làm Thiếu phó, Phấn Dương làm Tư-mã, cùng giúp Thái-Tử. Bấy giờ Thái-tử chưa có vợ, Bình-vương lại sai Vô-Cực sang Tần cầu hôn. Vua-Tần cũng muốn kết-liên với Sở, mới gả em gái cho Thái-tử và tức thì cho đưa dâu về Sở. Trong khi đi đường Vô-Cực thấy em vua Tần xinh đẹp, muốn nhân đó lấy lòng vua Sở. Lúc về đến Sở, liền sui vua đưa người em gái vua Tần vào hậu-cung, mà hỏi con gái nước Tề cho Thái-tử.

Từ đó Vô-Cực bỏ Thái-tử về với Bình-vương, lại sợ sau khi Bình-vương tạ-thế, Thái-tử làm vua, tất là hại mình. mới tìm cách dèm pha để hại Thái-tử. Một hôm Vô-Cực nói với Bình-vương rằng:

— Thái-tử vì việc hôn-nhân, thường vẫn oán-hận Đại-vương, thần nghe Thái-tử và Ngũ-Xa muốn chiếm giữ miền ngoài Thành-Phủ để phản Đại-vương; hiện nay Thái-tử đã sai sứ giao-kết các nước, nước Tề, nước Tấn đã nhận nhời giúp. Việc binh-cơ của Thái-tử có lẽ đã đâu vào đấy rồi, Đại-Vương phải liệu cách phòng-bị.

Bình-vương từ khi lấy em gái vua Tần, tự-nhiên sinh ghét Thái-tử, vẫn sẵn lòng muốn giết, khi ấy nghe lời Vô-Cực, cho ngay là có sự thực, liền đòi Ngũ-Xa hỏi rằng:

« Thái-tử lập mưu làm giặc, ngươi có biết không? »

Ngũ-Xa thưa :

— Đại-vương ngày trước lấy con dâu, đã là lỗi đạo ; nay lại nghe đứa dèm pha mà ngờ con giai, Thần trộm lấy làm không nên.

Bình-vương nghe nói, giận lắm, liền bắt Ngũ-Xa đem giam, và đòi Phấn-Dương, sai giết Thái-tử. Phấn-Dương đem quân đi, gần đến Thành-Phủ, sai người báo trước cho Thái-tử biết, dặn phải tìm đường đi trốn. Thái-tử được tin thất-kinh, tức thì đem mẹ là Quách Phu-nhân và con là Bạch-Thắng chạy sang nước Tống. Phấn-Dương đi đến Thành-Phủ, thấy Thái-tử đã trốn thoát, sai người Thành-Phủ trói mình đem nộp. Bình-vương thấy Thái-tử chạy trốn, giận lắm, cho là Ngũ-Xa và Thái-tử thực có lập mưu làm phản, toan sai đem giết Ngũ-Xa. Phí-Vô-Cực can rằng :

— Thần nghe Ngũ-Xa có hai con giai, con cả là Ngũ-Thượng, tự là Tử-Thượng ; con thứ là Ngũ-Viên, tự là Tử-Tư ; hai đứa đều có tài ngang giời giọc đất. Nếu Đại-vương đem giết Ngũ-Xa, tất chúng phải chạy sang Ngô mà mượn quân báo thù, như vậy thời nước Sở có vạ to. Vậy nay Đại-vương nên giả làm tha tội Ngũ-Xa mà đòi hai đứa ấy về Kinh. Hai đứa cùng là kẻ có hiếu hạnh, nếu thấy nhà vua tha tội cho cha, tất-nhiên về thăm, bấy giờ Đại-vương bắt mà giết đi, thời mới khỏi lo về sau.

Bình-vương nghe lời, liền sai mở ngục giải Ngũ-Xa về triều mà bảo rằng :

— Ngươi sui Thái-tử làm phản, đáng nhẽ chém đầu để dăn thiên-hạ, nhưng quả-nhân nghĩ cha ông nhà ngươi, đều có công to với nước Sở, cho nên không nỡ làm tội. Vậy ngươi phải viết thư gọi cả hai con về kinh, quả-nhân sẽ đổi phong quan-chức cho cả hai đứa và tha nhà ngươi về quê cầy ruộng.»

Ngũ-Xa thưa :

— Thần có hai con, thằng nhớn nhân hiền, hiếu nghĩa, nếu nghe thần gọi, tất nhiên về ngay ; còn thằng thứ hai, thủa nhỏ đã học nghề văn, thủa nhớn lại học nghề võ, nghề văn của nó có thể trị được nhà nước, nghề võ của nó có thể giẹp được thiên-hạ. Nó lại có gan nhẫn-nhục, chịu được những sự lầm-than, khổ-sở, dẫu bị oan-ức cũng không hề kêu-ca than-thở với ai. Nó là đứa tinh-danh quỷ-quái, biết trước hết mọi việc, thằng ấy không thể gọi được.

Bình-vương phán :

— Ngươi cứ viết thư gọi về, nếu nó không về, không phải là lỗi tại ngươi.

Ngũ-Xa biết là Bình-vương đánh lừa, nhưng không muốn trái mệnh vua, mới đứng trước đền thảo bức thư như sau này :

« Thư cho Thượng, Viên hai con cùng biết : Ta vì nóng tính nói thẳng, trái ý Chúa-thượng, phải vào lao-ngục ; may nhờ Chúa-thượng rộng lượng, nghĩ đến công tích tiền-nhân, tha cho tội chết. Lại theo lời quần-thần, lượng công trừ tội, đổi phong quan-tước cho các con. Vậy các con phải sớm sớm về Kinh, chớ có chậm trễ, mà trái mệnh vua, tất là cha con cùng chịu tội.»

Viết song đệ trình. Bình-vương xem qua, truyền lại đem giam Ngũ-Xa, rồi sai Sứ-giả đóng ngựa tứ, đệ phong-thư và hòm ấn, ra Thành-Phủ đòi Tử-Thượng và Tử-Tư về Kinh. Sứ-giả đi đến Thành-Phủ, vào nhà Ngũ-Xa, vừa gặp Tử-Thượng, Sứ-giả làm bộ vui mừng mà rằng :

« Xin chúc mừng hai công-tử.»

Tử-Thượng ngạc-nhiên hỏi :

« Nhà tôi đương vận-nạn, còn có việc chi đáng mừng.»

Sứ-giả liền mở hòm lấy ấn và phong thư, trao cho Tử-Thượng và nói :

« Có việc chi mà vận nạn ? Khi trước nhà vua quá giận, chớt đem giam quan-Thái-phó; nay đã biết ngài bị oan, lại sợ bấy lâu cấm-cố một vị trung-thần, tất bị các nước cười chê, hiện đã tha quan Thái-phó, nhắc ngài làm chức Tướng-quốc. Nhà vua lại muốn chuộc lại lỗi trước, nên muốn phong hai công-tử làm tước hầu : công-tử cả làm Hồng-đô-hầu, Công-tử hai làm Cái-hầu, sai tôi đệ ấn cho hai công-tử. Khi tôi sắp sửa ra đây, có đến chào quan Thái-phó. Ngài có nói rằng vì ngài bị giam lâu ngày, mong nhớ hai công-tử, nên mới viết bức thư này, gửi tôi đưa hai công-tử, để giục hai công-tử về Kinh thăm Ngài. Xin công-tử nhận lấy thư và ấn, rồi tìm công-tử hai về đây, sắp sửa hành-trang về Kinh.»

Tử-Thượng đón lấy phong thư, mở ra xem, rồi nói:

« Từ khi cha tôi bị giam đến nay, anh em tôi gan đứt ruột héo, ăn không ngon, ngủ không yên, chỉ sợ cha tôi không sống. Nếu bây giờ cha tôi được tha, chúng tôi đã may lắm rồi, đâu dám thăm nhận quan-tước của nhà vua ! »

Sứ-giả nói :

« Đó là mệnh vua, công tử không nên từ chối. Cứ mau sắm sửa về Kinh, can chi phải bàn bạc lôi-thôi. »

Tử-Thượng nghe nói, liền cầm phong-thư vào nhà trong, bảo Tử-Tư rằng :

« May nay cha được xá tội, nhà vua lại phong anh em mình làm tước Hầu. Sứ-giả đã đệ ấn ra cho, hiện đương ngồi đợi ở nhà ngoài. Hiền đệ cũng nên ra tiếp. »

Tử-Tư ngạc nhiên nói :

« Việc đó khả nghi lắm ! Nói rằng cha được xá tội, may còn có nhẽ ; chớ anh em mình công gì mà được phong hầu ?

— Thủ-thư của cha cũng nói như thế, có lẽ lại sai hay sao ?

— Đó là cha muốn hết lòng trung nghĩa, sợ rằng trong khi bị hình, nếu mà chúng ta còn sống, tất phải báo thù Sở, nên mới viết thư gọi cả về Kinh, cho cùng chết đi, để khỏi làm lo cho nước Sở mai sau ; chớ không phải cha đã được tha.

— Hiền-đệ nói thế, cũng còn là sự ức-đạc, chưa chắc đã đích như thế. Vạn nhất thư ấy quả thực chân tình của cha, mà chúng ta không tin; tội bất hiếu để đâu cho hết ! »

Tử-Tư ngần ngừ mà rằng :

« Để em thử bói một quẻ xem sao ? »

Nói đoạn, Tử-Tư lấy dùa ra bói; bói song, thất kinh mà rằng :

Quẻ này ứng vào vua lừa tôi, cha dối con; nếu về thời chết, chứ không phải có hầu với bá gì đâu.

— Tôi có thiết chi phong hầu, mong muốn chóng thấy mặt cha đó thôi.

— Nước Sở nay chưa dám đem cha làm tội, là còn sợ có hai chúng ta; nếu chúng ta lù lù về Kinh thăm cha, tất bị giết cả. Thế thời mình về thăm cha, lại làm cho cha đoản thọ mà thôi !

— Cái tình cha con không kể đến sự sống chết ; nếu mà con trông thấy cha, cha trông thấy con, dẫu chết cũng cam. »

Tử-Tư thở giài mà rằng :

« Cùng chết theo cha, cũng chẳng ích gì; vả lại có hai anh em chết cả, thì sau này, oan thù ai báo cho, sỉ nhục ai rửa cho. Thôi bây giờ sự đã thế này, nếu anh quyết chí về Kinh thời em cùng anh vĩnh biệt từ đây; chứ không thể nào mà theo anh được.»

Tử-Thượng khóc mà rằng :

« Vậy thì hiền-đệ định đi đâu ?

Nếu nước nào có thể nhờ để báo thù được thời em đi đến.

— Hiền đệ nghĩ cũng phải. Ta cũng biết tài của hiền đệ hơn ta nhiều lắm.

chỉ có thể chết theo với cha, mà hiền-đệ thời có thể báo thù cho cha được. Tin cha đã gọi, không đi thăm, sao phải là con : có cha bị oan, không báo thù, sao gọi là hiếu. Thôi thời ta phải nhận chết theo ; hiền-đệ nhận việc báo thù. mỗi người mỗi việc, ai theo chí người nấy, thế mới trọn đạo làm con. »

Tử-Thượng nói đoạn, gạt nước mắt ra tiếp Sứ-giả và nói :

« Em tôi gàn quá, nhất định không nhận quan chức ; tôi đã ép mãi không được, xin ngài thứ cho. »

Sứ-giả không thể sao được, phải cùng Tử-Thượng lên xe về Kinh. Tới nơi, Sứ-giả đem Tử-Thượng vào yết Bình-vương. Bình-vương sai bắt đem giam. Khi đó Ngũ-Xa ngồi trong ngục trông thấy Tử-Thượng, ngậm ngùi than rằng :

« Ta cũng biết thằng Viên không về. Thôi vua quan nước Sở, từ nay mà đi sẽ cùng ăn không ngon, ngủ không yên. »

Trong khi Tử-Thượng vào Triều. Phí-Vô-Cực đứng cạnh, không thấy Tử-Tư liền tâu với Bình-vương rằng :

« Ngũ-Viên nay còn ở nhà, nên kíp sai người đi bắt nếu chậm, tất hắn chốn mất. »

Bình-vương nghe lời, liền sai Đại-tướng là Vũ-Thành-Hắc đem hai trăm tinh-tốt đi bắt Tử-Tư.

Tử-Tư từ khi Tử-Thượng đi khỏi, biết là cha anh tất cùng bị hại, liền vào nhà riêng bảo với vợ là Giả-thị rằng :

« Tôi vì cha anh bị tội, tất phải chốn đi nước khác, mượn quân để báo thù. Hiện nay việc đã cấp bách, kkông thể đoái nghĩ đến phu-nhân được nữa, chẳng biết sau khi tôi đi, phu-nhân liệu định làm sao?

Giả-thị trừng mắt mà rằng :

« Công-tử đường đường một đấng trượng-phu, đương lúc cha anh bị nạn, khéo bụng giạ đâu mà lo cho kẻ đàn bà ! Công-tử đi đâu cứ đi, không phải nghĩ gì đến thiếp ! »

Giả-thị nói đoạn, vào phòng tự ải. Tử-Tư thương xót quá chừng, sai người khâm liệm an táng. Táng song, Tử-Tư thay bộ áo trắng, sách hành lý, đeo cung cắp gươm cất lên ra đi.

Tử-Tư đi độ nửa ngày rồi, quân Sở mới ra đến nơi. Vũ-Thành-Hắc vây nhà tầm nã, không thấy Tử-Tư, liệu rằng Tử-Tư đi cũng chưa xa, tức khắc đóng xe đi đuổi. Đuổi độ ba dặm, đến quãng đồng không, gần kịp Tử-Tư. Tử-Tư thấy có xe đuổi, quay lại, dương cung đặt tên, bắn chết người đánh xe, rồi lại chĩa cung nhằm Vũ-Thành-Hắc. Hắc sợ hết vía nhảy vọt xuống xe chạy chốn. Tử-Tư cài cung vào đai, rồi gọi to rằng :

— Vũ-Thành-Hắc ! Tao hãy sinh phúc cho bay. Bay phải về bảo Bình-vương nhà mày nếu muốn còn nước, lập tức tha cha anh tao. Nếu không tha thì chẳng bao lâu nước Sở nhà bay sẽ thành gò bãi. »

Tử-Tư nói rứt lời, quay mặt lại đi.

Vũ-Thành-Hắc cũng lên xe giở lại, thu quân về Kinh, vào Triều tâu với Bình-vương. Bình-Vương tức lắm, truyền bắt Ngũ-Xa và Ngũ-Thượng đem chém, rồi sai Tả-tư-mã là Thẩm-Doãn-Tuất đốc dẫn 3000 tinh kỵ đi bắt Tử-Tư.

Tử-Tư khi ấy tha Vũ-Thành-Hắc, đi một mạch đến giải Trường-giang, cứ theo ven sông mà đi, chốn tới một nơi rừng vắng. Khi Thẩm-Doãn-Tuất dẫn quân đến bờ sông, tầm nã các nơi không thấy Tử-Tư, về tâu với Bình-vương. Bình-vương hỏi quần-thần có mẹo gì bắt được Ngũ-Viên. Phí-Vô-Cực tâu :

« Thần có một kế, có thể khiến cho Ngũ-Viên tuyệt hết các đường ».

Bình-vương hỏi kế ra làm sao ? Vô-Cực tâu :

« Xin Đại-vương một mặt yết bảng cho dân-gian biết rằng :

Bất cứ người nào, hễ bắt được Ngũ-

Viên đem nộp, thời thưởng năm vạn hộc thóc, phong tước làm Thượng đại-phu. Nếu kẻ nào chứa chấp hoặc buông thả cho đi, thời cả nhà sử tội trảm. Lại nghiêm sức các nơi bến đò cửa ải, phàm những hành khách qua lại, phải khám xét cẩn thận, rồi sẽ cho đi. Một mặt sai sứ nói với các nước, xin đừng dong-nạp Ngũ-Viên. Như vậy thời hắn hết đường tiến thoái, dẫu chẳng bắt được, nhưng hắn cũng thế có, chắc không làm được trò gì.»

Bình-vương nghe lời, truyền lệnh viết bảng và vẽ hình dáng Tử-Tư, treo khắp các nơi bến đò, cửa chợ, và sai Đại-tướng là Vỉ-Việt đem quân đóng tại Chiêu-quan, đón bắt Tử-Tư.

Tử-Tư khi ấy ở trong rừng, ngẩng mặt lên giời khóc rằng :

« Giời ơi ! Nước Sở tàn-bạo, giết oan cha anh nhà tôi, giời có biết cho hay không ? lạy giời phù hộ cho tôi, để tôi nhờ được binh-lực chư hầu, sửa tội cho kẻ vô đạo : »

Tử-Tư than khóc, hồi lâu, rồi đi qua cánh rừng sang bên kia, tới một con đường cái, chợt gặp một người bạn tên là Thân-Bao-Tư đi sứ mới về. Bao-Tư vội-vàng xuống xe chào, rồi hỏi Tử-Tư đi đâu mà một mình tới đó. Tử-Tư đem việc Bình-vương giết oan cha anh mình, vừa khóc vừa kể cho Bao-Tư nghe. Bao-Tư nghe đoạn, thất kinh hỏi :

— Thế bây giờ anh định đi đâu ?

— Tôi định chốn đi nước khác, mượn quân đánh Sở báo thù. Việc đó anh nghĩ thế nào ?

— Anh hỏi tôi câu ấy, khó cho tôi lắm ; nếu tôi bảo anh phải báo thù, thời là bất trung với vua ; nếu tôi bảo anh đừng báo thù thời là vô tình với bạn. Thôi việc đó cứ tùy ý anh, tôi không biết giả nhời anh thế nào cho phải.

— Tôi nghe cái thù bè bạn thời không ở chung một làng ; cái thù anh em thời không ở chung một xứ ; cái thù cha mẹ thời không séo chung một đất, đội chung một giời. Bởi vậy tôi muốn nuốt sống thi Bình-vương, xé tan sác Vô-Cực, cho thỏa cái dận của tôi. Nếu không được thế, tôi thề chẳng đứng ở trong trời đất ! »

— Anh làm cho nước Sở mất ; tôi làm cho nước Sở còn. Anh làm cho nước Sở nguy; tôi làm cho nước Sở yên. »

Nói đoạn, hai người biệt nhau. Bao-Tư về Sở, Tử-Tư chốn sang nước Tống, tìm vào ở với Thái-tử Kiến. Ở được ít lâu, nước Tống có loạn họ Họa, cầu viện bên Sở, vua Sở sai một viên Đại-tướng đem quân sang cứu. Tử-Tư nghe được tin ấy, biết rằng nước Tống không ở được nữa, mới bảo Thái-tử Kiến đem mẹ và con cùng chạy sang Trịnh. Trịnh-bá vốn biết tiếng Tử-Tư là bậc anh hùng hào-kiệt, giòng-rõi trung-thần, thường vẫn có lòng hâm-mộ.

Khi Tử-tư và Thái-tử Kiến ở Tống chạy sang Trịnh, vua Trịnh rất lễ kính. Sau vì Kiến thông-mưu với Tấn, toan làm nội-ứng cho Tấn đánh Trịnh. Tử-Tư can không nghe. Việc đó tiết-lộ, Kiến bị vua Trịnh giết. Tử-Tư sợ vạ lây, chốn ra ngoài thành, bơ vơ không biết đi đâu, phải đánh liều quay về Sở để đi sang Ngô. Khi đi gần đến Chiêu-quan, Tử-Tư vào rừng tạm nghỉ. Đương lúc ngồi buồn nghỉ ngơi chợt thấy một ông cụ già trống gậy đi thẳng vào rừng, vái chào Tử-Tư. Tử-Tư vội-vàng đứng dậy vái giả. Ông già hỏi :

« Ông có phải là người họ Ngũ đó không ? »

Tử-Tư giật mình hỏi lại : .

« Sao Tiên-sinh lại hỏi tôi câu ấy ?

— Lão thấy trên cửa ải có bức tranh Ngũ-Tử-Tư, hình-giáng y như ông, cho nên lão hỏi như vậy. Thôi ông cũng bất-tất phải giấu diếm, hãy vào chơi tạm nhà lão, lão sẽ có truyện thương nghị. »

Nói đoạn cụ già quay mặt trống gậy đi. Tử-Tư biết ông cụ không phải người thường, cũng theo đi. Đi độ vài dặm, ông già giắt Tử-Tư vào trại cỏ gianh, lên nếp nhà lá, qua lần cổng phên, sang khu vườn tre, đến một tòa nhà đắp bằng đất, cửa vào thấp hẹp, cúi đầu mới đi lọt, trong nhà có bàn, ghế, giường, chiếu, hai bên có để cửa sổ. Ông già mời Tử-Tư vào hỏi :

« Có phải túc-hạ đích là Ngũ-công-tử đó chăng ? bây giờ túc-hạ định đi đâu ? »

Tử-Tư đáp :

« Phải tôi chính là Ngũ-Tử-Tư, vì có thù to mấy vua Sở, muốn chốn sang Ngô mượn quân báo thù, nhưng thấy tiên-sinh là bực Trưởng-giả, nên không giám dấu. Xin tiên-sinh đừng tiết-lộ với ai. »

— « Xưa nay lão chỉ cứu người, chưa hề có bụng hại người ; túc-hạ ở đây nửa năm, một năm cũng chẳng ai biết. Nếu túc-hạ muốn chốn sang Ngô, thời khó lòng đi thoát, vì cửa ải canh phòng nghiêm-nhặt lắm, tất phải có kế vạn-toàn mới qua lọt. »

— « Tiên-sinh có lòng thương mà chỉ-giáo cho, tôi thật đội ơn khôn xiết. Xin Tiên-sinh cho tôi được biết họ cao tên cả. »

-- « Lão là Đông-Cao-công, trước vẫn làm nghề thầy thuốc, dong chơi khắp trong nước, từ khi tuổi già về ẩn ở đây. Nhân hôm nọ lên ải thăm bệnh cho Vỉ-Tướng-quân, trông thấy tranh và bảng treo ở trên ải, mới biết túc-hạ dương bị nã. Lão cũng trọng túc-hạ là bậc hiếu-hạnh, để lão nghĩ giúp một kế, khiến cho túc-hạ ra lọt cửa ải. »

— « Nếu Tiên-sinh có kế gì, cứu cho tôi ra thoát Chiêu-quan, sau này sẽ xin trọng báo. »

— « Được, túc-hạ không ngại cứ khoan tâm ở đây với lão, thế nào rồi cũng có khi đi thoát. »

Tử-Tư xin vâng, ở đó luôn bẩy ngày; ngày nào Đông-Cao-công cũng thết đãi trè chén, tuyệt không bàn đến việc qua ải ra làm sao ? Tử-Tư nóng ruột, một hôm Tử-Tư bảo Đông-Cao-công rằng :

Tôi còn vướng cái thù to trong bụng, coi một khắc như một năm ; nay cứ lần lữa ở đây, có khác gì người đã chết ? Tiên-sinh là bậc cao-nghĩa, há chẳng thương tình hay sao ? »

— « Việc đó lão đã nghĩ kỹ, tất phải đợi một người nữa mới song; để đêm nay lão cố đi mời người ấy đến đây cùng dúp túc-hạ. »

Mặt giời tà tà, Đông-Cao-công lững-thững trống gậy đi. Một lát xương tỏa đầy rừng, trong nhà xầm tối. Tử-Tư ngồi một mình nghĩ quanh nghĩ quẩn, muốn liều chốn đi, lại sợ quan ải nghiêm nhặt ; muốn tạm ở đấy, lại sợ ngày tháng hao mòn ; phần thời lo đi lọt cửa ải, lại còn đường đất sang Ngô, phần thì lo sang được nước Ngô, lại còn công việc đánh Sở, phần thời sót nỗi cha anh bị oan, cửa nhà tan-nát, vì thế gan ruột bồn-cồn nóng nẩy, tưởng như ngồi trong đống gai hết dậy lại nằm, hết nằm lại dậy, bâng-khuâng trằn-trọc, xuốt đêm không chợp mắt lúc nào, chợt thấy sáo - xác chim kêu, vừng-đông đã mọc, cánh cửa sịch ngỏ, Đông-Cao-công lúm-khúm bước vào, trông thấy Tử-Tư thất kinh hỏi :

« Sao hôm nay túc-hạ đầu tóc trắng sóa ? hay là lo nghĩ quá độ mà sinh ra thế ? »

Tử-Tư ngạc nhiên lấy gương soi, quả nhiên hai mái tóc đều bạc phơ phơ, bèn quăng gương xuống đất, thở dài mà rằng :

« Chút việc chưa nên, mái dầu đã bạc ! Giời hỡi giời ! »

— « Túc-hạ chớ lo, đó là điềm hay của túc-hạ đấy. »

— « Sao Tiên-sinh lại bảo là điềm hay? »

— « Túc-hạ tướng-mạo hùng-vĩ, ai trông cũng biết, nay trông đầu tóc trắng bạc đi thế, so với bức tranh trên ải, thời khác nhau lắm, chắc có thể che mắt được những lính giữ ải. Vả lại người bạn của lão sắp đến, mẹo của lão cũng đã nghĩ song, ngày hôm nay túc-hạ có thể ra lọt Chiêu-quan. »

— « Mẹo của Tiên-sinh ra làm sao, xin Tiên-sinh cho biết. »

— « Lão có người bạn tên là Hoàng-Phủ-Nột, khổ mặt y như túc-hạ. lão bảo ông ta giả làm túc-hạ; túc-hạ thì giả làm kẻ mang hành-lý cho ông ta, cùng đi lên ải, chắc là ông ta bị bắt. Trong khi nhốn nháo túc-hạ sẽ có thể thừa cơ mà lẻn qua cửa ải. »

— « Mẹo của Tiên-sinh thời khéo thật, nhưng mà lụy đến quý-hữu, bụng tôi không đành. »

— « Cái đó không hề chi. Nếu ông ta bị bắt, rồi sau lão lại có cách gỡ cho ông ta. Vả lại việc do lão đã kể hết đầu đuôi với ông ta; ông ta cũng là một người khảng-khái, nghe lão nói nhận ngay không chối. Túc-hạ bất-tất phải quản-ngại. »

Đương nói truyện thì Hoàng-phủ-Nọt vừa vào, ba người chào nhau ngồi đoạn, Tử-Tư nhìn Hoàng-Phủ-Nột quả nhiên giống khổ mặt mình, trong bụng hơi mừng. Trò truyện hồi lâu, Đông-cao-Công lấy thuốc nước bảo Tử-Tư rửa mặt, rửa song tự-nhiên nhan-sắc đổi khác. Chiều tối hôm ấy Đông-cao-Công bảo Tử-Tư đổi áo cho Hoàng-phủ-Nột rồi lấy áo ngắn lót mình của Hoàng-Phủ-Nột mặc làm áo ngoài. Sắm xửa đâu đấy, Tử-Tư từ tạ Đông-cao-Công, mang hành-lý theo Hoàng-Phủ-Nột trông về phía đông mà đi. Mờ mờ sáng tới Chiêu-quan, cửa vừa ngỏ, hai người được sấn lên ải. Lính canh cửa thấy Hoàng-Phủ-Nột hình-dáng y như bức tranh trên ải, vả lại có dáng run sợ, cũng xúm lại bắt rồi phi báo cho Vỉ-Việt, Vỉ-Việt tức khắc tế ngựa xuống, xa trông thấy mặt Hoàng-Phủ-Nột, cho ngay là Ngũ-Tử-Tư, quát quân sĩ trói giải về dinh. Hoàng-Phủ-Nột giả cách run sợ, kêu van xin tha. Trong khi bấy giờ tướng-sĩ trên ải và nhân dân trong ải, nghe thấy bắt được Tử-Tư, kẻ lấy làm mừng người lấy làm thương, thì nhau kéo đến xem mặt. Tử-Tư thừa cơ lẻn ngay vào chỗ đông người, rồi lảng-vảng bước lần sang bên kia. Khi ấy Tử-Tư ăn mặc khác xưa, đầu tóc khác xưa, xắc mặt khác xưa, cho nên không ai nhận biết; vả lại quân sĩ trong ải đều cho là bắt được Tử-Tư rồi, thời xự khám xét cũng không cần lắm. Vì thế khi quân-sĩ chói bắt Hoàng-Phủ-Nột, Tử-Tư đã ra khỏi cửa ải.

Hoàng-Phủ-Nột bị giải về dinh, Vỉ-Việt truyền lấy cung trạng rồi sẽ giải về Kinh-đô. Nột cãi rằng:

« Tôi là Hoàng-Phủ-Nột, ẩn-sĩ ở núi Long-đông, muốn theo một người cố-nhân tên là Đông-cao-Công qua ải sang đông chơi, chưa hề can-phạm đều gì? có sao bị bắt? »

Vỉ-việt nghe tiếng nghĩ thầm: Ngũ-viên mắt sáng như điện, tiếng kêu như chuông, người này khổ mặt thời giống mà sao tiếng nhỏ mắt bé, hay là hắn độ này dầu giãi xương gió mà sinh ra thế. Đương khi nghi hoặc, chợt thấy báo có Đông-cao-Công đến chơi. Vỉ-Việt truyền giải phạm-tù đi một nơi, rồi mời Đông-cao-Công vào. Ngồi đoạn Đông-cao-Công nói:

« Nghe nói tướng-quân mới bắt được Ngũ-Viên, nên lão-phu đến mừng.

— « Vâng, quân-sĩ chúng tôi có bắt được một người khổ mặt y như Ngũ-

Viên, nhưng hắn vẫn chưa chịu cung nhận.

— Tướng-quân cùng cha con họ Ngũ, cùng làm quan một triều, lại không thuộc mặt hay sao, mà còn phải đợi cung nhận.

— Ngũ-Viên xưa tiếng to mắt sáng mà người này mắt bé, tiếng khàn, tôi ngờ hắn tiều-tụy đã lâu cho nên mất phong-dạng cũ.

— Lão-phu cũng biết mặt Ngũ-Viên, xin tướng-quân cho coi xem có phải không.»

Vỉ-việt truyền tả hữu giải phạm-tù đến. Hoàng-Phủ-Nột trông thấy Đông-cao-Công, kêu to lên rằng :

« Ông hẹn tôi qua ải đi chơi, sao không đến sớm, để cho tôi khổ nhục thế này ! »

Đông-cao-Công vừa cười vừa bảo Vỉ-Việt rằng :

« Tướng-quân nhầm rồi, ông này là bạn đồng-hương với tôi, tên là Hoàng-Phủ-Nột, rủ tôi cùng sang đông chơi, có đính-ước đón nhau ở Chiêu-quan này, hiện có giấy thông-hành đây. Tướng-quân không tin thời xin coi qua. Thực không phải là Ngũ-Viên.»

Nói đoạn, Đông-cao-Công thò túi lấy giấy thông-hành đưa trình Vỉ-Việt. Vỉ-Việt xem song, sấu hổ đỏ mặt, cỗi chói cho Hoàng-Phủ-Nột và nói :

« Đó là tiểu-tốt chúng nó vô ý nhận nhầm, xin Tiên-sinh đừng chấp.
Đông-cao-Công nói :

« Tướng-quân vì Triều-đình giữ phép, lão-phu đâu giám chấp trách.»

Vỉ-Việt sai người đặt tiệc khoản đãi, rồi lại tặng tiễn rất nhiều vàng bạc để làm lộ-phí.

Đông-Cao-công và Hoàng-Phủ-Nột tạ ơn, rồi cùng đi ra cửa ải. Hai người đi khỏi, Vỉ-Việt truyền lệnh tướng sĩ trên ải phải canh phòng khám xét nghiêm-nhặt như trước, chớ để cho Ngũ-Tử-Tư chốn thoát.

Tử-Tư ra khỏi Chiêu-quan, gấp sức đi thật nhanh, đi được vài dặm, sẩy gặp một tên tiểu-tốt quen mặt Tử-Tư, hiện đương làm lính canh ở Chiêu-quan ; tên tiểu-tốt trông thấy Tử-Tư, thất kinh hỏi.

« Nhà vua tìm công-tử ngặt lắm, cớ sao công-tử ra lọt cửa ải ?

Nhà vua sở-dĩ bắt ta, là chỉ vì muốn lấy hòn ngọc của ta đó thôi, nhưng hòn ngọc ấy ta chót đưa cho người khác ; nay phải đi lấy về để nộp nhà vua. Việc đó ta đã trình qua viên chủ-tướng trên ải, vì thế chủ-tướng mới cho đi.»

Tên tiểu-tốt nghe nói tưởng thật, cũng không dám bắt Tử-Tư. Tử-Tư đi một mạch tới bến Ngạc; trông thấy giòng nước mông-mênh, sóng cần vạn mẫu, mà dưới sông thuyền bè không có đường không biết làm thế nào mà sang được bên kia sông. May đâu, có người Ngư-phủ vừa ở hạ-lưu ngược thuyền lên. Tử-Tư mừng mà rằng : « Giời không tuyệt mạnh ta đó », liền cất tiếng gọi :

« Cho tôi sang với, ông Ngư-phủ cho tôi sang với !»

Ngư-phủ nghe tiếng, nghĩ thầm : « Giấc mộng của mình đêm hôm qua, có lẽ ứng vào người này chăng ?» Nguyên đêm trước người Ngư-phủ ấy mơ thấy xao tướng-tinh bị một đám mây che lấp, tự nhiên sa vào trong thuyền. Lúc tỉnh dậy, Ngư-phủ đồ là ngày hôm sau tất có vị khách khác thường chốn nạn đi qua sông. Lại sực nhớ độ trước có thấy nước Sở huyền thưởng, bắt Ngũ-Tử-Tư, thời người bị nạn ấy có lẽ là ông ta. Vì thế mới chở thuyền lảng-vảng ở đó để đưa sang sông. Khi đó nghe thấy tiếng gọi rật-giọng, Ngư-phủ đồ chừng là Ngũ-Tử-Tư, đã toan lái thuyền vào

bến cho sang ; chợt thấy trên bờ có người đi, mới quay thuyền ra, cất tiếng hát rằng :

« *Vừng giang hồ mọc, bóng mặt giời hồ sế ngang dầu.* »

« *Cùng ai cùng hẹn, ở cái vũng nước chốn rừng lau ven bờ.* »

Tử-Tư nghe hát biết ý, mới theo giải bờ sông đi xuống, nấp vào trong bụi lau, Ngư-phủ suôi thuyền đến đó, trông trên bờ không thấy bóng người, lại hát rằng :

« *Mặt giời sế, lòng ai vẩn vơ.* »

« *Bóng giang hồ mọc ông khách kia đợi đến bao giờ, ông mới sang sông.* »

« *Đương khi sự-thế ngại-ngùng.* »

Tử-Tư nghe thấy tiếng hát, ở trong bụi lau chui ra. Ngư-phủ ghé thuyền cho xuống, rồi chèo thuyền sang ngang. Khi đã tới bến, Ngư-phủ thấy Tử-Tư có dáng đói mệt, mới bảo rằng .

« Ông hãy đợi tôi ở dưới gốc cây liễu này, để tôi đi kiếm lưng cơm ông sơi..»

Nói đoạn, buộc thuyền dưới gốc cây liễu, rồi đi tắt vào trong làng. Tử-Tư ngồi đợi lâu không thấy đến, trong bụng nghĩ thầm : « Lòng người khó lường, chắc đâu họ không dủ nhau bắt mình. » Mới nấp vào trong bụi hoa lau thật kín, để dò xem sao, một lát thấy Ngư-phủ lếch thếch đem rỏ cơm chiêm, liễn canh cá và một lọ nước đến gốc cây liễu, không thấy Tử-Tư, lại hát rằng :

« *Khách rừng lau, ơi hỡi ông khách trong rừng lau.* »

« *Đương khi khốn quẫn, sao ông lại ngờ nhau như thế này?* »

Tử-Tư nghe tiếng, thưa rồi bước ra. Ngư-phủ hỏi :

« Tôi thấy ông có dáng đói mệt, muốn kiếm lưng cơm để ông sơi tạm ; ông lại e lệ, là ý làm sao? »

« Tôi có e lệ gì đâu, chỉ vì tính-mệnh của tôi xưa kia thời chắc ở giời ; bây giờ thời ở trong tay trượng-nhân . . . . »

Ngư-phủ đem cơm canh đến. Tử-Tư ngồi ăn dưới gốc cây liễu ; ăn xong, cởi thanh kiếm đeo ở trong mình ; trao cho Ngư-phủ và nói :

« Thanh bảo-kiếm này là của Tiền-vương ban cho tiền-nhân nhà tôi đã ba đời nay ; ở trong có bẩy ông xao, giá đáng một nghìn lạng vàng. Nay xin kính tặng trượng-nhân. »

Ngư-phủ hỏi :

« Ông có phải là Ngũ-Tử-Tư không ? »

Tử-Tư ngần ngừ đáp :

Phải, Ngũ-viên là tôi.

— Tôi nghe nước Sở có hạ lệnh rằng : nếu ai bắt được Ngũ-Tử-Tư thời thưởng năm vạn hộc thóc, phong tước làm Thượng-đại-phu. Vậy thời thóc năm vạn hộc, quan Thượng-đại-phu, mà tôi cũng còn không thiết ; há lại tham cái thanh kiếm của ông hay sao ? Vả lại anh-hùng mất kiếm, lấy gì mà chơi ! Ông cứ để lại mà dùng, tôi không dám nhận. Mà ông cũng nên đi ngay ; nếu chậm trễ tất bị quân Sở bắt được. »

— Trượng-nhân đã chẳng nhận thanh kiếm, xin trượng-nhân cho biết tên họ.

Ngư-phủ nói :

« Ông thù vua Sở, tôi tha giặc Sở, đòi bên cùng là giặc cả. Ngày nay vơ-vẩn, đôi giặc gặp nhau ; biết nhau thời thôi, làm gì tên với họ. Vả lại tội vẫn sinh-nhai bằng nghề chài lưới ; lênh-đênh mặt bể mặt sông ; biết có khi nào ông lại gặp mặt ; mà có gặp mặt chăng nữa, ông cứ là khách rừng lau, tôi cứ là lão thuyền chài, như thế cũng dủ tình nghĩa. »

Ngư-phủ nói đoạn, Tử-Tư tạ ơn rồi đi, đi vài bước lại quay lại bảo Ngư-phủ rằng :

« Nếu truy binh tới bến, xin trượng-nhân

kín cho. »

Mặt Ngư-phủ ngửa lên giời mà rằng :

« Tôi làm ơn cho ông, mà ông vẫn cứ ngờ tôi. Nếu bây giờ ngẫu-nhiên truy binh tới bến thời bụng tôi tỏ làm sao được! Nhưng thôi, ông cứ đi đi. »

Tử-Tư đi một quãng lại ngoảnh lại trông, thời Ngư-phủ đã cỗi thuyền chèo ra dữa sông đánh đắm thuyền mà tự gìm mình xuống sông.

Tử-Tư thấy vậy, than rằng :

Ngũ-Viên gặp Ngư-phủ ~~gặp~~ thời sống Ngư-phủ gặp Ngũ-Viên thời chết ; sau này biết báo ơn vào đâu ! » (còn nữa)

辰事之部

Nghìn năm non Thúy ông Từ-Đạm

Ai thử qua tỉnh Ninh-Bình, chơi Thúy-sơn, thấy đường núi dễ chèo, phong-cảnh mới-mang; lại có nhiều chỗ đá mới tạc : có chỗ là bài thơ, có chỗ như để ngồi đánh cờ, có chỗ như để ngồi câu cá, có chỗ như để ngồi xem sách mà dưới lại có hai cái vết bàn chân to. Cứ người ở tỉnh ấy nói truyện thời đó là từ năm xưa, khi ông Từ-Đạm đương làm Tuần-phủ Ninh-Bình, Ngài có quyền tiền trong hàng tỉnh để xửa sang như vậy. Quả như vậy, thời quan tuần Từ có thể là nghìn năm non Thúy vậy.

Giang sơn phong cảnh, là của chung xã-hội, không phải là cái núi non bộ ở nhà ai. Vậy mà ai tự lấy ý riêng mà bầy đặt xửa sang, kể cũng đã là không phải ; lại đến tạc hai chân cho lưu truyền dấu vết, nghĩ chẳng là quá-đáng lắm ru ! Vì hai cái vết bàn chân đó mà khiến cho xã-hội có thơ rằng :

« *Quan-lớn năm xưa đục bốn vần,*
« *Ngày nay quan-lớn đục hai chân.*
« *Khen cho đá cũng già gan nhỉ !*
« *Đứng mãi cho quan đục mấy lần !* »

Bài thơ đó không biết của ai, không chê trách gì người đục chân, mà chỉ thương hại cho đá ; thật biết phong-cảnh của giang sơn là đáng tiếc mà nhời thơ cũng vẻ phong-tao. Núi Thúy-sơn xưa là nơi cao ẩn của ông Trương-hán-Siêu, mà nay có vết chân ông Từ-Đạm, cho nên khiến cho người dăng lâm, ngậm ngùi thảo thạch, mà phát ra thơ ca. « *Thanh sơn hữu hạnh mai trung cốt, bạch thiết vô cô chú ninh thần.* » Nhớ đến câu thơ của người xưa, càng thêm tưởng nghĩ vậy.

Lại nghe thiên-hạ đồn rằng : nhân ngày lễ thọ đức Quốc-thái mà quan tuần Từ có ra câu đối thường rằng : « *Tiệc thọ năm mươi mừng mẹ nước* » mà có người đối rằng:

« *Lễ thăm ba chục chết cha dân.* » Câu đối đó thực tỏ ý chế riễu. Song nghĩ như quan tuần Từ là khoa-mục xuất thân, lại đường đường một vị trọng thần, nhẽ đâu có như nhời câu đối đó ; chẳng qua hoặc cũng vì một sự đục chân ở Thúy-sơn mà khiến cho sĩ phu ở Ninh-Bình đem lòng cam giận như thế chăng ? Quan tuần Từ đã có gan đục chân vào Thúy-sơn thời hẳn cũng không cần chi dư luận ; mà việc đó đã rồi, Bản-chí cũng không có sức nào bổ-cứu. Chỉ sợ con như những núi khác, nhất là như Hùng-sơn, mà hoặc cũng bị đục cả như thế, thời giang sơn còn có ra sao ! Vậy nên có một bài thời-sự đây, để hoặc ai có muốn bắt-chước như ông Từ-Đạm, cũng nên nghĩ đến chữ *trăm năm bia đá thời mòn . . .*

香 喝 書 店

HƯƠNG HẮT THƯ ĐIẾM

92, *Boulevard Bonnal*, HAIPHONG

Sách vở giấy bút

Bán sách vở giấy bút các tiểu thuyết Quốc-văn và các sách học chữ Tây, tiểu-thuyết Pháp văn buôn ở Tây sang.

Tạp-hóa Đông-Tây

Các thứ tạp-hóa buôn ở bên Tây sang và các đồ dùng.

Cao đơn hoàn tán

Có bán các thức thuốc gia-truyền kinh-nghiệm rất thần hiệu.

Mạ vàng mạ bạc

Mạ vàng, mạ bạc, tráng gương, bán các đồ nữ trang bằng vàng bạc mạ.

Cải-lương đối trướng

Làm các bức trướng các câu đối cải-lương đủ các kiểu dùng để mừng phúng rất rẻ và làm rất kỹ.

Đại-lý các hiệu thuốc

Đại-lý bán thuốc cho nhà SINH-HÒA-ĐƯỜNG, BÀNH-THỌ-ĐƯỜNG, TỪ-NGỌC-LIÊN

Hai hiệu sách có tiếng

Hiệu **Văn-Bình** ở phố Đệ-Nhị tỉnh Thái-Bình và hiệu **Văn-Hải** ở phố Đông-Thị tỉnh Hải-Dương là hai hiệu sách đã có tiếng trong hai tỉnh, chuyên bán về các thứ sổ, sách, giấy, bút, mực, tây, tàu, quý-khách xa gần trong hai tỉnh ai ai cũng đều biết tiếng.

Hai hiệu chúng tôi lại có bán đủ đồ dùng để kiến điền, các thứ giấy để họa đồ-bản, cùng giấy tiểu-đơn để khai điền thổ, các sổ sách giấy má dùng trong Hương-Hội cải-lương, đồ dùng trong phòng, giấy các sở công tư Còn như các thứ sách tây, sách quốc-ngữ, sách học, sách truyện, sách văn thơi bao giờ cũng sẵn và nhiều.

新民書館

TÂN-DÂN THƯ'-QUÁN

29, Phố Hàng Bông Đệm, **HANOI.**

MỚI XUẤT-BẢN

Thù chồng nợ nước . .	0$12
Nghĩa nặng tình sâu . .	0.12
Vỏ quýt dầy móng tay nhọn.	0 15

Đang in

Luận quốc-văn (dạy đủ các lối)
Problèmes du Certificat d'Etudes.
Résumés de Leçons de choses.
Truyện cổ-tích thứ hai
Thuyền tình bể ái.
Tục thuyền tình bể ái.
Chiếc bóng song the
Vợ tôi.
Phi-châu yên thủy sầu-thành-lục

ĐÃ CÓ BÁN

SÁCH HỌC

40 bài quốc-sử	0$40
200 bài tính-đố	0 30
Sơ-học yếu-lược toàn-thư .	0.40
Quốc-văn độc-bản . . .	0.40
Sách dạy làm văn . . .	0 20

TIỂU-THUYẾT

Anh-hùng-náo	1$25
Tục anh-hùng náo . . .	1.10
Tái sinh duyên	1 80
Tục tái sinh duyên . . .	1 80
Lục-mẫu-đơn	1 00

Các sách đang in khi nào xuất-bản sẽ có đăng báo

NGUYÊN-NGOC-UYÊN

Constructions et Réparations mécaniques

FABRICATION DE LA PEINTURE ET DE L'HUILE

BUREAU ET ATELIERS

71, Rue Jean Dupuis — Hanoi, — Téléphone N° **605**

NHÀ MÁY MỚI MỞ

Kính trình các ngài biết cho tôi mới mở nhà máy ở phố Mới, số nhà 71 Hà-nội, có chế-tạo các thứ máy như là : Máy-in, Giao sén-giấy, máy Dẫn-thủy-nhập-điền, máy luyện-đất, máy đóng các thứ gạch mộc, máy ép gạch si-mo, làm các kiểu khuôn-gạch và khuôn-ngói, các thứ máy xưởng tôi chế tạo ra đây đều có thể dùng nhân-lực làm, rất giản tiện đỡ nhân-công và giá lại rẻ, để tiện dụng cho người Đông-bang.

Làm cả tủ sắt, giường Hồng-kông, và chế-tạo các thứ Sơn-tây và nấu giầu, đều dùng máy làm công việc thực nhanh.

Tôi có đủ các tay thợ làm máy chuyên-môn, chữa xe ô-tô và các thứ máy chạy ét-săng.

Tôi có đúc gang và đúc đồng với đúc aluminium, nhận đúc các kiểu to nhỏ.

Xin mời các ngài chiếu cố cho, tôi xin tính giá phải chang.

CHỦ NHÂN **Nguyên Ngoc Uyên.**

Kính cáo.

LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng gấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang . , ...	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10°/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

An-nam Tạp-chí

Số 2 NĂM THỨ NHẤT 2e QUINZAINE JUILLET 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

DEPOT LEGAL INDOCHINE
N° 1288

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYÊN-KHẮC-HIẾU

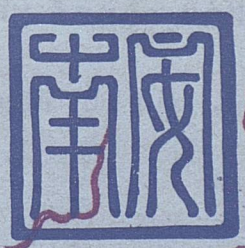

TOÀ BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết**	*Tính nhân-tuần của người An-nam ta từ xưa đến nay.*
2 — **Gia-đình**	*Đạo nội-trợ của người đàn-bà.*
3 — **Thường-thức**	*Việc pháp-luật: Bàn về phạm-vi thẩm-quyền và các việc tố-tụng.*
4 — **Văn-học**	*Nghĩa thiên-lương: nói về phần riêng từng một người.*
	Sử-luận: Hai bà Trưng— Từ Hùng-vương đến mười hai Sứ-quân. — Lý-thường-Kiệt Tôn-Đản đánh Tống.
	Âu-văn tạp-thuật.
	Quốc-văn bình-luận.
	Văn-thơ.
	Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết
5 — **Thời-Sự**	*Tình-hình chính-trị nước Pháp.*
	Đồng phật-lăng vì sao mà hạ giá.
	Một bà nữ nghị-trưởng Ấn-độ.
	Sự biến-loạn ở Nam-Dương quần-đảo.
	Đảng cách-mạnh Cao-Ly.
	Tiêu-tức một toà báo mới ở Trung-kỳ.
	Một câu truyện ở Nam-kỳ.

Bản-chí mỗi tháng in ra hai kỳ: từ mòng 1 đến ngày 15; lại từ 16 đến ngày 30 tây.

Giá đồng-niên, **4$00**; Nửa năm, **2$20**; Mỗi số **0$20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau

Các phong-thư và mandat, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT:
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 2 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Juillet 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

Tính nhân-tuần của người An-nam ta từ xưa đến nay

Năm xưa, tôi đi hội đền Hùng, lên chiêm yết ở lăng đức Hùng-vương, thấy có treo một đôi câu đối sơn, lối chữ viết thật tốt mà nước sơn cũng đẹp, mỗi bên chỉ có bảy chữ rằng:

看來已事須爲史 *Khan lai dĩ sự tu vi sử;*
細認如圖欲命詩 *Tế nhận như đồ dục mạnh thi.*

Ngoài mười bốn chữ ấy thời không có niên-hiệu và lạc-khoản gì cả. Tuy không biết là của ai và treo từ bao giờ; nhưng cứ trông lối chữ và nước sơn, có thể đoán là câu đối ấy đã cổ. Lại nghĩ như một chỗ rất tôn nghiêm như thế, mà chỉ một đôi câu đối được treo ở trong đó, thời tất là người có cái câu đối ấy có thế-vị đặc-biệt ở đương thời. Sau hỏi ra thời có người nói rằng: « Ấy là của chúa Trịnh khi trước. » Câu nói đó tuy là hồ-đồ, song cũng có thể lấy làm tin; vì xem như họ Trịnh ở trong đời nhà Lê, đối với vua Lê đã không coi ra gì, thời đối với vua Hùng-vương mà có cái câu đối ấy, cũng là một sự bất-túc-quái. Mới đây, quan Thương-tá tỉnh Thái-Bình là ông *Nguyễn-đạo-Quán* soạn ra quyển " *Sự tích mười tám đời Hùng-vương,* " trong có dịch cái câu đối ấy ra quốc-văn rằng:

Xem việc đã rồi nên chép sử,
Nhìn tranh như vẽ muốn ban thơ.

Cứ nguyên-văn như thế mà dịch ra như thế thời phải lắm. Nay ai thử ngẫm xem ba chữ dịch-văn *muốn ban thơ*, thời biết ba chữ nguyên-văn 欲命詩 thực là bất kính một cách lạ. Chữ 命 nghĩa là *ban*, là nhời

người trên đối đãi với kẻ dưới, vua Hùng-vương thời là thủy-tổ của nước Nam, dẫu từ Đinh, Lý, Trần, Lê các vua, ai có dám viết như thế chăng, cũng đều là bất-kính, mà huống chi họ Trịnh ru! Duy họ Trịnh quyền-thần thói quen, cho nên cũng mới dám như thế vậy.

Đương khi kẻ có quyền thế ở trong tay, dẫu muốn làm càn đến thế nào, cũng không có ai dám ngăn cấm; đó là một sự dĩ-vãng, bàn nữa cũng không làm chi. Chỉ lạ rằng thời-đại đã qua, uy quyền đã đổi; hội hè tế lễ, đến nay đã bao năm, mà một đôi câu đối vẫn treo đó như xưa, thời cái tính nhân-tuần của người An-nam ta thật là đặc-tính vậy! Nhân một sự đó mà nghĩ ra thời từ xưa đến nay, trên từ vua tướng, dưới đến nhân dân, vô luận thời-đại đổi thay, sự-cơ khích-thích ra làm sao mà một cái tính nhân-tuần vẫn như cũ. Nay thử đem mấy điều, biểu trứng cái tính nhân-tuần của người nước ta, chất cùng các độc-giả.

1° Việc triều cống. — Nước ta xưa từ đời Hùng-vương, có đem con thần-quy sang dâng họ Đào-Đường; đến đời nhà Chu ở Trung-quốc, ta lại có đem sang con bạch-trĩ, ấy đều chỉ là lễ bang-giao mà không phải là lệ triều cống vậy. Từ sau đó cho đến đời mười hai Sứ-quân, phần nhiều là nước ta thuộc nước Tầu cai-trị; trong khoảng ấy, phàm những người hào-kiệt nổi lên, tuy chủ-quyền không giữ được bao năm, nhưng chưa từng có sự triều cống. Sự triều cống là bắt đầu từ vua Đinh Tiên-hoàng sai con là Nam-Việt-vương Liễn sang Tống, về sau thành lệ; trải Lý, Trần, Lê cho đến nhà Tây-Sơn, vô luận ông vua anh-hùng nào, thời-đại thịnh vượng đến thế nào, đánh được giặc, rồi lại hàng, mỗi năm có lễ sang cống, hoặc đúc người vàng thay làm mình để sang chầu, hoặc sai người giả-mạo làm mình để sang chầu. Một sự triều cống đó, mãi đến Bổn-triều đời Hàm-nghi, năm ất-dậu (1884), nhân do điều-ước ở Thiên-Tân, vua Tầu cát-nhượng nước Nam ta cho nước Pháp, mà từ đấy mới thôi. Nếu không có trận Pháp Thanh đánh nhau ở Phúc-Kiến, Đài-Loan, thời lệ đó đến nay có nhẽ vẫn còn vậy. Biểu trứng của cái tính nhân-tuần, đó là một.

2° Việc khoa-cử. — Nước ta từ ông Sĩ-Nhiếp đem Thi Thư sang dạy, mà mới nhiễm văn-hóa của nước Tầu; đến đời vua Nhân-tôn nhà Lý mới có việc khoa-cử. Từ đấy về sau, mỗi ngày mỗi thịnh. Trong những đời trước mà xem ra, việc khoa-cử cũng không phải là không hay; nhưng đến khoảng năm Tự-đức về Bổn-triều, phong-trào ở hải-ngoại đã dồn-dã, đến chung quanh mà kinh-nghĩa thơ-phú vẫn không bỏ. Mãi đến đời Khải-định mới đây, nhà nước Bảo-hộ có nghị-định bãi khoa-cử thời từ đấy mới thôi. Nếu không có nghị-định của Bảo-hộ bỏ đi cho, thời việc ấy đến nay có nhẽ vẫn còn vậy. Biểu trứng của cái tính nhân-tuần, đó là hai.

3° Việc tế lễ. — Việc tế lễ ở nước ta, tức là tôn-giáo, đáng như có cái thái-độ rất cẩn trọng tôn nghiêm mới là phải. Vậy mà như một sự câu

đối treo ở lăng đức Hùng-vương đã như thế; lại như tượng thờ ở đền làng Trường-Yên tỉnh Ninh-Bình, thực lại càng là trái mắt hơn. Làng Trường-Yên tức là đất Hoa-Lư khi xưa, đô vua Đinh đóng ở đó; Lê-Hoàn cướp nhà Đinh, cũng nhân đóng kinh-đô ở đó. Vì thế cho nên ở làng ấy đến nay có hai đền thờ : đền trên là thờ vua Đinh thời có tượng vua Đinh ; đền dưới là thờ họ Lê thời có tượng Lê Đại-hành, Dương-hậu và Ngọa-triều. Nguyên tượng Dương-hậu khi trước thờ ở đền trên, đến sau biết là không tiện, mới đem xuống đền dưới; thờ ở đền dưới cũng lại là không tiện, nhưng không ai dám bỏ đi. Biểu trứng của cái tính nhân-tuần, đó là ba

4° Việc sử ký. — Sử-ký là một việc trọng yếu của một nước, trước là để cho người trong nước biết việc đã qua, sau là để cho người trong nước có lòng yêu nước; nếu hai nhẽ đó mà mất cả, thời sử xanh còn có ra chi ! Vậy mà xem như những bản sử của nước ta, nhất là pho Khâm-định, thời thật đáng buồn cho sử-giới vậy. Triệu-Đà là người Tầu, sau khi đã đánh được Thục-Phán thời xưng đế mà đóng đô ở Ba-Ngung (thuộc đất Quảng-Đông) ; hai quận Giao-Trỉ, Cửu-Trân là đất ta khi xưa thời chỉ cho hai kẻ Sứ-thần giữ quyền cai-trị. Vậy mà Triệu-Đà ở sử ta, chép là "趙武帝 *Triệu Võ-đế* » vậy. Bà Trưng-vương là vua của nước ta mà Mã-Viện là giặc, vậy mà ở Sử Khâm-định chép về trận Lãng-Bạc, viết to lên rằng: « 馬援軍至浪泊與徵側戰破之側退保禁谿. *Mã-Viện quân chí Lãng-Bạc, dữ Trưng-Trắc chiến, phá chi. Trắc thoái bảo Cấm-Khê.* » Nghĩa rằng : *Mã-Viện quân đến hồ Lãng-Bạc, cùng Trưng-Trắc đánh nhau, đánh tan đó. Trắc lui giữ đất Cấm-Khê.*" Ôi ! như thế là nhời người nước Nam, hay nhời người nước Tầu ? Những nhà làm sử sau, không những không ai nói mà có nhiều người theo. Biểu trứng của cái tính nhân-tuần, đó là bốn.

5° Việc phong tục. — Phong-tục là tập-quán lưu truyền, có phong tục chung của một nước, có phong-tục riêng của một làng, hay thời nên để mà dở thời nên đổi. Nói về tục chung trong nước ta, thời như việc vàng hồ áo mã, mỗi năm hư-phí không biết là bao nhiêu, ở những người đàn bà mê tín sự quỉ thần không nói chi ; còn những người đàn-ông có học-thức, biết là không phải, nhưng không dám xửa đổi. Lại như gả con mà thách của, ở những nhà hèn mạt cauộng lợi không nói chi ; còn những nhà sang-trọng đứng-đắn, thực là phí tổn thêm cho con còn về nhiều, nhưng trong khi cưới cũng phải thách nhà giai đem tiền dẫn là bao nhiêu, rồi lại cho làm của hồi-môn, để lấy thể-diện với thiên-hạ. Nói về tục riêng của một làng thời như ở làng Cầu-Lim tỉnh Bắc-Ninh, mỗi năm tháng giêng có ngày hội, những con gái trong làng không cứ là chưa có chồng, hay có chồng, đều đi mời những khách con giai về nhà, dọn rượu làm cơm, toàn như thể ca-lâu tửu-quán. Bố mẹ anh em cũng là chồng, không những không cấm-chế mà lại lấy mời được

nhiều khách làm hơn người. Phong-tục như thế mà lấy làm quen thường. Biểu trưng của cái tính nhân-tuần, đó là năm.

Ngoài năm điều lược kể đó, việc canh nông nhân-tuần mà mưa nắng chỉ nhờ giời; việc công nghệ nhân-tuần mà làng nào nghề nào cứ nghiệp ấy; việc thương mại nhân-tuần mà buôn bán không ra ngoài xứ sở. Nói cho quá thời có thể gọi là phàm sự nhân-tuần. Phàm sự nhân-tuần đó do ở một cái tính nhân-tuần mà ra, mà mấy nghìn năm tiến-hóa chậm hơn người, thực nguyên-cớ ở đó. Đến nay, phong-trào ở đông tây khích-thích đến ta càng mãnh liệt; tình thế của tổ-quốc đối với thời-cục càng gian nguy. Ở vào cái thời-đại xe hơi tầu bay mà còn cứ võng trần cáng úp mãi được sao! Ôi, hai chữ "*nhân tuần*" thực phải đối với hai chữ "*tiến hóa*"; muốn tiến hoá, tất phải bỏ cái tính nhân-tuần. Nước Nhật-Bản khi xưa muốn duy tân, hạ lệnh dịch phục mà nhân-dân không theo; rồi phàm kẻ nào mặc áo dài đi ra đường, đều bị có binh dịch xén ngắn hết. Ông Trịnh-thành-Công sau khi trái mệnh bố mà sắp chống nhau với Mãn-Thanh, vào miếu đức thánh Khổng, làm lễ rồi đốt hết nho-phục, từ đấy đổi sang nhung-trang. Ôi, như thế là không nhân-tuần; tất như thế mà nước Nhật-Bản mới ra Nhật-Bản, ông Thành-Công mới có thành công vậy. Quốc-dân ta nghĩ đó, có nên cắt bỏ cái tính-căn rất xấu là cái tính nhân-tuần tự trước đến nay không?

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Nước non khơi cách nghìn trùng,
Biết tính sao cho vẹn chữ tùng.
Lòng em cũng muốn,
Ngại-ngùng
Em khôn sớm theo anh.

THU-CẬN

TẢN-ĐÀ TU THƯ CỤC

CÁC SÁCH ĐÃ IN

Lên sáu	giá	0$10	Truyện Tỳ-Bà	»	0, 50
Lên tám	»	0, 20	Bức tranh lòng son	»	0, 08
Đài gương	»	0, 35	Truyện Trinh-thám Ba-Lan	»	0, 20
Đàn bà tầu	»	0, 25	Truyện Thế-gian quyển nhất	»	0, 30
Thần tiền	»	0, 30	Truyện Thế-gian quyển nhì	»	0, 20
Giấc mộng con	»	0, 38	**Đại-Học**	»	0, 70
Khối tình con quyển nhất	»	0, 18	Sự-tích 18 đời Hùng-Vương	»	0, 20
Khối tình con quyển nhì	»	0, 20	Cẩm-Hương-Đình	»	0, 50
Khối tình bản chính	»	0, 25	Chết sống thuyền-quyên	»	0, 40
Khối tình bản phụ	»	0, 10	**Kinh-Thi** quyển nhất	»	1, 50
Còn chơi	»	0, 30	Quốc Sử huấn mông	»	0, 60
Tản-Đà tùng văn	»	0, 30	Thơ Tản-Đà	»	0, 20

社會之家庭說

GIA-ĐÌNH

ĐẠO NỘI-TRỢ' CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ

Người có gia-đình đã là người đàn ông, cho nên người đàn bà gọi là **Nội-trợ**. **Nội-trợ** nghĩa là giúp các công việc ở bên trong. Đã gọi là **giúp** thời không có nghĩa tự chuyên, cho nên phàm các việc trong nhà, nhớn như doanh sinh lập nghiệp, tế-tự tân khách, bé như ăn ở với đầy tớ, xử-đãi cùng láng giềng. Đàn bà coi sóc bảo ban mà phải theo ý kiến của người chồng làm chủ. Như thế thời trong nhà mới có thể thống, mà có no ấm giầu sang chăng nữa, cũng mới được là nhà thượng-lưu. Nếu người **nội-trợ** ấy, phàm các việc tự theo ý-kiến mình mà không kể có người đàn ông; hoặc tuy có hỏi ý người đàn ông mà thực là bắt phải theo mình. Như thế đều gọi là "*lấn chồng*". Người đàn bà *lấn chồng* thời gia-đình không có thể-thống; gia-đình không có thể-thống thời nghèo hèn giầu sang, đều chỉ là nhà hạ-lưu trong xã-hội vậy.

Nay nghĩ về những người đàn bà *lấn chồng*, có mấy duyên-cớ tính-cách khác nhau như dưới:

1° Người đàn bà ấy không có cậy môn-hộ, tài-đởm, của-cải, địa-vị gì, chỉ là phú tính hung hẫn mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

2° Người đàn bà ấy, cậy vì có của cải gây dựng cho chồng, mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

3° Người đàn bà ấy, cậy vì môn-hộ hơn nhà chồng mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

4° Người đàn bà ấy, cậy vì khôn ngoan tài đởm, gánh vác giang san nhà chồng, mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia đình không có thể thống.

5° Người đàn bà ấy, cậy vì nhà chồng hiếm-hoi mà mình có sinh con đẻ cái, mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể thống.

6° Người đàn bà ấy, cậy vì có học thức, lại mê về câu nói nữ-quyền mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

Các duyên cớ tính cách của những người đàn bà lấn chồng, chắc còn nhiều nữa không ít; nay chỉ lược nói như mấy điều đó, đủ thấy rằng trong cửa nhà người ta, có thể-thống được là khó. Nay nghĩ như một cái gia-đình vô thể-thống, chủ có lỗi vẫn là người đàn ông; mà người đàn bà lấn quyền chồng, thực nên khoa tội ngang nhau vậy. Tự người có gia-đình mà đã đến đánh mất chủ-quyền thời không mong có một ngày quang-phục được nữa; chỉ mong ở người nội trợ chiếm-đoạt kia, hoặc có biết nghĩ mà buông giả, ấy là hạnh-phúc cho cái gia-đình đó mà thôi. Trong tâm-lý người đàn bà thường lấy lấn được chồng làm đắc ý, song không biết đó thực là một cái tệ hại rất nhớn cho gia-đình. Làm người nội-trợ mà gây cái tệ hại rất nhớn cho gia-đình, tưởng cũng không nên đắc ý vậy. Trong xã-hội ta nay, những người đàn bà lấn quyền chồng, xem ra có nhẽ cũng không ít. Trong các người đó, ai là người hạ-lưu vô giáo dục, gặp thì may bước mà nổi lên thời không đủ kể nói; còn như ai con nhà danh-giáo đi lấy chồng, vì tự mình lấn quyền mà khiến cho gia-đình của người chồng

thành một nhà hạ-lưu trong xã-hội, nghĩ như vậy thời nỡ sao. Huống chi thế-giới mỗi ngày văn-minh, đàn bà con gái đều dự có trách-nhiệm với xã-hội; ai là người nặng cái quan-niệm với xã-hội, càng nên coi trọng cái thể-thống trong gia-đình. Gia-đình có thể-thống mà xã-hội mới văn-minh vậy. Đàn bà con gái nước ta nay, người có quan niệm đến xã-hội, tưởng cũng không ít, vậy xin giữ lấy đạo tề-gia nội-trợ, cho trong một gia-đình có thể-thống, cho các việc luân-lý sinh-lý, nhật dụng thường hành trong gia-đình đều hoàn-hảo mỹ-mãn, cho xã-hội mong nhờ.

Nguyễn-khắc-Hiếu

常識之部

THƯỜNG-THỨC

VIỆC PHÁP-LUẬT

BÀN VỀ PHẠM-VI THẨM-QUYỀN VÀ CÁC VIỆC TỐ-TỤNG

Tục-ngữ ta có câu: "Khôn ngoan đến cửa quan mới biết." Đã khôn ngoan thì đến đâu ai chả biết, cần gì phải đến tận cửa quan mới biết? Cửa quan là cửa nha-môn, là nơi phán-đoán án-kiện; đến trước cửa nha-môn, không khôn ngoan thì giải bầy sao cho hết điều thị phi, không khôn ngoan thì tỏ sao cho hết lẽ hơn thiệt, không khôn ngoan, thì nói sao cho kịp được miệng những dám thầy kiện thầy cò. Đến cửa nha-môn, người ta vặn hết lẽ này lẽ khác, kể hết cách nọ cách kia, hễ ngu dại thì nói ấp-úng không thông, người run như cầy sấy, ấy ngu-dại hay khôn-ngoan thò ngay ra ở đấy, giấu sao cho được. Câu tục-ngữ đó tuy là để chế-bác những kẻ hay nói thánh nói tướng ở trong sỏ nhà, nhưng kỳ-thực có ngụ ý sâu xa rằng: đến chỗ nha-môn, không khôn-ngoan tinh-quái, biết lý biết luật thì không xong; pháp-luật cần cho người ta để hộ-vệ quyền-lợi riêng của mình, để biết đường giao-thiệp ở trên đời, chẳng khác gì quần áo để che thân-thể, nhà cửa để che nắng mưa, các đồ khí-giới để giữ gìn quân trộm cắp gian-phi vậy.

Ta đã biết pháp-luật là cần, ta kịp nên làm thế nào cho quán-xuyến nghĩa luật, thấu-đạt ý luật thì mới tránh khỏi được những sự lầm-lỗi chính bởi ngay ở luật mà ra. Trước khi giải nghĩa luật, dẫn ý luật, tưởng cũng nên bàn qua về thẩm-quyền của các tòa án và những việc tố-tụng về hình-sự, dân-sự, thương-sự để cho người có việc và người mới bắt đầu xem luật được thấu-hiểu nguyên-ủy.

Nước ta từ khi có phong-trào mới, pháp-luật cải-cách khác xưa nhiều, việc pháp-viện hiến-chế, mỗi ngày mỗi nghiêm mật, trong một sứ Đông-Pháp, biết bao nhiêu là tòa-án: tòa-án **sơ-cấp**, tòa án **đệ-nhị-cấp**, tòa án **đệ tam cấp**, tòa án **trừng-trị**, tòa án **sơ-thẩm**, tòa án **phúc-thẩm**, tòa án **hộ**, tòa án **thương-mại**, tòa án **binh**, tòa án **cai-trị**, vân vân . . . — Mỗi tòa danh-hiệu một khác, mỗi tòa thẩm-quyền một khác, nếu đem kể cho những người nhà-quê nghe, ai mà chẳng bỡ ngỡ như rắt vào một cái rừng. Mà thực thế, ngẫm kỹ

xem thì pháp-luật và thẩm-phán nha môn quả không khác gì một cái rừng, người nhà quê đối với pháp-luật có khác gì chim chích vào rừng. Rừng rậm um-thùm, lắm đường lắm ngách, chỗ đèo chỗ non, chỗ khe chỗ suối, chỗ cây cao hang rộng, chỗ thú rữ ma thiêng, đã bước chân vào, sơ ý một chút thì lạc đường lạc nẻo, ngộ nhỡ lại có khi oan-gia. Cho nên ở vào đời pháp-luật sâm-nghiêm này, cần phải đọc luật kỹ cho thấu-triệt đến ngành đến ngọn thì mới giữ được cái phạm-vi quyền-lợi của mình, và tránh khỏi được những điều lầm lỗi sẩy ra bất kỳ, ví cũng như đi vào rừng có thông đường, thông thổ thì mới có sự mạo-hiểm mà không đến nỗi thất-thân.

Dân nhà quê ta rất hay có sự khí-khái phải giắt nhau đến cửa công ; ở chốn thôn quê lại hay có người ỷ quyền cậy thế, ức hiếp lương-dân, hay vu ra việc này việc khác, có nói không, không nói có, thêu dệt nên nhời, để vu-oan giá-họa cho những người lành-hiền khờ dại. Dân ta học-thức ít, hiểu sao được pháp-luật, động có giấy quan đòi thì thất đởm kinh hồn, chạy nhao đi tìm thầy tìm thợ, vác túi bạc đi lạy cửa này cửa nọ, chẳng hiểu đầu đuôi công-việc ra sao, chẳng biết ứng đối biện bạch thế nào cho phải. Kẻ có nhiều tiền thì lấy tiền mà giẫy, vin lấy những câu : « **Nén bạc đàm toạc tờ giấy** » làm cái cọc dựa mình mà khinh mạn pháp-luật ; rút cục lại được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn, quanh đi quẩn lại chỉ làm béo cho bọn tham ô. Kẻ nghèo khó hoặc ít tiền, không đủ dút lót, bề thế không có, hỏi đến không biết đường mà nói, kiến-thức không đủ để chống chế, cái ẩn-tình làm sao mà bộc-bạch ra được, trách sao cho khỏi mắc tội oan. Than ôi ! pháp-luật rất nghiêm, kẻ gian ác lấy thế-lực kim-tiền mà xem thường xem khinh ; pháp-luật rất minh, kẻ lương dân hay vì sự khờ dại mà mắc phải tai bay vạ gió Nghĩ mà ngán thay! .

Ấy vì lẽ ấy mà An-Nam tạp-chí phải cần-quyền về việc pháp luật, vì lẽ ấy mà An-Nam tạp-chí phải cần-quyền về việc diễn-giải pháp-luật, mong cho pháp-luật chóng được phổ-thông, trừ tuyệt những sự bất bằng, để cho quốc-dân ai cũng được yên vui trong vòng hạnh-phúc. Nhưng ta phải biết rằng : nghĩa luật, ý luật là về phần nội-dung mà thẩm-quyền và việc tố-tụng thì lại là ngoại-dung của pháp-luật. Muốn biết nội-dung thì về phần ngoại-dung cũng phải lưu ý xem qua, vì cũng như đến chỗ đình-đám, miếu-mạo, mà không đi qua cửa tam quan thì ròm sao thấy được những sự nguy-nga xán-lạn ở bên trong.

Kỳ trước ký-giả đã nói về hai thứ luật : luật Pháp và luật Annam : . . . . Luật định có hai thứ, cho nên Tư-pháp nha môn cũng phải chia ra hai đẳng có khác nhau : các tòa án xử những việc tây và các tòa án xử những việc thuộc về người bản-quốc. Các tòa án xử những việc tây là : tòa án **trừng-trị**, tòa án **sơ-thẩm**, tòa án **phúc-thẩm**, tòa án **đại-hình** hay tòa án **áo-đỏ**. Tòa án xử những việc vi-cảnh như : ăn trộm, du-đãng, không có thẻ thuế thân, đánh nhau, nấu rượu lậu, bán thuốc phiện lậu, vân vân.....

Tòa án **sơ-thẩm** xử tất cả những việc mới phát-sinh ra ở trong một địa-hạt nào, những việc xử cũng giống như ở tòa án **trừng-trị**, song cái phạm-vi thời rộng hơn. Tòa án **phúc-thẩm** xử những việc bất phục-tình ở các tòa án **trừng-trị** và các tòa án **sơ-thẩm**, xử những việc xin tiêu-hủy các án kiện ở các tòa dưới đã xử và những việc xin tái-thẩm những án nghi của bản tòa. Tòa án **đại-hình** (tòa án áo đỏ) sử những việc quan trọng thuộc về luật tây như : làm và lưu-thông giấy bạc giả, ăn cướp, giết người, lạm tiêu tiền công của nhà nước vân vân. . . . . Trong xứ Đông-Pháp

thời ở những thành-phố sau này có tòa án **trừng-trị** hoặc tòa án **sơ-thẩm** : Vientiane ở Laos ; Vinh và Tourane (Đà-Nẵng) ở Trung-kỳ ; Hanoi, Nam Định, Hải Phòng ở Bắc-kỳ ; Fort Bayard ở Quảng-châu-Loan và tất cả các tỉnh ở trong địa-hạt Nam-kỳ. Tại Saïgon và Hanoi mỗi nơi có một tòa án **phúc-thẩm** và một tòa án **đại-hình**. Tòa án **phúc-thẩm** và tòa án **đại-hình** ở Saïgon sử những việc thuộc về Nam-kỳ và Cao-Mên. Tòa án **phúc-thẩm** và tòa án **đại-hình** ở Hanoi xử những việc thuộc về xứ Ai Lao, xứ Trung-kỳ, xứ Bắc-kỳ và Quảng-châu-Loan.

Các tòa án xử những việc về bản quốc là Tòa án **sơ-cấp** (ở các phủ, huyện, châu, mỗi nơi có một tòa án sơ-cấp); tòa án **đệ-nhị-cấp** tức là tòa án tỉnh, tòa án **đệ-tam-cấp** hay là tòa thượng-thẩm (hoặc gọi là tòa phúc-thẩm). Tòa án **sơ-cấp** có quyền sơ-thẩm và trung-thẩm tất cả những việc tạp-tụng mà giá ngạch không quá ba mươi đồng bạc sẩy ra ở trong địa-hạt. Tòa án **đệ-nhị-cấp** có quyền sơ-thẩm và trung thẩm những việc dân-sự, thương sự và giá mục quá ba mươi đồng bạc và không tới một trăm đồng bạc, những việc kiện về gia-sản, thừa tự, không thể định được giá mục là bao nhiêu, những việc kháng cáo án-nghĩ của tòa sơ-cấp về tội vi-cảnh, những khinh tội, trọng tội, những việc có can-hệ đến thân-phận và cầu-cước của người ta vân vân . . . . . Tòa án **đệ-tam-cấp** có quyền xét sử những việc kháng cáo án sơ-thẩm của các tòa đệ-nhị-cấp, những việc xin tiêu hủy án trung-thẩm của các tòa án sơ-cấp và đệ-nhị-cấp, những việc xin tái-thẩm xin khai phục công-quyền, vân vân . . . .

Đó là thuộc về tổ-chức nha-môn, theo luật mới hiện đương thi-hành ở các tỉnh xứ Bắc-kỳ. Còn những xứ chưa thi-hành luật mới, như xứ Ai-Lao (không kể Vientiane), xứ Cao-Mên và xứ Trung-kỳ (không kể Tourane và Vinh) thì vẫn còn theo luật cũ của từng xứ một, phàm những việc án kiện có quan sở-tại địa-hạt và quan án tỉnh xét sử, xong rồi đệ bẩm về bộ-hình ở các kinh-đô bản-xứ.

Tòa án bộ và tòa án thương-mại thì gián hành với các tòa án hình để chuyên xét xử về những việc giao-kèo, khế-ước, về việc buôn bán, và các việc công nợ điền thổ. Tòa án binh thiết lập ở các đồn trại quan-yếu để xét xử các việc phạm về quân-luật sẩy ra ở trong các hàng quân-ngũ ; ở Saigon và Hanoi, mỗi nơi có một tòa án Cai-trị. Tòa án Cai-trị xét xử những việc thuộc về cai trị có can thiệp đến Chính-phủ. Còn tòa án Áo-đỏ, tòa án Áo-đen mà người ta thường gọi, đó chẳng qua là những tiếng sưng-hô mà thôi, chứ không có đẳng-cấp nha-môn gì cả. Áo đỏ chỉ duy có phiên tòa đại-hình, các quan tòa mặc áo đỏ cho nên gọi là tòa án áo-đỏ mà thôi. Còn áo đen thời tất cả các tòa án sử theo luật tây và luật mới như là tòa án trừng-trị, tòa án sơ-thẩm, tòa án phúc-thẩm và tòa án đệ-tam-cấp (tức là tòa án thượng-thẩm) các quan tòa đều mặc áo đen cả. Ta có người tưởng rằng : áo đen chống án lên tòa áo-đỏ, tòa áo-đỏ to hơn tòa áo-đen, các quan-chức tòa áo-đỏ có danh-giá hơn, có quyền-thế hơn các quan chức tòa áo-đen. Cũng có người tưởng rằng : Tòa áo-đỏ xét xử những việc đại-gian, đại ác, kết những tội lưu, đồ, khổ-sai và sử-tử, còn tòa áo-đen thời chỉ sử những việc phạt tù, phạt giam, phạt bạc mà thôi. Tưởng như thế là nhầm. Tòa án đệ-tam-cấp (tòa thượng-thẩm về phòng thứ nhì thuộc về Nam-án) chẳng là tòa áo-đen ru ? Sao cũng có kết những án đồ, khổ-sai và sử-tử ? Danh hiệu khác nhau thế nào, thẩm-quyền khác nhau thế nào, trên ta đã bàn rõ. giờ chỉ rút lại một câu vắn-tắt cho người ta dễ hiểu rằng : Áo đen, áo đỏ chỉ là cái tiếng sưng-hô, mà tòa áo-đỏ tức là tòa án đại-hình, chỉ xét sử những việc trọng-tội thuộc về luật tây mà thôi vậy.

(Sẽ tiếp theo)

SƠN-XÁ LÊ-KHẮC-HOA.

文學之部

VĂN-HỌC

NHỜI LUẬN THUYẾT GIẢI VỀ NGHĨA THIÊN-LƯƠNG

(tiếp kỳ số 1)

NÓI VỀ PHẦN RIÊNG TỪNG MỘT NGƯỜI

Phàm người ta, ai nấy đều cũng có thiên-lương; ai nấy đều có hưởng thụ không-khí thiên-lương của nhân-loại.

Cứ đâu biết rằng phàm người ai cũng có thiên-lương? Chỗ đó như không thể lấy gì làm chứng minh, song xem như thiên-lương phát trưởng bất tề, mà nhẽ cũng tự rõ. Ba nguyên-chất thiên-lương, phàm người ai cũng có, mà phát sinh tư trưởng thời rất không đều nhau. Xưa nay bao hào kiệt thánh hiền, khó có người toàn thịnh cả ba, ngành nọ hơn thời ngành kia thường phải kém. Nay lược tự ít nhiều người, người nào phát trưởng mạnh về ngành nào, liệt biểu như dưới:

1° **Lương-tri** — *Tụy-Nhân, Thần-Nông* cùng các nhà phát minh về khoa-học; các nhà triết-học.

2° **Lương-tâm** — *Khổng-tử, Gia-Tô, Thích-Ca* cùng các nhà tôn-giáo, đạo-đức, luân-lý.

3° **Lương-năng** — *Nã-phá-Luân, Thành-cát-tư-Hãn* cùng các người anh-hào; các nhà mỹ-thuật.

4° **Lương-tri, lương-năng** — *Kha-luân-Bố.*

5° **Lương-tâm, lương-năng** — *Hạ-Vũ, Hoa-thịnh-Đốn, Trưng-Trắc.*

6° **Lương-tri, lương-tâm, lương-năng** — *Gia-cát-Lượng.*

Giở lên như biểu liệt đó, ông Tụy-Nhân, ông Thần-Nông cùng các nhà phát minh về khoa-học; các nhà triết-học, không phải là hai ngành thiên-lương kia không phát sinh tư trưởng, nhưng khai hoa kết quả thời lương-tri vẫn chiếm phần hơn. Đức Khổng-tử, đức Gia-Tô, đức Thích-Ca cùng các nhà tôn-giáo, đạo đức, luân lý, không phải là hai ngành thiên-lương kia không phát sinh tư trưởng, nhưng khai hoa kết quả thời lương-tâm vẫn chiếm phần hơn. Ông Nã-Phá-Luân, ông Thành-cát-tư-Hãn cùng các người anh hào, các nhà mỹ-thuật, không phải là hai ngành thiên-lương kia không phát sinh tư trưởng, nhưng khai hoa kết quả thời-lương-năng vẫn chiếm phần hơn. Đến như ông Kha-luân-Bố thời lương-tri phát trưởng ngang với lương-năng; ông Hạ-Vũ, ông Hoa-thịnh-Đốn, bà Trưng-Trắc thời lương-tâm phát trưởng ngang với lương-năng. Lại như ông Gia-cát-Lượng thời ba nguyên-chất của thiên-lương phát sinh tư trưởng, khai hoa kết quả đều như nhau, cho nên sàn sàn thấp bé vậy. Thống xem các thánh hiền hào kiệt lược tự đó, không dám bảo ai là người có giá-trị với nhân loại hơn kém thế nào; chỉ là để chứng minh thiên-lương phát trưởng bất tề có như thế. Cái khí anh linh ở trong người có hạn, chia nuôi cả ba ngành cho sinh trưởng thời sự kết quả cũng có hạn, mà không mỹ-mãn được là bao; riêng một ngành hút mạnh chồi cao thời hoa nhớn quả to, la-đà mặt đất vậy. Cho nên như ông Gia-cát-Lượng, anh-hùng không bằng

những ông Nã-phá-Luân, Thành-cát-tư-Hãn, đạo đức không bằng các đức Khổng-tử, Gia-Tô, Thích-Ca; công dụng minh trí ở nhân-gian không bằng các ông Tuy-Nhân, Thần-Nông cùng các nhà phát minh về khoa-học; các nhà triết-học. Cớ thế vậy.

Tự thánh hiền hào-kiệt xem ra có như thế, lại xem ở phàm-dân thiên-hạ mà càng thấy cái nguyên-cớ thiên-lương phát trưởng bất tề. Người ta mà không làm được nên thánh hiền hào kiệt là vì sao? một là cái hạt giống thiên-lương không tốt; hai là cái khí anh linh ở trong người không hậu; ba là sự bồi dưỡng ở bên ngoài không thận-mật công-phu. Cho nên tai mắt cùng như nhau, mà ức triệu kinh cai lục lục phàm dung vậy. Trong số ức triệu kinh cai đó, thiên-lương phát trưởng lại rất là bất tề. Nghe người đời thường có câu nói rằng: «善人少, 不善人多 — *Thiện nhân thiểu, bất thiện nhân đa — Người thiện có ít, người bất thiện thời nhiều*» Vậy nghĩ như người thiện tại sao mà có ít, người bất thiện tại sao mà thường nhiều? Chữ *thiện* đó tức là sự khai hoa kết quả của một ngành lương-tâm. Nguyên lương-tâm cùng lương-tri, lương-năng, dẫu cùng là ba nguyên-chất của thiên-lương, mà bổn-tính có khác. Một chất lương-tri kia, sau lúc đã phát sinh, không những không có sự vật gì đủ làm hại, mà nhất thiết bao nhiêu sự vật có tiếp đến, đều như bón như tưới, bồi dưỡng cho tốt tươi. Cho nên trừ những người nào một mảnh giống lương-tri cặn lép, có phát sinh mà không tư trưởng, cùng những người chỉ cứ ở quanh trong làng xóm, các sự vật ít tiếp đến tai mắt, như thế thời lương-tri không trưởng dưỡng mà hết đời là người không có khôn. Ngoài hai hạng người đó thời tính quái khôn ngoan chẳng ít vậy. Một chất lương-năng kia, sau lúc đã phát sinh, dẫu không có mấy sự vật làm ích, cũng không có mấy sự vật lam hại. Cho nên trừ những người nào một mảnh giống đó cặn lép thời đành chịu là người không có tài; ngoài ra thời nhất nghệ nhất năng chẳng ít vậy. Một chất lương-tâm, sau lúc đã phát sinh, các sự vật ở nhân-thế phần nhiều những làn sâu làm bọ, làm sương làm gió, cùng cắn nhấm, lụi rập, làm cho khó thể mà nhớn lên. Lương-tâm không nhớn thời khai hoa được sao, kết quả được sao. Cho nên người thiện có ít, người bất thiện thời nhiều, là vì một chất lương-tâm không thích hợp với phần nhiều những sự vật ở đời, khó phần sinh-trưởng vậy.

Theo như cái nguyên-cớ giải đó, lại thấy rằng người đời xưa với người đời nay, người nhà quê với người thành-thị, nhận ra có khác nhau. Đời xưa kia, các sự vật ở đời còn đơn dản, tiếp đến lương-tri của người ta còn ít, thời bồi dưỡng cho lương-tri ít; lương-tri ít những vật bồi dưỡng, cho nên sự khôn ngoan chậm phát đạt. Cũng vì sự vật ở đời còn đơn dản, cho nên tiếp đến lương-tâm của người ta còn ít, thời làm hại cho lương-tâm ít; lương-tâm bị những vật làm hại ít, cho nên tính người còn hiền lành thực-thà. Đến nay, các sự vật ở đời rất phân-phồn, tiếp đến lương-tri của người ta ngày nhiều, thời bồi dưỡng cho lương-tri nhiều; lương-tri được những vật bồi dưỡng nhiều, cho nên sự khôn ngoan sớm phát đạt. Cũng vì những sự vật ở đời rất phân phồn, tiếp đến lương-tâm của người ta ngày nhiều thời làm hại cho lương-tâm nhiều; lương-tâm bị những vật làm hại nhiều, cho nên tính người thường gian dảo quỉ quyệt. Người đời xưa hiền lành thực-thà mà kém phần khôn ngoan; người đời nay tính quái khôn ngoan mà ít bề trung hậu, Cớ thế vậy. Người nhà quê với người thành-thị, xem ra cũng như thế.

* * *

Loài người từ lúc còn ấu lòng ở lỗ, chưa có vợ chồng, cha con, anh em, vua tôi, bè bạn giở về trước không kể; sau khi đã có nhà cửa, ăn thức chín, có luân

thường đạo lý của gia-đình xã-hội đến nay, phàm người, ai đã có thân sinh ra đời, đều được hưởng thụ cái không-khí thiên-lương của nhân-loại. Sự hưởng thụ đó, so với sự thiên-lương phát trưởng, lại rất là bất-tề. Nghĩ như con người ta từ lúc oe oe tiếng khóc, cho đến khi vãng vẳng hơi trần, phàm tiếp-thụ vào một thân, nếu được những cao lương cẩm tú, xa mã lâu đài; từ-phụ hiền-huynh, hiền-thê hiếu-tử; lại thêm có người yêu kẻ quí, mà hương khói nghìn thu. Như thế thời cái không-khí thiên-lương, hưởng thụ được mỹ-mãn hoàn-toàn, đành đã rõ lắm vậy. Hoặc các sự tiếp thụ vào một thân, chỉ là những khăn vận áo manh, cơm rau nước lã, em cần anh dở, vợ dại con hư; lại chỉ thêm tôi tớ một đời mà hình qua bóng khuất. Dẫu thế mà cái không-khí thiên-lương, chẳng rằng không hưởng thụ vậy. Một sự hưởng thụ đó, thực rất là bất tề, hay lược chia làm hai loại:

1. — Hưởng thụ về sự khai hoa kết quả của lương-tri, như cao lương cẩm tú, xa mã lâu đài; khăn vận áo manh, cơm rau nước lã.

2. — Hưởng thụ về sự khai hoa kết quả của lương-tâm, như từ-phụ hiền-huynh, hiền-thê hiếu-tử; em cần anh dở, vợ dại con hư.

Hai loài đó lại không biết bao nhiêu là đẳng cấp, phàm người đều có hưởng thụ cả mà hơn kém nhau thời rất xa; hơn phần nọ, kém phần kia, cũng như thiên-lương phát trưởng bất tề vậy. Sự hưởng thụ bất tề đó, do cảnh-ngộ thiên-nhiên, mà năng-lực của người ta cũng dự có ít nhiều trách-nhiệm. Nhiều người thấy hưởng thụ bất tề mà lấy chỗ kém người làm đáng oán, vậy thời như phát trưởng bất tề mà có chỗ kém người sao?

(sẽ tiếp theo)

Nguyễn-khắc-Hiếu

Sử-luận

Hai bà Trưng. — *Nước Nam ta từ sau đời Hùng-vương thứ mười tám, Thục Triệu đế vương, Hán-triều quận huyện, nào là tình duyên của Mỵ-Châu Trọng-Thủy, nào là thư từ của Triệu-Võ Hán-Vân; đình đám người, mẹ con ta, kẻ chép sử cũng đáng buồn chăng vậy?! Vua Trưng là một người đàn-bà, báo thù cho chồng mà lấy lại được nước; cô Nhị là một người con gái, cảm tình cùng chị mà theo đuổi với giang san. Ấy không những là một bực người đáng tôn đáng quí ở nước ta; đối với khắp cả nữ-lưu trong doanh-hoàn, chút không hổ thẹn vậy. Nước biếc xa vời, sử xanh rạng vẻ; nghìn thu hương khói, đã đâu phụ bạc đáp với anh-hùng!*

Từ Hùng-vương đến mười hai Sứ-quân (tổng luận). — *Giở lên từ mười tám đời Hùng-vương đến mười hai Sứ-quân, ở sử cũ lấy làm tiền-biên. Trong đời Hùng còn về buổi thái-sơ, dân-tộc chưa có gì là tiến-hóa. Sau này mấy lần bắc-thuộc, kể dồn lại có hơn nghìn năm. Hơn một nghìn năm đó, các quan Tàu phái sang cai-trị, hiền lương có ít mà tham-nhũng thời nhiều; đấu muối đổi lấy con trâu (1); con cá đánh thuế đấu thóc (2). Tự vua Tàu đã không lấy dân-tộc Nam-Giao làm trọng khinh, cho nên dân ta cũng chỉ lấy quan-lại bắc-phương làm may rủi. May mà gặp ông quan đứng-đắn thời được phần yên vui; chẳng may gặp kẻ không ra gì thời phải chịu khổ-sở. Song tự nay nghĩ lại, những lúc yên vui đó không đủ kể làm mừng, những lúc khổ-sở đó không đáng nghĩ làm cực; chỉ tiếc rằng văn-minh Đông-Á trong buổi ấy, dân tộc Chi-Na đã cao chân dài bước mà ta không tiến-hóa được là bao! Bảo rằng Nho-giáo truyền sang, cũng gọi có chút đỉnh thời vậy. Quan cai-trị của Tàu đã không đủ mong nhờ, nước ta có một đời người*

hào-kiệt nổi lên thời chỉ những chống đỡ với bên ngoài mà hết tháng hết năm, còn đâu tính đến khai dân-trí. Bởi thế cho nên một đoạn Quốc-sử của ta đó, như người còn trong tuổi trẻ bé mà hàn-vi, là Quốc-sử mà chưa đủ kể là Quốc-sử vậy. Tuy vậy, có một đoạn Quốc-sử đó mà mới biết tổ-tiên ta ngày trước, khó-khăn gây dựng, đổ biết bao bồ-hôi nước-mắt với non sông. Nay ta thử mở bức địa-đồ, ngẫm xem lại nước nhà khi cũ, chẳng qua chỉ có đất Bắc-kỳ và một hai phần ở Trung-kỳ; trải bao phen My-Linh duổi Hán, Giạ-Trạch trừ Lương, đến vua Ngô lại thắng trận Bạch-Đằng mà Đinh, Lý, Trần, Lê nổi theo thời sơn hà nước Nam mới riêng thành một đế-quốc vậy. Cho nên ở sách sử Khâm định lấy từ dây giới về trước là tiền-biên; từ nhà Đinh giở lại là chính-biên.

(1) Trong đời thuộc Tấn *Lý-Trác* sang làm quan Kinh-lược, lấy một đấu muối đổi lấy con trâu của dân. Dân không thể chịu được, bèn đưa giặc Nam-Chiếu về làm loạn.

(2) Trong đời thuộc Hán, *Chu-Phù* sang làm Thứ-sử, đem nhiều những người làng, dùng làm quan dưới, truyền sự hà-hiếp dân, một con cá lấy thuế một bộc thóc Trăm họ oán phẫn, cùng họp nhau đánh phá châu quận. *Phù* chạy vào bể, bị giết chết.

Lý-thường-Kiệt Tôn-Đản đánh Tống. — *Nước ta xưa đánh nhau với Tàu, nhiều phen được to, như nhà Trần với người Nguyên, vua Lê với người Minh, Nguyễn, Quang-Trung với người Thanh, đều đủ làm cho người Tàu hết cậy mình là nhớn. Tóm sau trước mà nghĩ thời việc đánh Tống này có giá-trị hơn nhất. Các việc kia khác, đều là người Tàu sang cõi ta, chiếm đất ta; quân ta vì chống-chế, vì khôi-phục mà đánh, đánh mà được. Một việc đánh Tống này thời quân ta tự chân sang đất Tàu, dường-hoàng kể tội vua tướng của nước Tàu mà đánh, đánh mà được, cho nên gọi là có giá-trị hơn. Tuy vậy, người nước ta xem sử đến đây, vui thời vui, nên cũng nghĩ lấy làm tiếc. Đáng tiếc là vì sao? Nước ta có một cái cơ-hội rất tốt ở trận đánh Tống này mà ta không lợi-dụng được vậy. Xem như ở sử Tàu, người Mông-Cổ phá trận Đại-Thủy Lạc mà rồi lấy Kim, lấy Tống, vào làm vua Trung-hoa, một trăm năm nhà Nguyên (1) vậy. Người Mãn-Châu phá trận Sơn Hải-quan mà lấy Minh, cũng làm vua Trung-hoa, ba trăm năm nhà Thanh (2) vậy. Người An-nam ta nhân một phen đánh được ba châu này mà tiến quân sang nữa, biết đâu ở lịch-sử Trung-quốc, không có mấy trăm năm nhà Lý từ trước ru? Ở lịch-sử Trung-quốc đã có mấy trăm năm nhà Lý thời từ ấy đến nay, người Chi na không dám lấy An-nam ta làm khinh, người nước ta cũng không tự lấy An-nam ta làm nhỏ vậy. Ai có cho nhời luận này làm sỉ-dàm, xin thử hết dọc ngang mà nghĩ. Lấy tình thế mà nói: nước Tống khi ấy, bắc có giặc Liêu, tây có giặc Hạ, quân thua của hết, nước yếu dân nghèo, trong triều lại chia ra bè đảng, duy tân thủ-cựu, chính-sự mỗi ngày mỗi nát; nước ta thời vua tôi cùng lòng, quân dân mạnh chí, ba đời vua trước ngót trăm năm, công đức còn ở giang-sơn vậy*

Lấy tài sức mà nói: người Mông-Cổ đánh được Trung-quốc mà quân Chi nguyên thua ta; người Mãn-châu đánh được Trung-quốc mà quân Càn-long thua ta; quân-khí không hơn nhau mà quân-pháp thời Tống từng theo Lý (3) vậy. Nếu lấy về nhớn nhỏ mà nói thời Mãn-Châu, Mông-Cổ, đất cũng không rộng hơn Trung-hoa, người cũng không nhiều hơn Trung-hoa vậy. Tóm lại chỉ là tự yên lòng làm dưới thời không dám mong lớn, ấy thực là một cái tính-căn của người mình từ trước đến sau, tưởng không riêng gì mấy vua tướng nhà Lý. Bởi một cái tính-căn ấy, cho nên vua Nhân-tôn nhà Lý không dám có cái chí-khí như Đặc-Mục-Tàn, Hốt-tất-Liệt, Phúc-Lâm Thanh Thế-tổ (1), mà chỉ lấy "Giao-Chỉ-quận-vương" làm tôn vinh; khiến cho hết con đến cháu, hết Lý sang Trần, cầu phong tiến cống phân-vân, lễ phiên-thần giữ phiên-thần thế thôi. Tiếc thay!.

(1) Nước Mông-Cổ trước vẫn phục thuộc về nước Kim, mỗi năm cũng vẫn phải tiến-cống

Đến đời vua Đặc-Mục-Tân, vua Kim là Vệ-vương Vĩnh-Tế mới lên ngôi, sai sứ đem tờ chiếu sang Mông-Cổ, bắt vua Mông-Cổ phải quì lạy mà nhận tờ chiếu. Đặc-Mục-Tân hỏi sứ-giả rằng: « Vua mới là ai? ». Sứ rằng: « Là Vệ-vương. » Vua Mông-Cổ liền nhổ nước bọt mà bảo rằng: « Ta tưởng Hoàng-đế ở Trung-nguyên là người ở trên giời xuống làm; như những đồ hèn-mạt ấy mà cũng làm đó ư? Có lạy làm chi! » Từ đấy tuyệt nhau với Kim mà phái quân sang đánh. Năm sau (năm tân-vị, đời vua Huệ-tôn nhà Lý ta Kiến-gia năm đầu — 1211), liền phá được trận Đại-Thủy-Lạc mà càng tiến quân mãi, lấy gần hết đất của nước Kim. Đến đời con là Ngạc-Cách-Đức-Y thời lấy hẳn nước Kim. Lại đến đời cháu là Hốt-Tất-Liệt, đổi quốc-hiệu là Nguyên, lấy cả nước Tống, có toàn đất Trung hoa. Họ ấy làm vua ở Trung hoa 91 năm, là kể từ sau lúc lấy Tống — Nước Mông-Cổ ở về giữa châu Á, nay hợp với nước Tàu — Đất nước Tàu khi ấy, từ sông Dương-tử giở về nam là Tống, giở về bắc thời là Kim. Kim cũng là một họ ở ngoài Trung-hoa mà vào chiếm cướp đất của Tống. — Đặc-Mục-Tân là vua Thái-tổ nhà Nguyên; Ngạc Cách-Đức-Y là Thái-tôn, Hốt Tất Liệt là Thế-tổ.

(2) Họ Ái-Tân-Gác-La nổi lên ở Mãn châu, đặt quốc-hiệu là Thanh, nhân cuối đời nhà Minh, Trung-quốc nội loạn, bèn đem quân vào đánh, phá trận Sơn-Hải-quan, lấy Minh, làm vua ở Trung-hoa 267 năm.

(3) Người Tống là Sái-diên-Khánh thường bắt chiếc theo phép đánh trận của ta (thì nhà Lý), làm ra sách để dâng lên vua Tống; vua Tống lấy làm phục lắm.

(4) Vua Thế-tổ nhà Thanh tên là Phúc-Lâm.

ÂU-VĂN TẠP-THUẬT

I

.....Giống lúa ngon, tất sinh trưởng ở nơi đồng tốt; giống thú dữ, tất sinh-sản ở chốn rừng sâu; anh-hùng hào-kiệt, tất an-nuôi vùng-vẫy ở trong không-khí tự-do vậy. Vả chăng, đã là đấng anh-hùng hào kiệt, chưa từng chịu đua đời theo tục mà không độc-lập giữa trần ai. Nay vì như có người, tài trác-lạc hơn đời rất xa mà cái đức quả-quyết trái đời không có, lâu lâu mãi, cái tài ấy chỉ uất-tắc tiêu mòn mà không tỏ rõ với công-chúng, cái người ấy chỉ bình-dung ẩm dạm mà cam bạn lũ với phàm lưu; như thế thời hại riêng cho mình ai đã thật nhiều, mà thiệt-thòi cho xã-hội lại càng không biết bao nhiêu vậy. Vậy nếu như con người ấy mà Giời lại phú cho có cái tính cương-cường dũng kiện, thời tất phải phá toang vòng thế tục, gầm hét không yên, mà những ai trong chốn trần ai kia không biết vì sao cho phải thế, cho là rồ, cho là gở, túm dàn tụm lũ mà chê bơi. Than ôi, có khác chi tôi trên bờ sông Nil, thấy nghìn trùng sóng gió, mà kinh hoàng, mà quái lạ, lạ rằng sao chẳng thuận làn êm sóng như các ngòi các lạch ở Hà-Lan!

II

. . . . . Cớ vì đâu thương quá cho ai kia? Thương cho ai trong lòng nguyên không có thú hứng nổi gì, cũng không có mê chuộng nhẽ gì; vậy mà cấm không cho theo tục thời tâm hồn vơ-vẩn, như không biết đi về nơi nào. Ấy chỉ là trong cái tâm chí con người đó như con ngựa dùng kéo xe đã lâu, đã quen chịu với cái đòn xe, cho nên đứng đi cất nhắc, nhất thiết trông ở người, đến cả như những sự vui chơi là thú riêng mình với mình, mà tất cũng theo tục đua đòi, lấy làm đắc ý. Cái cách ở đời của những con người đó, như dê đi đàn, như cá sâu chuỗi; dẫu cho gọi là có kén chọn những điều hơn nhẽ phải, cũng chẳng qua chỉ theo như điều hơn nhẽ phải của ai ai. Còn đến như những việc trái tục khác thường, thời sợ hãi gớm ghê, coi như thể hung-thần tội-án. Trước kia tự bỏ cái tài của giời cho mà không cất nhắc đến, lâu thời hóa ra không có cái tài chi nữa mà có thể đem dùng; ấy thế là bao những cái thiêng-liêng riêng có được hơn người đã mòn mỏi tiêu hao hết mất vậy. Lại đến lúc hơi tàn bóng sế mà nhất-thiết bao nhiêu cái cảm tưởng vui hay buồn, ham hay chán, tự mình cũng không còn có một chút nào chân thực, chỉ theo đời cho qua. Trăm năm thân thế, một phút trần-ai, công hầu thật có như ai, mà con sâu cái kiến vậy.

Nguyễn-khắc-Hiếu

QUỐC - VĂN BÌNH - LUẬN

NÓI VỀ VĂN THƠ

Các bạn làng văn ai đã từng đọc báo Hữu-Thanh, hẳn cũng còn nhớ bình-giả năm xưa đã có bàn về mục này, thủy-chung sáu bẩy số báo, từng đã bàn qua các lối thơ nôm cho chí phong-giao, từ-khúc. Nếu phỏng Hữu-Thanh không bị mấy lồi chắc-trở mà đến ngày nay báo vẫn còn ra, thì các lối văn nôm, các bài văn cổ, các tập văn kim, bình-giả đã được cái vinh-hạnh trích bàn cho đến bây giờ chưa hết; vì bài thứ nhất trong mục "*Quốc-văn bình-luận*" đăng ở Hữu-Thanh số 22, bình-giả đã nói: «Các lời văn, các tập thơ đem trích bàn mãi thì mục này chưa biết đến đâu là cùng-tận vậy».

Nhưng việc trước đã qua, không cần kể chi. Ngày nay An-Nam tạp-chí ra đời, cảm cái chủ-nghĩa hay mà viết bài giúp báo, bắt đầu cầm bút, sao ta lại không bàn đến những vấn-đề có quan-thiết đến thời-cục, mà lại bàn tiếp ngay cái mục đã cũ là mục chuyên về văn-chương. Há lại chẳng biết: chuyện đời việc trước, bao đường ngổn ngang, những kẻ sĩ-phu đã có tâm-huyết, không thể bỏ qua mà không bàn được; song muốn bàn mà bàn lên trên báo thời nên bàn ra làm sao? Nghĩ đến câu «*muốn nói mà không được nói*» trong tập *Giấc-Mộng-con* thì ngòi bút dẫu sắc cũng phải tạm dừng, riêng giữ cái chủ-nghĩa nhà văn mà bàn về thơ văn vậy.

Văn thơ quốc-âm đến lồi này mà còn bảo là buổi phôi-thai thì không phải, bảo là buổi đã phát đạt cũng lại không phải, chính là buổi sĩ-phu trong nước đã biết trọng về quốc-văn mà quốc-văn đã có cơ phát-đạt đó. Thử xem những thơ ca phát hiện ở trong văn-giới, mới từ năm ngoái đến nay đã thấy khác nhau nhiều lắm. Nói rằng bởi sự hay dở khác nhau cũng có, mà bởi cái cảm-phát khác nhau thì lại nhiều hơn. Hay dở khác nhau là bởi công luyện-tập, còn cảm-phát khác nhau thì do cái thời-cục sui nên.

Nay những bài dở bài hay, câu được câu hỏng của các nhà văn-sĩ trong mấy năm nay, chưa cần phải bàn vội, vì để sau này xin sẽ trích riêng từng tập, từng bài mà nói. Trước hết hãy xin nói: vì sao bảo "cái thời-cục sui nên nhà văn có cái cảm-phát khác xưa"?

Ai cũng đã biết: người ta có cảm đến sự vật, súc đến tình-tính thì mới phát ra thơ-văn. Thơ văn tức là cái tư-tưởng hiện ra bề ngoài vậy. Phàm ở vào đám nhân-quần chưa tiến-hóa, giao-tiếp tới tri-giác của mình toàn là những sự chất-phác, thì mình phát ra thơ văn thường thấy những giọng chân-thực; mà ở với cái xã-hội đã suy-đồi, súc-động đến cảm-giác của mình toàn là những việc khó chịu thì mình phát ra thơ văn thường thấy lắm giọng bi-ai. Buổi đời thay cũ đổi mới, điều gì cũng phải suy nghĩ tìm tòi, thì các nhà thơ văn cũng lại theo thời mà lập dị; phong-trào thúc-dục làm cho người mê tỉnh dậy thì những nhà văn-sĩ cũng lại bạo dạn mà cao-ngâm. Cứ xét như vậy, thời thơ văn của người ta há lại chẳng theo thời-vận mà mỗi khi một khác ru?

Trong khoảng hơn một năm trời nay, phong-trào thay đổi, cái thú rung đùi ngâm thơ, học-giả tuy không còn có thể ưa chuộng được mãi; song cảm đến cuộc đời, nghĩ đến việc kia mà thường cũng phải phát ra lời thơ câu văn. Thơ văn của ta gần đây dẫu chưa được mạnh bạo như người Pháp hát khúc *quốc-ca* người, Nhật ngâm khúc *tùng-chính*, nhưng nghe rac ũng có nhiều câu khảng-khái, dẫu có *bi* nhưng cũng có thể gọi là «*bi-tráng*» được vậy. Ấy là theo thời-vận mà khác trước đó.

Nhưng dẫu đã biết rằng: thơ văn hồi nay khác với năm trước, thì ta lại nên biết

rằng : thơ văn năm trước so với thơ văn đời xưa cũng lại khác nhiều. Vậy muốn cho rõ cái lẽ "thơ văn theo về thời vận" thì ta cũng nên nhân đây mà nói qua về văn thơ đời trước ; không cần khảo cổ, chỉ lược bàn qua vậy.

A/ Văn thơ về thời cận-cổ.

Đây nói văn thơ về thời cận-cổ, là trích những bài văn thơ từ đời nhà Lê trở xuống. Bởi sao không xét đến thơ văn những đời trước nữa ? Vì không phải là khảo cổ, cốt chọn bài mà bàn. Vả, nước ta sau khi có ông Hàn-Thuyên đã đặt ra thơ phụ quốc-âm, người nước cũng chưa mấy ai chịu tập, trong đời nhà Trần, giản-hoặc cũng có đôi ba bài thơ ca truyền lại, song tới nay mỗi người đọc một khác, mỗi người chép một sai, vậy ta không thể chọn mà bình luận được. Xin nói qua về văn thơ đời Lê.

Văn-hóa nước ta đến triều Lê là thịnh, mà về đời Hồng-đức lại là đời thịnh nhất. Trên thì có vua hiền-minh, dưới trăm họ yên-ổn, những kẻ văn-thân trong triều được siêm áo phởn-phơ ở dưới quyền quân-chủ, cho nên ai nấy đắc ý mà phát ra thơ ca toàn những giọng vui. Xem đến "*Hồng-đức quốc-âm thi tập,*" thì thấy bài nào ý vị cũng cứ như nhau, trích lấy một bài cũng đủ biết :

Thơ xuân

Tự thủa đông-hoàng chịu lấy quyền.
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Đường hoa chấp-chới tin ong rạo.
Đặm liễu thung thăng sứ điệp truyền.
Ả Ngụy nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu rộn mời khuyên.
Nam-nhi gặp thủa công khi ấy.
Áo ngự Tràng-an mới phỉ nguyền.

Xem đó thì câu nào cũng có vẻ đắc ý gặp thời vận hay, song lời thơ quê-kệch không có văn hoa, đủ biết cái nhân-quần bấy giờ vẫn còn lắm vẻ chất-phác.

Nhân-quần hãy còn trọng về chất phác, thì càng những nhà đạo-đức-học lại càng chuyên trọng đạo-đức. Cái đạo-đức ấy không những phát ra ở học-vấn, mà lại phát ra ở cả thơ văn. Văn thơ đã thuần giọng đạo-đức thì lời lẽ tất phải thật-thà, xem thơ cụ Trạng Nguyễn Bỉnh-Khiêm trích ra đây thì biết :

Lấy chăng ai cấm, mặc ai dùng,
Hễ của tự-nhiên ấy của chung.
Non-nước có mùi lòng khách nhớ;
Trúc-mai làm bạn hứng thơ nồng.
Chốn điền-viên cũ dầu thong thả,
Đạo thánh hiền xưa vốn chốc mòng,
Lòng thử hỏi lòng không hổ thẹn,
Đến đâu thời cũng có xuân-phong,

Ấy, chỉ toàn là cái tính-tình chân-chính như thơ Trư, Thiệu ở trong sách Tinh-lý mà thôi, chứ chẳng có văn-chương gì cả.

Cuối đời nhà Lê, gặp buổi suy-loạn, cảm cái quốc-vận lúc đó mà có cụ phát ra câu thơ :

"*Hai vua, ba chúa, bẩy thằng con*"

cùng là :

«Nhân-vật thời giờ, sinh cũng uổng,
Quan tài sẵn đó chết thời chôn.»

thì nghe lời thơ đã thấy đỡ chất-phác hơn mà lại có vẻ hoạt-động hơn nữa. Còn giọng «bi» hơn trước thì là cảm về thế vận lúc đó. Xem thế thì biết thơ văn về đời Lê-mạt đã khác trước nhiều lắm.

B. — Thơ văn về cận-thế.

Thơ văn cận-thế là nói từ triều Nguyễn cho tới nay, phong hội nhiều lần thay đổi, cho nên thơ ca cũng mỗi lúc một khác. Kỳ thủy chưa có những cái thời-dan súc động lòng người, thì các nhà làm văn chỉ trọng những lời thơ ca đặt cho hồn-hậu, cho có khí tượng mà thôi. Dần dần cuộc đời biến đổi, đến thời cụ Yên-Đỗ đã là lúc có nhiều cái cảm súc khác với khi xưa; tuy vậy nghĩ lắm cũng vô khả nại hà, cho nên bực có kiến-thức như cụ hằng phát ra thơ phẫn, phẫn quá thì lại sinh ra những nhời khinh thế ngạo vật, mà để gởi cái tính-tình vào thơ văn mình vậy. Ai đã đọc thơ văn cụ, chắc là cũng xét được như

thế, không cần phải trích nhiều, hãy trích ngay một câu của cụ viếng cụ Thượng Dương:

« Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội làm chi dã mải lên tiên! »

thì đủ rõ. Đại khái trong thời cụ Yên-Đỗ nhiều cụ làm thơ văn nôm cũng có cái cảm-phát như thế cả. Nhất là thơ của cụ Án Lê-lượng Thái, lắm bài cực kỳ điêu luyện, mà vẫn có ý phẫn, có ý khinh thế ở trong, như câu vịnh « *Dầm tháng bẩy mưa lụt* » rằng:

« Cờ phướn diễu dàn sư hết đất,
Trống chiêng vọng nước tiếng vang giời.
Đòng-đong cân cấn lên từng lũ,
Võng lọng dù xe sếp một nơi. »

thì dẫu vịnh cảnh mà vẫn có ý-vị lắm.

Thơ ca từ hồi ông tú Xương cho đến mấy năm trước đây, thì lại thấy lắm bài thanh-thoát hơn trước mà âm-hưởng lại réo-rắt, ý-vị lại có chua cay, ấy lại là vì cái tân-trào khích-thích mà ra đó. Thường nghe mấy câu « *vịnh sông lấp ở Nam-Định* » của ông tú Xương:

« Sông kia giờ dã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Dật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò. »

thì giọng văn não-nùng biết bao.

Lắm kẻ không xét thời-cục, cứ thấy giọng thơ sầu-bi thời chê, nhưng có biết đâu: cảm cái hoàn-cảnh xã-hội không vui thì thơ có khỏi « bi » sao được. Nhưng cái bi lúc ấy dành về một sự sầu-bi thì chỉ gọi là trầm-bi mà chưa có thể gọi là bi-tráng được vậy.

Thơ văn về hồi này

Cảnh-tượng xã-hội ngày nay thật đã biến đổi, mà cái trình-độ của quốc-dân lại tiến lên hơn trước. Tiếng chuông cảnh-tỉnh các miền gần xa, chải đã mấy phen khua động, thì các nhà làm văn tất phải theo thế-vận mà cảm phát một cách bạo-dạn hơn xưa. Thơ văn ngày nay, toàn giọng đạo-đức không được, toàn giọng vui vẻ không hay mà đặt giọng trầm-bi cũng không hợp thời, tất phải có giọng bi-tráng thì mới gọi là hay được. Thơ ca bi-tráng tức là phát-lộ ra cái cảm-tình chính-đáng mà thúc-dục người ta chóng theo kịp người, vậy thì đương cái thời-cục này, cũng nên có những lời thơ ca ấy.

Xét gần đây có mấy tập văn mới xuất bản, thật đã có nhiều bài lắm giọng bi-tráng đáng khen, sau này bình-giả sẽ trích bàn dần đến. Nay hãy lấy một câu của một nhà văn trong Nam tặng một, bậc chí-sĩ mà xem:

« Ba mươi năm lẻ thân cô-khổ,»
« Nặng một lòng thương giống Lạc-Long »

cùng là bài viếng người xa, rằng:

« Gió mưa tan tác mặt quan-hà,
« Lênh-láng trời Nam giọt lụy sa?
« Thương nước, cảm thương người vị nước,
« Cùng nhau lên tiếng khóc người xa.

thì lời thật là bi-ai, mà lại có ý-khí hùng-hồn vô cùng. Gọi là thơ bi-tráng thật là đúng vậy.

Ấy là nói rõ cái lẽ thơ ca theo về từng thời-vận đó. Song đã gọi là thơ ca thì dẫu thế nào cũng phải có qui-tắc, có lời lẽ, mới gọi được là hay; vì thơ ca vốn là một cái nghề mĩ-thuật trong văn chương, không có thể chỉ cốt đặt lấy ý-tứ, lấy khí-tượng mà không chải-chuốt từng câu từng chữ được đâu. Vậy sau này bình-giả còn cần phải trích-bàn nhiều mới rõ.

Ngẫu-Tri
Trịnh-đình-Rư
lai cảo.

Nhời cáo-đạt của một hội ăn uống

(*Tản-Đà hài-văn*)

Bắc-kỳ Hà-nội Ẩm-thực-hội có nhời kính đạt để đồng-nhân biết rằng:

Người ta sinh ra đời, lấy sự ăn làm trọng nhất. Cho nên ở trong sách tàu có câu rằng: « 民以食爲天 *dân dĩ thực vi thiên*; » nghĩa là *thằng dân coi miếng ăn bằng ông giời.* Ngạn-ngữ của ta có câu rằng: « *ăn đi trước* ». Nước ta, phàm các sự văn-minh đều thua kém các nước, mà kém nhất là sự ăn. Như những con em ở thôn quê, trừ phi ngày dỗ, ngày tết, ngày đám, ngày khao, ít khi có được ăn miếng thịt; mà dẫu có gặp những ngày ấy chăng nữa, miếng ăn cũng không được là bao nhiêu. Các bực đàn anh ở dân quê, nhiều người nhà giầu, nhưng hà-tiện không dám mua mà ăn, có hơn những con em, cũng chỉ ở chỗ sôi phần thịt biếu. Hạng người sang-trọng ở thành thị thời trình-độ ẩm thực đã tấn tới, cơm tàu cơm tây; song cũng là những khi có vui mừng tụ-họp về phần nhiều, chớ như bữa thường ở nhà riêng, cũng ít người ăn đến mỹ-mãn. Nếu kém thực thời sao vực được đạo, còn nói chi đến sự văn-minh. Vì vậy, Bản-hội khai thiết, lấy phù-thực về việc ăn làm duy-nhất tôn-chỉ. Từ ngày thành-lập, bạn đồng-chí cũng mới được ít nhiều; trong mỗi tháng có một kỳ họp ăn để liên lạc cảm-tình, doanh-cầu khoái-hoạt. Nay muốn cho tấn-tốc tiến bộ, thời mỗi tháng phải ăn lên bốn kỳ, định vào bốn chiều thứ bẩy mà bắt đầu từ tháng Juillet năm nay. Lại muốn khuếch-trương cho thế-lực khắp toàn-kỳ thời các tỉnh đều nên có chi-hội. Vậy xin các đồng-nhân, ai người đã vào hội, cùng là người đồng-chí mà chưa có tên trong sổ hội, vì Bản-hội hết lòng cổ-động cho được đạt đến mục-đích hoàn-toàn. Ôi! *Làm giai cho đáng nên giai, một trăm đám cỗ: có tiếng mà không có miếng, cũng dại một đời.* Mong chư-tôn đem ý đó mà khích-khuyến cho đồng-bào, cho Bản-hội mỗi ngày mỗi to, thực là lợi-ích cho tiền-đồ nước nhà chẳng nhỏ vậy.

Nay kính đạt

Đêm hè

Đêm hè chằn-chọc thức thâu canh,
Trăm mối tơ vương nghĩ quẩn-quanh.
Ai những mơ-mòng, ai gọi tỉnh;
Tiếng gà nghe đã gáy liên-thanh.

Ngọc-Hồ Trần-viết-Bảo

Con chim khôn

(điệu hát sẩm)
(nhời con chim khuyên người làm ruộng)

Con chim khôn đậu trái non đoài,
Tiếng kêu réo-rắt gọi người bắc nam.
Năm canh dài, ngủ mãi còn tham!
Giời đông đã sáng, ra làm kẻo trưa.
Giấc mơ-mồng ai tỉnh hay chưa?
Các cô con gái cũng say-xưa cái nỗi gì!
Thôi xin đừng gương lược làm chi,
Chồng thì chưa có, ruộng thì bỏ hoang.
Hỡi ai con gái trong làng.

Tản-Đà

Vịnh con chim họa-mỵ trong lồng

Họa-mỵ ai vẽ nên mỵ,
Trông mỵ mỵ đẹp, hót thì mỵ hay.
Ai đưa mỵ đến chốn này,
Nước trong gạo trắng, mỵ ngày ăn chơi.
Lồng son cửa đỏ mỵ ơi,
Mỵ bay, mỵ nhảy, sướng đời nhà mỵ.
Nghĩ cho mỵ cũng gặp thì,
Rừng xanh mỵ có nhớ gì nữa không?

Tản-Đà

Nhời thư của một cô tây gửi trách cậu bồi

Bài này, một người bạn đọc cho tôi, nói là : nguyên đã mười lăm năm trước, có một người đàn bà lấy tây mà tư-tình với người bồi, bị người tây đuổi cả hai. Hai người theo nhau được ít lâu, rồi cậu bồi lại bỏ mà tình duyên với một kẻ son phấn khác. Cho nên người vợ tây ấy có nhời thư trách này. Nay cứ nguyên-văn đăng lên tạp-chí, để độc-giả biết trong xã-hội ta có những cái tình-trạng như thế và cái nhời văn như thế, không phải như thơ văn của các nhà văn-sĩ vậy.

Tản-Đà

Gửi mấy lời chào anh Ba Linh,
Anh là thằng họ Trịnh Sở khanh :
Công tôi đi lại với anh,
Anh xoay đủ một nghìn vành hại tôi.
Đạ nhân-thế không vôi mà bạc,
Anh chỉ đi kiếm trác miếng ăn.
Đau lòng vả lại tủi thân ;
Anh lừa tôi mấy mươi lần xót-xa.
Vì anh, tây đuổi tôi ra.
Quả-nhiên rằng có thực-thà thế không ?
Những lúc anh một đồng không có,
Thời tôi không thấy chó nào nuôi.
Công tôi đi ngược về suôi,
Ốm đau tôi cũng phải nuôi một mình.
Tôi ăn ở công trình vất-vả,
Nỡ lòng nào sổ lá với tôi.
Biết bao nước mắt bồ hôi.
Lại còn đến lúc anh xuôi Hải-Phòng.
Anh đi thời hai tay không.
Hẳn rằng không có nửa đồng su thau !
Sự tình càng kể càng đau,
Trong cơn cực khổ ai cầu ai thương.
Đói lòng ăn cơm với tương,
Sao không tìm chốn cao lương mà nhờ?
Dù anh nên trúc nên tơ,
Bất nhân chẳng được mấy cơ-hội mà !
Chóng khôn thời lại chóng già,
Quí tưng con dĩ hơn bà thân sinh.
Sao không biết nhục biết vinh ?

. . . . . .

. . . . . .

Theo voi ăn bã mía thơ. lấy vần "dơ"

Nguyên có một ông sư ở chùa Đống về tỉnh Bắc-Ninh, có mất trộm hai con trâu ; chừng lại bị những kẻ chức-dịch muốn đòi ăn tiền thêm, cho nên ông mới ra bài thơ này, cheo giải thưởng để lấy văn bình. Ông có gửi sang cho tôi tất cả được hơn một trăm quyển, nhờ chấm. Tôi nhân hợp-thái trong các quyển, xửa đổi lại mà lấy thành một bài, gửi lại ông. Nay dem bài thơ đăng lên như sau đây, còn như những câu nào của ai, tiếc không biết rõ vậy.

Tản-Đà

Ăn mía theo voi tiếng đến giờ,
Vì chi miếng bã để trò dơ.
Rón chân những chực khi vòi nhả,
Rát lưỡi đành sơi cái ngọt thừa.
Ấy đã theo đuôi thời phải hít,
Còn đâu nên tấm nữa mà vơ !
Nghìn năm bia miệng là câu thế,
Những khách ăn tàn đã biết chưa ?

Để tặng anh chàng gánh ở bìa sau báo An-Nam.

Tôi có tiếp được một phong thư, trong chỉ có một bài thơ bốn câu mà không có tên ký, vậy không biết rõ là của ai ; nay xin kinh đăng và có nhời cảm tạ, thư-nhân xin có thơ họa sau.

Tản-Đà cẩn chí

Thương ai mà nghĩ lại càng yêu !
Gánh nặng, đường xa, bóng sế chiều.
Non nước bâng-khuâng người với bóng,
Nào ai đi trước, có ai theo.

Ngô-Việt xuân thu

(*Tiếp theo*)

HỒI THỨ II

Ba khúc sáo tre lòng chí-sĩ ;
Một con cá nướng mệnh hầu vương.

Tử-Tư đã sang sông, đi đến Lật-dương thì hết lương-thực, phải đi ăn xin. Sẵn gặp một người con gái đương đập sợi ở bến sông, bên cạnh có để giá cơm và một lọ nước. Tử-Tư nắn-nì mà rằng :

— Dám thưa Phu-nhân, Phu nhân có thể tạm cấp cho kẻ cùng-đồ một bữa ăn chăng ?

Người con gái cúi mặt mà rằng :

— Cái đó không thể được, tôi đã ba mươi năm nay, ở nhà nuôi mẹ, quyết chí không lấy chồng. Vì vậy không dám thết cơm hành-khách.

— Kẻ cùng-đồ chẳng may gặp bước cùng-đồ, được một bữa ăn cũng đủ sống. Vậy thì nương-tử làm phúc cứu kẻ cùng-đồ, có can chi mà ngại !

Người con gái ngẩng lên trông, thấy Tử-Tư tướng-mạo khôi-vĩ, biết rằng không phải người hèn, mới thỏ-thẻ mà rằng :

— Tôi trông ông không phải người thường, có nhẽ vì sự hiềm nhỏ, mà nỡ để ông cùng-khốn hay sao !

Nói đoạn, hai tay nâng giá cơm, quì gối đưa cho Tử-Tư. Tử-Tư ăn một miếng rồi thôi. Người con gái thấy vậy, nói :

— Tôi xem ý ông có giáng sắp phải đi xa, sao ông chẳng sơi cho no ?

Tử-Tư lại ngồi ăn thêm, ăn hết giá cơm. Lúc sắp đi, Tử-Tư bảo người con gái rằng :

— Kẻ cùng-đồ nhờ ơn Nương-tử mà được sống sót, ơn ấy sẽ phải ghi lòng tạc dạ. Sau khi kẻ cùng-đồ đã đi, xin nương-tử che kín lọ nước, chớ để lộ-liễu.

Người con gái thở giài mà rằng :

— Thương ơi ! tôi đã ba mươi năm nay, ở nhà nuôi mẹ, một niềm giữ thói trinh-minh. Không ngờ ngày nay bỗng chốc thết cơm một vị trượng-phu, rồi lại lân-la trò-truyện ; lễ nghi đã lỗi, còn đáng làm người nữa ru ! Nhưng thôi, xin ông cứ đi !

Tử-Tư đi vài bước, ngoảnh lại trông, thời thấy người con gái ấy đã ôm hòn đá nhớn, gieo mình xuống sông tự-tận. Tử-Tư ngậm-ngùi than rằng :

— Bỏ thân giữ trong sạch, thực đáng là bậc nữ-trượng-phu !

Thương tiếc hồi lâu, rồi Tử-Tư sang bến Lật-dương, qua Ngô xu, tới thành Mai-lý. Trong thành, lũy hào thấp hẹp, hàng quán lơ thơ, xe ngựa lèo tèo, thuyền bè thưa ít. Tử-Tư vào tìm khắp thành, chẳng gặp ai là người quen biết, mới giả cách hóa rồ, vấn tóc, bôi mặt, đi chân không, tay cầm một ống sáo tre, vừa thổi vừa hát, đi xin khắp chợ. Hát rằng :

1. — *Ngũ-Viên ơi ! Ngũ-Viên ơi !*
Một thân góc bể lại ven giời !
Nghìn cay muôn đắng xót cho đời !
Thù cha đeo đẳng, còn sống mà chơi !

2. — *Ngũ-Viên ơi ! Ngũ-Viên ơi !*
Đầu xanh tóc bạc một đêm giời !
Nghìn kinh muôn sợ xót cho đời !
Thù anh đeo-đẳng, còn sống mà chơi !

3. — *Ngũ-Viên ơi ! Ngũ-Viên ơi !*
Rừng lau bến Lật lụy bao người !
Nghìn sinh muôn tử tới thành Mai !
Khúc tiêu đầu chợ xót cho đời !
Thù thân đeo-đẳng, còn sống mà chơi !

Tử-Tư hát giong khắp chợ, có viên coi-chợ nghe thấy tiếng sáo ai-oán, giọng hát thảm sầu, chạy ra xem dung-mạo người hát thế nào. Khi thấy Tử-Tư, thất kinh mà rằng :

— Ta xem tướng thiên-hạ đã nhiều lắm, chưa thấy ai được như tướng người này.

Liền mời Tử-Tư vào quán, nhường ngồi ghế trên và hỏi rằng :

— Ông là Ngũ-Tử-Tư, con thứ hai quan Thái-phó nước Sở đó ru ?

Tử-Tư rụt-rè không giả nhời. Viên coi-chợ nói :

— Tôi không phải là kẻ làm hại ông đâu, thấy ông tướng-mạo khác thường, muốn tìm phương phú-quí cho ông đó.

Tử-Tư hỏi :

— Thưa ông, ông là ai ?.

— Tôi là By-Ly, bộ-hạ công-tử Quang.

Nguyên công-tử Quang từ khi Dư-Muội tạ-thế, Liêu tranh ngôi vua, hắn vẫn căm tức, vẫn muốn giết Liêu mà tranh cơ-nghiệp nước Ngô ; chỉ vì quần-thần trong triều đều là bè đảng của Liêu, mà Quang thời tả hữu không ai, không thể sao được ; mới sai By-Ly là kẻ tài nghề xem tướng, giả làm viên coi chợ ở Mai-lý để xem tướng anh tài thiên-hạ, thu làm vây cánh của mình. Vì thế By-Ly vẫn ở Mai-lý. Khi đó Tử-Tư thấy By-Ly sưng là bộ-hạ công-tử Quang, mới đem gia-tình tâm-sự của mình, kể cho By-Ly nghe. Chẳng ngờ có kẻ đứng cạnh, nghe trộm được cả sự-tình, lập-tức về báo với vua Liêu. Tức thì vua truyền By-Ly đem ngay Tử-Tư về triều. By-Ly một mặt sai người báo việc gặp Tử-Tư với công-tử Quang, và một mặt giục Tử-Tư tắm gội, thay quần áo ; rồi cùng về triều yết vua. Vua thấy Tử-Tư tướng-mạo hùng-vĩ, đã lấy làm lạ ; cùng Tử-Tư nói truyện ba ngày, vua không bẻ được câu nào, mới khen rằng : « Người này thực là người hiền ! ». Liền phong làm chức Đại-phu. Mỗi khi vào triều, Tử-Tư đem sự oan uổng của cha anh tâu vua, thì lại cắn răng nghiến lợi, đôi mắt đỏ ngầu. Vua thấy Tử-Tư khí-khái, lại càng thương tình, hứa rằng sẽ cất quân đánh Sở báo-thù cho.

Công-tử Quang cũng biết Tử-Tư là bực tri dũng kiêm-toàn, vẫn muốn dùng làm vây cánh. Khi thấy vua Liêu hậu đãi Tử-Tư, có ý sợ vua dùng mất, mới vào triều tâu rằng :

— Quang nghe nói có người vong-thần nước Sở là Ngũ-Viên mới chốn sang ta, Đại-vương cho hắn là người thế nào ?

Vua Liêu nói :

— Hắn là một người hiền mà hiếu.

— Sao Đại-vương biết ?

— Quả-nhân thấy hắn hăng-hái khác thường, bàn việc nước câu nào cũng hợp nhẽ, đó là sự hiền. Trong bụng thường nghĩ đến thù cha anh, chưa hề phút chốc quên nhãng, cắn răng nghiến lợi, xin quả-nhân cho mượn binh đánh Sở, đó là sự hiếu.

— Việc hắn mượn binh, đại-vương đã hứa nhời chưa ?

— Quả-nhân nghĩ cũng thương tình, việc đó đã có hứa nhời với hắn.

Quang can rằng :

— Quang nghe cổ-nhân có nói : « Ông vua thiên-thặng không lên vì kẻ sất phu mà khởi việc binh-đao. » Hiện nay Ngô Sở giao binh, chưa có trận nào ta đại thắng ; nếu đại-vương vì Ngũ-Viên mà cất quân đánh Sở, chắc người trong nước đều cho rằng đại-vương coi cái thù riêng của kẻ sất-phu to hơn sỉ chung của cả nước. Vả lại đánh Sở mà được thì Ngũ-Viên được vẻ-vang ; đánh Sở mà thua thì nước Ngô chịu sấu hổ. Như vậy thời việc báo thù cho hắn rất là không nên.

Vua nghe lấy làm phải, mới thôi việc cất quân đánh Sở. Tử-Tư nghe Quang ngăn trở việc mình, nghĩ thầm rằng : « Quang đương lo việc bên trong, chưa thể bảo hắn những việc bên ngoài : » Liền vào tâu vua, xin từ chức đại-phu.

Quang lại nói với vua rằng :

— Ngũ-Viên vì việc đại-vương không cất quân đánh Sở, mà cố xin từ chức, đó là hắn đã có lòng oán-vọng, đại-vương không nên dùng nữa.

Vua Liêu nghe nói, từ đó cũng sinh nhạt-nhẽo với Tử-Tư, dù ở dù đi, cũng không hỏi đến. Tử-Tư mới đến xứ Dương-sơn cầy ruộng. Quang thấy vậy mừng lắm, thường đến chơi riêng với Tử-Tư, và lại cấp đỡ thóc, gạo, vải, lụa. Tử-Tư vốn biết Quang là tay hùng-kiệt, nay thấy Quang đãi mình cực-hậu, biết Quang có ý dùng mình, muốn tiến một người dũng-sĩ, để giúp Quang, để lấy lòng Quang, để sau này nhờ vào Quang mà báo-thù vua Sở. Một hôm, Quang đến Dương-sơn, Tử-Tư lại giắt Quang đến nhà Chuyên-Chư.

Chuyên-Chư vốn là một kẻ dũng-sĩ, quê ở Ngô-Xu, sinh-bình chuộng nghĩa, thấy sự bất-bình, tất phải hết sức can thiệp. Khi Tử-Tư ở Sở sang Ngô, gặp Chuyên-Chư đương đánh nhau với một người cao nhớn dữ dội; lúc Chuyên-Chư xông đánh người kia, nét mặt hung-hăng, *tưởng như muôn người* không cản nổi; chợt nghe bà mẹ đứng trong cửa gọi, Chuyên-Chư tức-khắc thu tay về. Tử-Tư thấy vậy biết là một người hiệp-sĩ, lại có hiếu-hạnh, thân vào chơi nhà, kể hết lai-lịch của mình với Chuyên Chư, rồi xin kết làm bè bạn. Chuyên-Chư mừng lắm, giết gà thổi sôi, khoản-đãi cực-hậu. Từ đó hai người thân nhau như anh em ruột. Trong khi Tử-Tư về ở Dương-sơn, Chuyên-Chư đã mấy lần đến thăm.

Hôm ấy Tử-Tư và công-tử Quang đi đến Ngô-xu, gặp Chuyên-Chư đương ngồi xoay chần ở giữa đường, hăm-hở mài dao, chừng như sắp giết lợn bộ người nào. Chuyên-Chư trông thấy hai người, vội-vàng bỏ dao đứng dậy, đón về nhà. Hai người vào nhà trong chào mẹ Chuyên-Chư, rồi cùng ra ngồi nhà gianh nói truyện. Công-tử Quang thấy Chuyên-Chư chân hói, mắt sâu, bụng hầm, lưng gấu, *biết là một tay dũng-sĩ* vô địch, chắc có thể giúp được việc mình. Lúc lâm-biệt, công-tử Quang bảo Chuyên-Chư rằng:

— Nay vô-tình được gặp tráng-sĩ chính là giời đem tráng-sĩ giúp cho kẻ bị mất cơ nghiệp này.

Nói đoạn, hai người từ-biệt Chuyên-Chư. Tử-Tư về Dương-sơn, công-tử Quang về phủ. Từ đó Công-tử Quang đối với Chuyên-Chư rất hậu tình! Hằng ngày biếu gạo, thịt; hằng tháng cấp vải, lụa; và lại thường thường sai sứ thăm hỏi mẹ già Chuyên-Chư. Chuyên-Chư lấy làm cảm khích, một hôm thân đến phủ Quang tạ ơn, và hỏi rằng:

— Tôi đội ơn giầy của công-tử, chưa biết lấy gì báo-đáp, chẳng hay công-tử có việc gì dùng đến tôi chăng?

Quang đuổi tả hữu lui ra, rồi thuật truyện muốn giết vua Liêu cho Chuyên-Chư nghe. Chuyên-Chư hỏi:

— Đức tiền-vương Dư-Muội tạ thế, kim-vương là con, nối ngôi cũng phải; công-tử lấy cớ gì mà muốn giết đi?

Quang đáp:

— Cái đó tráng-sĩ không rõ, nguyên xưa đức tổ-vương tôi (vua Thộ-Mộng) sinh hạ được bốn ông con: ông con trưởng tức là cha tôi (Chư-Phản); thứ hai là ông Dư-Sái; thứ ba là ông Dư-Muội; thứ tư là ông Quí-Trát. Vì ông Quí-Trát là người nhân-hiền, đức tổ-vương tôi muốn giao cho ông cơ nghiệp nước Ngô; nên khi lâm-chung, ngài mới dặn các ông con phải chia lượt nối ngôi cho được đến ông Quí-Trát; vì thế ông Dư-Sái và ông Dư-Muội mới được lên ngôi. Nay ông Dư-Muội tạ thế, ông Quí-Trát không chịu nối ngôi, chốn đi nước khác. Cứ theo lẽ phải thì ngôi vua nước Ngô lại đến giòng con trưởng. Đầu giòng con trưởng là ai? tức là tôi vậy. Thế mà ông Liêu vin cớ con được thay cha, tranh mất cơ-nghiệp của tôi, như vậy có đáng tức không? Vì tôi tài hèn sức yếu, không làm gì được; nếu không có người giúp-đỡ, thời không khi nào thỏa sự nguyện-vọng. Bây giờ nếu nhờ sức tráng-sĩ mà tôi được thay ngôi vua, dẫu ông Quí-Trát có ở Đông về, cũng không nỡ bỏ. Tráng-sĩ hết lòng cho.

— Sao công-tử không bảo một người cận-thần thừa-nhân thuật lại những nhời di-trúc của đức tiền-vương cho kim-vương nghe, và lại tìm cách nhủ-khuyên giảng-giải, để cho kim-vương biết giang sơn nước Ngô là phận của ai, tất phải nhường ngôi cho công-tử. Can chi công-tử lại nuôi riêng thích-khách, mưu hại lẫn nhau, cho tổn công đức của tiền-vương?

— Liêu là người tham-lam cậy khỏe, chỉ biết đường tiến, không biết đường lui, quyết không khi nào chịu nhường ngôi cho tôi. Nếu đem nhời phải chăng mà nói với hắn, chẳng những vô ích, mà hắn lại thêm nghi-kỵ. Bởi vậy tôi phải tìm người dúp lo đỡ sức để cùng quyết sống chết với hắn. Xin tráng-sĩ xét nghĩa ấy cho t

— Cứ như công-tử đã nói, cũng có nhẽ phải, nhưng tôi nhà còn mẹ già, chưa thể đem tính mệnh mà hứa với công-tử được.

— Tôi cũng biết tráng-sĩ nhà còn mẹ già, con nhỏ; nhưng phi tráng-sĩ không ai giúp nổi công việc. Vậy thời tráng-sĩ cứ vui lòng giúp tôi. Còn sự về sau thời thân tôi tức là thân tráng-sĩ, mẹ tráng-sĩ tức là mẹ tôi, con tráng-sĩ tức là con tôi; tôi xin hết sức thờ phụng, nuôi-nấng, quyết không phụ công tráng-sĩ..

Chuyên-Chư ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

— Vậy thì công việc thế nào, công-tử dạy cho.

— Bây giờ chưa hạ thủ được, tráng-sĩ hãy cứ thong-thả, khi nào tiện dịp tôi sẽ nói với tráng-sĩ.

— Phàm như muốn giết một vị vương hầu, tất phải ở gần bên cạnh; muốn được ở gần bên cạnh, tất phải biết cái sở-thích của vị vương hầu ấy. Chẳng hay kim-vương vẫn thích cái gì?

— Hắn chỉ thích ăn.

— Thích ăn thứ gì?

— Hắn chỉ thích cá nướng cả con.

— Vậy thì ngày mai tôi xin tạm biệt công-tử ít lâu.

— Tráng-sĩ đi đâu?

— Tôi muốn đi học nghề nướng cá.

— Xin vâng.

Hôm sau, Chuyên-Chư về nhà nói với mẹ xin đi Thái-Hồ học nướng cá. Học ba tháng, nghề nướng cá của Chuyên-Chư đã rất khéo. Chuyên-Chư về kinh nói cho Quang biết. Quang mừng lắm, lưu ở trong phủ, rồi sai người mời Ngũ-Tử-Tư về phủ và hỏi rằng:

— Nay Chuyên tráng-sĩ đã học thành nghề nướng cá, thời làm thế nào mà được gần vua?

Tử-Tư nói:

— Chim hồng khó bắt là vì có cánh; cá kềnh khó bắt là vì có vây. Nay công-tử Khánh-Kỵ gân sương như sắt, sức khỏe địch muôn người, cứ một hắn sớm tối theo hầu vua Liêu, công-tử cũng khó động-thủ; huống chi lại thêm hai người em mẹ là Cái-Dư và Trúc-Dung cùng giữ binh quyền! Vậy cánh của vua như vậy, thời dẫu có sức săn rồng, bắt hổ; có tài ra quỉ, vào thần, cũng không thể làm cho nổi việc. Công-tử muốn làm việc nhớn, tất phải trừ bỏ ba người ấy. Nếu không thế, thì dẫu công-tử giết được vua rồi, cũng khó thể ngồi yên ngôi cả được vậy.

Quang nghe nói, cúi đầu ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi ngẩng phắt dậy mà rằng:

— Ông nói phải đấy, vậy nay ông hãy cứ về cầy ruộng, khi nào có dịp hay, tôi sẽ mời ông cùng bàn!

Tử-Tư vâng nhời lui về.

***

Ngũ-Tử-Tư sau khi từ-biệt công-tử Quang, về cầy ở Dương-sơn; một hôm, chợt nghe tin Sở Bình-vương chết, ôm bụng kêu khóc suốt ngày suốt đêm. Sẩy gặp công-tử Quang đến chơi, ngạc-nhiên hỏi:

Vì cớ gì mà ông sầu thảm như vậy?

Tử-Tư đáp:

— Thấy nói Bình-vương nước Sở đã chết, nên tôi cực lòng.

Quang hỏi:

— Vua Sở có phải là kẻ thù của ông không? kẻ thù đã chết, tưởng ông vui sướng mới phải, sao ông lại khóc?

Tử-Tư gạt lệ nói:

— Có phải là tôi khóc hắn đâu? Tôi khóc là vì chính tay tôi không bêu được đầu hắn, cho hả cái giận của tôi đó thôi.

Quang nghe nói cũng ngậm ngùi than-thở, rồi lại kiếm nhời khuyên giải, hồi lâu cáo-biệt. Quang về khỏi, Tử-Tư lại tựa ghế khóc, khóc luôn ba ngày ba đêm không dất tiếng. Một hôm đương khóc, thốt-nhiên nghĩ được một mẹo, liền gạt nước mắt đứng dậy, đi đến phủ công-tử Quang bảo Quang rằng:

— Công-tử muốn mưu việc to, há lại không có dịp hay ru ?

— Tôi vẫn ngày đêm lo nghĩ, nhưng mà chưa được cơ hội.

— Nay vua Sở mới mất, trong triều không ai là bề tôi giỏi, sao công-tử không tâu vua nhân khi nước Sở có tang, đem quân sang đánh để mà tranh lấy nghiệp bá ?

— Nếu bảo hắn thế, hắn lại sai tôi đi đánh thì làm thế nào ?

— Công-tử nên giả cách ngã xe đau chân, cáo bệnh không đi, mà cử Cái-Dư và Trúc-Dung đi thay ; và tâu vua xin cho Khánh-Kỵ đi sứ để kết liên với nước Trịnh, nước Vệ, hẹn cùng đánh Sở. Thế là một mẻ lưới trừ được cả ba người, vua Liêu sẽ chết ngay ở trước mắt vậy.

— Trừ được ba kẻ ấy, nhưng ông Qui-Trát còn sờ sờ đấy, có nhẽ để vậy cho mình làm việc thoán-thí hay sao ?

— Việc đó không ngại, hiện nay Ngô, Tấn đương hòa nhau Công-tử nên tâu vua xin sai ông Qui-tử sang sứ nước Tấn để dò tình hình trung-quốc. Tính vua ngông nghênh, chỉ thích những việc to-tát, mà lại vụng đường mưu mẹo, tất nhiên sai ông Qui-tử đi ; đi khỏi nhà thời công-tử nên khởi sự. Đến khi ông Qui-tử về, việc đã xong rồi chắc cũng không dám thay đổi.

Quang nghe câu ấy, đứng dậy vái Tử-Tư và nói :

— Tôi được gặp ông là giời cho vậy.

Hôm sau Quang vào triều, đem việc đánh Sở ích lợi nói cho vua Liêu nghe, quả-nhiên vua Liêu gật đầu khen phải.

Quang lại nói :

— Việc này đáng nhẽ tôi phải ra sức lâm trận, chẳng may mới ngã xe đau chân, không thể đi được. Vậy xin hãy tạm ở nhà chữa thuốc, khi nào khỏi bệnh, sẽ xin dẫn quân tiếp theo.

— Vậy thì dùng ai làm tướng cho được ?

— Việc này là việc rất to, phi người chí thân không nên sai đi, đại-vương nên tự kén lấy.

— Cái-Dư và Trúc-Dung có thể ủy-thác được chăng ?

— Được lắm, nếu đại-vương dùng hai người ấy làm tướng thời sứng-đáng lắm ! Còn một việc này rất hay, đại-vương cũng nên thi-hành một thể, Số là từ trước đến nay, Tấn, Sở hai nước đắp đổi sưng bá, mà nước Ngô ta chỉ là một nước dân em. Hiện nay Tấn đã suy-vi, Sở đương thất-bại, chư-hầu ai nấy bơ-vơ, không biết theo thuộc vào nước nào ; đó là cái cơ đại-thế thiên-hạ sắp sửa quay về phương đông ta. Nếu đại-vương nhân dịp này mà sai thái-tử (tức là Khánh-Kỵ) thân sang chiêu-dụ Trịnh, Vệ, hẹn cùng họp quân đánh Sở, và sai Qui-tử sang sứ nước Tấn để dò thám tình thế trung-nguyên ; đại-vương thì ở nhà điều khiển thủy-binh để tiếp ứng. Như vậy thời nước Sở có thể phá được, nghiệp bá có thể nên được vậy.

Vua Liêu mừng lắm, tức thì sai Cái-Dư và Trúc-Dung làm đại-tướng dẫn quân đánh Sở và sai Qui-Trát mang lễ vật sang hỏi thăm nước Tấn. Còn việc chiêu-dụ Trịnh, Vệ, thời vẫn dùng-dằng không quyết.

Cái-Dư và Trúc-Dung lĩnh quân kéo thẳng sang Sở, bị quân Sở đánh thua, chẹn mất đường về, hai tướng sai người về Ngô cáo cấp.

Vua Liêu được tin, liền đòi công-tử Quang hỏi mẹo. Quang tâu :

— Khi trước tôi muốn chiêu binh Trịnh, Vệ, chính để phòng-bị những lúc nguy cấp như bây giờ. Nếu bây giờ đại-vương sai ngay người sang đó mượn quân, kéo thẳng vào Sở ứng ứu hai tướng, cũng có thể kịp.

Vua Liêu nghe nhời, tức thì sai Công-tử Khánh-Kỵ đi sứ hai nước, bàn việc hợp quân đánh Sở.

Khi đó Ngũ-Tử-Tư ở Dương-sơn nghe tin Khánh-Kỵ đi vắng, lập tức về kinh bảo Công-tử Quang rằng :

— Nên dùng Chuyên-Chư chính là lúc này.

Quang nghe nói liền gọi Chuyên-Chư vào mật-thất, đưa cho một thanh kiếm ngư-trường (1) Chuyên-Chư biết ý nói tắt ngay rằng :

— Vua thì giết được ! hai em ở xa, công-tử đi vắng, một mình vua quyết không làm gì được tôi. Nhưng mà trong khi dùng đến tính-mệnh thì tôi không dám tự-chủ. Xin công-tử thư cho, để tôi bẩm qua lão-mẫu, xem rằng ý lão-mẫu tôi thế nào.

Nói đoạn Chuyên-Chư đi thẳng về nhà vào thăm mẹ, chỉ nức-nở khóc, không nói chi cả. Bà mẹ hỏi :

— Chư ! con khóc gì mà thảm-thiết thế ? hay là công-tử muốn dùng con chăng ? Con ơi ! nhà ta nhờ biết bao cơm nặng áo dầy của công-tử, ơn ấy nếu không đền báo sao gọi là người. Thôi ! con có đi đâu cứ đi, không phải nghĩ gì đến mẹ !

Chuyên-Chư nghe nói vẫn lần-thần không chịu đi. Bà mẹ lại tươi cười mà rằng :

— Con ơi, mẹ xót ruột lắm, ta muốn uống chén nước suối, hay là con ra sông mà lấy cho mẹ.

Chuyên-Chư vâng nhời ra sông lấy nước. Khi về không thấy mẹ ở nhà ngoài, hỏi vợ. Vợ nói :

— Mới rồi mẹ kêu mỏi mệt, vào trong phòng đóng cửa nằm ngủ, dặn tôi không được đánh thức.

Chuyên-Chư nghi-hoặc, đạp cửa vào, thấy bà mẹ đã tự-ải ở trên giường. Chuyên-Chư kêu khóc một hồi, rồi khâm liệm nhập quan, rước ra cửa tây an-táng. Táng xong, về nhà bảo vợ rằng :

— Tôi đội ơn nặng của công-tử, mà bấy nay chưa dám liều bỏ tính mệnh để giúp công-tử, là vì còn có mẹ già. Nay mẹ đã mất, tôi phải đem thân lo việc cho công-tử. Nếu mà tôi có mệnh nào, thì mẹ con mình đã có công-tử bù đỡ, không phải bận nghĩ tôi chi !

Nói đoạn, Chuyên-Chư đi đến phủ công-tử Quang, khóc lóc kể việc mẹ chết. Quang cũng động lòng thương xót, yên-ủi một hồi, rồi mới bàn đến việc giết vua Liêu. Chuyên-Chư nói :

— Công-tử nên sửa tiệc rượu mời vua, nếu vua chịu đến, thời công việc mười phần xong tám, chín vậy.

Quang lấy làm phải, liền vào triều tâu vua rằng :

— Nhà tôi có tên nhà bếp ở Thái-hồ mới lại, nướng cá rất khéo, thơm ngon hơn những cá nướng của các người khác. Vậy tôi muốn mời đại-vương ngự qua tệ-xá, xét vị cá nướng của nhà tôi, xem có được bằng vị cá nướng của đại-vương thường dùng hay không ?

Vua nghe nói thích lắm phán rằng :

— Quả-nhân độ này đương buồn, vương-huynh đã có lòng tốt, thời ngày mai quả-nhân sẽ ra phủ vương-huynh ăn tiệc cho vui. Nhưng vương-huynh cũng đừng bầy biện quá phí.

Quang tạ ơn lui về. Đêm hôm ấy Quang phục sẵn giáp-sĩ ở trong nhà hầm và sai Ngũ-Tử-Tư kết ngầm hơn một trăm tử-sĩ ở ngoài, để tiếp ứng. Sáng hôm sau, Quang bầy một tiệc thật trang-hoàng, rồi vào triều đón vua Liêu. Vua Liêu vào cung hỏi mẹ rằng :

— Công-tử Quang mời con ra nhà ăn tiệc, mẹ tưởng hắn có ý gì không ?

Bà mẹ nói :

— Mẹ xem Quang lâu nay khí sắc sầu uất, chắc vẫn có lòng tức thẹn. Nay hắn mời con ăn tiệc, chưa chắc đã là có lòng tốt, sao con không chối đi ?

— Chối thời sinh ra *hiềm-khích*, không bằng đi mà phòng-bị nghiêm-nhặt, thời có sợ chi ?

Nói đoạn, vua Liêu ra triều bảo Quang về trước, rồi vua truyền lệnh cho lính hộ-vệ chia đội đứng sắp hàng từ cửa cung cho đến cổng phủ Công-tử Quang ; ngoài phố các đường các ngõ đều có lính đứng canh gác. Sắp sửa đâu đấy, vua Liêu mặc ba lần áo giáp toa-nghê, đem các người thân-thuộc tâm-phúc lên xe tới phủ công-tử Quang.

1 — Là một thanh bảo-kiếm rất nhỏ.

Quang đón vua vào tiệc, rồi chắp tay đứng bên cạnh. Khi đó trong nhà Quang từ cổng, sân, thềm, cửa cho đến hai bên tả hữu vua, đều là những người tâm phúc của vua, cắp gươm, cầm kích canh hầu. Lúc dự tiệc, những người nhà bếp của Quang ở nhà khác đệ đồ ăn sang, đến cổng phải thay đổi quần áo, rồi cởi trần đi qui bưng đồ ăn vào trong sân, hai bên có hai người giáp-sĩ của vua cầm mác chĩa vào hai sườn; vào đến thềm lại có mươi người lực-sĩ xúm lại nhắc lên thềm ; nhà bếp đã đệ đồ ăn lên tiệc, không được trông lên, cúi mặt đi qui giở ra.

Rượu độ vài tuần, Công-tử Quang đương đứng, giả cách khụy chân, rồi thiết tha nhăn nhó mà rằng :

— Cái bệnh đau chân của tôi, bỗng chốc lại phát, buốt quá. Xin đại-vương hãy tha phép cho tôi vào trong nhà trong, lấy bông quấn cho đỡ đau, rồi lại xin ra.

Vua Liêu nói :

— Vương-huynh cứ tự-do.

Quang giả cách tấp-tểnh dò vào nhà trong rồi xuống nhà hầm. Bấy giờ Chuyên-Chư ở nhà bên kia lấy kiếm ngư-trường nhét vào ruột con cá nướng, rồi giả làm nhà bếp bưng sang bên này. Tới cổng, theo lệ thay áo cởi trần, đi qui vào sân, lực-sĩ nhắc lên thềm ; khi đến trước tiệc, Chuyên-Chư phanh con cá nướng, rút lấy thanh kiếm. Những giáp-sĩ đi kèm hai bên sườn, nhanh mắt trông thấy, chĩa mác thích thủng bụng Chuyên-Chư. Chuyên-Chư bị thương càng hăng, nhảy sổ vào tiệc, đâm vua Liêu một nhát, suốt ba lần áo giáp, qua ngực sang lưng. Vua Liêu kêu to một tiếng rồi tắt nghỉ. Khi đó bao nhiêu bộ-thuộc của vua Liêu, nhất tề sùm lại, kẻ gươm người mác, vằm Chuyên-Chư nát nhũn như bùn. Công-tử Quang ở nhà hầm nghe thấy bên ngoài huyên-náo, biết là Chuyên-Chư đã làm xong việc, tức khắc đốc giáp-sĩ kéo ồ ra, đánh giết hết sạch thân thuộc lính tráng của vua Liêu. Tử-Tư ở bên ngoài, nghe thấy trong phủ rối loạn, đem ngay bọn tử-sĩ đánh tan mấy đội lính gác ngoài đường. Dẹp yên đâu đấy, Công-tử Quang lên xe, đem các thủ-hạ kéo thẳng vào triều, họp cả quần-thần, kể tội vua Liêu trái ước tranh ngôi, và dụ rằng :

— Cái việc ngày nay, không phải là Quang muốn tranh cơ-nghiệp nước Ngô, là tại vua Liêu bất-nghĩa. Nay Quang hãy quyền coi chính-sự, chờ khi Qui-tử về nước sẽ xin nhường lại.

Nói đoạn, Quang truyền lệnh khâm liệm vua Liêu, theo lễ vua nước hầu sây lăng an-táng, và hậu táng cho Chuyên-Chư. Phong con Chuyên-Chư là Chuyên-Nghị làm khách-khanh ; By Ly làm đại-phu; cất Ngũ-Tử-Tư làm chức hành-nhân, đãi vào lễ khách và lại cho dự bàn việc nước. Một mặt sai mở kho lấy tiền và thóc phân-phát cho các cùng-dân ; một mặt sai người sang Trịnh và Vệ dò tin Khánh-Kỵ.

Khánh-Kỵ khi ấy sang Trịnh và Vệ mượn quân, hai nước đều không nhận nhời, về đến dữa đường nghe tin công-tử Quang làm loạn, tức thì quay đi. Quang nghe tin lập tức đem đại-quân đuổi bắt, nhưng đuổi không kịp. Quang mới truyền lệnh cho các thành ải miền tây, đều phải canh phòng nghiêm nhặt, rồi dẫn quân về triều.

Cách vài ba ngày, Qui-Trát cũng ở Tấn về, nghe tin vua Liêu bị giết, đi thẳng đến mộ, khấn kể gót đầu việc đi sứ rồi khóc viếng để chở. Có người báo việc ấy với Công-tử Quang, Quang thân hành đến mộ vua Liêu, xin nhường ngôi cho Qui-Trát. Qui-Trát không nhận, Quang về triều lên ngôi vua, đổi hiệu là Hạp-Lư (Qui-Trát giận Hạp-lư, tránh ra ở Diên-lăng, suốt đời không vào đến đất nước Ngô, không nói đến việc nước Ngô, già chết ở Diên-lăng).

Cái-Dư và Trúc-Dung bị nghẽn ở Sở, chờ đợi cứu-binh không thấy, chợt nghe tin Công-tử Quang cướp ngôi, vua Liêu bị giết, hai tướng bàn nhau bỏ quân chạy trốn, Cái-Dư trốn sang nước Từ, Trúc-Dung trốn sang nước Chung-ngô. Về sau hai tướng cùng hàng Sở, vua Sở cho ở thành Thư, luyện tập quân-sĩ để chống nhau với Ngô.

(Còn nữa)

Ngô Tất-Tố

時事之部

THỜI-SỰ

TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP

Đồng tiền phật-lăng giấy tự-nhiên mất giá, nên việc tài-chính nước Pháp gặp nỗi khủng-hoảng. Việc chính-trị hiện-thời là việc chính-trị tài-chính. Chính-phủ phải làm thế nào cho đồng phật-lăng có giá-trị tại thị-trường. Vấn-đề rất khó giải quyết, do chính-phủ với nghị-viện không hợp ý, nên công việc của tòa nội-các trung-ương rất khó giải. Trong ít lâu nay, mấy lần tòa nội-các thành-lập lại bị đổ, chỉ do đồng tiền phật-lăng mất giá. Chính-phủ không tìm phương-kế nào bổ cứu được, hoặc có cách để chấn-hưng đồng phật-lăng thì cách ấy lại không hợp với cách của phần đa số nghị-viên, nên chăng sớm thì chầy, nội-các lại bị thiểu số tín-nhiệm phải từ-chức.

Hôm 15 juin vừa qua, ông Raoul-Péret tổng-trưởng bộ tài-chính trong tòa nội-các Briand, vì nhiều lẽ riêng, ông không giải nghĩa, và cũng vì lẽ đồng phật-lăng mất giá, ông từ chức trước khi nghị-viên bỏ vé tín-nhiệm, vì ông biết trước sức ông không kham nổi. Chương-trình tài-chính của ông, tức là chương-trình tài-chính của chính-phủ, không hợp với ý kiến của phần đa số nghị-viên, ông thoái trước, còn hơn . . . Vì ông Raoul Péret từ chức nên tòa nội-các Briand cũng từ chức. Cứ theo dư-luận các báo-quán nói rằng : đương gặp buổi khó-khăn, thì ông Briand nên lại cáng-đáng việc nước mà lập lại tòa nội-các, nên ông giám-quốc Doumergue lại cử ông Briand lập tòa nội-các lần nữa.

Ông Briand nhận nhời, tòa nội-các thành-lập ; ông Caillaux là một nhà tài-chính trứ-danh nhận bộ tài-chính là bộ quan-trọng nhất, tòa nội-các đứng vững được cũng do bộ ấy cả.

Ông Caillaux là người thế nào, cái dĩ-vãng là triệu-chứng hay của cái tương-lai, nên ai ai cũng chắc rằng chuyến này ông hẳn làm được thành công.

Ông xin nghị-viện ủy toàn-quyền cho chính-phủ, thật là quyền rất lớn, khiến cho chính-phủ có thể mộ-thải ở ngoài, dùng số tồn-kim của nhà Pháp-quốc-ngân-hàng, và đặt các phương-pháp trừng-trị.

Chương-trình của ông rất bạo-giạn cả-quyết, theo hiến-pháp thì không hợp lẽ, nên có nhiều người phản-đối, và chính ông Herriot là nghị-trưởng Hạ-nghị-viện cũng một lòng tán trợ tòa nội-các mà phải bảo ông Briand rằng : tòa nội-các nên đề-huề với nghị-viên và xin ông Briand đừng bỏ hẳn nghị-viên đi thế. Ông Briand tiến-thoái lưỡng nan, nhưng lý tất-nhiên phải bênh-vực ông Caillaux, nghĩa là phải bênh vực bản dự-án tài-chính của tòa nội-các.

Chương-trình của ông Caillaux thì hội đồng tài-chính đã xét trước và đã ưng-chuẩn việc ủy toàn-quyền cho tòa nội-các rồi, song số hội-viên ưng thuận ít lắm. Dù thế mặc lòng, ông Caillaux cũng đã chắc là có thế nào cũng được, nên hôm 17 Juillet vừa rồi, bản dự-án đem ra bàn tại hạ-nghị viện, ông Caillaux có phân-trần mọi lẽ, bị nhiều người phản-đối rất kịch-liệt, ông phải khởi xướng vấn-đề tín nhiệm. Lúc bỏ vé rất là náo-động.

Chính-phủ phải 285 vé phản-kháng mà được có 240 vé ưng-thuận, nên phải từ chức.

Sau khi ông Briand đưa giấy của tòa nội-các từ chức, thì ông Tổng-thống Doumergue liền hỏi ý kiến hai ông Nghị trưởng hai viện về viện lập tòa nội-các mới. Ông Herriot nói có lẽ ông sẽ lập tòa nội-các.

Các báo nói nên kíp lập ngay một tòa nội-các liên hiệp quốc-dân và nói xem như việc Thứ-dân-nghị-viện bỏ vé thì tỏ ý ngờ-vực về bản giao-ước Hoa-thịnh-đốn. Nhiều báo nói nên giải tán nghị-viện.

Ông Doumergue vẫn hỏi ý-kiến các nhà chính-trị về việc tòa nội-các. Buổi chiều, ông Herriot được ủy lập tòa nội-các, thì ông đã nhận lời.

Các báo nói rằng ông Herriot đã ra mặt phản-kháng việc ủy toàn-quyền cho tòa nội-các, nay không có thể xin nghị-viện ưng-chuẩn việc ấy là việc đại đa-số cho là việc thiết-yếu để giải-quyết cái vấn đề tài-chính nữa. Ông Louis Marin có nói nếu đặt được một cái chương-trình theo cái chủ-nghĩa hòa-hiếu thì ông sẽ dự vào tòa nội-các Herriot.

Ông lại nói: song ông còn xem cái thái-độ ông Poincaré ra làm sao. Ấy ông Caillaux bị đổ, phần nhiều bởi bài diễn-văn của ông Marin phản đối việc ủy toàn-quyền cho tòa nội-các.

Ông Herriot nhân lập tòa nội-các có ý tựa vào liên-hiệp tả-đảng như trong khi ông lập tòa nội-các thứ nhất. Ông với mấy nhà giúp việc trước và mấy ông về xã-hội cấp-tiến là đảng ông chủ-trương, ông giao cho ông De Monzie bộ tài-chính. Ông có nhờ tả-đảng cấp tiến và tả-đảng cộng-hòa tán thành cho. Ông có mời đảng xã-hội dự vào tòa nội-các theo cái chương-trình đặt cuộc tự ý trợ quyền về tất cả hàng tài sản, nhưng những đại-biểu đảng xã-hội nhất định đòi nhận bộ tài-chính và bộ chiến-tranh, nên việc ấy không thành; đến khi các đảng ôn-hòa không tán-trợ cho ông lập một tòa nội các phồn-hợp, nên ông lập tòa nội-các về tả-đảng.

Hôm 20 Juillet thì tòa nội-các Herriot thành-lập, chính ông làm tổng lý kiêm bộ ngoại-giao, ông De Monzie nhận bộ tài-chính, ông Daniac nhận bộ thuộc-địa, cùng vài ông trước đã giúp việc ông trong tòa nội-các ngô lập trước nhất, như ông Painlevé, ông Renoult, ông Chautemps, ông André Hesse Ông Herriot có vời ông Albert Sarraut nguyên toàn-quyền Đông-Pháp, đại-sứ tại Thổ-Nhĩ-Kỳ, mới được trúng cử Nguyên-lão-nghị-viên, làm tổng-trưởng bộ tư-pháp, song ông từ chối.

Ông tổng-trưởng bộ tài-chính mới có nói trong lời tuyên-cáo của tòa nội-các sẽ xin về đường tài-chính nghị-viện rộng cho tòa nội-các các quyền tự-do thiết yếu. Ông Herriot thì nói rằng: «Tòa nội-các liên-hiệp cộng hòa mới thành-lập, chỉ có một mục đích là bảo hộ đồng-tiền phật-lăng, chứ không để tâm vào chí phái-đảng. Tòa nội-các sẽ cương quyết và xin quốc dân cứ yên tĩnh thì mới có thể hồi-phục được.»

Dư-luận các báo-quán đối với tòa nội-các mới rất là lãnh-đạm và do-dự, thêm bề lo cho tòa nội-các không được vững bền.

Mà thế thật, vì hôm 21 Juillet, tòa nội-các ra trình-diện tại hạ-nghị-viện ông Herriot khi đọc lời tuyên-cáo song, có xin cuộc đầu phiếu để nghị-viện tỏ ý ngay, muốn theo chương-trình khác hay ưng chương-trình của chính-phủ, thì tòa nội-các bị thiểu số ngay, nên phải từ chức. Thế là tòa nội-các Herriot thứ ba sống được 24 giờ.

Ông Doumergue đã ủy thác ông Poincaré lập tòa nội-các, thì ông đã nhận lời.

Ông Poincaré đã lập tòa nội-các song hôm 23 Juillet, có những ông này trọng nhậm:

Tổng-lý kiêm tài-chính: ông POINCARÉ;

Phó Tổng-lý kiêm hình-vụ và hai tỉnh ALSACE-LORRAINE:

Ông BARTHOU.

Ngoại-giao: ông BRIAND.

Thủy-quân: ông LEYGUES.

Chiến-tranh: ông PAINLEVÉ.

Nội-vụ: ông ALBERT-SARRAUT.

Học-vụ: ông HERRIOT.

Thuộc-địa: ông PERRIER.

Thương-mại: ông BAKANOUWSKI.

Canh-nông: ông QUEUILLE.

Công-tác: ông TARDIEU.

Hưu bổng: LOUIS MARIN.

Lao-động: ông ARMAND FALLIÈRES

các ông thứ tổng-trưởng đều bỏ đi cả.

Tòa nội-các này lợp các tay lãnh tụ, các phái-đảng, là những nhân-vật đại tài như các ông Poincaré, Briand, Herriot, Painlevé, nhưng chủ-nghĩa chính-trị khác nhau, thật là một tòa nội-các liên đảng quốc-gia, bất phân phái đảng, chỉ vụ công-ích là làm thế nào để chấn hưng tài chính, nghĩa là cứu vớt đồng phật-lăng khỏi mất giá.

Không biết rằng các ông Tổng-trưởng có giữ được thái-độ hiện-thời không ? Hay lại phải chia rẽ.

Đồng phật-lăng vì sao mà hạ giá ?

Tiền-tệ là huyết-mạch trong nước, cần có lưu-thông mới có giá-trị. Giá tiền-tệ cao hay hạ rất quan-hệ đến nền kinh tế mà lại rất có ảnh-hưởng đến việc bang-giao. Tiền-tệ vì cũng như các đồ hàng-hóa, hàng-hóa có đắt thì nền kinh-tế mới phát-đạt, việc bang-giao mới vững-vàng ; hàng-hóa mà rẻ-ế không tiêu-thụ được thì nền kinh-tế phải khủng-hoảng mà việc bang-giao tất-nhiên phải bối-rối.

Đồng tiền phật-lăng nước Pháp tự-nhiên hạ-giá, hạ giá một cách rất chóng, một cách bất-kỳ, làm cho ai cũng phải lấy làm ngạc-nhiên ; nhất là các nhà buôn bán. có nhà vì đồng phật-lăng hạ giá mà bị thiệt-thòi, cũng có nhà vì đồng phật-lăng hạ giá mà thừa cơ lũng-đoạn, chiếm được phần ích-lợi riêng thì lại càng phân-vân lắm lắm. Câu hỏi : « Đồng phật-lăng vì sao mà hạ-giá » là một vấn-đề rất quan-hệ, ta nên cố tìm xét mà giải-quyết cho ra.

Nguyên đồng phật-lăng chế ra để tiêu dụng ở nước Pháp theo luật ngày 18 Avril 1795. Có hai thứ phật-lăng : phật-lăng vàng và phật-lăng bạc. Phật-lăng vàng cân nặng 6 gr. 45, trong có 9 phần vàng, một phần đồng ; phật-lăng bạc cân nặng 5 gr., trong có 9 phần bạc, một phần đồng. Một đồng phật-lăng vàng đáng giá 20 đồng phật-lăng bạc.

Vì muốn sự chi-dụng được doanh-dư, nên Chính-phủ lại cho phép nhà ngân-hàng ấn-hành một thứ giấy phật-lăng số cũng tương-đương với số phật-lăng vàng, phật-lăng bạc ký tại trong quĩ. Thí dụ như trong quĩ có một trăm triệu đồng phật-lăng bạc thì được phép ấn-hành cũng một trăm triệu đồng phật-lăng giấy, thành ra số tiền trong nước được gấp đôi, sự lưu-thông đài-tải vừa được thuận-tiện, sự chi dụng trong nước lại được doanh-dư, thật là một cách chính-trị rất khôn-khéo.

Năm 1903, nhà Đại-Pháp-ngân-Hàng thành lập, được phép ấn-hành giấy bạc phật-lăng. Lệ định bạc giấy với bạc thực giá-trị ngang nhau, người có đồng bạc giấy có thể bất-kỳ đem đổi lấy đồng bạc thực ở tại ngân-hàng. Giấy bạc tức như là văn-tự của nhà ngân-hàng viết vay của quốc-dân ; quốc dân có tờ giấy bạc, được tùy tiện và tự ý mang đến mà đổi số tiền gốc tức là đồng bạc thực. Vì phòng sự đổi-trác của quốc-dân, nên số giấy ấn-hành không được quá số bạc ký-quĩ.

Sang từ ngày tháng tám năm 1914, sẩy ra cuộc chiến-tranh kinh thiên động địa, làm cho sự tiêu-dụng nhiều hơn trước, nên chính-phủ bất-đắc-dĩ phải hạ lệnh thi-hành cái giá cưỡng-bách (cours forcé) coi đồng bạc giấy cũng có cái giá-trị như đồng bạc thực, mà cho phép nhà ngân-hàng được ấn-hành thêm số giấy bạc, không phải tăng thêm số bạc ký-quĩ, thành ra số bạc ký-quĩ vì người ta đổi dần mà mỗi ngày mỗi hiếm đi, số giấy bạc vì mỗi ngày một ấn-hành thêm mà càng ngày càng sinh nhiều ra, số bạc thực và số bạc giấy không được thăng-bằng, làm cho ngân-phiếu phải đình-ứ mà mất giá-trị.

Chính-phủ tin ở nhà ngân-hàng, nhà ngân-hàng lại trông vào sự tín-dụng của quốc-dân Nếu chỉ tiêu-dụng một nước với nhau thì dẫu việc hối-đoái có khó-khăn một đôi chút cũng không sao ; song việc bang-giao cũng cần đến tiền-tệ, cho nên ảnh-hưởng rất nhiều. Nước Pháp từ khi sẩy ra cuộc đại-chiến-tranh, việc công-nghệ đình-trệ, các đồ cơ-khí và

các đồ thiết dụng không đủ, nhất-thiết phải mua của nước ngoài. Nước Pháp là nước giầu có, nhưng trước thì kinh-phí về việc chiến-tranh, sau thì lại kinh-phí về việc tu-tạo, tổn hại rất nhiều, tiền-tệ trong nước không đủ ứng-dụng, nên chi các đồ cần-dùng mua của ngoại-quốc chưa có thể thu-xếp mà trả ngay được, phải làm giấy chịu lại một kỳ-hạn ít lâu.

Vì số bạc giấy với số bạc thật không được thăng-bằng với nhau, nên chi đối với việc công-nợ của ngoại-quốc không có thể lấy bạc giấy mà trang-trải được, tất lại phải mua vàng bạc thực mà trả mới xong. Mà cái giá vàng bạc thực thì khi cao khi hạ bất-thường, ví cũng như các hàng-hóa ở những nơi thị-trường vậy. Giá vàng bạc cũng như giá hàng-hóa, hễ vật gì nhiều người cần dùng đến thì giá đắt ngay. Vàng bạc bây giờ nước Pháp cần mua để trả nợ, nên các nơi thị-trường tăng giá ; càng thấy cần mua, càng tăng giá cao ; giá vàng bạc cao bao nhiêu thì giá đồng phật-lăng hạ đi bấy nhiêu, cái đó tùy ở những nhà giao-dịch và những nhà ngân-hàng ở các nơi thị-trường vậy. Ấy đồng phật-lăng hạ giá là một lẽ.

Lại như ở bên nước Anh-Cát-Lợi tiêu-dùng bằng đồng Livre sterling, cũng như nước Pháp tiêu đồng phật-lăng, ở nước Nam ta tiêu bạc đồng vậy. Sự tiêu dụng tiền Anh là sự thông thường ở trong thương-giới của vạn quốc, cho nên đồng tiền Livre sterling rất có giá-trị. Một đồng Livre sterling đáng giá 25 đồng phật-lăng, nếu đem 25 đồng phật-lăng bằng bạc thực thì có thể đổi một đồng tiền Anh, nhưng nếu đem đồng phật-lăng giấy mà đổi thì những nhà buôn tiền Anh họ thắt đến ba bốn mươi đồng, năm sáu mươi đồng phật-lăng mới được một đồng tiền Anh, vì họ sợ rằng số bạc thực kỳ-quỹ ở nhà ngân-hàng Pháp ít hơn số bạc giấy ấn-hành, thì khi đổi lấy giấy bạc thực, ngộ nhà ngân-hàng không đủ mà giả lại chăng. Đồng tiền Anh thông dụng cho vạn quốc, nên chi nước Pháp cũng có thể mua tiền Anh mà trang-chải công nợ. Đồng tiền Anh càng có giá-trị thì đồng phật-lăng lại càng giảm mất giá đi. Ấy đồng phật-lăng giảm giá là hai lẽ.

Lại còn một lẽ nữa là vì việc buôn-bán tiền-tệ. — Xưa nay các nhà buôn bán cần phải tiên-thời dự đoán, xem người ta xu-hướng về những hóa-vật gì, những hóa-vật gì sắp-sửa đổi, những hóa-vật gì tăng giá cao hơn cả, phải đoán biết trước để mà dự bị sẵn, để lâm-thời đem ra phát-mại thì mới chiếm được phần lời to. Thí dụ như Giáp đoán rằng ba tháng nữa thì giá gạo cao, bây giờ buôn tích rõ nhiều gạo để ba tháng nữa bán ; Ất đoán rằng ba tháng nữa thì tơ cao giá, bây giờ đổ hết cả vốn để buôn tơ, đợi ba tháng nữa tơ cao thì bán. Kịp đến ba tháng nữa, vì được mùa, giá gạo vẫn đứng nguyên mà giá tơ thì cao vút lên, thành ra người buôn gạo lỗ vốn mà người buôn tơ có lời. Sự buôn tiền tệ cũng như thế : một người buôn tiền Anh, một người buôn tiền phật-lăng, gặp lúc có người cần mua tiền Anh, thì dụ như Pháp cần mua tiền Anh để giả nợ, mà lại gặp lúc không mấy người cần dùng đến tiền phật-lăng thì đồng tiền Anh phải cao-giá lên mà đồng phật-lăng phải hạ giá xuống, người buôn tiền Anh có lời mà người buôn tiền phật-lăng phải lỗ vốn. Ấy bởi sự giao-dịch ở chốn thị-trường vạn-quốc kịch-liệt, mà giá đồng phật-lăng lên xuống không thường.

Nước ta tiêu dùng bằng bạc đồng mà giá bạc đối với giá vàng thì không nhất-định, cho nên giá bạc đồng của nước ta phải tính theo giá bạc rồng ở các mỏ. Các mỏ bạc mà bán bạc thì chỉ tính lấy tiền Anh, cho nên bạc đồng ở nước ta cũng chiếu giá bạc rồng ở nước Anh, tính theo giá tiền Anh ăn với giá tiền phật-lăng mà thay đổi. Vậy thời bạc đồng ở nước ta kể cũng tương-tự bạc Livre sterling ở nước Anh. Ở chốn thị-trường mà bạc nước Anh có giá-trị thì bạc nước ta cũng theo đó mà có giá-trị.

Tiền-tệ của ta với Anh có cái giá-trị liên-lạc với nhau, càng cao bao nhiêu

ta càng lợi bấy nhiêu; nhưng mà nền kinh-tế của ta với Pháp thì phần quan-hệ cũng liên-lạc với nhau, đồng phật-lăng càng hạ-giá thì nền kinh-tế càng quẫn-bách, nền kinh-tế quẫn-bách thì ta chịu ảnh-hưởng rất sâu. Ta chớ vội lấy giá bạc của ta cao, cho là có lợi; chính vì sự giá bạc của ta cao mà lại ngụ cho ta nhiều điều thiệt-thòi về nền kinh-tế và việc bang-giao vậy.

Sơn-Xá.

MỘT BÀ NỮ NGHỊ-TRƯỞNG ẤN-ĐỘ

Bà Sarojini-Naidu là một nhà nữ-thi-sĩ có tiếng ở Ấn-Độ, nay được cử làm Nghị-trưởng trong Quốc-dân-nghị-viện. Một người con gái mà làm nghị-trưởng, chẳng cũng lạ-lùng ru? Nhưng chúng ta xét đến công lao của Bà trong bao nhiêu năm trời đối với việc vận-động độc-lập của Ấn-Độ, thời tuy là phận bồ liễu mà chứa-chan một bầu nhiệt-huyết yêu nước thương dân, khiến cho chúng ta không được không khâm-phục.

Bà không phải như những nhà thi-sĩ tầm-thường; Bà có trước-tác được ba tập thơ ca bằng văn Anh, đều là những văn-chương bất hủ.

Bà sinh năm 1879 ở xứ Hyderaba. Thủa lên 9 tuổi, nhà cho đi học văn Anh, nhưng bà không thích. Vì thế, ông bố giam ở nhà một ngày. Khi tha, bà nói rằng: "Tôi thế nào cũng phải trở nên một nhà ngôn-luận rất giỏi mới được".

Bà từ bé đã có cái khiếu làm thơ, dẫu ông bố bắt học về khoa-học, mà thiên-tài vẫn nẩy nở về lối nhả ngọc phun châu. Năm 11 tuổi, đã làm được bài thơ trường-thiên 300 vần và bản kịch 2000 giòng. Sau vì người yếu, nên phải nghỉ học. Nhưng ở nhà vẫn cứ dùi-mài đèn sách. Bà nói: "Như tôi họ hành, chỉ được trong khoảng năm mười bốn, mười lăm tuổi. Hồi bấy giờ, tôi viết được một cuốn tiểu-thuyết và một quyển nhật-ký. Đó là vì tôi hết sức cố gắng vậy."

Hồi mười bốn, mười lăm tuổi, Bà với bác-sĩ Goviadura-julu Naidu, đôi bên có lòng yêu mến; song vì nhà Bà theo đạo Bà-la-môn, chìm đắm trong vòng giai-cấp, nên hai nhà không tán-thành cho việc hôn-nhân. Năm 1895, ông bố cho sang du học bên Anh, trừ ra có một lần sang, chơi bên Ý, còn thời ở học luôn 3 năm trong Hoàng-gia-học-viện ở Luân-Đôn. Sau khi về nước, bèn kết hôn với bác-sĩ Naidu; vì thế, ở bên Ấn-Độ mới đem lời dị-nghị. Bà mẹ bèn tuyệt tình không đi lại với con.

Được vài năm sau, bà mẹ thỉnh-thoảng có việc lại chơi, nhưng cũng không có ăn uống gì bao giờ cả. Vì sợ nhân thế mà làm nhàm phép tôn-nghiêm của đạo Bà-la-môn.

Gần nay, bà Naidu hết sức vận-động về việc nước Ấn-Độ. Những kẻ không biết lại tiếc cho bà rằng: dấn thân vào trong luồng chính-trị, tất là có sự hiểm-nghèo. Song chỉ vì Bà thấy quốc-dân phải khốn-khổ trong vòng áp-bách, cầm lòng không đang, nên cái nguồn thi ca bóng-bẩy đẹp-đẽ kia phút chốc biến đổi ra một bầu nhiệt-huyết thương dân yêu nước, như ba đào cuồn cuộn ở trong lòng mà không sao nén được vậy.

Khi Bà ra gánh vác trách-nhiệm một chức hội nghị-trưởng, bà có nói rằng: «Tôi là một người đàn bà, công việc tôi làm rất là ôn-hòa êm-ái. Chẳng qua chỉ muốn khôi-phục lấy cái địa-vị chân chánh cho nước Ấn-Độ.» Coi đó, đàn bà Ấn-độ người ta như thế. Trông người lại ngẫm đến ta....

Việc biến-loạn ở Nam-Dương quần-đảo

Nam-dương quần-đảo là thuộc-địa Hà-Lan, tuy bên ngoài vẫn bình tĩnh, song kỳ-thực thì lòng dân ở Java và ở Sumatra vẫn có ý phản-kháng. Mới đây ở miền tây Sumatra và trong một vài nơi ở Dachen có sẩy ra nhiều cuộc biến-động, là vì có hai người trong đảng

Sarekat Rayat, tức là đảng *nhân-dân cách-mạnh,* một người phải đi đày bỏ xác ở Mainokwri (về Úc-châu) và một người phải giam chết ở trong ngục. Người phải đi đầy đó tên là Misbach, là một người thủ-lĩnh, được nhân-dân sùng-bái nhất. Người chết trong ngục tên là Sugorge, là hội-trưởng hội *liên-hiệp* của các thợ thuyền làm hỏa-xa.

Đảng quốc-dân ở Java và Sumatra sùng bái hai người như thần-minh, nói rằng hai người thực là hai bực hi-sinh cho hạnh-phúc của đồng-bào, mà phải chịu khổ về chính-sách bất lương của chính-phủ thuộc-địa.

Chính-phủ đã tìm hết phương-pháp giới-nghiem để phòng trong hải-đảo. Hiện trong đảng Sarekat Rayat có 50 người bị tống giam.

Hai tờ báo cách-mệnh hăng-hái nhất là tờ báo Api ở Samaray và tờ Njola ở Batavia đã bị chính-phủ bắt phải đình-bản.

Đảng cách-mạnh Cao-Lỵ

Các Lãnh-sự ở Thượng-Hải rất lấy làm chú ý về việc có mấy nhà lĩnh-tụ đảng *vận động tự-lập* của Cao-Ly, ở Quảng-Đông mới đến; mục-đích của họ là nghĩ cách báo thù cho bọn người Cao-Ly mấy tháng trước bị bắt về việc âm-mưu hại Lãnh-sự Nhật ở Thượng-Hải. Một người trong bọn đó thắt cổ chết ở trong ngục. Người ta ngờ rằng có nhẽ người Cao-Ly muốn phá tòa Lãnh-sự Nhật lần thứ hai nữa. — Hiện chính-phủ Nhật đã phái rất nhiều quân lính để canh phòng tòa Lãnh-sự, và để hộ-vệ viên Lãnh-sự cùng các liêu thuộc nhỡ khi có sẩy ra tai biến bất kỳ.

Thực-Nghiệp dân báo

TIỂU-TỨC MỘT TÒA BÁO MỚI Ở TRUNG-KỲ

Xứ Trung-kỳ xưa chưa có báo, nay mới nghe có một toà báo sắp xuất-hiện. Cứ nhời báo Đông-Pháp ra ngày 15 Juillet, lược rằng :

« Ở tại kinh-đô Huế, sẽ mở một tờ báo, xuất bản hằng ngày. Báo này do cụ **Phan-bội-Châu** làm chủ-nhiệm và sáng lập.

« Cụ Phan muốn đem cái chính-sách *Pháp-Việt đề huề* mà truyền bá cho cùng cả quốc-dân Trung, Nam, Bắc đều hay.

« Những nhà tán-trợ toàn là những người tư-bản ở Trung-kỳ, và những tay trong tòa soạn đều là những người có nhiệt-thành với quốc-dân, cùng theo một chủ-nghĩa, một chánh-sách Pháp-Việt đề-huề vậy.

« Tờ báo này chưa biết đặt tên là gì, nhưng nghe đâu cũng sẽ gọi là « *Việt-Nam báo.* »

Lại nghe thiên-hạ nói rằng: "Việc báo ở Trung-kỳ, chỉ là cụ Phan đứng lên làm chủ-nhiệm để lấy giá-trị với quốc-dân; còn như các công việc thực-hành thời do ở những người khác, mà về phần tòa soạn thời ông *Nguyễn-bá-Trác* sẽ làm chủ".

Lại nghe cũng có người nói rằng : " Việc báo ở Trung-kỳ chưa biết khi nào đã xuất-hiện ; nhưng cụ **Phan** thời không có can dự chi cả, mà ông *Nguyễn-bá-Trác* hoặc có coi việc trong toà soạn, có nhẽ ông cũng không ra tên ".

Hiện nay báo Trung-kỳ chưa xuất hiện, quốc-dân ta chưa được biết rõ ra làm sao. Nghĩ như cụ Phan thời tưởng Cụ cũng không còn có cái hứng-thú về sự làm báo bây giờ. Như ông *Nguyễn-bá-Trác,* khi trước đã dự một phần sáng-lập báo Nam-phong và chủ-bút về phần Hán-tự của báo ấy; nay có nhẽ ông lại ra mở báo Trung-kỳ chăng !

MỘT CÂU CHUYỆN Ở NAM-KỲ

Ở Nam-kỳ, ông **Bùi-quang-Chiêu** có tổ-chức lập Việt-Nam hội-quán. Hôm

hội-đồng mới đây tại nhà hội Khuyến-học, hội-trưởng các hội đều đến dự cả. Trong đám ấy, có ông hội-trưởng hội *Lon-ton*; vì thế mà ông Tiến-sĩ *Lê quang-Trinh*, trong báo "*Le progrès annamite*", có bài-bác việc đó, nói rằng : « ông hội-trưởng hội *Lon-ton* không đủ tư-cách dự hội-đồng", có ý khinh-bỉ bọn lao-động. Vì thế các phái lao-động đều tỏ lòng phản-đối ông Lê-quang-Trinh. Cứ Đông-Pháp thời-báo số 456, ngày 7 Juillet 1926, thời một người sốp-phơ là Mr B. V. có viết một bài phản-đối, nay trích một đoạn như sau này :

"Ông Lê-quang-Trinh có biết hiện thời đây, ai phải là người Việt-Nam, ai không phải là người Việt-Nam không? Tôi hỏi rồi tôi lại xin trả lời. Kể từ khi vua Lạc-Long một trứng trăm trai, cha truyền con nối cho tới ngày nay, dẫu có chia ra đẳng-cấp, kẻ sang người hèn, kẻ làm việc bằng trí khôn, người làm việc bằng sức mạnh ; song nhìn lên ban thờ tiên-tổ, ngó lại anh em đồng-bào, thấy đều một bọc sanh ra, đều là anh em trong một nhà cả, những cái phân biệt bề ngoài chẳng qua như cái áo mặc đó mà thôi. Ai đã là con trong một nhà thời cũng có bổn-phận đối với nhà; ai đã là dân trong một nước thời cũng có bổn-phận đối với nước. Duy có kẻ nào đeo cái lốt An-nam, cổng rắn cắn gà nhà, rước voi dầy mồ mả, thì những kẻ ấy không phải là con cháu của Tiên-tổ, không phải là anh em của quốc-dân, tưởng đồng-bào ta nên đuổi xô ra mà không cho bước vào nhà hội-quán An-nam thì phải; chớ còn như mấy người plantons, mấy người sốp-phơ, mấy người xe-kéo, nghề-nghiệp dẫu không được sang-trọng như ai, song vẫn không hổ mình là người An-nam, vậy thì cái nhà hội An-nam là cái nhà chung của mình, mình được đến hội, mình được dự nghe, thua chi ai mà sợ cóc chi ai."

Ngoài một đoạn trích đây, lại có những câu như là "bỏ thăm nhượng thương-khẩu", "ăn cướp của dân bị lụt", không biết những câu ấy có phải là ý định chỉ vào ông Lê-quang-Trinh hay không? Bản-chí không cần xét kỹ. Nay chỉ lấy một đoạn trích trên kia là có hợp với tôn-chỉ của Bản-chí, như trong bài xã-thuyết mới rồi ở quyển số 1, Bản-chí cũng đã nói :

"Nay về sau, không dám biết ai là người trong thượng-lưu xã-hội; không cứ sĩ, thương, quân, dân, nam, phụ, lão, thiếu, phàm hơi có học-vấn trí-thức, đều nên nhận một phần chức-trách với quốc-dân. »

Vậy tưởng không nên lấy sự phân biệt đẳng-cấp làm trọng, mà nên lấy sự hòa-bình làm hơn. Mong rằng việc này các ông trong Nam-kỳ sẽ thu-xếp được ổn-thỏa. Sau này có tin-tức gì nữa, Bản-chí sẽ xin lục-tục đăng để anh em ngoài Bắc ta đều biết.

Công-ty xe lửa Vân-Nam đối với hành khách về việc Hội-chợ.

Công-ty xe lửa Vân-Nam vừa mới xin quan Toàn quyền lại thi-hành mấy khoản trong nghị-định số 2281 ngày 22 Juin 1923 về việc vận-tải hàng-hóa về đấu-sảo tại Hội-chợ Hanoi hay là ở Hội-chợ đem đi.

Mấy khoản ấy như sau này :

« Những hàng-hóa đem về đấu sảo tại « Hội-chợ Hanoi hay là ở Hội-chợ đem đi « thời công-ty xe lửa sẽ chỉ lấy nửa tiền « cước mà thôi.

« Muốn được hưởng lợi-quyền ấy, tất « phải có cái giấy chứng-chỉ của hội - đồng « quản-trị Hội-chợ Hanoi nhận thực cho « rằng những hàng-hóa ấy là đem về Hội-« chợ Hanoi hay ở Hội-chợ đem đi. Giấy « ấy, lúc đi lúc về, phải đưa cho nhà ga xem.

Những con vật to nhớn lạ-thường như voi ; những đồ dùng, đồ vật và sản-vật to lớn quá hay là cân nặng hơn 3000 cân ; vàng thoi, bạc nén, vàng mạ, bạc mạ bạch kim, đồ nữ-trang, đồ thêu, đăng-ten, bảo-thạch và những đồ mỹ-thuật, như bằng đồng đen, đồ trạm, tượng và các biển, thời không được hưởng lợi-quyền ấy.

NỮ-CÔNG HỌC HỘI

Lâu nay, phụ-nữ nước ta, những người sinh-trưởng trong những nhà phú quí, khuê các đài trang, thời phần nhiều chỉ ăn trắng mặc chơn, lên xe xuống ngựa, mà không mấy ai lưu ý đến nữ-công thực-nghiệp. Dẫu có ai chăng nữa, thời cũng chỉ lẻ-tẻ đó đây, mà chưa hề thấy kết thành hội-đảng.

Nay Bản-chí nhân ông Bùi-huy-Tín ở Kinh-thành về nói chuyện, mới được biết tin rằng ở Kinh-thành, bà Đạm-Phương nữ-sử mới cùng các bà, các cô trong Huế, tổ-chức thành một hội, gọi là « Nữ-công học-hội », để giậy những cô từ mười tuổi giở lên, học mọi việc như thêu, thùa, may, vá ; làm bánh, nấu ăn ; vân vân.. ngoài những việc đó, còn giậy về cách nuôi con, vệ sinh ; lại có giảng về văn-chương giáo-dục. Mục-đích hội rất hay và rất có ích cho việc gia-chính của các bạn quần-thoa. Bản-chí xin có mấy lời chân-trọng chúc cho hội được tràng-thọ, ngày càng khuếch-trương phát-đạt thêm lên. Sau này mong rằng các nhà sáng-lập sẽ thực-hành cái mục-đích của hội, kỳ cho được hoàn-mỹ, thì thật là hạnh-phúc cho nữ-giới ta nhiều lắm.

Bản-chí lại mong rằng ngoài Bắc ta một ngày kia cũng sẽ có một hội như thế, lẽ nào thua chị kém em.

Sách mới xuất bản

Bản-chí mới tiếp được ba quyển sách gửi cho, xin giới-thiệu với đồng-nhân như sau này :

Ba quyển sách ấy đều do Tân-dân-thư-quán xuất bản.

Hai quyển tuồng nói về sự tích nước nhà, đều là của ông phó-bảng Hoàng-tăng-Bí soạn; một quyển tên là "**Thù chồng nợ nước**", nói về sự tích bà Trưng-nữ-Vương, dầy 24 trang, giá 0$12. Một quyển nữa là "**Nghĩa nặng tình sâu**" nói về sự tích An-Dương-Vương, dầy 22 trang, giá 0$12.

Một quyển chuyện Trinh-thám của ông Huấn-đạo Phạm-Quang-Sán dịch, tên là "**Vỏ quít dầy móng tay nhọn**" dầy 36 trang, giá 0$15.

NỮ CÔNG HỌC HỘI Ở HUẾ

Cliché Thực-Nghiệp

NGUYÊN-NGOC-UYÊN

Constructions et Réparations mécaniques

FABRICATION DE LA PEINTURE ET DE L'HUILE

BUREAU ET ATELIERS

71, Rue Jean Dupuis — Hanoi, — Téléphone N° 605

NHÀ MÁY MỚI MỞ

Kính trình các ngài biết cho tôi mới mở nhà máy ở phố Mới, số nhà 71 Hà-nội, có chế-tạo các thứ máy như là : Máy-in, Giao sén-giấy, máy Dẫn-thủy-nhập-điền, máy luyện-đất, máy đóng các thứ gạch mộc, máy ép gạch si-mo, làm các kiểu khuôn-gạch và khuôn-ngói, các thứ máy xưởng tôi chế tạo ra đây đều có thể dùng nhân-lực làm, rất giản tiện đỡ nhân-công và giá lại rẻ, để tiện dụng cho người Đông-bang.

Làm cả tủ-sat, giường Hồng-kông, và chế-tạo các thứ sơn tây và nấu giầu, đều dùng máy làm công việc thực nhanh.

Tôi có đủ các tay thợ làm máy chuyên-môn, chữa xe ô-tô và các thứ máy chạy ét-săng.

Tôi có đúc gang và đúc đồng với đúc aluminium; nhận đúc các kiểu to nhỏ.

Xin mời các ngài chiếu cố cho, tôi xin tính giá phải chăng.

CHỦ NHÂN **Nguyên-Ngoc-Uyên.**
Kính cáo.

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo Annam
Cai cắt chuyên-môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào, Hanoi

và chi-điểm : 17, Phố Khách, Haiphòng

KÍNH GIẶN

Ngài nào ở xa giả tiền báo năm bằng **mandat**, xin cứ giữ lấy **talon**, cho Bản-chí khỏi phải giữ **reçue thực**.

An-nam Tạp-chí

LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mũi, tính như sau rày:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang . , ...	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính thì 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10°/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

An-nam Tạp-chí

Số 3 NĂM THỨ NHẤT 1er QUINZAINE AOUT 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1397

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP CHÍ
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — **Xả-thuyết** *Cái tinh-thần ái-quốc của người nước An-Nam ta từ xưa đến nay.*

2 — **Việc Gia-đình** *Gia-đình và xã-hội đời nay ở nước Nam.*

3 — **Thường-thức** *Việc pháp-luật : Nói về phạm-vi thẩm-quyền và các việc tố-tụng.*

4 — **Văn-học** *Báo Hữu-Thanh, tình hữu-ái.*
Chính-sách Nhật-Bản cai trị Cao-Ly.
Hán-văn tạp dịch.
Văn thơ.
Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết).

5 — **Thời-Sự** *Cuộc đại-hội của người An-Nam ở bên Pháp.*
Việc nước lụt ở Bắc-kỳ năm nay.
Việc Tư-pháp : bốn tháng giời xét sử ba ông quan.
Giới-thiệu sách mới.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :
từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** ; Nửa năm, **2 $ 20** ; Mỗi số **0 $ 20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandat, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 3 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Août 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

CÁI TINH-THẦN ÁI-QUỐC CỦA NGƯỜI NƯỚC AN-NAM TA TỪ XƯA ĐẾN NAY.

Phàm là một nước trong doanh-hoàn, trải bao phen bĩ thái tổn vong, mà giang sơn vẫn y-nguyên, dân-tộc chưa tuyệt-diệt, ấy tất là có một cái tinh-thần cố-kết là cái lòng ái-quốc của quốc-dân, đời ấy nối đời khác, người nọ tiếp người kia, như quên như nhớ, như đước̀h như liền, mà không ai có thể làm cho đến mất vậy. Vậy thời xem như ở lịch-sử của nước An-Nam ta :

Sử ta, người ái-quốc bắt đầu từ bà *Trưng-nữ-vương*. Bà Trưng-vương giận vì Tô-Định giết mất chồng là Thi-Sách, bèn cùng người em gái là *Nhị*, cất quân đánh Hán, thu-phục giang sơn, đó là vì báo thù cho chồng mà sinh lòng ái-quốc vậy. Nối bà Trưng mà tỏ lòng ái-quốc thời có như ông *Khu-Liên*, bà *Triệu-Ẩu*, vua *Lý-Nam-đế*, vua *Triệu-Việt-vương*, các vua *Mai-Hắc-đế*, *Phùng-Bố-cái*, *Ngô-vương-Quyền*, hai vua *Đinh-định*, *Trùng-quang*, cho đến vua *Lê-Thái-tổ*, ấy đều bởi cái khí khẳng-khái anh-hùng mà sinh lòng ái-quốc vậy; lại như ông *Lý-thường-Kiệt* đánh Tống, ông *Trần Hưng-đạo* phá Nguyên, hai ông *Đặng-Dung Nguyễn-Xúy* chống nhau với Minh, là ái quốc mà hết chức-phận kẻ làm tướng; ông *Nguyễn-công-Thể* tìm ra sông Đồ-Trú, là ái quốc mà hết chức-phận kẻ văn-thần (1). Tuy rằng thành bại có khác nhau, công lao có khác nhau, mà chút lòng đối với giang sơn đều

(1) Đời vua Dụ-tôn nhà Lê, người Thanh giả lại sưởng đồng Tự-Long cho ta, hẹn lập giới ở trên sông Đồ-Trú. Triều-đình sai ông Nguyễn-công-Thể đi Tuyên-Quang nhận đất. Kẻ thổ-quan ở biên ải Tàu trỏ lừa một nơi khác, bảo là sông Đồ-Trú, muốn cắt lấy các trại Bảo-Sơn. Công-Thể biết là sự lừa dối, lặn-lội trong lam-trường hiểm-trở, nhận ra đích chỗ sông Đồ-Trú, bèn lập bia ở chỗ giáp-giới.

đã có hiển ra sự-nghiệp. Còn như ái-quốc chỉ là ái-quốc, không có sự-nghiệp mà chỉ có tinh-thần, tính lên thiên cổ, tính xuống nghìn thu, có chăng chỉ có một người là ông *Mạc-ngọc-Liễn* vậy.

Vận nhà Mạc đã suy, thành Thăng-Long bị Trịnh-Tùng đánh phá, chúa Mạc là Mậu-Hợp bị bắt ở chùa Phụng-Nhãn, bêu sống ở Thăng-Long, chém ở bến Bồ-Đề, đưa đầu về Thanh-Hoa, đóng đanh hai mắt để giữa chợ; các con cháu nhà Mạc như Kính-Trỉ, Kính-Phu, Kính-Thận, Kính-Dản, Kính-Tuân cùng tộc-đảng liêu-thuộc một ngày chết chém ở bãi cỏ có hơn sáu mươi người; vương hầu tôn-thất của họ Mạc như Kính-Chương, Kính-Khoan còn tản-mác các nơi, cùng chúa Trịnh vua Lê đánh nhau hết sức. Khi ấy có người tướng nhà Mạc là *Ngọc-Liễn* chốn náu ở bắc-phương, cũng tìm được người con Mạc, Kính-Điển là Kính-Cung, dựng lên làm vua, đặt niên-hiệu là Càn-Thống, giữ châu Yên-Bác ở Lạng-Sơn. Sau họ Trịnh phái quân lên đánh, *Ngọc-Liễn* chạy sang Tư-Minh (1) rồi lại về giữ châu Vạn-Ninh (nay là Hải-Ninh); Kính-Cung thời chạy sang Long-châu (2). Đến khi *Ngọc-Liễn* ốm gần chết, để thư lại đưa cho Kính-Cung rằng:

«... *Họ Lê lại nổi lên, cũng là số-vận. Dân ta không có tội gì, mà chỉ làm* « *cho phải chịu mãi những mũi tên hòn đạn; nghĩ như thế, nỡ lòng nào. Nay* « *ta nên lánh ở ra nước khác, giữ lấy mình là hơn, chớ lại cùng với* « *họ Lê đánh nhau mãi; lại thiết chớ nên rước người Minh về nước mà* « *để cho dân ta đến nỗi lầm-than...*»

Ôi! quý-hóa thay, mấy câu nói lúc lâm-chung của kẻ trung-thần nhà Mạc kia, khiến cho sau nghìn thu ai đọc ai xem, còn như thấy cái tấm lòng yêu nước thương dân chứa-chan trên mặt giấy. Như thế là ái-quốc, không có vì chi mà ái-quốc, ái-quốc bằng một cách đạo-đức chân-chính vậy.

Nghĩ như nước ta từ xưa mà nếu không có những người ái-quốc đó, thời con Hồng cháu Lạc có nhẽ đã sớm như giống người da đen ở châu Úc, giống người da đỏ ở châu Mỹ, cũng là giống sinh-phiên ở Đài-Loan; còn đâu mà cùng nhau sinh-sản ở ba kỳ, mà mong những văn-minh tiến-hóa! Vậy mới biết cái tinh-thần ái-quốc là quí, giang sơn chủng tộc, nhờ ở một chút lưu-truyền bất-tuyệt đó mà mới còn có như ngày nay.

Gần nay, hai chữ "ái-quốc" lại mới như gây thành một cái phong-trào, trừ một hạng người ngu-dân ở thôn quê, cùng những hạng ngoan-độn vô sỉ, chơ như đá, nhẫn như đồng không kể; còn phàm là hơi có học-vấn, hơi có tâm-huyết, đều như tự hứa mình là người ái-quốc cả. Vậy thời cái hiện-tượng đó ra làm sao? Nay xin cùng những nhà ái-quốc, bàn luận về cái nghĩa ái-quốc:

1.2.—Tư-minh, Long-châu là hai phủ thuộc tỉnh đất Quảng-tây của tầu, giáp giới với tỉnh Lạng-sơn ta.

1) *Ái-quốc bằng đạo-đức.* — Lấy đạo-đức ái quốc thời thành-thực mà bình-hòa, không vì một người ngoài khuyên dục, không vì một phong-trào khích-thích, chỉ là tự mình thấy nước là đáng yêu thời đem lòng thành-thực mà yêu. Sự yêu đó chỉ nghĩ sao cho có ích-lợi cho nước, ung-dung trầm-nghị, không sốt-sắng, cũng không ngã lòng, không lấy quá-khích làm đáng quí, không vì thế lợi mà biến-thiên. Hạng người ái-quốc đó là một.

2) *Ái-quốc bằng nhiệt-thành.* — Lấy nhiệt-thành ái-quốc thời hùng-dũng mà sốt-sắng, hoặc là tự mình thấy nước là đáng yêu, hoặc là vì một người ngoài khuyên dục, vì một phong-trào khích-thích mà đem lòng sốt-sắng mà yêu. Sự yêu đó cũng chỉ nghĩ sao cho có ích lợi cho nước, hô hào bôn tẩu, không hồ-nghi, không thoái chí, không lấy ung-dung làm đáng quí, không vì khuất-triết mà biến-thiên. Hạng người ái-quốc đó là hai.

Hai hạng người ái-quốc đó, nghĩ đều là đáng quí. Song có nhiệt-thành mà không lấy đạo-đức làm căn-cơ, thời cái nhiệt-thành ấy cũng dễ nguội; có đạo-đức mà không lấy nhiệt-thành làm công-dụng, thời cái đạo-đức ấy cũng không công. Hợp đạo-đức cùng nhiệt-thành mà mới là một nhà đại ái-quốc vậy. Vậy mà xem như trong xã-hội ta nay, nhiệt-thành là ai? đạo-đức là ai? cả nhiệt-thành đạo-đức là ai? Bảo rằng không, không phải thật không; bảo rằng có, có chăng hiếm có vậy. Ngoài hai hạng người đó mà tự hứa mình là ái-quốc, thời lại cũng có hai hạng người: một là *lấy khách-khí ái quốc*, hai là *lấy lợi-dụng ái quốc*. Lấy khách-khí ái quốc thời tự mình nguyên không thấy nước là đáng yêu, chỉ vì có người ngoài xu dục, có phong-trào khích-thích mà cũng tỏ lòng sốt-sắng, khi vui thời vỗ tay vào. Sự ái-quốc của một hạng người đó, như cái tính hăng-hái của người say rượu kia; hơi men đã nhạt thời hăng-hái không còn, phong-trào đã tàn thời sốt-sắng cũng nguôi vậy. Tuy vậy, trong xã-hội không có được nhiều những người ái-quốc đó, thời các nhà nhiệt-thành đạo-đức cũng không ái quốc được cùng ai; cho nên dù giá-trị xem với hai hạng người trên kia có kém xa, mà cũng là đáng quí. — Đến như lấy lợi-dụng ái quốc thời không thể gọi là người ái-quốc, mà thật là có tội lỗi với hai chữ "ái-quốc". Hạng người đó thừa cái phong-trào, mượn hai chữ "ái-quốc" để lừa dối thiên-hạ, nhỏ thời kiếm chút lợi riêng cho một thân, nhớn thời có khi làm hại đến chủng-tộc. Sự ái-quốc của một hạng người đó, chỉ như khẩu súng lục của lũ côn-đồ, quyền hình-luật của bọn tham-ô vậy.—Ngoài hai hạng người đó, cũng lại còn có thứ người nữa. Hạng người này, nguyên trước là nhiệt-thành ái quốc, sau hoặc vì thời-cục, hoặc vì cảnh-ngộ, hoặc vì một việc riêng mà nhiệt-thành biến ra lãnh-huyết, ưu thời mẫn thế quay ra phản phệ đồng-bào; cái tài trí đủ đánh lừa được thiên-hạ, cái sự-tích đủ đánh lừa được thiên-hạ, cho nên xem với hạng người lợi-dụng ái-quốc kia lại càng là nguy-hiểm cho quốc-dân vậy. Chúng ta chớ nên thấy hai chữ ái-quốc là đáng quí mà tin cả những người ái-quốc đó là đáng thân. Tôi viết đến đoạn này, tôi sợ hoặc có người cho rằng làm trở-ngại cái lòng ái-quốc của quốc-dân. Dù có

như thế chăng, song thà rằng trong quốc-dân có ít người ái-quốc, còn hơn là có nhiều những thứ người ái-quốc ; thà rằng trong quốc-dân ít người biết quí chữ "ái-quốc", còn hơn là có nhiều người bị hại vì hai chữ "ái-quốc". Ông Sái-Tùng-pha lúc lâm-chung, có đối với những người chung-quanh mà nói rằng : *« Xin các ông lấy đạo-đức yêu nước »*. Cứ thời-cục của ta nay mà nghĩ, tôi cũng muốn thuật theo ý đó mà đem cống-hiến với đồng-bào ; mong rằng đồng-bào ta, ai nấy đều đem lòng thành-thực mà yêu nước, bằng một cách bình-hòa, hãy cốt giữ lấy cái tinh-thần của tổ-tiên ta tự mấy nghìn năm trước.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính cáo

1· — Sang đầu tháng chín tây, Bản-chí phải cần tiền để giả nhà in và chi tiêu các việc, vậy thưa các Ngài mua năm và nửa năm An-Nam-tạp-chí, trừ những Ngài nào đã giả tiền và những Ngài ở xa nhà giây thép mà đã có viết thư về nói, không kể **; còn thời xin gửi mandat về giả cho**. Đa tạ.

2 — Ngài nào ở xa gửi mandat giả tiền tạp-chí, **xin cứ giữ talon (cái cuống măng-đa) làm bằng**, cho Bản-chí khỏi phải gửi tờ biên-nhận.

3 — Các Ngài mua năm và nửa năm tạp-chí, Bản-chí có vào sổ và gửi báo đi chu-tất, mà thấy có nhiều Ngài viết thơ về nói là không tiếp nhận được, hoặc số nhất, hoặc số hai ; vậy thời không biết sự thất-lạc đó là vì đâu, Bản-chí đã phải gửi đền những số báo mất ấy. Sau này Bản-chí sẽ nhờ sở Bưu-điện tra xét, có nhẽ sẽ được chu-tất hơn.

An-Nam Tạp-Chí

社會之家庭說

GIA-ĐÌNH

Gia-đình và xã-hội đời nay ở nước Nam

Bản-chí mở ra mục Gia-đình này, mong được cùng các quân-tử chuyên giảng-cứu về gia-đình của xã-hội. Nay được ông Tạ-quang-Cát trước hết biểu đồng-tình mà cho văn lại-cảo; vậy xin y nguyên-văn kính đăng, để Độc-giả chư-tôn đồng lãm.

An-Nam Tạp-chí

Bổn-phận cha mẹ đối với con và bổn-phận người con đối với cha mẹ

Phàm làm người ở đời, dù có vô tri-giác đến đâu đi nữa, ai ai cũng biết công ơn và kính mến cha mẹ. Cha mẹ là gì? Có phải là những người như mọi người khác có đủ thất tình, biết mừng, biết giận, biết buồn, biết vui, biết yêu, biết ghét, biết toại ý muốn mình không? Con là gì? con cũng thế, cũng là người đó. Cha mẹ sinh ra con, con sinh ra cháu, cháu sinh ra chắt, cứ thế luân-chuyển mãi mãi, đời nọ sang đời kia mà gây thành loài người. Việc đó là do Tạo-hóa dựng nên. Loài người là cái máy hành-động sinh diệt của Tạo-hóa. Vậy công sinh-thành của loài người nên lụy vào Tạo-hóa thì mới đúng. Vậy ta thử nghĩ xem, con có lợ cha mẹ không, cha mẹ có quyền nhất-thống cậy vào mấy chữ « *cù lao dưỡng dục* » để làm cái lụy mà áp-chế con không? Tôi thiết nghĩ « *cù lao dưỡng dục* » là cái lụy chung của loài người, chứ không phải cái lụy riêng của cha mẹ đối với con mà thôi. Nếu là cái lụy riêng thì công cha mẹ to biết dường nào, ca tụng suốt năm nọ sang năm kia cũng không hết; quyền cha mẹ do đó có lẽ lớn hơn quyền một ông vua vậy. Cha mẹ có thể hiền-lành như bụt, có thể ác-nghiệt như hùm, thế nào con cũng phải cúi đầu cam chịu. Cha mẹ có thể nhắm mắt cậy vào mấy chữ « *công cha như núi Thái-sơn; nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra* », mà bắt con chết thì phải chết, để sống thì được sống, chứ con dù thông-minh sáng suốt đến đâu nữa, cũng không có phép cưỡng lại. Nếu con cưỡng lại mà phân-trần lẽ phải với cha mẹ thì sẽ bị mang tiếng với những kẻ ngu-hèn cười là con bất-hiếu cãi lại cha mẹ. Điều đó cũng có lẽ; song làm cha mẹ đời nay, ta phải nên hiểu một tý mới được: thời nào phải theo kỷ-cương ấy, ta phải nên biết thương lấy con, giáo-dục cho nó nên người thông-minh dĩnh-ngộ hơn mình, để cho nó có quyền tự-do sử-chí việc đời, còn ta là cha mẹ, chỉ nên coi ta là một bậc lão-thành để trông nom kiểm duyệt cho con ta những cái sơ-xuất mà thôi. Ta đã chắc đâu rằng cứ hễ là cha mẹ thì cái gì cũng khôn cả ư. Nếu ta nghĩ thế thì nhầm to. Ngạn-ngữ có câu rằng: « *Con hơn cha, nhà có phúc,* » thế mà ta cứ ỷ quyền là cha mẹ áp-chế con, chẳng hóa ta ngu biết dường nào, đến nỗi không hiểu câu tầm-thường đó ư.

Ta phải nên xét cho kỹ rằng: nước ta từ trước đến giờ, đã lâu đời bị thấp hèn, cũng chỉ vì tại chìm đắm nhu-nhược

trong vòng luân-lý hẹp-hòi của ta, cũng chỉ vì ta là cha mẹ không có đại lượng, không có chí cải-tạo gia-đình ta cho hợp thời, thế đủ biết rằng lụy vào luân-lý thì ít, chứ lỗi là lỗi tại ta hẹp-lượng, cho nên gia-đình xã-hội đến nỗi ủy-mỹ như bây giờ. Ở nước Nam ta, trong nhà thì gia-đình a-dua nhau, hạn-chế quyền cha mẹ đối với con, ngoài quốc-gia thì nền quân-chủ làm cho dân không có một chút nhân-quyền gì, hai cái đó là hai cái nguy-hiểm cho sự tiến-hóa trong nước vậy. Bây giờ ta đã tỉnh dậy, nếu ta muốn cho nước ta chóng mau chân trên con đường tiến-hóa văn-minh như người, ta đã tự-phụ là cha mẹ, ta nên giải-quyết thế nào lập nên một con đường hướng-đạo cho các gia-đình, làm cho cha con biết thương yêu nhau, trên trông xuống, dưới trông lên, cha phải biết phận cha, con phải biết phận con, đừng có lạm quyền mới được. Cha mẹ đối với con, con đối với cha mẹ, chỉ có thể lấy tình nghĩa tự-nhiên mà cảm-hóa nhau; còn cái quyền làm người thì cha con nên được tự-do, cha mẹ không nên ỷ quyền áp-chế, hoặc không nên cậy công sinh-thành. Nói cho đúng ra, ta nên hiểu rằng con chỉ nợ mình có công giáo-dục mà thôi, nếu mình hẹp lượng, muốn rằng sau này con nó báo-đáp cái công của mình, mình muốn bắt nó chết, nó phải chết, để nó sống, nó được sống, thì đừng cho nó học gì hơn bằng mình uốn-nắn từ lúc bé, cho nó ngu hơn mình, cho nó thành một con vật nô-lệ của mình, để chuyên về việc đền ơn giả nghĩa sinh-thành. Như thế cha mẹ để đánh thuế con là vì muốn bảo sao được vậy. Như thế các gia-đình khốn-nạn thấp hèn sẽ khỏi inh-ỏi, khỏi điều nọ tiếng kia. Kế đó là kế thoái bộ, song ở đời nào nước nào cũng thế, được điều nọ hỏng điều kia là thường.

Hoặc-giả muốn tiến-bộ mau một tý, ta là cha mẹ, ta nên lo lấy thân ta, đừng có để tâm bắt khoán con, bắt thuế con; ta phải lấy lẽ công-bình làm tột-điểm để sử-đãi với con, còn về phần ta đến khi già yếu, chẳng có nhẽ nào con ta quên câu « phụ-tử tình thâm » mà quên ta được. Ta chỉ cốt ăn ở thế nào cho khoát đạt đại-độ, làm hết bổn-phận là cha mẹ, ăn ở với con cho hết lòng Thế là ta đã làm cái gương tốt cho con ta đó. Còn các con ta nếu đã có cái học-thức thông-minh thì tự khắc là phải sử, nhược bằng không, ta cũng mặc giời. Ta phải nên nghĩ cho kỹ rằng ông Tạo hóa đã sinh ra giống người, dù dại dột, dù khôn ngoan, dù mạnh khỏe, dù già yếu, dù thế nào đi nữa, cũng không lo đói; giời sinh voi, giời sinh cỏ, ta phải nên có cái chí quảng-đại mới được.

Kể như vấn-đề cha con ăn ở với nhau thì chỉ cốt ở tình nghĩa, không phải là cốt ở luật-pháp. Song việc gì cũng vậy, nếu không có một cái gì làm đích để theo thì người ta ai đã mạnh thế, cứ ỷ thế mình; ai đã yếu hèn, cứ phải chịu lụn-bại mãi, không hề mở mặt lên được.

Vậy ta đây là những cha mẹ thức thời thiệp thế, ta nên bỏ hết cả lòng nhỏ nhen đi mà nghĩ thế nào cho vấn-đề cha con được thảnh-thơi, các gia-đình được dễ thu-xếp, trong ấm ngoài êm, thì xã-hội cũng được mau tiến-hóa văn-minh như người, vì gia-đình là gốc xã-hội. Ta mong rằng sẽ có một đạo luật thi-hành để hạn-định quyền cha mẹ đối với con và bổn-phận con đối với cha mẹ, để cho người ta biết đường mà theo, khỏi hiểu nhầm.

Bổn-phận cha mẹ đối với con

Khi con giai con gái đã ngoài 23 tuổi rồi thì cha mẹ không có quyền hạn-định gì con nữa. Dù cha mẹ với con cái vẫn ở một nhà chăng nữa, cũng nên cho tự-do. Cha mẹ chỉ dùng lời khuyên răn mà đãi với con thôi. Nếu con có tài trí cao hơn mà không nghe cũng tùy ý, hay thì ăn người, dại thì người ăn, lẽ đó là lẽ chung của tất cả mọi người, chưa chắc cha mẹ mười điều hay hơn con cả mười được, nên nghĩ thế mới phải.

Bổn-phận con đối với cha mẹ:

Đến ngoài 23 tuổi, con cái không phải tòng quyền cha mẹ nữa, nhưng luật bắt rằng khi bố mẹ già-yếu không làm gì được, con phải tròng coi cha mẹ thế nào cho phải đạo làm con và phải dành cho cha mẹ hai mươi phần trăm tiền lương của mình làm. Nếu con có thể tùy tâm dành cho cha mẹ bội phần thì hay lắm, nếu kém 20 %. sẽ bị luật-pháp hình phạt. Không những là dành tiền cho cha mẹ mà đủ, còn phải yêu mến kính trọng cha mẹ nữa, nếu cha mẹ để quyên cho mà không biết cư-sử, hoặc ngược-đãi, cha mẹ sẽ lấy chứng cớ mà làm tội con được.

Nói tóm lại thì luật-pháp chỉ dùng cho những kẻ ngu dại ương gàn, còn đối với cha mẹ con cái có học-thức, có giáo-dục thì luật chính là thừa vậy.

Luận-giả viết bài này, cũng vì đã là người cha quá nghiêm-khắc đối với con, nên bây giờ hối bất-cập. Nghiêm-khắc quá, đến nỗi con giai mình cũng là bậc thông-minh sáng suốt bằng người mà không chịu nổi, đến nỗi bắt giai bỏ vợ phải bỏ, gái bỏ chồng cũng phải theo. Thế cũng quá thật. Tưởng thế là mình đắc-thắng quyền là cha, không ngờ rằng mình có quyền mình, con có quyền con, thì mới công-bình. Song vì con mình không có phép cưỡng lại, không chịu nổi sự cưỡng-bách áp-ức của mình, bèn tự-vẫn; còn con gái cũng bỏ nhà, theo thói trăng-hoa. Ôi, đáo sự thì việc đã rồi, mới biết là mình phạm tội to; nhưng biết làm sao đây? Trước kia gia-đình mình vui-vẻ sầm-uất biết dường nào, con giai làm thông-phán, con gái buôn bán giỏi-dang, vợ chồng già tròng con chẳng ngại gì; đến nay thành ra thất cơ lỡ vận, vợ chồng già lại phải lầm than lỡ bữa sớm chưa, thật là ngao-ngán nỗi. Lắm lúc ròng châu lã-chã, ruột gan rầu-rĩ như kim châm, hình như cái oan-hồn của con mình nó vơ-vẩn đâu cạnh mình, than thở khóc lóc; mình thành ra ngẩn-ngơ, lúc nào cũng lo vơ nghĩ vẩn. Thế mới biết người có tội tuy không bị luật-pháp hình-phạt, nhưng lương tâm mình dầy-vò mình cũng quá luật-pháp, có nhẽ làm cho mình héo-hắt đi mà chết được; vậy bèn nghĩ một cái mối để gỡ tội mình. Song trước khi gỡ tội mình, liền để ý dò xét xem các gia-đình khác có thế không, hay duy chỉ có gia-đình mình mà thôi. Non một năm giời xem xét thì nhỡn-tiền tròng thấy hầu khắp là cũng một bệnh cả: nhà này cha mẹ ta-thán là con theo luật tây, tự-do bình-đẳng, hay trái quyền cha mẹ; nhà kia con cái khóc lóc rằng cha mẹ không tròng xuống, không đại-lượng, không biết thương con, không biết thời thế mà châm-chước cho con: nhà kia nữa thì cha mẹ phàn-nàn là nuôi con nhớn lên, con xin ra ở riêng, thật là trốn việc thần hôn định tỉnh; nhà khác thì cha mẹ rượu chè be-bét, đánh cãn chửi bậy, rầm sớm rầm riêng, ính-ỏi cả ngày cả đêm; rồi cứ thế mà lây nhà nọ sang nhà kia, dần dần cha mẹ nào cũng theo cái gương ấy cả.

Thế đủ chứng cớ rằng không phải riêng mình có tội, phần nhiều là cha mẹ kẻ khác cũng đồng tội; vậy phải làm thế nào mà sử được tội mình đã, ắt là gỡ tội được cho kẻ khác. Bèn nghĩ rằng muốn sử tội mình không gì công-hiệu bằng phô bày trên tờ báo, giải tỏ căn bệnh, phân-trần phải trái, để trước là thú tội mình, sau là nhắn nhủ các người cha mẹ đời nay nên nghĩ lại rằng: con ta không phải là riêng của ta đâu, không phải là con vật nô-lệ của ta đâu; con ta là người đó, lúc bé là con ta bổn-phận ta đẻ con ra phải nuôi con, không nên kể công: vì con mình nó có cầu mình cho nó ra đâu, chỉ chính mình làm cho nó sinh ra, chính mình cầu nó để nuôi nó, để giả nợ mình cho xã-hội nên đến lúc nhớn là con xã-hội quốc gia. Vậy khi con ta trưởng-thành, ta hãi cho tự-do hành-động, lo việc đời việc nước.

Thực thế. Có nhẽ nhà ta có phúc đó, nước ta đạt vận đó, nên cháu phải khôn hơn ông, con phải khôn hơn cha, mới mong sống được ở thời buổi mới này.

Mấy nhời nhắn nhủ các bậc cha mẹ là thế, các người làm con ở đời nay có hài

lòng không? Nhưng dừng nên lạm quyền tự-do mà hỗn-hào với cha mẹ thì may cho phong-hóa tân-thời lắm.

. . . . . .

. . . . . .

Ối con ơi! vì cha, con đã thác oan uổng cái thân con; nay cha đã hiểu thấu căn-nguyên rồi, hồn con có thiêng-liêng, nên nguôi dận mà hiểu tình cho cha, mà thương cha! Cha đây xin nguyện chuộc tội cha, để giả lại oan cho con. Ối con ôi! Oan con đó, Oan con lắm đó!

Tạ-quang-Cát.
Hải-phòng

常識之部

THƯỜNG-THỨC

VIỆC PHÁP LUẬT
Nói về phạm-vi thẩm-quyền và các việc tố-tụng.

Tổng-lệ quyền quản-hạt của các nha-môn.

1° — Thuộc về hình-sự, tòa-án có quyền thẩm-phán là tòa án sở-tại ở chỗ mà tội-phạm đã phát-sinh ra, bất cứ là trọng tội, khinh-tội, hay là tội vi-cảnh, đều do ở tòa án ấy có quyền thẩm-phán tất cả. Người tòng-phạm và người chánh-phạm cũng xử ở một tòa án có quyền thẩm phán.

2° — Thuộc về dân-sự, thương-sự, nếu vật bị kiện là bất-động-sản, thì tòa án có quyền thẩm-phán là tòa án sở-tại chỗ bất-động-sản ấy. Nếu có nhiều bất-động-sản ở rải-rắc các quản-hạt khác nhau, thì quyền thẩm-phán thuộc về tòa án sở-tại cái bất-động-sản nào, tùy người nguyên-cáo được chọn. Thí dụ như Giáp bán cho Ất hai cái nhà gạch và một mẫu ruộng, một cái nhà gạch ở tỉnh Hà-đông, một cái nhà gạch ở tỉnh Nam-định, và một mẫu ruộng thì lại ở tận tỉnh Bắc-Ninh. Giáp viết văn-tự rồi không chịu giao nhà và ruộng cho Ất, hoặc có sự gì phân-tranh đến nhà ấy, ruộng ấy, thì Ất tất-nhiên phải đi kiện, mà đi kiện thì Ất làm đơn kêu ở đâu? Ở Hà-đông, ở Nam-Định, ở Bắc-Ninh, chỗ nào cũng được. Ất có quyền được chọn.

Nếu vật bị kiện là động-sản hay là tiền-bạc, thì quyền thẩm-phán thuộc về tòa án sở tại chỗ trụ-quán người bị cáo. Thí dụ như tên Quýt ở Hải-dương vay của tên Soài ở Sơn-tây một trăm đồng bạc, đến hạn không trả; tên Soài muốn thưa lấy món nợ ấy thì tất phải làm giấy thưa tại tòa án tỉnh Hải-dương là chỗ trụ-quán của tên Quýt.

Lại còn một lẽ nữa là hai bên nguyên-cáo bị-cáo, không cứ là có cư-trú ở chỗ sở tại ấy hay không, đều có thể một là đồng-ý với nhau, đem việc kiện thưa ở tòa nào cũng được; hai là đem việc kiện của mình ra thưa ở tòa Sơ-cấp sở-tại chỗ kết-ước với nhau chưa quá 30 ngày, và giá-ngạch không quá thẩm-quyền của toà Sơ-cấp.

Nếu vật bị kiện vừa động-sản, vừa bất-động-sản, thời quyền thẩm-phán thuộc về tòa án Sơ-cấp chỗ trú-quán người bị cáo hay là chỗ bất-động-sản, tùy người nguyên-cáo được có quyền chọn. Nếu kiện về việc thừa-kế, thì quyền thẩm-phán thuộc về tòa án Sở-tại chỗ phát sinh ra việc thừa-kế. Người đương-sự cũng có thể định một chỗ chú-quán tạm-thời để thi-hành những việc trong văn

thư khế-ước, nếu gặp trường-hợp như thế thì quyền thẩm-phán cũng thuộc về tòa án chỗ trú-quán tạm ấy.

Nếu gặp khi xảy ra có việc kiện về dân-sự hay thương-sự, giá-ngạch thuộc về thẩm-quyền tòa án Sơ-cấp, mà người nguyên-cáo hay là người bị-cáo lại chính là quan thẩm-phán ở tòa án Sơ-cấp, thì dù thế nào mặc dầu, được có đặc-quyền đem việc kiện thưa tại tòa án Đệ-nhị-cấp có quyền quản-hạt. Quan Chánh tòa án đệ-nhị-cấp có quyền được tiên-tương đòi nguyên bị đến trước mặt, điều-đình về việc giải hòa. Gặp việc kiện dân-sự hay thương-sự nào mà người nguyên-cáo hay là bị-cáo lại chính là quan thẩm-phán Annam tại tòa án đệ-nhị-cấp thì cũng vẫn thuộc về tòa án ấy xét-xử; nhưng phải do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chiếu đồng-ý quan Nam-án thủ-hiến, cử một quan thẩm-phán Annam khác thay quan thẩm-phán đương bị kiện ấy. Nếu ở tòa án đệ-tam-cấp cũng xảy ra việc giống như thế, nghĩa là phát-sinh ra một việc khánh-tố nào mà người nguyên-cáo hay bị-cáo cũng lại chính là quan thẩm-phán Annam ở tòa ấy, thì cũng vẫn do tòa ấy xét xử, còn sự điền khuyết thì cũng giống như việc xảy ra ở tòa án đệ-nhị-cấp đã nói ở trên.

Ta đã nói đến phạm-vi thẩm-quyền của các nha-môn, tưởng cũng không nên bỏ nhẵng đến người chủ-động ở các nha-môn mà không nhắc qua đến. Chủ-động là ai ? là những quan tòa và các viên phụ-thuộc vậy.

Ở Đông-Pháp Tư-pháp-viện thì có quan Tư-pháp Tổng-trưởng đứng đầu, có quan Phó-tổng-trưởng và mấy ông quan tòa giúp việc. Ngài coi hết cả các công-việc và các viên-chức trong ngạch Tư-pháp, cũng như các quan Thống-sứ, Thống-đốc, coi hết cả những việc cai-trị thuộc về từng xứ một, quan Tài-chính Tổng-trưởng đứng đầu ngạch tài-chính, quan Thương-chính Tổng-trưởng đứng đầu ngạch thương-chính vậy. Dưới quyền quan Tổng-trưởng thì có các quan Chưởng-lý thừa hành mệnh-lệnh, và chủ-trương những kỷ-luật trong viện Tư-pháp, phát-hành những quy-tắc, tống-đạt những án-văn của tòa Thượng-thẩm đã kết-nghĩ. Chức Chưởng-lý làm môi-giới cho quốc-dân đối với thẩm-phán nha-môn, không có quyền kết án, nhưng có quyền được can-thiệp đến việc thẩm-phán, như là thấy các tòa án xử bất-bình thì chống án lên tòa Thượng-thẩm, thấy người can-phạm nào bị tội oan thì biện-hộ để xin tòa tha tội cho, thấy người can-phạm nào phải tội nhẹ, hoặc không đáng tha mà được tha thì khép tội nặng xin tòa tăng án lên, vân vân . . . Ở Hanoi và ở Saigon mỗi nơi có một tòa Thượng-thẩm thì mỗi nơi có một quan Chưởng-lý và mấy quan Phó-chưởng-lý giúp việc.

Ở những tòa án Sơ-thẩm thuộc về tòa án tây, mỗi tòa có một quan Biện-lý. Chức-vụ các quan Biện-lý cũng giống như các quan Chưởng-lý, sở-sự không khác gì nhau trách-nhiệm không khác gì nhau, chỉ có một điều khác nhau là cái phạm-vi quyền-hạn của chức Chưởng-lý thì rộng hơn và to hơn của chức Biện-lý mà thôi vậy. Có người tưởng rằng quan Biện-lý cũng như quan Chưởng-lý, cũng có thể xét xử được những án các tỉnh, và coi hết tất cả các công việc ở ngạch Tư-pháp ; chẳng hóa ra nhầm lắm ru ? Muốn cho dễ hiểu thì ta nên thêm một câu vắn-tắt rằng : « Phạm-vi của chức Biện-lý chỉ ở trong một tòa án Sơ-thẩm mà thôi ; còn phạm-vi của chức Chưởng-lý thời lan rộng ra hết thảy những nơi mà việc thuộc về tòa Thượng-thẩm sở-thuộc về quyền-hạn của mình ?

Mỗi tòa Thượng-thẩm lại có một quan Chánh-nhất đứng đầu các quan Thẩm-phán. Quan Chánh-nhất có quyền thay đổi và xếp đặt các quan tòa về ban Thẩm-phán, được tùy-tiện công-khai phiên tòa, chuẩn-định án-kỳ và thi-thiết những hiệu-lệnh thuộc về quyền Thẩm-phán. Dưới quyền quan Chánh-nhất thì có các quan Chánh-tòa, các quan Cố-vấn và Tham-nghị. Quan Chánh-nhất có đặc-quyền về ban Thẩm-phán cũng như quan Chưởng-lý có đặc-quyền về việc chấp-hành hiệu-lệnh vậy.

Trong mỗi một tòa án thì lại có một viên Lục-sự, các viên Tham-tá lục-sự, các viên Tham-tá thông-ngôn, các viên Thư-ký Thông-ngôn và các viên Ký-lục giúp việc.

Về việc thẩm-phán ở các tòa Nam-án xứ Bắc-kỳ thì ở tòa đệ-nhị-cấp (tức là tòa Thượng-thẩm hay là tòa Phúc-thẩm), quan Chánh-án tất phải là người Đại-Pháp, do quan Chánh-nhất đồng ý với quan Tổng-trưởng lận-cử ra. Phiên tòa nào cũng phải có 3 ông ngồi xử : một quan Chánh-án, một quan Cố-vấn người Đại-Pháp và một quan Tổng đốc hoặc Tuần-phủ, Án-sát Annam làm Tham-nghị. Ở tòa Thượng-thẩm thường có hai ông quan Annam, hàm từ Án-sát, Tuần-phủ trở lên, một ông chuyên coi về việc hộ, và một ông chuyên coi về việc hình. Ở tòa đệ-nhị-cấp (tòa án tỉnh), quan Chánh-án cũng tất phải là người Đại-pháp, hoặc do chân quan tòa ở viện Tư-Pháp bổ ra, hoặc quan Chánh-công-sứ hay quan Phó-công-sứ kiêm nhiếp chiểu theo thể-lệ định ở điều III trong sắc-lệnh quan Tổng-thống Đại-Pháp ngày 16 tháng Février 1921. Ở các tỉnh lớn thường lại có đặt thêm một ông quan An-nam ngang hàm Án-sát trở lên, để giúp quan Chánh-Án giữ chức dự-thẩm về hình-sự, hay là giữ chức điều-tra về dân-sự. Những chức ấy không khi nào vì lẽ gì được dự quyền phán-đoán việc án. Còn như ở tòa Sơ-cấp thì đặt một quan Thẩm-phán xét xử một mình. Chức ấy hoặc chiểu thường do quan Hành-chánh đầu trong địa-hạt kiêm-nhiếp, hoặc bổ riêng một quan Thẩm-phán chuyên-nhiệm; nhưng hiện nay chưa có chân Thẩm-phán tốt-nghiệp chuyên-môn, nên việc xét-xử hãy tạm giao cho các quan đầu trong địa-hạt, như là quan Phủ, quan Huyện, quan Châu kiêm-nhiệm.

Về việc tuyển-bổ, thì từ quan Tư-pháp Tổng-trưởng giở xuống cho đến những viên Lục-sự chánh-ngạch (thuộc về ngạch người Pháp) thì do sắc-lệnh quan Giám-quốc Đại-Pháp nghị-định. Hai chức quan Annam ở toà đệ-tam-cấp thì do quan Toàn-quyền Đông-Pháp, Khâm-sai Nam-triều chọn bổ ; Còn những viên-chức từ Tham-tá lục-sự giở xuống, về ngạch tây-án thì do quan Tư-pháp Tổng-trưởng chọn bổ ; về ngạch Nam-án thì do quan Thống-sứ chọn bổ. Các quan Cai-trị, các quan Phủ, Huyện, Châu kiêm-nhiếp việc thẩm-phán ; chứ các quan Thẩm-phán chuyên-môn do sắc-lệnh quan Giám-quốc hoặc nghị-định quan Tư-pháp tổng-trưởng tuyển-bổ, thì sự tuyển-bổ vẫn theo như lệ cũ, nghĩa là do nghị-định quan Toàn-quyền, hoặc do nghị-định quan Thống-sứ.

Về các việc tố-tụng.

Ta đã hiểu phạm-vi quyền-hạn của các nha-môn, chức-vụ của các thẩm-phán thì việc tố-tụng mới biết rõ nơi nào là quản-hạt mà đầu khiếu mới có sở-cứ. Thế là ta đã thông đường thuộc lối rồi, biết có chỗ sở-cứ rồi, nhưng còn cách-thức tố-tụng ra sao, làm thế nào cho phải thể, gặp mỗi trường-hợp khác nhau thì cách-thức lại phải tùy cơ mà ứng-biện ; vậy ta cũng nên suy cứu qua một tầng nữa mới khỏi cái sự sai lầm trong khi xẩy ra việc kiện-tụng. Các việc tố-tụng thì cần nhất là đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện tất phải là người nào có việc quan-hệ đến mình mới được đứng tên, mới được đầu đơn cáo-tố ở các nha-môn. Muốn thưa kiện gì thì trước hết phải làm đơn, trong đơn ấy người nguyên-cáo phải kể rõ họ, tên, niên-canh, chức-nghiệp, sinh-quán, trú-quán ở đâu, kể cả họ và tên cùng cả sinh-quán, trú-quán của người bị-cáo, duyên do công-việc xẩy ra thế nào, thỉnh-cầu những gì, kết-luận thế nào, có giấy má gì làm bằng-cứ mà có quan-hệ, có bổ-ích cho việc kiện thì cũng đính cả vào sau lá đơn ấy, cuối đơn thì người nguyên-cáo phải chính mình ký tên, nếu không biết ký thì phải điểm-chỉ, mà điểm-chỉ thì phải có người đứng nhận thực ; người nào đại-tả lá đơn ấy cũng phải đứng tên vào đơn và kể rõ tên họ và trú-quán nữa. Còn sự đầu đơn đến các nha-môn thì chính mình người nguyên-cáo cầm đơn đến, hoặc gửi nhà giây thép cũng được cả.

Người vợ có việc thiết-kỷ của mình mà phải đầu đơn khởi kiện thì trong đơn phải có chữ của người chồng cho phép. Người vị-thành đinh có việc thiết-kỷ của mình mà phải đầu đơn khởi-kiện thì trong đơn phải có chữ ký của người cha hoặc chữ ký của người mẹ, hoặc chữ ký của người giám-hộ, hoặc chữ ký của người trưởng-tộc.

Phàm người đứng đầu đơn khởi-kiện, nếu sau này mà thua kiện thì chính mình phải chịu các tiền lệ-phí. Mỗi việc kiện chỉ được làm một lá đơn cho dễ thẩm-cứu, không được đem bốn năm việc khác nhau mà những người bị cáo cũng khác nhau vào một lá đơn. Đã đầu đơn rồi, nếu về phần dân-sự thương-sự, người nguyên-cáo được phép tùy-tiện muốn rút đơn ra thôi kiện lúc nào cũng được; nhưng nếu về phần hình-sự thì phải tùy quyền quan Thẩm-phán có cho phép thời mới được. Đại khái như kiện đòi nợ, đòi ruộng đất là việc tư-ích của thân mình thì mới có quyền xin thôi kiện được; chứ nếu kiện người ẩn-lậu thuế-khóa, kiện người giả mạo văn-thư vân vân..... thì những người can phạm những việc ấy có tội với nhà nước, có tội với pháp-luật, dù người nguyên-cáo có muốn rút đơn ra, nhà nước cũng cứ chiếu pháp luật mà nghĩ xử.

Quan Thẩm-phán khi đã tiếp được đơn kiện thì lập-tức xem cho hiểu rõ đầu đuôi, nếu đơn không hợp thức thì gọi người nguyên-cáo lên, truyền phải làm lại; nếu đơn hợp-thức thì định ngày cho đòi cả lưỡng-bạn (bên nguyên và bên bị) lên tòa để chất-vấn. Người đương-sự tiếp được phiếu đòi thì phải đúng ngày đúng giờ đến hậu chất ở chỗ nha-môn nào đòi mình; nếu không có cớ gì đích-đáng mà không đến hầu, tòa có thể nghĩ xử phạt bạc, hoặc xử khuyết-tịch (xử vắng mặt).

(Sẽ tiếp theo)

Sơn-xá LÊ-KHẮC-KHOA

PHÁP LUẬT VẤN ĐÁP

Bản-chí đặt ra mục « Việc pháp luật, » là cốt để giải-nghĩa luật, dẫn ý luật, dẫn-dụ những việc tầm-thường thiển-cận để cho pháp-luật chóng được phổ-thông: nguyên không có chủ-ý về sự vấn-đáp. Song từ khi bản-chí ra đời, các bạn độc-giả thấy có mục này, vì lòng tin yêu viết thư về hỏi những điều nghi-nan về pháp-luật rất nhiều, Bản-chí trộm nghĩ rằng: muốn cho pháp-luật được phổ-thông thì ngoài sự giải nghĩa luật, dẫn ý luật cũng nên để cho có người vấn-nan mới khám-phá được những điều nghi-nan, mới giải tỏ được những cái khóe hiểm-hóc khó-khăn có khi cho là tầm-thường mà không nghĩ đến; thì sự đó tưởng lại có phần thiết-thực và quan-hệ thêm lên. Vậy bản-chí xin chiều ý độc-giả chư-tôn, phụ thêm mục vấn-đáp « *ở dưới bài* việc pháp-luật », *để trả lời những bài mà các ngài đã có lòng yêu hỏi.*

An-Nam tạp-chí

Bài hỏi

Tôi đọc An-nam tạp-chí đến mục « *Việc pháp-luật* », xem lấy làm hứng-thú mà ngẫm-nghĩ thấy nhiều sự bổ-ích cho quyền-lợi người ta lắm lắm. Qui-báo đã vì lòng công-ích, vì sự phổ-thông mà đặt ra mục ấy, tưởng cũng sẵn lòng giải đáp cho những điều nghi-nan chất-vấn.

Tôi là bạn đọc báo, nay có một việc bất-bình. Xin đường-đột bộc-bạch ra sau đây, nhờ quý-báo lấy lẽ pháp-luật chỉ-giáo cho thế nào là phải, để tôi được thừa-hành, rất lấy làm cảm-tạ.

Số là trong hàng tổng tôi có một tên M xưa nay vẫn có tiếng đầu trộm đuôi cướp, đã can án hai lần về tội ăn trộm trâu; nay M vì sự khích-bác với tên B là người trong họ nhà tôi, rủ mấy người du-côn trong hàng tổng đến nhà B trước sinh sự cãi nhau, sau cầm gậy đánh B

bị thương nặng gần chết. Có quan thầy thuốc khám thương-tích, cấp giấy nhận-thực phân-minh.

Tòa án đệ-nhị-cấp xét xử, phạt M 6 tháng tù mà lại cho hưởng án treo. Không thấy tên ấy phải đi ngồi tù mà cũng không thấy bắt tên ấy phải bồi-thường gì cho tên B cả. Tên B chống án về toà thượng-thẩm; toà thượng-thẩm lại y án. Tôi thiết nghĩ tên M là người gian-ác có tiếng, xưa nay đã can án hai lần, nay cố-ý đánh người bị thương có chứng-cớ rõ-ràng mà lại được hưởng án treo, không phải ngồi tù, thế thì lấy gì làm răn cho kẻ khác; tên B bị đau, thuốc-thang tổn-hại, mà chẳng được đồng tiền bồi thường nào, thế chẳng hóa ra bất-công lắm ru? Bây giờ tên B muốn đi khiếu-nại một lần nữa để xin toà bỏ tù tên M và xin tiền bồi-thường, nhưng lại nghe người ta nói rằng: toà thượng-thẩm đã xử là hết, thời không có thể đi kêu-ca kháng-cáo ở đâu được nữa.

Vậy thời B có thể xin chống án về tây được không? hay có cách gì khiếu oan để toà sử lại cho được không?

Tr. D. Ch.

Bài trả lời

Về việc cố-ý đánh người bị thương thì ở điều 189, tiết thứ nhất, chương thứ 19 trong bộ hình-luật Annam có nói: « Người nào cố ý đánh người làm cho « người ta bị thương, hoặc dụng cách bạo-« cử khác mà không có thể cho là sự bạo-« hành tầm-thường, thì phải bị phạt giam « từ 6 ngày đến hai năm và phạt bạc từ « 7 đồng đến 200 đồng, hoặc hai thứ đó « chỉ phải chịu phạt một thứ thôi. »

Còn về khoản huyền-án thì ở điều thứ 322, chương thứ 28 có nói rằng: « Khi « nào gặp có người phạm chưa hề bị « nghĩ phạt giam về khinh-tội trọng-tội, « thì trong án nghĩ quan thẩm-phán có « thể được huyền khoản hình phạt, không « bắt phải thụ-hình ngay. Gặp trường-hợp « ấy, quan thẩm-phán sẽ hiểu thị người bị « nghĩ được biết án người ấy hãy còn « huyền trong hạn 5 năm, nếu trong hạn « ấy mà người bị nghĩ lại có tái-phạm đến « khinh-tội trọng-tội gì nữa, thì tội tái phạm « lần sau của tên ấy sẽ lại tính lẫn với « tội cũ khi trước, xóa bỏ lệ huyền đi, « mà bắt phải phân-biệt thụ-hình; nếu « trong hạn 5 năm, tên phạm không bị án « gì khác nữa thì tội hình-phạt án huyền « sẽ được tiêu-trừ đi, không kể đến nữa.»

Tên M trước đã can án 2 lần, bây giờ lại can án, cố ý đả thương. Chiếu hình-luật thì tất nhiên tên ấy không được hưởng án treo nữa mới phải. Toà xử như thế, chắc là khi tòa sức đòi hỏi tổng-lý khai căn-cước của tên M tổng-lý vì tư-túi với tên M khai tốt cho hắn và im sự can án của hắn đi, nên tòa mới cứ chiếu căn-cước tốt của hắn, lượng chuẩn cho hắn được hưởng điều thứ 322 trong hình-luật.

Còn sự xin tiền bồi-thường, chắc là khi tòa đương xét-xử tên B không có đơn thỉnh-cầu gì, nên chi tòa mới bỏ quá không xét đến.

Việc ấy ở tòa thượng-thẩm đã xử, là án chung-thẩm rồi, không có thể chống án đi đâu được nữa. Lệ chống án về Tây là chỉ để dành riêng cho những việc xử ở các tòa án tây, như việc ở tòa áo-đỏ, việc ở phòng thứ nhất tòa phúc-thẩm mà thôi; lệ ấy không có thi-hành ở các tòa Nam-án Bắc-kỳ. Người không biết cứ xin chống án về tây, chỉ thêm làm bận cho người ta, mà sang đến tòa Phá-án bên Tây, bao giờ người ta cũng bác bỏ, không có thụ-lý một việc nào về phần Nam-án bao giờ.

Bây giờ việc đã lỡ ra như thế thì ông nên bảo người họ ông là tên B làm đơn xin giải-thích án-văn. Cách thức xin giải-thích án-văn nói rõ ở mục thứ 4, điều thứ 127, 128 và 129 trong luật Dân-sự Thương-sự tố-tụng; nay lược rút như sau này:

«**Điều thứ 127.**—Khi nào có một cái án « chung-thẩm hay là có một cái án không có

« thể được kháng án, kháng-cáo, mà trong « chủ-văn có một khoảng không được « rõ-ràng, hoặc hiểu ra hai ý, hay là có « nhiều khoản trái nhau, nhời nhẽ không « đủ, hoặc chữ nghĩa sai nhầm, thì các « người đương-sự hoặc người đương-sự « chết rồi thì do người đại-quyền được « xin tòa án nguyên thẩm giải-thích, để « định cái nghĩa chánh những chỗ nghi « ấy ; nhưng chỉ được giải-thích thuộc về « án-lý hoặc chủ-văn của nguyên-án mà « thôi, ngoài ra không được thêm khoản « gì vào cả. Nếu thuộc về án nghĩ xử sự « kháng-cáo, mà án ấy là xác-nhận án sơ-« thẩm, hay là bác-khước nhất-bộ hoặc « toàn-bộ án sơ-thẩm thì sự xin giải-thích « về án ấy, bao giờ cũng xin ở tòa án « kháng-cáo. Các qui-định này không can-« ngại đến các khoản có thể phán-định « về sự chấp-hành.

« **Điều thứ 128.** — Đơn xin giải-thích, « làm theo cách thức đơn khởi-kiện. Người « xin giải-thích phải chiếu thể-lệ định ở « điều 107 mà dự ký bạc phạt. Số bạc « phạt ấy định là mười đồng bạc. Sự xin giải-« thích không hề có triển-hoãn việc chấp-« hành nguyên-án; trừ trường-hợp nào tòa « án thụ-lý đơn xin giải-thích có định « riêng thì khác ; gặp trường-hợp ấy viên « Lục sự sẽ tuân theo qui định cuối cùng « ở điều thứ 109.

« **Điều thứ 129.**— Nếu đơn xin giải-« thích xét ra là hữu-lý thì tòa án sẽ phán-« định cái từ-nghĩa chỗ bị-nghĩ. thuộc về « tinh-thần nên giải-thích là thế nào. Còn « về khoản bạc phạt dự-ký thì tự nhiên « chiếu pháp-luật sẽ được giả lại. Nếu đơn « giải thích xét ra vô-lý thì tòa án sẽ phán-« thị không cần phải giải-thích, sẽ bác đơn « của người đứng xin, sẽ nghĩ xử người « ấy bị phạt bạc lấy khoản dự ký sung vào « công-khố ; khi có cần lại nghĩ-sử người « ấy phải bồi thường cho bên đối-thủ. »

Tên B chiếu luật làm đơn, nói rõ sự-trạng ông đã kể ở bài hỏi trên kia, rồi xin hai bản toàn-sao nguyên-án mà tên M bị can khi trước, hoặc bản trích-lục hoặc giấy quan sức, đính theo cả vào đơn để làm bằng. Đơn ấy gửi thẳng lên tòa thượng-thẩm. Tòa sẽ định cái nghĩa chánh ở trong án-văn, nghĩa là chiếu theo điều-luật, cất bỏ khoản án treo của tên M mà tòa trước đã xử nhầm và phán định tên M phải lập tức thụ-hình.

Sơn-Xá

Hỡi đồng-bào ! hãy đọc **LA TRIBUNE INDOCHINOISE**

Của ông

BUI-QUANG-CHIÊU

và cổ-động giùm. Giá đồng-niên **12 $ 00** ; sáu tháng **7 $ 00**.

Thơ và mandat để gửi cho

M. Nguyễn-Kim-Đính **Administrateur**

文學之部

VĂN-HỌC

Báo Hữu-Thanh, tình hữu-ái

Báo Hữu-Thanh lấy ngày 1er Août 1921 ra đời, đến hết tháng Septembre 1924 đình bản, lại đến ngày 13 Janvier 1926 đọc mục thời-sự ở Trung-Bắc mà mới biết Hữu-Thanh đã tạ-thế. Thương ơi!

Bức gương hữu-ái chưa mờ,

Hữu-Thanh hai chữ bây giờ là đâu!

Báo Hữu-Thanh ra đời lấy hữu-ái làm chủ-nghĩa, công sáng-lập do ở hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp và ông hội-trưởng Nguyễn huy Hợi, về phần biên-tập thời tôi cũng dự có ít nhiều; vậy nay thấy Hữu-Thanh đã hết đời mà chẳng khỏi sinh lòng chủ-chướng. Mới đây tôi có mượn được toàn tập Hữu-Thanh của ông Lê-ngọc-Giản là người trong hội Công-Thương đồng-nghiệp còn giữ lại, đem về đọc qua ít nhiều bài, thời thấy trong bài "*Kính-cáo quốc-dân*" ở số 1, có những nhời kỳ-vọng như những câu rằng:

« . . . . Làm cho cái chủ-nghĩa hữu-ái « láng-lai dàn-dụa trong bể cảm-tình của « quốc-dân, như thế nước sông Nhị-hà, sông « Mã-giang, sông Cửu-long về khoảng tháng « năm, tháng sáu, tháng bẩy; giục cho các « công việc tấn-tới đua chen trên con đường « tiến-hoá của thế-giới, như sức xe hơi đi « khoảng đường từ Hanoi vào Huế, Huế vào « Saigon, mở đến cữ sáu mươi, bẩy mươi, « tám mươi . . . . . »

Lại đến bài "*Từ việc*" của tôi trong số 12, in ra ngày 15 Janvier 1922, có bốn câu thơ rằng:

« *Mới nửa năm giời báo Hữu-Thanh,*
« *Biệt ly lai-láng xiết bao tình.*
« *Chút tình hữu-ái không ly-biệt,*
« *Tiếng gọi đàn xa núi Tản xanh.* »

Lại đến bài "*Đi Hạ-Long, đến Hải-phòng, cảm-hoài kính dưa ông Nghiêm-Vịnh*" của tôi, thấy in ở số 42, ra ngày 15 Avril 1923, trong có những câu rằng:

« Nghĩ cho: đá kia ai bảo là vô-tình « mà kể từ có sinh trưởng đến nay, không « biết bao nhiêu năm, ấy hoặc tư thủa « Hồng-Bàng khai-tịch, từ trước thủa « Hồng Bàng khai-tịch, trải bao nhiêu « gió rập mưa cưa, trào dun sóng vỗ « mà đá không lìa nhau; trải bao nhiêu « sao dời vật đổi, bể bể dâu dâu mà đá « càng liên-lạc hơn xưa vậy. . . .

« Khốn-nạn thay! cái chủ-nghĩa hữu-« ái của Hữu-Thanh, mới ra đời từ ngày « mồng 1 tháng Août năm 1921, không « phải là từ thủa Hồng-Bàng khai-tịch, gió « không rập, mưa không cưa, trào không « đun, sóng không vỗ, mà sao thấy như « đá gần mòn, như núi sắp lở, mà nào « những nhời kỳ-vọng của *Hữu-Thanh* « trong số ban đầu mới xuất-bản, bây « giờ là đâu? . . . »

Trong khi ấy cái cảm-tình của tôi đối với Hữu-Thanh đã thương-tâm vô-hạn. Tuy vậy mà Tạp-chí Hữu-Thanh một ngày còn sống thời những người có công gây dựng về báo Hữu-Thanh đó còn có phần trông mong; đến nay mà Hữu-Thanh thật tạ thế không ra đời, thời phàm những người có phụng-sự cái chủ-nghĩa hữu-ái ở Hữu-Thanh khi xưa, tưởng đều nên chan-chứa ngậm-ngùi vậy. Nay lại hồi-tưởng lại cái lịch-sử của Hữu-Thanh từ số đầu mới ra là ngày mồng 1 tháng Août năm 1921, đến ngày đình bản là trong tháng Septembre 1924; kể thời-đại trong khoảng 3, 4 năm; số in ra được dư 60 quyển; chủ-nhiệm từ ông Nguyễn-huy-Hợi đến ông Nguyễn-duy-Nho, chủ-bút từ ông Nguyễn-khắc-Hiếu đến ông Ngô-đức-Kế. Vậy mà hỏi đến có ích gì về sự hữu-ái cho quốc-dân hay không, thời chỉ thấy trung-gian có những người trọng-yếu trong hội báo Hữu-Thanh cãi nhau, đánh nhau, đến kiện thưa, đến tù tội.

Càng nghĩ đến những nhời kỳ-vọng của Hữu-Thanh khi trước mà rút lại được những cái hiện-tượng như đó, thời Hữu-Thanh đối với quốc-dân thực là có tội; song cũng là một, hai, ba, bốn những người nào ở trong quốc-dân ta đó thật là thêu tội cho Hữu-Thanh. Thôi nhưng báo Hữu-Thanh đã không còn, truyện Hữu-Thanh nói lắm cũng vô-ích; chỉ nghĩ rằng báo Hữu-Thanh tuy không đáng tiếc, nhưng một cái chủ-nghĩa hữu-ái thời không có lúc nào nên quên. Tôi xưa là một kẻ phụng-sự về chủ-nghĩa hữu-ái mà đến nay lại nhờ ơn Chánh-phủ, mở được báo An-Nam, vậy từ nay về sau, phàm trong quốc-dân ta, ai là người còn nhớ đến hai chữ «hữu-ái» chăng, xin cứ nhận *An-Nam tạp-chí* tức cũng như *Hữu-Thanh tạp-chí* vậy.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Chính-sách Nhật-Bản cai-trị Cao-Ly

Từ khi Cao Ly mất về Nhật-Bản, tình-hình trong nước cũng hơi tiến bộ, tỉ như khai mỏ, lập trường học, dựng sở Y-tế, mở bến thông-thương, đặt đường xe lửa, khai khẩn ruộng-nương rừng-rú, chấn-hưng súc-mục canh-nông. Trăm nghề nghìn nghiệp đều có vẻ tấn tới, dân-số cũng mau tăng. Song số dân tăng đó, toàn là người Cao-Ly cả. Chính-phủ Nhật thực lấy việc đó làm tức mình. Diện-tích nước Cao-Ly độ được 8 vạn năm nghìn thước vuông Anh, so với nước Nhật-Bản cũng sấp-sỉ bằng nhau. Tổng số dân cũ ước được hơn mười tám triệu. Đất ruộng cả nước, chỗ giồng giọt được chăng qua chỉ có độ một nửa. Năm 1918, số người Nhật ở Cao-Ly chỉ có 30 vạn, trong 30 vạn ấy số người làm ruộng rất ít, đến cả những số người công thương Nhật cũng không bằng Cao-Ly. Bởi Cao-Ly người to sức mạnh hơn người Nhật nhiều, vả trình-độ sinh-hoạt rất thấp, nên người Nhật khó lòng tranh cạnh được. Nói tóm lại về phương-diện vật-chất thật là tiến-bộ, chúng ta cũng nên quý công cho người Nhật. Nhưng ngoài ra, mọi chánh-sách khác, không tránh khỏi búa dìu của dư-luận các nước trên thế-giới này.

Từ lúc Nhật-Bản đến diệt Cao-Ly cho đến bây giờ, hành chính toàn dùng võ-lực chuyên-chế. Trải bao những viên Thống-giám đóng ở Cao-Ly đều dơ hàng võ xuất thân. Ý để làm gì ? Độc-giả có thể đoán biết được. Các hạng quan-lại đi đâu cũng mang gươm đeo súng. Nực cười quá, một ông giáo trường tiểu-học cũng đeo thanh đao « chỉ-huy » để tỏ ra cái oai quyền tôn-nghiêm không ai phạm được. Từ năm 1915 trở về sau, người Nhật ở Cao-Ly ngày một thêm nhiều. Nhưng phần nhiều đều là những hạng hạ-lưu đói cơm rét áo, không có cửa nhà. Người Hàn phải họ ngược-đãi, rất là khổ-sở khó chịu ! chỉ vì thân phận là dân « vong-quốc » còn biết kêu đâu ? Nên cứ đành chịu im hơi nín tiếng. Đều đó không những toàn-cầu biết cả, mà chính người Nhật cũng tự-nhận, không chối nào.

Ngoài võ-lực áp-bách ra, lại còn những kẻ do vụng thám trộm, rải-rác khắp nơi. Một lời nói, một việc làm của người Cao-Ly, không gì không phải người Nhật giam-cầm bó buộc. Nhà giầu Cao-Ly tất phải mượn người Nhật làm thư-ký, quản-lý tài-chính trong nhà, không thế không xong. Đến như những tiền bạc của nhà giầu, không cứ món nhiều món ít, đều phải gửi vào nhà Ngân-hàng Nhật-Bản ; mỗi bận tiêu dùng, hạn chỉ được lấy đủ số thường dùng trong nhà, không được tự-do tùy-ý. Xét như số thống-kế của sở Cảnh-sát Cao-Ly thì tự năm 1916 đến năm 1917,

dân Cao-Ly phạm tội xử-tử có tới 81.139 người. Khi xét xử thì chỉ có 952 người được tha và độ 32 người bị-cáo được trắng án, còn thì phải hành hình cả Hỏi đến cái cớ làm sao phải tội, thì hầu toàn là những người âm-mưu phản kháng. Xem thế đủ biết tâm địa người Nhật đối với Cao-Ly là thế nào.

Trên kia đã nói Nhật đối đãi Cao-Ly như thế, nên quyền « công-dân tự-do » (liberté des citoyens) của người Cao-Ly chẳng còn tý gì. Binh linh mật-thám có thể tùy ý xông vào trong nhà, dò la tra xét, và không cứ lúc nào cũng có thể bắt người tống giam. Chính-phủ Nhật cũng thường chiếm ruộng đất tư của người ta sung làm của nhà nước, mà cũng đền tiền lấy một cái giá tương-đương. Đến như những quyền ngôn-luận tự-do, xuất-bản tự-do, lập hội tự-do thì thật là không bao giờ dám mơ-màng đến vậy. Từ năm 1919, sau khi Cao-Ly có cái phong-trào độc-lập, Chính-phủ Nhật có sai một người Nghị-viên trứ-danh đến Cao-Ly điều tra công việc. Cứ như lời người ấy thuật, thì báo-chương Cao-Ly có ít lắm: mỗi tỉnh có một tờ mà lại đều là cơ-quan của Chính-phủ, cho nên người đọc báo không rõ hết được cái châu-tình Cao-Ly. Đến như việc chính-phủ Nhật chiếm-đoạt tư-điền là bởi lúc Cao-Ly chưa mất, những khu-ruộng to ấy gọi là của Hoàng-gia, nhưng do dân-gian khai khẩn cầy cấy cũng nhiều. Tới khi Nhật diệt Cao-Ly thì cứ chiếu số thu lấy ruộng đất, nên dân Cao-Ly thiệt hại nhiều lắm, song biết làm thế nào!

Nhật-Bản cai-trị Cao-Ly không những bây giờ không cho quyền lợi tự-trị tự-do mà thôi; đến cả sau này cũng không tỏ ra có ý gì giải-phóng cho Cao-Ly cả. Nhân-dân Cao-Ly làm việc với chính-phủ, không phải chỉ có một đôi người. Song thấy đều là những người: thấp địa-vị, bé trách-nhiệm, không đủ kể chi. Còn người nào muốn được đặt mình vào nơi chính-giới hơi cao, thì tất có người Nhật ở bên, trăm khoanh chặn tay, bưng miệng. Muốn rõ chứng-cớ, xin trích một đoạn ở trong một tờ báo Nhật-Bản như sau này:

« Nhật-bản đối với nhân-dân Cao-Ly, thật không có một chút lòng tín nhiệm, bởi biết hẳn rằng không đủ tín-nhiệm vậy. Biết không đủ tín nhiệm, nên phàm địa-phương quan-lại, tuyệt-nhiên không dùng người Cao-Ly. Ở Cao-Ly có 13 tỉnh, chia ra có tới 30 châu, 50 huyện và nhiều thôn. Thế mà từ tỉnh đến thôn đều dùng người Nhật cai-trị cả. Ôi! như nước Cao-Ly to thế, làng xóm rộng thế, mà chỉ dùng người Nhật cai-trị thôi, trách nào những quan-chức không làm xuể việc! » Không những thế, phàm người Nhật với Cao-Ly, không cứ làm chức nghiệp gì, ngôi thứ bằng nhau, công việc bằng nhau, mà bao giờ người Nhật cũng hơn phần lương cao bổng hậu. Năm 1919 tháng 4 ngày 11, một tờ báo Nhật-bản có nói rằng: « Báo-chương nước ta (nước Nhật) đều công-kích về việc kỳ-thị nòi giống, thế mà chỗ đất thực-dân của ta, lại vì cái cớ người mình kỳ-thị giống nòi mà phải bầy mưu phản-bạn. Mới nghe chẳng hóa ra tương-phản nhau ư? Nhưng không biết chính viên thống-giám ta vẫn cứ cho rằng: Cao-Ly phải nên kỳ-thị: tự người thầy giáo và người làm ở điện-báo trở đi, cho đến phu phen thuyền thợ đều không được ưu-đãi như người Nhật-Bản, lương bổng hơn kém nhau nhiều. »

Nhật-Bản kỳ-thị Cao-Ly không những thế đâu. Nay lại xin nói như một việc giáo dục này nữa: dân Cao-Ly so với số Nhật kiều gấp tới 60 lần. Song số trường học giấy trẻ Cao-Ly so với số trường người Nhật chỉ được một phần nhớn. Đó là nói về trường tiểu-học. Đến như tình-hình trường cao-đẳng lại càng tệ lắm, trong 4 nghìn 8 trăm vạn người Cao-Ly, mà cái số người được có dịp vào học trường cao đẳng lại không nhiều bằng rong số 30 vạn người Nhật. Trường học trong nước lại chia làm hai hạng, một đẳng lập cho người Cao-Ly, một đẳng để riêng cho người Nhật. Hai hạng trường học ấy chương-trình đã khác nhau, niên-hạn cũng không giống gì; trường lập cho người Cao-ly, giờ giấy văn Anh rất ít, niên-hạn

cũng lại ngặt. Bởi thế nên nói rằng người Nhật đối đãi với Cao-Ly chỉ dùng võ-lực áp chế thì thật là chỉ hơi biết, chứ không phải biết rõ vậy. Chính-sách Nhật-bản đối đãi với Cao-Ly thực chẳng khác gì như nước Đức cai-trị nước Ba-lan (Pologne) ngày trước. Chính là chỉ muốn hết sức đạp đổ văn-minh, triệt hẳn tiếng nói, vùi dập văn học, rời đổi tư-tưởng của Cao-Ly, khiến-cho đồng hóa với Nhật-Bản. Nhật-Bản đã ôm những chính-sách ấy, nên bầy ra mưu này chước khác để quét sạch cái văn-hóa vài nghìn năm trời nay ở Cao-Ly. Trong nước dựng ra trường học, thuần giảng văn Nhật cả. Đến lịch-sử và văn-học Cao-Ly cũng không mấy người được học cả. Những sách vở cũ của Cao-Ly đốt ra tro cũng không phải ít. Bọn thanh-niên muốn được cái giáo dục cao-đẳng thật là chật-vật khó-khăn vô cùng. Nhật-bản lại cấm ngặt không cho bọn thanh-niên đi du-học Âu, Mỹ : ai may lắm mới đến Đông-kinh vào trường đại-học, chương-trình học hành lại tất dễ nên họ càng cấm ngặt những thuyết tự trị, bình-đẳng tự-do. Bởi vì họ cho những tư tưởng ấy có hại to đến việc cai-trị thuộc-địa. Việc đó thế-giới đều biết, tưởng không cần phải nói nhiều.

Song có một cái trở-lực rất to làm ngăn ngừa những chính sách ấy của Nhật-Bản, lức là việc đạo Gia-tô truyền bá sang Cao-Ly vậy. Chuyền bá Gia-giáo cho, nước Mỹ là mạnh sức hơn cả. Song độc-giả chớ tưởng lầm là giáo-hội nước Mỹ vượt qua phạm-vi truyền-giáo mà can-thiệp đến việc chính-trị của Nhật-bản đâu. Không, giáo-hội của hội ở Cao-Ly ấy vẫn cứ yên phận mình chẳng có cổ-động gì cả, chỉ vì người Cao-Ly cảm hóa Gia-giáo, hiểu biết thuyết « chính-nghĩa, nhân-đạo, bình-đẳng, tự-do », cho nên biết đau đớn cái thân-phận làm nô-lệ, kíp muốn thoát vòng địa-ngục ấy thôi. Ảnh-hưởng Gia-giáo đã thế, cho nên chính-phủ Nhật coi như thù-hằn. Giá không phải quốc-tế có điều-ước chuyền-giáo tự-do, thì có lẽ chính-phủ Nhật đã hạ lệnh nghiêm cấm rồi. Từ năm 1919 trở đi, phàm những người phản-kháng mà phải hành hình thì quá nửa là người theo đạo Gia-Tô cả. Phong-trào lần ấy nổi lên, người Nhật ghét bọn Cao-Ly theo Gi-giáo lắm, nên họ tìm cách hãm-hại rất là tàn-nhẫn, không có chút nhân-đạo gì. Những cách hành-hình vô lễ, thật những người ở nước văn-minh không nỡ lấy ngòi bút mà thuật. Ai đã ở lận bên Cao-Ly thì cũng biết rõ cả rồi. Báo-trương Nhật-bản lại công-kích giáo-hội, nói là Cao-Ly kêu cựa độc lập thật cũng bởi bọn họ sui dục, nên Nhật-bản căm tức giáo-hội vô-cùng. Giáo-hội dựng nhiều trường-học lắm, song chính-phủ Nhật có ý ngăn-ngừa, mong cho trường-học của giáo-hội không được sống lâu. Ôi! họ lập tâm tàn ác là thế.

Hoa-Bằng

Thực-Nghiệp dàn-báo

HÁN-VĂN TẠP-ĐỊCH

Bài biểu xuất-sư của ông Gia-cát-Lượng

Ông Gia-cát-Lượng là Thừa-tướng nước Thục trong đời Tam quốc. Khi vua Chiêu-Liệt nước Thục sắp mất, đem con là vua Hậu-chủ gửi ông. Ông nhận nhời vua Chiêu-Liệt, chỉ muốn nuốt Ngụy gồm Ngô, lấy lại đất nhà Hán. Bài biểu này là khi ông sắp-sửa kéo quân ra đánh Ngụy, tự tay thảo ra, để nói cho Hậu-chủ được biết công việc và tâm-sự của ông.

* * *

Thần Lượng tâu :

Đức Tiên-đế mở-mang cơ-nghiệp, chưa được nửa chừng ; dương quãng dữa đường, bỗng chốc mặt giời khuất bóng. Nay thiên-hạ sẻ ba, châu Ích (1) ta mệt nhược ; ấy chính là buổi nước nhà nguy cấp, dường mất dường còn vậy. Vậy mà trong chốn cung-đình, kẻ thị-vệ vẫn

(1) Châu Ích là đất nước Thục

giốc lòng hầu-hạ; ngoài nơi biên cảnh, người trung-trí không tiếc sức xông-phá, là còn nhớ ơn tri-ngộ của Tiên-đế, mà muốn đền bù về Bệ-hạ vậy.

Thần vốn là một kẻ dân áo vải, cầy cuốc ở xứ Nam-dương, lần-lữa tháng ngày, những mong toàn tính-mệnh ở trong đời loạn; mảng vui hoa cỏ, thực không cầu danh tiếng với các nước Hầu. Tiên-đế chẳng quản thần là kẻ quê hèn, tự cam uổng khuất, vì thần mà ba lần tới chốn lều gianh, đem hết việc đời bàn tính. Bởi thế lòng thần cảm-khích, xin đem thân mà đua đuổi với non sông; bấm đốt ngón tay, tới nay đã hai mươi năm lẻ một vậy.

Tiên-đế biết thần là người cẩn-thận nên khi hấp-hối nói đem việc trọng-đại mà giao-phó cho thần. Vâng mệnh đến giầy, thần vẫn đêm ngày lo nghĩ, sợ hoặc phụ nhời ký-thác, để Tiên-đế vì thần mà mang tiếng khôi-minh. Cho nên đương lúc giời hè nắng đốt, thần phải kéo quân qua ngọn sông Lư, dấn vào xứ đồng khô đất trắng. Nay phương Nam dẹp đã yên, giáp-binh sẵm đã đủ, nên phải dựng cờ nổi trống, kéo sang Bắc mà phá Trung-nguyên; may ra hết sức ươn-hèn, trừ loài gian-bạo, gây lại cơ-đồ Viêm-Hán, quay về bờ cõi Lạc-Dương đó là cái chức-phận của thần phải báo ơn Tiên-đế mà hết lòng với Bệ hạ vậy. Xin Bệ-hạ tin thần, giao cho thần các việc đánh giặc lấy lại nước, nếu thần làm không song thì xin Bệ-hạ trị tội thần mà tâu lên hồn thiêng dức Tiên-đế. Như vậy thì thần đội ơn khôn xiết, cảm-khích khôn xiết. Nay đương lúc sắp phải xa lìa, cầm bút thảo biểu, nước mắt chứa-chan; giấy ngắn tình dài, nỗi thảm-đạm kể sao cho hết.

Ngô-tất-Tố dịch

BÌNH NGÔ ĐẠI-CÁO

Mở nhân nổi nghĩa, cốt lấy yên dân;
Dẹp loạn cứu dân, chẳng quá trừ bạo.
Như nước Đại-Việt ta thử nghĩ,
Thật là văn-hiến không kém ai:
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, mở mạt giang sơn;
Cùng Hán, Đường, Tống, Minh, chia ngôi vương đế.
Mới rồi,
Chỉ nhân vì chính-trị họ Hồ, phiền nhiễu độc ác;
Xui nên nỗi lòng người trong nước, oán phản chia tan.
Người nước Minh nhân được dịp sang ta;
Lũ gian ác lại cùng nhau bán nước.
Từ khi ấy giở lại,
Kể có hai mươi năm.
Rước dường nhân nghĩa, phũ sức binh dao, nghĩ nỗi thảm không còn giới đất;
Rộng mẹo gian thâm, nặng điều thuế dịch đầy túi tham vét hết non sông.
Thiên địa chẳng dung,
Quỉ thần cũng giận.
Ta đây,
Từ núi Lam nổi bước,
Nơi hẻo-lánh nương thân.
Hơn mười năm đau ruột nát gan,
Trải bao độ nằm gai nếm đắng (1).
Gươm thần mới mở (2),
Thế giặc đương to.
Khôi-huyện (3) *quân tan,*
Linh-sơn lương hết.
Bốn phương họp những phường xiêu-dạt, ngọn tre cờ hiệu phất nên dồ;
Ba quân cùng một dạ cha con, hớp rượu giòng sông say vị nghĩa (4).

(1) Vua Câu-Tiễn nước Việt trong khi mưu báo thù nước Ngô, thường nằm ở trên đống củi gai, ăn nếm mật đắng, là để không quên sự lo nghĩ.

(2) Đời truyền vua Lê-tổ được thanh gươm thần cho.

(3) Khôi-huyện, ngờ là Khôi-trại, thuộc tỉnh Thanh-Hóa.

(4) Xưa vua Câu-Tiễn đóng quân ở trên bờ sông, có người cho một chai rượu qui, vua sai đem đổ xuống sông, cho quân-sĩ đều theo giòng nước mà uống. Chúng đều cảm nghĩa, bèn phá được nước Ngô thành công.

Vậy rồi mà :
Lấy quân nhân nghĩa,
Thắng kẻ hung tàn.
Lũ giặc kia hết khỏe hết khôn, bó tay chịu chết :
Quân ta chỉ dùng mưu dùng kế, cưỡi cổ như chơi.
Loài hổ lang đà đến lúc cụp đuôi,
Lượng giời. bể ta cũng tha làm phúc.
Trước cấp cho Tham - tướng Phương Chính, Nội-quan Mã-Kỳ, thuyền hơn năm trăm chiếc, qua sông thôi mà còn như mất vía kinh hồn ;
Lại cấp cho Tổng-binh Vương-Thông, Tham-chính Mã-Anh, ngựa hơn mấy nghìn con, về nước đó mà càng vẫn ghê lòng sởn gáy.
Lũ kia đã sợ chết tham sống, mà thật bụng giảng hòa ;
Ta đây lấy toàn quân làm hơn, để cùng dân yên nghỉ.
Ôi nghĩ như :
Một chiếc áo nhung, chín phương yên định (5) ; trải mười thu giờ mới thấy đây.
Từ nay bốn bể, muôn kiếp thanh bình ; khắp trăm họ nhủ cho cùng biết.

Nguyễn-khắc-Hiếu dịch

(5) Trong sách Mạnh-tử nói vua Vũ-vương nhà Chu «mặc một chiếc áo nhung mà yên định được thiên-hạ. Câu văn này là lấy về điển ấy.» — Áo nhung, là áo chiến-trận.

Câu truyện của ông R. Poincaré

Ông R. Poincaré là nguyên Giám-quốc nước Pháp và hiện mới lên làm Thủ-tướng được mấy hôm nay, có kể câu chuyện rất buồn cười rằng :

« Cách nay đã mấy năm, có một độ nọ, nhân dịp ở nghị-viện nghỉ hè, tôi với bạn Tôi là một vị thượng-thơ bộ Tài-chính, cùng nhau dong chơi ở vùng Mont-Dore. Hai người đương đi dữa đường, thình-lình nghe một tên dân nhà quê ở Auvergne, la to lên một cách giận-dữ rằng : « Bước mau tới, đồ thượng-thư quỉ ám đâu vậy kia ! » (« *Eh ! Va donc, ministre satané !* »). Nghe thế, ông Thượng-thơ cùng đi với tôi ngạc-nhiên ngỡ là gặp ai quen biết mình, bèn ngảnh mặt lại xem, thì thấy anh nhà quê đương đuổi một con lừa. Ông bạn tôi đi gần lại hỏi thời anh nhà quê ta chỉ vào con lừa mà đáp : « Ông thử nghĩ đã tức chưa ! Tôi không biết làm thế nào mà đổi con thượng-thơ này đi cho được. » (« *Que voulez-vous ! je n'arrive pas à faire marcher ce ministre-là !* ») - Hỏi ra sau mới biết rằng trong cõi nước Pháp có một đôi miền người ta vẫn thường gọi con lừa là con thượng-thơ (*on appelle un âne un ministre*), vì rằng trong loài súc-vật thì con lừa thường bị dùng vào những công việc nặng-nề hơn hết, kể cực-khổ cũng không kém gì các quan Thượng-thơ lo làm việc nước vậy.

Trích ở bài của ông Thế-Mỹ, trong Đông-Pháp thời-báo Saigon.

Thơ mừng An-Nam tạp-chí

Thuyền nan có cột có lèo,
Chẳng e sóng gió, hiểm-nghèo cũng ra.
Tín trung là cái đỉnh dà ;
Thiên-lương chất-chở, xông-pha ngại gì.
Trong thuyền ông lái nhà nghề,
Quá giang đồng-bạn một bề tin nghe.
Thác ghềnh xuôi ngược chẳng nề ;
Lo chi sào sậy chống bè gỗ lim.
Vốn lời ngày một nổi thêm ;
Tiền nhiều thóc lắm dễ tìm kế xoay.
Anh em ta hãy giúp tay.

HỒ-TRỌNG-UẨN *Hà-đông*

Đêm nghe dế kêu

Nghiêng gối tai nghe tiếng dế sầu,
Đa-tình khách nghĩ suốt đêm thâu.
Nỗi-niềm tâm-sự ai hay tá ?
Bóng nguyệt chênh-vênh rải trước lầu.

Khắc Minh ĐÀO-CÔNG-TẤN
Débitant, Đặng xá, Nam-Định

Họa ý bài thơ «Sông cái, chiếc thuyền nan,» kính tặng chủ-nhân An-Nam tạp-chí

(Điệu hát miễu nói)

Sông sâu, sâu thẳm nghìn tầm,
Mưa Âu gió Á sóng ầm tiếng reo.
Bể Nam đường bể reo-neo,
Thuyền nan một lá ai chèo đi đâu ?

Thiên-hạ vô bất-khả-vi chi sự,
Đi thời đi, mà sợ nữa chi ai!
Thú ba-đào ai dễ được mà chơi,
Thuyền một lá, một-ai, giời với nước.
Đồng chu nguyện đỉnh tam sinh ước,
Phá lãng tu thừa vạn lý phong.
Đà dương buồm, cho thẳng cánh với con sông ;
Đến bể rộng mênh-mông rồi mới thú.
Phóng tầm mắt ngũ Đại-dương trong vũ trụ.
Khiếp phong ba mà quá độ có hay chăng ?
Tay chèo ai vững hay chăng ?

Một người xã-hội
ở Lạng-Sơn lai cảo.

Câu đối lạc-thành của Mộng lương thư-quán Nha-Trang

Ông Vương-gia-Bật ở Nha-Trang Trung-kỳ là một vị độc-giả nhà văn An-nam tạp-chí và đại-lý bán tạp-chí lẻ ở xứ ấy, ngày 4 Août mới đây, ông có viết thư ra nói truyền rằng ông lên một tòa nhà mới sắp song, định để mở hiệu bán sách vở cùng các báo chí, ông lại ngỏ ý muốn nhờ tôi nghĩ hộ một câu đối nôm để khắc chơi vào cột tường. Vậy xin thảo như sau này, tuy không lấy gì làm hay, song gọi là chút tình văn-chương đối với bạn đọc báo vậy.

Tản-Đà

Gió Á mưa Âu, vách phấn góp xây [nền tiến-hóa;
Con hồng chắu Lạc, nhà lan đông họp khách văn-chương.

Đời người

Cỏ khâu một nấm ở bên đường
Lai vãng nào ai kẻ sót thương.
Bia đá mai-mòn theo sóng nước,
Bảng vàng tan-tác với phong sương.
Công hầu dễ bá trăm năm trắng,
Phú quí vinh hoa một giấc vàng.
Trong cuộc hơn thua ai đã chắc,
Hơn nhau giời đất tiếng còn vang.

Anh-viên, NGUYỄN-VĂN-NĂNG

Đề bức vẽ người quẩy gánh in bìa sau tạp-chí số đầu

I

Này hỡi ông hàng quẩy gánh ơi,
Bán văn buôn chữ thiếu gì nơi.
Đi đâu ra dáng loáng-quáng thế?
Hay gánh văn lên bán chợ giời?

II

Hay gánh văn lên bán chợ giời?
Mà chê trần-thế ít người chơi?
Lại đây mở gánh ta xem thử,
Xem có hay xin giới-thiệu đời.

III

Xem có hay xin giới-thiệu đời,
Hễ đời mà thích lắm người chơi.
Rồi ra khỏi phải loáng-quáng nữa,
Đắt dẻ âu là lãi ít thôi.

IV

Đắt dẻ âu là lãi ít thôi,
Nhàn thân thêm lại ích cho đời.
Xưa nay sách vở còn không ế,
Giờ có văn hay đắt mấy mươi.

. . . . . .
. . . . . .

Trong-phủ NGUYỄN-VĂN
Ford Bayard (Chine)

Giả lời bài « Khuyên anh giáo » trong tạp-chí số một.

Bài « Khuyên anh giáo » trong số 1, là của một ông giáo ở Hưng-Yên lai-cảo là ký tên một người khác ; bài này cũng mà của một ông giáo ở Tourane lai-cảo mà chỉ ký hiệu là " *Văn Giang* ". Bản-chí

đã đăng bài trước, thời đăng cả bài này trưởng cũng là một áng văn chơi ở trong giáo-giới vậy.

An-Nam

Mợ nó ơi, anh nghe mấy nhời mợ nó nói anh mừng lòng ; phận nữ-nhi mà biết lo liệu cho chồng cũng ít có lắm thay.

Mợ nó ơi, ừ anh đây nào phải bực anh-tài, song nhờ ơn tổ-ấm anh theo đòi vả cũng có chút bút nghiên.

Mợ nó ơi, cuộc bây giờ Âu Á giao liên ; tân-trào tràn khắp anh đương độ thanh-niên nên phải liệu đường.

Mợ nó ơi, xếp Hán văn anh học chữ Tây-phương , là cái đời xui nên thế, thời cũng lẽ thường đấy chứ sao ?

Mợ nó ơi, anh nghĩ mình cũng dự tiếng mày râu ; tuy không làm nên được đến công hầu, cũng phải có sự-nghiệp chi.

Mợ nó ơi, vậy nên nhân rằng anh được đỗ thi ; anh liền đem thân-thể đền nợ nam-nhi cho khỏi phụ-phàng.

Mợ nó ơi, anh sở-dĩ ra thụ-chức trong giáo-trường ; để giắt-du đàn trẻ tuổi, há phải mấy chục lương mà đã to rồi.

Mợ nó ơi, sao mợ cũng khéo nói nên nhời ; song không lương-bổng thời hỏi cái nồi ai đổ gạo vào cho ?

Mợ nó ơi, còn cái việc anh luyện-tập học trò , anh thường đã hiểu không phải việc chơi đùa cho hết tháng qua năm.

Mợ nó ơi, anh vẫn biết rằng đệ-tử anh là vạn mệnh quốc-dân ; nên anh mới không quản nỗi nhọc-nhằn, anh giậy sớm thức khuya.

Mợ nó ơi, mợ chẳng nghĩ nao văn nọ bài kia : suốt ngày rát cổ mà anh có cho việc nặng-nề đó hay sao ?

Mợ nó ơi, anh nói ra chẳng phải kể công-lao ; anh đây là đã giốc chí huân-đào cho bọn con em.

Mợ nó ơi, việc đời anh há rằng quên ; xin cùng mợ nó cứ lặng yên mà nghĩ sau này.

Mợ nó ơi, đôi ta duyên số bấy chầy ; trong gia-đình gánh vác ta hãy đỡ tay cho nhau cùng.

Mợ nó ơi, còn anh thì đã hẹn với non sông ; dù gió mưa sấm sét anh cũng quyết lòng cho xứng mặt làm trai.

VĂN-GIANG

Tiếng oanh thỏ-thẻ

Đêm khuya nguyệt sế non tây ; Anh ơi, say tỉnh tỉnh say chi nữa mà. Giang san cái nước Việt-Nam nhà truy-hoan mê-mệt anh nỡ bỏ qua cho đành.

Anh ơi, chung được chữ tình ; đã làm sao đủ cái thân-hình nam-nhi. Với đời chót mang cái kiếp tu-mi ; công danh biếng nhác anh biết lấy gì góp với non sông ?

Anh ơi, tỉnh dậy mà trông ; năm châu kia trống dóng cờ dong họ lên đường. Đuốc văn-minh sáng rực một phương ; ngọn đèn tiến-hóa, nên hương phú cường.

Anh ơi, nam-nhi hồ-thỉ bốn phương ; gian-nan chớ quản, tuyết sương đừng nề. Mong sao cho kết quả khai huê ; ơn nhà nợ nước hai bề anh vẹn cả hai.

Anh ơi, dưới trần ai đã kém ai ; thông-minh anh sẵn có, mắt tai anh cũng như người. Hơn kém nhau chỉ có hai chữ « siêng, lười » ; tỉnh mau mau giậy kẻo cái đời anh lại bỏ đi.

Anh ơi, cái tấm thân em em có xá gì ; tang bồng mà anh phỉ-chí thì dẫu biệt-ly em cũng không sầu. Yêu nhau xin nhớ nhời nhau ; công thành danh toại, tình sau ta cũng còn nhiều.

Tiếng oanh, em xin thỏ-thẻ (có bấy nhiêu) điều . .

PHẠM-TẤT-ĐẮC

(Học-sinh năm thứ tư trường Bảo-hộ

Ngô-Việt xuân-thu

(*Tiếp theo*)

Chặt cánh tay, Yêu-Ly lừa Khánh-Kỵ.
Diễn phép trận, Tôn-Vũ giết Cung-nhân

Hạp-Lư đã lên ngôi vua, hết lòng thu-dụng nhân-tài, ban-bố ân huệ, muốn cho tiếng nhân nghĩa đồn khắp các nước hầu. Một hôm Hạp-Lư hỏi Tử-Tư rằng:

— Quả-nhân muốn cho nước mạnh, dân giàu, gây dựng nghiệp bá, thì làm thế nào cho được?

Tử-Tư khấu đầu ứa nước mắt tâu:

— Thần là kẻ có tội ở nước Sở, cha anh ngậm oan, hài cốt không ai chôn; vong-hồn không ai cúng; thần lại đội dơ đeo nhục, về với Đại-vương, Đại-vương không giết đã là may lắm. Thần đâu dám dự đến chính sự nước Ngo.

— Quả-nhân không có tiên-sinh, sao khỏi khúm-núm ở dưới chân người, may nhờ một câu dạy bảo của tiên-sinh, mới có ngày nay; quả-nhân đương sắp giao cả nước cho tiên-sinh. cớ sao tiên-sinh lại giữa đường sinh lòng lui tới? hay là tiên-sinh cho quả-nhân là người không đủ làm việc?

— Thần đâu dám coi Đại-vương là người không đủ làm việc. Thần chỉ nghĩ: người họ xa không nên chen với người họ gần, kẻ ở xa không nên chen với kẻ ở gần. Thần là một kẻ phương xa lưu-lạc, không dám ở trên các bực mưu-sĩ nước Ngô. Vả lại thù to chưa báo, tấc dạ bời bời, lo thân chưa xong, còn nói chi đến việc nước.

— Mưu-thần nước Ngô, không ai hơn tiên-sinh, quả-nhân phi tiên-sinh, không thể bàn-bạc với ai được. Tiên-sinh chớ có từ chối. Đợi khi nào việc nước tạm yên, quả-nhân sẽ báo-thù hộ cho tiên-sinh. Nay tiên-sinh hãy cứ hết lòng dậy bảo quả-nhân.

Tử-Tư nín lặng hồi lâu rồi thưa:

— Vậy thì Đại-vương định mưu việc gì?

Hạp-Lư nói:

— Nước Ngô hẻo-lánh ở xứ đông-nam, đất cát hiểm-trở thấp ướt, lại thường có vạ nước triều; kho đụn chống không, ruộng nương bỏ cỏ; nước không có thế vững-chãi, dân không có chí bền-chặt; không lấy gì ra oai với các nước hầu. Như vậy thì làm thế nào?

— Thần nghe cách trị nước phải lấy sự yên vua yên dân làm đầu. Vì vậy, muốn gây nên nghiệp bá, ngồi chỗ gần chế-trị chỗ xa, trước hết phải đắp thành quách, đặt quan ải, chứa kho đụn, xửa binh-cách; ấy cốt-yếu có mấy đều ấy.

— Phải, phải lắm! thôi công việc quả-nhân giao mặc tiên-sinh, nên thế nào tiên-sinh định liệu giúp quả-nhân.

Tử-Tư vâng lời, thân đi xem xét thế đất, phân biệt vị nước; tìm được một khu đất phẳng nước ngọt ở phía đông-bắc núi Cô-Tô, mới đem dân đắp một vòng thành chu-vi 47 dặm; quanh thành đặt 16 cửa: 8 cửa trông lên cạn, 8 cửa trông xuống nước; trong thành, triều, chợ, miếu, nghè, kho, đụn, dương, đống, nhất-thiết đủ cả. Xửa-sang đâu đấy, Tử-Tư dón Hạp-Lư ở Mai-Lý dời kẻ chợ sang đó, đặt tên thành là thành Cô-Tô. Lại kén rất nhiều quân dân, dậy bảo trận bộ, trận thủy và phép cưỡi ngựa, bắn cung; lại đắp một vòng thành ở phía nam núi Phượng-Hoàng, để giữ người Việt, gọi là thành Nam-Vũ; lại đắp một lò đúc gươm ở núi Ngưu-Thủ, đúc vài nghìn gươm gọi là gươm *biển-chư*; lại tìm được hai người thợ đúc gươm tên là Can-Tương và Âu-Dã-tử, sai đúc một đôi gươm báu gọi là *can-tương* và *mạc-gia*. Công việc tạm yên, Tử-Tư đem đôi gươm báu vào triều dưng Hạp-Lư và tâu bày các việc. Đương khi bàn bạc, sịch có người bên Sở tên là Bá-Phỉ xin vào yết-kiến. Hạp-Lư hỏi Tử-Tư:

— Bá-Phỉ là người thế nào ?

Tử-Tư tâu :

— Bá-Phỉ là con Khích-Uyển, cháu Bá-châu-Lê. Bá-châu-Lê ngày xưa đã bị vua Sở giết oan. Mới rồi thần nghe Khích-Uyển lại bị Phí-vô-Cực dèm-pha, khiến cho vua Sở đốt nhà và giết cả nhà Khích-Uyển; chỉ có Bá-Phỉ chốn thoát. Vì hắn nghe thần ở đây, nên mới đến đây, xin Đại-vương vì thần mà bao dong hắn, thì thần được đội ơn khôn xiết.

Hạp-Lư nghe nói, sai đòi Bá-Phỉ vào riều mà bảo rằng :

— Quả-nhân ở chỗ hẻo lánh xứ bể Đông, nghe thấy tiên-nhân nhà ngươi bị oan về sự tàn-nhẫn của vua Sở, và nhời dèm-pha của Phí-vô-Cực, quả-nhân cũng áy-náy thay. Nay nhà ngươi chẳng quản nước Ngô xa-sôi, mà cố công trèo đèo lặn suối tới đây, chắc có điều gì hay để dạy quả-nhân.

Bá-Phỉ tâu :

— Đại-vương rộng lòng thương đến tiên-nhân mà thần vô-tội mà bị oan, thần lấy làm cảm-khích vô hạn. Thần từ khi lưu lạc bốn phương, không biết nương tựa vào đâu, nghe tin đại-vương lấy lượng giời bể thu dùng Ngũ tử-Tư trong khi cùng-ách, cho nên chẳng quản con đường nghìn dặm, đem thân về với Đại-vương. Đại-vương cho thần sống, thần được sống; cho thần chết, thần được chết.

Hạp-Lư nghe nói thương tình, mới phong làm chức đại-phu, cho được cùng Tử-Tư bàn bạc việc nước. Khi đó có quan đại-phu là By-Ly hỏi riêng Tử-Tư rằng :

— Chẳng hay tiên-sinh sở-kiến thế nào mà tin Bá-Phỉ ?

Tử-Tư nói :

— Chỉ vì tôi với Bá-Phỉ cũng cùng một cảnh oan-khổ. Ông không nghe thấy những câu hát ở trên sông đó ru ? Trên sông người ta thường hát rằng :

« Cùng bệnh, ta thương lấy nhau,
« Cùng lo, ta phải chia đau sẻ nàn.
« Phải cung, chim lại tìm đàn ;
« Cùng nguồn, nước lại cùng tuôn một giòng.
« Ngựa Hồ chầu ngọn bắc-phong ;
« Con chim nước Việt ngóng trông mặt giời.
« Cho hay tình tính con người,
« Gần thời yêu dấu, xa thời xót thương.»

Tôi tin Bá-Phỉ cũng như nghĩa câu hát ấy, sao ông lại lấy làm lạ ?

By-Ly nói :

— Tiên-sinh mới biết cái nhẽ bên ngoài, chưa xét đến nhẽ bên trong. Tôi xem ra Bá-Phỉ mắt trông như cắt, chân bước như hùm, đó là tướng hay cậy công mình, hay giết người ; tiên-sinh rất không nên thân.

Tử-Tư không cho là phải, cứ cùng Bá-Phỉ thờ Hạp Lư. Một hôm, Tử-Tư vào triều, Hạp-Lư bảo rằng ;

— Ngày trước cái việc Chuyên-Chư, quả nhân đã nhờ tiên-sinh, nay còn Khánh-Kỵ quanh-quẩn ở các nước hầu, khiến cho quả-nhân ăn không ngon miệng, ngủ không yên chiếu. Vậy thì việc đó, quả-nhân lại nhờ tiên-sinh.

Tử-Tư thưa :

— Thần là kẻ bất-trung vô-hạnh, đã cùng Đại-vương mưu hại vua Liêu ở chốn nhà riêng, nay lại mưu hại con vua, sợ rằng hoàng-thiên không chứng.

— Ngày xưa vua Vũ-vương đã giết vua Trụ, lại giết Vũ-Canh (con vua Trụ); nếu mà hoàng-thiên không chứng thì sao Vũ-vương vẫn làm thiên-tử ? Nghĩa là kẻ nào giời chẳng dong, ta cũng chẳng dong ; có nhẽ vì sự bất-nhẫn con con mà để cái vạ lầy đình về sau hay sao. Vậy thì tiên-sinh có biết ai là dũng-sĩ như Chuyên-Chư nữa, tiên-sinh tìm giúp quả-nhân một người.

Tử-Tư ngẫm-nghĩ bồi lâu rồi nói :

— Thôi thì thần đã đem thân hương bóng Đại-vương, miễn là làm cho trọn vẹn cơ-nghiệp nước Ngô, ngoài ra cũng chẳng e gì. Ngày trước thần có biết một người, người đó cũng bé nhỏ, xin cho mưu việc.

— Cái lo của quả-nhân là lo một kẻ sức địch muôn người ; nếu người bé nhỏ, thì làm thế nào nổi việc ?

— Ấy người bé nhỏ mà là tay dũng-sĩ sức địch muôn người vậy.

— Vậy thì người ấy là ai ? Sao tiên-sinh biết là dũng-sĩ ? nói cho quả-nhân nghe.

— Người ấy họ Yêu tên Ly, người nước Ngô. Thần đã thấy hắn làm sỉ-nhục một người tráng-sĩ là Tiêu-Khâu-Tố, nên biết là tay dũng-sĩ.

— Việc hắn sỉ nhục thế nào ?

— Tiêu-khâu-Tố người ở sứ Đông, có người bạn làm quan bên Ngô, phải bệnh chết. Tố sang viếng, khi tới sông Hoài, muốn cho ngựa xuống bến uống nước. Có kẻ coi bến can rằng : « Bến này có thủy-thần rất thiêng, hay bắt ngựa lắm, ông đừng cho ngựa uống ở đấy ». Tố đáp : « Cái sức tráng-sĩ, thần nào dám rây ». Tức thì sai đầy-tớ thả ngựa xuống bến, quả nhiên ngựa bị nước ngập (1). Tố tức lắm, cởi áo vác gươm xuống nước, tìm thủy-thần đánh nhau ; 3 ngày 3 đêm, Tố mới ở nước nhô lên, trột mất một mắt. Sang tới Ngô vào nhà người bạn, Tố hợm việc đánh nhau với thần, khinh bỉ sĩ-phu, ăn nói kiêu-ngạo, cử-tọa đều lấy làm khó chịu. Bấy giờ Yêu-Ly cũng ngồi ở đó, ngứa tiết bảo Tố rằng : « Ông ngồi với sĩ-phu mà có ý kiêu-ngạo ; chắc ông tự nhận ông là dũng-sĩ có phải không ? Tôi nghe dũng-sĩ đánh nhau, không lui gót, không đánh tiếng, đi sống về thác, không chịu tiếng nhục. Nay ông đánh nhau với thủy-thần, đã mất con ngựa, lại trột con ngươi, của mất hình tàn, đáng nhẽ chết đi là phải, mà ông còn quanh-quẩn tiếc cái sống thừa, thật là một vật vô-dụng ở trong giời đất, không nên mở mặt với ai, huống chi còn dám khinh người nữa ru ? » Tố bứt miệng không nói sao được, hằm hằm đứng dậy đi chỗ khác. Đến chiều, Yêu-Ly tan tiệc về nhà, dặn vợ rằng : « Nay ta có sỉ-nhục một anh tráng-sĩ ở đám tang nhà đại-gia, đêm nay tất hắn đến đây báo thù, mình bảo người nhà không được đóng cổng ». Vợ vốn biết Yêu-Ly là tay dũng-sĩ, nên cũng theo nhời. Quả nhiên nửa đêm hôm ấy, Tố đeo dao đến nhà Yêu-Ly, vào cổng, cổng không đóng ; lên thềm, cửa không đóng ; vào nhà, không thấy có đồ giữ mình ; Yêu-Ly vẫn sổ tóc nằm khểnh, không sợ hãi chút nào. Tố rút dao ra cầm tay, một tay túm tóc Yêu-Ly mà bảo rằng : « Ngươi có ba điều đáng chết, ngươi biết không ? » Yêu-Ly đáp : « Không biết ». Tố nói : « Ngươi sỉ-nhục ta ở đám đại-gia, đó là một điều đáng chết. Về nhà không đóng cửa, cổng, đó là hai điều đáng chết. Thấy ta vào, vẫn nằm không dậy, đó là ba điều đáng chết. Ngươi đã phạm ba điều đáng chết, có chết cũng đừng oán ta ». Yêu-Ly nói : « Ba điều ấy không phải là điều ta đáng chết, nhưng ngươi có ba điều không giỏi, ngươi biết không ? » Tố hỏi : « Ba điều gì ? ». Yêu-Ly nói : « Không biết, ta kể cho nghe : Ta sỉ-nhục ngươi ở một đám hàng nghìn con người mà ngươi không dám cãi lại, đó là một điều không giỏi ; ngươi đến nhà ta, vào cổng không đắng-hắng, lên thềm không đánh tiếng, đó là hai điều không giỏi ; rút gươm cầm tay, túm lấy đầu ta, rồi sau mới dám nói to, đó là ba điều không giỏi. Ngươi có ba điều không giỏi như vậy, mà còn dọa ta, há chẳng đáng bỉ ? » Tố nghe nói, quăng dao xuống đất mà than rằng : « Cứ như dũng-lực của ta, thiên-hạ không ai dám trêu ; ai ngờ Yêu-Ly lại cao hơn một bực, thật là dũng-sĩ nhất thiên-hạ vậy ».

— Vậy thời tiên-sinh đòi hắn vào đấy cho quả nhân. Tử-Tư liền đi yết-kiến Yêu-Ly mà bảo rằng :

— Vua nước Ngô vẫn mến đại-danh của túc-hạ, xin túc-hạ vào triều yết kiến cho thỏa lòng khát vọng của vua.

Yêu-Ly thất kinh nói :

— Tôi là kẻ dân hèn ở nước Ngô, đâu dám vâng lệnh nhà vua.

Tử-Tư mới thuật ý kiến của Hạp-Lư cho nghe. Yêu-Ly bèn cùng Tử-Tư vào triều. Hạp-Lư khi trước nghe thấy Tử-Tư tán-tụng cái dũng-lực của Yêu-Ly, vẫn tưởng Yêu-Ly là một người vạm-vỡ khác

(1) Con ngựa này hoặc-giả bị giải bắt. Vì người Tầu ngày xưa tin quỉ thần, cho nên phàm sự mắt không trông thấy đều cho là thần.

thường. Khi ấy trông thấy Yêu-Ly thấp bé lủn-củn, có ý không vui lòng, liền hỏi :

— Thấy Tử-Tư sưng tụng một người dũng-sĩ tên là Yêu-Ly, có phải là ngươi đó chăng ?

Yêu-Ly thưa :

— Thần là một kẻ bé nhỏ yếu ớt, gió thổi cũng đổ, có dũng mãnh gì. Nhưng nếu đại-vương có việc sai khiến, thần xin hết sức.

Hạp-Lư nín lặng không nói sao. Tử-Tư biết ý tâu rằng :

— Con ngựa tốt, không quí ở cái hình xác cao lớn, mà quí ở cái sức mang nặng đi xa. Yêu-Ly hình-mạo tuy kém, mà trí-thuật khác thường, Đại-vương không nên coi khinh.

Hạp-Lư bèn mời vào hậu-cung cho ngồi. Yêu-Ly hỏi :

— Cái lo của đại-vương có phải là tại công-tử Khánh-Kỵ chăng ? Nếu phải người ấy, sức thần có thể giết được.

Hạp-Lư cười mà rằng :

— Dũng-lực của Khánh-Kỵ, trong đời ai không biết: sức chạy bắt được con thú lồng ; sức nhảy túm được chim bay ; một cái vỗ đùi, đi kể vài ba trăm dặm. Thật là một người xương biết bay, thịt biết nhảy, muôn người khôn địch. Khi trước quả-nhân đã đuổi hắn ở trên bờ sông, hắn chạy, ngựa đuổi không kịp, tên bắn không tới. Cứ như sức người, thì không phải là kẻ ngang tay với hắn.

— Kẻ khéo giết người, cốt có trí khôn, chứ không cứ gì sức khỏe ; nếu thần được gần Khánh-Kỵ, thì giết hắn dễ như cắt tiết gà vậy.

— Khánh-Kỵ là người minh trí có thừa, dẫu có chiêu-nạp những kẻ chốn chánh ở bốn phương, nhưng không tin người trong nước. Khi nào hắn cho người đến gần.

— Xin đại-vương giết vợ con thần, chặt tay phải thần, thần xin giả làm bị tội đi chốn, chắc là Khánh-Kỵ tin thần mà cho đến gần vậy.

Hạp-Lư ủ nét mặt mà rằng :

— Ngươi là một người không có tội, quả-nhân sao nỡ đem cái thảm-họa ấy mà xử với ngươi.

— Thần nghe những kẻ tham yui vợ con, mà không hết lòng với vua, thì không phải trung ; mến tiếc cửa nhà, mà không gánh lo cho vua, thì không phải nghĩa. Nếu thần được nên tiếng trung nghĩa thì dẫu cả nhà cùng chết, cũng là ngọt như đường vậy.

Ngũ-Tử-Tư ở bên cạnh, cũng bước lên tâu rằng :

— Yêu-Ly vì nước quên nhà, vì chúa quên mình, thật là một đứng hào-kiệt nghìn xưa ít có. Đại-vương cũng nên theo nhời. Sau khi xong việc, thì đại-vương truy-tặng cho Yêu-Ly và tinh biểu cho vợ con, cho được tỏ tiếng với đời sau. Như vậy cũng đủ.

Hạp-Lư khen phải. Hôm sau Tử-Tư vào triều, tiến Yêu-Ly làm tướng để cất quân đánh Sở. Hạp-Lư mắng rằng :

— Quả-nhân xem cái sức Yêu-Ly không bằng thằng bé con, đương sao nổi công việc đánh Sở ? Huống chi bây giờ việc nước mới hơi yên, làm gì mà đã vội dùng binh ?

Yêu-Ly bước lên nói to rằng :

— Sao đại-vương bất-nhân làm vậy ? Tử-Tư đã vì đại-vương mà giẹp định nước Ngô, đại-vương lại chẳng vì Tử-Tư mà báo thù nước Sở, sao đại-vương bất-nhân làm vậy ? »

Hạp-Lư nổi giận mà rằng :

— Đó là việc nhớn trong nước, có phải đứa kẻ quê cũng được dự bàn à ! Cớ sao dám đứng dữa triều mà trách mắng quả-nhân ?

Nói đoạn, Hạp-Lư quát vũ-sĩ bắt Yêu-Ly chặt một tay phải, bỏ vào ngục ; lại truyền bắt cả vợ con Yêu-Ly tống giam. Tử-Tư than thở một hồi rồi giở ra, quần-thần chẳng ai hiểu là ý làm sao. Cách vài ngày, Tử-Tư mật bảo kẻ ngục-lại lòng-thòng cho Yêu-Ly. Yêu-Ly thừa cơ chốn đi. Hạp-Lư truyền đem giết cả vợ con Yêu-Ly, đốt thây tại dữa chợ.

* * *

Yêu-Ly ra khỏi đất Ngô, suốt một giọc đường gặp ai cũng kêu oan, ngồi đâu

cũng nói oán Hạp-Lư; chẳng bao lâu sang đến nước Vệ, tìm vào yết-kiến Khánh-Kỵ.

Khánh-Kỵ từ khi bị đuổi ở trên sông, chạy sang nước Vệ, vào ở Ngải-thành, chiêu-mộ tử-sĩ, kết-liên các nước hầu, muốn chờ dịp đánh Ngô báo thù. Khi đó Yêu-Ly xin vào yết-kiến. Khánh-Kỵ ngờ là mưu gian, đã toan không tiếp. Yêu-Ly cởi áo cho xem. Khánh-kỵ thấy tay phải cụt thật, trong bụng hơi tin, mới hỏi rằng:

— Vua Ngô đã giết vợ con ngươi, hoại thân thể ngươi, nay ngươi tìm ta để làm gì?

Yêu-Ly thưa:

— Tôi nghe Thái-tử giao kết các nước, xắp sửa báo thù, nên mới đem cái tàn-mệnh về với Thái-tử. Tình-hình nước Ngô, tôi đã biết hết, cứ như cái dũng-lực của Thái-tử, mà lại dùng tôi làm kẻ đưa đường, thì vào nước Ngô chẳng khó gì vậy. Nếu mà Thái-tử báo được thù cả, thì tôi cũng rửa được cái oan của vợ con.

Khánh-Kỵ nghe nói, cũng chưa tin lắm. Cách vài ngày, có người tâm-phúc ở Ngô sang, nói rằng vợ con Yêu-Ly thực có bị đốt ở chợ. Bấy giờ Khánh-Kỵ mới khỏi nghi. Một hôm, Khánh-Kỵ hỏi Yêu-Ly rằng:

— Ta nghe Hạp-Lư dùng Tử-Tư, Bá-Phỉ làm mưu-sĩ để đem quân kén tướng, thế nước đương mạnh; mà ta quân hèn tướng ít, thì đánh làm sao cho được?

Yêu-Ly thưa:

— Bá-Phỉ là đồ vô-mưu, có làm gì được cả nước Ngô chỉ có Ngũ-tử-Tư là người đủ cả trí dũng, nhưng nay đương căm vua Ngô, chắc không khi nào giúp đỡ, thì ta cũng chẳng ngại lắm.

— Tử-Tư là ân-nhân của Hạp-Lư, vua tôi rất tương-đắc, sao ngươi lại bảo là họ căm nhau?

— Thái-tử không rõ, Tử-Tư sở-dĩ hết lòng giúp Hạp-Lư là muốn mượn quân đánh Sở. Nay Bình-vương đã mất, Phí-vô-Cực cũng bị Nang-Ngõa giết chết. Hạp-Lư không còn lo gì, chỉ cứ yên hưởng phú-quí, không tưởng đến sự báo thù của Tử-Tư. Tôi thấy vậy ngứa miệng nói giúp Tử-Tư một câu, mà hắn tức giận, trị tôi một cách thảm hình, và mắng Tử-Tư tàn nhẫn: từ đó Tử-Tư mới sinh căm-tức. Tôi sở-dĩ ra thoát của ngục, cũng là nhờ ở ông ta. Dịp này mà Thái-tử không thừa cơ kéo quân về Ngô, hễ vua tôi họ hòa nhau, thì cái thù của tôi với Thái-tử không bao giờ mà giả xong được vậy.

Khánh-Kỵ lấy làm phải, mới dùng Yêu-Ly làm người tâm-phúc, cho ở Ngải-thành, luyện-tập quân-sĩ, xửa-sang thuyền bè. Trong ba tháng, quân-sĩ đã giỏi, thuyền bè cũng đủ, mới đốc quân chèo thuyền xuôi xuống hạ-lưu để đánh úp nước Ngô. Trong khi chẩy quân trên sông, Khánh-Kỵ ngồi ở đầu thuyền, Yêu-Ly kén chỗ ngọn gió, một tay cắp mâu đứng hầu, lừa lúc Khánh-Kỵ ngảnh đi, Yêu-Ly mượn sức gió cầm ngọn mâu đâm Khánh-Kỵ một nhát suốt bụng. Khánh-Kỵ ngảnh lại cứ đeo ngọn mâu ở bụng, hai tay xách ngược Yêu-Ly dìm đầu xuống nước ba lần rồi lại ngồi xuống, đặt Yêu-Ly lên đùi cười khanh khách mà rằng:

— Dũng-sĩ thật. Còn dám động gươm vào thằng Khánh-Kỵ, dũng-sĩ thật.»

Tả-hữu toan giết Yêu-Ly, Khánh-Kỵ sua tay mà rằng:

— Chớ giết hắn, hắn là dũng-sĩ của thiên-hạ đó, có nhẽ trong một ngày mà giết hai anh dũng-sĩ của thiên-hạ hay sao?»

Nói đoạn, Khánh-Kỵ đẩy Yêu-Ly xuống, rút ngọn mâu ở bụng ra, máu chảy ồng-ộc, không sao cầm được. Khi đã nguy cấp, Khánh-Kỵ dặn tả hữu phải đưa Yêu-Ly về Ngô, cho tỏ lòng trung của hắn, Dặn xong thì chết. Tả hữu cứ nhời Khánh-Kỵ muốn đưa Yêu-Ly về Ngô, Yêu-Ly nhất định không đi, tả-hữu bỏi tại làm sao. Yêu-Ly nói:

— Ta có ba điều không đáng sống: một là hủy hoại vợ con, để lấy lòng vua, đó là bất nhân; hai là vì vua mới mà giết con

vua cũ, đó là bất-nghĩa ; ba là lo việc cho người, mà đến tàn thân, hoại nhà, đó là bất trí. Người mà bất nhân, bất nghĩa, bất trí, còn mặt mũi nào mà sống ở đời ?

Nói đoạn nhảy ùm xuống sông, thủy-thủ vội-vàng vớt lên, Yêu-Ly hỏi :

— Các ngươi vớt ta để làm gì ?.

Thủy-thủ đáp :

— Ông hãi về Ngô đợi lấy tước lộc của nhà vua đã, rồi sau sẽ chết.

— Ta có qui gì cái tước lộc của vua.

Nói đoạn, Yêu-Ly giằng lấy thanh kiếm của một tên lính chặt phăng một chân, rồi dâm cổ mà chết. Các tướng của Khánh-Kỵ đem thi thể Yêu-Ly và thi-thể Khánh Kỵ về Ngô nộp Hạp-Lư. Hạp-Lư mừng lắm, trọng thưởng cho các tướng sĩ, dùng vào quân đội; một mặt truy tặng cho vợ con Yêu-Ly, và dùng lễ thượng-khanh táng Yêu-Ly ở ngay cửa thành ; lại dùng lễ công-tử táng Khánh-Kỵ ở cạnh mộ vua Liêu ; một mặt sai người bầy tiệc yến cực to, khoản đãi quần-thần. Trong khi dự tiệc, Tử-Tư đứng dậy vừa khóc vừa tâu :

Những sự lo của đại-vương, nay đã trừ hết ; còn cái thù to của thần, biết đến ngày nào báo được !

Bá-Phỉ cũng khóc lóc xin mượn quân đánh Sở.

Hạp-Lư nói :

Việc đó để đến ngày mai sẽ bàn.

Sớm hôm sau, Tử-Tư và Bá-Phỉ cùng vào trong cung yết-kiến Hạp-Lư. Hạp-Lư hỏi :

Quả-nhân muốn vì hai ngươi đánh Sở, thì nên dùng ai làm tướng?

Hai người cùng nói :

Việc đó tùy lượng Đại-vương, lũ thần đều xin hết sức.

Hạp-Lư nghe nói nghĩ thầm : hai gã này cùng là người Sở, chẳng qua muốn nóng báo thù riêng của họ, chưa chắc đã hết sức vì nước Ngô. Ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi Hạp-Lư lên điện, hai người cũng theo lên. Hạp-Lư không nói sao, chỉ trông ngọn gió nam thở giải. Tử-Tư biết ý, bước lên tâu :

« Đại-vương lo bên Sở lắm quân nhiều tướng hay sao ?

— Phải.

— Thần cử một người làm tướng, có thể đánh Sở chắc phải được.

Hạp Lư hớn-hở mà rằng :

— Tiên-sinh cử ai, tài người ấy thế nào ?

— Người ấy họ Tôn tên Vũ, người nước Ngô ta. »

Hạp-Lư thấy nói người Ngô, có ý mừng, hỏi tắt ngay rằng :

— Vậy thì tài hắn thế nào ?

— Ông ta tinh-thông thao-lược, có tài ngang giời giọc đất, chính tay ông ta đã làm ra mười ba thiên binh-pháp, nói thấu hết các việc binh-cơ. Vì trong đời không ai biết ông ta là người tài, nên vẫn ẩn ở phía dòng núi La-Phù. Nếu được ông ta làm quân-sư, thì thiên-hạ không đâu địch nổi, chứ nước Sở chẳng thấm vào đâu.

— Vậy thì Tiên-sinh đòi hắn vào triều cho quả-nhân.

— Ông ta không như người khác chỉ thèm-thuồng sự làm quan, tất phải có lễ đến đón thì mới chịu đi.

Hạp-Lư nghe lời, truyền lấy mười nén hoàng-kim, một đôi bạch-bích, giao cho Tử-Tư đóng ngựa đến núi La-Phù đón Tôn-Vũ. Tử-Tư đi đến La-Phù vào nhà Tôn-Vũ, đệ trình vàng ngọc, và bầy tỏ tấm lòng khát-vọng của Hạp-Lư. Tôn-Vũ bèn cùng Tử-Tư xuống núi, về triều yết-kiến Hạp-Lư. Hạp-Lư xuống thềm đón Tôn-Vũ vào cung, mời ngồi, hỏi những thiên binh-pháp. Tôn-Vũ đọc cả 13 thiên cho nghe. Mỗi khi đọc hết một thiên, Hạp-Lư tấm-tắc khen ngợi. Tôn-Vũ đọc xong, Hạp-Lư ngảnh lại bảo Tử-Tư rằng :

— Cứ như binh-pháp này, thật là cái tài xuốt giời thấu đất vậy ; bực vì quả-nhân nước nhỏ quân ít thì làm thế nào ?

Tôn-Vũ tâu :

— Binh-pháp của thần, chẳng những dùng về sĩ tốt ; dẫu đến đàn bà con gái, nếu cứ tuân theo hiệu lệnh của thần, cũng có thể dùng làm lính trận.

Hạp-Lư vỗ tay cười mà rằng :

— Tiên-sinh nói khoác làm vậy ; chư thiên-hạ có ai dùng được đàn bà con gái để vác giáo ra trận bao giờ ?

Nếu đại-vương cho là nói khoác, thì xin cho mượn vài trăm cung-nữ, thần sẽ thử để đại-vương xem. Nếu mà không được như nhời, thần cam chịu tội.

Hạp-Lư truyền đòi 300 cung-nữ, giao cho Tôn-Vũ diễn dậy.

Tôn-Vũ tâu :

— Xin đại-vương cho mượn hai vị ái-cơ để làm đội-trưởng, thì hiệu lệnh mới có thống-thuộc.

— Hạp-Lư lại gọi hai người ái-cơ đến trước mặt mà bảo Tôn-Vũ rằng :

— Đây là hai người rất yêu của quả-nhân, có thể làm đội-trưởng được chăng ?

Tôn-Vũ tâu :

— Người nào cũng được. Nhưng trong việc quân-lữ, trước hết phải nghiêm hiệu lệnh, thứ hai phải có thưởng phạt. Vậy xin cắt một người làm chấp-pháp, coi các điều lệ ; hai người làm quân-lại, coi việc bảo ban; hai người làm cổ-lại, coi việc chiêng trống; và vài người lực-sĩ sung làm nha-tướng cầm rìu, búa, gươm, kích, đứng ở trên đàn, cho mạnh thế quân.

Hạp-Lư ưng lời. Tôn-Vũ cắt-cử xong, phân-phó 300 cung-nữ chia làm hai đội; hai người ái-cơ đều đóng đai đeo gươm, mỗi người coi một đội. Xắp-xửa đâu đấy, Tôn-Vũ giảng đọc quân-pháp vài lượt, rồi hẹn rằng :

Đầu trống canh năm ngày mai, đến cả giáo trường nghe giảng.

Sáng hôm sau, 300 cung-nữ và hai người ái-cơ đến cả giáo-trường, ai nấy mặc áo giáp, đội mũ đâu-mâu tay phải cầm gươm, tay trái xách mộc, đứng làm hai đội, chờ đợi hiệu lệnh. Tôn-Vũ lên giáo-trường chỉ bảo phép tắc, giản thành thế trận ; rồi Tôn-Vũ sai hai người quân-lại cầm hai lá cờ vàng, đưa cho hai người ái-cơ và truyền dụ rằng:

— Hai người đội-trưởng cầm cờ đi trước quân-sĩ theo sau ; ai nấy nghe hiệu trống mà tiến, lui, quanh, lượn, không được sai lỗi nửa bước.

Dụ xong, truyền cả hai đội đều phủ-phục nghe lệnh. Một lát, Tôn-Vũ hạ lệnh rằng ;

— Hết một hồi trống, hai đội nhất-tề đứng dậy ; hết hai hồi trống, đội tả quanh sang hữu, đội hữu quanh sang tả; hết ba hồi trống, ai nấy giơ thẳng tay gươm, làm như giáng xắp sửa vào trận ; nghe thấy hiệu chiêng, hai đội nhất-tề lui lại ».

Cung-nữ nghe lệnh, ai nấy bưng miệng cười, Tôn-Vũ truyền cổ-lại nổi hiệu trống. Trống hết một hồi, cung-nữ người đứng, người ngồi, nhốn-nháo hỗn-độn. Tôn-Vũ truyền quân lại tuyên đọc quân-lệnh. Đọc xong, lại sai cổ-lại thúc trống ; bấy giờ 2 đội cung-nữ vẫn nghiêng-nghiêng ngả-ngả dựa nhau khúc-khích cười. Tôn-Vũ vén đòi tay áo, chạy sập đến, giằng dùi thúc trống, cung-nữ vẫn nhơn-nhơn như cũ, Tôn-Vũ đọc lại quân-lệnh một lần nữa ; bấy giờ hai người ái-cơ và hai đội cung nữ ai nấy cười ngặt cười nghẽo. Tôn-Vũ tức quá hai mắt dương tròn, đầu tóc dựng ngược, quát hỏi :

— Chấp-pháp đâu ?

Tên Chấp-pháp chạy đến quì ở trước mặt Tôn-Vũ.

Tôn-Vũ hỏi :

— Cố ý không theo quân-lệnh, chiếu trong quân-pháp, tội gì ?

Tên chấp-pháp bẩm :

— Cố ý không theo quân-lệnh thì phải tội trảm.

Tôn-Vũ tức-khắc quát lực-sĩ điệu hai người ái-cơ ra chém. Khi đó Hạp-Lư đứng xem ở trên điện, trông thấy hai người ái-cơ bị trói, tức thì sai Bá-Phỉ cầm cờ tiết xuống bảo Tôn-Vũ rằng :

— Quả-nhân đã biết cái tài dụng binh của tướng-quân : nhưng hai người ái-cơ này, hầu hạ khăn lược, rất vừa ý quả-nhân. Quả-nhân không có hai người này thì ăn không ngon, xin tướng-quân tha tội cho họ.

Tôn-Vũ nói :

— Trong đám ba quân không có phép nói đùa : thần đã lĩnh mệnh làm tướng, thì phải giữ phép làm tướng; người

tướng ở đám quân, dẫu mệnh vua cũng thông dám theo; nếu mà tha kẻ có tội, thì bảo sao được kẻ khác.

Nói đoạn, truyền lực-sĩ tức khắc chém hai người ái-cơ, bêu đầu ở trước cửa quân. Cung-nữ thấy vậy, ai nấy run sợ mất vía, không dám ngẩng mặt trông lên. Tôn-Vũ lại kén trong đội quân, lấy hai người thay làm đội-trưởng, rồi truyền quân-lại lại tuyên đọc quân-lệnh một lượt. Đọc xong, truyền cổ-lại lại nổi hiệu trống. Bấy giờ các cung-nữ tiến, lui, quanh, lượn, nhất-thiết đúng như quân-pháp, trong đội quân im lặng như tờ. Tôn-Vũ bèn sai tên chấp-pháp báo với Hạp-Lư rằng:

— Đội quân đã chỉnh-tề, xin đại-vương coi qua; cứ toán quân này dẫu bắt dẫm đống lửa, lội nước sôi, cũng không dám tránh. Nếu dùng mà đi lấy thiên-hạ cũng có thể được.

Hạp-Lư tức Tôn-Vũ chém mất hai người ái-cơ, liền sai Bá-Phí bảo Tôn-Vũ rằng:

— Quả-nhân cũng biết tướng-quân giỏi việc dùng binh, nhưng mà quả-nhân không muốn xem, xin tướng-quân cho quân sĩ giải-tán.

Tử-Tư biết Hạp-Lư có ý không muốn dùng Tôn-Vũ, lên điện can rằng:

— Việc binh là việc gở, không nên thử chơi rồi bỏ đấy. Vả lại Tôn-Vũ giết hai người ái-cơ, chính là phải phép làm tướng. Đại-vương muốn được một người tướng giỏi, để đem quân đánh Sở, làm đàn anh các nước hầu, mà lại không dùng Tôn-Vũ, thì còn ai có thể sang sông Hoài, qua sông Tứ, vượt nghìn dặm mà giao-chiến với quân Sở? Thần trộm tưởng con gái đẹp thì dễ kén, chứ người tướng giỏi thì khó tìm. Nếu đại-vương vì hai ái-cơ mà bỏ mất một người tướng-tài, khác nào tiếc cái cỏ, bỏ cây lúa vậy.

Hạp-Lư nghe nói, bèn sai mai táng hai người ái-cơ; một mặt phong Tôn-Vũ làm đại-tướng-quân sung chức quân-sư, điều-đình công việc đánh Sở.

(còn nữa).

NGÔ-TẤT-TỐ dịch thuật

時事之部

THỜI-SỰ

Một cuộc đại-hội của người Việt-Nam ở bên Pháp

Từ khi quan Toàn-quyền A. Varenne sang ta thì có một đảng, không nói, độc-giả cũng thừa biết là đảng quốc-dân liên-đảng, (Bloc nationnal), đảng-viên toàn là người thờ đế-quốc chủ-nghĩa, nổi lên bài-bác quan Toàn-quyền. Đảng ấy không muốn cho một quan Toàn-quyền thuộc đảng xã-hội cầm quyền cõi Đông-Pháp, vì ngài thẳng-mực công bình, thì cái cựu lệ áp-chế và lạm-quyền của họ phải tiêu-diệt chăng? Nên chi họ mới vào tố cáo giữa hạ-nghị-viện, và xin quan Thuộc-địa bộ Thượng thư bắt quan Toàn-quyền A. Varenne phải cắt nghĩa lời ngài đã diễn-thuyết trong hội đồng chính-phủ năm ngoái, quan Toàn-quyền đã tư điện-tín về bên Bộ để biện-giải. Sau lại có tin ông Moutet hiệp với quan nguyên Thuộc-địa Tổng-trưởng A. Hesse cùng quan thuộc-địa Tổng-trưởng Léon Perrier đứng ra

bênh-vực chính-sách của quan Toàn-quyền Varenne.

Mới đây lại có tin bên Pháp rằng: các người tri-thức Đông-Pháp ở Paris có hiệp với các người Pháp mở cuộc đại-hội-đồng, do ông Félicien Chalaye, giáo-sư khoa triết-học, hội-trưởng hội nhân-quyền làm chủ tọa, để bàn về chính-sách thuộc-địa ở Đông-pháp và cuộc công-kích ông Varenne.

Sau khi ông F. Challaye đọc bài mở hội, có ông trạng-sư Dương-văn-Giao giải thích, dịch nhiều đoạn về vụ công-kích quan Toàn-quyền Varenne, bản-báo trích dịch bản lâm-thời kết-nghị (ordre du jour) như sau này :

« Người Pháp và người Nam họp ngày 28 Mars 1926, hồi tám giờ rưỡi, tại hội-quán Pháp-quốc quốc-dân-viện nghị-hội y lời mời của các nhà thuộc-địa Đông-Pháp ở bên Pháp.

« Xét về cuộc âm-mưu của các đảng ở Pháp rất có hại cho sự tiến-hóa của các thuộc-địa, nhất là cuộc công-kích lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Alexandre Varenne gần đây, chực làm cho quan Toàn-quyền không được lưu-nhậm tại Đông-Pháp nữa.

« Xét vì trong khoảng 40 năm, nghĩa là từ năm 1886 cho đến năm 1926, toàn cõi Đông-Pháp có đến 18 vị Toàn-quyền thực-thụ và tạm-quyền, cùng 52 lần bàn giao quyền bính ; bởi cớ thay đổi luôn ấy, nên mới khó mà lập được một chính-sách cho thích-hợp với quyền lợi của thuộc-địa và của nước Pháp.

« Xét vì nước Pháp ký tờ hòa-ước ở hội Liệt-quốc thì đã công nhận cái chủ-nghĩa mưu cho các dân-tộc được dần dần tự do.

« Xét vì lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền đọc tại hội-đồng chính-phủ ngày 25 Décembre 1925, không có câu nào ý nào trái với chủ-nghĩa tự do của nước Pháp dân-chủ.

« Xét vì dân-tộc và quốc-gia Việt-Nam là một dân-tộc, một quốc-gia thành-lập tử-tế, dân-tộc ấy xin với nước Pháp cho về kinh-tế, về chánh-trị, cho hợp với thời-thế buổi này.

« Xét vì đảng thực-dân đế-quốc là các nhà tư-bản tây, họ muốn giữ túi tham của họ, nên lưu ngôn rằng : quốc-dân Việt-Nam mong độc-lập ngay, lời ấy thiệt vô-lý :

Xét vì chỉ thi-hành cho sớm cái chính-sách công-bình và chủ-nghĩa dân-chủ ở Đông-Pháp, thì mới có thể làm cho dân yêu được nước Pháp mà thôi.

« Vậy định xin với Chính-phủ Pháp :

1. — « Xin lập tại Paris một « ban ủy-viên nghiên-cứu việc Đông-Pháp », ban ủy-viên ấy chọn người Pháp và người Đông-Pháp để nghiên-cứu tường-tận các vấn đề Đông-Pháp.

2. — « Lập-tức bãi lệ thay đổi Toàn-quyền ở Đông-Pháp.

3. — « Lập điều-lệ ở cõi Đông-Pháp cho hợp với trình-độ tấn-hóa của dân hiện-thời, cho có đủ quyền quyết-định để cử đại-biểu thay mặt sang nghị-viện Pháp.

4. — « Cho người Việt-Nam được hưởng nhân-quyền.

5. — « Lập tại thuộc địa một quốc-hội vì trót 56 năm trước, nước Pháp cai trị ở đây chưa lập.

NHẬT-TÂN BÁO

Việc nước lụt tại Bắc-kỳ năm nay

Bắc-kỳ ta hằng năm về vụ hạ-tấn này, vẫn thường phải lo về nạn nước sông, nhưng chưa từng thấy năm nào nước lên to và mạnh như năm nay : từ 9 giờ chiều ngày 27 Juillet (18 tháng 6 an-nam) đến 6 giờ sáng ngày 29 Juillet (20 tháng 6 an-nam), mực nước sông Cái từ 11 mètres 8 centimètres, lên đến 11 mètres 84 centimètres, tính ra trong 33 giờ đồng-hồ, nước sông lên được 76 centimètres. Các đê ở các ngọn sông, chỗ nào cũng mặt

nước mấp-mé mặt đê, so với năm Ất-mão trước (năm 1915) thì mực nước năm nay cao hơn 19 centimètres, như vậy thì các đê chẳng vỡ chỗ nọ cũng vỡ chỗ kia, tài nào giữ được chu-toàn. Cứ như ký-giả sở-văn sở kiến thì đê Bắc-kỳ năm nay, từ ngày 28 Juillet đến ngày 8 Août có những chỗ vỡ sau này:

Về tỉnh Bắc-Ninh vỡ ba đoạn :

Một đoạn ở con đê tả-ngạn sông Hồng-hà, vào quãng *ngã tư Gia-quất*, về địa-phận làng Gia-quất tổng Gia-thụy huyện Gia-lâm, cửa vỡ rộng độ 40 thước. Chỗ vỡ này ngọn nước chảy thẳng vào làng Gia-quất; trong làng, nhà cửa trôi mất nhiều, vật sản ngập mất nhiều.

Một đoạn nữa cũng ở con đê ấy và cũng gần đấy, vào địa-phận *Ái-mộ* và *Lâm-do*, cửa vỡ rộng độ 50 thước. Quãng đê này ngoài thì bãi cao, trong thì đường đá, thế đê rất là vững-chãi, ai cũng tưởng là không thể vỡ được, thế mà hốt-nhiên thấy vỡ, không biết tại cớ làm sao, người đồ là bởi nhẽ nọ, kẻ đoán là tại nhẽ kia, nhưng xét ra chưa chắc đã đúng sự-thực.

Chỗ vỡ này ngọn nước chảy thẳng vào làng Ái-mộ, nghe rằng làng ấy nhân-mịnh thì không hại gì, nhưng mà thóc gạo ngô đậu và các súc sản trôi chìm mất nhiều, có nhà không chạy được tý gì. Lại nghe rằng trong khi khúc đê này bị vỡ, người làng Củn và làng Cầu-Cá chết hại mất nhiều, bởi tại hai làng ấy lúc trước vẫn chắc là đê giữ được, cho nên không ai chịu chạy; đến lúc sịch vỡ, thì chạy không kịp. Tội nghiệp thay!

Một đoạn ở chỗ đê-phận *Tư-đình*, cũng gần quãng đê Ái-mộ-Lâm-do, cửa vỡ rộng độ 100 thước. Làng Tư-đình cũng tổn-hại nhiều, có nhẽ chẳng kém mấy làng Gia-quất Ái-mộ.

Thế là một huyện Gia-lâm bị ba đoạn vỡ, ngay hôm mới vỡ, mực nước ngoài sông với mực nước trong đồng chênh nhau độ 5, 6 thước, ba ngọn nước thông thốc chảy vào đồng, như ở mái nhà đổ xuống, làng nào mà không ngập! nhà nào mà không trôi! Những người ở gần đê, gần đường xe lửa, hay là gần chỗ gò cao thời còn có thể đến đó mà chú chân; Những người xa đê xa đường, hay là ở chỗ đất thấp, thì còn biết chạy vào đâu, mà chạy làm sao cho kịp! Trong một giải đất phía nam sông Đuống từ Gia-lâm cho đến Hưng-yên, Hải-dương, đều bị lụt cả, nhân-mịnh vật sản, thiệt hại biết chừng nào.

Về tỉnh Thái-bình bị vỡ ba chỗ :

Một chỗ ở con đê gần ngã ba Luộc tại địa phận làng *Hà-mỗ tổng Hà-mỗ*; cửa vỡ rộng độ 350 thước. Chỗ vỡ này tuy ở ngay địa-phận Hà-mỗ, mà chính làng Hà-mỗ lại không tổn-hại bằng làng Hà-xá ở bên cạnh là vì làng Hà-xá bị ngọn nước chảy xoáy vào, cho nên cửa nhà súc-sản ở trong làng mười phần trôi mất bảy tám.

Một chỗ ở con đê về hữu ngạn sông Luộc, tại địa-phận *Văn-quan*, cửa vỡ rộng độ 80 thước.

Về tỉnh Hải-dương bị vỡ ba chỗ:

Một chỗ ở con đê mé trên *Ninh-giang* 55 km, cửa vỡ ước chừng 30 thước.

Một chỗ ở con đê địa-phận làng *Thanh-động* huyện Vinh-bảo.

Một chỗ ở con đê tả-ngạn sông Lục-Nam, mé trên *Phả-lại*.

Về tỉnh **Phú-thọ** bị vỡ một đoạn nhỏ ở con đê sông Hồng-hà vào chỗ *Phú-thọ Việt-trì* giáp giới, lụt mất một vùng nhỏ ở Bạch-hạc và một phần phủ Lâm-thao.

Ngoài những chỗ vỡ đã kể ở trên, nghe còn nhiều chỗ vỡ nhỏ nữa, hoặc là ở đê tiểu-bối, hoặc là ở đường vệ-nông hay đường hỏa-xa, mà cái thế nước cũng làm lụt được năm bảy làng, hoặc một vài tổng, nhưng mà ký-giả chưa được mục-kích, cho nên không thuật hết.

Thống-kế số tổn hại về việc đê vỡ năm nay, cứ trong các báo đã đăng thì: những

điền-thổ các hạt bị lụt vì ba chỗ vỡ Gia-Lâm, có đến 5 vạn mẫu tây ; những điền-thổ các hạt bị lụt vì chỗ vỡ Hà-mỗ, có đến 3 vạn mẫu tây. Lại cứ nhời một người nói truyện, thì làng Ái-mộ tổn hại về những vật-sản bị lụt tính giá ước độ 1 vạn 5 nghìn đồng bạc ; làng Gia-quất độ một vạn đồng. Trong bốn tỉnh Bắc-ninh, Hưng yên, Thái-bình và Hải-Dương, những làng bị ngập như hai làng Ái-mộ, Gia-quất biết là bao nhiêu! cứ cái số tổn hại ở hai làng như nhời người nói truyện đó mà ước-lượng ra, thì sự hại về nạn vỡ đê ở Bắc-kỳ năm nay, có nhẽ cũng chẳng kém năm Ất-mão trước.

Những khổ-trạng về cảnh nằm trên mặt nước, những thảm-tình về nỗi thiệt của hại người, cùng là những sự trộm cướp, dịch tễ vì nước lụt mà sẩy ra, thì người Bắc-kỳ ta hồ hết đã từng chải và hiểu thấu, tưởng cũng không cần nhắc lại. Chỉ đáng lo nhất là bây giờ đương mùa cầy cấy. một tháng làm, mười tháng ăn, mà nay bỗng chốc đồng liền nội cả, hóa ra vực thẳm bể khơi ; lúa mạ châu bò, phó cho trào đun sóng vỗ. Chờ cho được nước sòng xuống, nước đồng cạn, ít ra cũng một tháng nữa, bấy giờ hơi thu đã lạnh, sự cầy cấy còn ra sao, dù có cấy được cũng như không vậy. Trong một khoảng từ bây giờ cho đến tháng năm và tháng mười sang năm, ngày tháng cũng không phải ngắn; thế mà những thóc lúa cũ đã bị chìm ngập, thóc lúa mới lại không có mà tiếp theo, các nhà xẵn của còn có thể xoay đảo lần hồi, những người nghèo khó mượn vay không đắt thì ăn mặc trông vào đâu? đóng góp trông vào đâu? có nhẽ đến kẻ khỏe thì tan lạc bốn phương, mà người già yếu thì đến sa ngòi lấp rãnh. Vậy thì cái hiện-cảnh ngày nay, đã là khổ-sở đau đớn; mà tưởng đến cái thảm-họa sau này, lại là đáng sợ mà đáng thương hơn. Tuy vậy Bắc-kỳ là cũng còn nhiều nơi không bị lụt, mà ngay trong các hạt bị lụt. cũng còn nhiều nhà có tư-bản to, ai có tâm-huyết với đồng-bào, cũng nên nghĩ đến câu « *lá lành đùm lá rách* » *vậy*.

Bản-Chí xin lục sau đây bản chu-chi quan Thống-sứ Bắc-kỳ gởi đi các tỉnh ngày 26 tháng 6 vừa rồi, mục-đích tờ chu-chi này là muốn cho việc đê điều được ổn-thỏa và không có hại gì đến quyền-lợi những người có ruộng đất bên cạnh đê.

Tờ thông-tư cho quan Chánh-Kỹ sư đầu Bắc-kỳ cùng các quan Công-sứ các tỉnh và các quan thủ-hiến địa hạt quan binh

Những công việc làm đê điều là những công việc hệ-trọng, mà muốn cho thực hành được chóng công-hiệu, chóng kết, quả, thường cần phải có các quan Cai-trị với các quan bản-xứ hết sức mà làm mà các quan Công-sứ các tỉnh cùng các quan Lục-lộ lại cần phải điều-đình với nhau để cho công việc được thành-hiệu.

Chương-trình những công việc phải làm cùng việc tính toán thì do một ban Lục-lộ riêng. Hễ khi nào những chương-trình ấy đã có chữ quan trên cho thi-hành rồi, thì quan bản tỉnh cùng với ban Lục-lộ coi công-việc đó phải hợp sức với nhau cho đến lúc xong việc. Hai bên cùng phải điều đình với nhau mà gọi cho thầu ; cùng là kén những người đứng nhận việc thầu ấy ở bản tỉnh.

Có khi quan Chánh Lục-lộ coi việc đê điều không biết đích sác những người nhận việc, thì quan Chánh Công-sứ phải chú-ý xét xem căn-cước, tính-hạnh và tư-bản của những chủ xin thầu ra làm sao. Được như vậy thì đỡ dùng nhầm thầu khoán mà vì nhầm nên lắm khi chậm-chễ mất nhiều công-việc, mà toàn là công-việc phải làm kíp.

Khi nào gọi thầu, thì quan Chánh ban Lục-lộ coi về việc đê sẽ tư cho quan Sứ kiểu-mẫu công-việc để xem cần bao nhiêu đất. Quan Thống-sứ sẽ chiếu luật đặt một hội-đồng bồi-thường để xét ngay về những chủ đất, theo như luật Annam.

Đến khi đã chọn được chủ thầu rồi, các quan phải xét cho chắc rằng dân bản-hạt

cùng các chủ thầu đều thuận bảo với nhau, định lấy đất ở nơi nào và tiền bồi thường là giá bao nhiêu. Nhiều khi điều đó thường không xét đến, nếu các chủ có đất thấy tự-tiện đào cuốc đất của mình thì ngăn-trở không thuận.

Quan bản-tỉnh gặp những việc đó thì cũng khó điều-đình, vì là chính những chủ thầu phải giả tiền những chỗ đất đào cuốc cho đủ đất (hoặc chủ đất ấy là tư-gia hay làng). Nhà nước chỉ đứng giữa điều đình cho đôi bên mà thôi. Vậy tôi xin nhắc các quan Chánh-sứ các tỉnh cùng các Chánh ban Lục-lộ lưu tâm về những điều khó-khăn ấy chỉ dơ vô ý một tí mà xẩy ra.

Ta nên làm cho hợp lệ để tránh khỏi được thì tiện hơn. Trong quyền thể-lệ thì phải dặn trước rằng khi việc thầu đã y rồi, thì người chủ thầu trước hết phải cho nhà nước chứng nghiệm rằng mình đã cùng với dân điều-đình về việc lấy đất của dân đã, rồi mới được khởi công.

Chủ thầu có thể điều-đình thẳng với dân có đất được. Nếu khu đất là của riêng một người thì chỉ cần cho quan Sứ biết rằng đôi bên đã điều đình ổn-thỏa để xét cho hợp lệ, về sau khỏi lôi-thôi. Ví là khu đất của công thì người chủ thầu phải làm một cái đơn theo như kiểu mẫu định ở tờ thông-tư này. Khi nhận được đơn thì quan Chánh-sứ sẽ xét ngay xem những chủ thầu xin thế sao, rồi cho xã đó họp hội-đồng để bàn xong, rồi duyệt y đơn của chủ thầu mà cái đơn đó khi đã duyệt rồi thì tức là một tờ giao-kèo nhất định.

Cũng nhiều khi đôi bên không thuận như vậy thì phải nói cho quan Sứ biết ngay, quan Sứ sẽ lập một hội-đồng có quan Tổng-đốc hay là Tuần-phủ tỉnh đó, quan Chánh Kỹ-sư hạt đó cùng quan Phủ hay quan Huyện ở hạt làng ấy, mà chính Ngài là chủ tọa. Hội-đồng này sẽ đến tận nơi, và ngay trước mặt người chủ thầu cùng người chủ ruộng, hội-đồng sẽ định cách lấy đất thế nào và giá đất bao nhiêu. Hộ-đồng sẽ định rõ rằng địa-giới khu đất ấy và nhiều sẵn những khu đất lấy hết là bao nhiêu, cùng giá đất bao nhiêu. Hội-đồng sẽ định rõ ràng địa-giới khu đất ấy và nhiều sẵn những khu đất lấy hết là bao nhiêu, cùng giá tiền từng khu một, hoặc từng thước khối đất lấy lên để về sau khỏi lôi-thôi.

Không ai được thay mặt hay thay quyền người chủ có đất mà định ước. Hội-đồng được tự tiện mà quyết-đoán và khu-sử tùy theo sự ích-lợi chung những công việc làm, và địa-thế, cùng sự tốt sấu của những khu đất ấy.

Nếu hai bên đều thỏa thuận rồi, thì người chủ thầu làm luôn tờ giao-kèo cứ chủ đất. Tờ giao-kèo này sẽ có chữ ký cả hai bên cùng chữ quan Chánh-sứ duyệt-y nữa, mà phải làm 4 bản (một bản giao về sở Lục-lộ, một bản để tòa-sứ, còn mỗi bên giữ một bản).

Nếu hai bên không bằng lòng thì hội đồng sẽ làm tờ biên-bản, kể rõ trong tờ ấy, và ước xem khu đất đáng giá là bao nhiêu (theo chỉ-dụ năm thứ sáu đức Minh-Mạnh), rồi bảo người chủ đất phải giao đất cho người chủ thầu.

Ví bằng tự ý người chủ thầu không tuân hội-đồng mà lại không định lấy miếng đất nào khác cả, thì hội-đồng cũng bắt tạm lấy miếng đất đã định mà tiền thuê đào lấy đất sẽ trừ vào số tiền thầu.

Nếu người thầu nhất-định không lấy miếng đất và không chịu khởi công trong hạn đã định, thì nhà nước sẽ bảo cho chủ thầu biết rằng việc thầu ấy sẽ bãi mà nhà nước sẽ làm lấy : sự thành bại người chủ thầu vẫn phải chịu trách-nhiệm.

Những cách-thức vừa nói thì phải làm cho chóng, Hội-đồng sẽ hạn cho người chủ thầu 8 ngày kể từ ngày giao cho tờ duyệt-y các khoản thầu, hay là tờ biên-bản thầu phải cho quan Chánh Lục-lộ hay quan Kỹ-sư bản-hạt biết rằng mình định lấy đất ở khu nào. Trừ ra việc cần kíp lắm mà quan Sứ đã định với quan Chánh Lục-lộ hay quan Lục-lộ bản-tỉnh thì bao giờ cũng phải đợi cho bên chủ đất và bên chủ thầu điều-đình ổn-thoả đã, hay là hội-đồng hàng tỉnh đã định xong rồi mới khởi công được.

Những hạn định để trước khi làm những công việc này, thì tùy ý các quan Sứ liệu định cho được chóng thì hơn và tôi xin ủy quyền luôn cho các quan Sứ để cử người vào hội-đồng và họp hội-đồng ấy cho khỏi chậm-chễ.

Sở Lục-lộ cùng tòa Sứ phải điều-đình với nhau từ lúc khởi-công cho đến lúc hoàn thành, sở Lục-lộ sẽ cho tòa Sứ biết những sự gì trở-ngạnh có thể xảy ra, thứ nhất là sự mộ nhân-công, và công việc làm thế nào? Hễ có thấy đôi tí khác về những chỗ đã định trước thì phải kịp nói cho tòa Sứ biết ngay.

Về phần các quan Sứ thì phải năng đến nơi luôn mà xem xét hoặc phái các quan bản-hạt xét xem công việc có chạy không. Có thấy việc gì xảy ra hay là khó làm thì sẽ kịp báo cho quan Chánh Lục-lộ biết. Quan Sứ sẽ hết sức làm cho việc mộ nhân-công cho được dễ-dãi và cho họ tiện-nghi mà làm việc ở những xuống cốt-yếu trước.

Giá cứ y thức như thế mà làm và theo được thời-kỳ nhất định mà khởi công, nghĩa là năm nào cũng khởi công vào *đầu tháng một tây* thì ta có thể chắc rằng những sự xảy ra làm hại công-dân mỗi ngày một bớt. Chỉ có khi vào nước đang lên, hay gặp một sự cần kíp quá lắm, thì mới cần cưỡng sai đến dân-phu.

Khi nào vì việc công-ích mà cần phải cưỡng sai đến đám dân-phu ấy, thì tôi xin các quan Tây Nam hàng tỉnh tận-tâm giúp đáp sở Lục-lộ làm việc cho được mau-chóng. Ấy bên Lục-lộ và bên Cai-trị cũng chỉ cần đồng-tâm hiệp-lực nhất những lúc bảo-hiểm ấy.

***

Những thể-lệ đây mà tôi thông tư để nhắc các quan về việc làm đê-điều thế nào thì làm các công-ích khác về điền-thổ như khơi sông, sẻ rãnh, mở đường rộng ra, hay là chặt bớt đường đi, vân vân... đều cũng theo như vậy.

Làm việc công-ích nào cũng thế, hễ cần phải lấy nhà cửa đất cát của dân, thì quan Chánh-sứ cứ theo thể-lệ mà làm, hễ mộ dân-phu có khó-khăn, làm việc có trở-ngại điều gì, thì các quan Sứ phải hết sức giúp sở Lục-lộ cho được công-hiệu và sở Lục-lộ có gì khó-khăn phải cho tòa Sứ biết.

Xin các quan nhận được tờ thông-tư này thì báo cho tôi được biết và xin chú-ý đến tờ thông-tư này mà thi-hành.

René ROBIN

Việc tư-pháp. — Trong khoảng bốn tháng giời, xét-sử ba ông quan

Ba ông quan ấy là ai? làm quan ở đâu? Một ông tên là *Lê-Đình*, 43 tuổi, nguyên tri-huyện Phú-Lương, thuộc tỉnh Thái-Nguyên; một ông tên là *Lê-Liêm*, 55 tuổi, nguyên tri phủ Lạng-Giang, thuộc tỉnh Bắc-Giang; còn một ông nữa tên là *Trần-văn-Tốn*, 42 tuổi, nguyên tri-huyện Tam-Nông thuộc tỉnh Phú-Thọ.

Ba ông ấy đều là con nhà tử-tế cả: ông Lê-Đình là con cụ Lê-Hoan, người ở Mọc, thuộc tỉnh Hadong; Cụ trước làm Khâm-sai Bắc-kỳ đi dẹp giặc để Thám, Cụ rất trung thành với nước Đại-Pháp là nước có nhân-từ đại-độ hiện đương bảo-hộ nước ta; một tay Cụ đã tiễu-trừ được bao nhiêu đảng phản-kháng, đảng phiến-động đạo-tặc làm phương-ngại việc trị-an của chánh-phủ; những cái tài chinh-trù của Cụ, những cái công hiển-hách của Cụ, tưởng dân ta hãy còn ghi nhớ đời đời không bao giờ quên. Ông Lê-Đình do chân tập-ấm của Cụ mà xuất thân. Ông này tuy không đỗ đạt gì, song cái tư-cách lại-trị của ông đã từng hấp-thụ được sẵn ở chốn gia-đình, nên lúc làm dân cũng có nhiều điều xuất-sắc, khảng-khái kinh nhân. Ông Lê-Liêm là con cụ Lê-hữu-Tạ, người tỉnh Sơn-Tây, cũng do chân tập-ấm mà xuất thân. Ông này là người hào-phóng, vợ con nhiều, ăn tiêu rộng, tuy không lấy gì làm trọng nghĩa, nhưng được cái tính khinh tài. Còn ông Trần-văn-Tốn thì do chân tú-tài xuất thân, người tỉnh Nam-Định, nghe đâu đời trước cũng có một

vài người đỗ-đạt hay làm quan thời phải. Ông này tuy không có thần-thế như ông Lê-Đính, không được hào-phóng như ông Lê-Liêm; song nghe rằng được cái nhẫn-nhục; được cái chịu khó, phàm sự hễ nhẫn-nhục mà được thì dẫu nhục đến đâu cũng không hổ người, hễ chịu khó mà được thì dẫu khó đến đâu cũng không kỳ-quản, ấy chỉ vì thế mà việc gì cũng được thành công.

Kể lý-lịch của ba ông như thế mà bị tiếng phải đem ra xét-xử trước viện Tư-pháp thì ai mà chẳng ái-ngại cho ba ông.

Việc ông Lê Đính xử ngày 1er Avril 1926, vào hồi 8 giờ sáng. Đáng nhẽ việc xử từ hôm 20 Mars 1926; song cả ngày hôm ấy mới lỏi hết chứng tá và xét lý-lịch của người bị cáo, tòa chưa xét kỹ hết được các lời lẽ ở trong hồ-sơ, nên lại hoãn đến 1er Avril mới xử. Tất cả 15 người chứng-tá thì 13 người về bên nguyên-cáo, 2 người về bên bị-cáo. Cứ như các giấy má và lời lẽ ở trong hồ-sơ thì nguyên có lũ tên Trần-quý-Phúc làm ruộng ở Thái-Nguyên và Nguyễn-văn-Sinh làm thư-ký hội-đồng làng Bá-sơn thuộc huyện Phú-Lương có đơn thưa tại quan Công-sứ tỉnh Thái-Nguyên ngày 5 Juin 1925 rằng: trong khoảng tháng hai tháng ba tây, năm 1925, chúng có chung nhau góp cả hai người được một đồng bạc mà mua một phiếu đánh số về việc « Trận-vong-tướng-sĩ kỷ-niệm-đai » ở Hanoi; số phiếu là 70. 134, khi biết tin số phiếu ấy trúng 500 đồng bạc thì ông huyện Lê-Đính lập mưu lấy mất của chúng mọi lẽ.

Khi tòa Thượng-thẩm bắt đầu xử, quan Chánh-tòa cho gọi ông Lê-Đính vào, rồi ngài yên-ủi một câu rất sấu-sa đau-đớn rằng: « *Ông là con một ông quan đại-thần có danh tiếng, nay bị đến đây ngồi vào cái ghế của thằng tù, để cho tòa xét-xử, thì cũng ái-ngại lắm nhỉ?* » Ngài nói xong, liền đọc tờ cáo-trạng lược như đã kể ở trên, rồi cho ông Lê-Đính được phép trống cãi. Ông Lê-Đính nhất vị cãi cái phiếu số ấy là của ông, trạng-sư Bona cũng hết sức biện-hộ cho ông; song cứ lời khai của chứng-tá và xét ở trong cái phiếu số ấy lại có ba chữ ký « Nguyễn-văn-Sinh », thì rõ-ràng là của Nguyễn-văn-Sinh, chứ không phải là của Lê-Đính.

Tòa chiếu hình-luật điều thứ 273, 321 và 322, phạt ông Lê-Đính một năm tù, án treo, truyền rằng số 500$ được trúng số sẽ phải hoàn lại cho nguyên-chủ, và phạt ông Lê-Đính phải chịu hết cả các tiền lệ-phí.

Việc ông Lê-Liêm xử vào ngày thứ bẩy 15 Mai 1926. Tòa đòi tất cả 13 người chứng ra đối chất. Trước khi xử, quan Chánh-án có đọc qua cái lý-lịch tốt đẹp của ông Lê-Liêm để cho công chúng nghe, đại-khái rằng: « *Ông Lê-Liêm là con một ông quan đại-thần, bê-tha cờ bạc, thuốc-sái quanh năm, có 7 vợ, 20 đứa con, xưa nay đã bị nhiều lần khiển-trách.* »

Cứ các giấy má và các lời lẽ ở trong hồ-sơ thì trong đêm hôm 19 rạng ngày 20 tháng 5 năm ngoái (9 ou 10 Juillet 1925), có tên Nguyễn-văn-Yên vào ăn cướp nhà Phạm-hợp-Đê ở làng Mỹ-Đồ thuộc phủ Lạng-Giang. Ông Phủ Lê-Liêm bắt được quả tang có cả khí-giới. Khi bẩm lên Tòa-án Đệ-nhị-cấp thì chỉ nói bắt được tên gian-phi giải-nạp mà thôi, chứ không nói đến có khí-giới và không đệ-trình tang vật làm bằng. Tòa xét ông Lê-Liêm quả có dụng tình bỏ khoản bắt được khí-giới để gỡ bớt tội cho tên Nguyễn-văn-Yên, thì phạm vào tội làm tờ bẩm giả-mạo. Ông Lê-Liêm chối cãi rằng vì nhiều việc quên nhẵng đi, chứ không phải là cố ý. Trạng-sư De Saint-Michel Duneza biện-hộ cho ông Lê-Liêm riết lắm. Song xét các lời cung-khai của chứng-tá thì ông Lê-Liêm quả có tội thực. Tòa chiếu theo hình-luật điều thứ 102, 321 và 322 phạt ông Lê-Liêm một năm tù, án treo, và bắt chịu tất cả các tiền lộ-phí.

Việc ông Trần-văn-Tốn thì xử vào hôm thứ hai, 26 Juillet 1926, bắt đầu từ 3 giờ chiều đến mãi 9 giờ đêm mới song. Cứ như lời quan Chánh-án đọc lúc bắt đầu khai phiên tòa thì ông Trần-văn-Tốn nguyên-can vì khoản « ăn tiền, im việc án mạng mẹ con thị Chuột xảy ra trong địa-hạt mình,

khi việc đã đem về phòng Dự thẩm ở tòa Thượng-thẩm để xét rồi mà vẫn còn đến ngót một trăm lá đơn của dân hạt Tam-Nông kiện ông về tích ăn hối-lộ; quan Phó-trưởng-lý thấy nhiều đơn quá mà xét về khoản hối-lộ không có đủ chứng-cớ làm bằng, nên ngài xin bỏ cái khoản hối-lộ đi, chỉ đem một việc " im cái án mạng mẹ con thị-Chuột ", chiếu vào điều thứ 99 trong hình-luật về khoản «*trễ nải xét đơn kiện*», xin tòa xét-xử. Việc này tòa đòi có 6 người chứng đến đối chất. Nguyên người chủ cho mẹ con thị-Chuột thuê nhà, một hôm thấy mẹ con thị Chuột đi mất thì lên trình-huyện, mà cả hai mẹ con thị-Chuột thì đã bị người ta vì sự ghen-tuông mà giết chết rồi; ông Huyện có làm tờ bẩm tiên-tương, nhưng không biết vì lẽ gì mà mãi tận năm ngày giời, quan Đại-lý Hưng-Hóa mới tiếp được tờ bẩm. Quan Đại-lý cho là ông Huyện ăn tiền mà trầm việc án mạng đi, ông Huyện thì viện lẽ còn đương xét hỏi chưa song, nên chỉ mới có bẩm tiên-tương mà thôi. Có trạng-sư Bona biện hộ cho ông huyện. Tòa chỉ xét một lẽ rằng: trong điều 99 ở hình-luật thì nói « ai trễ nải xét đơn kiện của dân thì phạt từ 7 đồng đến 200 đồng bạc », mà việc án thị-Chuột thì chỉ có tờ trình, chứ không có đơn kiện. Nên tha cho ông Trần văn-Tốn được trắng án.

Thế là việc ba ông quan kết liễu. Trong khoảng bốn tháng giời, ...

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

Bản-chí mới tiếp được hai quyển sách gửi tặng, xin giới thiệu với đồng-nhân như sau này:

Một quyển "*Gương Thiếu-niên*" của ông Phạm-Dật Công và ông Phạm Mộng-Tiên. Trong sách có những tiểu-thuyết đoản-thiên dịch ở các sách Tây, Tầu, ra; lại có *lời phê bình; các tiểu-thuyết* đó chọn giặt những truyện nghĩa hiệp, có thể gây cho bọn thiếu-niên có chí khí; như trong quyển thứ nhất có những truyện: *Buổi học sau cùng* dịch ở sách Contes du Lundi của A. Daudet, — *Phép công hiệp nữ, Cái sóng khuynh thành, Chút ơn tri-kỷ*, là những truyện Tầu và Nhật. Muốn cho sách được phổ-thông, nên giá bán rất rẻ: như quyển nhất, giầy 56 trang mà giá 0$10. Sách này do nhà in Long-Quang ấn hành, có bán tại tất cả các hàng sách.

Một quyển của ba ông giáo: Nguyễn-hoài-Đĩnh, Nguyễn-Điền, và Nguyễn-bá-Phổ, nhan đề là: "*La Langue française expliquée en Annamite*"; trong có độ hơn hai chục bài văn Tây giải thích ra quốc-âm thật kỹ-càng, mỗi một bài có ba bài giảng: một bài trước-hết giảng tiếng một; một bài dịch nghĩa cả bài văn Tây, rồi lại một bài nữa giảng về mẹo-luật văn-pháp. Sách giầy hơn 200 trang, giá bán 0$80; thật là một quyển sách ích lợi cho học-trò các trường và cho những người đã đứng tuổi mà còn muốn luyện chữ Pháp. Bán ở nhà ông giáo Đĩnh, ở trường Yên-Thành Hanoi, và ở các cửa hàng sách; nhà in Nghiêm-Hàm ấn-hành.

Cáo việc riêng

Ngài nào có quen ông **Phan-tam-Khác** *(người làng Quỳnh-lôi, tỉnh Nghệ-an, nguyên làm tổng-sư ở Thanh-Hóa) mà biết ông hiện nay ở đâu, xin làm ơn nhắn giúp rằng: « Bản-chí chủ-nhân lâu nay nhớ ông lắm, xin mời ông về chơi. » Đa tạ.*

An-Namtạp-chí

LỆ DĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 °/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHI

Số 4 NĂM THỨ NHẤT 2e QUINZAINE AOUT 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 397

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

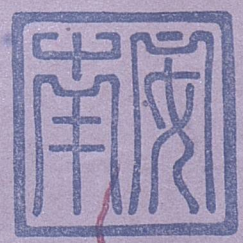

TÒA BÁO
HÀNG LONG GÀN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết** *Phụ-luận về cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề.*

2 — **Gia-đình** *Đối với ý-kiến gia-đình của ông Tạ-quang-Cát.*

3 — **Thường-thức** *Việc Pháp-luật : Cách-thức tố-tụng thuộc về dân-sự, thương-sự. Pháp-luật vấn-đáp. Phụ-dịch bài: "Nên giảng cầu pháp-luật" của ông Lương-khải-Siêu.*

4 — **Văn-học** *Ông Mạc-đĩnh-Chi ở Cao-Ly.*
Thế giới vĩ-nhân liệt-truyện : Hoàng-Hưng.
Mấy nhời nói nhỏ cùng chị em bạn gái.
Âu-văn tạp-dịch.
Văn-thơ
Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết)

5 — **Thời-Sự** *Những cuộc hội-nghị trong nước :*
Việc cứu dân bị lụt.
Cuộc quốc-trái 2.060.000 $
Các Báo mới ở Nam-kỳ.
Giới-thiệu sách mới.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :
từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** ; Nửa năm, **2 $ 20** ; Mỗi số **0 $ 20**

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

TẢN-ĐÀ TU-THƯ-CỤC

QUẢNG-CÁO

Gần đây, nhiều Ngài viết thư về hỏi việc

Hán-Văn-Hàm-Thụ

Quốc-Văn-Hàm-Thụ

Muốn mua cùng là nhận bán lẻ

Những sách xuất-bản của

Tản-Đà Tu-thư-cục

Nay vì công việc An-nam tạp-chí đương bận cho nên việc Tu-thư-cục chưa kịp kinh-lý đến: xin các Ngài tạm đợi ít lâu khi nào bản-cục có thể lại tiến-hành hai việc **HÀM-THỤ** và in lại được các sách đã (vì hiện nay nhiều thứ sách đã hết cả) sẽ có nhời quảng-cáo ở An-nam tạp-chí.

Tản-Đà Tu-thư-cục

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Cẩn-bạch

Nguyễn Khắc Hiếu

Một thứ sách rất có giá-trị ở Nam-Kỳ

Tự-Do Tùng-Thư

của Quân-Hiến Trần-Hữu-Độ

Đã xuất bản :

1° — Tờ cớ mất quyền tự-do. . . . . giá 0 $ 60

2° — Hồi trống tự-do (*Quyển nhất, quyển nhì, quyển ba*)

Giá mỗi quyển 0 $ 20

Gửi bán ở nhà-in XƯA NAY *chủ nhân NGUYỄN-HÁO-VĨNH*
62-64, *Boulevard Bonnard, SAIGON*

(Kỳ sau, Bản-chí sẽ có bài bình-luận đặc-biệt)

Một tờ báo rất có cảm-tình với người Bắc

NHỰT-TÂN-BÁO

112, Rue d'Espagne - SAIGON

Một năm 6 $ 00 – nửa năm 3 $ 50

Thơ và mandat gửi cho M. CAO-HẢI-ĐỆ, chủ-nhân

Quần áo tây !!!

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo Annam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các ngài lại ngay nhà đó

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào, Hanoi

và Chi-điểm : 17, Phố Khách, Haiphong

N° 4 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Août 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

PHỤ LUẬN VỀ CÁI CHỦ-NGHĨA PHÁP-VIỆT ĐỀ-HUỀ

Cái chủ-nghĩa "*Pháp-Việt đề-huề*", xướng lên tự cụ **PHAN-BỘI-CHÂU**(1) là một nhà Hán-học rất có giá-trị với quốc-dân, muốn đem mà thực-hành là ông **BÙI-QUANG-CHIÊU** là một nhà Pháp-học rất có giá-trị với quốc-dân, vậy thời quốc-dân ta chỉ cứ nên kính tin mà mong tưởng là phải, can chi phải thêm nhời bàn luận nữa ru? Tuy nhiên, từ xưa hào-kiệt thánh hiền, ngôn hành chưa hẳn đã không sai, thời như cái chủ-nghĩa "*Pháp-Việt đề-huề*" ở nước Việt-Nam ta ngày nay, cũng nên rộng để cho quốc-dân phụ-luận vậy.

Hai chữ "*đề-huề*", nghĩa là *dắt-díu*, tức như người nhớn cầm tay đứa bé mà dắt cho cùng đi (2). Bốn chữ "*Pháp-Việt đề-huề*" nghĩa là *Pháp-Việt hai nước dắt-díu nhau*, tức là người nước Đại-Pháp dắt người nước Việt-Nam mà cho cùng bước theo, để đi lên con đường văn-minh của thế-giới vạn quốc vậy. Vậy thời cứ như bốn chữ đó mà danh thực tương phỏ, giống dân An-nam ta chắc sẽ có ngày được theo cùng Đại-Pháp mà chen vai góp mặt với doanh-hoàn; cái khoái-lạc ở nơi đại-vũ-đài của thế-giới vạn quốc kia, con cháu Lạc-Hồng cũng sẽ được kiễng chân mà ngó mắt. Tưởng như thế thời cái chủ-nghĩa *Pháp-Việt đề-huề*, quốc-dân ta thật chỉ nên cứ tung hô vạn tuế vậy. Nay cứ cái danh-hiệu đó mà xét với sự-thực,

(1) Cũng có người hỏi rằng cái chủ-nghĩa đó không phải tự cụ Phan xướng lên; nay cứ các nhà xuất-bản đứng là tên cụ Phan, vậy nên bài xã-thuyết đây cũng nhận theo như thế. Nếu quả sự-tình không thực, sẽ xin thưa lại với Cụ.

(2) Ở kinh Lễ: 長者與之提携 *Trưởng-giả dữ chi đề huề*.

từ khi có Đại-Pháp sang bảo-hộ đến nay, các việc thiết-lộ học-đường, nghị-trường báo-quán, mở-mang cho dân ta cũng thực nhiều ; lại như du-học tòng-chinh, người An-nam ta sang Pháp cũng không ít. Như thế mà bảo rằng " không là Pháp Việt đề-huề ", tưởng người Pháp hẳn không công nhận ; bảo rằng " thật là Pháp Việt đề-huề ", tưởng người Việt ta cũng chưa hẳn đã công-nhận vậy. Cứ một sự chưa quyết đó mà nghĩ : quả đã là Pháp Việt đề-huề, thời không cần chi cụ Phan phải xướng luận mà ông Bùi-quang-Chiêu mong thực-hành ; quả chưa là Pháp Việt đề-huề, thời xướng-luận và thực-hành cái chủ-nghĩa đó, nên do ở người Pháp mà không nên do ở người Việt vậy. Vì là sao ? Hai chữ " *đề-huề* ", quyền ở người Pháp. Tự người Pháp mà xướng cái chủ-nghĩa đó, muốn thực-hành cái chủ-nghĩa đó thời là lượng nhân-từ, lòng quảng-đại đối với dân thuộc-địa ; tự người Việt mà xướng cái chủ-nghĩa đó, mong thực-hành cái chủ-nghĩa đó, nghĩ chẳng khó lắm ru ? Trong thiên *Pháp-Việt đề-huề* của cụ Phan-bội-Châu nói « người Pháp nên coi người Việt-Nam như anh-em mà không nên coi là nô lệ », ấy là đối với Chánh-phủ Pháp mà khuyên về hai chữ " *đề-huề* ". Trong nhời quảng-cáo báo *Tribune Indochinoise* của ông Bùi-quang-Chiêu in ở *Đông-Pháp-Thời-báo*, chủ-đích là " làm cho người Pháp người Nam cùng ở đất này, quyền lợi hưởng thụ, cùng cân bằng nhau ", ấy là hướng vào Chánh-phủ Pháp mà yêu-cầu hai chữ " *đề-huề* ". Nghĩ như ý-tưởng của hai vị vĩ-nhân hiện-thời của nước ta đó, mà tưởng kiến cái hung-hoài của các ngài ái quần ái quốc, đáng sùng bái là nhường bao! Tuy nhiên, phàm ngôn-luận hành-sự, quí ở có thực-hiệu. Nếu người Pháp nghe nhời cụ Phan-bội-Châu mà coi người An-nam như anh em, thời là nhời nói của cụ Phan có thực-hiệu ; nếu người Pháp không nghe nhời cụ Phan-bội-Châu mà chẳng coi người An-nam như anh em, thời cụ Phan nghĩ sao ? quốc-dân ta nghĩ sao ? Nếu người Pháp theo ý ông Bùi-quang-Chiêu mà để cho quyền-lợi ở đất này, người Pháp người Việt cùng cân bằng nhau, thời là ý-tưởng của ông Bùi có thực-hiệu ; nếu người Pháp không theo ý ông Bùi-quang-Chiêu mà bảo cho quyền-lợi người hai nước cứ là không bằng nhau, thời ông Bùi nghĩ sao ? quốc-dân ta nghĩ sao ? Cho nên cái chủ-nghĩa " *Pháp-Việt đề-huề* " rất là hạnh-phúc cho quốc-dân Việt-Nam mà tự người Việt-nam ta không nên xướng luận và mong tưởng thực-hành vậy.

Nay lại lấy Pháp Việt hai nước đối với nhau mà nghĩ : nước Pháp là một nước văn-minh chân-chính, rất có giá-trị thế-lực ở doanh-hoàn. Xem ở lịch-sử thời đại chánh-trị-gia như ông Mạnh-Đức-Tư-Cưu, đại triết-học-gia như ông Lư-Thoa, đại anh-hùng như ông Nã-Phá-Luân, đều là những vĩ-nhân trong thế-giới, có ảnh-ưởng đến toàn thế-giới. Xem ở hiện cục thời thuộc-địa nhượng-địa khắp các châu mà Đông-dương là một ; một cuộc Âu-châu đại-chiến, liên-lạc biết bao nước đồng-minh.

To nhớn thay! thật là nước Đại-Pháp vậy. Nước Nam ta, xem ở lịch-sử thời chánh-trị-gia là ai? triết-học-gia là ai? anh-hùng với thế-giới là ai? Xem ở hiện-cục thời còn được cái hân-hạnh nương-núp dưới ngọn cờ ba sắc, mà tam kỳ đồ-bản cũng góp tên trong cõi A-đông. Vẻ-vang cho nước Việt-Nam nhà! là một xứ thuộc-địa có giá-trị của nước Đại-Pháp vậy. Cứ sự so-sánh đó mà nghĩ, người Việt-nam ta thiết thân là người Pháp, có thể coi người Việt như anh em được chăng? Huống chi lại xem đến tư-cách người nước ta hiện nay, quan-trường thời tham ô, dân-gian thời ngu dại, danh bán-khai mà thực-tế hủ-bại, hình sĩ phu mà chân-tướng hạ-lưu (trừ ra có một số người rất ít). Như thế mà muốn cho người Pháp coi mình như anh em, nghĩ càng khó lắm vậy. Người Pháp đã khó thể coi người Việt như anh em thời cũng khó thể cho lợi-quyền bình-đẳng; vậy thời cái ý-nguyện của cụ Phan-bội-Châu và ông Bùi-quang-Chiêu mà mong chớ thoả-mãn, chẳng thực là khó quá lắm ru? Tất muốn thoả-mãn cái ý-nguyện của hai vị nhiệt-thành ái quốc đó, xin rãi bày ngu-kiến, phụ luận về cái chủ-nghĩa "*Pháp-Việt đề-huề*" *rằng:* nước Đại-Pháp sang bảo-hộ An-Nam, cứ hết lòng quảng-đại khai-hoá cho dân An-nam mà không lợi vi nước An-Nam, cho không thẹn với hai chữ *Đại-Pháp*. Dân An-nam ở dưới quyền bảo-hộ, cứ hết dạ trung thành với nhà nước Đại-Pháp mà không tự cam tâm làm nô lệ, mong được có quốc-dân tư-cách, cho không tủi với hai chữ *Lạc-Hồng*. Ấy tức là Pháp Việt đề-huề vậy. Một mai kia, trình-độ quốc-dân ta tiến lên, người Pháp mười mà người Việt ta được đến năm, người Pháp mười mà người Việt ta được đến bẩy, người Pháp mười mà người Việt ta được đến chín; khi đó thời Pháp Việt đề-huề, tinh càng hậu, ý càng thân, tự-nhiên càng sẽ biết nhau vậy. Trong kinh Thi có câu rằng: «自求多福 *tự cầu đa phúc*», cụ Phan-bội-Châu nghĩ chăng? ông Bùi-quang-Chiêu nghĩ chăng? quốc-dân ta nghĩ chăng?

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BÁO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo: 186 đường d'Espagne

Giá báo đồng niên 8 $ 00

— — nửa năm 5 00

Thư và Mandats gửi cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng lý

社會之家庭說

GIA-ĐÌNH

Đối với ý-kiến gia-đình của ông Tạ-quang-Cát

Nước ta mấy nghìn năm nay, tôn-giáo trong nước vẫn theo về đạo Khổng phu-tử; phàm những việc xử-kỷ tiếp-vật, tu-thân tề-gia, hết thảy lấy tiên-hiền cổ-triết làm gương, lấy truyện-nghĩa kinh-văn làm mực. Tuy rằng Khổng-giáo thật là rộng-rãi sâu xa, những chỗ tinh-vi, ít người hiểu thấu; nhưng nếu hấp-thụ được ít nhiều tao-phách, cũng đủ làm tư-cách một người vô-tội, vì cái đạo-giáo đó chính là một thứ giây rất giai bền, có thể giàng cầm được thế-đạo nhân-tâm, cho loài người khỏi sa đắm vào vòng đại-ác đại-tội. Giống người Á-đông sở-dĩ sinh-tồn được đến ngày nay, cũng có một phần nhờ ở cái đạo-giáo ấy.

Tới nay, thế-vận khác xưa, phong-trào đổi mới, mà tôn-giáo của Khổng phu-tử vẫn lan chàn khắp xứ Á đông, dầm-thấm trong óc người hoàng-chủng, các nước Âu-Mỹ cũng công-nhận phái tôn-giáo đó là trung-dung chính-đáng, thiết-hợp với loài người; đủ biết rằng ta theo đạo Khổng phu-tử cũng không phải là sự khờ dại sai nhầm vậy.

Trong Khổng-giáo, trọng nhất là luân lý; các luân-lý, bắt đầu từ gia-đình. Luân-lý gia-đình thế nào? trật tự người trên, người dưới có khác nhau, quyền-hạn người dưới người trên phải phân biệt, đó là một nhẽ. Xưa nay nhà nào đã gọi là có gia-phong tốt, gia pháp nghiêm, thì gia-đình đều theo cái khuôn-phép ấy cả.

Từ khi sóng Âu-châu chàn sang bờ cõi Việt-Nam, các phái xu-thời có nhiều người công-kích là luân-lý Khổng-giáo không thích-hợp với thời-cục, mà hỏi rằng không thích-hợp vì nhẽ gì, thì trong mười người có đến chín người đáp rằng "vì gia đình không được tự-do bình đẳng". Quả thế thực. Nếu theo như luân lý Khổng-giáo thời gia-đình phải có trật-tự, phải có lễ-ý, ngôi cha bao giờ cũng ở trên ngôi con, quyền con bao giờ cũng không bằng quyền cha; con bao giờ cũng phải coi cha như một ông vua ở trong nhà, mà lại phải tâm-phục là ông vua có giá-trị đủ tín ngưỡng, không như những vua các nước quân chủ gần nay. Cha dù có sai nhầm trái lẫn, con cũng chỉ được lấy nhời nhẽ mà can ngăn, chứ không được dùng lý-luật mà cách-mình. Như vậy, thực quả là không được bình-đẳng tự-do. Song ta phải biết rằng bốn chữ «tự-do, bình-đẳng» tuy cũng là cái thuyết rất hay, cũng là một vị thuốc chữa bệnh cho người nước ta bây giờ; nhưng mà nếu dùng về gia-đình thì rất dở. Tại làm sao? Là vì gia-đình là một đoàn-thể thiên-nhiên kết hợp, có người trên, có người dưới. Trên là ai? là cha mẹ; dưới là ai? là con cái. Ví như một thân người, cha mẹ là đầu óc mà con cái là đùi chân; ví như một nếp nhà, cha mẹ là dường nóc, mà con cái là nền tảng. Đầu óc tất phải ở trên đùi chân, dường nóc tất phải ở trên nền tảng thì người mới ra người, nhà mới ra nhà, đó là cái đẳng-cấp tự-nhiên, con Tạo đã xếp đặt sẵn-sàng như thế, không có thể viện nhẽ gì mà đảo-điên thay đổi cho được. Nay gia-đình cũng muốn tự-do, cha con cũng muốn bình-đẳng thì khác gì chân ngang với đầu, tảng ngang với nóc, có nhẽ thế chăng? tất không vậy.

Ông Tạ-quang-Cát vì thủa trước đối với con có một chút ngộ-điểm, khiến cho gia-đình của ông đương sầm-uất mà hoá ra một cảnh tiêu-điều, đương vui-vẻ mà hoá ra một cuộc buồn-bã. Ông mới viết bài đăng ở mục *Gia-đình* của An nam tạp-chí kỳ trước. Bài văn ấy, chủ-ý ông là muốn để sám-hối cùng các người con quá-khứ và lưu-lạc của ông, và lại muốn đem những cái ngộ-điểm của ông để làm gương mà nhắn khuyên những nhà có con trong đời nay không nên áp-chế con vậy. Văn ông viết, nhời nhẽ rất làm-ly, ý tứ rất thê-thảm; ai có tâm-huyết xem đến cũng phải động lòng, ngay luận-giả lúc đọc bài văn ấy, cũng có chút tình chủ trương cho ông. Tuy vậy, ông vì nóng-nảy về sự hối-quá, bồn-chồn vì sự thương con, đau xót cho cảnh gia đình mà viết ra văn, cho nên trong văn có nhiều câu ức-dương thái-quá, nói được một bên mà bỏ sót một bên, khiến cho luận-giả không thể vì sự ấy-nảy cho ông mà nín di không nói. Nói cho phải ra, bài ấy nếu là bài sám-hối thì đúng văn-pháp; nếu muốn đem cái ý-tưởng ấy mà khuyến giới những người có con thì chưa đủ là định-bình. Nay xin trích một vài câu mà bàn lại như dưới:

Ông Tạ tự hỏi rằng: « *Con có nợ cha mẹ không?* » — Ông lại tự đáp rằng: « *Cù-lao dưỡng-dục là cái lụy chung của loài người, chứ không phải là cái lụy riêng của cha mẹ đối với con.* » Cứ như ý câu ấy thời hình như ông Tạ cho là con không phải nợ ơn cha mẹ. Ôi! chín tháng cưu mang, ba năm cơm sữa, công lao của cha mẹ đối với con cái biết là nhường bao. Tấm thân con nhờ cha mẹ mà được nên người, thì xuốt đời con tức là một món cho vay của cha mẹ. Nếu bảo rằng sinh con nuôi con là chức-phận của cha mẹ, sự sinh nuôi đó là cái lụy chung, cũng như Tạo-hóa sinh ra loài người; vậy thử hỏi thế-gian từ xưa đến nay, có ai được người ngoài phù-trì âu-yếm như cha mẹ yêu con hay không? có ai nhờ cậy vào người khác máu khác mủ được như con nhờ cậy vào cha mẹ hay không? Chắc ai cũng giả nhời là không. Thế thì câu vấn đáp của ông Tạ thật là vô-tình quá. Nếu có kẻ sẵn lòng vong-ân bội-nghĩa nghe thấy câu ấy mà ngộ-nhận làm một nhời xác-luận, mà coi công cha đức mẹ nhạt như nước lã, nhẹ như lông chim, thì hại cho phong-hóa biết chừng nào!

Ông Tạ lại tự hỏi rằng: « *Cha mẹ có thể cậy vào mấy chữ cù lao dưỡng-dục mà áp chế con không?* » Ông lại tự giải một đoạn rất giài, đại-ý hình như ông cho sự cha mẹ áp-chế con là không chánh-đáng, là ngược đãi con. Xem như câu: « *Cha mẹ có thể nhắm mắt cậy vào mấy chữ "công cha như núi Thái-sơn, công mẹ như nước trong nguồn chảy ra" mà bắt con chết con phải chết, để con sống con được sống, v... v...* » của ông, thì đủ biết ý ông đó. Nếu quả thế thì thật là nhầm. Cha mẹ vì nhiều tuổi hơn con, lịch-duyệt hơn con, cho nên phải dùng sự áp-chế mà giậy con, chứ có phải cậy vào mấy chữ "cù-lao dưỡng-dục" mà áp-chế con đâu? Vả lại sự áp-chế đó có phải như những người cường-quyền áp-chế kẻ hèn yếu không? có phải vì ghét con mà áp-chế không? có phải vì thù con mà áp-chế không? Không phải. Cha mẹ áp chế con, là áp chế một cách êm đềm, vì thương con, muốn cho con làm được việc hay, cho nên phải áp-chế; vì yêu con, muốn cho con chừa những điều sằng, cho nên phải áp-chế. Cha mẹ dù có sai nhầm mà áp chế những sự vô-lý chăng nữa, dù có già lẫn mà áp-chế đến quá độ chăng nữa, ta cũng có thể chắc rằng đều do ở lòng nhân-từ mà ra: vì rằng từ xưa đến nay, trừ những người có bịnh điên cuồng và những người có con gian-ác thì chưa thấy cha mẹ nào đang tay giết con bao giờ. Vậy thì những người con bị áp-chế đó, nếu là người hay, dẫu áp-chế đến thế nào, cũng

ó thể tìm cách kêu van, liệu nhời khuyên giải, có lo gì cha mẹ không hồi tâm. Xem như vua Ngu-Thuấn với ông Cổ-Tẩu (1), ông Mẫn-tử với bà kế-mẫu (2), thì đủ biết. Nếu người con bị áp-chế đó mà là người ngao-du mạnh-lãng, thì sự áp-chế của cha mẹ chính là xứng-đáng bổn-phận, còn nên oán-hận nỗi gì. Như thế thì ai bảo cha mẹ áp-chế con là không chánh-đáng, là ngược-đãi con, thật là không phải lắm.

Ông Tạ lại nói rằng: « *Ta mong rằng sẽ có một đạo luật để hạn-định quyền cha mẹ đối với con, bắt con phải dành cho cha mẹ 20°/₀ tiền lương của mình.* » Cái ý-tưởng ấy thật là vu-vơ lắm. Gia-đình không phải là nơi tứ-chiếng, cha con không phải như khách qua đường, cách ăn ở chỉ trọng tình nghĩa, mà không trọng ở lý sự, chỉ cần có luật lương-tâm mà không cần đến luật hiến-pháp. Nếu đã có lương-tâm thì dẫu chẳng đặt quyền-hạn mà cha mẹ vẫn thương yêu con; chẳng bắt để dành tiền lương mà con vẫn vui lòng phụng-dưỡng cha mẹ. Nếu không có lương-tâm mà phải dùng đến luật-pháp thì dẫu cha mẹ có thương con, cũng là sự miễn-cưỡng; con có phụng-dưỡng cha mẹ, cũng không phải sự chân-thành. Gia-đình như thế, còn có ra sao. Vả lại, nếu có luật hạn quyền cha mẹ đối với con mà cha mẹ cứ quá quyền-hạn, thì con có thể đem cha mẹ lên tòa án mà kiện được chăng ? Nếu có luật bắt con phải dành lương cho cha mẹ, mà con cứ không để dành, thì cha mẹ có thể đem con đến cửa quan mà thưa được chăng ? Như vậy thì dẫu đặt ra luật-lệ, chỉ thêm hại cho ân nghĩa, mà cũng không được ích gì.

Ông Tạ lại nói rằng : « *Khi con giai con gái đã ngoài 23 tuổi thì cha mẹ không có quyền hạn-định gì con nữa ; dù cha mẹ với con cùng ở chung một nhà, cũng nên cho tự-do* ». Câu ấy không những làm hư cho kẻ làm con, mà chức-phận cha mẹ cũng không nên chiều con nuông con đến quá độ như thế. Con mà hay thì cha mẹ cho tự-do cũng không hại gì ; con mà hư, cha mẹ cũng có quyền hạn-định mới là nhẽ phải ; con làm việc hay, cha mẹ cho tự-do cũng là thường-tình; con làm việc dở, cha mẹ cũng cho tự-do được sao ? Nói cho quá ra, con làm việc đốt nhà lấy của, cha mẹ cũng cho tự-do được sao? con làm việc buôn dân bán nước, cha mẹ cũng cho tự-do được sao ? Phàm những việc đó ; nếu cha mẹ cũng cho tự-do, thì kẻ hạ-thủ kia cố-nhiên là tội thủ-phạm, mà người dong túng đó cũng không chối được cái lỗi không biết giới-chấp. Như vậy thì cái ý " cho con tự-do " của ông Tạ cũng chưa phải tận-thiện.

Ông Tạ lại nói rằng: «*Con mình nó có cầu mình cho nó ra đâu, chỉ là tự mình cầu cho nó ra*». Câu đó thực là một câu thô-tục, mà lại thương luân bại lý, khiến cho các độc-giả không thể đọc được hết câu ; luận-giả nhắc lại ra đây cũng là vạn-bất-đắc-dĩ. Xin hỏi ông rằng : cái ý-niệm đó, nó phát sinh ở trong bụng ông từ bao giờ ? từ khi ông đã có những người con quá-khứ, hay là từ khi ông còn tựa nương dưới gối, hầu hạ song thân ? nếu cái ý-niệm đó mà phát sinh ở trong bụng ông từ khi ông còn tựa nương dưới gối, hầu hạ song thân, thì luận-giả cũng không cần bàn ; nhưng nếu mới phát sinh ở trong bụng ông, từ khi ông có những người con quá-khứ, thì có nhẽ bụng ông chia làm hai đoạn, trước sau phản đối với nhau. Tuy rằng ông nói, ông cũng giữ có một phần hơi phải, nhưng sợ những kẻ bất-nhân bất-hiếu lại lấy ông làm bung-

(1) Ông Thuấn, mẹ mất sớm, cha là ông Cổ-Tẩu nghe nhời mẹ con người vợ kế, đãi ông Thuấn rất ác-nghiệt. Nhưng ông vẫn cứ một lòng kính sợ không dám cưỡng lại, về sau ông Cổ-Tẩu cũng phải vui-vẻ với ông Thuấn.

(2) Ông Mẫn-Tổn bị bà dì-ghẻ thù ghét, chỉ cho ăn mặc những quần áo rách - rưới, bắt làm những việc khó nhọc, mà cho con riêng được sung-xướng. Người cha biết truyện, muốn bỏ người dì ghẻ ấy. Ông Mẫn-Tổn can rằng: « Dì ở chỉ có một con rét, mà dì đi thì ba con bồ-côi.» Cha lấy làm phải. Người dì ghẻ được khỏi bị đuổi, nghe thấy truyện đó, lấy làm cảm-phục Mẫn-Tổn, từ đó đãi ông cũng không khác gì con riêng của mình, thành ra người mẹ hiền.

xung, vin câu nói của ông làm khẩu-thực, thì hại cho nhân-đạo chẳng ít vậy.

Ông Tạ lại nói rằng: « *Đã để ý dò xét xem các gia-đình có thế không (có như gia-đình của ông không), non một năm xem xét, thì nhỡn-tiền trông thấy nhà này cha mẹ oán-thán là con theo luật tây, tự-do bình-đẳng, hay trái quyền cha mẹ v. v.* »

Trong mấy câu đó hình như ông cho rằng con theo luật tây mà cha mẹ oán-thán, là cha mẹ không phải; hình như ông lấy sự con muốn tự-do bình-đẳng, trái quyền cha mẹ là hợp nhẽ. Nếu có phải ý ông như thế thì thực là nhầm. Luận-giả xin nhắc lại rằng: cái nghĩa tự-do bình-đẳng, chỉ nên dùng để đối với cường-quyền mà không nên dùng để đối với cha mẹ. Cái nhẽ cha con phải phân biệt trên dưới, và cái nghĩa con phải theo nhời cha mẹ, chính là công-lệ của giời đất an-bài, mà người ta sở-dĩ hơn được chim muông, cũng vì giữ được nhẽ đó, theo được lệ đó. Nếu con với cha mẹ mà cũng tự-do bình-đẳng, thì khác gì cái họ nhà tôm, khác gì một đàn cá mè? Hơn chim muông chăng, chẳng qua câu nói tiếng cười, manh quần tấm áo mà thôi. Thế thì những người oán thán vì con muốn bình-đẳng đó, cũng khổ-tâm lắm, chứ có phải là sự trái nhầm đâu?

Ta lại nên biết rằng: luật-lệ chỉ có thể dùng để xử-trí việc kiện tụng, đối đãi kẻ thù hằn; nếu đối với cha mẹ mà cũng dùng luật, thì dã-man lắm. Huống chi luật ta chưa đủ cãi, lại muốn dùng đến luật tây, thì thương-tâm biết dường nào! Ngay như người tây tưởng cũng chưa mấy kẻ nghiện luật đến như thế, mà có đến thế chăng nữa, cũng là những kẻ tội-ác không đủ kể chi. Ta sinh trưởng ở Á-châu, sẵn có nền luân-lý của đạo Khổng-phu-tử; nếu cứ theo đó mà cư xử, tưởng cũng đủ duy-trì phong hóa, để tạo gia-đình, can chi phải vơ vét cái sáo bã văn-minh của người Thái-tây để làm cái tinh-túy của mình? Thậm chí vin luật tây mà để làm cớ tự-do bình-đẳng, trái quyền cha mẹ, thì thật đáng giận đáng bỉ, huống chi còn đáng bênh-vực nữa ru!

Ấy đại-ý trong bài văn của ông Tạ, phần nhiều là thiên-trọng như thế, quá đáng như thế, như thế có thể gọi là định-bình được chăng? Ôi, sự phát ngôn lập luận tuy là để tỏ cái ý-kiến của mình, nhưng mà phàm muốn bàn luận về sự gì có dan-díu đến hai phương-diện, thì trước khi hạ bút, ta phải cân nhắc xem rằng nâng phương-diện này có lụy gì đến phương-diện kia không; bênh phương-diện kia, có hại gì cho phương-diện này không, hễ có suy xét như thế thì khi phát luận mới được trung chính vô-tệ. Nay ông Tạ bàn về vấn-đề cha con mà lại quá trọng về phần người con, e rằng đương buổi luân thường đảo ngược, phong hóa trôi nghiêng, lòng người đương khi mê hoặc, nếu có kẻ vì nhời nói của ông mà lạc lối nhầm đường, vin nhời nói của ông mà cậy mình lên mặt với cha mẹ, thì cái lỗi đó biết về ai? Ngày xưa, ông Khuông-Chương chỉ vì can cha, thành ra cha con xa nhau, mà người trong nước đều cho là bất-hiếu; ông Mạnh-tử vì bênh ông Khuông-Chương, xướng ra câu nói: «Cha con không nên ép nhau lấy điều phải, nếu ép nhau lấy điều phải thì lìa nhau». Thế mà tiên-nho cũng có người bẻ rằng: « Nhời nói quá-đáng, có thể bảo được người cha, mà không bảo được người con». Huống chi nhời ông Tạ so với nhời nói của ông Mạnh thì quá-đáng gấp mấy nghìn lần!

Tuy vậy, ta cứ bình-tình mà xét, thì ý ông Tạ tuy không nên theo, mà tình ông Tạ thực cũng nên lượng. Luận-giả đã nói rằng ông vì nóng-nẩy về sự hối quá, bồn-chồn vì sự thương con, đau sót về cảnh gia-đình mà viết bài ấy, thì đủ biết những câu quá-khích đó cũng không phải là bản-tâm của ông. Độc-giả chúng ta cũng không nên nệ nhời văn đó mà trách-bị ông vậy.

NGÔ-TẤT-TỐ

常識之部

THƯỜNG-THỨC

Việc Pháp-luật

Cách-thức tố-tụng thuộc về dân-sự, thương-sự, theo luật mới đương thi-hành tại xứ Bắc-kỳ

Cách đòi gọi người đương-sự và thể-lệ giải-hòa ở trước nha-môn — Khi quan Thẩm-phán tiếp được đơn khởi-kiện thời lập-tức xem đơn, nếu đơn không đủ cách-thức thì cho đòi người đương-sự ra hiểu-thị phải làm lại cho đúng, nếu đơn mà đủ cách-thức thời phê-duyệt và đăng ký vào sổ, rồi định ngày cho đòi cả lưỡng-ban (bên nguyên và bên bị) lên, rồi được tự-tiện đem việc ấy ra thử tiên-tương hòa-giải. Trát đòi của các quan Thẩm-phán sẽ giao cho Thừa-phát-lại hoặc Tổng-lý Chức-dịch các làng annam kiêm chức Thừa-phát-lại để chuyển-đạt cho người đương-sự; người đương-sự tiếp được trát quan Thẩm-phán đòi thì phải tuân theo lời trát, đúng ngày giờ đến hầu trước mặt quan Thẩm-phán đã có phát trát đòi mình. Tòa án đã có trát đòi mà không đến hầu thì người nguyên-cáo và các người làm chứng phải bị phạt bạc, mà người bị-cáo thì phải bị xử khuyết-tịch (vắng mặt). Vì lẽ ấy, trong trát đòi về phần người nguyên-cáo và các người làm chứng, phải biên rằng «không có cớ gì hợp lẽ mà không đến hầu, thì sẽ bị nghĩ-xử phạt bạc»; về phần người bị-cáo thì biên rằng «nếu không có cớ gì hợp lẽ mà không đến hầu thì có thể bị xử khuyết-tịch». Biên như thế là cốt để cho các người đương-sự được hiểu biết rằng: sự không đến hầu làm cho phiền sự xét-hỏi và lại có phương-ngại đến sự thỉnh-cầu của mình nữa.

Cứ lệ ra thì từ ngày phát trát đòi cho đến ngày phiên tòa, phải cách nhau ít nhất là tám ngày; song quan Thẩm-phán được tùy-tiện chiếu theo đường đất đi xa hay gần, đường giao-thông thuận-tiện hay cách-trở thế nào mà ra thêm một kỳ-hạn dài hơn, nhưng không khi nào được quá 15 ngày. Những người bị đòi thẳng, hoặc đi đâu xa ở ngoài địa hạt bản-tỉnh thì, sự chuyển-đạt còn nhiều nỗi khó-khăn, nhiều nỗi ngăn trở, không thể hạn-chế được; gặp trường-hợp như thế thì quan Thẩm-phán được tùy ý mà định-liệu. Nếu gặp lúc cần kíp thì quan Thẩm-phán lại có thể lấy đặc-lệnh mà đòi gọi trong hạn rất ngắn, chứ không phải câu-nệ như trên. Phàm những trát đòi, bên nguyên bên bị phải mỗi bên một bản sao. Nếu một người thì một bản chính, một bản sao; nếu hai ba người, hoặc mươi mười lăm người, mà cùng ở trong một hạt thì cũng chỉ phải có một bản chính, nhưng phải mỗi người một bản sao; nếu ở rải-rác riêng từng hạt một, thì phải làm riêng mỗi hạt một bản chính, còn bản sao thì cứ tính đầu người, bao nhiêu người thì bấy nhiêu bản sao. Các bản sao thì giao cho các người đương-sự mỗi người một bản, còn những bản chính thì lấy chữ ký-nhận của các người đương-sự, rồi chuyển-đệ về trả lại chỗ nha-môn nào đã khởi trát đòi, để đính vào hồ-sơ việc kiện ấy. Người nguyên cáo đã đầu đơn khởi-kiện mà khi quan Thẩm-phán có trát đòi làm hòa-giải, hoặc xét-xử mà không tuân lệ đến hầu thì sẽ do quan Thẩm-phán làm biên-bản nghĩ-xử, phạt 3 đồng bạc sung công. Sự nghĩ-xử ấy không được kháng-cáo, như là các việc nghĩ-xử khác. Gặp khi nào như thế mà nếu người bị-cáo có đến hầu thì được tha không phải bị xét hỏi những can-khoản nói ở trong đơn khởi-kiện của

người nguyên-cáo. Khi nào có người nguyên-cáo bị phạt bạc như thế thì quan Thẩm-phán sẽ ban trích-lục án-văn, rồi chiếu theo cách trát sức mà truyền tống-đạt cho người đương-sự vắng mặt biết. Lại gửi riêng một bản trích-lục nữa cho sở trước-bạ để chấp-hành. Sở trước-bạ nhận được trích-lục, sẽ sức bắt người can-phạt, phải nộp số bạc phạt, rồi phát giấy biên-nhận để làm chứng. Người nguyên-đơn can-phạt phải có cái giấy biên nhận ấy, mới được phép xin tòa lại làm hòa-giải hoặc xét-xử. Nếu không có giấy trình ra thì tòa không cho vào hầu kiện về khoản đã nói ở trong nguyên-đơn. Nếu có cái giấy ấy trình ra, tòa lại cho đòi cả lưỡng ban đến, tiên-tương hòa-giải hay xét-xử; mà người bên nguyên-đơn lại không đến hầu lần nữa, thì từ đó mãi mãi về sau, tòa thôi hạn không xét đến việc ấy nữa. Bên bị-cáo được miễn hẳn sự đòi-hỏi, mà bên nguyên-đơn thì lại còn phải chịu các tiền phí-tổn sẩy ra về việc ấy nữa; hoặc khoản bồi-thường về sự thiệt-hại, về đường danh-giá mà bên bị-cáo có khiếu-nại thỉnh-cầu thì bên nguyên-đơn cũng phải chịu cả. Trong khi quan Thẩm-phán làm hòa-giải thì hai bên nguyên bị phải thân-hành đến hầu, hoặc ủy người thân-nhân tộc-thuộc thay mặt cũng được. Bên nguyên được phép bày tỏ những sự thỉnh-cầu của mình, bên bị được phép chống-cãi mọi lẽ. Quan Thẩm-phán lựa ý hai bên, hiểu-thị cho hai bên nghe, rồi giản-xếp một cách đích-đáng để cho hai bên thuận-tòng. Nếu hai bên nghe theo thì là việc giải-hòa xong, giải-hòa xong thì lập tức làm biên-bản, rồi quan Thẩm-phán, viên Lục-sự cùng cả hai bên đều ký tên làm bằng. Nếu làm giải-hòa không xong, nghĩa là hai bên không chịu nghe lời giản-xếp của quan Thẩm-phán, thì quan Thẩm-phán phải biên-chú sự ấy vào trong nguyên-đơn, hoặc cũng làm biên-bản riêng, y theo kiểu-mẫu biên-bản giải-hòa, nói rõ sự không thể giải-hòa được. Những biên-bản ấy sẽ đính vào hồ-sơ, việc kiện hòa-giải xong thì sẽ đình-cứu, nếu không xong thì lấy các khẩu cung chứng-tá, rồi tùy theo thẩm-quyền đem ra trước mặt nha-môn để xét-xử.

Làm chứng. — Người làm chứng nào, tòa án đã đòi đến mà không đến hầu, không viện được lẽ gì đích-đáng thì tòa có quyền xử phạt giam từ một ngày đến năm ngày, và phạt bạc từ một đồng đến năm đồng, hoặc hai thứ chỉ phạt một thứ mà thôi. Nhưng mà người làm chứng ấy sau có đến hầu, viện được lẽ gì đích-đáng, và lại sự đến hầu sau ấy có bổ ích cho sự thẩm-cứu thì cũng có thể được khoan-miễn tội phạt. Về khoản phạt giam thì chỉ trừ án-nghĩ ở tòa Thượng-thẩm không được kháng-cáo, còn ở các tòa dưới thì người bị can-phạt đều được phép xin kháng-cáo.

Kháng-án. — Trước khi nói đến thể-lệ việc kháng-án tưởng cũng nên nhắc qua đến những cách dựng án ở các nha-môn.

Kết án có hai thứ: án đương-tịch và án khuyết-tịch. Khi có mặt cả hai bên nguyên bị thì tòa làm án đương-tịch. Nếu trước đã đến hầu một lần mà tòa lại hoãn đến kỳ khác, đến kỳ ấy tòa đem ra xét-xử mà ngẫu-nhiên có người nguyên cáo hoặc người bị-cáo, hay là người thay mặt không đến hầu thì tòa vẫn làm án đương-tịch. Nếu hai người hay là nhiều người bị-cáo đã bị đòi gọi mà chỉ có một người đến hầu mà thôi, còn những người khác không đến hầu, hoặc không ủy người thay mặt thì quan Thẩm-phán chứng nhận rằng những người ấy không đến hầu, rồi lại ra lệnh đòi gọi một lần nữa. Người bị-cáo đến hầu lần trước chỉ nghe lời truyền của quan Thẩm-phán định hoãn đến ngày nào, thì cứ y đúng ngày ấy mà đến hầu, tòa không cần phải có trát đòi nữa. Đến phiên tòa sau, bất cứ là có mấy người không đến hầu mặc lòng, tòa cứ đương-đường kết nghĩ là án đương-tịch. Nếu một người bị-cáo đã bị đòi gọi đúng phép mà không đến hầu, hoặc nhiều người bị-cáo đã bị đòi gọi mà không có một người nào đến hầu, thì tòa cứ chiếu sự thỉnh-cầu ở trong nguyên-đơn mà làm án khuyết-tịch. Người bị-cáo đã bị xử

khuyết-tịch thì từ khi biết có án cho đến ngày thứ hai mươi, sau ngày tống-đạt án-văn, có thể xin kháng-án về án khuyết-tịch.

Kháng-án thì do người bị-cáo khai trình, hoặc khai miệng, hoặc khai giấy với quan Thẩm-phán ở tòa Nguyên-thẩm. Khai trình phải kể rõ họ tên, chức-nghiệp, sinh-quán, chú-quán của người bị-cáo, kể rõ ngày kết án, án kết-nghĩ thế nào và chủ-ý kháng-án của người bị-cáo. Khi có người kháng-cáo thì viên Lục-sự phải đăng-ký ngay vào sổ của phòng mình, bất cứ việc thế nào cũng phải đăng vào sổ cho hợp-thức, không được suy-nụy và bẻ-bác điều gì, vì rằng sự thụ-lý hay không, hiệu-lực thế nào, là tùy quyền ở tòa án thẩm-định, chứ không can-thiệp gì đến công việc của phòng lục-sự. Viên Lục-sự đã đăng vào sổ rồi thì phát luôn ngay cho người đương-sự một bản giấy biên-nhận về việc kháng-án. Trong giấy lại biên rằng: phải đem trình ngay cho Thừa-phát-lại biết để tiện đình-hoãn sự thi-hành nguyên-án. Nếu nguyên-án đã sức thi-hành rồi, hay là đã cấp bản trích-lục trong có chữ quan Chánh-án phê chuẩn cho chấp-hành, thì viên Lục-sự phải lập-tức thông-tư ngay việc kháng-cáo cho Thừa-phát-lại biết. Người bị-cáo nào khi trước đã bị đòi gọi mà chính mình đã tiếp nhận được trát-sức, thì khi kháng-án phải ký 3 đồng bạc vào phòng lục-sự để dự làm bạc phạt, và lĩnh biên-lai của Lục-sự đem trình ra, thì sự kháng-cáo mới được thụ-lý. Nếu về sau, người kháng-cáo thua kiện, hoặc có tình-lý gì không-hợp, hoặc có khoản gì thuộc về hình-thức không được thụ-lý thì người kháng-cáo sẽ bị mất số tiền dự-ký ấy để sung vào công-khố. Nếu người kháng-cáo được kiện thì lại được xin lấy số tiền dự-ký ấy ra, chứ không mất.

Phàm những án khuyết-tịch kết-xử với người bị-cáo trong khi vắng mặt mà hết hạn 6 tháng, kể bắt đầu từ ngày tuyên-án không chấp-hành theo phép tịch-biên hay là theo phép giam-câu thân-thể, thì án ấy cho là quá hạn, nghĩa là vô-hiệu, hoặc coi như là không có vậy. Nhưng mà khi nào có người bị-cáo đã theo cách kháng-tố để chống cái án ấy hay là vì cớ gì trở-ngại hợp luật thì không thể. Người nguyên-cáo đã để quá hạn mất quyền chấp-hành rồi, sau lại có đơn khởi kiện về việc ấy, thì tòa kết-nghĩ án mới cùng một kết-quả như án cũ đã xử, mà không y hạn chấp-hành, lại để quá hạn như lần trước, thì người nguyên-cáo ấy đối với người bị-cáo ấy sẽ mất hạn quyền tố-tụng thuộc về việc ấy mãi mãi về sau, và lại có thể bị xử phải bồi-thường các khoản tiền tổn-hại cho người bị-cáo nữa.

Kháng-cáo về tòa Thượng-thẩm. — Những án mà các tòa Đệ-nhị-cấp xử về Sơ-thẩm thì có thể xin kháng-cáo được. Sự kháng-cáo có nên thụ-lý hay không và hiệu-lực thế nào, thì sẽ do tòa Thượng-thẩm thuộc về phòng thứ nhì có quyền xét-xử. Sự kháng-cáo về tòa Thượng-thẩm cũng lược giống như sự kháng-án thông-thường đã nói ở trên, chỉ khác một điều là phải kháng-cáo trong hạn 15 ngày mà dự-ký số tiền phạt là 5 đồng bạc. Hạn kháng-cáo thì tính theo cách như sau này: 1°—Thuộc về án đương-tịch mà khi kết án có mặt người đương-sự thì kể bắt đầu từ ngày tuyên án. 2°-Thuộc về án đương-tịch mà khi kết án vắng mặt người đương-sự thì kể bắt đầu từ ngày tống-đạt án-văn. 3°—Thuộc về án khuyết-tịch mà có một người hay nhiều người bị-cáo vắng mặt thì kể bắt đầu từ ngày mãn hạn kháng-cáo.

Còn số tiền dự-ký bạc phạt thì phải nộp tại phòng lục-sự tòa Đệ-nhị-cấp hoặc tòa Thượng-thẩm cũng được. Viên Lục-sự nhận số bạc phạt dự-ký rồi phải cấp ngay giấy biên-lai cho người đương-sự nhận giữ làm sự dự-ký; hoặc có hoặc không, viên Lục-sự cũng phải biên-chú vào bản sao tờ khai kháng-cáo đã đính vào hồ-sơ. Hạn nộp dự-ký bạc phạt thì tùy quan Thẩm-phán định liệu. Nếu quan Thẩm-phán đã truyền cho người đương-sự biết kỳ-hạn dự-ký bạc phạt mà người đương-sự đã quá hạn không nộp, thì tòa sẽ truyền không thụ-lý sự kháng-cáo ấy nữa.

Nếu sự kháng-cáo bị tòa Thượng-thẩm bác không thụ-lý thuộc về hình-thức, hay là truyền không hợp tình-ý, thì người kháng-cáo sẽ bị xử-tịch một số bạc dự-ký 5 đồng, sung vào công-khố, và nếu xét ra có cần thì lại phải bồi-thường cho bên đối-thủ nữa. Nếu sự kháng-cáo được thắng, nghĩa là được kiện, thì số bạc dự-ký sẽ trả lại cho người kháng-cáo.

Ở trước tòa Thượng-thẩm, các người đương-sự cũng được phép viện-dẫn chứng tá và trình ra những giấy má sổ sách có can-hệ đến sự thẩm-cứu và bầy tỏ các lời lẽ chống-cãi cùng thỉnh-cầu của mình, các người đương-sự được phép tùy-tiện thuê Biện-hộ Trạng-sư chống cãi cho mình, và thay mặt giãi bầy những điều uẩn-khúc, những sự thiết-thực, những lẽ phải trái mà mình muốn nói.

(Sẽ tiếp theo)

Sơn-Xá LÊ-KHẮC-HOA

Phụ dịch bài " Nên giảng cầu pháp-luật" của Lương-khải-Siêu tiên-sinh

(Trích ở trong bộ Ẩm-băng văn-tập)

Pháp-luật cốt để làm gì ? Cốt để giữ-gìn trong quần-thể cho có khuôn-phép trật-tự vậy. Phàm vật gì sinh ra đã bẩm-thụ có khí-huyết, thì tất phải có quần-thể, trong mỗi một quần-thể tất phải có điều-khoản cách-thức riêng nhau, mà quần-thể nào có trí khôn hơn cả, có sức-lực mạnh-mẽ hơn cả, thì điều khoản cách-thức lại càng nhiều hơn cả.

Bất-nhân đến loài beo loài hùm là cùng, mà chưa hề thấy có con nào đã ăn thịt lẫn nhau, chắc rằng ở trong quần-thể của chúng đã có công-nhiên đặt ra cái hiệu-lịnh ấy, cấm không con nào được xâm-phạm đến ; vì chúng sợ rằng nếu ăn thịt lẫn nhau, thì tội sẽ xảy ra cái bất-lợi to cho quần-thể của chúng-vậy. Cái nhẽ ấy rất dễ-dàng nông-nổi, mà rút-cục thì pháp-luật của thiên-hạ từ xưa đến nay, từ nay về sau, chẳng qua cũng ở trong cái nhẽ ấy mà ra cả.

Quần-thể nào mà điều-khoản cách-thức phân-minh hơn, gìn-giữ được một cách chắc-chắn hơn, thì giòng-giống càng mạnh hơn, quyền-thế càng to hơn. Người mà hơn được loài cầm thú, nước văn-minh hơn được nước dã-man, cũng là do ở lẽ ấy.

Ngày xưa những bực có danh-tiếng là thần-thánh giáo-chủ, là vua khôn tướng giỏi, cặm-cụi với dân, lo-toan với nước, sự-nghiệp to-tát nhất, chẳng qua chỉ ở tại một sự đặt ra luật-pháp cho dân mà thôi. Ông Khổng-tử là một bực thánh thiêng-liêng mà đời sau khen công-đức to-tát nhất là việc làm ra bộ Xuân-thu. Bộ Xuân-thu là một bộ pháp-luật, luật-văn kể hàng mấy vạn, luật-ý kể hàng mấy nghìn, nào là pháp-luật để trị đời loạn, nào là pháp luật để trị đời thăng-bình, nào là pháp-luật để trị đời thái-bình ; xem đó thì đủ tỏ ra rằng pháp-luật cần phải thay đổi theo cách tiến-hóa của nhân-loại vậy. Từ đời Tần, Hán về sau, phép học không được như cũ, chủng tộc càng ngày càng nhiều, mà pháp-luật thì càng ngày càng rút bớt đi, không đủ để ước-thúc người ta ; lại còn một nỗi nữa là sự-lý ngày một thay đổi, mà pháp-luật thì cứ một mực y-nguyên ; thành ra không lấy gì làm chốt, nên khinh thường pháp-luật như không, thế thì điều khoản cách-thức còn có ra gì nữa.

Ở bên Thái-tây, việc học pháp-luật bắt đầu từ Hi-Lạp, La-mã, các nhà làm luật thay đổi nhau xuất-hiện rất nhiều ; độ chừng một trăm năm nay, cái phong-trào pháp-luật lại càng thịnh, thành ra mấy mươi bác thư-sinh làm luật giữ mực thị phi cho cả thiên-hạ, khiến cho mấy mươi trăm ông vua bạo-ngược phải khuất mình noi theo ở dưới khuôn-phép, không dám tự ý làm càn ; mà đến suốt cả trong một nước, từ vua chí dân, kể trên người dưới, quyền-hạn rất là phân-minh ; nào là việc từng bộ, việc từng nhà, việc hàng-tỉnh, việc dự nghĩ, việc thi-hành, cái chương-trình càng ngày càng nghiêm-ngặt, làm cho thế-giới càng ngày càng tiến lên cõi văn-minh

đại-đồng, Công-cuộc thật là nhân-đức to tát lắm thay!

Trong bộ Xuân-thu chép những tiếng sung-bô rất có ý-tứ : nước nào có lễ nghĩa thì gọi là trung-quốc, nước nào không có lễ nghĩa thì gọi là rợ mọi. Lễ tức là công-lý mà nghĩa tức là quyền-hạn vậy. Nước ta bốn vạn con người toàn là những người không hiểu công-lý, không biết quyền-hạn, thế mà ở lẫn với người bên Thái-tây, thì dẫu mình có thành vững hào sâu, quân đội mạnh, lương-thực nhiều đến đâu, cũng là tất nguy. Quốc-thế của mình như thế, nhân-tâm phong-tục của mình như thế, mà còn dám nghênh-ngang lên mặt, tự đặt mình vào cái địa-vị Trung-quốc, coi ai cũng là mọi-rợ, chẳng trách mà người Tây cười được mình là nước dã-man, họ cho là ở trong khoảng trời đất, không-khí nào lại có dung những hạng người như thế ; cho nên ở vào đời này mà không hiểu biết pháp-luật thì không tài nào mà sinh-tồn được.

Xem ra sự tiến-hóa ở trên thế-giới không có cùng-cực bao giờ. Đem Trung-quốc ngày nay so với Thái-tây thì Trung-quốc có điều dã-man thực ; nhưng nếu đem Trung-quốc ngày nay so với giống hắc-nô ở bên Phi-châu thì Trung-quốc lại là văn-minh. Nếu lại đem tụi hắc-nô so với loài cầm thú thì tụi ấy cũng lại là văn-minh. Thế thời ta gọi là văn-minh hay dã-man, chẳng qua chỉ suy bì so sánh lẫn nhau mà gọi, chứ kỳ-thực không có nhất-định bao giờ.

Bây giờ những sự mà các nước bên Thái-tây tự-mệnh là văn-minh, biết đâu vài trăm năm nữa lại chẳng hóa ra dã-man lắm ru ?

Xét kỹ thì văn-minh dã-man tuy không nhất-định, nhưng cái căn-nguyên tại đâu mà được văn-minh thì có nhất-định. Nhất-định rằng pháp-luật càng đủ, càng công-bằng bao nhiêu thì càng văn-minh bấy nhiêu ; càng thiếu, càng thiên-tư bao nhiêu thì càng dã-man bấy nhiêu. Các nước bên Thái-tây không phải là không thích sự công-bằng, những bực nhân-nhân quân-tử không phải là không hết lòng hết sức để dùng pháp-luật cho được thành công, song từng nước một, từng nhà một, từng người một, thường hay có lòng thiên-tư, cái căn-nguyên ấy chưa bỏ đi hết được, nếu đem so với đời đại-đồng của thánh-nhân ta khi xưa thì pháp-luật không khi nào đủ và công-chính bằng được.

Ta mong rằng hiểu biết pháp-luật Thái-tây để làm văn-minh cho nước ta ; ta lại mong rằng hiểu biết pháp-luật của thánh-nhân ta để làm văn-minh cho cả địa-cầu của ta ; văn-minh không bao giờ cùng, thời sự mong-mỏi của ta cũng không bao giờ hết vậy.

Sơn-Xá

PHÁP-LUẬT VẤN ĐÁP

Bài hỏi thứ nhất

Nguyên năm xưa, trong khi tôi làm lý-trưởng, có tên H người làng tôi viết văn-tự cầm năm sào ruộng cho tên Z, khi H đến tôi xin cho chữ áp-chiện thị-tực, tôi có cho chữ và áp-chiện. Được năm sáu tháng nữa, tên H ấy lại đến nói với tôi rằng : tên ấy muốn đem bán đứt cái thửa ruộng năm sào ấy cho tên Đ để lấy tiền chi-dùng các việc cần, và giả nợ cho tên Z để đòi lấy cái văn-tự cầm khi trước. Tôi thấy tên H nói có ý thực và tôi cũng thương tình nhà hắn nghèo, nhân hắn cứ cày-nhày nói mãi, tôi cầm lòng không đậu, phải cho chữ thị-thực và đóng triện cho hắn một lần nữa. Nhưng trước khi thị-thực đóng triện, tôi có sách hắn phải làm cho tôi một cái giấy cam-đoan rằng bán ruộng để lấy tiền giả cho tên Z, nếu nó gian-trá điều gì thì xin chịu tội, vân vân . . . Kịp sau tên Z cứ giữ ruộng, không chịu dẫn cho tên Đ, tên Đ làm giấy kiện tại tòa án tỉnh, tòa xử phạt Z sáu tháng tù, còn về phần tôi thì xử phạt ba tháng tù về tội đồng-đảng; chúng tôi chống-án về tòa Thượng-thẩm, nhưng cũng bị y-án ; hiện nay đã có giấy sức chấp-hành. Vậy xin hỏi : tôi có thể khiếu-nại vào đâu được không ? hay là có cách gì làm cho khỏi tội oan-uổng thì xin *Qui-báo* chỉ-bảo cho, tôi rất lấy làm minh-cảm.

D. C. Ch.

Bài trả lời

Tên H làm giấy cam-đoan cho ông như thế, làm sao trong khi các tòa xét-xử, ông không đưa trình ra mà chống-cãi? Vậy thế cái giấy cam-đoan ấy hiện nay để đâu? — Bây giờ việc đã lỡ như thế rồi thì ông nên cố tìm cho ra cái giấy ấy mà xin tái-thẩm. Việc tái-thẩm nói rõ ở tiết thứ 4 trong luật hình-sự tố-tụng, điều thứ 81 rằng:

« Những án trọng-tội khinh-tội, không « cứ là do toà án nào xử và nghĩ về « hình-phạt gì, mà có một trường-hợp « như các trường-hợp sau này, đều có thể « xin tái-thẩm:

« 1°. — Thuộc về án nhân-mạng, sau « khi đã kết rồi, lại có các thứ giấy « má đủ chứng ra rằng cái người cho « là bị giết hãy còn sống.

« 2°. — Thuộc về án trọng-tội khinh-« tội, sau khi đã kết rồi, lại có cái « án khác kết-nghĩ người phạm khác « cũng cùng một việc ấy, vì hai án ấy có « trái nhau mà đủ chứng ra rằng trong « có một bên bị nghĩ chịu oan-uổng.

« 3°. — Sau khi án đã kết rồi, có một « người làm chứng về án ấy bị người « ta chỉ-trích, phải nghĩ là tội-giả chứng « hãm-hại người bị-can (người chứng « bị nghĩ ấy không được lại làm chứng « khi tái-thẩm.)

« 4°. — Sau khi án đã kết rồi, ngẫu-nhiên « phát sinh ra một việc tìm được giấy « má gì mà khi trước chưa biết đến, đủ « minh chứng là người bị-nghĩ chịu « oan-uổng. »

Lại điều thứ 84 nói rằng:

« Hạn xin tái-thẩm là một năm, kể bắt « đầu từ ngày quan Nam-án Thủ-hiến hoặc « người đương-sự đã biết có trường-hợp « được tái-thẩm; nếu trong hạn ấy không « xin ở toà Đệ-tam-cấp thì đến khi quá « hạn không thụ-lý nữa. Nếu án chưa chấp-« hành, thì từ khi đơn xin tái-thẩm « đã trình ra trước tòa Đệ-tam-cấp rồi, « tự-nhiên chiếu pháp-luật được đình-« hoãn sự chấp-hành. Nếu vì án đã chấp-« hành mà người bị nghĩ hiện bị giam « thì có thể do mệnh-lệnh quan Nam-án « Thủ-hiến sức đình-hoãn sự câu-giam « cho đến khi tòa Đệ-tam-cấp xử-trí. »

Việc của ông đúng vào khoản thứ 4 ở điều thứ 81, nghĩa là có giấy-má đủ chứng-minh sự oan-uổng của ông.

Bây giờ ông cứ làm đơn kể tình-đầu, theo như cách làm đơn khởi-kiện, rồi đính cả cái giấy cam-đoan mới tìm thấy ấy, theo cách recommandé gửi về quan Chưởng-lý tòa-án Thượng-thẩm Hanoi. Quan Chưởng-lý sẽ bày tỏ sự yêu-thỉnh của mình mà đệ đơn lên quan Tư-pháp Tổng-trưởng để lập một Hội-đồng xét về việc có nên cho tái-thẩm hay không; khi Hội-đồng xét song, sẽ giao trả lại quan Chưởng-lý chuyển đệ ra trước tòa Đệ-tam-cấp để xét-xử cho ông.

Bài hỏi thứ hai

Thưa ngài, tôi tiếp được quí-chí số ba, tôi xem về mục giải nghĩa pháp luật, thấy ngài cũng sẵn lòng giải-đáp những điều pháp-luật, vậy tôi có mấy lời yêu-cầu cùng ngài, giải-đáp giúp cho mấy điều pháp-luật sau này:

« Nguyên tôi có tậu một cái nhà của bà Mỗ được bốn năm nay; khi tôi tậu thì chỉ có đủ mặt con bà ta đứng bán mà thôi, vì rằng trong thời-kỳ ấy bà ta đi sang ngoại-quốc vắng. Tôi xét ra các con bà ta vì buôn thua bán lỗ và túng đồng tiền hành-động trong gia-đình mà bán, cho nên tôi không bắt lấy chữ ký của bà ta; mà tự khi ấy đến nay, thuế thổ-trạch tôi vẫn nộp, biên-lai tôi vẫn giữ, mà văn-tự thì có triện lý-trưởng, và tôi có duyệt ở sở trước-bạ nữa; bây giờ bà ta làm đơn kiện tôi để lấy lại cái nhà ấy. Vậy xin quí-chí giải-đáp giúp ngay cho tôi mấy điều pháp-luật như sau thì tôi được đội ơn vạn bội.

« 1°. — Tôi mua cái nhà ấy mà không có chữ ký của bà ta đứng bán, thì văn-tự ấy có giá-trị không?

« 2°. — Có luật bắt tôi phải giả bà ta cái

nhà ấy không ?

«3°. — Nếu có luật ấy thì tôi yêu-cầu với quan tòa bắt các con bà ta hoàn lại cái số tiền mà tôi đã giao ở trước mặt quan tòa, có được không ?

« 4°. — Nếu các con bà ta không có thể giả được thì luật sẽ định ra làm sao ? Bên nguyên bên bị thế nào ?»

Nay kính hỏi.
VINH-THÀNH

Bài trả lời

Nhà ấy là nhà của ai ? Bà Mỗ đứng tậu hay là các con bà Mỗ đứng tậu, hay là của tổ-phụ ông chồng bà Mỗ lưu lại cho đời sau ?

Luật định phàm mua bán nhà đất, trong văn-khế phải có đủ chữ ký của tất cả những người có dự phần hưởng-thụ về nhà đất ấy, nếu thiếu chữ ký của một người thì văn-khế dẫu có lý-trưởng thị-thực, dẫu có trình tòa trước-bạ, dẫu có làm ở trước mặt notaire là người chuyên-biện về văn-thư khế-ước theo luật định của nhà nước mặc dầu, đều coi là không có giá-trị gì cả.

Nếu cái nhà ấy không phải là của mấy người con bà Mỗ tậu riêng với nhau, mà là nhà của chính bà Mỗ tậu, hoặc do chồng bà Mỗ thừa-hưởng của tổ-phụ lưu lại, thì văn-khế bán phải có chữ bà Mỗ ký hoặc điểm-chỉ thỏa-thuận mới có giá-trị.

Nếu không thì sự mua bán của ông với mấy người con bà ấy thành ra vô-hiệu. Bà ấy đòi thì ông phải trả lại.

Khi tòa xử bắt ông phải trả lại nhà cho bà ấy thì ông được phép thỉnh-cầu với quan tòa bắt những con bà ấy phải hoàn lại đủ số nguyên-tiền cho ông.

Khi tòa đã xử bắt chúng phải hoàn lại nguyên tiền cho ông mà chúng không thể trả được, thì ông được phép chiếu theo hộ-luật, xin tịch-biên gia-sản của chúng, hoặc là xin giam-câu thân-thể. Gặp trường-hợp như thế thì ông phải ứng trước ra các tiền phí-tổn, xin bản trích-lục án-văn giao cho Thừa-phát-lại, hoặc đem trình quan sở-tại sức cho Tổng-lý thi-hành.

Sơn-sá

Hỡi Đồng-bào ! *Hãy mua và cổ động giùm hai tờ báo này :*

La Tribune Indochinoise

CỦA ÔNG BÙI-QUANG-CHIÊU

Hai ngày ra một kỳ :

Giá đồng-niên 12 $ 00 sáu tháng 7 $ 00

(Gửi giấy mua báo và mandats cho ông Nguyễn-Kim-Đính, Administrateur, 186 Rue d'Espagne, Saigon).

L'ANNAM

CỦA ÔNG PHAN-VĂN-TRƯỜNG

119, Rue Mac-Mahon, Saïgon

Mỗi tuần lễ hai kỳ.

Mỗi năm giá 10 $ 00 — Sáu tháng 6 $ 00

文學之部

VĂN-HỌC

Ông Mạc-Đĩnh-Chi ở Cao-Ly.

« Đem chuông đi đấm nước người, chẳng kêu cũng thử một hồi mà nghe, » đó là một câu phương-ngôn của nước ta mà tôi ngâm và dịch ra chữ hán để bút-đàm (1) với một người Cao-ly trong khi nói truyện về ông Mạc-Đĩnh-Chi dữa ngày rằm tháng tám năm ngoái ở trong một cái lều gianh kia vậy.

Ngày hôm ấy, tôi đi ô-tô hàng về tỉnh, thăm song-thân ở Phủ Khoái-châu, sẵy gặp một người Cao-ly ngồi bên cạnh, thuỷnh-thoảng muốn nói truyện bằng bút, song ngặt vì xe ô-tô đi nhanh, lắc-lư và tiếng rầm-rầm, lại thêm nỗi hành-khách ngồi chen nhau chật ních như nêm cối, thành ra ngồi đối diện mà cũng như xa cách sơn khê, có tri-giác trí-tuệ hẳn-hoi mà cũng ngay như đá, cho như gỗ vậy. Ấy vì sự không am-hiểu âm-thoại của nhau mà sinh ra một thú (2) đến như thế.

Chợt đi đến một chỗ gần ga Đình-Dù thì ô-tô hỏng máy, các hành-khách phải xuống cả, để mấy người tài-xế chữa máy lại. Trong khi xuống đợi đó, tôi và người Cao-ly đều vào nghỉ ở trong một cái lều gianh bên đường ; nhân khi ngồi đợi xe, bèn đem bút chì và giấy ra bút-đàm với nhau chơi. Người Cao ly ấy tự xưng là một ông cử-nhân bên nước Cao-ly, đỗ từ khi mới 16 tuổi, làm quan đến chức Quận trưởng, vì thấy những chính-sách áp chế tàn-nhẫn của người Nhật-Bản, không nỡ ngồi trông cái hoạ duyệt vong của tổ-quốc, bèn từ quan về đi buôn sâm cho qua ngày tháng. Ông trông chừng trạc ngoài bốn mươi, râu ba tròm, chán hói, có vẻ thông-minh xuất chúng. Tôi hâm-mộ ông vì trông thấy cái thái-độ đĩnh đạc ngay từ lúc mới bước chân lên ô-tô, khi ấy được cùng ông đàm-đạo, rất lấy làm sảng-khoái trong lòng. Ông thấy mình là người nước Nam, đồng-văn đồng chủng với ông, ông tiếp đãi có điều thân-mật lắm. Ông là người học rộng, trong khi bút-đàm có một cách tự-nhiên linh-tiệp, chẳng phải tư sách chút nào, và lời-lẽ rất hùng-hồn, văn-chương rất đẹp-đẽ. Ông kể qua một đoạn lịch-sử vong-quốc của Triều-Tiên, rồi ông xoay vào đoạn lịch-sử liên-lạc của nước ông với nước mình. Trước khi xoay vào đoạn liên-lạc lịch-sử ấy, thì ông có tiên-dẫn mấy câu có ý-vị rằng: « Tiên-sinh xem tôi kể « đoạn lịch-sử liên lạc của tệ quốc đối với « qui quốc sau đây thì chắc tiên sinh sẽ coi « tôi như anh em trong một nhà, sẽ không « lấy người nước Hàn coi tôi, mà sẽ coi « tôi như giống con Hồng cháu Lạc vậy. »

Rồi ông kể : « Tôi đây là người Cao-Ly, nhưng vốn là giòng dõi cụ Mạc-Đĩnh-Chi người bên qui quốc. Ngày xưa, khi cụ trạng Mạc sang sứ Tàu, đồng thời với trạng Cao-Ly, nhân có một nước đến tiến-cống mấy cái quạt, vua Tàu ra bài Phiến-minh cho hai trạng làm. Vì bài phiến-minh, vua Tàu cho cả hai trạng là lưỡng quốc trạng-nguyên. Hai trạng được phong rồi cùng ở làm quan bên Tàu ít lâu. Khi trạng Cao Ly về nước, có mời cụ trạng Mạc theo về chơi nhà. Theo dã sử và gia-phả nhà chúng tôi thì cụ trạng Mạc sang ở chơi bên Cao-Ly lần trước tiên bốn tháng. Lần

(1) Bút-đàm. — Lấy bút mực viết, nói truyện bằng chữ.

(2) Một thú. — Không có thú-vị gì.

ấy, trạng Cao-Ly có làm mối cho cụ trạng Mạc một người cháu gái trong họ để làm thiếp. Cụ trạng Mạc đem người thiếp ấy cùng về Tàu; được năm năm giời thì bà thiếp trở về nước, có giắt về theo hai đứa con bé, một đứa trai, một đứa gái. Bà thiếp về, có nói với cha mẹ anh em rằng: Khi ông trạng tôi lâm-biệt để về nước An-Nam, có viết mấy chữ để lại cho tôi rằng: « Ngày nay về là theo mệnh quân-vương, ngày sau sang thì không có kỳ-hạn nào cả. Ơn trời, chúng ta sinh-hạ được hai đứa con, nhờ nàng nuôi-nấng dạy-dỗ cho được nên người, về sau nàng sẽ có bề trông cậy, mà ta cũng không đắc tội với chúng nó là chỉ biết sinh con mà không biết nuôi con giậy con. » Cứ như lời ấy thì tôi không còn mong cậy gì ngày trở lại của ông trạng tôi nữa, mà thân tôi nay bỗng nhưng hóa ra người vị-vong rồi vậy. ai nghe thấy cũng phải ái-ngại cho người thiếp, mới ngoài hai mươi tuổi đầu, không hóa mà thành ra hóa, lại thêm bên kẽ nách bận 2 đứa con thơ, biết lấy gì mà nuôi nhau cho được nên người, giữ-gìn làm sao cho được toàn danh-tiết; xử cái địa-vị bà thiếp ấy, thực cũng khổ lắm thay!

Thấm-thoắt mười năm giời, một hôm bà thiếp đương ngồi khâu, chợt thấy cụ trạng Mạc đến, giật mình ngã lăn dùng ra, cụ trạng chạy lại ôm lấy, gọi mãi mới tỉnh; khi tỉnh giậy thì vẫn còn bâng-khuâng như giấc chiêm bao, lại thuỳnh-thoảng nói một vài câu như mơ như mẩn. Cho hay cái tình của con người ta sâu thực, khi đương vướng về tình, lăn lóc về tình, mà bỗng-nhiên tình đoạn thì cũng có điều chua xót; nhưng bỗng nhiên mà tình lại hợp thì cái sự bất-kỳ ấy dễ làm cho si-ngốc, dễ làm cho lạc phách con người ta.

Cụ trạng yên-ủi một hồi lâu thì người thiếp tỉnh, trước còn sượng-sùng, sau ra êm-đềm sảng-khoái. Lần này cụ trạng lưu lại ở tại nước Cao-Ly sáu tháng giời. trong khoảng sáu tháng giời ấy, cụ đi du lịch gần khắp nước Cao-Ly, cụ đi đến đâu ai cũng hoan-nghênh, vì ai cũng biết cụ là bực thông-minh xuất chúng, lại là một người rể trong nước. Cụ có làm một tập thơ truyền thế, hiện nay vẫn còn nhiều người truyền tụng. Hết sáu tháng thì cụ trở về Tầu, khi ấy bà thiếp vừa có mang ba tháng. Lần này bà thiếp nhớ cụ quá, nên lập bàn thờ sống ở trong nhà, để sớm tối hương-hoa cho thỏa lòng hoài-vọng. Cái bàn thờ sống đó, chẳng qua bà thiếp đặt ra để kỷ niệm sự thương nhớ chồng thôi, chứ sơ dầu cũng không có cầu-nguyện khấn-bái gì cho lắm, như các bàn thờ thần-thánh khác. Kịp đến tháng sinh người con trai út thì bà thiếp có biện sôi gà làm lễ ở trong bàn thờ, ấy là một lần đầu tiên. Khi người con trai út ấy đầy tuổi tôi, nghĩa là được một năm; bị một cơn sốt rét mê-man bất-tỉnh nhân-sự, hai ba hôm không ăn uống gì được; các thầy thuốc đến xem bệnh, ai cũng chịu cho là tất nguy không thể chữa được nữa. Bà thiếp lại sửa lễ sôi gà đến cầu nguyện ở trước bàn thờ chồng. Cầu-nguyện lúc chập tối, đến nửa đêm thì người con trai út ngớt cơn sốt, đến sáng hôm sau thì lại tỉnh-táo như không. Cả nhà ai cũng lấy làm kỳ-dị.

Từ đấy trở đi, tiếng linh-ứng huyền-truyền đi khắp cả mọi nơi, trước còn một vài nhà trong hàng xóm xin duệ-hiệu về thờ, sau dần-dà miên-man ra khắp cả châu huyện, suốt cả trong nước không mấy nhà là không lập bàn thờ phụng. Cái sự thờ-phụng cụ Trạng ở bên nước Cao-Ly cũng như bên nước An-Nam thờ phụng đức thánh Quan, mà sự linh-ứng hách-trạc của cụ Trạng bên nước Cao-Ly cũng chẳng kém gì sự hiển-thánh của đức thánh Quan ở bên nước An-Nam vậy.

Cái thần-khí thiêng-liêng của cụ như thế mà về đường nòi-giống thì phồn-thịnh tấn-tới một cách lạ thường. Khi cụ trạng sang Tầu để trở về nước An Nam, bà thiếp đứng lại chịu thương chịu khó, nuôi-nấng giậy bảo các con. Kịp khi các con đã khôn lớn, dựng vợ gả chồng cả rồi thì bà thường ở với người con trai út, ở được hai ba năm thì bà từ-biệt đi ở chùa. Bà hưởng thọ 93 tuổi. Trong cửa Thiền, bà ăn ở rất đỗi từ-bi và lại có độ-lượng, tăng-chúng phần nhiều

người lấy làm cảm phục. Khi bà tịch (1), ở chốn Thiền-môn có lập đàn làm chay để cầu-nguyện cho bà rất là linh-đình tráng lệ, xưa nay ở chốn Thiền-môn chưa hề thấy có đám tang chay nào rực-rỡ vẻ-vang như thế bao giờ.

Ông con trai cả sau xuất thân ra làm quan võ, sinh được 12 con, 8 trai và 4 gái. Sau có hai ba đời đỗ đạt làm quan, nhưng đều tầm-thường cả, không được hiển-hách cho lắm. Ngành này phần nhiều người giàu có. Ông con trai út khi 19 tuổi đỗ cử-nhân, không chịu ra làm quan, chỉ ở nhà làm thuốc và giạy học. Ông này sinh được bốn con giai, đều học-hành và làm ăn khá-giả; người con thứ ba sinh được một người con văn-võ toàn-tài, đã từng phen chống đuổi quân Tầu tàn-bạo áp-chế, đánh đông giẹp bắc, công nghiệp hiển-hách một đời. Ngành thứ này ngày sau nảy ra lắm nhân tài, mà phần nhiều là người trung-nghĩa liêm-khiết. Cháu đời thứ tám có nảy ra một ông thi-sĩ, văn thơ hay nhất trong đời, chẳng kém gì Lý Đỗ bên Tàu. Ông có làm một bài phú *con rùa*, đại-khái ngụ ý nói nước Cao-Ly tuy tiến hóa chậm như rùa, bị các lân-quốc khinh bỉ, song tiến-hóa một cách thong-thả vững-vàng như con rùa, bò không vấp-váp; sau này các lân-quốc tự phụ là linh-tiệp như hùng như hổ, sẽ bị non yếu tiêu-diệt dần đi, chỉ còn có một giống rùa Cao-Ly trường thọ hơn cả, đứng lại với non sông hoàng-hạc trong khoảng trời đất ngàn thu. Lời văn rất thanh-thoát và rất ly-kỳ, quan Đô-hộ Tàu xem thấy, phải tấm-tắc khen ngợi, rồi đem bài phú về đọc cho vua Tàu nghe. Vua Tàu nghe lấy làm cảm-phục cái tài thi-dụ, cái khéo văn-chương của ông, cho là ở nước Tàu từ xưa đến nay chưa có bài phú nào khoái-chá đến như thế. Vua Tàu sai sứ sang hậu thưởng cho ông một trăm tấm lụa và mời ông sang làm quan bên Tàu. Ông có làm một bài biểu trần tạ và thoái thác không chịu sang làm quan bên Tàu, trong có câu « Tôi chỉ thích yên phận làm con rùa bèn, mà không thích nghênh-ngang làm con sư-tử dữ; tôi thích làm anh đồ mặc áo vải ở nước Triều-Tiên hơn là làm một người có thiên-tư văn-chương ở bên Trung-quốc»

(1) Tịch-Chết, bên nhà chùa khi chết gọi là tịch.

Đem ngành cả và ngành thứ mà so-sánh thì ngành cả đa đinh mà giầu hơn ngành thứ ngành thứ thì nhiều người hiền-đạt hơn, nhiều bực anh-hùng hơn ngành cả. Mới ngày nào ở bên nước Cao-Ly chỉ có một vết chân cụ Trạng bước tới mà dầu-dà sinh-sôi nảy-nở, nay hóa ra hàng trăm hàng nghìn con cháu làm quan-hệ đến cả vận-mệnh nước Cao-Ly. Thế thời lòng tín-ngưỡng phụng-thờ Cụ ở nước Cao-Ly lại không phải là một sự ngẫu-nhiên, mà theo lệ sống khôn chết thiêng thì sự linh-ứng của Cụ không phải là hoang-đường vậy.

Tôi đây (*người bán sâm tự xưng*) chính là một người cháu xa đời thuộc về ngành con cả cụ. Thân cháu ở Cao-Ly, nhưng hồn cụ ở An-Nam; Cao-Ly là nơi chôn rau cắt rốn, nhưng chính An-Nam mới thực là quê cha đất tổ. Người thì là người Cao-Ly, nhưng giống thì lại giống An-Nam: ngôn-ngữ phục-dụng toàn là Cao-Ly, nhưng cái óc cái tim thì lại toàn là An-Nam. Bâng-khuâng Giao-Chỉ, Triều-Tiên, cáo chạy bơ-vơ, biết lấy đâu làm cố-quốc! »

Nghe đoạn lịch-sử của người Cao-Ly thuật đó thì biết rằng An-Nam ta đối với Cao-Ly có cái tình huynh-đệ, cái mối nên thân-yêu, nên khăng-khít với nhau lắm lắm. Lời nói của người Cao-Ly có vô-hạn cảm-tình: vì nhời nói ấy ta mới hiểu rằng ta đối với Cao-Ly có cái địa-vị rất vẻ-vang. Cụ trạng Mạc sang sứ Tàu, làm cho cả vua quan phải cảm-phục; sang chơi Cao-Ly, gây được một chủng-tộc rất phồn-thịnh, lưu-lại được một cái khí-phách rất thiêng-liêng, làm cho cả nước Cao-Ly sùng-bái. Đem chuông đi đấm nước người, tuy nói rằng chẳng kêu cũng thử một hồi mà nghe; nhưng khi thử thì lại hóa ra kêu, cái tiếng kêu kia vang lừng một hồi ở bên nước Tàu, lại vang lừng một hồi nữa ở bên Cao-Ly, cái tiếng kêu kia đã chấn động cả nước người, mà cái dư-thanh vẫn văng-vẳng ở tai người đến ngàn thu không bao giờ rứt, mà cái di-hưởng nay lại vẫn còn phản-đãng vào tai người cố-quốc là nước An-Nam ta. Chuông của ta đi đấm nước người, cũng kêu lắm nhỉ?

Sơn-xá Lê-Khắc-Hoa

THẾ-GIỚI VĨ-NHÂN LIỆT-TRUYỆN

HOÀNG-HƯNG 黃興

1 — Từ khi đầy tuổi tôi, đến khi vào học ở Lưỡng-Hồ thư-viện.

Tiên-sinh họ *Hoàng*, nguyên trước tên là *Chẩn*, tự là *Lệ-ngọ*, về sau đổi là *Hưng*, hiệu là *Khắc-Cường*; quê ở làng Đông-hương, huyện Thiện-hóa, tỉnh Hồ-nam. Tiên-sinh sinh được vài năm thì bố côi cha. Đồn rằng khi đầy tuổi tôi, cha mẹ đem những khí-vật của nhân-gian thường dùng, bầy cả lên một cái bàn, rồi bồng con đến cho xem và cho tùy ý mà cầm lấy một vài thứ ở trong bàn, để nghiệm xét cái hậu-vận của con xung-xướng hay khổ-sở, làm nên hay hèn-hạ, đó là theo tục tỉnh Hồ-Nam vậy. Khi đó người vú bồng đến, Tiên-sinh choàng tay cầm lấy một thanh kiếm, một cái bút và một thoi mực, rồi hớn-hở tươi cười. Cha mẹ thấy vậy, đều lấy làm mừng. Các người họ-đương bè-bạn cùng tấm-tắc khen rằng: « Cậu này ngày sau có nhẽ làm đến tể-tướng nguyên-súy. » Có người thử đưa cho một cái mũ lông-công (1), Tiên-sinh rụt tay không cầm. Người ấy cố ấn vào tay, Tiên-sinh quăng tót xuống đất, rồi lại nhăn-nhó mếu khóc, ra ý tức giận vô-cùng. Ôi! lúc còn ở trong ôm-ấp mà đã không ưa cái mồi giả-dối dỗ người của Mãn-Thanh, sự đó tuy huyền-vi mà cũng kỳ-dị lắm vậy. Tục-ngữ có nói « *xem thủa nhỏ, tổ khi nhớn.* » Câu ấy thực không sai.

Năm lên bẩy tuổi, bà mẹ cho vào học ở trường tư-thục. Tiên-sinh rất thông minh, sách vở qua mắt là nhớ, tính-khí rất êm-đềm cẩn trọng, không hay bộp-chộp nói cười; cùng với anh em đồng-học, cũng ít đi lại. Lúc bấy giờ tuy rằng Tiên-sinh còn phất-phới trái đào, mà đã có những tư-tưởng rất cao-siêu, chẳng khác gì một đấng anh-hùng lão-luyện. Có một hôm, đọc bộ Tứ-thư đến câu « *quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung* » (vua sai bề tôi phải có lễ, bề tôi thờ vua phải trung), Tiên-sinh hỏi thầy rằng: « Chữ "*trung*" cắt nghĩa thế nào? » Ông thầy đáp: « *Trung* là công lưng hết sức, để thờ một người » (1). Tiên-sinh cãi rằng: « Vua là người, bề tôi cũng là người; vua được sai bề tôi, bề tôi phải thờ vua là nghĩa làm sao? » Ông thầy không đáp được. Tiên-sinh lại cắt nghĩa rằng: «Tôi tưởng chữ "*trung*" không phải nghĩa thế; "*trung*" nghĩa là trung với nước, không phải trung với vua. Cổ-thánh nói rằng: "*trung vua*", chữ "*vua*" ấy chính nghĩa là nước, vì vua là trưởng một nước, cho nên dùng chữ "*vua*" mà thay cho chữ "*nước*". Nếu mà trung vua chỉ là trung với vua, ấy là đem cả mọi người trong nước mà luồn cúi một người, nước như thế sao gọi là nước. Thế cho nên ông Thang ông Vũ *đánh vua giết vua*, mà vẫn là *trung*, nghĩa là *trung* với nước vậy. Nếu chữ "*trung*" cắt nghĩa là *trung với vua*, thì ông Thang ông Vũ không *trung* hay sao? » Tiên-sinh biện-bác choang-choang; ông thầy không bẻ sao được, chỉ lắc đầu mà rằng: « Thằng này tuy có thông-minh, nhưng sau này quyết không phải là đứa làm cho tỏ rạng cửa nhà, chỉ là đứa làm cho tan-tành nòi giống vậy ».

Năm lên mười tuổi, bắt đầu học làm văn; nguyên trước Tiên-sinh thấy những lối học nhai-nghiền, cùng những giọng văn tỷ-mỷ, trong bụng vốn là không thích; chỉ vì bà mẹ nặng lòng kỳ-vọng, muốn cho con về sau thi-cử đỗ đạt, làm nên chức nọ quan kia, Tiên-sinh muốn cho mẹ được vui lòng, nên phải theo tập về nghề chương-cú. Từ thủa ấy văn của Tiên-sinh đã có khí-phách lạ. Ông thầy thấy giọng văn của Tiên-sinh như

1 — Mũ đại-trào của các quan Mãn-Thanh.

1 — Một người là chỉ về ông vua.

vậy, một hôm khuyên Tiên-sinh rằng : « Văn-chương của anh tung-hoành sốc-nổi, dùng về thi hội rất hay; nhưng nếu muốn kiếm một xuất học-sinh ở nhà quốc-học, thì giọng văn ấy lại rất không hợp. » Nghe nhời thày dạy, Tiên-sinh bất-đắc-dĩ phải sửa uốn dần-dần, cho được đúng với khuôn-phép. Năm mười chín tuổi, được bổ làm viên bác-sĩ học-sinh. Qua năm sau, thi trúng số ăn lương trong ngạch hương-cống, phải tới tỉnh-lỵ tập học. Tối hôm trước ngày lên đường, họ-mạc bạn bè, ai nấy bầy tiệc tiễn-biệt, và đua nhau lấy câu "*vượt thang mây, qua cung quế*" mà chúc cho Tiên-sinh. Tiên-sinh lấy làm buồn rầu, đáp lại rằng : « Chí tôi không ở cái đó ; ngày nay tới tỉnh, là muốn được sẵn dịp mà du-lịch các nơi đó thôi. » Trong lúc từ biệt mẹ già đi ứng-thí, Tiên-sinh có bài cảm-hoài, hai câu thứ năm và thứ sáu rằng :

« *Tưởng nét bảng vàng e nhọ mặt ;*
« *Sợ người đầu bạc phải ra tay.* »

Xem câu thơ đó, đủ biết cái hoài-bão của Tiên-sinh vậy.

*
* *

Ngoài sự văn-chương, Tiên-sinh thường lưu-tâm về việc võ-bị, những lúc bình-cư vô sự, vẫn hay quần ngựa múa gươm, các người gần đó theo chơi cũng nhiều. Cũng vì một sự thượng-võ của Tiên-sinh mà cuộc trị-an ở hạt Thiện-hoá rất có ảnh-hưởng. Nguyên huyện Thiện-hóa thói tục hung tợn, trộm cướp rất nhiều, thường có những toán cướp rất to, cướp luôn ba bốn nhà một lúc. Các nhà mất cướp đem việc trình quan, nhưng mà mười đám thì chín đám không bắt được. Tiên-sinh thấy vậy lấy làm lo, mới hô xướng các dân thôn quê, tổ-chức một đoàn-thể, ước hẹn trong lúc trộm cướp thì phải ứng-cứu lẫn nhau ; địa-phương nhờ đó cũng được yên tĩnh. Sẵn có tên tướng cướp là Đồng-lão-Công vẫn dình-dò một nhà phú-hộ ở làng bên cạnh, một hôm họp-tập đồ-đảng hơn trăm đứa, kéo đến ăn cướp. Các làng lân-cận nghe thấy tiếng động, kẻ gươm người mác, đồ đến ứng cứu ; nhưng mà hàng tổng đánh cướp, sự chẳng-vẳng là thường, lại bên ít bên nhiều, thế không địch nổi. Đương khi đình-tráng hương-đoàn sắp-sửa thua chạy, thì Tiên-sinh múa gươm tế ngựa xông vào, hò hét quát tháo, chém chết vài người, quân cướp tản-tác chạy chốn. Tiên-sinh phi ngựa đuổi theo, bắt sống được Đồng-lão-Công đem về, họp các hương-đoàn bàn cách xử-trí. Một lát, quan huyện Thiện-hóa đem lính đến, nghe tin Tiên-sinh bắt được tướng cướp, thân vào chơi nhà tán-tụng công-lao, và xin cho giải Lão-công về nha trị tội. Tiên-sinh không bằng lòng, đáp lại rằng : « Nhà nước bổ ông làm quan hạt này, là cốt để giẹp kẻ gian-bạo cho dân được yên nghiệp làm ăn. Thế mà lúc ngày thường, việc tiễu-bộ canh-phòng, ông đã không nhìn đến; nay thấy chúng tôi bắt được tên cướp, lại muốn nhận lấy đem về, ý chừng ông muốn mượn chúng tôi để làm cái mồi thăng quan tiến chức có phải không ? Thôi điều đó xin ông miễn cho, chúng tôi đã tự có phép xử-trí. » Nói rất nhời, Tiên-sinh rút gươm chém phắt Đồng-lão-Công, rồi vừa cười vừa bảo quan huyện rằng : « Chúng tôi xử thế này, có nhẽ xướng hơn là để ông đem về làm án ».

Tiên-sinh tính rất hào sảng, dữa đường thấy sự bất-bình, tất phải ra tay đỡm-nhậm. Khi còn ở nhà, phàm trong các làng lân-cận có ai nghèo đói khó khăn, hoặc ai đánh nhau cãi nhau, thường vẫn chu-cấp hoặc hòa-giải cho đôi bên. Vì thế Tiên-sinh đã nổi tiếng nghĩa-hiệp ở trong vùng ấy. Bấy giờ làng Đông-hương có người tên là Tăng-Thân, thấy vợ người láng-giềng nhan sắc sinh đẹp, nấp-nỏm say-mê, lừa mẹo vu thác, bỏ người chồng vào ngục, rồi lấy hiếp người vợ. Tiên-sinh nghe thấy truyện lấy làm tức-giận, muốn tìm cách mà trị Tăng-Thân, nhưng chưa có dịp. Một hôm trong làng có nhà cưới vợ cho con, vì Tiên-sinh với nhà ấy có tình qua-cát, nên phải đến mừng.

Khi vào tới nhà đã thấy Tăng-Thân ngồi tốt ở đó, ngông-nghênh khoe thế khoe tài. Tiên-sinh thấy vậy, lấy làm ngứa mắt; lúc vào tiệc, cố ý hắt chén rượu vào áo Tăng-Thân. Thân tức lắm, quát rằng: « Thằng này con nhà nào mà vô lễ như vậy?» Tiên-sinh cũng dương mắt quát lại rằng: « Tao đánh bẩn áo mày, mày còn tức-tối như vậy; mày làm bẩn vợ người ta, người ta phải nhắm mắt chịu đắng, thì tức đến đâu? » Tăng-Thân nghe câu ấy càng tức, hầm-hầm đứng dậy, giơ tay toan đánh. Tiên-sinh cũng đứng phắt ngay dậy, túm tóc Tăng-Thân điệu ra ngoài chiếu, tay đấm chân đạp, không thương hại chút nào. Người chủ nhà sợ Tiên-sinh quá tay đánh chết hắn thì lôi-thôi đến mình, mới chạy ra hết sức khuyên giải, Tiên-sinh mới buông ra. Bấy giờ Tăng-Thân đã sưng đầu bươu chán, mặt mũi tím bầm, từ đó không dám càn dong như trước.

Ngày lần tháng lữa, quanh-quẩn ở xứ thôn quê, cũng là không lợi cho những tanh-hùng chí-sĩ, Tiên-sinh vẫn lấy sự đó làm lo, riêng vẫn có ý muốn đi du-lãm các nơi cho rộng kiến-thức, và cho lịch duyệt việc đời. Gặp khi đó, Tổng-đốc tỉnh Ngạc (1) là Chương-tri-Động mở một thư-viện tại tỉnh-ly, gọi là "Lưỡng-Hồ thư-viện", chiêu tập sinh-viên hai tỉnh Tượng, Ngạc, (2) vào viện học tập. Tiên-sinh nghe tin, biết là Tri-Động muốn đem những tư-tưởng mới mà sửa sang nước, mới bẩm với mẹ xin cho sang đó du học. Tới nơi, thì vào viện, đỗ đầu các sinh-viên; Tri-Động rất trọng-đãi. Khi ở trong viện, ngoài những thì giờ học-khóa, Tiên-sinh lại mua những sử cách-mệnh ở Âu-châu, và Dân-ước-luận của Lư-Thoa, đêm ngày xem đọc; từ đó cái *tư-tưởng cách-mệnh* mới đầm-thấm chứa-chan ở trong óc; nhưng vẫn chưa từng đem cái tư-tưởng đó mà phô-lộ với anh em đồng-học một câu nào. Ở đó hơn một năm, có Bạch-du-Hoàn là một người học-trò mới đến. Tiên-sinh gặp mặt nói truyện, rất là ý hợp tâm đầu; Du-Hoàn là người kiên-nhẫn cường-nghị, không lắc-cắc như những học-trò khác, cho nên Tiên-sinh mới đem cả tâm-sự kể với Du-Hoàn. Du-Hoàn rất hoan nghênh, và lại tỏ rằng mình cũng đồng-ý. Thấm-thoắt đến kỳ thi nghỉ hè, Tri-Động thấy Tiên-sinh đỗ cao, mời vào nhà lấy nhời êm-ái khuyên dụ Tiên-sinh, và lại hứa rằng sau này sẽ cất-nhắc chỗ cho. Tiên-sinh nghe nói, cũng miễn-cưỡng ứng đáp xong lần. Khi về viện, bảo riêng với Du-Hoàn rằng: « Chúng ta đi học, là học để sau này tìm cách mà hà hơi mở mặt cho giống người Hán, có phải học để làm giống chó săn chim mồi cho người Mãn đâu? nhan-nhản những ông cao mũ giài áo kia, có biết đâu cái khổ-tâm của chúng ta. » Du-Hoàn nghe nói, vội gạt đi và can rằng: «Những câu đó không nên tiết-lộ với ai. » Tiên-sinh cũng lấy làm phải, từ đó lại càng cẩn-thận giữ-gìn; bởi thế, ở Lưỡng-Hồ thư-viện hai năm giời, mà những viên trưởng-giáo, giáo-viên, cho đến các hạng học-sinh, không ai dò biết cái đề-uẩn của Tiên-sinh.

Mỗi kỳ nghỉ hè viên giám-học ở Lưỡng-Hồ thư-viện là Lương-đỉnh-Phân, thường hay vào viện diễn-thuyết, lấy bốn chữ "*trung vua yêu nước*" mà khuyến-dụ các sinh-viên. Tiên-sinh nghe nói ngứa tai, mới bẻ lại rằng: « *Trung vua yêu nước* là hai việc, không phải là một. » Đỉnh-Phân hỏi lại làm sao? Tiên-sinh đáp: « *Vua* chỉ là một người trị-vì, *trung vua* nghĩa rất hẹp; *nước* là của chung của ức triệu con người, *yêu nước* nghĩa rất rộng. Nếu bốn chữ "*trung vua yêu nước*" mà nói gộp làm một thì không phải nghĩa. Ví như trong nước có một ông vua tàn-bạo, xuất lệnh hành chính đều không lợi cho nước, nếu người *yêu nước* mà không muốn cho nước thiệt hại, tất không thể nhắm mắt mà theo cái chính-lệnh đố-quốc, thế là không trung với vua; nếu kẻ *trung vua*, nghe thấy chỉ-ý của vua, tất phải cắm cổ mà theo, còn sự lợi hại của nước thì không tính đến, thế là không yêu nước. Như thế có phải *trung vua yêu nước*, rõ ra hai việc khác nhau hay

1 — Tương là tỉnh Hồ-nam
2 — Ngạc là tỉnh Hồ-bắc

không? Vậy thì tướng-công muốn trung thì cứ nói hai chữ "*trung vua*" cũng đủ, cần chi phải đeo thêm hai chữ "*yêu nước*" làm gì». Đỉnh-Phân nghe nói, hằm-hằm giận ra mặt; Tiên-sinh không thèm nhìn đến, vẫn cứ cười nói như không. Vì thế Đỉnh-Phân sinh ghét Tiên-sinh, thường thường gièm với Tri-Động, xin xóa tên ở trong thư-viện, và đuổi đi không cho học nữa; nhưng Tri-Động vốn trọng Tiên-sinh là bực thanh-niên anh-kiệt, nên không nghe nhời Đỉnh-Phân.

Tỉnh Tương có Đường-tài-Thường cũng là lĩnh-tụ một đảng cách-mệnh, đã dụng công chiêu tập những bạn đồng-chí lục-tục kéo đến tỉnh Ngạc, chờ dịp khởi-sự. Tiên-sinh với Tài-Thường là người cùng làng, chỉ vì một gánh non sông cho nên mỗi người đi mỗi xứ! Một hôm, gặp nhau ở lầu Hoàng-hạc, cầm tay nói truyện hồi lâu, rồi Tiên-sinh hỏi Tài-Thường đến đó làm gì, Tài-Thường liền đem công việc của mình kể hết với Tiên-sinh và xin giúp đỡ một tay. Tiên-sinh nghe nói vui lòng nhận nhời ngay, lại bảo Tài-Thường rằng: «Cái thư-viện Lưỡng-Hồ này mở ra, là riêng vị những con em bọn quan-trường, tôi ở đây bị họ áp-chế đến ngàn từng muôn lớp, thật là một cảnh khổ-sở; tôi vẫn muốn bỏ đi đã lâu. nay được gặp anh thật là một dịp may cho tôi lắm. Tôi xin vì anh mà đảm-nhận cái việc cổ-động; nếu anh chậm lại ít lâu rồi sẽ khởi-sự, chắc có nhiều người đồng-chí vui lòng mà theo anh». Tài-Thường mừng lắm, hứa rằng sẽ vì Tiên-sinh mà hoãn kỳ khởi sự. Năm Quang-tự thứ 25, Tài-Thường mưu sự không thành. Các bạn đồng-chí nhiều người bị hại, duy có tiên-sinh không lây vạ; đó cũng nhờ ở cái tính cẩn-trọng, cho nên những kẻ bất-lương không thể bới lông tìm vết mà làm hại được vậy.

Từ khi du-học ở Nhật-Bản đến lúc quay về ở Thượng-Hải.

Cũng vì cái gương thất-bại của Đường-tài-Thường, mà trí-lự của Tiên-sinh lại tiến thêm lên một bực. Tiên-sinh lo rằng: quanh-quẩn mãi ở tỉnh Ngạc, hết năm nay sang năm khác, chỉ co quắp dưới khửu tay cánh nách các bọn quan-trường thì không khi lào rãi được chí nhớn; vì thế nóng-nẩy muốn đi nơi khác, nhưng mà chưa biết đi đâu, nên còn phân-vân chưa quyết. Cách ít lâu, vua Thanh có chỉ kén các học sinh sang du-học bên Nhật-Bản, bấy giờ trình độ dân còn kém, những hạng mặt lỳ cổ dắn, chưa rửa hết cái lòng mến cảnh quê hương xa nhà vài dặm, lệ biệt mưa tuôi, ở cho mươi ngày, lòng về lửa chất; thấy nói sự xuất-dương khứ quốc, thì ai nấy co đầu rụt cổ, tưởng như một cảnh đi đầy. Duy có Tiên-sinh kiến-thức hơn người, mới nghe thấy lệnh vua Thanh, tức thì đầu đơn tình-nguyện đi du-học. Quan bản-hạt nhận đơn phê chuẩn, lại trích một khoản tiền công-khố cấp cho tiên-sinh sang học tại trường "Đông-kinh sư-phạm đại học-hiệu." Sau này tiên-sinh sở-dĩ nên được bực anh-hùng lẫm-liệt, đứng đầu bọn cách-mệnh nguyên-huân, chính là nhờ ở cái món tiền học-phí của triều Thanh cấp cho khi ấy. Ôi, gậy người đánh người, mà được thắng trận thành công, coi đó biết con tạo chưa hề phụ những kẻ có chí vậy.

Tại trường Đông-kinh, lại có một đảng cách-mệnh người Hán, là Trương-thái-Viêm, Trần-thiên-Hoa, Lưu-quỹ-Nhất và Tống-giáo-Nhân. Nguyên bọn này cũng vì cay đắng về những biến-pháp hủ-bại của người Mãn, vì muốn thực-hành cái chủ-nghĩa cách-mệnh, nên mới dủ nhau sang Nhật du-học. Một hôm, bốn người gặp Tiên-sinh ở một nhà khách-sạn, sau khi đã rãi bầy trung-khúc, biết là cùng người một hội, cùng chung một tấm can trường, mới cùng đinh ước đồng-tâm, thường thường đi lại bàn-bạc công việc. Mỗi khi buổi học xong, năm người lại chia nhau đi chơi cùng các học-trò Trung-hoa ở Đông-kinh để liên-lạc cảm-tình mà truyền-bá cái chủ-nghĩa cách mệnh; vì đó thế-lực ngày một lan-chàn, một xứ Đông-kinh, bạn đồng-chí có đến trăm người, mỗi ngày chủ-nhật họp lại một chỗ, mở cuộc bí-mật hội-nghị, Tiên-

sinh lên đàn diễn-thuyết, thống-mạ những tội ác và sự tàn-nhẫn của người Mãn-Thanh ; tiếng nói chưa ra, hạt châu đã rỏ, người nghe diễn ai cũng đau đớn buồn rầu. Về sau có viên trụ Nhật công-sứ của triều Thanh là Uông-đại Nhiếp nghe thấy việc đó, tức-thì nhờ sở cảnh-sát Nhật-bản dò-thám tình-hình và những công việc hành động. Từ đó cái cuộc hội-nghị của Tiên-sinh không dám tự-do như trước, nhưng mà cái phương-châm hành-động lại vì đó mà hăng-hái thêm.

Cách ít lâu, ở Âu-châu có nước Nga công-bố vấn-đề lấy Mãn-châu ; nghe thấy tin đó, các học-trò Trung-hoa lưu học ở các nước đông tây, ai có tấm lòng ái-quốc, cũng đều gửi thư đánh điện, nhắn bảo vua quan triều Thanh, kể vẽ cách này, người bầy mưu khác, giấy má tin-tức đi lại rộn-dịp. Tiên-sinh với bọn Thái-Viêm Giáo-Nhân bàn nhau rằng : « Thế nước ngày nay chính là buổi tồn-vong nguy-cấp, không phải cái sức mồm mép có thể lấy lại được, bất-nhược nhân cơ-hội này, ta giả-cách tổ-chức một đoàn-thể, nói phao là mục-đích để cự lại nước Nga, rồi nhân đó mà tiến-hành công việc cách-mệnh, như thế may có thể che mắt được thằng giặc Uông. » Bọn Trương, Tống nghe nói cũng đều khen phải. Cách ít lâu, Thanh với Nga giao-chiến, quân Thanh bị thua, Tiên-sinh nghe tin ruột gan sôi sủi, thổ ra mấy bát máu tươi. bọn Thái-Viêm, Giáo-Nhân đón thầy thuốc điều-trị mười ngày mới khỏi. Tiên-sinh thường ngâm-ngùi than-thở một mình rằng : « Đại-cục của Trung-hoa phá-hoại đến thế này là cực-điểm. Chỉ còn một cách thực-hành cái chủ-nghĩa cách-mệnh, may ra muôn phần mới cứu vớt được một »

* * *

Năm Quang-tự thứ 29, Tiên-sinh tốt-nghiệp ở trường Đông-kinh, cùng bọn Giáo-Nhân giở về Trung-hoa, tới nhà thăm mẹ. Cách vài tháng, Tiên-sinh đứng mở một trường học ở xứ Trường-xa, những hạng thanh-niên trong hạt theo học rất nhiều ; ngoài những thì-giờ giảy học, Tiên-sinh lại dùng cách mà gieo cái hạt giống cách-mệnh vào óc học-sinh ; vì thế số học-trò mỗi ngày, một đông. Tiên-sinh và bọn Giáo-Nhân mới tổ-chức một cuộc hội-đảng ở trong trường học, gọi là hội Hưng-Hoa, chủ-đích là để đề-sướng công việc cách-mệnh. Hội-viên công-cử Tiên-sinh làm viên Tổng cán-sự, Thái-Viêm, Giáo-Nhân làm Phó-cán-sự.

Tiên-sinh lại cho rằng : công việc cách-mệnh không phải là chỉ dùng mồm mép mà có thể thành công, mới tìm cách liên-lạc với một hội khác ở gần đấy, để cho thêm thế lực. Các hội-viên ở hội kia ai nấy đều hoan-nghênh, và xin hết sức tán-thành. Gặp khi ấy có người tên là Tăng-quốc-Trương nguyên là lĩnh-tụ trong đảng cách-mệnh Hồ-nam, đồ-đảng có đến vài nghìn người, tản-mác ở khắp các xứ, Tiên-sinh nghe tiếng, thân đến du-thuyết với Quốc-Trương và xin kết làm đảng-viện. Quốc-Trương rất là cảm-động nhận nhời ngay, và tức thì chiêu-tập đồ đảng đến Hồ-nam, hẹn ngày đốt lửa làm hiệu đánh lấy tỉnh-ly làm chỗ căn-bản.

Trong khi chưa đến kỳ hạn khởi sự, sẵy gặp tiết thất-tuần đại-khánh của Thanh-Thái-hậu, quan lại các tỉnh, thi nhau bom-thót, sắm sửa các đồ vàng bạc châu ngọc đem dưng. Mã-phúc-Ích chính là một tay kiện-tướng trong dân-đảng, nhân thấy đồ cống của viên tuần-phủ Hồ-nam cùng sa cực sỉ hơn hết các tỉnh, mới bàn với Tiên-sinh chôn ngầm tạc-đạn phá dinh cướp đồ cống để xung làm quân phí cho dân-đảng. Tiên-sinh khen là mẹo hay, bảo Phúc-Ích phải tức thì trù liệu. Sắp sửa đến kỳ khởi sự, thì việc tiết-lộ, viên tuần-phủ phái quân-đội nã bắt Phúc-Ích đem chém. Tiên-sinh và bọn Giáo-Nhân chốn sang Giang-Tây, nằm ba tuần lễ ở nhà người bạn, rồi sang Thượng-Hải.

Trong mấy tháng ở Thượng-Hải, tiếp được nhiều thư của các bạn đồng-chí ở Hồ-bắc mời về, Tiên-sinh mới đổi cách ăn mặc lên về Hán-Khẩu. Cách ít lâu lại sang Thượng-Hải. Bấy giờ có viên Tuần-Phủ

An-huy là Vương-chi-Xuân đổi sang Quảng-tây, khi qua Thượng-Hải cho vào một nhà khách-sạn ở tô-giới Ăng-lê, Tiên-sinh biết Chi-Xuân là loài sâu mọt trong dân-đảng, mới sai một người đồng-chí họ Vạn nấp ở một quãng ngã tư, chờ lúc Chi-Xuân đi qua nạp xúng bắn một phát, chẳng may không chúng Chi-Xuân, lại trúng vào đứa đầy tớ. Linh cảnh-sát Ăng-lê nghe thấy súng nổ kéo đến như kiến, người họ Vạn bị bắt, Tiên-sinh thừa cơ chốn thoát, về sau nghe thấy người Mãn tầm-nã Tiên-sinh rất khẩn-cấp, Tiên-sinh mới xuống tầu sang Nhật-Bản.

(*Còn nữa*)

Ngô-tất-Tố dich.

Mấy lời nói nhỏ cùng chị em bạn gái :

Thưa các chị, em đội ơn song-đường, đang theo dòi nghề bút nghiên, đọc sách Khổng Mạnh, xem văn Thái tây, nên thần-trí mở-mang ra đôi chút thấy điều phải biết theo mà rõ lẽ trái cũng hiểu cách lánh xa. Em thiết nghĩ sinh vào buổi đời này, được học tập tự-do như bọn tu-mi, thật đường cái thanh-vân rộng thênh-thang, nào có hẹp-hòi gì với ai. Ta gặp thời lại chẳng nên vui lòng mà tỏ tài ư ?

Ở đời phải cần học lắm, vì việc học cũng như cơm gạo. Cơm gạo nuôi cho mình mạnh khỏe, thân-thể nở-nang; còn việc học để bồi-bổ trí não. Đó là hai điều cốt-yếu của người, ai kém chút học-thức thật phải kém người.

Nhưng học để làm gì ? Học để xửa mình, sau hiểu đến lẽ khắt-khe của bầu trời.

Theo như câu " ngọc bất trác, bất thành khí," người mà không học, thành ra ngu-si cục-mịch tựa như hòn ngọc chẳng mài dũa thì sù sì và vô dụng ; người có học mới thành hay, hòn ngọc có xửa-sang mới thiết dụng. " Nhân bất học, bất tri lý, " chẳng phải là một tấm hình ảnh tức-tối cho người vô học ru ! Trong sách Tam-tự-kinh lại có nói : " nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn " (mới sinh ra, lòng người thanh khiết, tính-tình hơi giống nhau, du chỉ có việc học làm biến cải đi.)

Một nhà triết-học Pháp là ông Ernest Renan nói : « Ở đời chỉ có việc học là không tục hơn cả (Savoir est de tous les actes de la vie le moins profane.)

Vậy chị em ta nên xu-hướng về việc học đừng e-lệ theo thói nhi-nữ thường-tình nước ta mà bảo việc học là về phận-sự đàn ông. Phải biết thời-đại văn-minh đã khởi sướng lên cái chủ-nghĩa nam nữ bình-quyền, thì ta nên ra sức dấn mình vào bể học, cho khỏi mang tiếng cũng là một giống người mà chịu thua sút chi ai ! Nên chăm-chỉ học hành thì sau ta sẽ thành người hoàn-toàn nhân-cách.

Ta là phận gái, nếu biết chữ lại càng hay lắm. Ông Legouvé nói đàn bà nên đọc sách.

Đọc sách rất cần cho đàn ông, nhưng cũng hữu-dụng cho đàn bà. Đàn ông biết đọc sách là có khí-cụ để làm việc, dùng đạt đến mục-đích trong nghề mình. Như ông luật-sư, ông giáo-sư, nhà diễn-thuyết mà đọc sách lắm thì cái nghiệp của các ông lại càng hiển-hách thêm lên. Còn bọn phụ-nữ trong nhà biết đọc sách cũng thú lắm : gặp cha già tàng-tật, hay mẹ có tính buồn, cha không thể đọc được vì mắt kém, mẹ lòng chẳng muốn, đứa em thích nhưng không biết chữ, thế mà người con gái biết đọc lại chẳng tiện lắm ru ? Đọc vài trang, tiếng

oanh êm-ái làm bớt *nỗi sầu-bi của* người khóc, khuyên đỡ kẻ đau, pha trò thêm cho trẻ tươi cười. Ông Legouvé nói: cố học để hấp-thụ lấy cái hay mà sau có cơ thành ra một nết tốt (Apprenez à lire et tâchez d'acquérir un talent qui peut devenir une vertu.)

Trên này, em biểu-dương sự ích-lợi của việc học, nhưng cớ sao việc học của con gái đã thịnh-hành mà kết quả chưa được thỏa-mãn, chẳng thêm tốt tươi? Bề học chưa bước chân tới nơi đã mê-mẩn tâm-thần để cho đạo đức suy-đồi, điều đó chị em nên nhiệt-thành giải quyết mà cứu bạn trầm-luân, đến bến cực-lạc, thiết tưởng cũng có nhiều phần bổ ích vậy.

Con gái có nên học nhiều chăng? Như thủa xưa, cho đàn-bà là không đáng học chỉ dậy qua-loa vài lời gia-huấn, mấy thiên nữ-tắc, và biết xem chữ hán hơi thông là đủ. Đó là các cụ hiểu lầm: cái tinh anh của non sông chung-đúc lên, lọ là phân biệt trai gái. Thử xem cô Hồ-xuân-Hương, bà huyện Thanh-quan, tài thơ nôm có kém gì mặt làng nho, rộng ra như nàng Sái-văn-Cơ, nàng Tạ-đạo-Uẩn bên Tàu, người hay thơ, kẻ giỏi phú, ấy cũng là kiếp hồng-quần.

Vậy phải tùy tài, ai có sức thì chèo chót-vót đến ngọn núi mà đứng trông cái phong-quang bao la xung quanh, để *gánh đỡ giang-sơn* cho hàng nam-nhi. Ai không tới nơi, mới chèo một đỗi đường, hái được vài đóa hoa thơm, mấy trái quả ngọt, dù không đến tuyệt-đỉnh bằng chị em, nhưng ta cũng được thưởng trong lúc đăng sơn rồi.

Mới đây, bạn gái ta có mấy người nhiệt tâm đến sự học đã theo đến bực khá cao. Người học tại trường thuốc, người xin vào trường cao-đẳng Sư-phạm. Tuy cái phạm-vi còn hẹp-hòi sao bằng các nước, nhưng dần dần rồi cũng thêm vẻ khả-quan.

Hiện-tại, hạng mới thoát khỏi chân núi thời nhiều, mà cớ sao không khỏi cái tân-học-vấn cảm-dỗ? Là vì học-thuật tây-phương như rừng, bỏ một đời người ra hồ *dễ đã đi cho đến cùng*; càng ra công đi, càng thấy man mác tịt-mù, chẳng biết đâu là bờ. Vì thế các nhà bác-sĩ mà người đời chịu là học rộng thời chính các bậc ấy lại cho mình là kém, chưa khám-phá hết được các lẽ huyền-bí của vũ-trụ thì còn khiêm-nhượng; không bù với người mình mới biết dăm ba câu tiếng tây đã nhí-nhẳng cả đường Cái rừng học mông-mênh như thế chị em ta mới bước chân qua khỏi một quãng, biết được cây nọ, ngắm cánh hoa kia, đã thỏa nguyện rồi mà tự tôn tự đại với người ở vòng ngoài có ngờ đâu rằng rừng học bát-ngát còn lắm cảnh thanh-kỳ. Vì cái lẽ không ngờ đó, lại thêm văng-vẳng bên tai, nào bình-đẳng, nào tự-do, mà cái cách hàn-động khả ố của ta chẳng khỏi khiến cho người tri-thức dị-nghị. Ôi bình-đẳng! ôi tự-do! như người ở các nước văn minh thời thực có như ý cao-thượng, rất đáng để người ta sùng-bái; chẳng may ngươi ở tây-thổ cất cánh bay qua đại-dương mà sa vào cõi nam-phương này thì ngươi chẳng khỏi làm mất lòng người thủ-cựu, chẳng khỏi cho bọn tân-học xấc-lấc lạm-dụng nhà ngươi.

Vì lẽ gì học-phong thịnh, mà nền luân-lý lại phải lụn-bại, phong hóa suy đồi, đạo-đức ngửa-nghiêng. Ấy chỉ tại học-phong cũ mới khác nhau nên cái kết-quả cũng thành ra mỗi đàng đi một nẻo.

Thủa xưa, nho học còn thịnh, đạo Khổng; Mạnh lan khắp từ nơi kinh-kỳ cho đến tận làng con xóm lẻ, đâu đâu tự già đến trẻ đều lấy luân-lý làm trọng. Cái nền học êm-đềm ấy cũng có ảnh-hưởng sâu xa đến đàn-bà. Đàn-bà thời cao tường kín cổng, cả ngày *loanh-quanh trong nhà*. Người bần-nữ thì chợ búa, dệt cửi, chăn tằm hái dâu, nuôi chồng trông con, vị tiểu-thư thì phòng xuân khép cánh, ngày làm thơ xem sách, đêm thêu-thùa vá may. Xem đến gia-phong các bậc thượng-lưu lại càng thịnh lắm. Đấy, cái vẻ nên thơ của xã-hội đông-phương này, biết đâu lại chẳng phải là cái kết-quả hay của cựu-học ư?

Như thế, ta đừng vội chê bụt nhà không thiêng mà đi cầu Thích-ca ngoài đường.

Gặp thời-đại tối tân, nhiều sự chịu ảnh hưởng làn sóng tự do mà biến cải cả rồi. Chỉ tại trình-độ dân-trí mình còn thấp hẹp, nên những sự đó nhiều khi thành ra có hại to. Lo lắm thay! lấy phương-kế chi mà bổ cứu cho điều khuyết-điểm ấy?

Chị em ta nhờ ơn cha mẹ cho đi học, mà cách cư-sử của ta sao còn để nhiều người phàn-nàn? Hay là Pháp-học chưa đủ cảm-hóa lòng người chăng? Không, chỉ bởi tại ta học dở-dang, chưa hiểu đến những lẽ siêu-việt, trọn lọc chẳng kỹ những phần tinh-túy, mà vội đem ra thi-hành, nên lắm khi chẳng tránh khỏi sự sai-lầm. Cũng như đạo Lão (le Taoïsme) thật cao-thượng quá, ít người hiểu, khi truyền-bá đi thành ra mục-đích sai lạc, chỉ gây lấy một lũ phù-thủy pháp-môn; huống chi trong bao năm chị em theo đòi về Tây-học, tiếng nhà nhãng bỏ, sinh ra hạng nửa mùa, mà rất ghê thay cho hạng nửa mùa!

Cứ ý ngu em thì ngoài các giờ học về Pháp-văn, ta nên luyện tập đến Quốc-văn, xem sách vở, báo chí, để xửa đổi tính nết dần; chờ xem hiểu các sách Pháp-văn còn lâu lắm. Mới đây, Chính-phủ rộng cho học phổ-thông chữ nước nhà thì cái hi-vọng của chị em một ngày kia cũng có thể đạt được.

Nguyễn-thị Bạch-Tuyết

ÂU-VĂN TẠP-DỊCH

Luận-thuyết về sự đẹp
(văn *Voltaire*)

(Beau, Beauté, -- Dictionnaire philosophique)

Hỏi chàng Cóc thế nào là đẹp, thế nào là hết sức đẹp? Chàng sẽ giả lời rằng: « Đẹp đến như mợ Cóc nó nhà tôi là cùng: cặp mắt tròn sinh-sinh, lồi tướng trên cái đầu thon-thon nhỏ-nhỏ; cái lưỡi núc-nắc vừa rộng vừa đẹp; cái bụng ỏng-eo vàng xòe, cái lưng xù-xì nâu sẫm ».

Hỏi chú Hắc sứ Guinée thì cái đẹp của chú tất phải là nước da đen như than, nhoáng như mỡ; cạo mắt tinh sâu hoắm, chiếc mũi rộng ngắn chùn.

Hỏi con quỉ thì cứ phải có hai sừng, một đuôi, bốn chân móng nhọn (1) mới là đẹp.

Nay đem thuyết đẹp chất-vấn cùng các nhà triết-học, tất-nhiên họ giở ngay cái giọng đít-cua dại cả sa mà bàn một các kềnh-càng ràng: « Phàm cái đẹp là phải theo đúng kiểu-cách qui-mô của mỹ-thuật. . . . . »

Một hôm tôi đi xem diễn-kịch với một nhà triết học. Tự-nhiên thấy ông ta kêu lên rằng: « Ối chà! đẹp quá! » Tôi hỏi: « Thế nào là đẹp? » Ông giả nhời một cách vu-vơ rằng: Đẹp vì tác-giả khéo đạt tới mục-đích . . . »

Ngày hôm sau, ông bất-an; sơi một vị thuốc được bình-phục. Tôi bèn kháy ông rằng: Vị thuốc này cũng đẹp, vì nó đã khéo đạt tới mục đích là khiến cho ông khỏi bệnh. » Lúc đó ông mới hiểu rằng ông không có thể khen vị thuốc là đẹp được; phàm muốn gọi cái gì là đẹp, tất cái đó phải hiến cho ta cái thú chú-ý ngắm-xem, thỏa-tìm vui-thích. Tấn kịch hôm nọ, mình khen là đẹp, hẳn cũng bất ngoại cái ý là khiến cho ta hai cái thú đặc-biệt đó, chứ không phải là vì soạn-giả đã khéo đạt tới mục-đích . . .

Lại nhân một chuyến phiếm-du sang nước Anh, tôi với ông triết-học ấy cùng đi xem diễn-kịch; tình-cờ lại chính là tấn kịch xem khi trước, mà họ dịch cũng đúng như hệt, thì thấy khách ngồi xem chỉ thở giải, ngáp vặt, chán hơn cơm nếp nát. . . Nhà triết học ta kêu lên rằng: « Ôi! thế ra cái đẹp đối với người Anh, người Pháp không giống nhau. Lạ nhỉ! »

Nghĩ ngợi mãi rồi nhà triết-học tức-luận rằng: « Cho mới biết cái đẹp không nhất-định, cứ tùy cảm-giác của mọi người, tùy phong-tục của mọi nơi mà có khác vậy

(1) Nghĩa là phải giống hình-dạng con quỉ (người theo đạo Gia-Tô tín rằng quỉ Sataan có hai sừng một đuôi, bốn chân móng nhọn....)

Tỉ cũng như sự thật-thà chất-phác ở Nhật-Bản, đối với La-Mã lại là kiểu giả-trá điêu-ngoan ; mốt nhã-nhặn thanh-tao ở Ba-Lê, so với Bắc-Kinh lại là kiểu lăng-nhăng lố-bịch. Nay mình dù tốn công triết-lý, đại-luận về cái thuyết đẹp đến đâu ra nữa thì chung-qui cũng chỉ có thế mà thôi ».

Chương-phủ,. NGÔ-HUY-VĂN dịch

Vọng vân hoài cảm khúc

Chèo non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công-lao mẹ già.
Thơ Lục-Ngạ từ ngày vắn tóc,
Cuộc tang-thương mấy chốc đổi thay.
Thương càng nghĩ, nghĩ càng cay,
Trăm năm không dễ một ngày đền ơn.
Lòng vòi vọi cao sơn bích thủy,
Biết bao giờ tìm thấy chân-dung ;
Non Tiên cửa Phật ngàn trùng,
Một con mây bạc, mấy vòng xa trông.
Nhớ mẹ trước vốn giòng gia-thế,
Phái hoàng-thân về hệ thứ ba,
Con quan Chánh-sứ hoàn-gia,
Tháng mười năm sửu sinh ra ứng kỳ ;
Gặp gia-vận đương khi lúng-túng,
Tuổi còn xanh khuất bóng từ-vi ;
Sớm khuya nương ở cùng dì,
Áo lau cơm hẩm quản gì tấm thân.
Tình máu mủ em nang chị đỡ,
Dắt-díu nhau đến thuở trưởng thành ;
Tuổi vừa đôi tám xuân-xanh,
Se tơ sớm kết duyên lành Tống-gia.
Trong khuê-khổn thuận hòa rút mực,
Ngoài thôn-lân thành thực cheo gương ;
Một niềm hiếu-phụng cô chương,
Ngọt bùi chăm-chút lễ thường hôm mai.
Việc công tắc sửa tầy nội-trợ,
Nghĩa châu-thân giúp đỡ bà con.
Mấy lời từ huấn hãy còn,
Giúp người lòng thảo để con phước lành.
Năm ất-dậu kinh-thành thất-thủ ,
Đấng gia-nghiêm vị chủ vong gia.
Đương cơn gió táp mưa sa,
Một tay chống vững cửa nhà đôi bên;
Lấy cần-kiệm giữ bền gia-đạo,
Đội ơn trời ấm áo no cơm
Bao thu hòa-hợp sắt cầm,
Mười hai sinh-sản ba năm vuông tròn.
Năm nhâm-dần chiếu son ban sức,
Nghiêm-quân vào cung chức Qui-Nhân ;
Việc nhà lo liệu một thân,
Sách đèn giắt dủ, tảo tần chăm lo.
Năm giáp thìn lụt to gió dữ,
Khắp đâu đâu cửa vỡ nhà tan ;
Đầy đường vang những tiếng oan,
Kẻ kêu mất của, người than mất người :
Một mình mẹ, năm mười đứa trẻ ;
Khéo dắt dìu giời để bình-yên ;
Gia-quân khi đã hồi yên,
Loạn-ly được thấy đoàn viên thêm mừng,
Nhớ thuở hãy đương chừng thơ bé,
Bệnh phong-toan trầm trệ muôn phần ;
Ngỡ là bèo bọt chút thân,
Biết đâu may được thành nhân có rầy.
Vì có mẹ đêm ngày săn sóc,
Quản bao nhiêu tìm thuốc tìm thầy ;
Nhờ công mẹ, gặp thầy hay,
Sinh tôi ra nữa lần này là hai ;
Trong anh em ai ai cũng vậy,
Nhưng mừng tôi nhờ cậy phần hơn.
Nghĩ mình mình những riêng hờn,
Tóc tơ chưa chút đền ơn gọi là.
Năm giáp-dần vận nhà truân-bĩ,
Ngày tháng ba tổ tỷ qui tiên ;
Việc tang lo liệu vừa yên,
Gia-nghiêm lô mộ ưu-phiền chưa nguôi.
Cơn biến-cố ai sui nên thế,
Một năm mà tang chế hai lần !
Lòng tơ bối-rối nhà xuân,
Nửa phần hiếu-cảm, nửa phần tình thương.
Thảm thiết nhẽ ngành vàng lá sám,
Trận gió lay mười tám tháng mười ;
Nửa đêm xe hạc chầu giời,
Hưởng niên vừa được năm mươi tuổi tròn.
Nhắc lại thuả mẹ còn lâm bịnh,
Tôi còn mang công-mịnh ở Thanh ;
Theo chồng chị Phú em Bình (1),
Ở nhà út dại chỉ mình Toại khôn.
Thấy anh chị thần hôn phụng dưỡng,
Tưởng mẹ còn ngày tháng thảnh-thơi,
Ngờ đâu dâu bể cơ trời,
Gót tiên phút đã tìm nơi bồ-đề.

(1) Phu là Phú-Hòa, Bình là Bình-Thuận (tên đất ở Trung-kỳ).

Ngẫm gia sự đề-huề mọi nỗi,
Ăn làm sao, biết nói làm sao?
Bây giờ đất thấp trời cao,
Quan sơn chưa dễ âm-hao tới liền.
Tủi thân tôi tài hèn phận mọn,
Vì thân mưu nên mọn hiếu-tình;
Cách năm kẻ Huế người Thanh,
Chèo non dựa cửa, chút tình nhớ mong.
Mẹ lâm bệnh, đã không hầu thuốc,
Mẹ từ trần, chẳng được gần giường;
Liệm thời không được nương quan,
Táng thời không được bàn-hoàn tận nơi.
Chỉ tiếp được mấy lời giây thép,
Hãi-hùng thay như sét bên tai!
Thân phàm không cánh mà bay,
Dặm ngàn không dễ một ngày hồi-trang.
Phần bận-bịu về đàng công-sở,
Lại gió mưa cách-trở dọc đường;
Gập-ghềnh một bước mười thương,
Đầm-đìa giọt máu, mơ-màng hồn quê.
Trải mấy bữa mới về tới Huế,
Nhìn non sông khác thể ngày xưa;
Trước gạ em Toại đứng chờ,
Nhìn xem nhan-sắc bây giờ kém tươi.
Ôm nhau những vắn giài sùi-sụt,
Dắt nhau từng mấy khúc đến nhà;
Tiêu điều hoa cỏ vườn ta,
Cúc vàng mặt ủ, liễu già mày chau.
Bước vào cửa ôm đầu lăn khóc,
Hỏi làm sao tang tóc một nhà;
Đi đâu? không thấy mẹ già!
Thấy em ngơ-ngác, thấy cha âu-sầu.
Trước linh-tọa cúi đầu làm lễ,
Nỗi-niềm này biết kể cùng ai?
Khi con mới bỏ ra ngoài,
Mẹ cầm tay dặn mấy nhời đinh-ninh.
Con trở lại, mẹ đành bỏ vắng,
Ngẫm lời xưa chưa đặng đầy năm;
Than ôi! giời bể xa-xăm,
Suối vàng ai dễ hỏi thăm lối nào!
Theo em Toại bước vào trước mộ,
Ngoài do-tàn còn có gì đâu?
Từ bề cây cỏ một mầu,
Cỏ cây như giục mối sầu con côi.
Nghĩ nông-nỗi đòi thời khóc nghẹn,
Những trách mình lại thẹn cùng em;
Đòi cơn ruột nát gan mềm,
Tấm hương càng đốt càng thêm lửa phiền.
Tội kiếp này đã nên bất-hiếu,
Nguyện kiếp sau xin nguyện một nhời:
Được làm con mẹ ở đời,
Quyết đem da tóc đền bồi tình thương.
Thân này dẫu muôn hàng huyết-lệ,
Dễ đền ơn non bể cao sâu?
Xiết bao đắp nhớ đổi sầu,
Ngọn đèn cao thấp, đìa dầu đầy vơi!
Nhớ là nhớ mấy lời dạy bảo,
Trông cho con trung hiếu vẹn tròn;
Dẫu rằng phận mỏng cánh chuồn,
Lời vàng vâng tạc, tấc son dám lìa.
Nhớ là nhớ sớm khuya thức giấc,
Trông cho con xuất-sắc với đời;
Dẫu rằng tài chẳng bằng ai,
Gia-phong xin nối lấy nòi trâm-anh.
Mấy lúc trước nương mình bên cửa,
Thấy con về mừng-rỡ hỏi thăm;
Bằng nay vắng-vẻ hơi tăm,
Gió lay trận thảm, mây giăng ngọn sầu.
Mấy lúc trước đứng hầu dưới trướng,
Truyện thánh hiền mưỡng tượng trong [tai;
Bằng nay thanh vắng mản mai,
Gương treo cổ-lục, bụi đầy huy-phong.
Núi Ngự-bình trăng trong còn dọi,
Sông Hương-giang nước lũ còn tuôn;
Ngàn năm khổn-phạm chưa mòn,
Tiếng lành để với nước non không già.
Miếng chung-đỉnh sau mà có phận,
Mùi trân-cam biết tấn cùng ai?
Than ôi! trời đất cao dầy,
Tấm lòng từ-mộ biết ngày nào nguôi.
Con đành đã ngậm-ngùi ơn mẹ,
Cháu cũng xin nương ghé phước bà;
Một bài góp nhặt nôm-na,
Dù chăng hay dở cũng là tình con.

Đông-Hới TỐNG-PHƯỚC-GI

Bài tự-tình

(Có một chàng say rượu, đêm về nhà, thấy chó tha cái cù-đèn ra trái nhà, liền kể tội ra để dẫy vợ. Vợ thấy thế, cũng kể công ra để trách chồng. Rồi đến cả bố vợ cũng kể nông-rồi ra để mắng chàng rể. Ba bên cùng kể-lể, quay lại thành đoàn-viên. — Bài này không biết của ai làm. Vấn-đề cực nhỏ mọn, mà văn-chương cực ly-kỳ xem ra thực là văn cổ).

— « *Trải ngày tháng ăn chơi rảnh mặt,*
Về đến nhà rếch mắt khó coi.
Nói ra thời sự lôi-thôi,
Im đi thời lại ra người tối đen.
Nay nhân việc đĩa-đèn đổ vỡ,
Nói ra cho con nợ được hay !
Cửa nhà bảy tám năm nay,
Thằng tao cậy đã có mày trông coi.
Nên tao chẳng soi-soi xét-xét,
Đến bây giờ mới biết rằng toang !
Cửa, nhà, chĩnh, cựa, vò, ang,
Để chen để chúc không hàng không ngôi.
Chén, bát, đĩa, lôi-thôi lốn-nhốn,
Chậu, sanh, nồi, để lộn để quanh ;
Cà, tương, mắm, muối, giưa, hành,
Đồ ăn thức dựng để phanh ra ngoài.
Rìu, cưa, búa, bừa, cầy, thuổng, cuốc,
Đục, chàng, cưa, giép, guốc, ngổn-ngang ;
Nong, nia, thúng, mủng, giần, sàng,
Sọt, giành, rổ, giá, toang-hoang thế này?
Càng nói lắm, càng cay càng đắng,
Bởi mày không trông giặng cho nên.
Đêm qua có một cái đèn,
Hãy còn vằng-vặc treo lên cửa này.
Hãy năm-nắp còn đầy đĩa mỡ,
Đến bây giờ đã vỡ làm đôi ;
Mỡ thời dáo hoẻn đi rồi,
Cù-đèn chó gặm, tha lôi đầu nhà.
Của nhà này hại ta đã lắm,
Đến bây giờ ông nắm được tang.
Thôi thôi, cũng chẳng trình làng,
Cũng chẳng trình họ trình hàng nữa chi.
Sẵn giao kéo ông thì gọt gậy,
Bôi vôi vào tỏ chấy cho coi !
Giắt tay tống khứ giao-hồi,
Chẳng cho một phút đứng ngồi ở đây ! »

— « *Trình chàng hãy khoan tay nghĩ lại,*
Để em xin thưa lại mấy nhời :
Đêm qua thu xếp vừa rồi,
Ẵm con đi ngủ phỏng thời canh hai.
Đèn treo ở nhà ngoài cẩn-thận,
Chẳng biết rằng ai cất đi đâu.
Bây giờ đổ chết cho nhau ;
Nồng-nàn đến nỗi gọt đầu bôi vôi !
Lại tống khứ giao hồi cha mẹ,
Tiếng-tăm này biết sẻ bao vơi.
Đĩa đèn nào của mấy mươi,
Mà chàng coi của hơn người thế a ?
Tính từ lúc bước ra khỏi cửa,
Về làm dâu quá nửa năm rồi ;
Ăn riêng bảy tám năm giời,
Chẳng hề chàng phải một nhời khuyên răn.
Nghĩ cũng đã êm-đềm chăn gối,
Việc làm ăn theo đuổi chị em ;
Việc làm chẳng quản ngày đêm,
Ruộng nương vườn được trông nom một mình.
Dù chàng có nay đình mai quán,
Lúc đi về bầu bạn theo sau ;
Bạn thời điếu thuốc miếng giầu,
Bạn thời chè chén đêm thâu canh tàn.
Cũng chẳng dám nhời than tiếng gắt,
Miệng vui cười khăn-khắn dạ vàng ;
Truyền gì, chân bước tay nâng,
Mấy năm nay đã chưa từng dám sai.
Đêm đêm cứ canh hai mới ngủ,
Đầu canh tư đã ủ lấy con ;
Tay lừa mà miệng dỉ-don,
Sao cho con ngủ được bon ra ngoài.
Rét ngan-ngắt một hai manh áo,
Rón chân đi vo gạo rửa nồi ;
Thổi cơm nấu cháo vừa rồi,
Đàm bèo nấu cám, ra ngoài hái dâu.
Đoạn thôi dọn chuồng trâu xoay-sở,
Dọn song rồi, quét rửa trong ngoài :
Tiếc rằng đêm hãy còn dài,
Lại đi gánh nước, thái khoai, vớt bèo.
Rét quá nỗi, tay siu miệng khẩy,
Phải tìm đồ sưởi sấy đỡ run ;
Lên nhà lại ẵm lấy con,
Giời vừa tang-tảng, chồng còn ngủ say.
Lại tưởng nỗi hơi may lạnh ngắt,
Hâm nước hồng rửa mặt rửa tay.
Coi nhau như bát nước đầy,
Dẫu rằng cơn tỉnh cợn say cũng lùy.

Muốn an uống thức gì cũng sẵn,
Vẫn rượu tam, thức nhắm hẳn-hoi ;
Cửa nhà tuy chẳng trông coi,
Chưa hề tiếng óc tiếng oi dãi-đằng.
Nghĩ một ngày đã rằng có chủ,
Dẫu trăm năm giầu có cùng nhau;
Vì dù học thói Tề hầu,
Khinh chồng ai có khen đâu đến mình.
Cho nên phải tận tình nàng-rắc,
Để người không tiếng bắc tiếng chì.
Dốc lòng từ thuở vu-qui,
Sao cho hợp chữ " nghi kỳ thất gia. "
Tuy sánh với người ta chưa kịp,
Song trong nhà đã gấp hơn xưa ;
Vì dù ngủ sớm dạy trưa,
Hớ-hênh cũng chẳng nên cơ nghiệp này.
Công-đức ấy mà nay nỡ phụ,
Hẳn dộng no kẻ cũ người quen.
Kia như có một cù-đèn.
Giùi mài cho đến đất đen đất vàng.
Lại tống giả họ hàng cha mẹ,
Hẳn từ đây mát-mẻ yên thân.
Cửa nhà phó mặc phu-quân,
Mượn ai thái tảo thái tần mặc ai.
Vì một nỗi quan-hoài trong dạ,
Cho nên còn chưa nỡ bước ra :
Sinh con tuổi mới lên ba,
Song đà tính tháng mới già một năm.
Khát sữa nó lâm lăm mở miệng,
Chửa từng quen mấy miếng cơm nhai ;
Bây giờ cách trở đôi nơi,
Mẹ đầy vú sữa, con thời dói meo !
Khát sữa nó hắt heo kêu khóc,
Miếng cháo cơm mặn nhạt mau thưa.
Nhớ hơi nhớ sữa sớm chưa,
Ắt là nó khóc như mưa như gào.
Nông-nỗi ấy biết bao quên được,
Chữ tình-thâm một bước một đau !
Tam-cương phụ-tử ở đâu,
Lìa nơi cắt rốn chôn rau sao đành.
Nay chàng đã tận tình thế nữa,
Giấu vôi này biết rửa bao xong.
Đã nên chẳng vẹn chữ tòng,
Nghiến răng quyết bẻ chữ "đồng" làm ba.
Mẹ chịu tiếng về nhà cho rảnh,
Con ở đây vai gánh đỡ cha. »
Nói thôi tâm-tã chuyện sai,
Giã con, về mấy mẹ cha sinh-thành.
Vừa tình hết sự tình hồng-nhi,

Vàng-vẳng nghe tiếng gọi bên ngoài :
" Mẹ thằng đỏ hỏi kia ơi,
Ra anh nan nỉ một lời đà nao.
Đạo vợ chồng biết bao duyên nợ,
Thói nhạt nồng ai nữa là không.
Giận ta mà có quyết lòng,
Còn con thơ-dại để chồng sao nên.
Khát sữa nó rên-rên kêu khóc,
Giở đứng ngồi lan-lóc không thôi;
Rù rì bồng bế mọi nơi,
Lưng thời càng vỗ càng dôi khóc gào.
Cám bã để nơi nao chẳng biết,
Lợn kêu gào biết lấy gì cho :
Rối xòe chắp cánh ngồi co,
Giận thân mà lại thêm lo việc nhà.
Ngày hôm qua sang nhà chú Xã;
Cũng ngờ rằng quấy-quá tí thôi.
Ai ngờ thím Xã hẳn-hoi,
Sửa-sang tiệc rượu rõ coi ra tuồng !
Đã giết một con muông rõ béo,
Thịt nấu ninh thực khéo là ngon.
Lại thêm cua bể, lòng thuôn,
Đồ ăn nào thiếu miếng ngon thức lành.
Rượu sen, cúc, rành rành nhất-phẩm,
Hơi đã xông lại tầm quế-quan.
Gia-tàn gia-chủ bàn-hoàn,
Giang tay uống đến canh tàn đêm thâu.
Say quá đổi cất đầu chẳng nổi
Lúc ra về lặn lội bờ ao ;
Tưởng rằng cũng đã thế nào,
Con ma nó lại giúi vào bờ tre.
Đi luẩn-quẩn bò về đến cổng,
Mới biết rằng còn sống chưa ươn!
Về nhà giở giọng lườn-khươn,
Mơ-màng nào biết chạch lươn vắn dài.
Giức-lác đã vang tai hàng xóm,
Lại tìm diều đèn đóm lôi-thôi.
Thôi tôi biết tội tôi rồi,
Từ rầy thề chẳng mềm môi rượu chè.
Mẹ mi bớt giận giở về,
Kẻo con nó khóc đã se cổ rồi ! »
— « Hỡi chú rể vào ngồi ta nhủ,
Để cho ta nói rõ vào tai !
Con ta nữ sắc, nữ tài,
Tưởng đông xưa cũng nhiều người cầu thân.
Vì bạn với Tiên-quân khi trước,
Đã trót điều nguyện-ước với nhau.
Nghiến răng cố bắc dịp cầu,
Rành vàng đổ lấy với thầu phá chi.

Sao ngươi cứ đen sì như mực,
Chẳng biết rằng tủi cực vợ con.
Căm căm như ngậm bồ-hòn,
Đắng cay vì nỗi chồng con hoang-toàng.
Lại quen thói nay hàng mai chợ,
Lúc say rồi chẳng ngợ khen chê.
Tít-lì mới giở ra về,
Điên-điên đảo-đảo ngã kề ngã nghiêng.
Tre ai giồng ở giữa đường,
Ao ai đào ở đầu làng đánh khăm.
Vợ nghe tiếng hơi tăm phải nép,
Mặt giầy-giầy lá ép chồng mo.
Thế mà chẳng biết thẹn-thò,
Lại còn nay giận mai vò với ai ?
Con ta đã chẳng có tài,
Về mà đi kiếm-chác ai mặc lòng."
— " Trăm nghìn lạy Nhạc-ông nghĩ lại,
Bởi say xưa quá dại cho nên.
Tỉnh ra mới biết nguồn-cơn,
Dại này còn biết khôn làm sao đây !
Xin ông bớt giận làm khuây,
Từ rầy không dám quá say rượu chè.
Xin ông cho mẹ cháu về. »

(Trích trong tập văn lai-cảo của Tản-Đà tu-thư-cục).

Đêm hè

Đêm khuya trằn-trọc mãi này a ?
Trăm mối bên lòng luống thiết-tha.
Quốc quốc bờ ao hồn nhớ nước,
Gia gia trong bụi tiếng thương nhà ;
Đầy trời oi-ả hơi than lửa,
Khắp đất âu-sầu nỗi cỏ hoa.
Mới biết đêm hè là thế ấy,
Trên không hờ-hững bóng giăng-tà.

VĂN-GIANG

Sơ-thu hoài-cảm

Lạnh-lùng trướng gấm báo tin thu,
Giở dậy canh khuya khách tựa lầu :
Ấy vẫn Nam Nam cùng Bắc Bắc,
Những là Á Á với Âu Âu ;
Cho hay phong-hội âu là thế,
Mà cái văn-minh nó ở đâu ?
Sơn-hải hỡi ai người thệ-ước,
Gió hiu, giăng lạnh, tiếng ve sầu.

Tản-Đà

Người Annam! Nên đọc báo
L'ECHO ANNAMITE
CHỦ-NHÂN : NGUYỄN-PHAN-LONG
64, *Rue Bonnard — Saigon*
Mỗi ngày một kỳ
Một năm **20 $ 00** — *Nửa năm* **11 $ 00**
Mua báo gửi thư và mandat cho M. NGUYỄN-HÁO-VĨNH Administrateur

Ngô-Việt xuân-thu

(*Tiếp theo*)

HỒI THỨ IV

Năm trận đánh, Ngũ-Viên phá kinh Sở.

Bẩy ngày khóc, Bao-Tư mượn quân Tần.

Tôn-vũ đã lĩnh chức quân-sư, hết lòng luyện-tập quân-sĩ. Cách vài tháng, Hạp-Lư ngự ra giáo-trường trông thấy đội-ngũ chỉnh-tề, quân-oai hùng-dũng, trong bụng mừng lắm, liền sai Tử-Tư và Tôn-vũ dẫn quân đánh Sở, hai người lĩnh-mệnh kéo quân sang Sở lấy được ấp Thư, giết được Cái-Dư và Chúc-Dung. Hạp-Lư muốn thừa thắng kéo vào Hình-đô. Tôn-vũ can rằng:

« Dân trong nước lâu còn mệt nhược chưa thể dùng được. »

Hạp-Lư nghe nhời, liền cho hai người rút quân, Tử-Tư nói với Hạp-Lư rằng:

« Trong binh-pháp: phàm muốn ít quân mà đánh được bên nhiều quân, yếu thế mà đánh được bên mạnh thế; tất phải làm thế nào cho quân ta vẫn thư-rỗi, mà quân giặc phải mệt nhọc. Vậy xin Đại-vương đem quân trong nước chia làm ba cánh: mỗi khi sai một cánh sang quấy nhiễu biên-thùy nước Sở; hễ quân Sở ra cứu, thì quân ta lại về; quân Sở rút về, thì quân ta lại sang. Bao giờ quân Sở nhược-mệt chễ-biếng, bấy giờ thình-lình ta kéo quân sang đánh, tất là được to. »

Hạp-Lư lấy làm phải, liền y nhời Tử-Tư chia quân làm ba toán, cắt lượt sai sang quấy-nhiễu cõi Sở, quả-nhiên quân Sở chỉ những đi về mà khốn-nạn. Năm thứ 4 (513 trước Thiên-Chúa) Hạp-Lư sai Tử-Tư Tôn-Vũ và Bá-Phỉ dẫn đại-quân sang đánh Sở. Một mặt sai sứ sang nước Việt lấy thêm quân để tiếp-ứng. Bấy giờ vua Việt là Doãn-Thường đương hòa với Sở, không chịu phái quân giúp Ngô. Tôn-Vũ và Tử-Tư đánh Sở đã lấy được ấp Tiềm và ấp Lục vì không có quân tiếp-ứng, phải rút về. Hạp-Lư thấy vua Việt không theo mình lấy làm căm tức, năm thứ 5 dẫn đại-quân đánh Việt, quân Việt bị thua ở Tuy-Lý quân Ngô cướp bóc thật đẫy rồi về.

* * *

Qua năm sau, Lệnh-doãn nước Sở là Nang-Ngõa đem thủy-quân đánh Ngô để báo thù trận Tiềm. Lục Hạp-Lư sai Tử-Tư Tôn-Vũ đem quân cự-địch, hai người đánh thua quân Sở ở nước Sào, bắt được Công-tử Phồn. Hạp-Lư bảo hai người rằng:

« Nếu không kéo quân vào được kinh-đô nước Sở, thì dẫu trận này có đánh được Sở cũng như không được. »

Tử-Tư tâu:

— Nước Sở là một nước mạnh nhất thiên-hạ, chưa thể khinh-địch được. Nếu Đại-vương muốn kéo quân vào thẳng Hình-đô tất phải chiêu-dụ nước Đường nước Sái.

— Hai nước ấy hiện đương phụ-thuộc vào Sở, chiêu-dụ thế nào được?

— Hai nước ấy tuy có phụ-thuộc vào Sở, nhưng vẫn oán Sở. Nếu Đại-vương chiêu-dụ cũng có thể được.

— Oán Sở vì việc gì?

— Vì năm xưa Đường-hầu và Sái-hầu vào chầu vua Sở, Sái-hầu có đôi áo cừu, Nang-Ngõa muốn lấy một; Đường-hầu có đôi ngựa tứ-xương, Nang-Ngõa cũng muốn lấy một, hai vua cùng không cho, Nang-Ngõa giam hai vua, ba năm không cho về nước. Sau người nước Đường phải ăn trộm con ngựa của Đường-hầu dưng Ngõa, Sái-hầu cũng xin dưng áo cừu. Bấy giờ Ngõa mới tha cho hai vua; từ đó hai vua đều thâm-oán nước Sở, vẫn muốn báo thù. Nay Đại-vương sai sứ chiêu-dụ tất là hai nước theo cả, hễ được hai nước ấy hợp quân với ta, thì phá Hình-đô chẳng khó gì vậy.

Hạp-Lư tức thì sai sứ đi dụ hai nước, hai nước cùng nhận nhời cả. Đường-hầu lại cho con là Công-tử Kiền sang ở bên Ngô làm tin. Hạp-Lư mừng lắm, liền nhắc Tôn-Vũ làm đại-tướng; Tử-Tư, Bá-Phỉ làm phó-tướng, Công-tử Phù-khái (em Hạp-Lư) làm tiên-phong; Công-Tử Sơn (con thứ Hạp-Lư) chuyên đốc lương thảo; Chuyên-Nghị và By-Ly giúp Thái-tử Ba giữ thành Cô-Tô. Cắt-cử đâu đấy, Hạp-Lư thân dẫn các tướng tá và sáu vạn tinh-binh theo đường thủy chẩy đi. Quân đến nửa chừng, vừa gặp Đường-hầu và Sái-hầu, ba nước hợp quân làm một, kéo thẳng đến khủyu sông Hoai; Tôn-Vũ chuyền lệnh quân-sĩ bỏ thuyền lên bộ, Tử-Tư hỏi tại cớ gì, Tôn-Vũ đáp :

« Thuyền đi ngược nước chậm quá, sợ rằng quân Ngô biết trước mà phòng-bị, thì không thể nào đánh vỡ được. »

Tử-Tư phục là cao-kiến. Khi đã lên bộ Tôn-Vũ chuyền lệnh kéo qua núi Dự Trương, thẳng đến phía bắc sông Hán hạ trại.

Đại-Tướng bên Sở là Nang Ngõa nghe tin quân Ngô đã tới sông Hán, kinh sợ hết vía, tức thì: một mặt dẫn quân đóng án-ngữ ở phía nam sông Hán; một mặt phi báo về kinh cho Chiêu-Vương. Chiêu-Vương nghe báo giật mình, liền sai Tư-mã là Thẩm-doãn-Tuất thống lĩnh 15.000 đại-binh thẳng tới Hán-dương tiếp ứng Nang-Ngõa. Tuất lĩnh mệnh dẫn quân chẩy đi, khi đến Hán-dương Nang-Ngõa đón vào trại, Tuất hỏi hết tình-thế quân Ngô rồi để một viên đại-tướng là Vũ-thành-Hắc và 5000 quân ở lại Hán-dương giúp Nang-Ngõa và dặn Ngõa phải đem đại-quân đóng dinh suốt giải bờ sông; bao nhiêu thuyền chài đò ngang ở khúc sông ấy phải bắt hết sang bờ bên này; thượng-lưu và hạ-lưu, phải có một đội thủy-quân đêm ngày tuần-tiễu, không cho quân Ngô cướp thuyền sang sông. Tuất tình-nguyện lĩnh một vạn quân qua Tàn-Tức diễu đến khủyu sông Hoài đốt hết thuyền bè của Ngô, và chẹn lấp các đường xứ đông, cho quân Ngô tuyệt lối về nước. Tuất lại hẹn Ngõa trong một tháng nữa tiếp được mật-tín của Tuất, thì đốc quân qua sông, hợp với quân Tuất vây đánh trại Ngô. Bàn định đâu đấy, Tuất từ-biệt Ngõa, dẫn quân chẩy đi Tàn-tức.

Tuất đi trong vài ngày : Vũ thành-Hắc và một viên ái tướng của Ngõa là Sử-Hoàng cùng sui Ngõa kéo quân sang sông đánh vào trại Ngô, để tranh công của Tuất. Ngõa nghe nhời, liền đốc đại-quân xuống thuyền, sang sông Hán, kéo thẳng đến núi Tiểu-Biệt giàn trận, Sử-Hoàng dẫn quân khiêu chiến. Bên kia Tôn-Vũ sai Phù-Khái nghênh-địch, Phù-Khái dem ba trăm dũng-sĩ dùng thuẫn còn gỗ to và nặng, gặp quân Sở quật đánh túi-bụi, Sử-Hoàng thua to, chạy tháo thân về dinh. Đêm hôm ấy Sử-Hoàng lại bàn với Ngõa kéo đại-quân đến núi Đại-Biệt, nhân khi bất-ý, đánh vào trại quân Hạp-Lư. Bên kia Tôn-Vũ và Tử-Tư biết trước việc đó, phục quân phòng bị. Khi quân Sở kéo đến Đại-Biệt, bị quân Ngô đổ ra đánh giết, quân Sở chết hại không biết bao nhiêu. Ngõa và Sử-Hoàng, Vũ-thành-Hắc liều chết xông ra vòng vây, dinh trại trên sông, cũng bị Tử-Tư lấy mất; ba tướng thu-thập quân tàn, ngay ban đem chạy về Bách-Cử. Lập trại xong, Ngõa ban với Sử-Hoàng muốn bỏ trại chốn về kinh cầu-cứu, Sử-Hoàng sợ bỏ trại trốn đi, thì quân Ngô kéo thẳng vào Hĩnh-Đô, muốn hết sức đánh một trận nữa, có chết cũng không sấu. Đương khi bàn-bạc phân vân, thì thấy báo có đại-tướng là Vỉ Xạ dẫn quân cứu ứng, Ngõa vội-vàng ra đón vào dinh. Trong khi bàn luận binh-cơ, Xạ với Ngõa không hợp ý nhau : Ngõa thì cậy mình quan to, không kính trọng Xạ, Xạ thì khinh Ngõa tài hèn, không đáng làm đại-tướng. Vì thế mỗi người đóng riêng một trại, công việc không ai bàn với ai.

Bên kia Phù-Khái dò biết tin ấy xin với Hạp-Lư đem quân đuổi Nang-Ngõa, Hạp-Lư không nghe, Phù Khái cứ dẫn 5000 quân bản-bộ hết sức theo đuổi. Tử-Tư biết chuyện, tức khắc dẫn quân tiếp-ứng. Phù-Khái đuổi đến Bách-Cử, đốc quân xông vào đánh trại Nang-Ngõa. Trong trại không phòng bị, quân sĩ, rối-rít tán loạn. Nang-

Ngõa không kịp lên xe, đi bộ chốn ra sau trại, bị quân Ngô bắn trúng vào cánh tay trái ; may gặp Sử-Hoàng dẫn quân bản-bộ đánh quân Ngô, cứu được Ngõa lên xe, và dặn Ngõa muốn chốn cứ chốn, Sử-Hoàng thì tình-nguyện chết với quân Ngô ; Ngõa run-sợ hết vía, đốc quân đẩy xe chạy tắt sang Trịnh. Hoàng quay lại vừa gặp toán quân Tử-Tư ; trong khi giáp trận, Hoàng vác kích xông xáo, chém chết hơn hai trăm người, rồi bị trọng-thương chết. Vũ-thành-Hắc cũng bị Phù-Khái chém ở trong trận.

Khi đó, con Vỉ-Xạ là Vỉ-Diên nghe thấy tiền doanh bị cướp, xin với cha đem quân ra cứu-ứng. Vỉ-Xạ không nghe, thân ra đứng trước cửa trại đàn-áp tướng-sĩ, vì thế trại quân vẫn giữ được vững, bao nhiêu bại-quân của Nang-Ngõa chạy cả đến đó ; Vỉ-Xạ hạ lịnh nhổ trại rút lui. Sáng hôm sau Phù-Khái nghe thấy Vỉ-Xạ rút quân tức khắc đốc dẫn tướng-sĩ đuổi theo ; Tôn-Vũ cũng sai Đường-hầu và Sái-hầu đem quân tiếp-ứng. Đuổi đến bến Thanh-Phát ; Phù-Khái bàn với Đường-hầu, Sái-hầu, hãy tạm lui quân, chờ lúc quân Sở sang sông một nửa, Phù-Khái đốc ba cánh quân nhất-tề xông đến đánh giết ; quân Sở chanh nhau xuống thuyền, đội quân rối-loạn. Vỉ-Xạ ngăn cấm không được, phải lên xe chạy chốn, chạy đến Ứng-phệ, tướng sĩ đói mệt, đỗ lại dữa đường đào đất làm lò thổi cơm. Cơm chín chưa kịp ăn, quân Ngô đã nhan-nhản kéo đến, quân Sở rối-rít chạy chốn, Vỉ-Xạ vấp xe, bị Phù-Khái đâm chết, Vỉ-Diên cũng bị quân Ngô vây bọc kín mít, hết sức xông-xáo không sao ra thoát. Đương khi nguy-cấp, chợt thấy góc đông-bắc có tiếng hò reo, thì là Thẩm-doãn-Tuất đem quân lại cứu. Nguyên Thẩm-doãn-Tuất dẫn quân đến Tân-Tức, nghe tin Nang-Ngõa bị thua, mới quay binh về, vừa đến Ứng-Phệ thì gặp quân Ngô đương vây Vỉ-Diên, Tuất liền chia quân làm ba cánh, đánh ập vào vòng vây. Phù-Khái không địch nổi, giải vây chạy ; Tuất toan đốc quân đuổi theo, lại gặp đại-quân của Hạp-Lư, giao chiến một trận, rồi hai bên cùng thu quân lập-trại. Tuất bảo với một người gia-thần là Ngô-câu-Ty rằng :

« Vì quan lịnh-doãn muốn tranh công, mà kế của ta không thành, cũng là việc giời vậy. Nay quân giặc mạnh thế lắm, ngày mai ta quyết một trận tử-chiến ; may ra mà được, thì có thể giữ được giặc không chân vào kinh ; vạn-nhất mà thua, thì ta gửi ngươi cái đầu của ta, chớ để cho quân giặc lấy được. »

Tuất lại bảo Vỉ Diên rằng :

« Cha ngươi đã chết vì giặc, ngươi phải giữ lấy tính mệnh, nên kíp về kinh bảo Tử-Tây liệu cách phòng-thủ đô-thành, kéo nay mai thì quân giặc kéo đến. »

Vỉ-Diên cúi đầu lạy tạ, rồi gạt nước mắt từ-biệt.

Ngày hôm sau, bên Ngô bên Sở giàn trận giao chiến, quân Thẩm-doãn-Tuất vốn là quân có kỷ-luật, khi vào trận cố chết xông-pha. Phù-Khái tuy khỏe, cũng không đánh đỗ ; đương sắp thua chạy, thì có Tử-Tư, Tôn-Vũ, Bá-Phỉ, Sái-hầu, Đường-hầu dẫn đại-quân kéo đến, xông thẳng vào trận quân Sở, làm cho quân Sở thất-điên bát-đảo. Thẩm-doãn-Tuất liều chết xông đánh, ra thoát vòng vây, mình bị vài mươi dấu thương, nằm ườn trong xe, liền bảo Ngô-Câu-Ty rằng :

« Ta không làm gì được nữa, ngươi phải lập-tức cắt lấy đầu ta, đem về trình với chủ-thượng. »

Câu-Ty dùng-dằng không nỡ, Tuất hết sức quát to một tiếng, rồi nhắm mắt lại. Câu-Ty không sao được, phải lấy gươm cắt đầu Tuất, cởi xiêm bọc lại, chạy về kinh đem trình Chiêu-vương.

Chiêu-vương hôm trước đã thấy Vỉ-Diên tất tả về triều, báo việc Nang Ngõa bị thua, Vỉ-Xạ chết trận, hôm ấy lại thấy Câu-Ty đem trình thủ-quắc Thẩm-doãn-Tuất, trong bụng bối-rối lo sợ, liền đòi con Tuất là Thẩm-chư-Lương giao cho thủ-quắc của Tuất đem về mai-táng, và phong Chư-Lương làm Diệp-Công. Câu-Ty lại tâu quân Ngô thế dữ lắm, nay mai chắc chân đến kinh-đô, xin phải liệu cách đề-phòng, Chiêu-Vương chuyền mời hai anh là Tử-Tây, Tử-Kỳ giao cho điều-đình công việc giữ kinh-đô. Hai người bàn định hồi lâu, rồi sai đại-tướng

là Đấu-Sào dẫn 5000 quân đóng tại Mạch-thành, chống giữ mặt bắc; Tống-Mộc dẫn 5000 quân đóng tại Kỷ-Nam chống giữ mặt tây; Tử-Tây tình-nguyện dẫn một vạn quân đóng tại cửa sông Lỗ-Phục chống giữ mặt đông; Tử-Kỳ thì xin đốc-xuất bọn Do-Vu Công-Tôn-Ngữ Thân-Bao-Tư đêm ngày tuần-tiễu quanh thành.

« Bên Sở điều-khiển vừa xong, thì quân Ngô đã kéo đại-đội gần đến Hĩnh-đô, Hạp-Lư họp các tướng hỏi mẹo đánh thành, Tử-Tư tâu:

Bốn mặt Hĩnh-đô thì mặt Nam xa hiểm, không tiện tiến quân; mặt đông là sông Lỗ-Phục tức là con đường tắt vào Hĩnh-đô chắc có đại-quân của Sở án-ngữ; muốn kéo quân vào Hĩnh, tất phải do mặt tây và mặt bắc, mà mặt tây có thành Kỷ-Nam, mặt bắc có thành Mạch-Thành, cũng là vây cánh của Hĩnh-đô. Xin chia quân làm ba cánh: một cánh đánh Mạch-Thành, một cánh đánh Kỷ-Nam; một cánh đóng tại mặt đông, phòng giữ toán quân Lỗ-Phục ứng cứu hai thành kia. Nếu hai thành kia mà vỡ, thì Hĩnh-đô quyết không giữ nổi. »

Hạp-Lư và Tôn-Vũ đều lấy làm phải, Hạp-Lư liền sai Tử-Tư và Công-tử Sơn dẫn một vạn quân hợp với quân của Sái-hầu đi đánh Mạch-Thành; Tôn-Vũ và Phù-Khái dẫn một vạn quân hợp với quân của Đường-hầu đi đánh Kỷ-Nam; Hạp-Lư tự dẫn đại-quân cùng Bá-Phỉ án-ngữ mặt sông Lỗ-Phục.

Về mặt quân Mạch-thành: Tử-Tư dẫn quân đến nơi, truyền lệnh quân sĩ dùng túi đất, đá vụn đắp hai vòng thành nhỏ ở phía đông và phía tây, sai Công-tử Sơn và Sái-hầu dẫn quân khiêu chiến, rồi cho Đấu-Sào ra đánh hai vòng thành nhỏ, rồi Tử-Tư thừa cơ kéo quân vào Mạch-thành, Đấu-Sào chạy về Hĩnh-đô.

Về mặt quân Kỷ-Nam. Tôn-Vũ kéo quân đến sông Trương, sai quân-sĩ đắp đê lấp khúc hạ-lưu, rồi sẻ ngòi tháo nước vào thành. Tống-Mộc thấy thành bị nước ngập, đem dân chúng chạy sang Hĩnh-đô, chẳng ngờ thế nước to quá, cả Hĩnh-đô cũng mông-mênh như bể, ngoài thành lại thấy quân Ngô thuyền bè như lá tre kéo đến chân thành, nhân-dân trong thành túi-bụi tìm đường chạy chốn. Chiêu-vương biết Hĩnh-đô không thể giữ được, mới đem Trâm-Doãn-Cố lẻn ra cửa tây, xuống thuyền trở ra sông Thư. Tử-Kỳ đương ở trên thành đốc xuất tướng sĩ giữ nước, nghe tin Chiêu-vương đã chốn, tức thì xuống thành, đem các quan theo đi hộ-vệ. Hĩnh-đô vô-chủ, không đánh cũng vỡ, Hạp-Lư và các tướng tự-do dẫn quân vào thành. Tôn-Vũ sai người phá đê cho nước chảy ra sông, và đốc quân bốn mặt canh giữ. Tử-Tư và Sái-hầu, Đường-hầu cũng về đó yết-kiến Hạp-Lư. Hạp-Lư truyền mở tiệc khao thưởng tướng sĩ. Đêm hôm ấy Tử-Tư xin Hạp-Lư ngủ ở trong cung vua Sở, bắt Sở phu-nhân bồi-tiếp, và bảo các tướng vào ngủ ở nhà các quan to, bắt những thê thiếp hầu hạ, để làm nhục vua tôi nước Sở. Đường-hầu, Sái-hầu nã nhà Nang-Ngõa thì áo cừu vẫn ở trong hòm, ngựa tú-sương vẫn ở tầu, hai vua lấy áo và ngựa đem dưng Hạp-Lư, rồi xin về nước; Công-tử Sơn bắt vợ Nang-Ngõa về dinh một đêm, hôm sau lại đưa sang dinh Phù-Khái; bao nhiêu vàng, bạc, gấm, vóc chứa đầy trong nhà Nang-Ngõa, cũng bị quân Ngô vơ-vét kỳ hết. Thương thay Nang-Ngõa lúc xưa lừng-lẫy đắc-thế, thu vét bao nhiêu tiền của thiên-hạ, đến lúc thất bại, còn mụ vợ già cũng không giữ được, nhục thật!

Quân Ngô làm nhục người Sở đã hết cách, Tử-Tư vẫn chưa mãn nguyện, bàn với Hạp-Lư muốn hủy-hoại các tôn-miếu nước Sở, Tôn-Vũ can rằng:

« Việc binh phải có danh-nghĩa; xưa Bình-vương bỏ con nhớn mà lập con nhỏ, người trong nước ai cũng phàn-nàn; nay con Thái-tử Kiến là Bạch-Thắng hiện ở nước Ngô, đại-vương nên đòi sang đây lập làm vua Sở để hắn chủ việc tôn-miếu nước Sở thay cho

Chiêu-vương, tất nhiên người Sở cũng yên lòng; mà Bạch-Thắng nhớ đến công-đức nước Ngô, chắc phải xuốt đời cống-hiến. Như vậy tuy là đại-vương tha nước Sở, cũng như lấy nước Sở, danh thực được cả vậy ».

Tử-Tư cốt muốn báo thù, nên không cho nhời Tôn-Vũ là phải, cố xin Hạp-Lư phá thủy tôn-xã của Sở; Hạp-Lư cũng tham đất cát nước Sở, nên mới không nghe Tôn-Vũ mà nghe Tử-Tư, ngay hôm sau truyền phá thần-chủ, đốt tôn-miếu của các vua Sở rồi mở một tiệc rượu cực to ở đền Trương-hoa, yến-hưởng quần thần. Trong khi dự tiệc, ai nấy vui vẻ, chỉ có Tử-Tư cứ nức-nở khóc không ra tiếng. Hạp-Lư hỏi :

« Quả-nhân tưởng cái chí báo thù của tiên-sinh nay đã thỏa rồi, sao tiên-sinh lại còn sầu-cảm như vậy ? »

Tử-Tư gạt nước mắt thưa :

« Bình-vương đã chết rồi, Chiêu-vương lại chốn mất, cái thù của cha anh nhà thần, muôn phần chưa báo được một vậy ».

Hạp-Lư hỏi :

« Vậy thì tiên-sinh muốn thế nào ? »

« Xin đại-vương cho thần đào mả, bẩy quan tài, chém đầu Bình-vương, mới hả cái giận của thần.»

Tiên-sinh giúp đỡ quả-nhân bao nhiêu công việc. Quả-nhân há lại tiếc cái sương khô của vua Sở mà chẳng cho tiên-sinh được hả lòng ! »

Tử-Tư tạ ơn lui ra, tra hỏi người Sở, biết mả Bình-vương táng ở cửa đông, dưới hồ trước đền Liêu, tức thì đốc quân-sĩ đắp bờ tát hồ, đào xuống đáy hồ, quả-nhiên có chiếc quan-tài bằng đá. Quân-sĩ bẩy quan lôi thây ra, lấy thủy-ngân nghiệm xem chính phải là Bình-vương. Tử-Tư trông thấy, khi tức đâu bốc lên đùng-đùng, rút văng cái roi đồng chín đóng, giang tay đánh-hạ đủ ba trăm roi, xương thịt gẫy nát. Tử-Tư lại lấy chân phải đạp lên bụng, tay trái móc vào mắt, hầm-hè mà rằng :

« Ai bảo mày giết cha anh tao ? »

Tử-Tư lại chuyền quân-sĩ chặt cổ Bình-vương, đem đầu lâu và hài cốt bêu ở quãng đồng khô, rồi đốc quân-sĩ tầm-nã Chiêu-vương.

Chiêu-vương hôm ấy đem Trâm-doãn-Cố chạy ra sông Thư, quay thuyền về Nam vào trầm Vân, đêm ngủ dưới thuyền, bị đảng giặc cỏ xuống cướp, Trâm-doãn-Cố phải cõng Chiêu-vương lên bờ chạy chốn. Sáng hôm sau, Tử-Tây, Tử-Kỳ, Tống-Mộc Đấu-Sào lục-tục tìm đến. Đấu-Sào tìm thuyền đưa Chiêu-vương về nhà, em Sào là Đấu-Hoài toan giết Chiêu-vương; Chiêu-vương biết truyện, lại đem bọn Tử-Tây chạy sang nước Tùy.

Tử-Tư thám được tin ấy, liền xin với Hạp-Lư đem đại-quân đóng ở phía nam nước Tùy, rồi sai sứ đưa thư bảo Tùy-hầu đem nộp Chiêu-vương. Tùy-hầu sai bói việc ấy, thấy quẻ không tốt, mới giấu Chiêu-vương một nơi, rồi sai sứ giả nhời rằng Chiêu-vương không chạy sang Tùy. Tử-Tư cho nước Tùy là một nước nhỏ, tất-nhiên sợ oai quân Ngô, không dám nói dối, vì thế mới tin là Chiêu-vương thực không ở Tùy; lại sực nhớ Nang-Ngõa ngày trước chạy sang Trịnh, tất-nhiên Chiêu-vương cũng chạy sang đó cùng ở, liền dẫn đại-binh đánh Trịnh. Trịnh-bá biết chừng quân Ngô mạnh tợn, không thể địch nổi, mới hạ lệnh trong nước hễ ai thoái được quân Ngô thì sẽ chia cho nửa nước.

(*còn nữa*)

NGÔ-TẤT-TỐ dịch thuật.

L'ESSOR INDOCHINOIS

88, Rue Pellerin SAIGON

Chủ-nhân : *CAO-VAN-CHÁNH* Quản-lý : *NGUYÊN-HUU-NGÂN*

Mỗi tuần ra hai kỳ — Mỗi năm giá 10$00. — Nửa năm 6$00

(Ai mua gửi thư và mandat cho ông Quản-lý).

Là một tờ báo đáng đọc

時事之部

THỜI-SỰ

Những cuộc hội-nghị trong nước

(Bài này chính nhẽ đăng kỳ này, nhưng vì nhiều bài quá, vậy hoãn đến kỳ sau.)

Cứu dân bị lụt

Ngót hai tháng trời nay, nước vỡ tứ-tung, bốn tỉnh Bắc-Ninh, Hải-dương, Hưng-yên, Thái Bình, kể cảnh khổ não thì chứa chan khôn hết, cứ như các nhà từ thiện tự xuất lực xuất tài, bơi thuyền lội nước vào tận các chỗ lụt to mà cứu-trợ cho nạn dân, thì phần nhiều đều công-nhận rằng tại các làng Cầu-đồng, Sài-đồng, Mai-phúc, Cầu-bây, Cự-linh, Ái-mộ trong huyện Gia lâm, hai huyện Duyên-Hà và Hưng-nhân thuộc Thái-Bình là khổ nhất. Người khỏe mạnh còn khá, chứ người bệnh-não già-nua, thì còn kham sao được những nỗi không cơm không cháo, hay nắng gắt mưa dầm trên mặt nước.

Trên Chánh-phủ cũng đã dục-dịch lập hội-đồng cứu-tế, chưa biết đích bao giờ thành. (1) Tỉnh Thái-Bình thì lập hội-đồng quyên-trợ đã được gần một tháng nay, sự phân-phát đã cứu được nhiều người lắm. Anh em Nam-Kỳ và Trung-Kỳ cũng đang quyên giúp dân Bắc ta.

Bà con tại Hà-thành, nhân vì đợi mãi chưa thấy hội-đồng cứu-tế thành lập như mọi năm, nên sợ rằng đồng-bào bị nạn, cái hơi sống sót chỉ còn thoi-thóp buổi sớm chiều, nên nhiều nhà đã tự xuất gia-nhân, thân-hành thuê thuyền tải lương thực đi chẩn-cấp tận nơi, để vội cứu lấy người đương đứa cơn nguy-cấp ; có người chịu khó vượt thuyền qua những chỗ nước chảy xiết tất hiểm-nghèo, vào những chốn thôn-xã xa-lánh, dỡ mái nhà gianh, lội vào tận nơi, cấp-phát cho những kẻ đỏ mắt đợi miếng ngô củ khoai làm hơi cứu sống ; ngày thời trở thuyền đi phát, tối lại thức xuốt đêm gói gạo, gói muối, thuốc men ; nhiều các bà các cô khuê-các thượng-lưu, bỏ hết việc nhà, mà may vội quần áo, dự bị lương-thực, phòng có tin ở đâu có nhiều người khốn-ách là tải đi ngay. Nghe đâu có một nhà dễ hết tâm-lực vào việc cứu trợ này, gom-góp với thân-thích bằng hữu từ độ nọ đến giờ được hơn 3 nghìn bạc cả thảy, mua lương thực, thuê luôn năm chiếc thuyền, ngày ngày đi khắp các nơi có lụt, cứu người, vớt xác, cho thuốc, cho ăn, cái lòng từ-thiện sốt-sắng của các ngài đã làm cảm-động bao nhiêu nhà từ-tâm khác, ai bận không đi được cũng mang tiền mang gạo đến nhờ phân-phát giùm. Cứu-tế thế mới là cứu-tế, khiến cho lại nhớ đến câu cổ-động cứu dân bị lụt năm xưa :

« Của trời mùa mất,
« Người chết nhà tan.
« Tình dân bị lụt khổ muôn vàn !
« Đồng-bào ai hỡi,
« Cứu nhau này lúc gian-nan ! . . »

Nghe càng bi-ai thống-thiết, nghĩ đến tình đồng-chủng mà sót ruột đau lòng.

Các bạn của bản-chí, nếu vì nào xa-xôi không thể tới nơi cứu-vớt đồng-bào được, bản-chí sẽ xin giới-thiệu với mấy ông bạn hàng ngày đi phân-phát cho nạn-dân, mà gửi chung vào cho tròn quả phúc.

(1) Khi xắp ấn hành, mới nghe tin rằng hội-đồng đã thành-lập. Lại nghe nói : quan Thống-Sứ đã ký nghị-định lấy một số tiền 100.000$ để cứu dân bị lụt.

Được tin ngày thứ bẩy 28 Août có một hội-đồng có quan Thống-sứ Robin chủ-tọa, các quan cai-trị Graffeuil, Dougues, Delsal, le Fonque, Romanetti, Poullet, Osier, Wintrebert, Gélim, Sénelar, quan Tổng-đốc Hà-đông, quan Tuần-phủ Phúc-yên, quan Tổng-giám đốc công-chính Pouyanne, quan chánh Kỹ-sư Lemai, quan Kỹ-sư Công-chính Auphelle họp để bàn cách đề phòng cái nạn thủy-tai về sau này. Chưa biết các ngài làm ra sao ?

Cuộc Quốc-trái

2.060.000 đồng bạc

(Mở chiếu theo luật ngày 6 Mai 1924 và chỉ-dụ của quan Giám-quốc ngày 12 Mai 1926)

Chánh-phủ Toàn-quyền Đông-Pháp được phép mở quốc-trái 2 triệu 6 vạn đồng bạc; vậy từ ngày 1er đến ngày 15 Septembre sẽ phát ra mà bán 41.000 vé vô-danh, nghĩa là trong vé không có đề tên ai mà để cứ ai cầm vé thì là chủ.

1°. — Mỗi vé năm chục đồng bạc;

2°. — Khi mua vé, phải giả cả 50 đồng;

3°. — Lãi mỗi năm 8%, nghĩa là mỗi vé ăn lãi 4$00 một năm; vé Quốc-trái không phải chịu thuế gì từ nay về sau nữa, dẫu ở bên Pháp hay ở Đông-Pháp nay cũng vậy.

Lãi sẽ giả sáu tháng một kỳ; vậy mỗi năm đến ngày 15 Mars và 15 Septembre thì sẽ giả lãi; đến ngày 15 Mars 1927 thì sẽ giả lãi lần đầu cho mỗi vé là 2$00.

4°. — Hoàn lại tiền vé thì dùng cách xổ số; khi hoàn lại thì mỗi vé sẽ hoàn đủ 50$00. Còn xổ số cho biết vé nào được hoàn vốn, thì định mỗi năm sẽ có hai kỳ xổ số tại nhà Đông-Pháp ngân-hàng Hanoi; ngày 1er Février 1927 sẽ xổ lần đầu.

Tự năm thứ mười sáu sau năm phát hành công-thái, nghĩa là tự năm 1942, chính-phủ Đông-dương sẽ dùng hết cách để trả cho chóng hết nợ.

Tiền lãi hoặc tiền hoàn vốn đều phát tại Đông-Pháp ngân-hàng hoặc các chi-điểm của ngân-hàng ấy.

5°. — Ai cho vay thì bắt đầu từ ngày 1er Septembre 1926, cứ đến các kho bạc nhà nước, hoặc nhà ngân-hàng cùng chi-điểm ngân-hàng mà mua vé; không phải phí-tổn gì cả; muốn mua mấy vé cũng được. Nhưng Chính-phủ Đông-Pháp có quyền định-chỉ cái số vé cho mỗi người vay, nghĩa là ai cho vay từ năm vé giở lên thì Chính-phủ có thể rút số vé lại là năm vé mà thôi: những người cho vay năm vé dở xuống thì không bớt gì cả.

Nếu chưa tới ngày hết hạn bán vé, mà Chính-phủ Toàn-quyền xem thấy số cho vay toàn là những người cho kém 5 vé mà số tiền thu đã đủ 2 060.000 đồng rồi, thì sẽ được quyền thôi không bán vé trước ngày 15.

6°. — Các phiếu bán thì giao ngay cho người mua lúc bỏ tiền mua phiếu ấy, chậm lắm là đến ngày hết hạn phát hành.

*
* *

Quốc-dân nên biết rằng cuộc quốc-trái này thực là một dịp lợi ít có vì những nhẽ này:

Vé biên bằng số tiền bạc thì bao giờ giá cũng y nguyên, không có khi nào lên xuống gì. Lãi cũng giả bằng bạc, mà không phải trả thuế gì, thành ra vừa được lãi cao, lại vừa chắc-chắn. Lại còn hai sự tiện-dụng như sau này:

1°. — Ở kho bạc, sẽ bằng lòng nhận những vé quốc-trái này làm bảo-lĩnh;

2°. — Những vé này, sẽ được bán tại Đông-Pháp theo như nghị-định 24 Mai 1922.

Các báo mới ở Nam-Kỳ

Nam-kỳ trước kia vẫn là một đất có nhiều báo nhất Đông-Pháp. Thế mà gần đây, lại thấy các báo mới xuất-bản thực nhiều: thật là *« so với mấy năm về trước, đã như giời mới mở lòng khai khiếu cho giống người Việt-Nam »*. Lập hiến-đảng đã có ông *Bùi-quang-Chiêu* mở báo **La Tribune Indochinoise** làm cơ-quan, bản-chí đã giới-thiệu cùng đồng-bào trong kỳ trước. Nay lại nghe tin có

những báo mới khác nữa, xin bày tỏ để đồng-bang cùng biết :

Nhật-Tân-báo mới xuất bản một tờ bằng chữ Pháp, danh hiệu là **L'Ere Nouvelle**. Số đầu đã ra ngày 17 Août. — Báo này mỗi tuần lễ xuất bản hai kỳ, sẽ cùng một chủ-nghĩa với báo **Nhật-Tân**, làm cơ-quan cho phái lao động. Chủ-bút là ông *Tự-Do*; chắc đồng bào cũng đã biết tiếng ông : ông thật là một tay kiện-tướng trong báo-giới Nam kỳ; tư khi còn báo *La Tribune Indigène*, ông đã từng có phen hô-hào trên đàn ngôn luận; báo **Tribunal Indigène** mất đi rồi, ông gác bút một độ, rồi nghe như lại ra viết báo *l'Opinion* Saigon. Ngày nay ông ra đứng chủ-bút báo *L'Ere Nouvelle*, chắc sẽ đem hết tài-lực mà truyền-bá những tư-tưởng mới về xã-hội, và bênh-vực lợi-quyền cho bọn lao động nước nhà. Bản-chí mong cho ông ngôn luận được như ý, mong cho tờ *L'Ere Nouvelle* được xã hội hoan-nghinh mà ngày càng phát đạt.

Ông *Nguyễn-Phan Long* và ông *Bùi-Quang Chiêu* đã được phép mở một tờ báo quốc âm, xuất bản hàng ngày, nhan đề là **Ngọn Đuốc nhà Nam** (*Le Flambeau de l'Annam*,—Nói đến ông Nguyễn và ông Bùi thì chắc ai ai cũng biết rằng : ông *Nguyễn-Phan-Long* là chủ-nhân báo *Écho Annamite*, mà ông *Bùi-Quang Chiêu* là lĩnh-tụ lập-hiến đảng Đông pháp. Hai ông đã xuất bản báo mới này, đồng bào Nam-Việt ta có thể chắc rằng **Ngọn Đuốc nhà Nam** sẽ là một cái cơ quan để bênh-vực quyền-lợi người Nam, **Đuốc nhà Nam**, cái tên sáng-sủa thay ! Bản-chí ước ao rằng ngọn đuốc sẽ ngày một tỏ-rõ, sao cho sáng rực một phương Nam sao cho soi khắp nơi hang cùng ngõ hẻm mà chiếu, sáng cho người Nam.

Bản-chí lại mong rằng dân Việt Nam sẽ nhiệt thành mà giúp ông Nguyễn và ông Bùi đốt cho sáng **Đuốc nhà Nam**.

Ông *Cao-văn-Chánh*, tổng-lý báo *Essor Indochinois* (là một tờ báo Pháp-văn đã xuất bản ở Saigon được vài năm nay) nay cũng xin được phép mở một tờ báo quốc-văn : báo tên là **Tân-thế-kỷ**, khi xuất bản sẽ ra mỗi ngày một kỳ : nhưng chưa rõ đã xuất bản chưa ?

Lại ông Đốc-Tờ *Lê Quang-Trinh* cũng được chính phủ cho xuất bản một tờ báo quốc âm. Nghe như báo ấy sẽ đặt tên là **Van-Minh báo** nhưng không rõ bao giờ sẽ ra đời, mà xuất-bản ra cách thế nào ?

Ông *Trần-quang-Nghiêm* cũng được mở một tờ báo quốc-âm, nhan-đề là **Pháp-Việt nhật gia** (*L'Entente franco-annamite*) ; báo này mỗi tuần lễ sẽ ra ba kỳ, nhưng hình như còn chưa ra đời.

Bản chí xin có nhời chúc mừng bạn đồng-nghiệp mới ; mong rằng các bạn sẽ tận tâm làm việc cho đồng-bào ; và xin giới thiệu cùng đồng bào.

Giới thiệu sách mới

Bản-chí tiếp được những quyển sách sau này, xin giới-thiệu để đồng-nhân cùng biết :

1. — **Tập tùng-biên của hội Trí-tri Haiphong** : Tập này ba tháng xuất bản một kỳ. Mục-đích để thâu thái lấy những tư-tưởng học thuật đông tây, bồi-bổ nền quốc-văn và truyền bá chủ nghĩa của hội. Thể-tài thì giống như một quyển Tạp-chí. Tòa soạn của tùng-biên có những ông sau này : Vũ-Túc biệt hiệu Trác-ngọc, Trần-văn-Thược biệt hiệu Tang-chi, Nguyễn-xuân-Sơn biệt hiệu Đạm-quang, Nguyễn-thế-Nức biệt hiệu U-lan, Vũ-Kính biệt hiệu Tòng nông, Đinh-gia-Hân biệt hiệu Cảnh-viêm. — Nhà in Nguyễn-Kính công-ty Haiphong ấn hành.

3. — **Sách luận quốc-văn**, dùng cho học trò thi bằng **Sơ-học yếu-lược**. — Soạn giả : Nguyễn-văn-Nhã, giáo học trường Bắc-ninh, sách này là một quyển sách dạy về cách làm luận và có những bài luận đã làm sẵn hoặc mới ra đầu bài; tất cả 120 bài, đủ sáu loại văn: tả cảnh, tả người, tả vật, kể truyện, bàn luận, viết thư. Thực là sách có ích cho các cậu đi thi **Sơ-học yếu-lược**. — Dày 82 trang, giá bán 0 $ 30. — Quan-Phương ấn-quán Hanoi ấn hành.

4. — **Một trăm bài ám-tả** của ông Lê Diễm soạn cũng là một quyển sách giáo-khoa dùng cho các trường Sơ học Pháp-Việt. Sách soạn rất công phu, theo chương trình nhà nước, những bài ám-tả trong sách có ít bài của soạn giả, còn toàn trích những văn thơ của các nhà văn-nhân thi-sĩ đời xưa và đời nay, dưới mỗi bài, có một bài hỏi để các học-sinh giải nghĩa, hoặc hỏi về ý-tứ trong bài, hoặc hỏi về lịch-sử tác giả, hoặc hỏi về mẹo quốc-ngữ. Sách này bán tại nhà soạn giả ở phố hàng Đẫy số 23 (rue Duvillier) Hanoi, mỗi quyển 0 $ 30. — Văn Minh ấn-quán ấn-hành.

5. — **Hai ngày ở Am-dật-sĩ Nguyễn-duy-Chính**, là một quyển tiểu thuyết mới, ông Nguyễn-văn Lịch soạn ra, sách dày 68 trang, giá bán 0 $ 45, Nhà in Kim-Đức-Giang Hanoi ấn-hành.

6. — **Đảng « Mắt yêu »** là một bộ trinh-thám tiểu-thuyết của ông Vũ-công-Định dịch-thuật. Quyển thứ nhất đã xuất bản, còn độ 4, 5 quyển nữa thời hết bộ, giá mỗi quyển 0 $ 04, dầy 16 trang. — **Duy-Tân thư-quán** 15 Phố Blockhaus Nord Hanoi xuất bản.

(Những quyển mới nhận được, không kịp giới-thiệu vào kỳ này, xin để đến kỳ sau.)

LỆ DĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-hí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 %. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHI

Số 5 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Septembre 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1144

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP CHÍ
安南雜誌
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết**	*Vấn-đề lập các trường công-nghệ ở các tỉnh Trung, Bắc-kỳ. Hỏi các nhà tư bản.*
2 — **Dư-luận**	*Mấy lời ngỏ cùng các ngài cường-hào.*
3 — **Thực-nghiệp**	*Một thương hội mới: Hưng-nghiệp hội-xã.*
4 — **Pháp-chính**	*Việc pháp-luật: việc sự hạn-chế luật câu-thúc thân-thể.*
5 — **Văn-học**	*Thế-giới vĩ-nhân liệt-truyện: Hoàng-Hưng.*
	Thư ngỏ cùng các viên-chức trong nước ta.
	Văn-thơ.
	Ngô-Việt xuân-thu (tiểu-thuyết).
6 — **Thời-Sự**	*Bắc-Kỳ nhân-dân đại-biểu-viện — Việc Quốc-trái. — Hội nhân-dân-quyền Nam-kỳ. —Giới-thiệu sách mới.*

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ:
từ mồng 1 đến ngày 15; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4$00**; Nửa năm, **2$20**; Mỗi số **0$20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT:
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 5 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Septembre 1925

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

VẤN-ĐỀ LẬP CÁC TRƯỜNG Công-nghệ ở các tỉnh Trung, Bắc-kỳ

Gần nay, nhân việc nước lụt, các nhà hữu tâm với xã-hội, lo sự sinh-hoạt của bần-dân, nghĩ ra nhiều vấn-đề, hoặc muốn lập hội thường-trực để phòng cứu-tế nạn dân trong những lúc thủy-tai, hoặc muốn di-dân trung châu để khai-khẩn hoang-điền ở các hạt thượng-du hải-ngạn, hiệu-quả tuy chưa biết ra sao, mà chút lòng đối với đồng-bang, đều là đáng quí. Tôi tuy không có kiến-thức về phương-diện kinh-tế, song nghĩ cảm mộ tấm lòng tốt của các Ngài đối với dân nước, mà cũng muốn xướng ra một vấn-đề. Nhà ngôn-luận chỉ có ngôn-luận để cống hiến đồng-bào, còn như thực-hành cho được có hiệu-quả ích quốc lợi dân thời phải đợi ở các nhà thực-hành nghĩ sao vậy.

Vấn-đề của tôi muốn xướng ra, tức là "*lập các trường công-nghệ ở các tỉnh Trung, Bắc-kỳ*"; xin bầy tỏ như sau, để độc-giả cùng xét.

1° — Nói về lý-do nên lập trường — Nước ta xưa kia, các học-trò đều theo học chữ Hán, người hiển-đạt thời ra làm quan, kẻ kém thua thời xoay về làm thuốc, dạy học; tuy rằng cùng đạt có khác nhau, song đã có ít nhiều đèn sách công-phu thời dẫu không

võng lọng nghênh-ngang, mà lủi-thủi thôn-quê, cũng khỏi phần đói rét. Bởi thế cho nên những con nhà nho-học, thường vẫn có mấy chữ « *an bần lạc đạo* » để làm câu tiêu-khiển nhất sinh. Nho-vận đã qua, Âu-châu chàn tới; hết thẩy các con nhà thượng hạ-lưu trong xã-hội, nếu có muốn dật mồi chung đỉnh, tất do Pháp-học xuất thân. Ai nào tài dỏi bước cao thời phú-quí công-danh, cũng chẳng khác ông Nghè thủa trước ; còn những kẻ phận hèn của ít, không lấy sức đâu theo học, thời tiến lên chẳng được, mà lui xuống cũng rầy. Số người học chữ Pháp mỗi ngày một nhiều thời những người nhỡ bước như thế cũng mỗi ngày một nhiều; người nhiều mà việc ít, cho nên kiếm được một việc làm ngang tắt để dung thân, cũng lại là không dễ. Vì thế cho nên hiện nay đã nhiều những con em thất-học, muốn tòng sự mà không biết đệ đơn vào nơi nao; lui về thôn-quê thời không có cảnh-thú an bần ; đói rét thiết đến thân mà liêm sỉ khó giữ. Bởi thế cho nên trong xã-hội mới sinh xuất nhiều những thứ người đê-mạt, gả quẻ ăn quần, lợi-dụng thành phong; lại như khôn chẳng ăn ai thời thật là khó nghĩ vậy. Một số người như thế, tương-lai sẽ mỗi ngày càng thêm mãi; nếu không tìm được cách làm cho yên ấm, thời không những có hại cho phong-hóa của xã-hội, tư-cách của quốc-dân, mà sự trị-an của Chính-phủ có khi cũng có phần quan-ngại. Vì một nhẽ đó mà các tỉnh nên lập trường công-nghệ, mỗi tỉnh nên có lập một trường công-nghệ, để dung thụ những con em thất học, đào tạo cho có nghề. Kẻ đã có nghề thời ấm no mà yên thân ; trong nước ít những kẻ vô nghề thời phong-hóa mới mong tốt, tư-cách quốc-dân mới mong hay, Chính-phủ mới mong sự trị-an tiến-hóa. Nghĩ như thế thời cái vấn-đề "*lập trường công-nghệ ở các tỉnh*" thực là một sự rất quan-thiết cho nước ta ngày nay, mà lại càng cần lắm cho hai xứ Trung, Bắc vậy.

2° — Nói về đại-lược sự hành-động. — Nhẽ nên lập trường đã như thế, còn về sự hành-động thời tôi xin nghĩ đại-khái rằng:

1. — Phàm các tỉnh ở hai xứ Trung, Bắc-kỳ, các quan Tuần, Án, Phủ, Huyện hợp giấy xin với quan Công-sứ ở bản-tỉnh, tư xin quan Thống-sứ, Khâm-sứ, cho lập hội quyên tiền trong hàng tỉnh để lấy xung vào phí lập trường và các sự chi dụng.

2. — Khi lập hội thời có các quan tỉnh tây nam, các quan phủ huyện, các viên chức tòng-sự ở các toà sở ty nha, các thân hào trong hàng tỉnh cùng họp, để bàn định về sự lập trường và sự quyên.

3. — Sự lập trường tùy theo trong tỉnh-hạt sản về những nguyên-liệu gì, thời lập trường dạy về những công-nghệ ấy.

4. — Kinh-phí về sự lập trường và các khoản chi-dụng liệu phải có một số tiền là bao nhiêu, do hội-đồng bàn định, rồi tính về sự quyên.

5. — Sự quyên tiền, một là quyên ở các quan lại đương chức, hai là quyên ở các thân hào phú-hộ, ba là quyên ở các dân-xã trong tỉnh-hạt; do hội-đồng bàn định quyên ở những ai là bao nhiêu, những xã nào là bao nhiêu, ít nhất cũng phải tính cho đủ số tiền để kinh-lý lúc ban đầu và để nuôi học-trò trong năm thứ nhất.

6. — Từ năm thứ hai giở đi, phí lập trường và các đồ vật dùng trong nhà trường không phải cần đến tiền nữa, thời mỗi năm chỉ quyên lấy một số cho đủ nuôi học-trò mà thôi.

7. — Mỗi năm, những học-trò trong tỉnh-hạt xin vào học, phải có dân-xã kê khai, do hội-đồng lượng tính trong số tiền của hội có thể chi cấp. Nếu số tiền của hội có vừa, mà số học-trò xin vào học nhiều quá, thời hội phải tùy theo số dân-xã nhớn bé mà nhận cho mỗi xã là mấy người.

8. — Các người giữ việc, do hội-đồng cắt đặt, mà thầy giạy thời xin ở Nhà-nước cấp cho.

9. — Tên hội đều đặt là « *công-nghệ học-hội* » mà lấy tên tỉnh đặt lên trên ; như tỉnh Sơn-tây thời đặt là "山西工藝學會 *Sơn-tây Công-nghệ học-hội,*" » tỉnh-Bắc-ninh thời đặt là 北寧工藝學會 *Bắc-ninh Công-nghệ học-hội* ". » Tên trường đều đặt là « *Công-nghệ học-đường* » mà cũng lấy tên tỉnh đặt lên trên, như " 山西工藝學堂 *Sơn-tây Công-nghệ học-đường,* " 北寧工藝學堂 *Bắc-ninh Công-nghệ học-đường.* "...

10. — Tỉnh nào nhỏ quá, hoặc là tỉnh to ở thượng-du liệu có ít số học-trò xin học thời hai tỉnh chung làm một hội, một trường ; tên hội và tên trường lấy theo mỗi tỉnh một chữ trên để đặt.

Đây là tôi chỉ biết được đại-lược như thế ; còn như đến lúc thực-hành thời tỉnh nào tự có các ông hội-viên trong tỉnh ấy chủ tính cho thế nào là lợi ích vậy.

3. Nói về hiệu-quả sự lập trường. — Nghĩ về sự lập trường như thế thời hiệu-quả được có những lợi-ích như thế nào?

Nói về hiện-tại thời dung thụ được những con em thất học, có nơi có chốn, được ăn được học, khỏi đến vô-lại mà làm hại cho phong-hóa, nguy cho sự trị-an. Nói về tương-lai thời công-nghệ nước nhà sẽ nhờ đó mà ngày càng phát-đạt, hàng-hóa xuất cảng sẽ mỗi ngày một hơn. Lại tính về xa rộng ra nữa thời thực có ích cho sự khai dân-trí. Số học-trò công-nghệ mỗi ngày một nhiều, trong nước nếu có chật chỗ thời có thể đi ra ngoại-quốc mà tìm cách sinh-nhai. Trong tay đã có nghề thời đến đâu cũng không lo đói, mà không phải chịu khổ-sở như những người đi ứng mộ làm phu kia; lại hơi có học-vấn thời cảm-thụ được văn-hóa của nước người không khó. Ấy tức là trong nước có một số người du-học rất đông vậy. Số người ấy mỗi ngày mỗi đông, kẻ đi

người về, giao-thông trí-thức, tự-nhiên dân-trí ngày khai. Đó là ba cái lợi-ích rất nhớn cho nước cho dân, mà do sự *lập trường công-nghệ* này sẽ thu được cái hiệu-quả như thế vậy.

Phàm một việc gì muốn lập thành, tất phải có cái khó; tính phần lợi-ích có xứng-đáng với cái khó thời nên làm. Cứ như một việc này tính ra, tưởng không lấy gì làm khó lắm, mà lợi ích thực nhiều; những người đản anh trong xã-hội mà có lòng nghĩ đến con em, không nên bỏ nhãng vậy. Một sự công-ích đó, cơ-quan hành-động, một là ở các vị trong quan-trường, hai là ở các vị thân hào trong hàng tỉnh; nếu các ngài làm cho thành được, thời dưới đối với quốc-dân, trên đối với Chính-phủ, giá-trị không biết là nhường bao!

Tản-Đà Nguyễn khắc-Hiếu

Bài ca khuyên người giúp dân lụt

Này những ai, này những ai,
Ai có nghe rằng việc thủy-tai,
Tỉnh Bắc, tỉnh Đông cùng tỉnh Thái,
Ruộng ngập, nhà chìm, thây chết chôi.

Thây chết chôi, thôi thời thôi,
Ai người tìm vớt lúc thiên-tai.
Những mạng chết ai đành đã thế,
Người còn sống sót nghĩ thương ôi!

Nghĩ thương ôi, ai những người,
Giời làm tai-vạ, biết kêu ai;
Đói thời chịu đói, rét chịu rét,
Đầy vơi mặt nước, lệ đầy vơi.

Lệ đầy vơi, tình chia-phôi,
Bồng bế con thơ bán khắp nơi;
Năm hào một đứa trẻ lên sáu,
Cha còn sống đó, con bồ-côi.

Con bồ-côi, tình thương ơi!
Giời làm tai-vạ phải chia-phôi;
Sinh con ai có đang lòng bán,
Thương con nào biết lấy gì nuôi.

Lấy gì nuôi, lúc thiên-tai,
Chẳng có ngô mà chẳng có khoai.
Miếng ăn chẳng có, con nhìn bố.
Nòng-nỗi như kia đáng ngậm-ngùi.

Đáng ngậm-ngùi, ai hỡi ai,
Ăn xung mặc sướng ngồi thảnh-thơi.
Nghĩ kẻ cơ hàn nơi nước lụt,
Như ai khi cũng dạ đầy vơi.

Dạ đầy vơi, thương cùng ai,
Thương người khổ hại lúc thiên-tai.
Hai chữ "đồng-bào" ân nghĩa nặng,
Đùm nhau lành rách hỡi ai ơi.

Hỡi ai ơi, ai những người,
Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi.
Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
Cứu kẻ bần-dân lúc thủy-tai.

Lúc thủy-tai, này ai ơi,
Qui tiếc yêu thương lấy giống nòi.
Con cháu rồng tiên khi đã bĩ,
Đừng nên rẻ-rúng bỏ nhau hoài!

Tản-Đà

1. Ngài nào ở xa mà có lòng cho tiền giúp dân bị lụt, xin cứ viết thư về hỏi; Bản-chí nếu biết ai là người đứng lên làm việc từ-thiện đó, sẽ xin giả nhời để các Ngài rõ. **An-Nam tạp-chí**

HỞI CÁC NHÀ TƯ-BẢN TA

Gần nay xem báo, thuỷnh-thoảng lại thấy nói đến việc "**mộ phu Bắc kỳ sang Tân-thế-giới**", chuyến thì 500, chuyến thì 300.

Cứ nghe nói đã tưởng xứ Bắc-kỳ, xứ Đông-Pháp cũng mắc phải cái họa "thừa miệng ăn" như phần nhiều nước châu Âu cùng một vài nước ở châu Á; kỳ thực có thế đâu.

Nước Nhật-Bản tính ra mỗi một ky-lô-mét vuông có					125	người ở.	
Nước Ấn-Độ —	—	—	—	—	58	—	—
Nước Ý Đại-Lợi	—	—	—	—	115	—	—
Nước Pháp —	—	—	—	—	71	—	—

Trong những nước như thế, một phần dân phải tha-phương cầu-thực đã đành. Đông-Pháp ta, toàn cõi được hơn 70 vạn ky-lô-mét vuông, dân số 18 triệu, tính ra mỗi ky-lô-mét vuông không quá 26 người ở; thế mà đã phải tìm cách làm cho bớt miệng ăn trong nước đi ư? Phương-chi xứ Bắc-kỳ có miền thượng-du; xứ Trung-kỳ có một miền rừng núi chạy xuốt từ bắc đến nam; Nam-kỳ thì từ tỉnh Tây-Ninh trở lên bắc, từ Hà-Tiên đến Bắc-Liêu ở phía tây; lại như Ai-Lao, Cao-Miên, nhiều chỗ đi hàng ngày giời không thấy bóng người, lắm nơi hoang-vu cơ-hồ không có người ở, mà nào có phải bãi cát dữa Phi-châu, hay là đồng rêu gần Bắc-cực gì đâu? Trung-kỳ, Ai-Lao, Cao-Miên biết bao nhiêu rừng gỗ qui, lại có những nội cỏ mông-mênh, có thể dùng để mục-súc. Nam-kỳ biết bao nhiêu đồn-điền, chỉ vì chưa trông thấy cái cầy cái bừa mà còn phải bỏ hoang. Đến như xứ Bắc-kỳ, trong hai miền thượng-du và trung-du, còn thiếu gì nguồn lợi: nào rừng, nào mỏ, nào nơi có thể giồng-dọt, nào chỗ có thể chăn-nuôi, biết bao nhiêu là việc có thể mở mang, còn bao nhiêu là cách có thể kinh-tế. Nguồn lợi trong nước sẵn như thế, mà dân nghèo còn phải xuất-dương đi làm thuê cho người, đó là lỗi tại ai? Há chẳng phải là lỗi các nhà tư-bản ta ư?

Nói rằng nước ta "ít nhà tư-bản lắm", hoặc không có nhà "đại tư-bản", thì tôi đây xin không chịu. Nước ta chưa được cái hân-hạnh có những tay cự-phú như *Carnegie*, *Rockefeller*, *Henry Ford* ở nước Mỹ, *Krupp*, *Hugo Stinnes* ở nước Đức, vân vân. Nhưng chắc ai cũng phải công-nhận rằng những nhà giầu từ vài mươi vạn cho đến mươi mười lăm triệu, thì từ Bắc chí Nam, một giải sơn-hà ta, không phải là không có. Nhưng than ôi! ông thì tính nước « bỏ vốn làm nhà ở các nơi đô-hội mà cho thuê là hơn hết, bởi vì lấy gọn đồng tiền »; ông thì lấy điều « có ruộng cho nhà quê lĩnh canh để lấy rẽ làm vừa nhẹ mình, vừa nên âu-huệ»; ông thì chủ-ý "tích bạc để cho vay lấy lãi, vừa không phải xuy-tính gì, vừa có người ra luồn vào cúi, mồng năm ngày tết thức nọ thức kia ». Nói tóm lại, trừ ra một vài người rất hiếm, còn thì phần nhiều nhà tư-bản ta cứ giữ cái lối « *gà quẻ ăn quẩn cối say* », lấy ai là người có được cái tham to-tát, biết mưu được những việc đại-đoạn?

Những nhà tư-bản ta sở-dĩ vẫn khư-khư kinh-tế theo mấy lối nhỏ hẹp như trên kia, có lẽ cũng vì chưa ai nghĩ đến rằng còn nhiều cách kinh-tế đã lợi cho mình hơn, lại lợi cho đồng-bào, lợi cho nhà nước, rất có ảnh-hưởng sâu xa trong xã-hội, làm một việc như thế thì người bỏ tiền ra được cái khoái-lạc tiền triệu khôn mua.

Nay ta hãy thử xét riêng về mặt canh-nông. Như xứ Bắc-kỳ, ngoài cái khu đồng bé hẹp kia ra, còn miền thượng-du biết bao nhiêu là đất bỏ hoang cùng đồi không giồng dọt.

Viết đến đây, tôi đã biết trước tất có người phản-đối rằng: « Đã hay rằng có đất-đai thừa, nhưng lại phải cái nỗi nước độc, thì lợi nào cho bõ, mà đã dễ mộ được nhân công lên ?» Xin đáp rằng: Trừ những nơi gần mỏ đồng mỏ kẽm, còn phàm những chỗ nào có thể giồng-dọt được thì nước không bao giờ lại độc đến nỗi vô-phương bổ-cứu. Duy có một điều đáng sợ là để cho muỗi đốt, giống muỗi đốt đã hút máu ta, lại truyền trùng bệnh sốt rét vào mình ta, thực là tên đại-thù của những nhà đi đường ngược. Xét kỹ ra trăm người sốt rét đều bởi muỗi đốt cả. Một nhà khảo-cứu tây đã từng ở hàng mấy tháng trong một vùng nước Í-Đại-Lợi xưa nay có tiếng là độc nước, mà không hề phát bệnh lần nào. Sở-dĩ được như thế là vì nhà ở, cửa nào cũng căng lưới sắt, muỗi không chui qua được. Ngay ở nước ta, trong Nam-kỳ, những nơi bây giờ ta trông thấy những cây cao-xu xanh tốt, trước tưởng dễ thường bước chân đến đấy thì không ai còn đem được thân về. Nhà nước có bắt những nhà đồn-điền ở đấy trù nơi ăn chốn ở cho thợ thuyền phu-phen dùng như phép vệ-sinh, vì thế cho nên không có người ngã nước. Đôi khi có người phát sốt rét, xét đến nơi thì là tại thức đêm thức hôm, đánh cờ đánh bạc, sơ-xuất để cho muỗi đốt đến người, nên mới sinh bệnh. Về phần riêng tôi, tôi cũng đã từng ở nơi nước độc, vẫn tưởng người nào ẻo-lả thì ốm trước và năng ốm là phải; nhưng xét ra thì không cứ, nhiều khi chính những người sức-vóc lại hay đau. Vì cậy rằng có sức sẵn, không quan-phòng, để cho muỗi đốt nên hóa ốm. Lạ nhất là có một tên người nhà, khi mới lên sức-vóc vào hạng nhất, đỏ da thắm thịt; nước cũng dùng nước lọc, trước còn mười ngày một cơn, sau vài ba ngày một cơn, sau cùng liên-miên ốm hết ngày ấy sang ngày khác đến nỗi phải thải về. Xét ra chỉ tại đêm ngủ không có màn, để cho muỗi đốt nên mới đến nỗi như thế.

Tôi sở-dĩ phải nói dài về quãng này, là vì muốn phá cái án ta vẫn thường kết cho miền thượng-du. Tôi xin nhắc lại: Nước độc không lấy gì làm sợ, duy phải giữ, chớ để cho muỗi đốt thì không lo gì.

Nước độc đã có cách quan-phòng; vốn lại có, nhân công lại sẵn, vậy ta còn đợi gì mà không lên khai-khẩn miền thượng-du? Khai-khẩn miền thượng-du lợi cho nhà tư-bản bội phần, điều đó đã cố-nhiên, vì rằng ruộng đất có thể xin không, dù có phải phá hoang tốn-kém, song so với giá mua vẫn còn lợi nhiều. Vả lại thường thường có thể được liền thửa hàng trăm hàng nghìn mẫu, cũng vì thế mà mọi khoản chi-tiêu đồ đồng được, nên dỡ tốn nhiều, đó cũng lại là một điều lợi. Ngoài những cái lợi đó, là lợi thành tiền cho nhà tư-bản, lại còn nhiều lợi khác, có thể có ảnh-hưởng sâu xa đến xã-hội, xin lược kể sau này:

1° — *Trước hết làm cho bớt miệng ăn ở trung châu đi.* — Tuy ở toàn cõi Đông-Pháp tính ra mỗi ky-lô-mét vuông chỉ có 26 người ở, nhưng nhiều tỉnh, đại-khái như Thái-Bình, Nam-Định ở Bắc Kỳ, tính ra mỗi ky-lô-mét vuông có đến hai ba trăm người ở. Ruộng tốt quá được linh trăm thúng thóc và cũng chỉ cấy được đến hai mùa là cùng, thế mà người thì nhiều, gặp năm phong-đăng hoà-cốc đã vậy, phải năm có thiên-tai thì tránh sao cho khỏi đói kém, trách chi một số đồng-bào chẳng phải đem thân đi mãi tận đâu đâu để kiếm miếng mà ăn. Bằng nay có nhiều nhà tư-bản biết bỏ vốn ra lên khai-khẩn miền thượng-du và trung-du, thì số người thừa kia sẽ có việc ở trong nước mà làm, còn phải đi đâu nữa mà còn bao giờ đến nỗi chết đói. Thế là một điều lợi. Phương chi trong xã-hội đã không có người thừa, tức là cũng bớt được nhiều cái hạng người chia tay ăn bám xã hội, và thứ nhất là giảm

được cái bọn vô nghệ-nghiệp hay làm càn đi. Như thế thì cái lợi lại to biết là nhường nào.

2° — *Hai là thêm giầu cho nhà nước.* — Cầy cấy thêm một thước, tức là sản-vật trong nước thêm lên được một bát gạo, một củ khoai. Phương chi đồn-điền miền thượng-du, trung-du phần nhiều trồng những thứ để xuất cảng, để bán cho người ngoài, như cà-phê, ngô, chè, xả, vân vân, thế thì cái lợi cho nước lại càng trọn-vẹn, Vả lại đất bỏ hoang thì dẫu rộng như bể Đông cũng là vô-ích. Có giồng-giọt được miếng đất nào mới là thêm được miếng đất ấy, thêm được một miếng đất tức là thuế nhà nước thêm lên được một phần.

3° — *Ba là giúp cho sự trị-an miền thượng-du.* — Phàm quân cường-bạo có muốn tụ-bạ, tất phải tìm nơi hẻo-lánh. Hiện bây giờ ai là người lên miền thượng-du mà khỏi quan tâm? là vì rằng đường-xá vắng-vẻ, giả có gặp phải hung-đồ, kêu gào cũng khó có người nghe mà đến cứu. Khi đã có nhiều người lên mở-mang trên đường ngược, ví dụ mười ky-lô-mét lại có một cái đồn-điền, người ngựa xe-cộ đi lại luôn, thì tất quân gian-phi sẽ không dám thi-hành những thủ-đoạn giã tâm nữa. Vả lạ đã có người lên làm ăn đông-đúc, thì những loài mãnh-thú như hổ, báo, gấu, lợn-rừng cũng sẽ ít dần đi, thế cũng là thêm được một điều yên-ổn.

Ta mới kể qua đã thấy được bấy nhiêu điều lợi. Những cái lợi đó, ta có thể nói được rằng muốn đạt cũng chẳng khó gì. Nếu lại gặp được nhà tư-bản có trí to, có bụng rộng, thì còn biết bao nhiêu điều hay khác nữa. Đại-khái như một nhà tư-bản kia, đã mở được một cái đồn-điền lớn, đem được hàng trăm hàng nghìn người cơ-hàn ở trung-châu lên cho có việc mà làm, có cơm mà ăn. Như thế tức cũng như đã mộ được một cái làng, lập được một cái ấp vậy, ông chủ nghĩ cám cái công bọn lao-động đã lấy mồ-hôi nước mắt mà làm giầu cho mình, thì tất thấy họ ốm đau cũng lâu-tuất thuốc-thang, con cái họ đẻ ra cũng lập cho có trường mà học, đợi khi lớn khỏe sẽ làm việc cho đồn-điền, đàn bà ở cữ cũng có nhà hộ-sinh mà nằm, người già trăm tuổi chủ cũng có tiền mà tống-táng. Một nhà tư-bản đi mở đồn-điền mà nói đến bực phú-ông trưởng-giả này thì thiết-tưởng cái khoái-lạc đối với mình, đối với đồng-bào, đối với xã-hội cũng không phải là bé vậy.

Bấy giờ ngồi nghĩ: « Giả ta cứ khư khư ngồi giữ cháp văn-tự ở trung-châu hay là làm chủ mấy dẫy nhà ở Hanoi, Hai-phong thì liệu có ngày nay không? Nghĩ như thế thấy đã hình như chỉ có mình là đáng thở hút cái không-khí trong sạch trên miền rừng và nếm những thức sơn-hào qúi-hóa của tạo-vật.

Ấy thiển-kiến của tôi về một vấn-đề trong việc kinh-tế nước nhà đương buổi bây giờ là như thế. Xin gọi là bày tỏ với những nhà tư-bản của ta.

Ở trong còn lắm điều hay.
Trồng cây ăn quả có ngày thành công.
Trước là tô-điểm non sông,
Sau thêm no ấm con Rồng cháu Tiên.
Nghĩa lợi vẹn tuyền.

PHƯƠNG-ĐÌNH

Dư-luận

Bản-chí đặt ra mục này để hoan-nghênh ý-kiến trong xã-hội, hay dở tự có người lai-cảo. Nay xin kính đăng cả lai-thư và bài lai-cảo của ông Đặng Tống-giang.

AN-NAM TẠP-CHÍ

Nam-Định, le 9 Septembre 1926

Monsieur Nguyễn-Khắc-Hiếu
CHỦ-BÚT
An-Nam Tạp-Chí
HANOI

Thưa Ngài,

Nay đương lúc giời xanh deo cái vạ nước cho dân mấy tỉnh xứ Bắc-kỳ ta, nào các báo-quán, nào các nhà từ thiện dương hô-hào cổ-động sự quyên tiền giúp đồng-bào bị lụt. Thế mà tôi lại thấy một bọn cường-hào kia không nghĩ gì sự đó thì chớ, lại còn bảo nhau góp tiền làm nơi ăn chơi, vậy thì Ngài tính tôi không nói sao được.

Tôi chắc rằng Ngài cũng có bụng đoái thương đến bọn đồng-loại khổ-sở về sự thiên-tai kia, mà không dung thứ những kẻ cường-hào rồ-rại. Vậy tôi xin Ngài sẵn lòng từ-thiện đối với dân bị lụt mà khuyên nhủ bọn ngông-cuồng. Ngài bớt ra một vài cột trong Tạp-chí của Ngài, để công-bố cho bọn cường-hào kia biết. Việc đó cũng là một sự hay, cũng là một tấm lòng nhân-đạo của Ngài.

Xin Ngài làm cho được sớm bao nhiêu thì càng hay bấy nhiêu Tôi thực thiết-tha về sự ấy, mà mong đợi ở tấm thịnh-tình của Ngài lắm.

Đặng Tống-giang

Mấy lời ngỏ cùng các ngài cường-hào

Thưa các ngài, các ngài ngồi trên sập cao, ở trong nhà rộng, ăn miếng ngon, mặc của đẹp, lúc ở nhà thì hầu gái hầu giai tấp-nập, ra ngoài đường thì xe kia xe nọ rập-rìu, cái phồn-hoa phú-quí của các ngài tưởng là đã đến cực-điểm vậy. Các ngài ngồi ung-dung an hưởng cái phồn-hoa phú-quí ấy, các ngài có nghĩ đến những người đồng-loại dương bị tai-nạn khốn-khó kia không ? Các ngài có nghĩ đến những người nông-gia bần-hàn ở chốn thôn-quê từng chải bao lâu chân lấm tay bùn, mất bao nhiêu mồ-hôi nước mắt để kiếm hạt thóc hạt gạo mà các ngài vẫn ăn hàng ngày không ?

Thưa các ngài, kìa mới vài ba tháng trước đây, dân-gian cầy cấy vừa song, trông ra bạt ngàn san giã những ruộng sâu đồng cả, lúa má xanh om, thế mà chỉ trong khi vài hồi trống hộ-thủy, là cánh đồng xanh dì thành ra cánh đồng bạch lãng, mực nước ngang giời, làn sóng cuốn đất, của ngoài đồng thì mất sạch, của trong nhà cũng không còn, những người bị đắm-đuối thì mất tăm mất tích, những người còn sống sót thì siêu-tán lưu-ly, vậy các ngài có biết cho không ?

Thưa các ngài, đó là tôi kể qua cái tai-hại sự ngập lụt mà thôi, chứ nếu các ngài có quá bộ đến nơi, mà mục-kích sự thực, thì các ngài mới biết rõ cái tình-

cảnh dân bị lụt ra sao. Tôi tưởng rằng người có nhân-đạo mà trông thấy sự đó, thì không ai có thể cầm lòng cho đậu. Ấy những người lủi-thủi ở trong cái lều bốn cái cọc và một cái mê mà ăn khamuống khổ ở bờ đê só đường kia, cũng là con Rồng cháu Tiên cả đó, cũng là người cùng nòi cùng giống với ta cả đó. Các ngài sung-sướng có thương những người thất-cơ lơ-vận kia không?

Thưa các ngài, các ngài đã được chiếm một cái địa-vị tối cao quí ở trong dân làng xã-hội, nào ngài thì lộc nước ơn vua, nào ngài thì nứt đố nổ vách, các ngài tự nhận là thượng-lưu nhân-vật. Ừ! phải thật. Ở như dân làng xã-hội ta thì các ngài tưởng cũng đã là thượng-lưu rồi thật. Khắp dân-gian ai cũng cho các ngài là thượng-lưu, mà chính ký-giả đây cũng vẫn yên chí rằng trừ các ngài ra thì trong dân ta còn ai đáng là bực thượng-lưu. Vậy thì các ngài nên nghĩ sao cho khỏi phụ hai chữ thượng-lưu ấy?

Thưa các ngài, thế mà từ khi có các ngài đeo cái mặt nạ thượng-lưu đến nay, dân đàn em chốn thôn-quê cũng chưa thấy các ngài làm được cái gì ích-lợi. Trí-tuệ bọn đàn em ngu-si, đức-tính bọn đàn em kém-cỏi, mong ở các ngài khai-hóa dẫn-dụ cho, mà mãi chẳng thấy ảnh-hưởng hơi một tý gì cả. Chẳng qua các ngài chỉ tạ sự nay họp mai hành, rồi các ngài túm năm chụm ba mà thi-hành cái chính-sách « *sôi thịt* ». Các ngài bóp cổ mổ hầu dân đàn em mà lấy tiền gom-góp nhau làm điểm họp-hành. Nào các ngài ngả ra *diễn-kịch*, *tổ-tôm*, *chống-quân*, *kiều-lầy*. Các ngài chỉ vụ lấy cái sung sướng của các ngài, mà các ngài chẳng nghĩ gì đến bọn đàn em ngu-si nghèo-ngặt. Các ngài ăn cho no, uống cho say, chơi cho thỏa, rồi các ngài lại vì vui thích quá-độ mà tự làm trò cho người coi. Các ngài quăng ngay cái mặt nạ thượng-lưu ra, mà đở cái lối kỳ-mục của các ngài, nào cãi-cọ nhau, sô-sát nhau, anh anh, tôi tôi, hầm-hầm, hổ hổ, hiện đủ hết các thứ sú-thái. Các ngài nghĩ thì có thú không?

Thưa các ngài, các ngài không e bọn đàn em trông lên ư? Các ngài không e người các dân khác quan-chiêm vào ư? Các ngài không sợ người ta cười cho ư? Thế mà các ngài vẫn không tỉnh-ngộ, lại còn mong khoáng-trương sự ăn chơi nữa ư? Đương lúc giời deo tai-vạ thế này, dân-tình điêu-báo thế này, mà các ngài vẫn ngoảnh mặt làm thinh. Kìa cái điểm của các ngài đã đẹp-đẽ là thế, sa phí là thế, mà các ngài cho là chưa đủ để họp-tập ăn uống chơi-bời. Các ngài lại còn muốn mở điểm khác cho to-tát hơn, hoa-mỹ hơn, cho có hàng quà hàng bánh bán, để phòng khi các ngài cờ-bạc hát-sướng thì có đủ các món công-tạo, như thế thì các ngài mấy thỏa hay sao?

Thưa các ngài, tôi thiết tưởng rằng các ngài sở-dĩ tự-cao với bọn dân đàn em, không phải cốt ở nơi họp-tập cho hoa-mỹ đâu; đã hay rằng ở đời ai chẳng muốn mưu-toan sự phong-lưu vui-sướng, cho được hưởng hết cái hạnh-phúc của đời người, nhưng mà lúc vui thì cũng nên vui, chứ lúc dân-gian đương bị khổ-sở ly-tán này thì ta cũng nên phân-ưu cộng-hoạn mới phải. Sao các ngài chẳng nghĩ đến câu « *chị ngã em nâng* », chẳng nghĩ đến truyện "*Nhiễu điều phủ lấy giá gương*? Sao các ngài cứ bưng mắt bịt tai, mà các ngài không nghĩ đến cái danh nghĩa của các ngài đã tự-mệnh?

Thưa các ngài, các ngài có biết trong Nam-kỳ và Trung-kỳ đã sốt-sắng giúp dân bị lụt xứ Bắc ta thế nào không? Các trường học cũng đương gom-góp tiền mà giúp dân bị lụt đó. Mới rồi ở Hà-thành ta cũng có nhiều nhà từ-thiện mở cuộc hát để lấy tiền giúp dân bị lụt đó. Vậy thì mong rằng các ngài đừng nên lo toan sự khoái-lạc riêng của các ngài vội, mà các ngài hãy nên nghĩ cách giúp bọn dân đàn em đương bị điêu-đứng kia, thì các ngài thực xứng-đáng là bực thượng-lưu lắm.

Tôi mong lắm thay! Tôi mong lắm thay!

TỐNG-GIANG

實業之部

THỰC-NGHIỆP

Một thương-hội mới : Hưng-nghiệp hội-xã

Nhời đạt

Của Hưng-nghiệp Hội-xã

Kính trình đồng-bào,

Gần đây anh em đồng-bào ta, ai ai cũng công-nhận rằng ở vào cái thời-đại kinh-tế cạnh-tranh này, muốn cho nước mạnh dân giầu, không gì cần bằng phải khoáng-trương nghề buôn, khuếch-sung công-nghệ. Cái thuật phú-cường của một nước bây giờ phải có hai cái yếu-điểm như thế, mà nước mình từ trước đến giờ cả thương-mại cho đến công-nghệ, bề ngoài tuy có vẻ tiến bộ mà bề trong thực chưa có gì là cải-lương, đến bây giờ sở-dĩ chưa được liệt vào bực phú-cường, một phần lớn là do cái nguyên-nhân ấy.

Nay xét qua cái tình-hình công-nghệ và thương-nghiệp trong nước, những người thật có nhiệt tâm muốn cho nước được mau tiến-hóa, không phải không có điều lo sợ, những người có trí doanh-thương không có đủ vốn lớn mà buôn, thành thử như chế-tạo phàm không thể buôn tại gốc tại nguồn, mà phải cam chịu buôn sỉ lại của các nhà buôn lớn. Đồ hàng đã qua tay một người môi-giới khác thì giá bán cho người tiêu-thụ cũng phải theo đó mà đắt lên, thành-thử số lãi không được là bao mà đồ hàng buôn về cũng khó bán chạy. Người có trí doanh-nghệ muốn khoáng-trương một công-nghệ gì cũng không đủ vốn mà làm, muốn thêm vốn lại phải vay nặng lãi của những nhà tư-bản, thành ra lãi được cũng ít ; nhà công-nghệ ít lãi thì các thợ-thuyền là chân tay của những nhà công-nghệ cũng phải chịu ảnh-hưởng một phần, tức là chịu thiệt-thòi vậy.

Tình-cảnh nhà đi buôn và nhà chuyên-nghệ như thế thì thương-nghiệp và công-nghệ phát đạt thế nào ?

Đại-cương thì là thế, mà tình-tệ tưởng còn nhiều nay muốn bổ khuyết những cái tệ-đoan kia, không gì khẩn-cấp bằng thiết-lập ra một cái cơ-quan để giúp vốn giúp công cho các nhà doanh-nghiệp trong nước, cốt gây lấy trong công-thương-giới nước nhà một đoàn-thể để cùng giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau mưu những sự ích-lợi chung về đường kinh-tế.

Nhà **Hưng-nghiệp hội-xã** *chúng tôi sáng lập ra tức là cái cơ-quan để gây lấy cái đoàn-thể đó. Hội-xã chúng tôi có cái tôn-chỉ chính đại quang-minh như thế* (1) *cho nên từ khi thành lập đã được anh em đồng-bào trong ba kỳ đồng-thanh hưởng-ứng, ngoài việc cổ-vũ tán-thành, lại gửi giấy vào phần rất nhiều, bởi thế số cổ-phần trước đinh 1000, nay xin tăng têm lên 600 nữa để nhiều anh em đồng-bào cùng dự phần mà lập thành một cái đoàn-thể lớn.*

Cái cơ-quan chúng tôi gây-dựng lên, sự ưng-vượng xin trông ở các anh em trong ba kỳ trợ-lực, vậy anh em chị em đồng-bào ta, ai là người thâm-thế thức-thời, ai là người chân-thành ái-quốc, xin bỏ những cái nghi-kỵ riêng mà cùng nhau nghĩ về việc lớn, cơ-quan ấy mà mạnh thế-lực thời trên con đường công-thương-nghiệp, ta không cần tranh-dành, người ngoài cũng phải nhường bước, dần dần mới thu-thập được những mối lợi to đã để lọt vào tay người khác từ bấy đến nay.

Bỏ vốn ra vào phần « HƯNG-NGHIỆP HỘI-XÃ » vừa là gây được cái vốn to riêng để buôn bán, vừa giúp lẫn được nhau để mưu sự lợi-ích chung. Hội-xã vừa là cái cơ-quan binh-vực quyền-lợi cho mình, vừa là cái cơ quan giúp các nhà trong công-thương-giới hiện-thời đương cần phải thêm vốn để kinh-doanh, không những các nhà

(1) Lệ vào hội xem sau sẽ rõ.

có chí ra doanh-nghiệp sau này mới nhận vào phần mà cả các nhà tư-bản sau này rồi cũng sẵn lòng góp vốn, để cùng nhau đề-huề dìu-dắt cho thương-nghiệp và công-nghệ nước nhà theo kịp với thương-nghiệp và công-nghệ của người ngoại-quốc.

Nay «HƯNG-NGHIỆP HỘI-XÃ » đã thành lập, mong rằng anh-em đồng-bào Trung, Nam-Bắc nghĩ đến cái nghĩa lớn mà trợ-lực cho.

Kính-đạt.

HỘI-ĐỒNG SÁNG-LẬP

M.M. Hợp-Ích, buôn bán, 73 Rue du Cuivre, Nam-Định. — *Bùi-Nam* tốt-nghiệp trường Cao-đẳng thương-mại Hanoi, 9 Rue Larrivé, Hanoi. — *Vũ-xuân-Lai* buôn bán, 241 Rue Maréchal Foch, Nam-Định. *Nguyễn-văn-Sỹ*, điền-chủ, 59 Rue Minh-Xá, Bắc-Ninh. — *Trần-quang-Trân*, tốt nghiệp trường Cao-đẳng thương mại Hanoi, 115 Rue de France, Nam Định. — *Vũ-phúc-Nguyên*, buôn bán, 207 Rue Maréchal Foch, Nam-Định. - *Lương-Huy*, buôn bán, 15 Rue Borgnis-Desbordes, Hanoi, — *Đào-thao-Côn*, buôn bán, 4 Rue Jean Dupuis, Hanoi.

« Phương - sách thực - hành của nhà « Hưng-nghiệp Hội-xã » đối với việc « Chấn-Hưng thực-nghiệp trong nước.

MỤC-ĐÍCH

Mục-đích Nhà Hưng-nghiệp hội-xã là cái cơ-quan lập ra để giúp công; giúp vốn cho các nhà doanh-nghiệp hiện thời, cùng các nhà có trí ra doanh-nghiệp sau này, cốt để gây lấy trong quốc dân ta một cái đoàn-thể về công-thương-giới, một là để giúp lẫn nhau mà chấn-hưng lại nền kinh-tế trong nước, hai là để khuyến-khích cho nhiều nhà ra buôn bán hay soay về công-nghệ để gây lấy trong nước một nền kinh tế vững vàng phát-đạt.

Cách Hội-xã làm quảng-cáo các thứ hàng-hóa. — Trong nhà hội có bày các thứ mẫu hàng của các nhà kỹ-nghệ ta chế-tạo ra, và các mẫu hàng của các nhà chế-tạo ngoại-quốc.

Nhà kỹ-nghệ có cổ-phần hay không có cổ-phần, đem mẫu bầy ở hội-sở đều không mất phí-tổn gì.

Nhà kỹ-nghệ đem mẫu bầy ở hội-sở xin đính theo những giấy má sau này.

1· — Một tờ tổng-kê số hàng làm từng ngày, từng tháng từng năm;

2· — Một tờ kê giá hàng từ chục, trăm, nghìn, v..v..;

3· — Một tờ kê tên và chỗ ở.

Khi có khách mua hàng, hội sẽ có giấy mời lại hội-sở để hai bên trâm-trước, hoặc viết giấy giới-thiệu.

Cách giúp vốn các nhà doanh-nghiệp. — Các nhà buôn muốn mua thứ hàng gì, xin mời lại hội-sở xem mẫu. Hội đứng lên mua hộ thì dù mua nhiều hay ít, giá mua bao giờ cũng được theo giá buôn cất, nghĩa là ít ra cũng sẽ được hai mươi phần trăm 20°/₀.

Hội không ăn hoa-hồng của nhà buôn ta, vì hội đã chia lãi với những nhà chế-tạo có hàng cho hội nhận bán độc-quyền.

Nhà buôn có cổ-phần trong hội có thể tùy theo số cổ-phần nhiều ít mà vay thêm vốn của hội để buôn bán theo như cách sau này :

Nhà buôn có 1.000 đồng mà muốn mua đến 2000 hay 3000 đồng một lúc cho đỡ tiền phí-tổn và để lúc nào cũng có hàng bán thì hội ứng thêm ra cho vay trước.

Lúc hàng về thì chỉ lấy ra được nhiều nhất là 800$00 hàng, còn bao nhiêu hàng, phải ký ở hội-xã để làm tin. Bán được đến đâu, lại đem tiền đến hội mà lấy hàng ra đến đấy.

Tiền hội ứng ra cho vay, nhà buôn phải chịu lãi một phân (1°/₀)

Nhà buôn vay tiền của hội, không cần phải có người bảo-lĩnh.

Hàng ký ở hội, chỉ có khi nào quá hạn mà không đem tiền lại để lấy thì hội mấy có quyền bán cho người khác.

Nhà buôn không có cổ-phần trong hội không có quyền vay tiền của hội. Hàng-hóa nhờ hội mua hộ phải chịu phí-tổn tính ít là hai phân 2%.

Các nhà kỹ-nghệ có mẫu bầy ở hội-sở, khi có khách mua, do hội giới-thiệu, mà thiếu vốn thì hội tùy theo số cổ-phần nhiều hay ít, ứng thêm vốn cho vay trước theo như cách sau này :

Nhà kỹ-nghệ có bao nhiêu vốn, bẩy cứ đem ra mà làm hàng. Làm được đến đâu, lại đem đến ở hội mà vay tiền. Hội cứ theo cách đó mà cho vay cho đến khi làm xong số hàng đặt. Tiền hội ứng ra cho vay lãi tính một phân (1%). Nhà kỹ-nghệ không cần phải có người đứng bảo-lĩnh.

Nhà kỹ-nghệ không có cổ-phần trong hội, không có quyền vay tiền của hội. Khi bán được hàng do hội giới-thiệu, phải chịu tiền phí-tổn ít ra là hai phân (2%).

Cách hội-xã trông nom các hàng-hóa mua do hội giới-thiệu. — Nhà kỹ-nghệ bán hàng đi các tỉnh ở ba kỳ hay các nơi khác do hội giới thiệu, thời trước khi gửi hàng đi phải đem hàng lại hội-sở.

Hội có tổ-chức một ban riêng để xem-xét các thứ hàng gửi đi.

Hàng có đúng mẫu, làm có tốt có đẹp thì mới được gửi đi.

Hàng làm không đúng mẫu hoặc làm xấu thì hội trả lại, nhà kỹ-nghệ phải chịu phí tổn các hàng đó.

Giấy má tiền nong gửi cho hội phải nhớ đề tên hội.

Quyền-lợi của các nhà có cổ-phần. — Những nhà có cổ-phần, khi đóng xong số tiền vào phần rồi thì được hưởng những quyền-lợi nói trên kia.

Cách vào hội. — Vốn hội định mỗi năm thu nhiều nhất là năm vạn thì nay tăng lên tám vạn chia làm 1.666 cổ-phần.

Mỗi cổ-phần 50$00 có thể đóng:

1. — Ngay một lúc đóng 50 đồng,

2. — Hay làm mười tháng mỗi tháng đóng 5$00,

Khi ký giấy vào hội, mỗi cổ-phần phải đóng ngay ít ra là 5$00.

法政之部

PHÁP-CHÍNH

Việc hạn-chế luật câu-thúc thân-thể

Vì quyền các nhà chủ-nợ được phép bỏ tù những người vay nợ đến hạn chưa giả, nên các bác sét ty dựa vào quyền-thế luật-pháp mà cứ điềm-nhiên hành-hạ những kẻ đã bị vào cái cảnh khổ đi vay nợ. Quan Toàn-quyền Varenne thấy sự-tình như thế, ngài rất lấy làm ái-ngại, ngài có rãi bầy vấn-đề đó với quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư. Quan Thượng-thư cũng biểu đồng-tình. Quan Giám-quốc, xem tờ trình của quan Thượng-thư thời Ngài đã ký một đạo chỉ-dụ hạn-chế quyền câu thúc thân thể các người vay nợ quá hạn chưa giả được. Nay xin đăng tờ trình của quan Thuộc địa bộ Thượng-thư và đạo chỉ-dụ của quan Giám-quốc ở trong Công-báo nước Pháp ngày 29 Juillet 1926.

TỜ-TRÌNH

Kính trình quan Giám-Quốc nước Pháp

Paris ngày 17 juillet 1926

Kính trình quan Giám-Quốc

Luật ngày 22 juillet 1867 đã bãi sự câu-

thúc thân-thể về việc dân-sự, thương-sự và đối với người ngoại-quốc (điều thứ nhất), nhưng vẫn giữ luật ấy về các việc hình-luật, đại hình-luật và vi-cảnh (điều thứ hai).

Luật ấy đã đem thi-hành ở Đông-Pháp theo chỉ-dụ ngày 12 Août 1892; song ngày 24 juillet 1893 lại có một đạo chỉ-dụ nữa hạn-chế sự thi-hành các điều chỉ-dụ trước, nghĩa là những điều lệ ấy chỉ đối với người Pháp và những người các nước Âu-châu, cùng những người đã nhập-tịch dân-Pháp mà thôi; còn các điều-lệ thuộc về sự câu thúc thân-thể về các việc dân-sự, thương-sự đối với người bản-xứ và người Á-châu vẫn thi-hành ở thuộc-địa thời không có chút gì thay đổi. Cách cho vay nặng lãi rất thông-thường ở trong thuộc-địa An-Nam, từ xưa đến nay làm hại đến lợi quyền của dân thực không ít. Như vậy thực là một phương trở-ngại cho sự sinh-hoạt của xã-hội Đông Pháp, khiến cho quan Toàn-quyền vẫn thường phải lưu-ý đến.

Xét ra cho kỹ thời muốn ngăn-cấm cái tệ-đoạn ấy, không gì bằng hạn-chế cái quyền câu-thúc thân-thể, mà không để cho như khi trước vẫn thi-hành. Các cách câu-thúc thân-thể ấy, nếu ta cứ để những kẻ cho vay lãi được tự-do thi-hành, thì thật là giúp cho họ làm giầu một cách rất khả-ố, muốn bắt kẻ đi vay chịu lãi nặng đến bao-nhiêu cũng phải chịu; mà quan tòa cũng không có quyền để đoán-định xem người đi vay vì cùng-khó mà không thể giả nợ được, hay cố-ý không chịu giả. Nếu không xét kỹ ngay thẳng ra làm sao, cứ việc thi-hành ngay cái lệ câu-thúc thân thể thì thiệt cho người mắc nợ lắm.

Vì nhẽ ấy, nên tôi có dự thảo một bản chỉ-dụ nối thêm vào chỉ-dụ ngày 24 Juillet 1893, bản ấy xin đính theo đây; trong bản dự-thảo ấy định rằng «lệ câu-thúc thân-thể, các tòa-án chỉ có thể đem thi-hành trong những khi nào người chủ nợ làm đơn khẩn-cầu mà xét ra người vay nợ cố ý gian mà cố-trí không giả; song trước khi thi-hành luật thì phải xét cho thật kỹ.»

Nếu theo như thế, mà hạn-chế quyền câu-thúc thân-thể, thì thật có cái ảnh-hưởng rất tốt đến sự mở-mang xã-hội. Vậy xin có tờ trình lên để ngài chuẩn-y cho, bản thảo chỉ dụ nối theo đây, về việc đó.

Thượng-thư bộ thuộc-địa
LÉON PERRIER

*
* *

CHỈ DỤ

Quan Giám-quốc nước Pháp xét tờ trình của quan Thượng-thư bộ thuộc-địa và quan Chưởng-ấn công-bộ Thượng-thư,

Xem lại điều thứ 18 nghị-định của nguyên-lão nghị-viện ngày 3 Mai 1854,

Xem lại điều thứ 4 chỉ dụ ngày 1er Décembre 1858,

Xem lại chỉ-dụ ngày 12 Août 1891 đem thi-hành các điều luật ngày 22 Juillet 1897 và ngày 19 Décembre 1871 về sự câu thúc thân-thể ở các thuộc-địa,

Xem lại chỉ-dụ ngày 24 Juillet 1893 sửa đổi lại chỉ-dụ ngày 12 Août 1891 kể ở trên,

Xem lại chỉ-dụ ngày 16 Février 1921 chỉnh-đốn lại các việc Tư-pháp bên Đông-Pháp;

Định rằng:

Điều thứ nhất. — Điều thứ hai chỉ-dụ ngày 24 Juillet 1893 (xem lại ở trên) này thêm như sau này:

« Tuy vậy, các tòa-án chỉ có thể thi-hành « sự câu thúc thân-thể về dân-sự và « thương-sự đối với người bản-xứ và « những người nhập-tịch dân Á-châu, khi « người chủ nợ có đơn khẩn-cầu hay là « khi người vay nợ đem lòng chắc-trở « mà thôi, nhưng trước hết phải xét cho thật kỹ đã».

Dù có sẩy ra sự gì, hay dù bên bị đã phải dam rồi, người mắc nợ cũng có thể khiếu-nại được.

Điều thứ hai. — Bao nhiêu các điều-lệ trước khác các điều-lệ đạo chỉ-dụ này thời nay bãi đi.

Điều thứ ba. — Quan thuộc-địa bộ Thượng-thư và quan Chưởng-ấn Hình-bộ Thượng-thư, viên nào theo phận-sự viên ấy, đem thi-hành đạo chỉ dụ này.

Làm ở Paris ngày 17 Juillet 1926.

Gaston DOUMERGUE

Chỉ-dụ này quan Giám-quốc tuyên-bố ra,

Quan thuộc-địa bộ Thượng thư,
Léon PERRIER

Quan Chưởng-ấn Hình-bộ thượng-thư,
Pierre LAVAL

文學之部

VĂN-HỌC

THẾ-GIỚI VĨ-NHÂN LIỆT-TRUYỆN

HOÀNG-HƯNG 黃興

(*Tiếp theo*)

III. — Tổ-chức việc cách-mệnh

Sang đến Nhật-bản, đi tìm các thân-hữu ngày xưa, kẻ thì hạc lánh mây bay, người đã sao rời vật đổi, Tiên-sinh rất buồn rầu, ngày ngày ra chợ uống rượu. Cung-Khi-di-tạng là một người trong dân-đảng Nhật-bản, một hôm ở chợ gặp Tiên-sinh, chạy đến nắm tay nói truyện, sau khi đã bày tỏ tên họ, thì Di-tạng lại gạn hỏi Tiên-sinh tới đó có việc gì, Tiên-sinh đem tâm-sự kể qua cho nghe. Di-tạng lấy làm cảm-phục lại hỏi lại rằng: « Qui-quốc có ông Tôn-Dật-Tiên, (tức là Tôn-Văn) ông có quen không? Ông ta đương xoay-xỏa công việc cách-mệnh, đương muốn chiêu-tập hết các đồng-chí, cho dầy vây cánh, sao ông không đến ở với ông ta? Nếu ông vui lòng mà đến ở với ông ta, thì tôi xin làm người dẫn-tuyến » Tiên-sinh mừng lắm, tức thì nhờ Di-tạng giới-thiệu để vào yết-kiến Tôn-văn. Khi đã gặp mặt ở một nhà trọ, bàn-bạc một vài câu truyện, thì hai người đều phàn-nàn vì nỗi gặp nhau quá muộn. Bấy giờ người Trung-Hoa ở ngoại-quốc, có đến vài nghìn người nương tựa vào Tôn-dật-Tiên. Dật-Tiên mới bàn với Tiên-sinh mượn nhà riêng của Di-Tạng làm hội-quán, khai thiết hội Đồng-minh, thảo-lập chương-trình, công-cử các viên cán-sự. Chúng nhường Dật-Tiên làm Tổng-lý, Tiên-sinh làm cơ-quan bộ Bộ-trưởng.

Công việc của Tôn-dật-Tiên cốt-yếu có hai phương-diện: một là liên-lạc, hai là vận-động; vì thế Dật-Tiên phải thân-hành đi khắp các quần-đảo ở miền Nam-dương, mà du-thuyết bọn Hoa-Kiều để cho thế-lực đảng hội được thêm bành-trướng; cái chức tổng-lý trong hội Đồng-minh lại nhường để Tiên-sinh gánh vác. Tiên-sinh đối với việc hội rất là chu-chí tinh-vi, hết lòng hết sức. Năm ấy Tiên sinh lại quyên tiền sướng lập một tòa Dân-báo; sau khi đã thành lập, Tiên-sinh viết thư về Trung-Hoa, mời bọn Tống-giáo-Nhân, Uông-tinh-Vệ sang đó coi việc biên-tập. Tôn-chỉ tòa báo đó, là để *khua động công việc cách-mệnh*.

Trước khi Tiên-sinh lưu-học tại tỉnh, Thái phu-nhân đã vì Tiên-sinh mà lo việc hôn-thú, đã sinh được hai người con giai: người con nhớn tên là Nhất-Âu, người con nhỏ là Nhất-Trung. Từ khi Tiên-sinh bước chân vào vòng cách-mệnh, thì những nay đông mai bắc, bốn bể là nhà, mà cái công việc nuôi mẹ dạy con, phó mặc thiếu phu-nhân gánh-vác. Trong khi ở Nhật-bản lần thứ hai, quan-lại Hồ-Nam biết rằng Tiên-sinh dự vào dân-đảng, thường thường đòi bắt gia-quyến tra hỏi lôi thôi. Một hôm ở trong báo-quán, Tiên-sinh tiếp được thủ-thư của Thái-phu-nhân, kể hết những sự nguy-khủng ở nhà, tức thì Tiên-sinh cải trang xuống tầu về Trung-Hoa, rồi cứ ngày nghỉ đêm đi,

ền về Thiệu-hóa, đón mẹ, vợ, hai con sang Đông-kinh, bấy giờ Nhất-Âu đã mười bốn tuổi, Nhất-Trung mới vài ba tuổi. Ôi! việc làm thì vớt dân cứu nước, chỗ ở thì góc bể chân giời, mà gia-đình vẫn hoàn-hợp đoàn-viên, sớm tối ra vào, có mẹ có con, có chồng có vợ, coi đó thì ông xanh xanh kia cũng hậu-hĩ với người anh-hùng yêu nước lắm vậy.

Trong khi Tiên-sinh ở Đông-kinh chủ-trương công việc hội-đảng, thường có những điện-tín của Tôn-dật-Tiên ở hải-ngoại gửi đến, nói là hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây ở sát ven bể, chính là một chỗ hình-thế thiên-nhiên, mà nhân-dân trong hai tỉnh đó hấp-thụ văn-hóa Âu-Mỹ trước và lâu hơn các tỉnh khác; một mai ngọn cờ khởi-nghĩa kéo lên, chắc người hưởng-ứng sẽ có một số rất nhiều. Tiếp được tin đó, Tiên-sinh mới họp các đồng-chí mở cuộc bí-mật hội-nghị bàn về vấn-đề khởi-sự, chúng đều nô-nức tán-thành, định đến tháng tư năm Bính-ngọ lừa mẹo đánh lấy Hà-khẩu. Thủ-tướng Hà-khẩu là Đinh-văn-Diệu nhận được nhiều tin của các bộ-hạ báo rằng: «Đảng cách-mệnh nay mai sẽ dùng xứ Hà-khẩu làm chỗ khởi-nghĩa»; tức thì Văn-Diệu mật điện cho Tổng-đốc Lưỡng-quảng là Chu-Phức, xin phải phát hịch lấy lính ở các phủ huyện gần quanh, đem đến án-ngữ Hà-khẩu. Tiên-sinh và các đồng-chí dò được tin đó, biết rằng công việc đã vỡ, mới bàn nhau tức-tốc khởi binh cho Văn-Diệu không kịp phòng-bị. Trong khi lâm-trận, Tiên-sinh tay súng tay gươm, xông-sáo trong vòng tên đạn; cùng quân Thanh giao-chiến mấy giờ đồng-hồ, nhưng mà quân Thanh nhiều quá, thế không địch nổi, dân-đảng tan-tác chạy chốn, đồng-chí bị bắt mất bốn người. Tiên-sinh lại cải-trang giả làm dân quê chốn sang Thượng-Hải.

Sang đến Thượng-Hải, đồng-chí lại lục-tục theo đến rất đông, trọ khắp các phụ-đầu, đương định ở đó để nuôi hơi dưỡng sức mà đợi cơ-hội. Sẵn gặp mấy huyện ở miền Khâm-Liêm có toán giặc cỏ rất hung tợn, Tổng-đốc tỉnh Việt điệu lính Nam-quan sang đó hội-tiễu. Tiên-sinh và các đồng-chí nghe thấy tin ấy, bàn nhau thừa-hư đánh úp Nam quan làm chỗ căn-bản. Chúng đều đồng ý như thế; liền kéo nhau xuống tầu lẻ tẻ lên về Nam-quan, thuê nhà ở trọ. Ngày rằm tháng bẩy năm ấy, dân-đảng kéo đến đánh Nam-quan, các đồng-chí ai nấy lăn lưng xông đánh không tiếc đến thân. Lính Nam-quan nguyên là một hạng nhút-nhát ươn-hèn, địch sao cho nổi, đương khi dân-đảng xắp sửa lấy được cửa ải, thì toán quân ứng-cứu Khâm-Liêm lại quay giở về. Số là toán quân ấy đi đến nửa đường tiếp được điện-tín Khâm-Liêm nói là giặc-cỏ đã giẹp yên, vì thế mới quay về đó. Bấy giờ dân-quân mặt trước mặt sau đều bị đánh, không sao chống lại được, Đồng-chí bị chết quá nửa, bị bắt vài người, Tiên-sinh chốn thoát, tức khắc chạy sang Đông-Kinh.

Trong lúc dân-quân thất-bại, các đồng-chí tản-tác chạy chốn, quân Thanh bốn mặt vây bọc tầm nã, con kiến đi không lọt, Tiên-sinh bị hãm trong vòng vây, không có cách gì ra thoát, mới phải nhảy vào vườn hoa của một nhà kia, cũng toan tạm nấp ở đó; chẳng ngờ có tên phu vườn trông thấy, chạy bảo chủ-nhân bắt Tiên-sinh đem nộp. Chủ nhân thấy nói vừa mừng vừa giận, mắng át tên phu vườn, rồi chạy ra mời Tiên-sinh vào một gian nhà rất kín, Tiên-sinh e rằng chủ nhân có lòng bất-lương, ngần-ngừ không muốn vào. Chủ-nhân biết ý, tức thì đâm chết tên phu vườn để cho Tiên-sinh khỏi nghi. Sau hỏi ra mới biết chủ-nhân đó trước đã làm chức Thái-thú, vì tức với chính-lệnh người Thanh, cho nên bỏ quan về ẩn tại đó. Bấy giờ nghe thấy Tiên-sinh thủ-sướng việc cách-mệnh trong bụng rất là kính trọng. Tiên-sinh ở nhà ông ta một tuần lễ, đến khi quân Thanh phòng-thủ hơi lòng-thòng mới cải trang đi.

Tiên sinh nằm ở Đông-Kinh đối với sự-nghiệp cách-mệnh, vẫn một mực tiến-hành không nhụt. Bấy giờ Tôn-dật-Tiên còn ở Âu-Mỹ du-thuyết bọn Kiều-thương, bao nhiêu cơ-quan hội-đảng giao cả Tiên-sinh chủ-tính, tuy rằng mấy phen khởi-nghĩa

chưa có chuyến nào nên công, nhưng mà những kẻ có chí các nơi, nghe tiếng Tiên-sinh cũng vẫn nô-nức theo phụ, hội Đồng-minh càng ngày càng đông, chân hội có đến vài vạn con người ; từ đó mà đi, thanh-thế lại càng ngày càng mạnh. Người Tích-giang là Từ-tích-Lân du-học ở trường Cảnh-sát học-hiệu của Nhật-Bản, mến tiếng Tiên-sinh, tới thăm tại nhà trọ ; trong khi nói truyện, hai người rất tương-đắc, ngay hôm ấy Tiên-sinh nhờ Tích-Lân làm viên tổng-cán-sự trong hội Đồng-minh, công việc chủ-hoạch, phần nhiều là Tích-Lân giúp đỡ. Đến khi Tích-Lân tốt-nghiệp ở trường học, sắp-xửa quay về Trung-Hoa, trước khi xuống tầu, Tiên-sinh bầy tiệc tiễn-biệt và gạn hỏi Tích-Lân rằng : « Sau này anh sẽ dùng cách gì mà báo-đáp hội-đảng» ? Tích-Lân đáp lại một câu rất vắn-tắt rằng : « Cái cách thứ nhất, là nên bắt đầu làm ngay việc chủng-tộc cách-mệnh.» Tiên sinh vỗ vai Tích-Lân mà yên-ủi một câu rất thân-thiết» Tiên-sinh nói : « Anh nói rất hợp bụng tôi, vậy thì công-việc thế nào anh phải khéo khéo thu xếp, ngày nay tạm biệt, sau này sẽ có lúc gặp nhau. » Sau khi Tích-Lân về đến Trung-Hoa bước chân ra đám hoạn-trường thì có ngay việc bắn viên Tuần-phủ tỉnh Oản Thuyết-giả đều nói rằng cái việc oanh-oanh liệt-liệt ở tỉnh Oản đó tuy là do ở cái can-đảm lạ thường của Tích-Lân, mà cũng nhờ ở cái công nung-đèn tưới-dội của Tiên-sinh vậy.

Một viên kiện-tướng trong đảng Đồng-minh là Hùng Thành-Cơ đối với Tiên-sinh tuy chưa gặp mặt mà rất siêu lòng, cách giao-du như thế thật là kỳ-dị vậy. Tiên-sinh cho là việc cách-mệnh muốn đạt mục-đích, tất phải có nhiều binh-lực, nhân dịp người Thanh mộ lính, mới gửi điện cho Thành-Cơ khuyên nên ứng-mộ để thừa-cơ mà vận động trong đội quân, Thành-Cơ lấy làm phải, liền đầu đơn vào vệ mười-chín ở tỉnh An-Huy ; chẳng bao lâu được thăng làm chức bài-trưởng. Trong khi tại-ngũ, Thành-Cơ hết sức liên-lạc với các binh-sĩ, đảng-vũ cũng đã nhiều người. Gặp lúc ấy Thái-Hồ có hội điểm-binh, lính tỉnh An-Huy kéo cả sang đó, Thành-Cơ muốn thừa cơ đánh lấy tỉnh-lỵ mới mật-điện cho Tiên-sinh biết. Tiên-sinh tức-khắc phái các kiện-nhi trong đảng, đúng ngày kéo về Trung-Hoa để làm ngoại-ứng. Chẳng may chưa kịp khởi-sự thì vua Quang-tự thăng-hà, kỳ điểm-binh lại phải đình-hoãn, lính tỉnh An-Huy lục-tục kéo về. Thành-Cơ nóng ruột quá không thể đợi được đến lúc có quân ngoại-ứng, hô ngay đội pháo-thủ phát súng bắn lại quân Thanh ; lại xe trái-phá đến cửa Yên-khánh bắn vào dinh Tuần-phủ ; nhưng vì không có ngoại-viện, cho nên không phá được tỉnh. Thành-Cơ biết là đại-thế không xong, cất lên sang bên Cáp-Nhĩ Tân. Tới nơi lương-thực hết sạch, đánh điện cho Tiên-sinh, Tiên-sinh gửi ngay cho một số tiền rất to, và bảo Thành-Cơ hãy tạm ở đó giả làm mở hiệu buôn bán để đợi cơ-hội. Không ngờ sự-cơ không kín, Thành-Cơ bị người Mãn bắt được, Tiên-sinh ở Đông-kinh nghe thấy tin đó, dậm chân mà than rằng : « Thế là hội-đảng lại yếu đi một phần ! »

IV. Thực hành việc cách-mệnh

Vua Quang-tự đã mất, thế nước đương lúc ngả-nghiêng, vua Tuyên-thống còn đương măng sữa mà nối ngôi vua. Tái-Phong là một kẻ ít học-vấn không lịch-duyệt, mà cầm quyền chính-sự, cái sự ngoại-giao rắc-rối, nội-chính tơi-bời là nhẽ tất-nhiên cũng không lấy gì làm lạ. Tiên-sinh thấy hiểm-tượng trong nước, một ngày một hình-hiện như thế trong bụng rất lo, thường nghĩ riêng một mình rằng : nếu không mau mau cách-mệnh thì không thể nào mà cứu được cái vạ cấu-xé sau này. Vì thế Tiên sinh mới phải long-đong lặt-đặt đi khắp bốn phương để hô gọi những người đồng-chí. Hơn một năm bố-chí đã yên, hội-đảng đã công-nhận sự khởi-nghĩa phải bắt đầu ở tỉnh Quảng-đông, Tiên-sinh lại hết sức trù-liệu thuốc đạn, sắm-sửa gươm súng, đóng hòm tải đến Hương-cảng, rồi lục-tục vận sang tỉnh lỵ Quảng-đông. Dự vào việc đó, đều là những tay cách-mệnh cự-tử như Triệu-Thanh, Hồ-hán-Dân, Trần-cạnh-Tồn và các đồng-chí khác, kể có hơn trăm người. Đến ngày khởi-sự chúng công-cử Tiên-sinh làm

Tổng-tư-lịnh. Khi dân-đảng kéo đến cửa dinh Tổng-đốc, lính trú-phòng toan chống lại, Tiên-sinh bắt đầu bắn luôn một chặp chết độ vài mươi người, quân Thanh tán-loạn chạy chốn. Bên dân-đảng tạc-đạn ném ra như mưa, trong mấy phút đồng-hồ, từ cửa dinh đến công-đường, lửa cháy dùng-đùng, ánh sáng dực-rỡ một góc giời. Tổng-đốc Quảng-đông là Trương-minh-Kỳ sấp ngửa dắt người vợ lẽ luồn ra cửa sau nấp vào chuồng ngựa trong vệ lính thứ mười một.

Trận này dân-quân nhân lúc bất-ý đánh vào, đi đến đâu thì quân Thanh tan chạy đến đấy; chẳng ngờ giao-chiến một hồi lâu, dân-quân hết sạch thuốc đạn, mà quân Thanh trong thành dồ ra, ngoài thành đổ vào, liều chết chống lại, dân-quân hóc ở trong dinh Đốc-phủ, bấy giờ dẫu có ngoại-viện cũng không thể nào mà đánh vào được. Bởi vậy đương thắng-thế mà thành ra một cuộc thất-bại, các đồng-chí bị chết đến tám chín phần. Tiên sinh biết là đại-sự đã hỏng, hết sức đánh tan vòng vây, bắn chết mấy tên truy-binh, rồi lẩn vào trong một ngõ hẻm. Khi ấy cửa thành khóa chặt, ngọn thành thăm-thẳm lưng giời, dẫu có cánh cũng không thể nào mà bay cho thoát, Tiên-sinh phải chúi vào trong bụi cỏ nằm mất một ngày một đêm. Sáng hôm sau cửa thành tuy ngỏ, mà quân Thanh canh giữ đông như kiến, chật như nêm, khám xét những người qua lại rất là nghiêm-ngặt. Tiên-sinh biết chừng không sao ra thoát, không biết làm thế nào. Đương lúc nguy-cấp, may sao vừa gặp người hàng mắn-thắn, Tiên-sinh bỏ mười đồng bạc mua cả quang gánh và đánh đổi cả bộ quần áo, rồi lấy đất bùn bôi mặt giả làm người gánh mắn-thắn đi bán, vì thế mới ra lọt cổng thành. Trận Quảng-châu này Tiên-sinh bị đạn cụt mất hai ngón tay, đồng-chí bị hại mất bảy mươi hai người, mà rút lại vẫn không đạt được mục-đích; lúc bấy giờ những kẻ bình-luận, ai cũng đổ lỗi cho Tiên-sinh, nhưng mà về nay xem ra thì trận xướng-nghĩa đó tuy không thành-công, mà chính là tiền-thanh cho việc ngày mười chín tháng tám năm ấy, cũng là một việc rất có giá-trị vậy.

Sau khi quảng-châu thất-bại, Tiên-sinh lại sang Đông-kinh thu thập các đồng-chí để mưu-toan việc khôi-phục. Khi nghe tin dân-quân phá được Vũ-Xương, tức khắc xuống tầu về nước, qua Thượng-Hải vào báo quán Dân-Lập gặp Tống-giáo-Nhân (Khi đó Giáo-Nhân coi việc biên-tập cho báo Dân-Lập) bàn nhau về thắng Vũ-Xương để chủ-hoạch giúp Lê-nguyên-Hồng, Giáo-Nhân cũng hợp ý như thế, hai người liền thuê tầu Nhạc-dương của công-ty Nhật-Bản tức-tốc mở máy đi, bốn ngày bốn đêm về đến Hán-Cao, bấy giờ dân-quân mới bị thua ở cửa Nhiếp khẩu, lui về con đường Am-sinh, tình-thế rất là nguy-cấp. Tiên-sinh nghe thấy tin đó, bảo Giáo-Nhân hãy vào Hãn-Nam lữ-quán nghỉ tạm, rồi đi tìm viên tướng-lĩnh dân-quân là Hà-tích-Phồn, tình-nguyện dẫn một toán quân ra trận. Tích-Phồn vốn vẫn biết tiếng Tiên-sinh, nay thấy Tiên-sinh muốn chợ-chiến mừng lắm, tức thì đem cả bộ-thuộc giao cho Tiên-sinh. Lúc ấy quân Thanh đã sắp-sửa lấy mất con đường Am-sinh, Tiên-sinh đột-nhiên xông ra, gầm-gào hò-hét, đốc binh-sĩ nhất tề xấn lên, bên quân Thanh tưởng như một viên phi-tướng ở trên giời mới xuống, ai nấy khiếp sợ, quay súng cắm đầu chạy. Tiên-sinh đốc quân đuổi theo hơn mười dặm mới giở lại. Tích-Phồn đem quân đón tận ngang đường, và xin nhường Tiên-sinh làm thượng-tướng, Tiên-sinh không nhận và nói rằng: « Tôi nay sắp-xửa phải sang sông yết-kiến Lê-Hoàng-Pha (tức là Lê-nguyên-Hồng) rồi sẽ xin hết sức hèn mọn mà đeo-đuổi với anh em đồng-chí. » Ngay hôm ấy Tiên-sinh giở về Hãn-Nam lữ-quán dủ Tống-Giáo-Nhân cùng sang Vũ-Xương, bấy giờ là ngày mồng bốn tháng chín năm Tân-hợi.

Sang đến Vũ-Xương vào yết-kiến Lê-nguyên-Hồng, trò-truyện rất vui vẻ. Nguyên-Hồng vốn mộ Tiên-sinh mà chưa biết mặt, bấy giờ gặp nhau mới là lần đầu. Trong khi bàn đến quân-sự, Nguyên-

Hồng khẳng-khái bảo Tiên-sinh rằng: « Tôi tưởng sự nghiệp cách-mệnh hồi này, đùng-đùng như gió quạt, ầm-ầm như xuối reo. Không ngờ chưa được bao lâu, mà đã mấy phen thất-bại. Khắc-Cường bảo tôi làm thế nào?» Tiên-sinh nghe nói, đầu tóc dựng ngược, tự xin lĩnh một toán quân làm tiền-khu kéo sang Hán-dương, chọi nhau với quân Thanh. Nguyên-Hồng nghe nói, phục là một người hùng-tráng, tức thì điểm-kiểm binh-sĩ súng đạn, giao cho Tiên-sinh đốc dẫn sang sông. Ngờ đâu quân chưa kịp đi, mà cái tin Hán-khẩu thất-thủ đã tới. Tiên-sinh quay lại bàn với Nguyên-Hồng rằng: « Hán-dương là nơi hình thế hiểm ác, nếu ta giữ được thì bao nhiêu địch-quân cũng không sợ. Nay Hán-dương đã thất-thủ, nên kéo quân lên đóng ở núi Qui-sơn, đó là thế "ngồi trên đánh xuống," chẳng những giữ được bên giặc không có thể chia quân sang sông đánh trộm Vũ-Xương, mà cũng có thể từ-từ mà khôi-phục được các xứ khác. Nếu ông cho kế ấy là phải thì việc kéo quân sang núi Qui-sơn ông cứ giao-phó mặc tôi. » Nguyên-Hồng nghe câu ấy mừng lắm nắm tay Tiên-sinh mà bảo rằng: « xin vâng nhời ông ». Ngay đêm ấy Tiên-sinh kéo quân sang sông, tới Hán-dương xếp-đặt các bộ, phái đi chấn-thủ các nơi hiểm-yếu. Chủ-hoạch xuốt đêm hôm ấy, công việc mới tạm yên.

Trong khi dân-đảng khởi-nghĩa, bao nhiêu binh-sĩ có tiết-chế, điệu cả đến bến Nghiếp-khẩu miếu Lưu-gia để chống quân Thanh, tuy rằng đánh trận nào được trận ấy, nhưng mà mỗi trận cũng chết hại mất nhiều cho nên những quân tinh-nhuệ càng ngày càng mòn đi, bất-đắc-dĩ phải đem những quân mới mộ mà điền vào. Quân mới mộ đó phần nhiều chưa từng luyện tập, vả lại chưa từng lâm-trận bao giờ, cho nên trong khi đối trận, có kẻ súng không biết bắn, cò máy không biết mở, định bắn giặc mà hóa ra bắn lại quân mình, vì thế Hán-khẩu đến nỗi thất-thủ. Những binh sĩ theo Tiên-sinh sang Hán-dương đó, cũng là những quân ô-hợp, chưa từng luyện-tập, Tiên-sinh biết chừng sức binh sĩ như thế không thể chống lại được với quân Thanh, mới đánh điện cho Tổng-đốc Hồ-Nam là Tiêu-Đại-Bằng, xin đem ngay tinh tốt sang giúp Hồ-bắc, trong nhời điện có nói rằng: « Tỉnh Ngạc (Hồ-Bắc) chính là cửa cổng xứ Tam-Trương, cửa cổng mà mất tất nhiên quân giặc ròm được trong nhà. Vậy thì tướng-công đối với thời-cục bây giờ cũng nên bỏ hết cái ý-kiến giới-hạn mà cấp-cấp phái quân sang cứu Vũ-Xương. Nếu mà Vũ-Xương Hán-khẩu không việc gì thì Tam-Trương cũng không quản-ngại; nếu mà Hồ-Bắc thất-thủ thì xứ Tương cũng khó vững-vàng; huống chi Hồ-Nam Hồ-Bắc lại là một nhà. . . » Đại-bằng tiếp được điện ấy, rất là cảm động, tức thì phái một đoàn quân chạy tầu sang cứu. Tiên-sinh thấy quân Hồ-Nam hăng-tợn, giỏi việc chiến trận, lại thạo về binh cơ, trong lòng mới vững.

Khi đó quân Thanh đã chiếm giữ Hán-khẩu, đương tính ngày đánh lấy Hán-dương, Tiên-sinh mới *phái một đội du-kích lên* qua sông Tương diễu đến con đê Hán khẩu dò thám tình-hình. Tới nơi vừa gặp quân Thanh, giao chiến tại giọc đường, luôn mấy trận quân Thanh đều bị tổn-hại; vì rằng dân-quân phần nhiều sinh-trưởng ở xứ Vũ Hán, ngõ tắt đường ngang đều quen thuộc cả, mỗi trận giao chiến, có khi dân-quân chia làm hai cánh: một cánh đánh nhau với quân Thanh, một cánh diễu đến đằng sau mà đánh lên: có khi quân lại nấp vào những nhà không, bên ngoài đóng cửa thật kín, chờ khi quân Thanh đi qua thì kéo ồ ra mà đánh, quân Thanh thất kinh tan chạy; có khi dân-quân hư-trương thanh thế, giả làm đuổi theo ở phía sau, một mặt lẻn lên phía trước, đón đầu đánh ập lại; vì thế quân Thanh trận nào cũng thua, có trận không sống sót người nào, các tướng bên Thanh tức lắm, phóng-hỏa đốt trấn Hán-khẩu, phố phường hàng-quán, hết thảy thành bãi do tàn. Dân-quân không có chỗ nào nấp-náu, Tiên-sinh mới dút đội quân du-kích về bên kia sông.

Chẳng bao lâu Hán-dương lại bị quân Thanh lấy lại, Tiên-sinh vào Vũ-xương yết

Nguyên-Hồng cầm tay than khóc hồi lâu, rồi bảo Nguyên-Hồng rằng: « Nay Hán-dương tuy thất-thủ, nhưng mà một giải Trường-giang, tỉnh Tô tỉnh Tích và các tỉnh khác, đã lần lượt độc-lập, tôi xin ngày đêm gấp sức sang Thượng-hải mượn quân về cứu Hồ-Bắc. » Nguyên-Hồng lấy làm phải, liền phái binh-đội đưa Tiên-sinh ra cửa Thảo-Hồ qua Đại-đê vòng đến cửa Niêm-Nỷ, xuống thuyền suôi về đông. Bấy giờ Tiên-sinh áo vải giầy dơm, mặt mũi đen nhọ, rõ ra một người làm ruộng ở xứ quê, các người cùng thuyền chẳng ai biết là một nhà đại cách-mệnh.

Có người nói rằng : khi Hán-dương thất-thủ, Tiên-sinh cải trang dả làm dân chốn loạn nấp trong một nhà bán tương ở ngoài thành, để dò tình thế quân Thanh, khi nghe tin quân Thanh xe trái-phá lên núi Qui-sơn, chực để bắn vào Vũ-xương. Tiên-sinh và một người đồng-chí ăn mặc Nhật-bản lên Qui-sơn nói tiếng Nhật quát bảo quân Thanh không được bắn, nếu mà không nghe, thì sẽ can-thiệp một cách rất nghiêm trọng. Tướng Thanh hỏi tại cớ gì. Tiên-sinh đáp là Lê-đô-đốc mua các khoản quân-nhu chưa có tiền giả, đã đem sưởng binh-công ở Hán-dương và các xứ yếu-tắc ở Qui-sơn gán cho nước Nhật, nếu quân Thanh muốn được như ý, thì phải giả lại nước Nhật một nghìn vạn đồng. Tướng Thanh nghe nói không biết thực hay giả, vả lại người Thanh vốn sợ binh-lực Nhật-Bản, cho nên trái-phá đã nạp rồi mà không dám bắn, Vũ-xương vì thế được yên-lành. Việc đó tuy rằng mạo-hiểm, nhưng cũng đủ biết cái đởm thức của Tiên-sinh gấp vạn người thường vậy.

(Còn nữa)

NGÔ-TẤT-TỐ

Thư ngỏ cùng các viên-chức trong các công-sở nước ta.

Tựa các Ngài,

Non cao bể rộng, đất tốt mỏ nhiều, kể đã cần cho một nước, nhưng chưa cần lắm bằng nhân-tài vậy.

Vào một dinh-cơ nào thấy cửa cao nhà rộng, gác tía lầu hồng, vườn hoa cây cảnh, đồ-đạc trang-hoàng, mà đã vội cho ngay là một nhà hữu-phúc thế là nhầm ; ta phải xem nhân-vật nhà ấy có thông-minh đĩnh-ngộ hơn người, có tài, có đức gì không đã. Sách ta có câu: « *Hữu phúc khán nhi tôn.* » Nếu người trong nhà ấy ngu-hèn đần-độn, thời chưa dễ đã giữ được cơ-nghiệp, có lẽ lại vì cơ-nghiệp ấy mà lụy đến thân.

Một nước cũng thế, đất rộng của nhiều mà nhân-tài ít, thì chỉ tổ làm một cái mồi ngon cho ngoại-nhân dòm-dỏ vậy.

Ôi ! nghĩ như nước Việt-Nam ta dân số đông đến hơn hai mươi triệu, đất liền rộng tới một triệu Anh phương-lý, năm loài kim khắp đất, trăm giống thóc đầy đồng, rừng tre miễu gỗ, cá bể chim giời, so với hoàn cầu kể cũng không kém, thế mà sự tiến-bộ vẫn chịu thua người.

Đó là một cái nhục chung cho cả nước phàm người ưu-ái ai là chẳng đau lòng.

Nhưng lo nước mà chỉ thở vắn than giài cũng là vô hiệu. Ta biết rằng nước ta thua kém là vì thiếu nhân-tài thời ta phải cùng nhau tìm phương đào-luyện.

Đào-luyện lấy nhân-tài là việc chung của cả quốc-dân mà nhất là các bậc sĩ-phu lại càng phải lưu-tâm đến.

Kẻ ngu này thường ngày đêm lo nghĩ về việc đó, nhưng không phải là việc lo một mình mà được, nên đánh bạo viết

bức thư này kêu với liệt-vị chư-tôn xin cùng lo, họa may nên việc.

Hiện nay Chính-phủ cũng đã chấn-chỉnh việc học-hành cho ta lắm, song việc đó là việc của ta, ta há cứ ỷ-lại vào Chính-phủ mà không tự mình lo-liệu nữa ru?

Vả lại Chính-phủ còn mắc bận trăm công nghìn việc, mà ta muốn cho nước ta chóng có nhiều nhân-tài, thời ta phải lo phương-kế giúp Chính-phủ tức là giúp cho ta vậy.

Muốn giúp Chính-phủ không gì bằng tất cả các viên-chức trong các công-sở cùng làm đơn tình-nguyện xin đóng mỗi tháng một đồng bạc, các viên nào lương 30$00 trở xuống thì đóng 0$50, hay là tất cả cùng xin đóng hai phần trăm (2 °/₀), tổ-chức thành một hội " **Du-học Bảo-trợ** ", mục-đích chỉ cốt để trợ-cấp cho học-sinh có bằng thành-chung (*diplômes* rồi sang du-học bên Pháp cho đến lúc thành tài.

Muốn tiện việc thu tiền không gì bằng nhờ ngay sở phát lương (*Service de la solde*), cứ cuối tháng trừ ngay vào lương cũng như tiền hưu-trí, tiền nhà thương, rồi sở nào sở ấy gửi ngay vào nhà Ngân-hàng giữ hộ.

Tất cả các ngạch: ngạch Toàn-quyền, Thống-sứ, Học-chính, Bưu-chính, Thương-chính, Công-chính, Tài-chính, Y-viện, Hỏa-xa, vân vân ..... cùng đóng như thế cả, thời chắc rằng số tiền hàng tháng cũng được khá to. Đến cuối năm tính xem được bao nhiêu thời tùy theo số tiền ấy mà kén ấy học-sinh gửi sang Pháp.

Trung Nam Bắc cả ba kỳ cùng làm như thế, thời mỗi năm có thể gửi đi được vô số học-sinh.

Việc kén-trọn học-sinh không gì bằng xứ nào xứ ấy mỗi năm mở một kỳ thi (*concours*) để lọc lấy nhân-tài tùy theo số tiền xứ mình đã thu được.

Muốn được công-bình thời ta lại nhờ Chính-phủ cử cho một ban Hội-đồng để chấm bài thi.

Học-sinh chúng tuyển thì hội để tùy ý các ông ấy thích gì học nấy, hội chịu hết các tiền phí-tổn cho đến khi được thành tài trở về, mà không bắt kỳ cam-đoan gì cả, vì rằng người đóng tiền đã vì nước mà đóng, người đi học cũng vì nước mà học, hai bên cùng vì một nghĩa cao-thượng, thời không nên có bụng nhỏ-nhen. Tuy nhiên, giá thử các ông đã thành tài trở về mà tự đoan giậy lấy một ít đồng-bào biết được nghề mình, và dịch các sách đã học về nghề ấy cho đồng-bào xem thơi may lắm.

Hội cũng nên nhờ mấy ông ở Paris trông-nom xem xét cho việc học-hành của du-học-sinh.

Lượt này về lại gửi lượt khác sang, cứ thế mà làm mãi trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, mãi đến khi nào trong nước có được thực nhiều nhân-tài mới nghe.

Có đồng-dẳng mới bình-dẳng được, ta muốn bằng người thời ta phải lo làm sao cho nước ta mỗi năm xuất-sản ra vài ba mươi ông tân-khoa bác-sĩ.

Đó là về phần các người làm việc ở các công-sở, còn trong quốc-dân các nhà tư-bản, nhà đi buôn, nhà làm ruộng, nhà làm thợ, ai có lòng tán-thành việc này xin cứ gửi tiền vào Ngân-hàng giữ lấy biên lai thời lại càng quí lắm, vì càng có nhiều tiền càng gửi được nhiều người đi học.

Cứ cuối năm hội nên in một quyển tùng-biên (*bulletin annuel*), thuật lại các công-việc hội xem thu được bao nhiêu tiền, tiêu hết bao nhiêu, số học-sinh gửi đi là bao nhiêu, thành tài về là bao nhiêu, và đăng tên các người gửi tiền vào Ngân-hàng giúp-hội.

Kể về tôn-chỉ này thì nước ta từ trước nguyên cũng đã có hội **Pháp-học Bảo-trợ**, nhưng trong cả nước mà mới có một vài, thỉnh-thoảng mới gửi được mấy người, *Độc thụ bất thành lâm*, cái kết-quả chưa thu được mấy, tưởng cũng bởi tại lẽ đó.

Nếu nay lại có một hội nữa thêm ra thời không những cả sông đông chợ, cuộc du-học tất được thêm đông, mà có so-sánh có cạnh-tranh, sự học-hành của các học-sinh các hội cử đi có lẽ thêm phần tiến-bộ.

Việc này có quan-hệ đến những bực

thanh-niên nước nhà là thế, có ảnh-hưởng đến tiền-đồ xã-hội là thế, mà cách làm có thể giản-dị thu công là thế, chắc các bực tâm-huyết cũng sẵn lòng biểu đồng-tình, nhưng còn sợ hoặc giả có ngài nào quá nghĩ vì những nhẽ sau này mà sinh lòng trù-trừ bất quyết chăng ; vậy cũng phải phân-trần cho hết :

1° — Sợ rằng Chính-phủ không cho phép chăng ?

Xin thưa :

Chính-phủ xưa nay đối với hoàn-cầu vẫn có tiếng là có nhân-đạo, lại nhận thêm cái thiên-chức khai-hóa cho dân tộc ta, mà việc ta làm đây là quang-minh chính-đại, lại nhờ Chính-phủ trông-nom cho cả, như thế chắc rằng không những là Chính-phủ sẽ bằng lòng cho phép mà có nhẽ lại giúp thêm.

Vả lại các ông Chánh-trưởng hội Ái-hữu liên-hiệp (*Présidents Interamicaux*) và các ông trưởng các hội Ái-hữu cũng đứng lên xin, thời không nhẽ nào Chính-phủ không cho.

2° — Sợ rằng việc đó là việc riêng của mình mà phiền đến Chính-phủ, như trừ lương để gửi Ngân-hàng, cùng là đặt hội-đồng chấm thi để lấy người đi học thì không khỏi có điều bất-tiện chăng ?

Xin thưa :

Mục-đích Chính-phủ đã lấy sự khai-hóa cho dân làm cốt-yếu, thời bao nhiêu những sự có thể giúp được cái mục-đích ấy, tất Chính-phủ cũng hết lòng phù-trợ, huống-chi là một việc ích chung cho dân như thế mà Chính-phủ nỡ vì chút bận mảy-may để phụ lòng dân hay sao ?

3° — Sợ rằng trình-độ dân ta còn thấp, sợ người vị-kỷ còn nhiều, nay lập nên hội này đã hay người đóng tiền là bởi công-tâm, nhưng sợ người đi học, hoặc giả có người vì tư-lợi, một mai thành tài về nước, đối với quốc-dân xã-hội tuyệt-nhiên không bổ-ích gì ; không những cái huyết hãn đồng-bào bấy lâu chỉ làm vị thuốc bổ vinh thân phì-gia cho ai, mà cái học-thuật văn-minh học được đó, lại càng tỏ làm con dao sắc cho ai đào-khoét, cái mặt-nạ cho ai vênh-vào đó chăng ?

Xin thưa :

Vâng, điều đó có lẽ cũng có, nhưng thiết-tưởng xã-hội nào không có người tốt sấu, song muốn cho bớt dần phần sấu thời càng phải nên đào-tạo lấy phần tốt nhiều ra, nếu vì một phần ít người không có lương-tâm, mà vội cho một xã-hội là không đủ làm việc, tưởng cũng là quá ; ta làm việc là làm với lương-tâm, với nghĩa-vụ mà lại là theo cái ý thích của mình, ba cái đó nếu đã trọn-vẹn thời việc làm của mình thế là thành-công, dù thật có cái kết-quả như ở trên kia cũng chưa phải đã là vô ích, phương-chi trong hàng mấy mươi người, mấy trăm người đi du-học đó há lại chẳng có nhiều người đủ cho ta kỳ-vọng hay sao ?

Thế thời mấy điều đó cũng không khó cả, chỉ còn cần tìm lấy phương-pháp hành-động cho thật quang-minh, làm thế nào cho khỏi sẩy ra những việc khó-khăn về tiền-tài, thu vào tiêu ra cho rành-mạch, cái đó xin nhờ liệt-vị chư-tôn chỉ bảo cho.

Việc công của nước, xin tất cả quốc-dân và các ông chủ-bút các nhà báo có ý-kiến gì cao-minh xin cùng bàn cho sác-đáng, nếu việc thành thời may cho tiền-đồ tổ-quốc ta lắm.

Kẻ viết thư này vốn tự biết tài hèn sức mọn, không dám tự-nhận lấy cái trách lo-lắng việc đời, và sinh-bình vẫn sùng-bái cái chủ-nghĩa thực-hành, chưa từng dám múa mép viển-vông để mua chuộc cái hư-danh ái-quốc, chỉ là thấy những việc đáng làm mà sức mình có thể với đến, lại trắc cũng là những việc mà các bậc hữu-tâm trong nước thường lưu-ý đến mới dám tỏ bầy.

Mong rằng các ông trưởng-hội các hội Ái-Hữu nước ta đứng lên hô-hào và xin cùng Chính-phủ, nếu việc thành thời công ơn các Ngài chẳng nhỏ vậy.

Kính thư

Nguyễn U-Lan

Thư-ký Sở Điện-Báo

HAIPHONG

Nhời ông Nguyễn-Trãi đáp lại ông Phi-Khanh lúc bị quân Minh bắt.

(Trong đời Hồ-Quí-Ly nước ta, ông Nguyễn-Phi-Khanh bị quân Minh bắt giải về Tàu; con là ông Nguyễn-Trãi theo tiễn đến cửa Nam-Quan, ông Phi-Khanh khuyên bảo con về . . . Đây là làm ra nhời ông Nguyễn-Trãi từ-biệt cha).

Gạt nước mắt, bước lần thẳng tới,
Tuốt gươm thề, nguyện với trời xanh;
Từ cha, tạm cắt mối tình;
Thù nhà gánh nặng, nợ mình nghĩa sâu.
Rừng u uất khói sầu man-mác,
Chim lạc đàn tan-tác lìa đôi;
Từ đây đôi ngả đôi nơi,
Con về xin nhớ những nhời cha khuyên.
Bầu nhiệt-huyết máu huyền chưa nguội,
Dạ phục-thù một khối khôn tan;
Ngảnh nhìn nước đổ thành tàn,
Xót nòi Hồng-Lạc, giận đàn Khuyển Ưng.
Binh với hỏa tưng-bừng phá hại,
Chốn đô-thành hóa bãi thao-ma!
Đau-đớn thay! phận nước nhà:
Kia là đất Việt, nọ là trời Nam!
Nói cũng uất mà câm cũng uất,
Cùng một nòi chẳng quất mà đau;
Cũng người đứng ở năm châu,
Xót thân vong-quốc lệ sầu chứa chan! . .
Thấy nỗi khổ lầm-than muôn họ,
Khúc đau lòng biết ngỏ cùng ai;
Làm trai mang tiếng với đời,
Quyết liều thân trẻ đền-bồi nước non!
Cha tuổi tác thân mòn lao-lực,
Gánh cơ-đồ để mặc con mang;
Cha đi xa chốn quê hương,
Con về, con quyết mài gươm báo thù!
Trí làm trai ngàn thu tiếng nức,
Máu nồng-nàn đương lúc thanh xuân;
Tay này nhúng máu cừu-nhân,
Dẫu rằng da ngựa bọc thân cũng đành!
Ngậm máu uất mà tanh chẳng biết,
Cắn đầu tay thề giết kẻ thù;
Cơ đồ tiên-tổ năm xưa,
Vì đâu bỗng-chốc phút ra thế này!
Nước còn đó, hồn này đâu tá?
Sác tan-tành hủy-phá vì ai?
Than ôi! cũng nước non này!
Cúi luồn nô-lệ biết ngày nào ra!
Con vẫn nhớ tổ nhà đời trước,
Đuổi Hung-nô lập quốc xưng hùng,
Trời Nam riêng cõi vẫy-vùng,
Mở cờ tự-lập tìm vòng tự-do.
Riêng nửa mảnh cơ-đồ chung-đúc,
Riêng cùng nhau ngang dọc một phương.
Kia Triệu-nữ, nọ Trưng-vương,
Đuổi loài cầu-trệ, dọn đường quang-minh.
Những muốn cướp côn-kình biển rộng,
Rắp toan bề cưỡi sóng trèo mây;
Anh-hùng dễ đã mấy tay,
Thuyền-quyên biết đến mặt này là thôi.
Sông Bạch-Đằng nước trôi sóng gợn,
Hồn Trần-vương ngơ-ngẩn ngàn mây;
Gương xưa rạng tựa ban ngày,
Lòng này soi với gương này được chăng?
Con nay cũng nòi Thường giống Việt,
Gia phục-thù những quyết tử lâu;
Mài gươm trông bóng trăng thâu,
Thề rằng nát thịt rơi đầu cũng cam!
Xa phú-quí chẳng tham danh-lợi,
Bẻ đầu tên, thề với bóng giăng;
Bầu nhiệt-huyết, tấm gan vàng,
Xin hòa máu đỏ mà thương lấy nòi.
Thân nô-lệ thấy người lại tủi,
Kiếp anh-hùng luồn cúi mà chi?
Cũng thì một tiếng nam-nhi,
Đường-đường ngang mặt tu-mi với đời.
Hồn tự-lập xa nơi danh-vọng,
Chí vẫy-vùng cao bổng ngàn mây;
Ơn nhà cơm nặng áo dầy,
Nỡ nào làm kiếp trâu cầy cho đang.
Nghe cha giậy như vàng như ngọc,
Con trẻ-thơ khôn học nên nhời;
Cái thân bán nước thân người,
Mà đời bán nước là đời cầu-lang.
Con cũng giống Hồng-bàng đất Việt,
Học thánh hiền cũng biết một hai;
Đã mang cái kiếp làm người,
Sao cho khỏi để tiếng cười ô-danh.
Nay đương độ đầu xanh tuổi trẻ,
Máu tưng-bừng trí-khí hung-hăng;
Làm trai tiếng đã nên rằng,
Múa gươm rậy đất, nghiến răng long trời.
Nuốt máu giận, xem đời tựa lá,
Tuốt gươm thề, quyết dạ hi-sinh;
Sao cho thây chất nên thành,

Máu chôi nên suối mới đành lòng son !
Cha yên trí mặc con soay sở,
Gánh sơn-hà xin giở một tay ;
Thề rằng tâm-trí dù thay,
Thân này với mũi gươm này cũng cam !
Cha đàng chịu bắc nam chia rẽ,
Con xin về sửa trí làm trai ;
Rồi đây bước tới vũ-đài,
Vung tay chém hết những loài dã-man.
Cha dù đã nghỉ an côi hạc,
Hồn anh-hùng man-mác còn bay :
Cha về giời đất Nam này,
Thời cha sẽ thấy có ngày hiển-vinh !
Bấy nhiêu nhời kính trình cha tỏ,
Con nhìn cha lụy rỏ lòng đau ;
Cha ơi, càng nói càng rầu !
Nhìn mây Ngũ-lĩnh lệ sầu chứa-chan !
Đường sa-sôi bước lần dặm liễu,
Cây lão-tùng sức yếu thân cô ;
Cha ơi, đất khách bơ-vơ,
Nào người cám cảnh bây giờ hỏi ai ?
Con nhìn theo bóng cây mặt nước,
Lòng con lần theo bước cha đi ;
Cha ơi, cha giậy điều gì,
Con xin đem cả mà ghi vào lòng.
Chốn ải bắc lạnh-lùng gió thổi,
Thôi lậy cha xin cúi giã-từ :
Cha đi giữ lấy thân già,
Con về, giả nợ nước nhà cho song.
Rồi sau cũng cột đồng bia đá,
Rạng nước nhà rạng cả tổ tông.
Quân thù xin quyết chẳng dong,
Cha nơi khách địa ắt lòng cũng vui.
Mũi long-tuyền trải mùi báo-oán,
Dạ anh-hùng giải tán trí-căm.
Mài hươm trông bóng trăng rằm,
Ngẩng đầu luống những cười thầm riêng ta.
Cha ơi! Hai chữ nước nhà .

Trường-Canh Đ.đ. Tuân

Nhời trần-tình của một người vợ lẽ
(văn cổ)

Trước trình phu-quân,
Sau thưa với chị :
Duyên tiểu-thiếp, phận liễu-bồ nào biết sâu [nông .
Duyên tiểu thiếp có nửa phần chồng,
Số vì bởi ông Tơ-hồng se chỉ thắm.
Bác mẹ em liệu cơm gắp mắm,
Đem em vào cố đấm ăn sôi.
Xin anh chị có thương tôi,
Thời đắp-điếm kẻo hở môi răng lạnh.
Chị là trên ở cho chính-đính,
Xin chị đừng gạnh-cạnh thiệt hơn.
Chị chớ như ai mua dận mang hờn,
Xấu chồng nào có ai khen đến chị.
Tưởng đến lúc vu-qui yến hỉ,
Khúc sắt cầm, chị trước em sau ;
Tưởng đến khi quân-tử hảo cầu,
Thì chị cũng thuy chung như nhất.
Em có ở ra lòng khuất-tất,
Thời chị cũng đắp điếm đi cho.
Sông Ngân vì dã bắc cầu Ô,
Hỡi ai thương lấy kẻ liễu-bồ thơ-dại,
Sấu như ma cũng là chà con gái.
Lỗi giờ sinh nên phải long-đong
Mang thân vào mà lấy chồng chung,
Để khuya sớm trông mong nương tựa.
Chị cả tiếng thì em phải sợ,
Chị nỡ nào chị cấm chợ ngăn sông !
Đêm đêm chị giữ lấy chồng,
Tối tối thiếp nằm không một sở ;
Mảnh chiếu này thiếp nằm một nửa,
Còn một nửa ngỏ cửa chờ chồng,
Suốt cả tháng, đêm đêm về sáng
Trách ông Tơ trăng-mảng làm sao !

Bùi-xuân-Thắng sao lục.

Lữ-xá sầu-ngâm
(Tặng bạn Trương-Phủ N. H. V.)

Tang-bồng nặng nợ trả bao song,
Nay bắc mai nam luống não lòng ;
Đất khách kìa ai xùi-sụt khóc ;
Quê nhà đây tớ ngẩn-ngơ trông.
Hai hàng lụy ngọc càng chan-chứa,
Trăm mối tơ tằm vẫn rối tung ;
Góc biển bên trời thân lận-đận,
Tang bồng nặng nợ trả bao song.

***

Sương - phụ ngâm

Ai đi để não cho ai,
Để rầu nét liễu, để phai má hồng,
Để ai vò-võ loan-phòng,

Ngày nhìn lá rụng, đêm trông trăng tàn
Một thân thu xếp cửa nhà,
Con thơ dậy-dỗ, mẹ già trông-nom.
Quản bao gió kép mưa dơn,
Tấm tình gửi với nước non sau này.
Suối vàng ai hỡi có hay,
Sót-xa khúc ruột, dắng cay tấm lòng ;
Giời xanh ghen với má hồng,
Chữ tình sẻ nửa, giải đồng chia đôi.

DƯƠNG-ĐÌNH-TẦY
(Thương-Chính Xuân-đay, Trung-kỳ)

Đêm thu

Đêm thu ngồi tựa mái hiên tây,
Ngẫm bóng trăng mờ, lại trách mây.
Nghe tiếng dế ngâm sầu mấy đoạn,
Nghĩ tình nước cũ giạ khôn khuây ;
Tiếng gà xao-xác dòng hồ rạng,
Giấc điệp mơ-màng khách vẫn say.
Gánh nợ tang-bồng chưa dã giả,
Những là lần lữa mấy thu nay.

TRẦN-NGỌC-THANH

KHUYÊN-HỌC

Sự học ấy cơ quan cần nhất,
Cho những loài đạp đất đội giời.
Giữ thiên tính, đúc nhân-tài,
Gây nền tự-trị, dựng đài văn-minh,
Hé góc mắt nhìn quanh thế-giới,
Lệ tuôn giòng, khó nói nên câu.
Kia châu Mỹ, nọ châu Âu,
Dân cường, quốc phú biết đâu là chừng ;
Lừng trong hội doanh-hoàn vùng-vẫy,
Khắp năm châu coi ấy một nhà ;
Trông người thế, ngắm dân ta,
Tiên rồng sao lại nước nhà như nay.
Đồng-bào hỡi ! tỉnh lai, lai tỉnh !
Cuộc tương-lai ta tính mau mau !
Học hành ta cố khuyên nhau,
Chữ nào cũng học, nghề nào cũng tính.
Chớ theo thói hư-danh thủa trước,
Học chăm-chăm cốt được đang khoa,
Vinh thân mấy lại phì gia ;
Cân đai luồn cúi, nước nhà thờ-ơ.
Đồng-bào hỡi ! tỉnh chưa chưa tỉnh !
Bước tiền đồ ta tính mau mau !
Góp tiền lập hội cùng nhau,
Kén người du học cho nhiều cho đông.
Gương Nhật-Bản ta trông ngay lấy,
Nhớ khi nào hèn dại như ta,
Vì chưng biết học phương xa ;
Mà nay cường-quốc lá cờ đương bay.
Đồng-bào hỡi ! tỉnh lai lai tỉnh ;
Trông hồi xưa mà tính hồi nay
Mau đi, học đỗi học hay,
Nước ta chậm kém, nhân tài vì thưa.
Gương Xiêm nọ, dân xưa mê mụội,
Học thầy Anh họ chịu xiêng-năng ;
Hiện nay nước dã phú cường,
Đắp nền độc-lập đông-phương kia kìa.
Đồng-bào hỡi, trông bia Ấn-Độ !
Dưới quyền Anh mà họ học khôn,
Dân dầu trí, nước dầy hồn,
Nay bao quyền-lợi giữ còn thiếu chi.
Mỹ hồng-chủng cùng Phi hắc-chủng,
Nước diệt vong, nòi giống đổi suy ;
Bởi dương dân-trí ngu sy,
Ngàn năm nô-lệ, muôn thì ngựa trâu.
Đồng-bào hỡi ! tỉnh mau mau tỉnh !
Buổi cạnh-tranh ta tính kíp lên.
Gan cho vững, chí cho bền.
Học hay Anh Pháp, học khôn Hoa-Kỳ ;
Nghiệp học thuật nên suy sét kỹ,
Thương giống nòi, chủ ý đừng quên ;
Bấm gan thề mấy thượng thiên,
Quyết dem tâm huyết mà đền cao sâu.
Đồng-bào hỡi ! tỉnh mau du học,
Há cùng người chịu nhục mãi du ;
Việt-Nam tổ-quốc ngày xưa,
Thuộc Tàu đô hộ có thừa ngàn năm
Nín hơi học võ văn bao xiết,
Nực ngàn thu sử sách còn truyền ;
Giai Thường Kiệt, gái Trưng-Vương,
Đình-chi đối phú, thị Điểm thi ca.
Đồng-bào hỡi ! dã là người Việt,
Nghĩ lấy câu tổ quốc không hèn,
Chí nên gắng, học nên truyền,
Đem thân sáu trước mà đền nước non.
Nước bĩ thái, giốc nòi thịnh diệt,
Hi-vọng nhờ lũ Việt thiếu-niên ;
Mau mau giữ lấy nhân-quyền,
Cùng nhau kíp đắp to nền chí khôn,
Đồng-bào hỡi ! cùng quyền cùng hội,
Bước ba đào lặn lội xá chi.
Văn thao luyện, võ tinh xuy,
Kết thành đoàn thể, duy-chi nước non,
Chí đã có, chí còn phải chạnh,
Chốn liệt-cường thích cảnh chẻn vai,
Học mau ơi hỡi nhân-tài !

HƯƠNG-MINH
NGUYỄN-HỮU-NHÃ.

Ngô-Việt xuân-thu

HỒI THỨ IV

(*Tiếp theo*)

Lệnh-hạ trong ba ngày, có chàng thiếu-niên người Sở tránh loạn sang ở Trịnh, vào yết-kiến Trịnh-bá và nói rằng :

– Tiểu thần có thể thoái được quân Ngô, mà không phải dùng một tấc gươm một dấu lương nào. chỉ xin một chiếc mái chèo vác đi hát dong vài câu, tự-nhiên quân Ngô phải lui.

Trịnh-bá thấy nói dễ-dàng quá, trong bụng không tin, nhưng bấy giờ cũng chẳng nghĩ được kế gì khác, mới truyền tả hữu giao cho chàng thiếu-niên ấy một cái mái chèo và bảo rằng :

— Nếu mà thoái được quân Ngô, thì quả-nhân sẽ có trọng-thưởng. »

Chàng thiếu-niên lĩnh lấy mái chèo, vác ra ngoài thành, đi thẳng vào trại quân Ngô, ngông-ngênh vác mái chèo, vừa gõ vừa hát rằng :

« *Khách rừng lau, ơi hỡi ông khách trong cái rừng lau,*

« *Bấy sao (1) gươm cũ ông vẫn deo sau cái bức chiến-bào* ;

« *Chuyến đò ngang ông có nhớ những khi nào ? . . .*

« *Cơm chiêm, canh cá kể biết bao là nỗi ân-tình !* »

Quân Ngô nghe hát nghi hoặc, bắt nộp Tử-Tư. Vào đến trong dinh, chàng thiếu-niên vẫn nghêu ngao hát không sợ hãi gì. Tử-Tư nghe thấy thất-kinh dứng xuống dưới chiếu hỏi :

« Dám thưa túc-hạ, túc-hạ là ai ? »

Chàng thiếu-niên giơ cái mái chèo, và nói :

« Ông không trông đến cái này ru, mà không biết tôi là ai ? Tôi là con giai người ngư-phủ bến Ngạc. »

Tử-Tư mời ngồi và hỏi ;

« Tiền-nhân nhà túc-hạ vì cứu tôi mà thiệt mệnh, tôi đương tìm cách báo ơn mà không biết báo ơn vào đâu ; vừa may gặp được túc-hạ . . . Túc-hạ hát dong để nhắn tiếng như vậy, chắc muốn tìm tôi có việc gì chăng ? »

— Về phần riêng tôi thì chẳng có việc gì, chỉ có Trịnh-Bá sợ hãi cái binh-uy của tướng-quân, hạ lệnh trong nước rằng : Nếu ai thoái được quân Ngô, thì sẽ chia cho một phần nước. Vậy tôi muốn thưa với tướng-quân, xin tướng-quân nghĩ công cho tiền-nhân tôi, thương cho tôi mà tha tội cho nước Trịnh. »

Tử-Tư ngẩng mặt lên giời mà rằng :

« Tôi nhờ có tiền-nhân nhà túc-hạ ngày nay mới được thế này. Giời còn xanh xanh trên đầu, ơn ấy bao giờ tôi dám quên ! Nhưng xin túchạ nói với Trịnh-bá bắt Sở Chiêu-vương ra đây cho tôi.

— Sở Chiêu-vương thực không có ở đấy, tôi không dám nói rối tướng-quân.

— Nếu quả như vậy, thì tôi xin lập-tức rút quân ».

Chàng thiếu-niên tạ ơn lui ra. Ngay hôm ấy Tử-Tư giải vi cho nước Trịnh đút quân về Sở. Trịnh-bá thấy quân Ngô hãi lui, liền xắn một trăm dặm đất phong cho chàng thiếu-niên.

Tử-Tư dẫn quân về đến Sở chia quân án ngữ các đường, rồi đem đại quân đóng tại thành My, sai người đi bốn mặt chiêu hàng quan lại nước Sở, và giò la tin tức Chiêu-vương. Một hôm Tử-Tư đương ngồi trong trướng, sực thấy sứ-giả đệ phong thư vào, Tử-Tư ngỏ xem, thì là thư của Thân Bao-Tư.

(1) Gươm thất-tinh (xem lại hồi đầu)

Nguyên Bao-Tư từ khi Hĩnh-đô bị phá, lánh ra núi Thạch-tỵ để xem Tử-Tư báo thù nước Sở. Khi nghe thấy Tử-Tư đào mả đánh thây Bình-vương, lại cố ý tầm nã Chiêu-vương, trong bụng lấy làm quá-thậm, mới sai người đưa thư để can Tử-Tư. Thư đại lược như sau này :

« Anh xưa cũng là bề tôi Bình-vương, « đã từng ngảnh mặt về phía Bắc mà « thờ, mà nay anh nỡ đào mả đánh thây « Bình-vương, tuy là sự báo thù, song tôi « tưởng cũng là thái-quá. Vậy anh nên tha « cho nước Sở mau mau dẫn quân về Ngô. « Nếu anh không nghe, thì tôi xin thực- « hành cái câu tôi nói với anh ở ven rừng « khi trước ».

Khi đó Tử-Tư mở thư xem đoạn, bảo sứ-giả rằng :

« Nay tôi đương lúc việc quân bối-rối, không kịp viết phục-thư. Nhờ sứ-giả về tạ Thân quân cho tôi rằng : Ngày tối, đường cùng, nên phải bước trèo đi ngược vậy. »

Sứ-giả đem nhời Tử-Tư về nói với Bao-Tư. Bao-Tư nghĩ thầm : Tử-Tư đã quyết chí phá diệt nước Sở, ta phải tìm cách mà cứu nước. Hiện nay trong các nước hầu duy Tần với Sở là có họ ngoại; nếu muốn giải nạn cho Sở tất phải nhờ đến nước Tần. Nghĩ thế rồi Bao-Tư tức khắc lên đường, ngày đêm gấp sức trông về phía tây mà đi ; gót chân mòn thủng, máu chảy khắp đường, Bao-Tư sé xiêm buộc lại, rồi lại cố đi cho đến Ứng-Châu, vào yết-kiến vua Ai-công nước Tần và tâu rằng :

« Nước Ngô tham như lợn, độc như rắn chỉ muốn nuốt rồi cả các nước hầu ; hiện nay đã bắt đầu từ nước Sở. Quả-quân phải bỏ xã-tắc lánh nơi xây cỏ, sai tiểu-thần sang đây cáo-cấp với đại-vương, xin đại-vương nghĩ tình cậu cháu mà cất quân sang cứu nước Sở. »

Ai-công nói :

« Nước Tần ở lảnh miền tây, quân hèn, tướng ít, giữ nước chẳng xong, còn sức đâu mà bênh vực được ai ! »

Bao-Tư tâu :

« Tần với Sở liền cõi với nhau, nay Sở có nạn mà Tần không cứu, e rằng Ngô lấy được Sở, sẽ lần lượt đến Tần vậy. Vậy thì đại-vương cứu Sở, không những vì Sở mà cũng vì Tần. Vả lại nếu đại-vương cứu được Sở, Tiền-vương bên Sở còn chỗ cúng tế, thì nước Sở sẽ xin ngảnh mặt về Bắc, đời đời làm tôi nước Tần. »

Ai-công vẫn dùng-dằng chưa quyết, bảo Bao-Tư rằng :

« Ngươi hãy ra quán yên-nghỉ, để quả-nhân bàn với triều-thần xem sao. »

Bao-Tư tâu :

« Quả-quân còn lưu lạc ở nơi xây cỏ, tiểu-thần đâu giám yên-nghỉ. Xin đại-vương mau mau cất quân sang Sở, cứu cho quả-quân. »

Khi đó Ai-công say mê chè rượu, không thiết việc nước, dẫu rằng Bao-Tư kêu xin khẩn-cấp, mà Ai-Công vẫn không chịu khởi binh. Bao-Tư cứ cả mũ áo đứng tựa sân chầu, kêu khóc bẩy ngày bẩy đêm không lúc nào dứt tiếng, Ai-công thấy vậy dật mình mà rằng :

« Người Sở thương vua đến thế kia ru ! Vua Sở có bề-tôi hiền như thế mà Ngô còn đánh ; quả-nhân không có bề-tôi hiền ấy, thì Ngô tha gì ! »

Ai-công nói đoạn, sai đại-tướng là Tử-Bồ, Tử-Hồ đem 500 cỗ xe theo Bao-Tư sang cứu nước Sở. Trong khi ở giọc đường, tướng-sĩ vừa đi vừa gõ gịp hát thơ Vô-Y của Ai-công soạn cho, để tỏ sự đồng-tâm. Thơ rằng :

« *Mảnh nhung-y thiếu chi chẳng có,*
« *Bức chiến-bào ta cố mặc chung.*

« *Liếc thanh đao mà cùng chuốt con dòng,*
« *Một mai có giặc, giốc một lòng chém [giết xông pha !*

« *Thù ta ta quyết không tha !* »

Quân Tần đã ra khỏi cõi, Bao-Tư dặn Tử-Bồ, Tử-Hồ cứ kéo quân thẳng tới Tương-Dương, rồi từ-biệt về Tùy bảo cho Chiêu-vương biết rằng : Cứu-binh của Tần đã ra khỏi cõi, Chiêu-vương và quần-thần ai nấy đều mừng, Tử-Tây, Tư-Kỳ, Vỷ-

Diên, Tống-Mộc Đấu-Sào, thu thập quân Tùy quân Sở, ngay hôm ấy chẩy đi. Tới Tương-Dương, vừa gặp quân Tần, hai bên hợp quân làm một, tắt sang phía nam, đến sông Nghi gặp quân Phù-Khái, giao-chiến một trận rất dữ dội, Phù-khái thua to chạy về Hĩnh-đô, vào yết Hạp-Lư báo việc quân Tần cứu Sở. Hạp-Lư nghe nói có ý sợ, Tôn-Vũ tâu :

« Việc binh là việc hung, chỉ nên dùng tạm không nên dùng lâu. Vả lại nước Sở bờ cõi còn rộng lắm, nhân-tâm chưa chịu phục Ngô. Ngày trước thần xin lập Bạch-Thắng là vì cớ ấy. Nay việc đã nhỡ, đại-vương nên sai sứ thông hiếu với Tần, hứa rằng lại lập vua Sở và sắu lấy cõi tây của Sở phụ vào nước Ngô. Như vậy thì nước Ngô cũng vẫn có lợi. Nếu đại-vương tham tiếc cung-điện của Sở, mà cố chống giữ, e rằng người Sở vì tức mà sinh liều, quân Ngô vì kiêu mà sinh chễ, lại thêm có nước Tần là nước hùm sói giúp cho Sở, thần không chắc quân Ngô đã giữ vững được.»

Tử-Tư biết chừng Chiêu-vương không thể bắt được, mới xin Hạp-Lư theo nhời Tôn-Vũ. Bá-Phỉ can rằng :

«Quân ta tự khi ở Ngô chẩy đi, vào nước Sở dễ như chẻ trúc, chỉ năm trận lấy được kinh đô của Sở; nay mới bắt đầu gặp quân Tần mà đã rút về, sao trước kia mạnh-tợn mà bây giờ rút-rát như vậy? Xin đại-vương cấp cho thần một vạn quân, thần quyết đánh cho quân Tần mảnh giáp không còn. Nếu không được thế xin cam quân-lệnh.»

Hạp-Lư thấy nói hùng-dũng, ưng nhời ngay, Tử-Tư, Tôn-Vũ cố can, Bá-Phỉ không nghe, cứ dẫn quân đi, mới đến Quân-trường (ở phía tây Hĩnh-Đô) gặp quân Tần, Sở ba mặt đồ lại đánh quân Ngô tan làm ba đoạn. May có Tử-Tư đem quân cứu ứng, Bá-Phỉ mới ra thoát vòng vây, một vạn quân chỉ còn hơn hai nghìn, chạy về Hĩnh-Đô thú tội. Tôn-Vũ bảo Tử-Tư rằng :

« Bá-Phỉ có tính khoe công tự nhiệm, sau này tất làm lo cho nước Ngô, bất-nhược nhân nay hắn thua quân, chiếu quân lệnh mà chém đi »

Tử Tư đáp :

« Hắn dẫu có tội, nhưng đương lúc giặc to ở trước mặt, không nên chém đại tướng.»

Nói đoạn, Tử-Tư vào yết Hạp-Lư, xin tha tội cho Bá Phỉ, Hạp-Lư cũng thương Bá-Phỉ, không nỡ làm tội, lại cho ra coi thành Ma.

Bá Phỉ tạ ơn lui ra, sịch có tin báo quân Tần đã kéo gần đến thành Hĩnh, Hạp-Lư thất-kinh tức thì sai sứ sang Đường, Sái hai nước mượn quân, một mặt sai Tử-Tư, Tôn-Vũ dẫn quân giữ thành Lư; Công-tử Sơn và Phù-Khái lĩnh quân giữ Hĩnh-Đô; rồi Hạp-Lư tự đem tướng-sĩ ra giữ Kỷ-Nam, Sáng hôm sau có tin của Công-tử Sơn báo rằng : Phù-Khái đêm hôm qua dẫn quân ra thành, không biết đi đâu. Hạp-Lư cho là Phù-Khái có tính thị tài tự-dụng, tất lại dẫn quân đi đánh úp quân Tần, bởi vậy cũng không chú-ý. Cách vài ngày sứ-giả ở Đường, Sái về, tâu rằng : Nước Đường đã bị quân Tần đánh vỡ, Đường-hầu bị giết, Sái-hầu thấy vậy, không dám đem quân sang giúp. Hạp-Lư giật mình tức-khắc sai người ra thành Lư đòi Tử-Tư, Tôn-Vũ vào dinh bàn việc. Hai người vừa đến dinh, thì lại có tin của Thái-tử Ba báo rằng : Phù-Khái đã đem quân về Ngô, không biết tình-ý ra làm sao? Tử-Tư nói với Hạp-Lư rằng :

« Phù-Khái tự-tiện bỏ thành mà về, tất nhiên có ý làm phản.

Hạp-Lư hỏi :

« Bây giờ làm thế nào?

— Phù-Khái chỉ là một kẻ dũng-phu dẫu làm phản cũng không lo, chỉ lo nước Việt nhân ta nội-biến mà kéo quân vào. Vậy thì đại-vương nên đem quân về trước, hãy giẹp cho yên nội-loạn.»

Hạp-Lư lấy làm phải, bèn để Tử Tư, Tôn-Vũ ở lại giữ Hĩnh-đô, rồi cùng Bá-Phỉ dẫn đại-quân xuống thuyền suôi về. Về đến sông Hán lại tiếp được tin cáo-cấp của Thái-tử Ba nói là Phù-Khái, tự-sưng vương, dắt quân Việt vào cướp Kinh-đô, thành Cô-tô nguy ở sớm tối. Hạp-

Lư nghe báo tức thì sai sứ quay lại dục Tử-Tư, Tôn-Vũ rút quân về Ngô. Tử-Tư tiếp được tin ấy bèn cùng Tôn-Vũ bàn việc thoái binh ; sịch có sứ-giả bên Sở đệ phong thư của Thân-bao-Tư vào trình, Tử-Tư ngỏ xem, thư đại-lược rằng :

« Nước Ngô lấy Sở hầu một năm nay, mà chưa giẹp yên, đó cũng đủ biết lòng giời chưa muốn làm mất nước Sở . . . . . Vả lại anh đã thực-hành cái câu hủy-hoại nước Sở ; tôi cũng muốn thực-hành cái câu khôi-phục nước Sở. Trong nghĩa bè bạn, ta nên giúp nhau, chớ nên làm nhỡ nhau. Anh chớ dùng hết binh-uy của Ngô ; tôi cũng không dùng hết binh-uy của Tần. . . . . »

Tử-Tư xem xong, trao Tôn-Vũ mà rằng:

« Ta lấy vài vạn quân Ngô kéo tràn vào Sở, đốt tôn-miếu, giẫy xã-tắc, đánh thây kẻ chết, nhục vợ kẻ sống, từ xưa đến nay, chưa có ai là bề-tôi báo thù vua được sướng như thế. Ngày nay quân Tần tuy đánh thua quân ta, nhưng dư-binh của ta cũng chưa hại gì. Trong binh-pháp : lúc đáng tiến thì tiến, lúc đáng lui thì lui. Nay quân Tần chưa biết nội-tình nguy-cấp của ta, chính là lúc đáng lui vậy.»

Tôn-Vũ nói :

Ta cứ điềm-nhiên mà lui quân về, tất bị thiên-hạ chê cười, tiên-sinh nên yêu-cầu nước Sở phong cho Bạch-Thắng để làm cớ.. »

« Tử-Tư khen phải, liền viết một bức thư giao cho sứ-giả, thư như sau này :

« Xưa vua Tề Hoàn-Công cứu nước Hình, phong nước Vệ ; vua Tấn Mục-Công ba lần lập vua Tần ; những việc đó vẫn còn truyền-tụng đến nay. Tôi dẫu bất-tài cũng đã biết cái nghĩa ấy. Nay con giai Thái-tử Kiến là Bạch-Thắng vẫn lưu-lạc ở Ngô, chưa có một tấc phong-ấp nào, nếu nước Sở bằng lòng cho Bạch-Thắng về, để thừa phụng tế tự Thái-tử cũ, thì tôi xin lập-tức lui quân, cho thành cái trí của anh. »

Sứ-giả đem phong thư về, đưa trình Bao-Tư. Boa-Tư xem xong đưa cho Tử-Tây, Tử-Tây sai ngay sứ sang Ngô đón Bạch-Thắng. Sứ-giả của Sở đã đi, Tử-Tư và Tôn-Vũ tức thì lui quân, bao nhiêu kho dụn vàng, ngọc của Sở, chất lên đầy xe trở về lại đem vài vạn nhân-khẩu ở cội Sở về Ngô để cho ở các chỗ đất không bên Ngô.

Quân Ngô về khỏi, Tử-Tây và Thân-bao-Tư sai sứ đón Chiêu-vương về nước.

Tử-Tư và Tôn-Vũ dẫn quân ra khỏi đất Sở, Tôn-Vũ xuống thuyền về trước, Tử-Tư đem một toán quân qua núi Lịch-hị-dương về ải Chiêu tìm Đông-cao-Công để báo ơn. Tới nơi, vào trại cỏ gianh ngày xưa, chẳng thấy nhà cửa chi cả, sai sứ sang núi Long-động tìm Hoàng-phủ-Nột cũng không thấy tung-tích gì. Tử-Tư than rằng : « Thật cao-sĩ vậy. » Khi quân về đến bến Lật-dương, Tử-Tư bảo tả hữu rằng :

« Năm trước ta bị đói ở đây, có người con gái thiết cơm ta, rồi gieo mình xuống sông, nay ta muốn báo ơn một nghìn nén vàng, mà không biết nhà ở đâu. »

Liền lấy một nghìn nén vàng vứt xuống vệ sông, rồi dẫn quân đi. Đi độ một dặm, có một mụ già ở ngang đường, thấy quân chảy qua cứ nức-nở khóc, quân-sĩ bắt hỏi khóc gì. Mụ già nói :

« Tôi có một đứa con gái, ở nhà nuôi tôi, ba mươi tuổi không chịu lấy chồng. Một ngày kia nó ra bến Lật dập sợi, rồi mất không thấy về ; cách mấy năm sau tôi thấy đồn rằng : khi nó dập sợi ở đó, có gặp một người con giai nhỡ độ xin ăn, nó thương tình đem cơm cho ăn, rồi gieo mình xuống sông. Nghe như người nhỡ độ ấy là Ngũ-quân bên Sở. Nay thấy nói rằng Ngũ-quân đánh Sở thắng trận, kéo quân qua đây, mà không thấy báo ơn cho con gái tôi. Tôi thương nó chết mất không, cho nên tôi phải khóc. »

Quân-sĩ bảo mụ già rằng :

« Quan chủ-tướng đây chính là Ngũ-quân đó, ngài muốn báo ơn cho con gái mụ một nghìn vàng, nhưng không biết nhà, nên ngài mới ném vàng xuống ven sông kia ; mụ ra đó mà lấy. »

Mụ già nghe nói ra sông mò lấy vàng rồi về. (Đến nay chỗ khúc sông ấy vẫn gọi là bến Gieo-vàng).

(*Còn nữa*)

NGÔ-TẤT-TỐ dịch thuật

時事之部

THỜI-SỰ

Bắc-kỳ nhân-dân Đại-biểu-viện

— Chiều hôm 30 Août này, các ông đại-biểu đã họp lần đầu tại nhà hội Nhạc-tây ở Bờ-Hồ. Song cứ theo như chương-trình thì công-việc hành-động của các ông còn mãi đến 7 Septembre này mới hết. Vả kỳ này của bản-chí đã nhiều bài lắm ; vậy nay chỉ xin nói qua về vụ họp ban đầu.

30 Août. — Chiều hôm nay ở Bắc-kỳ nhân-dân đại-biểu viện họp cốt để bầu ban trị-sự. Khi mở phiếu,

Ông *Nguyễn-hữu-Cự*, được 90 phiếu.

Ông *Bùi-huy-Tín*, 83 phiếu,

Ông *Nguyễn-hữu-Tiệp*, 82 phiếu,

Ông *Trần-viết-Soạn*, 80 phiếu,

Ông *Hà-huy-Thắng*, 69 phiếu,

Ông *Trần-đình-Hòe*, 66 phiếu,

Ông *Vũ-đăng-Minh*, kém ông *Hòe* mấy [phiếu,

Ông *Trần-minh-Thu*, được 23 phiếu.

Ông *Nguyễn-trọng-Trì*, 23 phiếu,

Ông *Vũ-văn-Thanh*, ông *Trần-đức-Gị*, ông *Nguyễn-hữu-Đan* được vào khoảng 12 phiếu giở lên ; còn ông *Trần-đình-Trương* cũng được 9 phiếu, ông *Nguyễn-văn-Quý* 8 phiếu, ông *Nguyễn-văn-Đa* 7 phiếu, ông *Phạm-văn-Roãn* 5 phiếu.

7 ông được nhiều phiếu nhất là được cử vào ban trị-sự ; các ông trong ban trị-sự lại bỏ phiếu lần nữa để cử ông Nghị-trưởng và Phó-nghị-Trưởng, Thư-ký và Phó-thư-ký. Mở phiếu : ông *Nguyễn-hữu-Cự* được bầu làm Nghị-trưởng ;

Ông *Nguyễn-hữu-Tiệp* được bầu Phó-[nghị-Trưởng ;

Ông *Bùi-huy-Tín* được bầu Thư-ký ;

Ông *Trần-đình-Hòe* Phó thư-Ký ;

Các ông { *Trần-viết-Soạn*, *Hà-huy-Thang*, *Vũ đăng-Minh* } *hội viên*

Thế là ban trị-sự viện đã thành-lập.

31 Août. — Sáng hôm nay, Nhân-dân đại-biểu viện lại họp, có quan Thống-sứ *Robin* chủ-tọa. Hôm nay là ngày khai hội-đồng, cho nên quan Thống-sứ có mời cả các quan thủ-hiến các tỉnh đến dự hội.

Hội-đồng họp trong chỗ ngồi coi hát của hội Nhạc. Trên sân-khấu, hai ba hàng ghế bầy sẵn cho các quan ; dưới cho ngồi xem, san-xát ghế từng hàng là chỗ ngồi của các ông đại-biểu ; xen vào giữa chỗ ngồi các đại-biểu và chỗ ngồi của các quan, thì có một cái bàn giài, trên giải dạ sanh, chung quanh có độ hơn chục cái ghế : đó là chỗ các ông trong ban Trị-sự ngồi. Hai bên cái bàn ấy, có hai cái bàn nữa, chung quanh cũng có ghế, để các viên phóng-sự các báo ngồi.

Hồi chín giờ, các ông đại-biểu phần nhiều đã ngồi vào chỗ. Các phóng-sự những báo-quán Tây-Nam cũng đều đã có mặt. Trong khi đợi quan Thống-sứ đến khai hội, chỗ này bàn-bạc, chỗ kia truyện-trò, tiếng nói sè-sẽ mà cũng hóa ra ầm-ầm cả phòng hội-đồng.

Lính khố sanh cũng đến ; sắp hàng trước cửa, khi quan Thống-sứ đến sẽ bồng súng

chào. Phường nhạc của hội thì lên ngồi trên gác.

Quá 9 giờ, quan Thống-sứ đi ô-tô đến các quan Thủ-hiến các tỉnh cũng đi ô-tô đến theo, lính bồng súng chào, các quan đi vào nhà hội-đồng, lên sân-khấu ngồi. Phường-nhạc thổi bài quốc-ca Marseillaise. Cử-tọa đứng giậy tỏ lòng thành-kính, song rồi ngồi xuống. Trên sân khấu quan Thống-sứ ngồi đứa hàng ghế đầu chủ-tọa, chung quanh ngài có những các quan.

Quan Thống-sứ đọc bài diễn-văn khai hội-đồng. Bài văn này giài lắm, khi đọc xong đã quá 10 giờ rưỡi, ông Thiều Tham-biện phủ Thống-sứ lại đọc bài dịch ra quốc-âm để các ông đại-biểu nào chưa hiểu nghe cho được tường. Rồi M. *Nguyễn-hữu-Tiệp* Phó-nghị-trưởng thay mặt ông Nghị-trưởng *Nguyễn-hữu-Cự* đọc một bài bằng chữ tây đại ý cảm-ơn quan Thống-sứ và tỏ dạ trung-thành với nước Đại-Pháp, và một bài nữa bằng quốc-ngữ đối với các ông đại-biểu. Ông Nghị-trưởng đau mắt cho nên không diễn-thuyết được, nên ông Phó-nghị-trưởng mới phải đảm đương cái việc quan-trọng ấy vậy. Ông Phó diễn-thuyết tuy không lấy gì làm hùng-tráng, sống thực cũng là giỏi, đọc văn rõ-ràng từng chữ, càng nghe càng như rót vào tai.

Xong những bài diễn-thuyết thì đã quá mười một giờ, quan Thống-sứ và các quan lui về dinh ; còn các ông đại-biểu thì ở lại để bàn việc gửi điện tín về Tây tỏ lòng mến quan Toàn-quyền Varenne và trung-thành với Đại-Pháp Bảo-hộ.

Trong bài diễn-văn của quan Thống-sứ, có rãi-tỏ nhiều ý-kiến rất sâu-xa, nhiều chính-sách rất quan-trọng, ngài nói những chính-sách ấy nay mai ngài sẽ thực-hành tại Bắc-kỳ. Tiếc vì bài diễn-văn giài quá, Bản-chí không có chỗ để đăng hết, vậy xin nói tóm tắt và trích đăng một vài đoạn quan-hệ nhất.

Bắt đầu quan Thống-sứ nói về cái nạn nước lụt hiện đương làm khổ dân ta ; ngài khen những quan cai-trị đã hết lòng tìm cách để làm cho đỡ sự thiệt-hại. Rồi ngài nói đến cái chức-trách của các ông đại-biểu. Đoạn này xin trích đăng nguyên-văn như sau này :

« Làm đại-biểu cho dân là trước hết phải biết rõ dám dân bầu mình lên, biết rõ những tính-hạnh hay, những nết sấu của dân hoặc từ xưa nay vẫn có hay bây giờ mới có, biết rõ dân sự hiện cần những gì, hiện mong những gì, đường-hoàng toan tính những gì, hay mưu-mô vụng trộm những gì. Sau nữa có khi không cho dân biết, trái hẳn ý dân mà cố cho dân khá, cho một ngày một hay lên, cố chỉ bảo cho dân noi-theo con đường tiến bộ. Làm đại-biểu cho dân lại phải biết không nên nhầm cái lợi riêng, dù riêng của một người, hay mấy người, hay riêng của cả đám dân bầu mình nữa, với cái lợi chung của đoàn-thể. Sau hết, mà có nhẽ điều này là điều trọng yếu nhất làm đại-biểu cho dân, cốt tránh cái nịnh dân quá, chiều-chuộng lấy lòng dân quá, đến nỗi thành kẻ nô-bộc của mọi người, chứ không phải là người cố-vấn chắc-chắn, là người tiêu biểu chí-thức. . . . .

. . . . . .

« . . . . Người ta bảo các ngài không phải là viện tư vấn, mà chỉ là một viện thuận-y . . . . . .

Họ lại bảo rằng nhân dân đại-biểu viện không bao giờ làm ích-lợi gì cho dân được, không bao giờ biết được những điều sở vọng của dân, chỉ vì một lẽ rất tầm-thường : là dân đứng bầu người đại-biểu còn kém dân các nước lắm, ý-kiến không nhất-định, không có gì là chuẩn-đích ; nói tóm lại là vì dân ở đây, không biết một tí gì về đường chính-trị. Như vậy thì trước hết phải dạy dần cho biết chính-trị ! . . . . . Những khoa-học đó, muốn học cho thành-hiệu, cần phải có chúng tôi ở gần các ông lâu mới được. . . . . Vậy tôi khuyên các ngài chớ nên mong rộng quá, chớ nên nóng ruột quá. Ta thường nghe nói rằng : sự tự do, cũng vì như một thứ rượu vang, nếm vào đã thấy ngon, uống vào lại tuyệt thích, nhưng lại tội rằng rượu ấy mạnh, phải quen dùng và dùng dần dần mới khỏi dức đầu váng óc ! » . . .

Ngài khuyên các ông đại-biểu chớ hiểu nhầm bổn-phận mình, mà tưởng rằng đại-biểu dân cũng như là viên quan nhà nước; ngài bảo chức-vụ các ngài khác chức-vụ quan, song hai cái chức-vụ ấy cần phải bổ-khuyết lẫn cho nhau, quan với đại-biểu nên cùng nhau hợp sức mà làm cho các việc công được hoàn-hảo.

Rồi ngài nói mấy câu bênh-vực quan-trường; ngài nói: tuy trong quan-trường cũng nhiều kẻ tham-ô, nhưng cũng có nhiều người thanh-liêm mẫn-cán, đáng kính đáng trọng; dẫu có muốn cải-cách sự tuyển các quan thì cũng còn lâu mới làm được, chứ việc đó không phải là một việc chốc-lát xong ngay. Ngài có ngỏ ý đang dự-định lập một hội-đồng tư-vấn riêng *(Conseil Privé)*, trong đó gồm các quan đại-thần Annam có lòng khảng-khái, bụng thanh-liêm mà không cần gì phải nịnh-nọt Chính-phủ để mong ân-thưởng, hội-đồng ấy ngài sẽ để tham-đính vào việc chính-trị, sau này ngài có định việc gì thì sẽ đem bàn-bạc cùng các quan ấy để xem nên hay không. Nhưng nay hội-đồng ấy chưa lập, thì xin các ông đại-biểu tận tâm đem sáng-kiến tỏ cùng ngài biết.

Cái chính-sách của ngài có thể tóm tắt trong đoạn sau này, trích ở bài diễn-văn ngài đọc:

« Công việc tôi, do một chủ-nghĩa: sao cho dân Annam được tiến-hóa trông thấy. Về đường vật-chất, về đường đạo-lý, tôi cũng cùng ý-kiến với quan Toàn-quyền Varenne, không muốn đạp-đổ cái nền cũ đi. Ý muốn của tôi, tôi quyết như thế mà không có điều khó khăn nào ngăn được tôi, là nhất-thiết gác ra ngoài cái chính-sách để làm cho người ta khát-vọng những điều hão-huyền, sinh ra mầm hỗn-loạn, túng-nhiên không ích-lợi gì cho nhà nước Bảo-hộ mà lại tuyệt vô-ích cho dân. Một đoàn thể không sống vì những « thủ-thế » những « chứng-tưởng » không nghĩa-lý gì. Tất cần phải có những thực-tế trông thấy được mà có ích-lợi hiển-nhiên cho đoàn-thể.

« Ý-nguyện của tôi thì thật vừa nhỏ-mọn mà lại vừa cao-xa. Nhưng mong được có kết quả tất, phải phát-khai ở một nơi yên-ổn, ở một hoàn-cảnh có xã-hội trật-tự rất nghiêm-khắc. Người ta trong chỗ huyên-náo thì không có thể nào làm được việc: lúa muôn chín phải gặp thời, trong lúc mưa o gió nhớn thì có bao giờ được mùa tốt.

« Cho đạt tới mục-đích tốt, về điều gì cũng phải giữ lấy chữ « quyền » làm gốc. Quyền-chính, không vững thì không có trật-tự, không có trật-tự thì không có tiến-bộ; vậy các ngài cứ tin ở tôi, tôi cố làm cho xứ này có trật-tự để có tiến-hóa; nếu chẳng may trật-tự mất đi, tôi sẽ lại làm cho có. »

Đoạn ngài nói về những vấn-đề ngài định cải-cách.

Về học-chính, ngài cho là cái cách giậy sơ-học từ trước tới nay là nhầm, nhầm vì rằng « mục-đích sơ-học và cao-đẳng tiểu-học là dậy dỗ cho trẻ con ngày sau có đủ học-thức mà đối phó với đời, giậy cho trẻ con biết quyến-luyến xứ sở và chức-nghiệp của mình « mà nền sơ-học cũ thì chỉ đào-tạo được phần nhiều người « tự cho mình là bực thượng-lưu, xa hẳn khác hẳn đồng-bào, vì biết được năm ba chữ tây, tưởng như mình là một hạng người riêng mới phát-sinh ra, chứ không nhớ gì đến cổ-tục không có giây liên-lạc cùng nòi-giống », Bởi người ta nhầm rằng: dạy trẻ An-Nam cũng có thể theo như cách giậy trẻ con Tây cho nên mới có cái hại thế. Ngài định rằng rồi ra sẽ lấy tiếng quốc-ngữ làm gốc những khoa giậy ở trường sơ-học, mà tiếng Pháp sẽ chỉ cho như một thứ tiếng phụ thôi, như vậy thì có nhẽ sẽ thay hết chương-trình, các chương-trình sơ-học và tiểu-học. Ngài lại định mở thêm nhiều trường.

Về y-tế, ngài muốn cho dân-quê An-Nam « chịu bỏ tiền mình ra mà cầu lấy sự tiện-lợi vào mình », nghĩa là bỏ tiền ra để dùng thuốc Tây, cho người đi học hộ-sinh và chữa thuốc theo tây-cách. Ngài nói rằng: nếu mà lập ra lệ phát thuốc cho các làng, thì nhà nước sẽ cho không thuốc cho những làng nghèo, còn làng giầu sẽ bắt giả tiền thuốc, nhưng tính giá rất hạ cho.

Ngài có ý thương nông-dân An-Nam, muốn cho nông-dân được nhiều điều tiện-lợi, cho nên ngài có dự-định rằng sẽ cổ-động dân ta đạc-điền và lập đồ-bản những ruộng đất, để rồi khỏi sẩy ra những việc lôi-thôi về sự tranh-quyền sở hữu ruộng đất. Ngài đã tính cho dân một cách có thể thực-hành được ngay việc ấy mà không tốn mấy. Ngài lại mong cho dân để tâm vào những việc có ích, như là : đắp đê, đào ngòi lấy nước vào ruộng, khai cống tống nước ruộng ra, v. . v. . . Cái chương-trình những việc ngài định khuyến khích nông-gia làm, có thể tóm-tắt trong câu : « *Cho xã-thôn, bởi xã-thôn* » (nghĩa là dùng xã thôn mà làm những việc lợi cho xã-thôn ; dịch câu tiếng Pháp : *Pour la commune, par la commune.)* Ngài nói rằng : ngài đã để tâm vào cái vấn-đề di-dân ở xứ Bắc ta, đương tìm cách để binh-vực lợi quyền cho bọn người Bắc đi làm ở Nam hay là ở Tân-đảo.

Về việc cải-lương hương-chính, ngài nói rằng : « Chính-phủ không bao giờ lại định đổi phong-tục dân An-Nam ; phong-tục ấy rất hay, chính là cố-cách của gia-tộc và xã-hội An-Nam. Chính phủ chỉ muốn cho phong-tục hưng-khởi thêm lên, cho thích-hợp với thời-thế, chỉ muốn cho việc hương-chính thêm có trật-tự và qui-củ » Việc đó khó lòng làm được hoàn-toàn ngay từ ban đầu. Ngài cũng biết như thế, cho nên nhờ các ông đại-biểu ai có ý-kiến gì về vấn-đề ấy thì bày tỏ cho ngài ra cách mà làm việc.

Kết-luận ngài khuyên dân ta yên-ổn mà làm ăn, vì cứ trông cái gương Abd El-Krim giỏi như thế mà cũng không làm gì nổi nước Pháp, vậy thì dân ta nên cứ dốc một lòng tin cậy ở Chính-phủ Bảo-hộ, đừng mơ tưởng những sự hão-huyền. Rồi ngài khai hội-đồng.

Buổi chiều, các ông đại-biểu họp để xét cái vấn-đề cải-lương hương-chính và một vài vấn-đề khác. Ông nghị trưởng chủ-toạ. Về vấn-đề cải-lương hương-chính thì các ông Đại-biểu bàn xong định rằng xin Chính-phủ cho phép các chánh-hương-hội khi giao-thiệp với quan Phủ, Huyện thì được dùng công-văn, mà khi quan phủ huyện giao-thiệp với hương-hội thì cũng đều phải có giấy má phân-minh : mỗi làng sẽ nuôi một tên tráng để mang thư-trát, thư đi thư về biên cả vào một quyển sổ, ai nhận thư thì ký tên vào sổ cho khỏi thất-lạc.

. . .

Trong những ngày 1 và 2, viện xét về bản dự thảo sổ chi-thu Bắc-kỳ.

Ngày 3 sẽ để xét riêng về những khoản chi-thu việc Công-chính :

Ngày 3, buổi chiều sẽ xét riêng các khoản dự-chi về việc Đạc-điền, Học-chính và Y-tế. Ngày 4 buổi sáng xét các khoản dự-chi về việc Lâm-chính, việc Thú-y và việc Canh-nông.

. . .

Ngày 1er Septembre có bốn ông đại-biểu từ chức, là những ông : *Ngô-văn-Phú*, đại-biểu Hanoi, *Trịnh-văn-Kiểm* đại-biểu Hadông, *Trần-đức-Gy* đại-biểu Hadông, *Trần-minh-Thu* đại-biểu Bắc-Ninh, không rõ vì nhẽ gì các ông từ-chức. Về việc này báo Đông-Pháp nói rằng : « *các ông từ chức để tỏ với những người đã bầu các ông rằng : khi các ông không đạt tới mục-đích thì không dám đảm-nhận chức trách thay mặt dân*

* * *

Sáng hôm 3 Septembre, các ông đại-biểu xét đến vấn-đề trị-thủy.

Việc này là một việc thượng-khẩn, tất khi làm phải dụng nhiều phu lắm. Về việc này Chính-phủ và đại-biểu-viện đồng một ý là nên cho bỏ thầu, vì e rằng nếu giao về cho dân làm, tất có nhiều điều phiền-nhiễu. Những phu mộ đi làm đê là những phu ăn công cả, ai bằng lòng đi làm thì lấy công, ai không bằng lòng thì thôi, các quan cai-trị không được dính-dáng gì đến việc mộ phu này.

Nhân bàn về việc mộ phu có mấy ông đại-biểu tỏ ý phàn-nàn về sự mộ phu đi ngoại quốc, (*Nouvelles-Hébrides, Nouvelle-Calédonie,*) mà trong nước thì còn thiếu

nhân-công để làm những việc nông như khẩn-thổ. v.. v.. Các ông yêu-cầu Chính-phủ tìm cách ngăn-ngừa cái việc bất-tiện ấy, hoặc cấm việc ấy trong một hạn vài ba năm, để có phu làm đê, thì việc trị-thủy mới có cơ thực-hành được.

Việc đắp đê là một việc to, không thể nào cùng khởi công trong mấy tỉnh một lúc được, vậy nên các ông đại-biểu và Chính-phủ đồng-ý rằng : năm 1926-1927 sẽ khởi công tại ba tỉnh Bắc-Ninh, Hưng-Yên, Hải-dương, rồi sau sẽ làm đến những tỉnh Hà-đông, Sơn-tây, Thái-bình, như thế thì các đê sông Nhị-Hà, sông Luống, sông Luộc, đều sẽ được dần dần bồi-bổ.

Chương-trình dự thảo đã được các ông đại-biểu y ; nay mai sẽ đem thi-hành luôn.

*
* *

Từ ngày thứ hai 6 Septembre này, bắt đầu xét những nhời thỉnh-cầu của các ông Dân-biểu. Quan Thống-Sứ cho các ông ngôn-luận tự-do, nên cái quang-cảnh hội-đồng thực cũng có phần khác những năm trước.

Trong các đơn thỉnh-cầu, tuy cũng có nhiều cái đơn ý-tưởng quá lạ mà văn-chương cũng quá kỳ, nhưng cũng được nhiều đơn có những ý-kiến đáng chú-ý. Trong số những đơn thỉnh-cầu có giá-trị ấy, ta nên kể những đơn yêu-cầu đổi lại một vài qui-tắc của viện, những đơn nói về việc toà-án nên sửa đổi như thế nào cho tiện, những đơn nói về việc trị-thủy và cứu-tế, việc trường tư-thục.

Về việc trị-thủy, trên kia Bản-chí đã kể tường-tận.

Nay xin nói về hai cái đơn thỉnh-cầu đổi một vài thể-lệ cũ của viện :

1° — Mấy ông đại-biểu tỉnh Nam-Định xin Chính-Phủ cho đại-biểu được thêm quyền để cho xứng đáng với cái tên đại-biểu dân. Các ông không dám xin quyền lập-pháp như những ông nghị-viên ở Pháp (*députés*), nhưng chỉ xin quyền cũng được bằng những ông Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ. Các ông lại xin rằng : khi nào có hội-nghị thì nhà nước cho công-chúng được vào xem, như trong hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ, vì như thế nhân-dân có thể đến mà chứng-kiến những sự hành-động của các ông đại-biểu dân đã bầu. Như thế thật là đích-đáng, vì rằng dân đã bầu các ông đại-biểu thì có quyền kiểm-soát các ông sử-trí ra sao, đó là nhẽ phải. Vả lại có được thế thì hắc bạch mới phân-minh, người hay kẻ dở mới bày ra, mà cái hạng « *gật liều* » mới trừ đi được. Chắc rằng trừ những kẻ « *mít đặc* » thì ai ai cũng sẵn lòng chuẩn-y nhời yêu-cầu ấy.

2° — Một ông dân-biểu tỉnh Haiphong đưa đơn yêu-cầu rằng mỗi năm cho bầu lại ban trị-sự một lần, mà cho bầu theo một cách khác trước ; chánh phó nghị-trưởng bầu riêng, chánh phó thư-ký bầu riêng, các chân trị-sự lại bầu riêng, như vậy thì hội-đồng mới tiện trọn những người có học-thức, có công-tâm nhiệt-huyết lên làm nghị-trưởng, chứ nếu theo cái lối bây giờ thì có người chưa đáng được mà cũng được vào chân nghị-trưởng. Cái đơn này cũng chánh-đáng lắm ; nghe nói đại đa-số các ông dân-biểu đều đã chuẩn-y.

Về việc nên cải cách cái nền tư-pháp như thế nào cho thích-hợp với dân-tình bây giờ, thì có hai cái đơn thỉnh-cầu. Một cái xin với nhà nước từ nay cho quyền hành-chính và quyền tư-pháp sẽ khác nhau, nghĩa là quan cai-trị chỉ được cai-trị, mà không được kiêm cả chức sử án nữa. Một cái xin từ nay những ông bồi-thẩm (*assesseurs*) tại toà đại-hình đều kén lấy người am-hiểu tiếng Pháp, đừng như trước mà dùng những ông không biết, hay là biết ít không đủ hiểu.

Về việc cứu-tế những dân bị lụt, có ông xin nhà nước lập ra một hội-đồng cứu-tế vĩnh-viễn, để năm nào có thủy-tai thì sẵn ngay hội-đồng để trợ-cấp cho những kẻ bị nạn, cho những người khốn-khổ ấy được hưởng ngay sự cứu chẩn, chớ để nước đến chân mới nhảy thì những người bị lụt phải đợi mãi mới có người cứu vớt cho ; lại xin rằng trong hội-

đồng cứu-tế ấy sẽ kén-trọn thật kỹ-càng lấy đặt những người thực là có lòng từ-thiện, tránh cái hại những kẻ lợi-dụng. Thật là một nhời thỉnh-cầu đáng khen vậy.

Một đơn thỉnh-cầu về việc mở trường tư-thục thì xin rằng: nhà nước bãi những đạo chỉ-dụ và nghị-định hạn-chế sự mở trường tư đi, cho những người có học-thức được rộng quyền truyền-bá học-thức cho bọn thanh-niên. Vấn-đề này thực là quan-trọng, nếu mà nhà nước chuẩn-y cho nhời thỉnh-cầu ấy thì cũng có nhiều ảnh-hưởng hay vậy. — Cũng về việc học-chính, có nhiều ông dân-biểu nghe tin quan Đốc trường Bảo-Hộ hạ lệnh rằng: những học-sinh đã bị đuổi tạm về việc bãi-khóa độ nọ đều không được lên lớp, chỉ trừ những người nào đã phải học hai năm một lớp từ trước rồi mà được các bài thi khá thì cho lên mà thôi; các ông cho là hình-phạt như thế thì thực cũng có bề nghiêm khắc quá, mà có thể để cho phụ-huynh những người học-trò ấy ta-thán: vì học-sinh học còn thiếu có gần một tháng nữa là đủ niên-khóa, mà bắt ở lại lớp cũ, thì thiệt-thòi quá. Vì thế các ông có yêu-cầu nhà nước lấy đại-lượng tha-thứ cho các cậu học-trò ấy, mà cho lên lớp, hoặc mở một kỳ thi xem ai đáng cho lên. Không rõ quan trên nghĩ sao?

Cuộc Quốc-trái
2.060.000 đồng bạc
(Mở chiếu theo luật ngày 6 Mai 1924 và chỉ-dụ của quan Giám-quốc ngày 12 Mai 1926)

Chánh-phủ Toàn-quyền Đông-Pháp được phép mở quốc-trái 2 triệu 6 vạn đồng bạc; vậy từ ngày 1er đến ngày 15 Septembre sẽ phát ra mà bán 41.000 vé vô-danh, nghĩa là trong vé không có đề tên ai mà để cứ ai cầm vé thì là chủ.

1°. — Mỗi vé năm chục đồng bạc;

2°. — Khi mua vé, phải giả cả 50 đồng;

3°. — Lãi mỗi năm 8%, nghĩa là mỗi vé ăn lãi 4$00 một năm; vé Quốc-trái không phải chịu thuế gì từ nay về sau nữa, dẫu ở bên Pháp hay ở Đông-Pháp nay cũng vậy.

Lãi sẽ giả sáu tháng một kỳ; vậy mỗi năm đến ngày 15 Mars và 15 Septembre thì sẽ giả lãi; đến ngày 15 Mars 1927 thì sẽ giả lãi lần đầu cho mỗi vé là 2$00.

4°. — Hoàn lại tiền vé thì dùng cách xổ số; khi hoàn lại thì mỗi vé sẽ hoàn đủ 50$00. Còn xổ số cho biết vé nào được hoàn vốn, thì định mỗi năm sẽ có hai kỳ xổ số tại nhà Đông-Pháp ngân-hàng Hanoi; ngày 1er Février 1927 sẽ xổ lần đầu.

Tự năm thứ mười sáu sau năm phát hành công-thái, nghĩa là tự năm 1942, chính-phủ Đông-dương sẽ dùng hết cách để trả cho chóng hết nợ.

Tiền lãi hoặc tiền hoàn vốn đều phát tại Đông-Pháp ngân-hàng hoặc các chi-điểm của ngân-hàng ấy.

5°. — Ai cho vay thì bắt đầu từ ngày 1er Septembre 1926, cứ đến các kho bạc nhà nước, hoặc nhà ngân-hàng cùng chi-điểm ngân-hàng mà mua vé; không phải phí-tổn gì cả; muốn mua mấy vé cũng được. Nhưng Chính-phủ Đông Pháp có quyền định-chỉ cái số vé cho mỗi người vay, nghĩa là ai cho vay từ năm vé giở lên thì Chính-phủ có thể rút số vé lại là năm vé mà thôi: những người cho vay năm vé dở xuống thì không bớt gì cả.

Nếu chưa tới ngày hết hạn bán vé, mà Chính-phủ Toàn-quyền xem thấy số cho vay toàn là những người cho kém 5 vé mà số tiền thu đã đủ 2.060.000 đồng rồi, thì sẽ được quyền thôi không bán vé trước ngày 15.

6°. — Các phiếu bán thì giao ngay cho người mua lúc bỏ tiền mua phiếu ấy, chậm lắm là đến ngày hết hạn phát hành.

***

Quốc-dân nên biết rằng cuộc quốc-trái này thực là một dịp lợi ít có vì những nhẽ này:

Vé biên bằng số tiền bạc thì bao giờ giá cũng y nguyên, không có khi nào lên xuống gì. Lãi cũng giả bằng bạc, mà không phải trả thuế gì, thành ra vừa được lãi cao, lại vừa chắc-chắn. Lại còn hai sự tiện-dụng như sau này:

1°. — Ở kho bạc, sẽ bằng lòng nhận những vé quốc-trái này làm bảo-lĩnh;

2°. — Những vé này, sẽ được bán tại Đông-Pháp theo như nghị-định 24 Mai 1922.

Hội Nhân-dân-quyền Nam-kỳ

Chi-hội Nhân-dân-quyền Nam-kỳ đã họp đại-hội-đồng ngày 9 Septembre, có ông trạng-sư Gallet làm chủ-tọa.

Tất cả có 40 ông hội-viên có mặt.

Ông Phó hội-trưởng Bùi-quang-Chiêu đứng lên nói truyện « *ảnh-hưởng chính-sách của hội bên Pháp* » và ông hết sức công-kích những kẻ phao-ngôn rằng chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề là một cái chủ-nghĩa phản-kháng với nhà nước Bảo-hộ.

Hội lại bầu hai viên đại-biểu sang đại-hội, năm nay họp tại Metz vào khoảng tháng Novembre.

Ông Gallet và ông Goupillon trúng cử.

Sau đến bầu-cử một hội-đồng trị-sự, thì ba ông Don, Franceschetti và Ciceron trúng cử.

Ông trạng-sư Monin đứng lên xin hội yêu-cầu với Chính-phủ mấy điều sau này :

1° — Lập một hội các nhà tư bản và người làm công, để điều-đình các việc về sự lao-động (*Conseil des prud'hommes*)

° — Đặt ra một luật đối với các sự tai-nạn của các con nhà lao-động.

3° — Xin cho các báo An-nam được quyền tự-do ngôn-luận.

4° — Xin cho phàm các người đồng-nghiệp trong một nghệ-nghiệp gì, đều được quyền tự-do hội-họp.

5° — Xin cho số người nhập-tịch dân Pháp được tăng thêm.

Ông Belland cũng yêu-cầu thêm cho tất cả các người làm việc, ai ai cũng có ngày nghỉ trong một chủ-nhật.

Giới thiệu sách mới

1.- **Tây-Hồ Phan-chu-Trinh** trong lịch-sử cận-đại của Việt-Nam là một quyển truyện-ký cụ Phan Tây-Hồ của ông Mân-châu Nguyễn - mạnh - Bồng soạn-thuật ; trong sách có tả rõ cái thân thế cụ từ lúc còn thơ cho đến lúc mất, lại có phụ thêm các bài điếu-văn đọc khi tang-lễ Cụ ở Saïgon và một bức chân-dung Cụ — Sách dầy non trăm trang, giá 0 $ 35. In tại nhà in Nguyễn-Kính Công-ty Haïphong.

2. — **Nữ-sinh độc-bản** là một quyển sách tập đọc dùng trong các trường Sơ-đẳng nữ-học của ông Ngẫu-trì Trịnh-đình-Rư soạn — Trong sách có soạn riêng từng bài một, dưới mỗi bài có các câu hỏi, có giải nghĩa các chữ khó hiểu, lại có cả các bài vận-văn nữa — sách dầy 96 trang, giá 0$,32 — In tại nhà in Nguyễn-Kính Công-ty Haiphong.

3. — **Tay-chẳng làm-nên** của ông Vũ duy-Hoán dịch-thuật, là một quyển sách dùng cho những người muốn sinh-cơ lập-nghiệp, trong sách có chia ra từng chương từng bài một ; đoạn trên nói cách lập-nghiệp, đoạn dưới nói những bực mô-phạm để chứng thực. — sách dầy 51 trang, giá 0$40, in tại Đông-Kinh ấn-quán Hanoi.

Kính cáo

1. — Nay Bản-chí phải cần tiền để giả nhà in và chi tiêu các việc, vậy thưa các Ngài mua năm và nửa năm An-Nam tạp-chí, trừ những Ngài nào đã giả tiền và những Ngài nào ở xa nhà giây thép mà đã có viết thư về nói, không kể ; **còn thời xin gửi mandats về giả cho** — Đa tạ.

2. — Ngài nào ở xa gửi mandat giả tiền tạp-chí, **xin cứ giữ lấy talon,** (cái cuống mandat) **làm bằng,** cho Bản-chí khỏi phải gửi tờ biên-nhận.

3. — **Số đầu của Bản-chí hiện nay đã hết cả,** Bản-chí còn đương tính in lại, bớt đi ít nhiều trang không cần thiết mà giả bán hạ xuống 0$15. Vậy nay, các Ngài nhận bán lẻ cùng các Ngài mua năm mà muốn lấy từ số đầu, Bản-chí xin tạm gửi từ số thứ hai giở đi, còn số đầu sẽ xin gửi sau.

An-Nam Tạp-chí

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo An-nam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các Ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, *Hàng Đào, Hanoi*

và Chi-điếm : 17, Phố Khách, Haiphong

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BÁO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo : 186, đường d'Espagne

Giá báo đồng niên **8 $ 00**

— — nửa năm **5 00**

Thư và Mandats gửi cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng-lý

LỆ DĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	11$00
Một trang	8,00
Nửa trang.	4,50
Góc trang . , ...	3,00

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o o ; nửa năm, 20 o o ba tháng, 10 o o.

AN-NAM TAP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 °/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

AN-NAM TAP-CHI

Số 6 NĂM THỨ NHẤT 2e QUINZAINE SEPTEMBRE 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

DEPOT LEGAL INDOCHINE
N° 647

Mỗi tháng ra hai kỳ

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

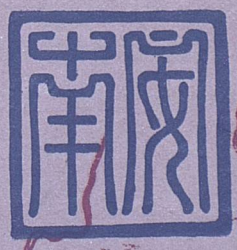

TOÀ BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. NHỰT-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết**	*Nghĩ về dân-quyền ở hai xứ Trung, Bắc-kỳ.*
2 — **Văn-học**	*Thế-giới vĩ-nhân liệt-truyện — Hoàng-Hưng.*
	Tự-cường.
	Âu văn tạp thuật.
	Chiêm-thành bảo-tàng viện hoài cổ
	Giả nhời bài «Nhời thư của hai chị em nhà nghèo khuyên dăn nhau».
	Văn thơ.
	Ngô Việt xuân-thu (tiểu-thuyết)
3 — **Thời-Sự**	*Tình hình Hương-cảng và Quảng-đông.*
	Cảm tình người Nam-trung đối với quốc-dân ở xứ Bắc.
	Việc ông Cognacq.
	Cái nông-nỗi ở chốn thôn quê — Nam-định.
	Cuộc hát giúp dân bị lụt - Haiphong.
	Xe-hỏa đổi giờ chạy.
	Giới-thiệu sách mới.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :

từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** ; Nửa năm, **2 $ 20** ; Mỗi số **0 $ 20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 6 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Septembre 1925

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

NGHĨ VỀ DÂN-QUYỀN Ở HAI XỨ TRUNG, BẮC-KỲ

Nước ta, phàm các sự văn-minh đều trong buổi phôi-thai mà dân-quyền là một, riêng một xứ Nam-kỳ là nhượng-địa của Chánh-phủ Pháp chưa nói, nay thử nghĩ về dân-quyền ở hai xứ Trung, Bắc-kỳ; xin nói trước về Bắc-kỳ.

Dân-quyền ở Bắc-kỳ kể ra bắt đầu gây nhóm từ trong khi còn quan Toàn-quyền Paul-Bert. *Năm* 1886, *ngày 30 tháng Avril*, quan Paul-Bert có lập ra một hội-đồng *Tư-vấn*, cho người bản-xứ được bầy tỏ ý-kiến, cốt là để cho Chánh-phủ Bảo-hộ được hiểu rõ tình-ý của dân mà lựa bề cai-trị. Hội-đồng *Tư-vấn* ấy họp ở Hanoi, bắt đầu nghị-luận từ *ngày 26 Juillet* cho đến *ngày 4 tháng Août*. Ấy là việc của Chánh-phủ mà thực cũng nhóm quyền cho dân, thực là cái thời-kỳ thứ nhất của lịch-sử dân-quyền xứ Bắc-kỳ vậy. — Quan Paul-Bert đã tạ thế mà việc dân-quyền cũng tạm hưu. Đến *năm 1908*, Chánh-phủ Đông-dương chiếu theo nghị-định *ngày 4 tháng Mai năm 1907* mà lập ra *Bắc-kỳ Tư-vấn nghị-viên*, cho nhân-dân các tỉnh được bầu cử nghị-viên để thay mặt về dự hội-đồng; trong khi hội-đồng, Chánh-phủ có hỏi ý-kiến các nghị-viên về vấn-đề gì thời được bàn, cũng là chánh-sách của ông Paul-Bert khi trước. Hội-đồng ấy bắt đầu họp từ *ngày 3 tháng Novembre năm* 1908. Đến *năm* 1913, *ngày* 19 *tháng*

Mars, lại có nghị-định cải-lương cách tổ-chức; nghị-định ấy tuân-hành mãi đến năm 1925. Vậy từ năm 1908 đến năm 1925 là thời-kỳ thứ hai của lịch-sử dân-quyền xứ Bắc-kỳ vậy. — Đến nay, Chánh-phủ Bảo-hộ muốn chấn-hưng dân-quyền cho xứ thuộc-địa, *ngày* 10 *tháng Avril năm* 1926, đổi *Tư-vấn nghị-viện* làm *Nhân-dân đại-biểu-viện*, ý là để rộng quyền cho dân, cho các nghị-viên được tự đem ý-kiến thỉnh-cầu, mà không phải là chỉ để tư-vấn như trước. Hội-đồng ấy mới họp *ngày* 30 *tháng Août năm* 1926 đây, thực là bắt đầu vào thời-kỳ thứ ba của lịch-sử dân-quyền xứ Bắc-kỳ vậy.

Nghĩ như dân-quyền là một vật thế nào? mà Chánh-phủ đối với dân thuộc-địa không dung-dị mà cho, mà dần dần thí thí mà cho như thế; như thế thời về phần người hưởng-thụ tưởng nên trân-trọng là nhường bao. Vậy mà từ khi có việc nghị-trường bầu-cử đến nay, các báo-trương bình-luận đã nhiều, mà những nhời ria-rói mỉa-mai lại ở tự những ông Nghị viết ra càng kỹ. Nay không cần thuật lại những nhời đó cho rườm tai độc-giả, chỉ tóm lại mà nghĩ thời có thể gọi là một sự *buôn*. Buôn là sao? buôn một chữ *quyền* mà bán lấy chữ *danh* chữ *lợi* vậy. Các ông nghị-viên (trừ ra hoặc cũng có ít nhiều ông) buôn ở dân mà bán lại cho ông nghị-trưởng, ông nghị-trưởng lại buôn lại mà ăn lãi to hơn. Ôi! cái tư-cách những chú lái kia thôi có kể gì; chỉ nghĩ giận cho dân ta, những ai là người có quyền bảo cử nghị-viên, đem hai chữ *dân-quyền* mà bán hoài đổi rẻ lấy đôi ba đồng bạc, một hai bữa ăn thời trình-độ còn thấp quá lắm vậy! Nghĩ từ có việc nghị-viên đến nay, tưởng là sự bầu-cử của quốc-dân mỗi ngày cũng dần dần mỗi khá; hay đâu đến năm nay tư-vấn mới đổi ra dân-biểu mà chánh phó nghị-trưởng là hai anh em ông *Nguyễn-hữu-Cự*, *Nguyễn-hữu-Tiệp*, thương ôi!

Nói về xứ Trung-kỳ thời *Tư-vấn nghị-viện* mới có từ *năm* 1920, đến *ngày 6 tháng Novembre năm 1925* mới đổi tên là *Đại-biểu dân-viện*. Việc bầu-cử nghị-viên thời hai khóa đầu, dân-gian cũng ít ai chú-ý đến, chỉ là làm cho liễu sự mà thôi, cho nên các ông nghị-viên phần nhiều là những vị hưu-quan, quen thói dạ bẩm, lâm-thời hội-nghị chỉ ngồi im trên ghế, gục đầu xuống vưng dạ, nghe lệnh bề trên mà thôi, ngoài ra chẳng có nói-năng gì lạ hơn nữa (cứ nhời của một người Trung-kỳ lai-cảo ở Nhật Tân-báo Saigon). Đến năm nay là khóa thứ ba, sự bầu-cử ở Trung-kỳ mới ra rất có giá-trị. Ông *Lê-văn-Huân* là giải-nguyên tỉnh Hà-tĩnh, bị đi đầy về việc xin thuế tỉnh Quảng-nam khi xưa, mà nay công-chúng bầu ra làm nghị-viên; ông *Hoàng-thúc-Kháng* là tiến-sĩ ở tỉnh Quảng-nam, cũng bị đi đầy 20 năm, được ân-xá mới về, mà công-chúng cử lên làm nghị-trưởng; còn các ông nghị-viên khác phần nhiều đều là những tay sĩ-phu học-tử, không phải là đồ hạ-lưu thô-mãng lấy đồng tiền mà mua chuộc lòng dân. Cho nên sự bầu-cử đó có thể gọi là do công-tâm của quốc-dân Trung-kỳ mà không phải là do tư-ý của những ông ứng-cử ra làm nghị-viên nghị-trưởng vậy. Một sự bầu-cử đó, tuy chưa hẳn có nhiều lợi ích cho nhân-dân xứ Trung-kỳ, song mà

cái hạt giống dân-quyền đã bắt đầu nẩy nở, thời rồi nữa tốt cành xanh lá mà đâm bông kết quả, ngõ-hầu tô-điểm cho giang sơn. Vận-hội của nước nhà sau đây, có hi-vọng ở các anh em xứ Trung-kỳ vậy.

Nhân cuộc hiện tại mà nghĩ về lịch-sử: nước An-Nam từ có đức Hùng-vương giở lại, bốn nghìn năm tổ-quốc, hùng-đô cử-trấn, văn-trị võ-công, thực đất Bắc-kỳ là cố-thổ. Đến đời nhà Lê, các chúa Nguyễn khai-thác vào mạn trong mà đất Trung, Nam-kỳ mới mở dần; lại đến vua Gia-long đánh được nhà Tây-sơn mà kinh-đô mới đem vào Thuận-hóa; từ khi có Đại-Pháp sang bảo-hộ thời thủ-phủ lại đóng ở Hanoi là đất Thăng-Long xưa. Thống xem từ trước đến nay thời xứ Bắc-kỳ đối với hai xứ Trung, Nam-kỳ, thực có cái địa-vị như chị cả anh trưởng vậy. Vậy thời quốc-dân Bắc-kỳ đối với quốc-dân hai xứ Trung, Nam-kỳ, đáng như có cái trình-độ cao hơn, sự tiến-hóa sớm hơn mới là phải; mà xem ra một việc dân-quyền đến nay vẫn như thế, sông Lô núi Tản thực đáng là thẹn thay! Nhân một việc dân-quyền đó mà xét kỹ về quốc-dân ở Bắc-kỳ hiện nay, tâm-lý thực rất là bại-hoại, bao nhiêu cái khôn-ngoan đã dùng quá về những sự tự-tư tự lợi, cho nên ít nghĩ đến phần chung của nòi giống non sông. Nước An-Nam sau này mà hoặc có một ngày tiến-hóa văn-minh, thời xứ Bắc-kỳ chỉ như cái toa xe lửa kéo ở đằng sau vậy.

Nói chia ra thời là ba kỳ, nói chung lại vẫn là một nước, giang-sơn chủng-tộc, cùng chung hai chữ Lạc-Hồng. Tôi không phải là vì sinh trưởng ở Bắc-kỳ mà coi xứ Bắc-kỳ là thân hơn, cũng không phải có giận gì quốc-dân ở Bắc-kỳ mà ra nhời ghét bỏ; chỉ cứ hiện-tại mà đoán về tương-lai thời có nhẽ như thế. Mong rằng một việc bầu cử nghị-viên nghị-trưởng, nay về sau, quốc-dân Bắc-kỳ ta, nên bắt chiếc như quốc-dân ở Trung-kỳ, đừng nỡ đem hai chữ dân-quyền làm đồ hàng buôn bán; quốc-dân Trung-kỳ ta, đừng so sánh với quốc-dân ở Bắc-kỳ, càng tuyệt hẳn một lòng lợi-kỷ mà giữ lấy quyền dân. Một mai kia, Trung, Nam, Bắc ba kỳ, trình-độ quốc-dân cùng tấn-tới, những phường bán nước buôn dân, mỗi ngày mỗi ít; những hạng ưu quần ái quốc, mỗi ngày mỗi đông; cực cho đến những kẻ dân ngu ở thôn quê, cũng đều biết dân-quyền là trọng. Đến lúc ấy mới có thể theo đường tiến-hóa mà dảo bước văn-minh. Ôi, nghĩ như dân-tộc ở trên thế-giới này biết bao, chữ dân-quyền xuất hiện ở trên thế-giới đã từ bao, mà con cháu Lạc-Hồng đến nay mới được chút phần dư bã cặn; vậy thời quốc-dân Bắc-kỳ ta tưởng nên cũng lấy đó làm nghĩ, quốc-dân Trung-kỳ ta tưởng cũng chưa nên lấy đó làm khoe.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Hai bài diễn-văn của hai ông nghị-trưởng Trung, Bắc-kỳ và những nhời thỉnh-cầu của các ông nghị-viên, in cả như sau, để độc-giả tiện xét.

Bài đáp-từ của ông nghị-trưởng Trung-kỳ Hoàng-Thúc-Kháng

Đáp lại bài diễn thuyết của quan Khâm-sứ P. Pasquier đọc tại Nhân-dân đại-biểu-viện Trung-kỳ ngày 7 Septembre 1926.

Kính thưa quan Khâm-sứ

Ngày nay là ngày kỷ-nguyên của viện Nhân-dân đại-biểu mới ra đời ở trên giải đất Trung-kỳ này, trải mấy ngàn năm chưa từng thấy, chính là ngày dân Trung-kỳ bắt đầu bước vào con đường chánh-trị, cũng là ngày thứ nhất của anh em chúng tôi thay mặt nhân dân mười mấy tỉnh mà tới đây. Trước khi vào bàn bạc ở nghị-trường, chúng tôi xin đem lời thành thực để đáp cái thịnh-ý của đại quan lớn đến khai hội hôm nay, và sau để tỏ bầy tình trạng dân đôi cl út:

Dân An-Nam ở dưới chánh-thể chuyên chế đã lâu, việc nước không cần hỏi đến, dân không được biết đến việc nước, mà có một đều lạ nhất, là người dân nào bàn đến chánh-trị, thì không những cho là người cuồng, người dại, mà nhiều khi buộc tội nọ kia.

Ngày nay nhơn-đạo thạnh hành, dân-quyền bành-trướng, cái phong-trào Âu-hóa đã tràn đến chung quanh, trên lại được nước văn-minh nhất trong thế-giới bênh vực cho, dắt-díu cho, mà thử xem hiện-trạng trong xứ này, thì vẫn còn mây mù bao bọc, sông núi trở ngăn, mười mấy tỉnh mà không được một tờ báo, không có một chỗ tập hội cho xứng-đáng, cho đến nông, công, thương, cổ cũng không có đoàn-thể gì, quốc-thị mơ màng, nhân tâm bỡ ngỡ, quyền lợi nghĩa-vụ đã không thấy cho rõ ràng, mà tánh-mạng tài-sản cũng không biết dựa vào đâu mà gìn dữ.

Ấy vì tình-thế đó mà hóa mê hóa dại, phải yếu phải hèn. Một dân-tộc ở dưới bóng cờ ba sắc, mà đi sau bước chậm, sa sút trăm đường, thì oan khuất biết chừng nào! thiệt hại biết chừng nào!

Nhưng mà cũng may, gần đây, ngọn trí Âu-hóa tiêm thấu vào, mà giấc mộng nghìn năm cũng dần dần tỉnh giậy. Nhà nước Bảo-hộ, ngoài xem phong-hội mới, trong xét trình-độ dân, sẵn lòng chỉ dẫn dân lên đường văn-minh tiến bộ. — Năm 1925 tuyên bố tờ hiệp-ước mới, đổi viện Tư-vấn làm viện Nhân-dân đại biểu : bốn chữ « Nhân-dân đại-biểu » xuất hiện ra, không khác gì một ngọn gió quạt mát lòng dân trong khi bức-rức nặng-nề vậy.

Anh em chúng tôi đã chịu nhân-dân phó thác, bắt đầu ra mà đương trách nhiệm này, vẫn biết rằng chúng tôi học ít tài hèn, đường xa gánh nặng, chưa biết trên đối với Chính-phủ có tán thành được việc gì, dưới đối với quốc-dân có đỡ vớt được điều gì không? Song chúng tôi chỉ tin cậy rằng nhà-nước đã có lòng biết đến dân ; để dân được quyền cử người đại-biểu, thì nhà-nước chắc cũng không để cho những đại-biểu đó mất lòng tín-nhiệm của dân.

Vậy nên chúng tôi đây cốt là một mặt thể lòng nhà-nước khai hóa người Annam mà bày tỏ cho dân, một mặt đem lòng hy-vọng của dân mà bày tỏ cho nhà-nước, giữ trật-tự để dìu dắt lên đường tiến-bộ, họa may viện Nhân-dân đại-biểu này cơ sở vững bền, thành một cái dây liên-lạc kiên-cố của Chính-phủ với quốc-dân, mà ngày khai hội này thành ra một ngày kỷ-niệm cho nền hạnh-phúc của dân Trung-kỳ, ấy là chính cái điều hi-vọng của dân chúng tôi, mà cũng là chỗ chúng tôi có thể cảm ơn quan Toàn-quyền Varenne và quan Khâm-sứ Pasquier vậy.

Nhân dịp xin gửi lời chúc đức Hoàng-đế Bảo-Đại vạn an.

Các điều yêu-cầu của các ông Nghị-viên Thanh-Hóa và Hà-Tĩnh

A. — Các điều yêu-cầu cốt thiết

1. — Điều thứ nhất. — Xin sửa đổi thể-lệ và chương-trình của viện.

Bản Hiệp-ước ngày 6 tháng 11 năm 1925 đã đổi Tư-vấn Hội đồng làm Nhân-dân

đại-biểu viện. Nhưng xét ra thể lệ vẫn còn y như cũ, mà quyền-hạn viện nhân dân đại-biểu cũng không rộng hơn quyền hạn Hội-đồng tư-vấn được bao nhiêu. Thành ra viện nhân-dân đại-biểu chỉ có cái danh mà thôi, chứ kỳ thực thì cũng như hội-đồng tư-vấn trước.

Nguyên Hội-đồng tư-vấn là cốt để Chính-phủ có hỏi ý-kiến nghị-viên về vấn-đề gì thì mới được bàn. Còn viện nhân-dân đại-biểu thì chiếu theo bản hiệp-ước là cốt để cho dân được dự vào việc nước một cách thiết thực hơn. Vì lẽ ấy, chúng tôi có thiết nghĩ rằng : Nay muốn công việc của Viện làm cho sứng hợp với cái danh hiệu của viện, và cái chủ-ý của bản hiệp-ước ngày 6 tháng 11 năm 1925, thì cần phải sửa đổi cả thể-lệ và chương-trình, để quyền-hạn viện Nhân-dân đại-biểu có phần rộng hơn quyền-hạn hội-đồng tư-vấn. Thể-lệ thì xin Chính-phủ định lại một bản mới, để thế cho đạo chỉ-dụ ngày 19 tháng tư năm 1920. Còn chương-trình thì xin sửa đổi hoặc tăng bổ các khoản sau này :

Khoản thứ nhất. — (Xin bổ thêm vào như sau này).

Viện Nhân-dân đại-biểu Trung-kỳ sẽ có một phòng thư-ký tại Huế, do tòa Trị-sự trông coi. Tòa Trị-sự có sáu viên. Bầu Hội-viên trị-sự thời bỏ phiếu kín, ai được nhiều phiếu là trúng tuyển ; nếu số phiếu bằng nhau, thì ai lớn tuổi hơn là được làm. Những người đã được dự vào ban trị-sự lại theo thể-lệ ấy mà bầu một ông nghị-trưởng, một ông phó nghị-trưởng, một ông thư-ký, một ông phó thư-ký. Các ông ấy chia mỗi ban ba ông, lưu ở Huế làm việc luôn 6 tháng. Tiền chi phí về phòng giấy và tiền phụ-cấp cho các viên Trị-sự làm việc thường, xin đều trích ngân-sách Trung-kỳ chi cấp.

Khoản thứ chín. — (Xin sửa đổi lại như sau này :

Phàm ông Nghị-viên nào muốn yêu-cầu về một vấn-đề gì thời phải trình ban trị-sự ưng thuận, thời 15 ngày trước khi hội-đồng họp, một mặt làm giấy trình quan Khâm-sứ, một mặt đem vào bản nhật-ký để bàn trong một phiên hội nào đó.

Phàm trong khi hội-nghị mà ông Nghị-viên nào muốn chất-vấn điều chi, cũng phải xin phép Nghị-trưởng.

Khoản thứ mười. — (Xin sửa đổi lại như sau này):

Quyết nghị một việc gì thì có hai cách : một là giơ tay lên, tỏ ý rằng thuận, hai là bỏ phiếu kín. Trong hai cách đều lấy thắng-số làm chuẩn định. Khi số phiếu hai bên cân nhau thì việc bàn đó phải hưu đi.

Mỗi lúc hội-nghị có một ông quan đại-diện quan Khâm-sứ và một ông quan đại-diện Nam-triều tới dự, để Nghị-viện có chất-vấn đều gì mà trả lời. Quan Toàn-quyền cũng có thể phái một viên đại-diện đến dự hội. Trong khi hội-nghị, trừ các người Nghị-viên cùng quan Khâm-sứ, quan Toàn quyền, các quan Đại-thần Nam-triều hay là các quan Đại-diện các ngài không kể, người ngoài không được thiện tiện vào nghị-trưởng, duy các người có chân bảo cử và các nhà phóng-sự báo-quán thì được phép vào bàng thính, nhưng phải có giấy của nghị-viên chứng nhận hoặc có giấy phóng-sự mới được vào.

Khoản thứ mười ba. — (Xin sửa lại như sau này):

Trong cả năm và ngoài kỳ hội-đồng, nghị-viên nào có sở-kiến điều cải-lương gì tiện lợi, cũng được phép trình ban Trị-sự. Ban Trị-sự sẽ trình quan Khâm-sứ mà cử một hội-đồng ủy-viên xét xong thì làm tờ trình giao lại cho tòa Trị-sự chuyển trình quan Khâm-sứ nghị hành.

Nếu quan Khâm-sứ không chuẩn y việc cải-lương đó, thì ngài sẽ phúc tư cho ban Trị-sự để đạt cho người đã đề-cử sự cải lương đó biết vì lẽ gì mà không chuẩn y.

Khoản thứ mười lăm. — (Xin giảm hẳn và thế vào như sau này) :

Mỗi khi Chính-phủ có sửa đổi thể-lệ và chương-trình thuộc về nghị-viện thì xin hỏi ý-kiến nghị-viện rồi mới quyết định.

2. Điều thứ hai. — Xin cải-chính pháp-luật.

Nếu chính-hiến trong nước đã theo trình-độ dân-trí mà sửa sang, thì pháp luật trong nước cũng phải theo trình-độ dân trí và chính-hiến mà thay đổi, vì pháp-luật tức là cái máy động-cơ của nền chính-hiến, và cái cân trung-bình của tinh-mạnh tài-sản của quốc-dân. Nếu pháp-luật không châm-chước cổ kim mà cải chính cho thích thời-nghi, hợp công-lý, thì chẳng những có phương ngại đến tinh-mạnh tài sản quốc dân, mà có khiếm tiện cả đến nền chính-hiến và cai trị trong nước nữa.

Luật-lệ đương hành-động bây giờ, tức là bản luật Gia-long, từ đời Minh-mạnh đến nay, mỗi đời cũng có bổ thêm tân lệ phụ vào luật ấy.

Đương lúc bế quan, quyền vua quá thịnh, trí dân còn hèn thì luật-lệ ấy chính là thích dụng. Từ ngày nước Pháp sang bảo-hộ ngoại 40 năm nay, tuy có bổ nghi cải nghị một đôi điều, nhưng phần nhiều vẫn hành-động theo luật cũ, qua năm 1917 mới bắt đầu tự Bắc-kỳ, tổ-chức lại các tòa án, cải chính lại nền pháp-luật, thì hiện tình Bắc-kỳ ngày nay, việc lý-hình hầu có trận-tự, sự tố-tụng hầu được tiện dần. Còn pháp luật Trung-kỳ vẫn đều nguyên cố. Cùng dân bảo-hộ, sao pháp luật lại có phân biệt khác nhau? Chiếu theo bản hiệp-ước ngày 6 Novembre 1925 lập chính-hiến mới, hạn định quân quyền, mà cho dân được dự việc nước, thế mà pháp-luật vẫn không sửa đổi, thì có đáng tiếc hay không?

Kìa những điều « thân thuộc duyên tọa », những tội « trảm khiêu, lăng trì », cho đến như gông, như xiềng, nào suy, nào trượng, biết bao nhiêu điều thảm-khắc ức chế, nếu đem ra hành dụng ngày nay, thực không hợp thời và trái nhân-đạo. Đến sự tổ chức tòa án, lại rất sơ sài, chức phủ, huyện kiêm cả việc tài-chính và lý hình, từ án xuy cho đến án tử-tội, đều có trách-vụ cứu kết, đều phải chịu trách-nhiệm xuất nhập nhân tội, mà kỳ thực không có chút quyền chung-thẩm nào. Vì thế nên có hạng tham quan, thường lạm dụng luật-lệ giọa nạt ngu dân, hoặc giả giảm tội trạng, để vơ vét cho đầy, kể không xiết tệ.

Vả nay thời-đại khai thông, cũng phải cần đến những luật thương-mãi, luật lao-động, và luật hàng-hải vân vân . . (Những luật ấy hiện chưa có) để dân bảo-hộ cũng được hưởng thêm quyền lợi về đường sinh lý, cho hợp thời-thế. Vậy thì cái vấn-đề cải chính pháp-luật thực không thể hoãn được.

Nay xin lập ngay một hội-đồng, lấy luật lệ nước Pháp làm chính-thức, lấy luật lệ cũ bản-quốc và luật-lệ mới Bắc-kỳ làm bàng-thức, tham chước đông tây cổ kim mà lập thành một bộ pháp-luật cho có giá-trị; nghĩa là cho hợp với công-lý nhân đạo, mà không trái với tinh-tình, phong-tục bản-quốc.

Bộ luật mới ấy gồm có ba điều cần :

Một là tham-chước luật nước Pháp và bản-quốc mà tổ-chức lại các tòa án cho có kỷ-cương và quyền-trách nhất-định.

Hai là tham-chước luật nước Pháp và bản-quốc mà tài-giảm những luật điều thảm-khắc và ức-chế.

Ba là tham-chước luật nước Pháp và tùy theo trình-độ quốc dân mà lập thêm ra những luật thương-mãi, lao-động và hàng hải v. v...,

Điều thứ ba. — Xin thông-dụng chữ quốc-ngữ. —

Gần đây Nhà nước mở ra nhiều trường ấu-học, đặt ra khoa hạng Tiểu-học yếu-lược, chủ-ý muốn dùng chữ quốc-ngữ để gây-dựng một nền giáo-dục phổ-thông cho quốc-dân Việt-Nam. Thế mà các trường Ấu-học thường ít số học-trò, những nhà thân-hào nơi hương-thôn thường ưng cho con em theo học chữ Hán là cớ sao?

Một là vì các nơi công-nha chưa thông-dụng chữ quốc-ngữ, hai là vì các nơi hương thôn, phần nhiều còn dùng Hán-tự làm thư, khế, khoán-ước v .v .

Nay muốn cho quốc-dân đều xu-hướng về sự học quốc-ngữ là một thứ chữ rất dễ hiểu dễ dùng, để gây dựng nền giáo dục phổ thông cho chóng được thành hiệu thời chi bằng Nhà-nước công nhận chữ quốc-ngữ làm một thứ văn-tự thông dụng

cho các nơi công, tư, cho được thi hành không có trở ngại, thời xin bắt đầu từ nay hạ lịnh cho các nơi công-nha và hương thôn đều phải dự bị, học tập quốc ngữ để bắt đầu từ năm 1928 thời việc công (như (án-kiện, bẩm, sức, tư báo, đơn khai, v. v.) việc tư như (thư, khế, khoán, ước, v. v.) đều bắt buộc phải dùng chữ quốc-ngữ làm gốc cả. Còn như chữ Hán, chữ Pháp thời chỉ để làm các môn bác-học, chớ không được đem ra thông dụng thay cho chữ quốc-ngữ trong các việc công, tư.

Trong cái thời-gian từ nay đến đầu năm 1928, về phần Chính-phủ cũng phải dự bị đặt các việc thi-hành.

1. — Dùng nơi cổ-học-viện làm nhà phiên-dịch (dịch những sách thuộc việc quan dương hành dụng, như tẩy-oan, luật lệ v. v.)

2. — Đặt lớp dạy tổng lý hiện-chức và những người quá tuổi muốn học để làm tổng, lý, tiền chi phí về lớp dạy thời bắt các làng phải chia nhau mà chịu.

3. — Rộng phép cho các nhà tư được tự-do nuôi thầy dạy quốc-ngữ, không bắt buộc thầy dạy phải có bằng cấp, cũng không bắt buộc cách dạy phải thật đúng-chương-trình, miễn có dạy quốc ngữ, quốc-văn là được.

4. — Tại trường công các làng, xin định lại nhật-khóa để cho những hạng trẻ con nhà nghèo và hạng lớn tuổi, có thể mỗi ngày chỉ tới trường vài giờ, chuyên học quốc-ngữ và quốc-văn mà thôi.

4. — Điều thứ tư. — Xin cải định thuế muối.

Muối cũng hầu như lúa gạo, là một thứ đồ ăn tối-thiết của nhân dân.

Trước kia, Triều-đình bản-quốc chưa cần đến tài-chính lắm, nên cho dân được tự do làm muối buôn bán, thời muối được thừa thãi, và giá lại rất hạ. Từ khi Đại-Pháp sang bảo-hộ, cần tài-chính để kinh-lý các việc nước, mới đặt quyền kiểm-sát làm muối, và giữ độc-quyền mua bán, thời các nghiệp-hộ được lợi đã ít mà người tiêu thụ chịu giá lại cao; cũng vì những nghiệp-hộ được ít lời, nên phải bán lậu để kiếm lời thêm; cũng vì người tiêu thụ chịu giá cao, nên phải mua lậu để cầu giá hạ; đó cũng lý thế tất nhiên. Vả lại quyền kiểm-sát có hạn, nên diêm-điền còn nhiều mà chưa khẩn hết, lỡ gặp năm thu hạ nhiều mưa; làm ra muối ít, hoặc gặp năm ngoại-quốc tiêu thụ muối nhiều, thời đến nỗi muối khan; muối đã khan thời Thương-chánh phải hạn-chế sự bán muối; bán đã hạn chế, thời những kẻ buôn đi bán lại được thừa cơ mà niết giá thái cao (100kg đến 15 hoặc 20$), làm thiệt hại cho dân, và nhất cho các nhà làm nghề cá mắm lắm lắm, tức như việc khan muối năm 1924 mới sẩy ra đó thì biết.

Nay muốn cho dân được tiện lợi, mà Nhà-nước không giảm bớt lợi quyền, thời chỉ bằng thi hành cách này: Xin giao cho dân được làm muối tự do, mà Nhà-nước đánh thuế địa lợi diêm-điền, sao cho cái số tiền thu nhập về diêm-lợi của ngân-sách Đông-pháp trong đồng niên, không kém cái số trung-bình một năm của 5 năm mới qua là được.

Về phần nhà nước, chỉ cần phải đổi lại một ít viên chức ở các nơi làm muối để kiểm sát diêm-điền và định hạng thu thuế mà thôi; các viên chức Thương-chính có thể đem toàn lực mà kiểm cố về sự nha-phiến và rượu cho trừ hết những tệ gian lậu. Đó là phần tiện lợi cho nhà-nước.

Về phần dân đã được làm muối tự-do, tất đua nhau mà làm muối thì ruộng muối càng thêm mở rộng; đã được buôn muối tự do, tất tranh nhau mà buôn, thời giá muối không đến quá cao. Vì nghề làm muối, buôn muối cũng như các nghề khác, càng có nhiều người làm, thời giá lại càng thêm hạ. Đó là phần tiện lợi cho quốc-dân.

Nước và dân đều được tiện lợi, mà lại trừ hết những tệ gian lậu của nhà nghiệp-hộ, những tệ nhũng nhiễu của viên binh Thương-chánh, những tệ lũng-đoạn của những nhà thương-mại, vậy thời Chính-phủ còn ngần-ngại gì mà không thi hành.

B. Các điều yêu-cầu phụ thêm.

Điều yêu-cầu thứ năm.— xin sửa đổi việc nấu rượu ở mấy tỉnh phía bắc Trung-kỳ.

Về việc giao độc-quyền cho tư-hội ở mấy tỉnh phía bắc Trung-kỳ, khiến cho dân phải chịu thiệt-thòi và sinh ta-oán. Không những dân mất hết phần lợi, mà chất rượu của tư-hội nấu ra lại không được tốt bằng chất rượu của dân tự nấu : các người uống rượu thường thích dùng rượu tư hơn là rượu công. Chính vì cớ ấy mà sự gian-lậu sinh nhiều rồi nhà nước đã phải cấm phòng bắt bớ mà dân-sự phải phạt phải tù kể không xiết tệ.

Nay xin nhà nước đến khi bản giao-ước độc-quyền nấu rượu của tư-hội đã hết hạn rồi thì giao ngay cho dân bản-xứ được quyền nấu rượu mà nhà-nước đứng mua để bán lại cho dân dùng, cùng như cách hiện hành ở các tỉnh phía nam Trung-kỳ đó. Như thế thời dân vừa được lợi nấu rượu, vừa được dùng rượu ngon, mà không cần phải làm sự gian-lậu để mắc phải tội lỗi nữa. Đều ấy quốc-dân cũng lấy làm trông mong lắm,

Điều thứ 6. — Xin tỉnh giảm các ngạch vũ-viên và lính-cơ, lính-giản cho lợi ngân-sách.

Từ ngày có nước Pháp bảo-hộ, coi giữ binh-quyền thời ngạch-võ, ngạch-binh của Nam-triều hình như chỉ để dùng về các việc sai-phái ở Kinh-ngoại nha-môn mà thôi, võ-ngạch đã không có trách vụ gì, mà binh lính phần nhiều hư ứng (như cho vệ-phòng) cho thân-thuộc thế chân tại ngũ v. v..

Thành ra mỗi năm nhà nước phải chi-phí một món tiền to để cấp cho một số người hầu như vô sự. Vậy xin từ nay, về phần viên chức ngạch võ, thời hữu khuyết vô điền, về phần lính-giản, lính-cơ, thời cứ mỗi năm giảm đi mỗi phần bốn kể từ năm 1927 cho đến năm 1930, thời giảm hết. Còn các công-sở, phần canh gác thời dùng lính Thanh-hóa, phần chạy giấy loong-toong. Đến như ngạch lính phủ, huyện, thời xin tạm để lại đợi khi nào ngạch-trạm nhà quê tổ chức xong sẽ xin giảm luôn.

Xứ Trung-kỳ có Viện Nhân dân Đại-biểu năm nay là đầu mà kỳ Hội-nghị lần này là lần thứ nhất. Chúng tôi được quốc-dân có lòng tin cử cho làm Đại-biểu thì cũng muốn đem chút lòng thành mà bày tỏ những sự nguyện vọng của dân cho Chính-phủ biết, để đem ra thi hành cho thỏa lòng trông cậy của dân. Xét ra các việc nên yêu-cầu hãy còn nhiều, song chúng tôi chỉ chọn lấy các vấn-đề rất cần kíp, mong rằng Chính-phủ xét mà chuẩn-y cho, để kỳ Hội-nghị này thêm có giá-trị và để viện Nhân-dân Đại-biểu mới lập ra khỏi mang tiếng là một cái cơ-quan hư thiết.

Nay kính trình

Nguyễn-Trác, Hường-lô, nguyên Tri-huyện (Nghệ-an)
Lê-văn-Huân Giải-nguyên (Hà-tĩnh)
Nguyễn-Tịnh thầu-khoán (Vinh)
Lê-nguyên-Phong Cử-nhân (Thanh-hóa)
Hoàng-văn-Thu Tú-tài (Thanh-hóa)
Trần-bá-Vinh Tham-tá lục-lộ Hưu-trí (Nghệ-an)
Nguyễn-đơn-Quế Cử-nhân Đốc-học (Thanh-hóa)
Nguyễn-văn-Quý Cử-nhân (Thanh-hóa)
Đậu-văn-Bình Cử-nhân (Hà-tĩnh)
Lê-hữu-Thu Cử-nhân Giáo-thụ (Hà-tĩnh)
Trần-đình-Diệm Ấm-sinh, chủ-điền.

Bài đáp-từ của ông Nghị-Trưởng Bắc-Kỳ Nguyễn-Hữu-Cự

Bẩm Quan Lớn Thống-sứ,

Thay lời Bắc-kỳ Nhân-dân Đại-Biểu-Viện, tôi xin Quan-Lớn chiếu giám đến tấm lòng cảm tạ của chúng tôi về cái ơn Quan lớn chu-chuẩn cho viện chúng tôi, và về cả những lời quí báu Quan-lớn mới ban cho nghe vừa rồi.

Về cái tai biến mới sẩy ra làm cho đồng-bào chúng tôi phải chịu nỗi lầm than, chúng tôi biết rằng Quan-lớn đã đem hết lòng từ-thiện để tế-độ chúng dân khốn khó, nghĩa-vụ chúng tôi buộc chúng tôi nay phải thay lời chúng dân bị nạn mà tạ ơn Quan-lớn.

Lại chúng tôi cũng đã biết Chính-phủ đương hết sức trù-hoạch phương kế để trừ cái hại nước lụt cho dân trung-châu chúng tôi.

Vậy chúng tôi hết lòng tin cậy Chính-phủ mưu toan trù-hoạch được những phương-sách hoàn-thiện về việc trị-thủy này.

Song chúng tôi sẽ lấy làm hân-hạnh mà được thấy sự giúp của chúng tôi trong việc sưu-tầm kế-hoạch này được một vài điều hữu-ích cho Chính-phủ.

Bẩm Quan-lớn Thống-sứ, chúng tôi xin ngài chuyển đệ lên quan Toàn-Quyền và Quan-lớn cũng lại nhận cho tấm lòng quyến-luyến của chúng dân Bắc-kỳ.

Chúng tôi xin đem hết lòng chung thành giúp-giập Quan-lớn, chúng tôi tin rằng chỉ có như thế, họa là chúng tôi mới có thể đồng-lao cộng-tác được cùng Chính-phủ bảo-hộ trong cuộc khai-hóa mà Chính-phủ đang thực-hành cho nhân dân chúng tôi

Thưa các ngài,

Tôi lấy làm cảm-động được các ngài ban cho cái vinh dự làm chủ tọa bản-viện, tôi xin có lời thâm tạ các ngài.

Các ngài và tôi, chúng ta ai cũng sẵn có trong lòng một cái ý hướng về mọi sự công-ích, tôi chắc rằng một ý hướng ấy đều làm cho mối đồng tâm của chúng tôi được vững bền, dẫu có khi có điều bất hợp chăng nữa cũng chẳng làm đổ được.

Vả lại các ngài đã có lòng tín-nhiệm đến tôi, một điều ấy cũng đủ bớt cái gánh nặng cho tôi và cả chúng ta sau này sẽ cùng yên lòng làm được trọn vẹn cái nhiệm vụ chúng dân đã trao cho.

Nhưng mà nếu công việc của chúng ta ngày nay được nhẹ-nhõm ấy cũng nhờ ở các ngài tiền bối. Nhờ ở cái lịch duyệt của các bậc ấy, nhờ ở sự khôn khéo của các bậc ấy mà Viện ta nay đã có một cái danh vọng, vì Viện ta đã làm gương làm mẫu cho một vài viện cũng giống như viện ta sau mới thành lập ở một đôi nơi thuộc cõi Đông-Pháp này, lại cũng đã chẳng nhờ ở những ý kiến sáng sủa của những bạn nghị-viện ta trước mà Chính-phủ cải-lương được một vài việc hệ thuộc tinh-thần và vật chất của xã-hội chúng ta ư?

Tôi e các ngài trách tôi, nếu hôm nay tôi không thay lời các ngài mà cảm tạ những ông nghị đã mãn khóa vắng đây, và tỏ lòng kính phục những ông tái khóa này còn họp mặt cùng chúng ta ở đây. Trong những khi chúng ta nghị-luận, tôi chắc rằng bản-viện sẽ vui lòng được các bậc tiền bối, đem hết ý-kiến cao minh hướng đạo.

Lòng săn sóc của Chính-phủ đối với bản viện vừa rồi lại mới xuất-hiện trong một việc cải lương quan-trọng. Việc này được là bởi lòng rộng rãi của quan Toàn-Quyền Varenne.

Chiếu theo nghị-định ngày 10 Avril 1926, Viện Tư-vấn nay đổi tên là Nhân-Dân Đại-Biểu viện.

Tuy rằng viện chỉ có đổi tên, còn nội-dung chưa có thay đổi, song đây là một cái trứng triệu của những sự thay đổi sau này dần dần tùy theo cái lịch duyệt, cái trí thức của chúng ta cao đến đâu thì sự thay đổi theo đến đấy, mãi đến khi nào nội-dung của viện thăng bằng sứng đáng với cái danh hiệu của viện mới thôi, vậy những sự cải lương ấy, hoặc sớm hoặc muộn, hẳn các ngài cũng tin rằng là do tự chúng ta. Thưa các ngài chúng ta sẽ đáng được mọi sự thay đổi ấy, hễ chúng ta chú trọng đến nghĩa vụ chúng ta, đến những sự lịch-duyệt việc công của chúng ta.

Dân mà chúng ta đại biểu mong mỏi điều ấy ở chúng ta lắm đấy. Chúng ta không nên để người ta thất vọng. Khi chúng ta ứng cử người ta kéo đến tuyển cử chúng ta đông đảo là dường nào.

Vả người ta đến đông như thế là có ý tin tấm lòng quảng đại của quan Toàn-quyền Varenne, là có ý mong mỏi những sự cải lương lớn lao ấy mà cũng vì thế nên cố chọn đại-biểu sứng đáng.

Nhân vì chúng ta đương nói đến sự cải lương, tôi xin các ngài cho phép kể ra đây một việc cải lương mà quan Toàn-quyền đã thực hành ngay khi ngài mới đến trọng nhậm xứ ta. Tôi kể việc ấy ra đây là có ý muốn nhân thể mà gửi lời cám ơn Quan Thủ-hiến đất này thay lời cho cả bản Viện và chúng dân.

Việc ngài cho người bản-xứ được quyền nhiệm-chức trong ngạch quan-lại người Pháp nay là một việc thực-hành, mà lại là một việc hay cho cái chính kiến Pháp Việt hợp tác nữa. Đã hay rằng còn lâu cái số người Nam được hưởng quyền lợi này không có bao nhiêu. Nhưng mà nó là cái chứng một lẽ công bằng, rằng dù người Pháp người Nam hễ đã có trí thức ngang nhau thời được quyền chức nghiệp ngang nhau. Đây là một việc cải-lương rất hay, đây mới là một ý kiến hay trong chính sách Pháp Việt đồng lao cộng tác, chúng ta nên mong rằng việc này sẽ được thi-hành một cách rộng rãi.

Lại cũng còn nhiều điều cải-lương khác mà quan Toàn-Quyền dự định hay là sắp định thi hành. Nhưng mà người ta xưa nay không ai thi hành những sự cải-lương trong một không-gian náo loạn bao giờ. Ấy là lời quan Toàn-Quyền Varenne thường nói.

Cái ý tưởng ấy hẳn cũng là một ý tưởng chung của cả chúng ta, mà nếu cái không-gian này có náo loạn thì thật là một điều tối bất hạnh cho nhân dân chúng ta.

Không, nhân dân Bắc-kỳ chúng ta chẳng khi nào muốn thế, người ta chỉ mong bình tĩnh và nhờ sức giúp giập của nước Đại-Pháp mà sinh hoạt để mỗi ngày tăng tiến phần trí thức, phần tinh-thần và vật-chất.

Việc học sinh . . .

Việc học sinh bãi khóa mới rồi, xem ra những người có con đều cho là một điều bất lương, không có nhẽ gì cho là một việc quấy rối sự sinh hoạt của dân chúng được.

Chúng ta nhân việc này mà giãi tỏ để Chính-phủ hiểu thấu tình dân chúng Bắc-kỳ, là chỉ một niềm bình tĩnh mà tiến hóa và tin cậy ở nước Pháp bảo-hộ và hướng đạo cho.

Thưa các ngài, trước khi chứng chỉ mấy lời này, tôi xin các ngài cùng với tôi có lời biểu tình cảm động và thân ái của cả chúng ta đối với đồng bào bị lụt.

Chúng ta đã biết rằng chẳng những các nhà từ thiện Annam, cả Chính-phủ bảo-hộ cũng hết lòng cứu giúp các dân bị lụt. Chúng ta sẵn lòng giúp Chính-phủ nếu sự hợp tác của chúng ta có điều gì hữu ích cho sự sưu-tầm kế hoạch trị thủy.

Những điều thỉnh-cầu của các ông nghị-viên Bắc-kỳ

Đơn xin bãi thuế lò sát-sinh ở huyện Vụ-bản và huyện Phong-doanh

Nguyên tỉnh Nam-định chúng tôi có 9 Phủ, Huyện, mà mỗi Phủ, Huyện nhà nước có đặt ra một lò sát-sinh (abattoir) để cho thầu thu thuế. Các chủ thầu chỉ cần thu lấy thuế thôi còn dân muốn giết trâu, bò ở đâu thì giết, chẳng giữ gìn theo phép vệ-sinh tí nào. Vì các lẽ ấy, nhà nước đã hiểu thấu, nên đã bãi các lò sát-sinh ở các phủ, huyện ; duy chỉ còn để có lò sát-sinh ở huyện Vụ-bản và huyện Phong-doanh thôi, vì rằng hai nơi ấy tiện việc cho các viên Thú-y đến khám để giữ gìn theo cách vệ-sinh cho dân. Cái mục-đích ấy thì rất phải, nhưng ở chốn thôn quê thì chưa theo được vì những lúc có việc như hiếu, hỉ, tế, lễ hoặc công kia việc nọ phải sát-sinh bất thường, mà phải đem lại lò sát-sinh thì phiền mà không tiện cho dân lắm. Mà lò sát sinh chỉ cho giết có 2 giờ một ngày, từ 4 giờ đến 6 giờ chiều thôi. Như thế dân có việc cần mà giết lậu ở nhà thì chủ-thầu cũng không thể biết được. Vì thế các chủ thầu thành thử phải cho các làng thầu lại, cứ tháng tháng đem tiền lại nộp cho chủ thầu là được. Còn viên Thú-y có đến khám thì chủ-thầu kiếm cách kêu lót thế là xong việc.

Chúng tôi thiết nghĩ rằng dân ở huyện Vụ-bản và huyện Phong-doanh, cũng như dân ở các huyện khác. Nay các huyện khác nhà nước đã bãi cho thu thuế sát-sinh rồi, còn có huyện Vụ-bản và huyện Phong-doanh thì xin nhà nước cũng bãi thuế sát-sinh cho thì dân chúng tôi đội ơn nhà nước lắm lắm.

Lã-qui-Trạch. Nam-định

* * *

Thỉnh-cầu về việc điện-báo

1. — Những người buôn bán về kỹ-nghệ ở Đông-pháp, thường hay cần viết thư

sang Pháp, muốn hỏi điều nọ điều kia (renseignements) thì ngoài phong bì dán tem Đông-pháp đã đành rồi, song muốn cho được giả nhời về, theo cách lịch-sự thường trong thư lại gửi thêm một cái tem Đông-pháp nữa, để cho người ta giả nhời, hiện nay luật điện-báo nói, ở Đông-pháp dùng tem Đông-pháp và ở Đại-pháp dùng tem Đại-pháp, như thế thì chúng tôi gửi thơ sang Pháp không mấy khi được giả nhời, vậy xin Chính-phủ rộng cho những người bên Pháp dùng tem Đông pháp mà viết thư cho những người ở Đông-pháp.

II. — Những làng đã cải-lương rồi, thì cần phải có cái hòm thư, (Boîte aux lettres) mà hiện nay nhiều làng chưa có. — Muốn cho dân-gian được tiện-lợi, việc gì giao-thiệp bằng thư tín, hoặc có điều gì hay giở muốn bày tỏ cùng Chính-phủ, hay quan Thủ-hiến bảo-tỉnh thì cần phải có cái hòm thơ bên cạnh, như thế thì mới quan hiểu thấu hết được dân-tình.

Còn sự chuyển-thư phát-thư và bán tem được hỏa hồng, xin cứ giao cho thư-ký thì tiện lắm.

III. — Xin cho những thư từ của hương-hội viết lên quan trên được đóng dấu hương-hội, không phải dán tem.

IV. Xin cho những giấy-má của nghị-viên thông-tin cho các đại-biểu, hay các đại-biểu viết thư về văn-phòng, Nghị-viên cũng không phải dán tem.

Hoàng-hữu-Nghĩa
Ng-xuân-Thanh
Nghị-viên Tuyên-quang

* * *

Về việc khai-khẩn ruộng bể

Tôi xét ở Bắc-kỳ, các cửa bể ruộng nổi nhiều lắm, nhưng mà khai-khẩn thành điền, cũng không phải là sự dễ, vì rằng đắp đê, khai-cừ, tính ít ra cũng phải bốn năm chục bạc một mẫu, còn như những sự tai-nạn bất kỳ, như là nước lụt vỡ đê, đại hạn cháy lúa, thì không thể tính trước được, trừ phi những nhà có tư-bản, xuất-tài xuất-lực, thì không thể đảm-đương được.

Nay nhà nước có lòng thương dân, muốn cho những xã dân nghèo ruộng ít, được ra đấu-giá làm công-điền, như là bãi Bạch-long thuộc tỉnh Nam-định, nhưng tôi xem những xã dân nghèo không có tiền bỏ ra đấu-giá khai-khẩn, thì lại phải nhượng cho người có tư-bản. Cũng có xã nhà-nước cho một khu ruộng không phải tiền đấu-giá, chỉ phải đắp một đoạn đê, mà cũng phải bỏ, tức như xã Văn-trì ở cận bãi Bạch-long, nhà nước cho 370 mẫu ruộng, chỉ phải đắp một đoạn đê ước chừng 300 thước tây, nhưng đoạn đê ấy thường bị vỡ lở, phải đắp đi đắp lại tốn phí mất hơn vạn bạc, mà không thể bảo cố được, đành phải đem đồ-bản ra nộp giả nhà nước, thế là xã ấy thiệt hại biết bao nhiêu, mà chưa được hưởng quyền-lợi một chút nào.

Cứ ý tôi thiển nghĩ, xin nhà nước sức cho những xã dân đa điền thiểu, chọn những người có tư bản đứng ra đấu-giá, mà đem những cùng-đinh ở xã ấy đến mà khai-khẩn, cứ bốn trăm mẫu hay năm trăm mẫu, cho lập thành một ấp, mà số dân đem ra lập ấp, ít nhất ra cũng phải bảy tám mươi người, bao nhiêu những sự phí-tổn về việc khai-khẩn, như là đắp đê khai-cừ, tiền đấu-giá, tất những người tư-bản ấy phải chịu cả, không được san bổ cùng-đinh, mà hạn trong sáu năm, phải khai khẩn cho thành-hiệu, đến khi thành-hiệu thì nhà nước cho những người tư-bản ấy được nhận một nửa làm tư-điền sản nghiệp, một nửa làm công-điền quân-cấp cho những kẻ cùng-đinh, thế thì những người tư-bản mới được vui lòng gắng sức, khai-khẩn cho được thành điền, mà những kẻ cùng-đinh được hưởng một phần quyền-lợi, tức như đời vua Tự-Đức, giao cho ông Ng-công-Trứ lập sở đinh-điền, khai-khẩn ruộng bể, về hạt Kim-sơn tỉnh Ninh-bình, hạt Tiền-hải tỉnh Thái-bình, cho một nửa làm tư-điền, một nửa làm công-điền quân-cấp, mà thành-hiệu đã năm sáu mươi năm nay. Bây giờ hai hạt ấy dân sự trù-phú, vẫn còn nhớ công ông Ng-công-Trứ, không bao giờ quên. Vậy xin quan lớn châm chước thi-hành, như thế thì những xã dân nghèo được nhờ ơn lắm lắm.

Đặng-vũ-Kinh
Xuân-trường Nam-định

文學之部

VĂN-HỌC

THẾ-GIỚI VĨ-NHÂN LIỆT-TRUYỆN

HOÀNG-HƯNG 黃興

(Tiếp theo)

V

Đối với công việc cách-mệnh lần thứ hai

Chẳng bao lâu, hoàn-nghị lập xong, vua Thanh giả nước, sọm già Viên-thế-Khải lừa miếng hớt được cái ngôi nguyên-thủ của dân-quốc Trung-Hoa, Chính-phủ lâm-thời đặt tại Bắc-kinh, Tôn-dật-Tiên lập tức thoái vị, Tiên-sinh cũng tuyên cáo từ chức. Lão sọm già kia giở ngay cải thủ-đoạn cơ-mỵ, cố ép Tiên-sinh làm chức Nam-kinh lưu-thủ, ngồi coi một thành Kim-lăng, thống chế cánh quân phương Nam. Tiên-sinh lúc trước muốn không nhận, sau lại vì có ý muốn gìn-giữ đại-cục trong nước, nên mới miễn-cưỡng ưng nhời. Chẳng ngờ lão sọm già kia đối đãi bằng sài, vẫn sẵn lòng ngờ-vực ghen-ghét, Tiên-sinh nhận chức được ít lâu thì hắn lại đem những nhời êm-đềm ngon-ngọt mà khuyên Tiên-sinh nên giảm bớt binh quyền, để lấy thì giờ hưu dưỡng ; như vậy có đáng giận hay không ? Thế mà Tiên-sinh cũng coi như không ; tuyệt không bận nghĩ chút nào. Sẵn gặp lúc ấy toán quân Giang-tây có việc náo-động, Tiên-sinh và Hồng-thừa-Điển tức thì phi ngựa sang, đâm chết vài người để chấn-áp toán loạn-quân, rồi lại đứng tại dữa đường diễn-thuyết một hồi ; quân chúng nghe diễn, ai nấy cảm-động. Sau khi đã trị tội mấy người thủ-xướng việc náo-động, và đền lại những khoản tổn-hại cho bọn thương-dân, Tiên-sinh lại quay về Kim-lăng, đánh điện cho Viên-thế-Khải xin thôi chức Nam-kinh lưu-thủ mà sang ở Thượng-hải. Mùa thu năm ấy, Viên-thế-Khải lại có điện mời Tiên-sinh về Bắc-kinh, Tiên-sinh vẫn biết Thế-Khải là người dả dối, nhưng cũng không muốn gây sự mất lòng, nên khi tiếp được điện mời, cũng miễn-cưỡng về Kinh. Ở ít lâu, lại sang Thượng-hải. Một hôm Tiên-sinh bảo người bạn rằng : « Lão sọm già thật là gian-tà giảo-quyệt, sau này tất nhiên có bụng bất-lương ; tôi không ngờ trong bấy nhiêu năm, đồng-bào chi-sỹ ta, hy-sinh bao nhiêu máu cổ sọ đầu, gây được cái cuộc cộng-hòa giả-mạo. Từ nay mà đi, trung-nguyên sẽ có nhiều sự rắc-rối, mà cái cuộc cách-mệnh lần thứ hai, cách-mệnh lần thứ ba, cũng sắp sửa đùng-đùng xuất-hiện vậy.» Nói đoạn, ôm bụng thở giài một hồi.

Đồn rằng khi Tiên-sinh tới Bắc-kinh, Viên-thế-Khải ngoài mặt thì vẫn hết sức chiều đãi, mà trong bụng thì cực-điểm ngờ-vực, thường sai những kẻ tâm-phúc ngày ngày theo gót Tiên-sinh để mà dò-la ý tứ. Tiên-sinh vốn là người quang-minh lỗi-lạc, ngồi chỗ nào cũng lộ chân-tướng, nói câu nào cũng do bản-tâm, mỗi khi bàn đến chính-trị, tất phải chú-trọng về chủ-nghĩa dân-quốc. Những kẻ theo đi do-thám, đem hết những nhời nghị-luận đó,

thuật lại với Viên-thế-Khải. Thế-Khải tức lắm, lại dùng ngay thủ-đoạn lao-lung để mà bó-buộc Tiên-sinh, nào là tặng cho phẩm tước, nào là nhắc làm thượng-tướng, nào là giao cho toàn quyền đốc biện việc mỏ trong nước. Tiên-sinh đã hiểu hết tâm-thuật của hắn, cho nên cái bụng sắt đá, cũng không vì những mồi vinh lộc đó mà lay động chút nào. Khi đó nhân-sỹ ở Kinh-đô, ai cũng sùng-bái Tiên-sinh. Tiên-sinh đi đến đâu, chúng đều mở hội đón-rước, vì thế mà những kẻ tâm-phúc của Viên-thế-Khải cứ phải rều-rều đi theo ; mỗi khi Tiên-sinh diễn-thuyết, chúng lại ghi vào sổ tay, đem về trình thầy. Thế-Khải xem thấy hầm-hè mà rằng : «Hoàng Khắc-cường thực là cái ung cái nhọt ở trong gan ruột ta vậy».

Một hôm, Thế-Khải mời Tiên-sinh và Lưu-qũy-Nhất, Tống-giáo-Nhân vào phủ ăn yến. Trong khi uống rượu, Thế-Khải hết sức tán-tụng những công lao cách-mệnh của Tiên-sinh. Tiên-sinh sầm mặt mà đáp lại rằng : « Cái việc đạp đổ triều Thanh, là cái thiên-chức của giống nòi người Hán. Vậy thì việc cách-mệnh đó chẳng qua làm trọn thiên-chức mà thôi, sao lại nhận là công-lao. » Thế-Khải lại hỏi gặn rằng : « Từ nay về sau, cái quan-niệm của Tiên-sinh đối với dân quốc ra làm sao ? » Tiên-sinh nói phắt ngay rằng : « Phàm các công việc ; nếu mà không trái pháp-luật, thì thế nào tôi cũng xin theo ; nếu mà trái với pháp-luật thì tôi cứ lấy lòng dân làm chủ. » Thế-Khải nghe thấy câu ấy, càng nghi-ky thêm.

Tiên-sinh ở Kinh vài mươi ngày, rồi lại xuống tầu sang Thượng-hải ; khi tầu qua bến Hán-khẩu, Lê-hoàng-Pha nghe tin, đem các liêu-thuộc ra bờ sông đón Tiên-sinh, và mời vào phủ Vũ-Xương bầy tiệc khoản đãi, tình ý rất là vui vẻ, quân-sĩ học-sinh và thường-dân ở xứ Vũ-Hán nghe tiếng Tiên-sinh tới đó, liền mượn nhà Bảo-băng làm hội-quán để nghênh tiếp, rồi lại chụp bức chân-dung để làm kỷ-niệm và để tỏ lòng hâm-mộ. Kế đó, Tiên-sinh đi thăm sưởng binh-công ở Hán-dương, rồi lại lên núi Quy-sơn ngoạn cảnh. Tới đỉnh núi, trông thấy ngọn đá tron-von, bóng chiều man-mác, Tiên-sinh nhớ đến ngày nay năm xưa chính là lúc quân Hán quân Thanh, đòi quân tóe máu, ngày qua tháng lại chưa được bao lâu, mà đã gây nên một nước dân-quốc vẻ-vang. Tuy vậy, dưới đống cát vàng lồn-ngồn, chồng chất biết bao hài-cốt anh-hùng, mà cái ngọn cỏ biếc xanh, hình như vẫn lênh-láng những máu-me chí-sĩ. Tiên-sinh nghĩ đến đó, tự-nhiên âu-sầu thảm-đạm, nước mắt chứa-chan, mới thiết-đàn tế các trận-vong tướng-sĩ rồi giở xuống.

Từ khi dân-quốc đã thành lập, những chí sĩ trong đảng cách-mệnh khi trước, ai không có kiến-thức cao xa, đều cho rằng từ đó giở đi sẽ được yên hưởng cuộc hòa-bình hạnh phúc ; duy có Tiên-sinh vẫn lấy làm lo. Tiên-sinh cho rằng Viên-thế-Khải là kẻ gian-tà ngang-ngược, cái dã-tâm đương ngùn ngụt bốc lên, nếu không phá hoại được cái cuộc dân-quốc đương vẻ-vang rực-rỡ kia, tất là hắn chưa yên lòng. Tiên-sinh muốn tìm cách đề-phòng nạn ấy, mới bàn với Tôn-dật-Tiên đổi lại hội Đồng-minh ngày trước làm đảng quốc-dân, rồi cùng hết sức lo tính cho đảng-vụ được khoáng-trương, để gìn-giữ đại-cục trong nước. Coi đó thì Tiên-sinh đã thấu hết gan ruột lão sọm già vậy. Nhưng cũng vì đó mà Viên-thế-Khải lại sinh nghi-ky đảng dân-quốc, muốn giết hại hết mọi người trong đảng. Bởi thế, năm tân-dậu mới phát-sinh cái án-mạng Tống-giáo-Nhân. Khi đó chí sĩ trong nước, ai cũng tỏ lòng căm-tức, Tiên-sinh có soạn một đôi câu-đối phúng rằng :

« *Năm xưa chết Ngô-lộc-Trinh, năm ngoái chết Trương-trần-Vũ, ngày nay lại chết Tống-giáo-Nhân ; ảm-đạm giời mây hồn chí-sĩ.*

« *Người này rằng Ưng-trụ-Hình, người kia rằng Hồng-tổ-Thuật, ta đây chắc rằng Viên-thế-Khải ; gớm-ghê hùm rói dạ gian-hùng.* »

Mấy chữ xuềnh-soàng, hàm-súc biết bao ý tứ, đó là văn-khí của Tiên-sinh vậy. Từ khi Tống-giáo-Nhân bị hại, nhân-sĩ phương Nam phản-đối họ Viên càng kịch-

liệt. Thế-Khải sợ hoặc sinh biến, mới phái một toán Bắc-quân kéo sang phương Nam để mà trấn-áp nhân-tâm, rồi lại lần-lượt bãi chức bọn Lý-liệt-Quân, Bá-văn-Uất và Hồ-hán-Dân, để cho dân-đảng mất hết năng-lực hành-động. Nhưng mà muôn người một bụng, cái thế hăng tợn đùng đùng như lửa cháy đồng, không thể nào mà dập đi được, tức thì ngày mười hai tháng bẩy năm ấy, có ngay việc rối loạn ở Tầm-dương. Các chí-sĩ trọ ở Thượng-hải, bàn nhau đánh lấy tỉnh Giang-tô để làm thanh-viện, lại cố nèo Tiên-sinh chiếm lấy Nam-kinh để trống lại với lão sọm già. Tiên-sinh cũng lấy làm phải, ngày mười bốn tháng ấy, cùng vài mươi người đồng-chí kéo sang Phúc-kiến, ngay hôm ấy viên Đô-đốc tỉnh ấy là Trình-đức-Toàn tuyên-bố độc lập. Bấy giờ thường dân Phúc-kiến nghe thấy việc đó, ai nấy mừng rỡ vui vẻ. Tiên-sinh ở đó mươi ngày, trông thấy quân-sĩ thiếu lương, bỏ ngay tiền riêng chi cấp cho cả các trại ; bởi thế mà lòng người cảm-động, đối với việc cách-mệnh càng thêm sốt-sắng. Ngờ đâu trong dân-quân có tên Trần-chi-Kỳ là kẻ nhị-tâm, hắn đã nhận việc cổ-động cho lão sọm già, lại muốn làm nội-ứng cho cánh Bắc-quân đánh lấy Nam-kinh, mới nói phao rằng : « Chính-phủ Trung-ương đã phái một toán đại-quân hẹn ngày kéo sang phương Nam, cái việc khôi-phục thành Kim-lăng chỉ trong một chốc một nhát ; nếu mà nhân-dân vẫn cứ mê không tỉnh, cố theo về đảng dân-quân thì sau này khi lấy thành trì, bất-cứ kẻ gian kẻ ngay, nhất-thiết làm cỏ kỳ hết ». Vì thế những người không có kiến-thức, ai nấy luống-cuống lo sợ. Tiên-sinh biết là dân-tình chưa hiểu cái thói gian của họ Viên, không nỡ vì sự thương dân mà thành ra làm hại dân, mới họp các chí-sĩ, mở cuộc quân-sự hội-nghị, bàn về vấn-đề " tạm bỏ Nam-kinh kéo đi nơi khác, rồi lại liệu cách khôi-phục " Các chí-sĩ đều biết cái khổ-tâm của Tiên-sinh, nhất-tề cho lời bàn ấy là phải. Sau khi cuộc hội-nghị giải-tán, Tiên-sinh phải im hơi nín tiếng, lẻn về Thượng-hải, rồi lại sắm-sửa xuống tầu sang Nhật-bản.

VI

Đối với cuộc cách-mệnh thứ ba

Việc cách-mệnh lần thứ hai đã thất-bại, Tiên-sinh thường bảo với một người bạn rằng : « Chuyến này dân-đảng mưu việc không thành, không phải không hợp đại-nghĩa, chỉ vì hết thảy quốc-dân đều bị cái chiêu-bài giả-rối bằng hai chữ « cộng hòa » của Chính-phủ họ Viên nó làm lòe mắt, mà không hiểu thấu cái tâm-địa dã-man của hắn ; vì thế cho nên nhiều người chẳng-vảng, không muốn tán-thành. Tuy vậy, bây giờ tôi đã tìm được cái phương-pháp tiến-hành, chắc có thể đạt được mục-đích. » Từ đó Tiên-sinh mặt ngoài thì vẫn giữ cái thái-độ êm-đềm ôn-nhã, mặt trong thì hết sức mưu tính, dự-bị lấy những tài-liệu mà sau này có thể gây lại lấy cuộc cộng-hòa. Những sự công-bố và thực-hành của Tiên-sinh khi ở Đông-kinh lược kể như dưới :

1· Chủ-nghĩa hoãn tiến. — Thủa trước chính-trị triều Thanh không ra gì, các đồng-chí trong đảng cách-mệnh, ai nấy hằm-hè tức dận, cái lòng đạp đổ triều Mãn, chứa chất đã lâu, mãi đến năm Tân-hợi mới rồi mới được phát-tiết, cho nên một chuyến nổi lên, không thể nào mà thu lại được, ấy cũng bởi chứa đã lâu thì phát phải mạnh, nhẽ đó không lạ gì. Nay họ Viên coi nước mới được hai năm, mà trong bụng chỉ chăm-chăm muốn tiêu-diệt hai chữ " cộng-hòa ", giở rói lại cái chính-sách chuyên-chế, những người kiến thức cao rộng, ai cũng biết cả ruột gan. Thế mà phổ thông quốc-dân vẫn cứ lờ-mờ không tỉnh, thật là đáng buồn. Từ nay nên chuyên theo cái chủ-nghĩa **hoãn-tiến**, để chờ cho mưu gian của họ Viên một ngày một lộ, tội ác của họ Viên một ngày một to, bấy giờ ta sẽ kể tội mà đánh, chắc là quốc-dân sẽ biết cái sự hành-động của chúng ta không phải là sự vô ý-thức, như vậy có thể đạt được mục-đích.

2· Chủ-nghĩa khoan phóng. — Từ khi cuộc cộng-hòa đã hoàn-thành, đảng phái

trong nước càng ngày càng lắm, tuy rằng mỗi đảng giữ một chính-kiến, nhưng mục-đích cũng đều là cầu cho nhà nước được hoàn-toàn giầu mạnh. Nay họ Viên chuyên quyền giữ thế, các chính-đảng mất cả hiệu-lực, lại có nhiều đảng bị hắn đạp đổ phá tan, thực là một sự đáng thương-tâm. Những đảng còn đứng lại đó, nếu đảng nọ không liên-hợp với đảng kia, thì chẳng những thế lực đơn-hèn, mà lại có vạ các đảng phản kháng lẫn nhau. Nay nên rộng truyền thanh khí, bền buộc cảm tình, góp cánh thêm vây, cho đủ sức mà chống chọi với ma-vương chuyên chế, thì mới có thể chiếm được cuộc toàn-thắng lần cuối cùng.

3. — Nên luyện tập lấy quân-quan nhân tài. — Trong hồi cách-mệnh lần thứ nhất, dân-đảng ta cũng lắm người thích vào quân-giới trong đó, người thạo binh-cơ cũng nhiều, mà kẻ không quen chiến-trận cũng chẳng ít, vì thế mà không thu được cái hạnh-phúc toàn thắng. Nay nên thiết-lập một sở Quân quan nghiên tập, để *đèn đúc lấy nhân-tài*, trong khoảng vài năm, có thể gây nên nhiều nhà quân-học rất có giá-trị.

4. — Mở trường pháp-chính học hiệu. — Một nước cộng-hòa là một nước tổ-chức bằng hiến-pháp, trước đây các người trong đảng ta mỗi khi gặp có vấn-đề trọng-đại phát sinh ở trong nước, không biết theo pháp-luật mà giải-quyết, chỉ những bàn huyền tán hão, rồi sau kết quả thành ra không đâu. Nay nhân đương lúc tu-dưỡng, nên tìm cách mà reo giồng lấy một số người về bên pháp-chính, đó cũng là một việc không thể hoãn được.

Giở lên bốn điều đó, là trong mấy năm ở Nhật-bản, Tiên-sinh đã lao-tâm khổ-tứ mà tính toán bầy vẽ ra đó. Cách ít lâu, cuộc Âu-chiến nổi lên, Tiên-sinh lại mở hội Âu-sự nghiên cứu, họp những người trọng-yếu trong hội, giảng bàn về việc Âu-châu, mà nội-dung của hội là cốt để bài-xích hết thảy các chính-sách ác-liệt của Trung-Hoa, và để nghiên-cầu lấy những phương pháp có thể gìn giữ được cái hiểm-tượng hiện-thời. cương-yếu của hội đều do một tay Tiên-sinh định ra. Coi đó biết cái khổ-tâm cô-tháo của Tiên-sinh thật không người nào sánh kịp vậy.

Tiên-sinh vẫn thường nói rằng: «Trong việc cách-mệnh lấy việc thực-hành làm rất khó, mà các nhà thực-hành về việc đó, lại có hai tính-chất khác nhau: một là "hết nghĩa-vụ", hai là "hưởng quyền lợi." Trong hai phái đó lại có hai sự xu-hướng khác nhau, là mộ tiếng, và không mộ tiếng.

Cái phương-trâm của ta ngày nay không những không có tư-tưởng về quyền lợi, mà công việc ta làm, ta cũng không muốn phao cho ai biết.» Nghe câu ấy chúng đều cảm-phục.

Sau khi Viên-thế-Khải đã thực-hành cái chính-sách đề-chế, dư-luận trong nước ai cũng đoán là đối với thời-cục này, tất là Tiên-sinh và Tôn-dật-Tiên phải cao phất ngọn nghĩa-cờ để chống-chế với hắn. Các bạn đồng-chí cũng đều gửi thư đánh điện mời Tiên-sinh về nước để cùng mưu việc tiến-hành. Tiên-sinh phúc đáp cho cả mọi người rằng: «Ta cũng vẫn nhiệt-tâm về cuộc cách-mệnh lần thứ ba, hiềm vì bây giờ chưa có một chút thế-lực gì có thể nương tựa được, nếu không *bắt đầu vận-động* quân-đội thời không song, nhưng việc đó không có thể trong một sớm một tối mà làm ngay được. Vậy nay ta chỉ xin hết sức giúp đồng-bào về việc ngoại-viện mà thôi». Cách ít lâu Quý-châu Vân-nam tuyên-bố độc-lập. Tiên sinh nghe tin, đoán trước ngay rằng: phương Bắc và phương Nam thế nào cũng có một trận tranh-chiến rất dữ-dội, mới sai những tay kính-tốt trong sở Quân-quan nghiên-tập gấp đường về hai tỉnh đó chợ chiến. Sau này cánh quân họ Viên thường bị thất-bại, mà quân dân-đảng thường được thắng trận; tuy rằng do ở Sái Tòng-pha (Sái Ngạc) điều-độ phải đường, chỉ-huy hợp cách, mà cũng nhờ ở sức giúp đỡ của các kiện-tướng trong sở Quân-quan nghiên-tập của Tiên-sinh vậy. Tiên sinh lại thân-sang Mỹ-châu du-thuyết bọn Hoa-kiều, khiến cho họ đều vui lòng mà giúp đỡ tiền lương cho

hai tỉnh Vân Qui. Trong buổi đông nam khởi nghĩa, tài-chính không đến nỗi thiếu thốn cũng nhờ ở sức Tiên-sinh.

Khi đó chính-phủ họ Viên phải điều-khiển trọng-sư sang miền nam án-ngữ tỉnh Hồ-nam và tỉnh Tứ-xuyên, khí-giới quân-lương mỗi thứ một tốn, đường kinh tế đã quẫn-bách đến cực-điểm. Thế-Khải mới phải hỏi vay nước Mỹ một khoản rất to, để xung quân-phí, lập xong điều-ước, chính-phủ Mỹ đã sắp giao tiền. May sao bấy giờ Tiên-sinh cũng đương ở Mỹ, nghe thấy tin đó, tức-khắc đưng tư lên chính-phủ Mỹ, xin thôi cái nghị cho Trung-Hoa vay tiền, và lại kể hết những tội càn giỡ của họ Viên, cùng là tấm lòng hâm-mộ sự cộng-hòa của dân Trung-Hoa. Ông Tổng-thống nước Mỹ tiếp được thư đó, lập tức đánh điện cho viên Chụ-Hoa công-sứ của Mỹ, truyền phải thôi ngay việc đó. Ôi, nếu cái chái-khoản đó mà song, quân-uy của họ Viên sẽ nhờ hơi đồng mà thêm cứng cỏi, thời nam bắc giao tranh chưa biết ngày nào đã nghỉ, mà sinh-mệnh tài-sản của dân ta, tổn hại chưa biết chừng nào, nhờ một mảnh giấy của Tiên-sinh mà khiến cho cái món tiền của họ Viên đã cầm lỏng trong tay, lại thành sai chượt, khiến cho hắn không đủ sức mà chống chọi với nam-quân. Công của Tiên-sinh đối với cuộc cách-mệnh lần thứ ba này thực to lắm vậy.

Khi Tiên-sinh ở Mỹ có tiếp một người nước Mỹ tên là Cô-đức-Nặc, và hỏi hắn vì cớ gì mà xướng ra cái bàn " nước Trung-Hoa chỉ nên quân-chủ, không nên dân-chủ " để cho họ Viên hoặc về câu đó mà sinh ra cái tư-tưởng đế-chế. Cô-đức-Nặc đáp rằng: «Trong vòng mấy năm nay, những cách cử-động của viên Tổng-thống qui-quốc có khác gì một vị quân-chủ ? Tôi xướng ra câu bàn đó, cũng là một câu nói khích, hắn cho là thực mà sinh ra cái tư-tưởng đế-chế đó là lỗi tại hắn, chớ có can-thiệt gì đến câu bàn của tôi». Tiên-sinh biết là hắn nói quanh cũng không cật-nửa. Cô-đức-Nặc lại hỏi Tiên-sinh rằng: « Ông đã nổi tiếng là một tay anh-hùng trong cuộc cách-mệnh, nay họ Viên làm sự trái phép, sao ông không giúp bọn Đường-kế-Nghiêu, Lục-vinh-Đình, ra tay trị tội cho kẻ quốc-tặc?» Tiên-sinh đáp lại rằng: «Người nước tôi trừ ra mấy anh quan-liêu rụt-rè khúm-núm, chỉ biết ôm chân nấp bóng đứa ma-vương chuyên-chế, mà theo dóm ăn tàn, còn thì ai cũng theo giữ cái chủ-nghĩa phản-đối với họ Viên. Ngày nay những người đương đầu lộ diện binh vực hai chữ " Cộng-hòa, " đều là đồng-chí trong đảng tôi. Tôi sang qui-quốc, còn có việc khác, không thể nói cho người ngoài biết được, » Cô đức-Nặc lại hỏi rằng: « Ông có chắc rằng: các ông xướng-nghĩa ở qui-quốc đó có thể giữ mãi được cái nghị-lực như bây giờ không ? » Tiên-sinh đổi sắc mặt mà đáp rằng; « Bây giờ những người trong đảng tôi, chỉ biết có hai chữ " Cộng-hòa, " chẳng những đối với tên Viên-nghịch, tất phải vàm sác phanh thây, giết cả ba họ, mà đối với những kẻ chơn mồm rẻo mép, khua động chính-sách quân-chủ, để làm mê-hoặc nhân-tâm, tất cũng phải ra tay trị tội.» Cô-đức-Nặc biết là Tiên-sinh nói chọc mình, vội-vàng kiếm đường tháo lui.

Một hôm Uông-tinh-Vệ ở Anh-cát-Lợi sang Mỹ, gặp Tiên-sinh tại chợ, mời đến tửu-lâu uống rượu nói truyện; mỗi khi bàn đến công việc tổ-quốc, Tinh-Vệ lại nước mắt chứa-chan, tiếng khóc nức-nở, Tiên-sinh khảng-khái mà rằng: « Ngày nay các đồng-chí ở hai tỉnh đông nam, đã lần lượt khởi binh, tôi chắc rằng: đảng ta thế nào cũng đạp đổ được cái chính-phủ của thằng Viên-nghịch, thì cái hiện-tượng bây giờ cũng không lo lắm. Chỉ đáng lo nhất là sau này hồn nước sống lại, cách giữ-gìn cũng không phải dễ-dàng, không biết cái đại-cục tổ-quốc rồi ra biến cải đến thế nào. » Nói đoạn, tiếng khan hơi tắc, ngã quay xuống ghế, máu tươi ồng-ộc thổ ra, đầm-đìa cả mấy lớp quần áo. Tinh-Vệ thất kinh, vội-vàng nâng giậy. Khi Tiên-sinh đã tỉnh, Tiên-sinh ngậm-ngùi mà rằng: « Nếu mà tất cả những người cầm quyền chức trong nước, ai cũng được như Tiên-sinh, thì lo gì thiên-hạ không yên-ổn. » Liền đưa

Tiên-sinh vào y-viện điều trị, vài ngày mới khỏi.

Tiên-sinh ở nước Mỹ gần nửa năm, năm Dân-quốc thứ 5, tháng năm, ngày mồng chín, mới về Trung-Hoa. Bấy giờ họ Viên đã bãi bỏ đế-chế, nhưng vẫn tiếc-rẻ cái ngôi tổng-thống; Tiên-sinh thấy vậy, liền họp các đồng-chí tại Đông-dương lữ-quán, mở cuộc bí-mật hội nghị, Tiên-sinh tuyên bố mấy điều:

1° Nên kíp đánh điện cho nhân-dân xa gần, nhất sống nhì chết, không được nhận Viên-thế-Khải là người đứng đầu trong nước, và bắt phải giải hết quyền chức theo luật "Vi bạn" trị tội.

2° Nên kíp khôi-phục những cơ-quan thuộc về dân-quyền và các điều-ước năm Dân-quốc thứ nhất.

3° Nên cử ngay viên Phó-tổng-thống thay chức Đại-tổng-thống và tổ-chức một tòa nội-các khác.

Tiên-sinh đọc song mấy điều đó, các đồng-chí đều lấy làm phải và xin hết sức thi-thành.

Viên-thế-Khải từ khi thấy nhân-tâm không phục bất đắc dĩ phải bãi bỏ đế-chế trong bụng vừa tức vừa giận, vừa xấu hổ, vừa lo sợ, lâu dần thành bệnh, một ngày một nặng, đó là cái nhẽ tất-nhiên, cũng không lạ lắm; nhưng vì hắn xưa nay chỉ dùng trá thuật lừa người, nên khi mắc bệnh sắp chết mà vẫn nhiều người cho là giả cách, duy có Tiên-sinh biết là hắn thực là bệnh nặng. Tiên-sinh có bảo với một người bạn rằng: « Họ Viên đã cầm lỏng cái ngôi Hoàng-đế ở trong tay, đã nắm chắc cái miếng bá vương cô quả, sẽ được lưu truyền con cháu đời đời, chỉ vì các đồng-chí ta hết sức phản-kháng mà cái miếng ngon kề miệng lại phải nhả ra, nhẽ nào mà không sinh bệnh. Tá chắc hắn cũng sắp chết đến nơi, mà ta đã vì hắn suy đi tính lại chỉ, có chết là hơn cả: nếu mà thoái vị, thì phải nếm cái phong-vị trên đoạn-đầu đài. Hễ mà bịnh chết, còn là một sự hạnh-phúc của hắn. » Chẳng bao lâu Viên-thế-Khải quả nhiên xuống suối vàng, y như nhời Tiên-sinh liệu đoán.

(Còn nữa)

Nghĩa tự-cường ở nước ta ngày nay

Tự cường là gì? tự-cường là mình làm cho mình cứng-cỏi hăng-hái, mình làm cho mình mạnh-mẽ giỏi-dang. Kinh Dịch nói rằng: « *Thiên hành kiện, quân-tử dĩ tự-cường bất tức,* » nghĩa là *đạo giời mạnh, quân-tử coi đó mà tự-cường không thôi.* Ấy chữ « *tự-cường* » phát nguyên từ đó. Muốn cất gánh nặng mà không tự-cường thì không đủ sức mà đảm đương; muốn chen chỗ đông mà không tự-cường thì không có thể mà len lỏi; muốn sinh-tồn ở chốn đầy dun đè ép mà không tự-cường thì không thể nào mà ngồi yên đứng vững. Ấy cái tinh-thần hai chữ « *tự-cường* » là quan-hệ như thế. Nhân-loại càng văn-minh, cái phong-trào tiến-thủ càng mau chóng, trên mặt đại-lục đã thành ra làn sóng cạnh tranh, kẻ khỏe lấn người hèn, nước mạnh dập nước yếu, một dân như dân Annam ta mà không tự-cường thì sống sao với phong-hội này, một nước như nước Annam mà không tự-cường, thì đứng sao được ở thế-giới này. Tại vì sao? Vì rằng, nếu thế-giới mà vẫn là thời-đại ăn lông ở lỗ, chẳng ai xâm-đoạt của ai, thì ta cũng không cần chi tự-cường; hay là nếu thế-giới mà vẫn là thời-đại cầy ruộng mà ăn, đào riếng mà uống, dân đến già chết không đi lại với nhau, thì ta cũng không cần chi tự-cường. Chết vì không thể, cái số sinh-sỷ của nhân-loại

càng ngày càng tăng gia; cái sức dung thụ của địa-cầu càng ngày càng đông chật, đường kinh-tế, cách sinh-hoạt của các dân-tộc càng ngày càng khốn-đốn khó-khăn; cái tấn tuồng ưu thắng liệt bại đã diễn ra nhiều cảnh đáng kinh đáng sợ, một nước như nước Annam ta ở vào thế-kỷ này, chẳng khác gì một chiếc thuyền con ở dữa chốn sóng dồn nước dập; đại-thể chỉ có hai mặt, chẳng tiến thì lùi, chẳng tới bờ thì chìm đắm. Nếu có ai thử tra hết lịch-sử đông tây, mà xét kỹ cuộc phế hưng của người kim-cổ, chắc không có một nước nào như nước Annam mà không có một hội phú-cường; chắc cũng không có một nước nào như nước Annam mà không có một ngày suy-diệt. Ngày nay nước Annam tuy chỉ còn tên, dân Annam may hãi còn giống, cái cơ phú cường hay suy-diệt chính ở ngày nay; ta nếu muốn cho nước ta không suy diệt mà lại phú-cường thì ta phải tự phấn tự chấn, tự lệ tự mãnh. Cái vấn-đề tự-cường, ta cần phải giảng-cứu cho đến nơi, mà tìm cho được cái phương-châm vậy. Cũng có người cho rằng: nước Annam cố nhiên phải tự-cường, nhưng phận-sự làm dân Annam cũng không cần phải nghiên-cứu cái vấn-đề đó, là vì ta đã có nước Pháp bảo-hộ ta. Nước Pháp là thày học ta vậy, thày học tất phải khai tâm luyện tính, dèn đúc cho học trò được tinh thông; nước Pháp là anh ta vậy, em đương siêu ngã, tất anh phải nâng sau đỡ trước, giắt díu cho em được tấn tới bằng người. Thày học mà bưng mắt học trò, anh mà đẩy sấp dập ngửa, dun em xuống rãnh xuống ngòi, người có lương-tâm chưa từng có ai như thế; huống chi nước Pháp là một nước nhân từ chính chực, đã tự nhận cái thiên-chức phải khai hóa cho cả dân-tộc bán-khai, thì cái vấn-đề tự-cường, ta chỉ chuyên nhờ nước Pháp, chắc cũng có ngày đạt được mục-đích.

Câu nói ấy tuy rằng có nhẽ, nhưng chưa thực phải. Nước Pháp dù vẫn giả bảo, vẫn binh vực, vẫn dìu dắt cho người Annam, nhưng mà làm người Annam cũng phải có tư-cách thế nào thì nước Pháp mới có thể làm chọn cái thiên-chức đó. Thày dù sẵn lòng giậy, trò cũng dốc lòng tiến-thủ, thì thầy mới đem cái tinh hoa đạo học mà truyền thụ cho; anh dù sẵn lòng dắt, em cũng phải cố đi cố chạy, cố bước cố chèo, thì anh mới đưa đến những chỗ đất vui cảnh đẹp. Nước Pháp dù sẵn lòng khai-hóa, nhưng làm dân Annam cũng phải nhiệt-tâm tiến-thủ, thì nước Pháp mới đem ta đến cái địa-vị bình-đẳng tự-do; nếu ta cứ chịu yếu, chịu hèn, chịu ngây, chịu dại, công việc nhất-thiết nhờ ở nước Pháp, như xe không máy, chẳng đẩy thì không đi, thế thì nước Pháp cũng không thể nào mà dìu-dắt ta được.

Vậy thì vấn-đề tự-cường chính là một sự rất quan-thiết với vận-mệnh nước ta vậy. Ôi, ở trong bể cát, ai mà chẳng muốn tìm ra, nhưng không biết hướng tất phải nhầm đường lạc lối; nằm ở nhà hầm, ai mà không mong đi thoát, nhưng không biết cửa, tất phải chượt gót sa chân. Nước ta đương hèn yếu, đã đành ta phải tự-cường, nhưng chưa định được cái phương-châm, thì chánh sao cho khỏi những nạn vô-tình vô-ý. Vậy thì *phương-châm tự-cường của* nước ta, bây giờ chính là lúc ta phải mau mau quyết định. Vậy nói cho đúng ra, sự tự-cường phải có hai phương-diện: một là tự-cường về hình-thức; hai là tự-cường về tinh-thần. Hình-thức có mạnh, mới đủ sức giữ mình; tinh thần có vượng, mới có cơ tiến thủ. Về hình-thức thì ta đã có nước Pháp đương hết sức chủ liệu cho ta. Nay ta chỉ nên chuyên về tinh thần tự cường, mà cái phương-châm tưởng có mấy điều đáng lưu ý trước nhất:

1 - Nuôi lấy tính tri-sỉ. — Nước ta lâu nay, học-thuật luồn cúi càng ngày càng thịnh hành, chủ-nghĩa ô mị càng ngày càng bành-trướng, miễn là được vinh thân phì gia, thì dẫu có đê-tiện thế nào cũng chẳng quản, miễn là được ấm lưng no bụng thì dẫu nhục-nhã đến đâu cũng chẳng từ; đè đầu lận cổ, mà vợ phong con ấm vẫn là vinh; dẫm gáy bạt tai, mà bổng hậu lương cao vẫn là sướng. Thậm chí đem gia-tàng thế-bảo mà làm lễ phùng nghênh, dùng con gái

nàng hầu mà làm mồi phú quí, thì thật là vô sỉ đến cực - điểm vậy. Than ôi..... như thế mà nay muốn tự-cường, có khác chi dắt con ngựa còm đi đường thiên lý, còn mong gì tới được quốc-đô. Ngày nay, cái bộ-phận thứ nhất về sự tự-cường, là nên gây lấy tính tri-sỉ. Tri sỉ nghĩa là biết sấu hổ. Truyện có câu rằng: « *Tri sỉ cận hồ dũng,* » nghĩa là *biết sấu hổ, gần đến bực dung* ; kinh có câu rằng : « *Nhân nhi vô sỉ, bất tử hà sĩ* ». *Người mà không biết xấu hổ, chẳng chết còn đợi chi.* Ai xin nghĩ kĩ.

2° — Gây lấy tính tự lập. — Nước ta, các đời quân trưởng thường hay có ý vẫn mong tựa vào người Tầu. Xem như những khi trong nước có loạn, hoặc dưng thư cầu cứu, hoặc là sai sứ mượn binh, đó cũng đủ biết các bực quân trưởng đời trước, phần nhiều không có tư-cách tự-lập. Quân trưởng không tự lập thì thần liêu tự lập với ai? Thế cho nên dân-gian chỉ trông vào có thượng-quan, quan lại lại trông ở quân trưởng, quân trưởng lại mong tựa vào người ngoại-quốc, cái bệnh đó lưu truyền tiêm-nhiễm kể đã mấy trăm năm nay, ngày nay phong-trào cạnh tranh đã cực điểm bành-trướng, lý-thuyết tự-lập đã cực điểm phát-minh, mà người mình vẫn không bỏ cái căn tính ôm chân nấp bóng. Vậy mà muốn tự cường, có khác chi đem cây gỗ mục mà trống nhà siêu, còn mong đứng vững sao được. Vậy thì cái bộ phận thứ hai về phương-châm tự cường của ta ngày nay, là ta phải gây lấy cái tính tự lập. Cổ ngữ có câu rằng : « *Trượng phu ninh dung nhân, vô vi nhân sở dụng* ». Nghĩa là *trượng phu nên cho người nhờ, chớ để người cho nhờ*». Lại có câu rằng : « *Ninh vi kê khẩu, vô vi ngưu hậu* ». Nghĩa là *thà làm mỏ gà, chớ làm đuôi châu* Ai xin tử ng ĩ.

3° Gây lấy tính mạo-hiểm. — Mạo hiểm nghĩa là bền gan quyết trí, xông-pha những chốn hiểm nghèo. Nước ta xưa nay vẫn là một nước văn-nhược, trừ ra mấy vị anh-hùng liệt-nữ, thì phần nhiều là rút-rát rụt - rè, xem trong lịch-sử mấy nghìn năm, mà những người sự nghiệp hiển-hách, đủ cho người ngoài kinh sợ, thì chẳng được bao, đó cũng rõ rằng nước ta ít người có tính mạo-hiểm vậy. Phàm trong đời bất cứ việc nhớn hay việc nhỏ, ở trong đều có hiểm - tượng ; tất phải có tính mạo-hiểm, thì mới có thể làm việc đời. Xưa nay những bực anh-hùng hào-kiệt gây nên công nghiệp nguy-nga, khiến cho muôn nước tôn sùng, nghìn thu cúi lạy, đó là nhờ về cái gì ; một phần nhờ về tài trí, mà một phần nữa thì nhờ ở tính mạo hiểm vậy. Ba khoang tầu nát, mấy lớp bể khơi, cái việc ông Kha-luân-Bố xuất dương, thật hiểm nghèo vậy, nếu không có tính mạo hiểm, thì sao tìm thấy Mỹ-châu. Một ngọn cờ tiết, muôn dặm đường trường, cái việc ông Ban-mạnh-Kiên đi sứ, thật hiểm nghèo vậy, nếu không có tính mạo hiểm, thì sao dẹp được Tây-vực. Coi đó biết cái tính mạo hiểm thật là một thứ máy hơi nghìn chữ, rượu mạnh trăm phân, để thúc dục đẩy đưa, khiến cho loài người được mau tiến bộ vậy. Ông Trang - tử nói rằng : « *Muốn được ngọc châu nghìn vàng, tất phải lặn xuống vực chín từng* ». Ông Định-viễn-hầu nói rằng : « *Chẳng vào hang hùm, sao được hùm con* ». Ai xin nghĩ kĩ.

Nói tóm lại, nay ta đã nhờ có nước Pháp bảo-hộ cho ta, thì ta cần phải tự cường, mới đủ tư-cách mà theo gương nước Pháp. Cái phương-châm tự cường của ta nay, thật là mênh-mông vô hạn, nhưng ta hãy nên gây lấy cái tính tri sỉ, cái tính tự lập, và cái tính mạo-hiểm, thời mới có thể bước lên đài văn-minh.

Than ôi. da vàng tóc biếc, chủng tộc dường kia ; sông đỏ núi xanh, dư-đồ thế ấy. Ta nghĩ đến ơn nước Pháp mà ta lại càng nên tự cường. Yên vui xum-họp, cái én đình mản ; vùng-vẫy thảnh thơi, con rồ nước vũng. Ta nghĩ đến cảnh Annam mà ta càng nên nghiên cứu cái phương tự cường.

Thiển lậu mấy nhời, hẹp hòi chút ý, phải chăng chẳng phải ? các độc-giả lượng cho !

NGÔ-TẤT-TỐ

ÂU-VĂN TẠP-THUẬT

Thế tự-lập của một nước, cũng như thế sinh-tồn của một người : một người muốn giữ mình phải có quyền lợi đấm đánh ; một nước muốn còn nước phải có công-pháp tuyên-chiến.

Tại sao mà được có quyền lợi đấm đánh? là vì đời ta với ta, cũng như đời người với người ; tại sao mà có công-pháp được tuyên chiến ? là vì nước ta muốn được tự-tồn, cũng như nước kia muốn được tự-tồn.

Tuy vậy, nói về tính-mệnh một người thì có quyền lợi giữ mình mà cách giữ mình cũng không cần phải đấm đánh. Vì sao ? đã có kẻ coi giữ phép luật, xử kiện xét án, đem cân thăng-bằng mà giữ cho ta đúng mực thăng-bằng. Cho nên cái quyền đấm đánh chỉ dùng về những khi kíp vội, mà cái cơ sống thác chỉ ở trong một phút một giây, không thể chờ được đến lúc phân biệt nhẽ phải nhẽ trái. Như vậy, dẫu có bất-đắc-dĩ mà đấm đánh đến chết người, cũng không phải là có tội, đó là cái phép phổ-thông ở gậm giời vậy. Đến như một nước thời lại khác: đã có cái công-lý được giữ lấy nước thì phải có quyền lợi được tuyên-chiến ; nếu không tuyên-chiến thì nước sẽ tan-tành ; muốn không tan tành tất phải dùng sự công-chiến, thì hoặc-giả nước mình mới được toàn vẹn.

Quyền lợi công-chiến cũng vì sự không đừng được mà sinh ra, nhưng lại hợp với ý nghĩa rất tinh, làm tể-tướng phải biết, làm sư-phó phải biết, nếu giúp chúa mà không hiểu nghĩa đó chắc phải có tai vạ rất gớm-ghê.

Đã có quyền lợi được công-chiến, phải có quyền lợi của bên đắc-thắng, hai nhẽ ấy thường vẫn nhân quả với nhau và đối đãi với nhau.

Cái quyền của bên đắc-thắng xử đãi với bên bị đắc-thắng, có bốn điều nên dùng: một là theo đạo tự-nhiên của tạo-hóa, thì trong các vật, vật nào cũng yêu thương nòi giống mà muốn cho sinh sôi ; hai là theo về công-lý của lòng người, thì ta xử đãi với người cũng nên như ta mong người xử đãi với ta ; ba là theo về công-pháp trong quốc-tế, thì phải dựng lại những nước đã đổ, gây lại nhưng nước đã tan, đôi bên đều mong cho nền nước được lâu giải vững-trãi ; cuối cùng đến nhẽ thứ tư là theo cái tính bản-lai của muôn loài, tính ấy có thể xem riêng từng loài mà biết được.

Nhưng mà cái thuật mà bên đắc-thắng gần nay đối đãi với bên bị đắc-thắng, chẳng qua trong bốn điều sau này : điều thứ nhất là dùng pháp-luật nước ấy mà cai-trị nhân-dân nước ấy, bên đắc-thắng thì làm chính-phủ giữ quyền hành-vi; điều thứ hai là phá hoại hết nền cũ, dùng cách mới mà trị nước coi dân ; điều thứ ba là làm cho sẻ dân tan nghé ; điều thứ tư là đem cả nòi giống mà giết trừ cho hết.

Các nhà công - pháp trong đời nay, quá tin những sự chuyền văn trong sử cũ mà không biết việc công-chiến là bởi nhẽ không đừng được, cho nên nhiều sự sai nhầm, ta không hiểu vì cớ gì mà họ tự cho rằng những bên đắc-thắng được có quyền lợi giết người ? phàm các nhẽ đó có thể chắc là một sự vũ-đoán vô-lý. Cứ xuy trong sự vũ-đoán đó, lại có một cái pháp-lệ độc ngầm thảm dữ gớm ghê, mà pháp-lệ đó có thể khiến cho cái bụng nhân - từ công - chính của bên đắc-thắng, còn một chút nào chưa tiêu-tán cũng chẳng đem ra mà dùng. Ôi! việc công-chiến là việc hung, sự sát lục là sự trái đạo giời, xưa kia không đừng được mà phải dùng, chỉ là để giữ lấy tính mệnh, cầu được tự-tồn mà thôi ; đã công - chiến rồi, công-chiến đã đắc-thắng rồi, thời bên đắc-thắng lấy cớ gì mà giết người ? nhẽ đó minh-bạch nhường bao, dẫu đứa trẻ con năm bẩy tuổi cũng biết vậy.

Tại sao mà họ có cái sự nhầm đó ? ta biết rồi, họ cho là những bên đắc-thắng có cái quyền lợi được hủy-hoại nước người, vậy nên họ mới đem cả những

nhân-dân kết thành nước đó mà hủy-hoại đi, sự ấy danh-học gọi là nhời gốc phải, mà nhời ngành trái. Ôi, nước là nhiều dân tụ-họp mà thành ra, phá mất đoàn-thể tụ-họp đó, thì nhân-dân còn đâu là nòi giống.

Bởi bên đắc-thắng có quyền lợi được giết người mà nhà pháp-luật mới tự nhận là có quyền lợi được chói bắt người, họ cho rằng ta để nó sống mà bắt nó làm nô-lệ, thì tử-tế hơn giết nó bao nhiêu. Nhưng mà họ không biết rằng theo về danh-học gia thì phàm người không ai có quyền lợi giết người, mà cũng không ai có quyền lợi được bắt người làm nô-lệ, vì rằng hai nhẽ đó đều trái lệ giời.

NGÔ-TẤT-TỐ

Chiêm-Thành Bảo-tàng viện hoài cổ

(*Musée Cham de Tourane*)

Nhân khi rảnh việc gia-đình, mới đến thăm viện Bảo tàng, trước là rộng mở tri khôn, sau để chiêm nghiệm cổ kim, tưởng không phải phí thì giờ vô ích. Nhà Bảo-tàng này, tiếng Pháp gọi là « Musée Cham », nguyên để các di-tích của nước Chiêm-Thành còn lại. Viện làm bên con đường bờ sông, chung quanh cây cối rườm-rà ; bóng che im mát, dưới bóng cây có để nhiều tượng đá chàm, xem ra có bề thanh-u xâm-uất ; những khi bóng xế chiều hôm, mây mù sương ám, phong-cảnh xem ra buồn rầu thảm-đạm, các cành lá bị gió lay động xô xát nhau, nghe như tiếng rền-rĩ, tưởng chừng như mấy mươi vạn linh-hồn vong-quốc diệt chủng kia thở - than ai oán vậy.

Trong viện thì từ ngoài hiên vào tới trong nhà bầy la-liệt những pho tượng bằng đá, pho thì hình người, pho thì hình thú, nhiều tượng dị kỳ lạ thường ; đoán chắc là khi xưa người Chiêm để thờ, có nhiều pho vì lâu ngày quá nên bị sứt mẻ cả, nhưng xem ra có tinh-thần và linh hoạt : có mấy cái bệ bằng đá, cách chạm khắc cũng tinh sảo và công-phu lắm. Ở giữa có một gian phòng, treo mấy bức họa ; những cây tháp nguy nga đồ sộ ; như tháp Mỹ son và tháp Đồng-dương (Quảng-Nam), cách kiến chúc ly-kỳ đặc-biệt. Cũng khéo thay ! cái công-trình kiên cố như thế, mà chỉ có một ít vôi, với một ít gạch phơi khô. Trương truyền người Chàm họ làm gạch chỉ nặn rồi đem phơi khô, chớ không nung như ta bây giờ, mà xây đắp nên các cái tháp ấy đến nay, trải bao nắng rãi mưa dầu, sấm vang gió chuyển, mà vẫn cứ trơ như đá, cứ vững như đồng, lọ phải bù-lon, xi-măng, bê-tông, cốt-sắt chi, mà vững cho cam. Xuy đó thì văn-minh với giã man chưa hẳn đã phân hơn kém được. Trong viện lại có hai cái bia khắc chữ Phạm, đó nguyên là văn-tự của Chiêm-Thành.

Xem trong Việt-sử có nói : nước Chiêm-Thành xưa địa-thế phía bắc giáp quận Nhật-nam (Quảng-Bình), phía nam giáp nước Chân-Lạp (Nam-kỳ), thành Đồ-Bàn (Bình-Định), thành Phật-Thệ (Thừa-thiên) là kinh-đô. Sử chép tự ông Khu-Liên đánh nhà Hán, đuổi quân Tàu, lập thành một nước độc-lập, xưng là Lâm-ấp Quốc-vương (về hồi thế-kỷ thứ hai), truyền mãi đến ngang đời nhà Đường bên Tàu, trải bao phen chống giữ giang san, nhưng vì sức yếu thế cô, mới lui dần về phía Nam, đổi tên là Chiêm-Thành từ đấy. Sử lại nói : Người Chàm là giống Mã-lai, theo văn-minh tôn-giáo Ấn-độ, học chữ Phạm, vẫn hùng-cứ một phương, sau vì các triều như Trần, Lê, Nguyễn xâm-chiếm lần lần, đến đời Lê Hi-tôn mới giệt về tay chúa Nguyễn ; nay còn lại có hai làng là Thủy-Xá và Hỏa-Xá thuộc tỉnh Khánh-Hòa mà thôi.

Thấy di-tích đó, lại nhớ lan-man đến truyện mấy ngàn năm về trước, cũng đủ chứng rằng nước Chiêm-Thành xưa cũng là một nước có văn-minh, có tôn-giáo, có kiến-chúc, có mỹ-thuật, đã từng có sự-nghiệp vẻ-vang trong lịch-sử ; vậy mà ngày nay kết-quả chỉ còn cho có mấy pho tượng sứt mẻ, vài cây tháp ngả siêu, nào thành Đồ-bàn, nào cung Phật-thệ, nay lầu Vương ém liệng, nhà Tạ rêu phong ; hỏi khách hữu tâm đối cảnh này, chi cho khỏi mượn

câu Kiều của cụ Tiên-Điền mà than thở rằng : *chải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng*. Nhưng thương mà chi ! tiếc nữa mà chi ! xưa nay ưu thắng kiệt bại là trò thiên-diễn ; thịnh suy bĩ thái, công-lệ tự nhiên. Song sét kĩ lại lẽ trời tuy vậy, nhưng phần nhiều cũng bởi tại người. Xem như nước Chiêm-thành kia, vua thì xa-xỉ chơi bời, không coi giang san tổ-quốc làm trọng, có những việc dưng châu Ô châu Lí làm lễ cưới bà Huyền-chân-công-chúa nhà Trần. Người trong nước họ lại không có cái tính đoàn-thể, cái nghĩa hợp quần, cứ hay tranh dành xâu sé nhau mà sinh ra nội-loạn mấy phen, rồi rước người nước khác đến binh vực cho. Ai ngờ rước voi về rày mồ, họ binh cho thời ít, họ chiếm lợi thời nhiều, nay đền ơn vài tỉnh, mai nhường đất ít châu, mất đất dần, thành ra thế yếu ; quan dân trong nước lại là phường bán nước hại dân, cho vinh thân phì gia ; họ còn biết gì là yêu nước thương nòi, xem như ông Khu-Liên thất-bại cũng vì dân Chiêm-Thành ham tước lộc của Tầu. Vua như thế, quan dân như thế, tránh sao cho khỏi cái họa diệt-vong ; rồi khoanh tay trách trời rằng bày chò thiên-diễn. *Ôi !* nhà tan nước mất, diệt chủng vong thân, cái lịch-sử đáng thương tâm kia nên để cho các dân-tộc hay quá tin người, đi cõng rắn cắn gà nhà, và những kẻ mãi quốc cầu vinh, nên coi lấy nước Chiêm-Thành làm gương vậy.

Madame Vương-Khả-Lãm
tức là
Huỳnh-thị Bửu-Hòa

Giả nhời bài (Nhời thư của hai chị em gái nhà nghèo khuyên răn nhau) ở Annam tạp-chí số 1

. . . . . 8 Octobre 1926

Hiền muội,

Nhận được thơ em, vì công việc mải buôn-bán, nên không trả lời em ngay được. Nay hàng bán song xuôi, được chút giờ rảnh, vội viết thơ về để em biết và chúc các em mạnh giỏi.

Đọc song thơ em, lòng chị bồn-chồn, xiết bao tình cảm. Ôi ! cũng giấy trắng mực đen, cũng nhời răn câu nói, mà khiến cho chị xem đi đọc lại phải cảm-kích, cảm-kích không vì câu văn em đậm-đà trải-truốt, cảm-kích vì lời nói em thành-thực thiết-tha. Em vì tình cốt-nhục mà thổ tận can-tràng cùng chị, ngại cho thân thế chị, lo cho tương-lai gia-đình chúng ta, tấm thân nhi-nữ mà nặng lòng ưu-ái đến gia-phong, thật đáng khen mà thật cũng là hạnh-phúc cho nhà ta vậy.

Em ơi ! phận chị em ta thật là quá bạc, nên mới gặp vận gia-biến, thầy me chẳng may đã sớm mệnh một, còn anh Cả anh Hai thì phóng túng lêu-lổng, em Năm em Sáu còn trong thời-kỳ ấu-trĩ ; gia-cảnh suy vi, anh nhớn như thế, em bé như thế, chị em ta nếu không một lòng soay vác, đứng mũi chịu sào, còn biết trông cậy vào ai. Ấy cái cảnh chị bắc em nam cũng vì đó. Về phần chị, từ cùng em chia rẽ, nơi khách-địa chen chân buôn bán, đem tấm thân liễu yếu, dầm mưa rãi nắng, dẫu mòn chân mỏi gối chị cũng không quản, miễn sao gìn-giữ được thân danh, tác-thành cho lũ em giai để sau cho chúng khỏi ra người du-đãng, cho gia-phong khỏi trụy-lạc, thế là toại nguyện. Những lời huyết-mạch em khuyên răn chị, buôn bán phải tùy tài liệu sức, bè-bạn không nên khinh thường, mà cả tin ; cái mỹ-ý đó, chị xin thụ-lĩnh để làm phương châm sử thân tiếp thế. Tiện đây, chị kể qua sự buôn bán và chốn ăn ở của chị để em yên lòng, khỏi bận tâm lo ngại. Hải-cảng là một nơi buôn bán rất sầm-uất, tứ xứ quần cư, bến tầu ngoài này to, chợ ngoài này rộng, chứ không như trong ta, quanh-quẩn một cái bến đò nhỏ, lơ-thơ vài cái quán con. Tuy vậy, làm việc gì cũng phải tùy tài liệu sức. Như chị dấn-vốn được bao nhiêu, thân gái tha-hương, không người thân-thuộc, đâu dám phô tài sốc-vác ; vốn ít thì buôn nhỏ, cất những hàng ở các miền quê, rồi đem về bán lẻ, ơn giời cũng kiếm

được bát ăn. Hiện nay, chị cho ở nhà cụ Mỗ, cụ là người rất hiền-hậu, gần đèn thì rạng, cái thân danh của chị cũng không đáng lo lắm; nhưng trò đời, *khôn ba năm, dại một giờ*, biết đâu mà dám tự quyết rằng hay. Vì vậy, mấy lời tâm-phúc của em, chị xin hết lòng gìn vàng giữ ngọc.

Em ơi, có xa nhà mới biết thương thân, mỗi lúc nghĩ đến tình cảnh nhà ta, thật không khỏi nỗi đau lòng rơi lụy. Trước kia cùng nhà ăn ở, khuya sớm có nhau, trên hầu hạ song thân, dưới cùng các em đoàn-tụ; nào những buổi chiều thu gió mát, mấy chị em thướt-tha trên đồng lúa, cùng làm-lụng, cùng nô cười; nào những đêm đông gió lạnh, chung quanh đống củi, cha mẹ anh em, vui-vầy quần-tụ, cùng sưởi cho đỡ rét, cùng chuyện cho khuây-khoa, cái cảnh ấy biết bao lạc-thú! Bỗng nay thông huyên khuất bóng, cửa nhà tan-tác, chim mất tổ, nghé lạc đàn, nỗi u-sầu ấy bút thần khôn tả.. Chạnh niềm lưu-lạc, sót cảnh tha-hương, càng cảm thân-thế chị bao nhiêu, lại càng thương đến danh-phận các em bấy nhiêu. Nhưng thôi em ạ, chuốc não mua phiền cũng vô ích, an bần thủ phận là hơn. Việc học của mấy em nhỏ, chị nghĩ đến đã lâu, nay làng ta đã mở trường, thì em cho chúng đi học, bao tiền học-phí, tháng tháng chị sẽ gửi về.

Còn như công việc ở nhà, em nên sớm hôm săn-sóc: mấy mẫu vườn thầy mẹ để lại, em phải trông nom giồng-dọt; đối với xóm làng, em nên một niềm lễ phép; đối với các em nhỏ, em nên hết dạ yêu thương, giòng-dõi nhà ta trông vào chúng đó...

Ta thường nói « *dậu đổ bìm bìm leo* », nhà ta gặp lúc nghịch cảnh, ta không nên để bìm leo khi dậu đổ, cố công cùng sức, gìn-giữ lấy gia-phong, gây dựng lấy lũ em nhỏ, cho nhà ta ngày thêm rạng vẻ, cho các em sau này được thành người, thế là bổn-phận chị em ta đầy-đủ, mà thầy mẹ nơi cửu-tuyền cũng được yên vui.

Một tấm lòng son, mấy lời tâm huyết, kính gửi em hay.

Nay thư,

Chị yêu-qui của em

Trần-thị Thanh-Tâm.

Mộng-ký

Bốn nghìn năm lẻ thương hồn nước,
Mấy chục xuân qua chán nỗi người;
Canh vắng trời khuya lòng vấn-vít,
Mây mờ trăng khuyết lệ đầy vơi.
Non sông chưa thoát vòng đen đã,
Thân thế đà trong cảnh mộng rồi.
Mộng thấy mình chơi ngoài cõi tục,
Mộng ra mình đứng giữa lưng trời;
Mình trông thế-giới đương lặn lộn,
Mình mới gào lên bảo mấy lời:
« Hỡi kẻ đeo gươm, phường vác súng,
« Hỡi quân đội mũ, lũ đeo đai,
« Cùng đi cùng đứng trên bầu đất,
« Cùng ở cùng ăn dưới gậm giời,
« Nên biết yêu đương âu mới phải,
« Làm chi cứ chực giết nhau hoài!
« Hỡi phường bán nước, đồ tham lợi,
« Hỡi lũ tàn dân, kẻ hại loài,
« Một nắm cỏ xanh nào có mấy!
« Một làn mây trắng đấy mà thôi!
« Trăm năm chẳng động lòng thương tiếc,
« Vạn kiếp còn mang tiếng mỉa mai.
« Hỡi hỡi đám người ham vật-chất!
« Vắt tay lên trán nghĩ mà coi!
Mình vừa gào hét chừa song truyện,
Đã thấy nhao nhao tựa lũ ruồi:
Tiếng cầu vang lên như sấm động,
Lòng căm nổi dậy tựa rầu sôi.
Đàn gà vỗ cánh kêu rầm đất,
Lũ chó nhe răng xủa dậy giời.
Mở mắt trông ra đen tối cả,
Bút hoa ghi chép mộng này chơi.

NGUYỄN-VĂN-NĂNG

Cảm hoài

(Hát nói)

Giăng trên giời có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi tiết gian-nan;
Đấng trượng phu tuỳ ngộ nhi an,
Tố hoạn-nạn phải hành hồ hoạn-nạn.
Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,
Thâm tiêu do hữu mộng hoàn gia.
Bấy nhiêu năm tưởng cũng chưa già,
Kìa Tản-lĩnh, nọ Nhị-hà, giang sơn ấy vẫn
[chờ ta theo kịp.

Cuộc tụ tán chẳng qua là tiểu-biệt,
Ngựa tái-ông họa phước biết về đâu ?
Mai sau con tạo khéo cơ-cầu,
Người bốn bể trung một bầu thầy cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Dù cho bể cạn sông khô, trời nghiêng đất ngả, tấm lòng vàng tạc dạ vẫn chưa mòn.
Giăng kia khuyết đó rồi tròn.

*
* *

Trong thế-giới biết ai là nho-giả,
Thấy kinh-nghĩa hay, thi phú hay, trường văn-sách cũng hay, ngỡ tài trí cũng khen thầy Nhan, Mạnh
Ngồi hỏi thử gương trời một mảnh,
Thời chữ tâm chữ tính ngó như lờ.
Vậy có câu :
« Thập niên uổng phí độc thi thư,
« Cửu nhận thùy năng khuy khổn áo ! »
Phen này quyết nắm lưng ông Tạo,
Mở bùng ra hỏi đạo đại-nguyên.
Xâu một xâu cho xuốt hết thánh hiền,
Vậy mới gọi kinh luân quân-tử.
Thức thời vụ tùy cơ xuất xử,
Cái nguyền xưa một tấm giữ chi chi ;
Chẳng qua là ngộ thời nhi, vị ngộ thời nhi ;
Thôi chết mặc kẻ tri giả vị, bất tri giả vị.
Rạo sơn thủy ngênh-ngang cho thích ý.
Đàu là chăng cầm. tửu, kỳ, thi.
Bốn phương là chí nam-nhi.

. . .

Xuất xử tuỳ thời nhi,
Phong lưu vô xứ bất.
Cuộc trời đất mở mang nào có chật,
Thong-thả chơi, lật-đật mà chi ?
Này cầm, này kỳ, này tửu, này thi,
Thú vui thú kỷ-tri ở mấy kẻ.
Bạn thơ kiếm hỏi còn ghi chăng nhỉ ?
Gánh cương-thường nặng nhẹ dễ nài bao.
Nay làm sao, mai thấy biết làm sao,
Khôn lẽ gói lược-thao vào một cục.
Xoàng ba chén, ta vịnh chơi vài khúc,
Chối e rằng người tục người tiên.
Cùng thông phú tự thiên-nhiên.

Quỵ-nông-ca

Phú quý nhược tùng lưu thủy khứ,
Công danh dai thị đẳng phù-vân.
Ôi thôi thôi phút chốc ảng phong-trần,
Ngày thong-thả rạo chơi miền nam-mẫu.
Tớ nọ năm ba thằng, ruộng kia năm bảy mẫu, mặc dù ta nông-phố cũng phong-lưu.
Xuân rồi hạ, hạ rồi thu,
Mía dương tơ, lúa đứng cái, dâu con gái, bắp chân chàng, tới hoa-vụ nhúm cho mầu thanh tử.
Truyện này hỏi ai hơn không rứa hử ?
Về, mụ nhà khuyên diềm lấy ông bay.
Chéo chân lên ngoắc lấy chuôi cầy,
Vỗ tay hát khúc Nam-sơn ừ cũng thú.
Nói chi nữa tới ngày hoa-vụ,
Gà lộn, cu quay, sôi vò, rượu hũ, vui cùng nhau ăn cơm mới nói truyện xưa.
Thủa Lịch-sơn, khi Sần-giã cầy bừa,
Nghĩ cho hết biết bao nhiêu là kinh-tế.
Việc xử thế phải sạch câu hành chỉ,
Muốn làm chi những đám mây mưa ?
Kìa kìa gió xóm giăng trưa !

TRƯƠNG QUẾ-BẢNG sao lục

HÁT GỬI THƯ.

Nghĩa thư tỏ cùng nhau một bức,
Gửi đưa người trong nước được hay.
Kể từ bao thủa về nay.
Đồng bào cùng giống chân tay khác gì.
Nay Bắc kỳ mấy nơi bị lụt.
Kìa những dân đương lúc long-đong.
Cảnh lênh-đênh bao xiết não-nùng.
Nhẽ nào chẳng đem lòng tưởng đến.
Nơi đất phẳng thành đầm thành bến,
Chốn dân-cư như bạt như siêu.
Thảm thương thay tình cảnh tiêu-diều,
Ngao-ngán nhẽ biết tính sao cho được.
Nay rãi tỏ cùng người một nước,
Dủ nhau ta làm phước làm duyên.
Chẳng hổ là con cháu rồng tiên,
Phải nhớ chữ ái-quần ái-quốc.
Đem « hằng-sản » theo lòng nhân đức,
Cứu đồng-bào đứng vững với giang sơn ;
Chúng ta nay đừng quản thiệt hơn,
Hãy gắng giữ bảo tồn chủng loại.
Ý thư này rãi bầy thế ấy,
Mong tứ-dân ai nấy lưu-tâm ;
Thấy đồng-bang đương buổi cát lầm,
Tình liên-lạc đem tâm cứu vớt.

LONG-AM PHAN BÔNG
Vientiane.

Ngô-Việt xuân-thu

HỒI THỨ IV

(Tiếp theo)

Cụt ngón chân vua Ngô xuống âm-phủ,
Nằm nhà đá chúa Việt hóa nô-thần.

Tử-Tư dẫn quân về đến Ngô, thì Hạp-Lư đã giẹp tan Phù-Khái. Vua Việt nghe tin Tử-Tư đã về, biết chừng không địch nổi, tức khắc rút quân. Hạp-Lư thấy quân Việt đã lui, mừng lắm, mở tiệc khao-thưởng tướng-sĩ, bàn công đánh Sở, cho Tôn-Vũ ở đầu các tướng, Tôn-Vũ không muốn làm quan, cố xin về núi, Hạp-Lư lưu lại không được, lại nhờ Tử-Tư về nhà riêng nói hộ, Tôn-Vũ bảo Tử-Tư rằng:

« Ông có biết đạo tuần-hoàn của giời không? nắng qua rét lại, xuân hết thu về, đó là nhẽ tuần-hoàn của giời vậy. Chủ-thượng cậy rằng nước giầu quân mạnh biên-ải vững-vàng, đó là cơ vui quá sinh kiêu, chẳng bao lâu mà trong nước sẽ có tai-nạn. Lũ ta nay đã xong công trọn việc, cũng nên đứng dạy mà về, nếu cứ tham quyền cố vị, chắc sau này sẽ có vạ nhớn. »

Trò truyện hồi lâu, rồi Tôn-Vũ từ biệt Tử-Tư, lên xe đi, Tử-Tư tiễn Tôn-Vũ đi khỏi, vào cung nói cho Hạp-Lư biết. Hạp-Lư ngậm-ngùi nhớ tiếc, nhưng cũng phục Tôn-Vũ là bực cao-hiền. Ngay hôm ấy Hạp-Lư nhắc Tử-Tư làm tướng-quốc, phong Bá-Phỉ làm thái-tể. Bấy giờ Thái-Tử-Ba mới hóa vợ, Hạp-Lư bàn với Tử-Tư muốn thông-hiếu với nước Tề, mới sai đại-phu là Vương-tôn-Hùng sang Tề cầu-hôn. Vua Tề sợ binh-uy của Ngô, gả con gái út là nàng Thiếu-Khương cho Thái-Tử. Thiếu-Khương về Ngô được vài tháng phải bịnh chết. Ba vì thương nhớ Thiếu-Khương lâu dần thành bệnh, chẳng bao lâu cũng chết. Hạp-Lư muốn chọn trong các công-tử xem người nào có hiền-đức hơn thì lập làm ngôi trừ-nhị, nhưng ý vẫn phân-vân chưa quyết, mới sai người mời Tử-Tư vào triều bàn giúp. Con cả Thái-tử-Ba là Phù-Sai năm ấy đã hai mươi sáu tuổi, tướng-mạo khôi-ngô, thiên-tư linh-lợi, khi nghe thấy Hạp-Lư muốn kén Thái-tử, liền đến nhà Tử-Tư nói với Tử-Tư rằng:

« Chẳng may thân phụ tôi tạ thế, tôi là cháu trưởng, ngôi trừ-nhị nước Ngô, cứ nhẽ đến tôi là phải. Thế mà Tổ-vương tôi còn muốn chọn người khác là cớ làm sao? Vậy xin tướng-quốc vào triều, cũng nói giúp tôi một câu, nếu mà xong việc, tôi không dám quên cái hậu-ân của tướng-quốc. »

Tử Tư nhận nhời. Khi vào triều, Hạp-Lư nhắc ngay đến việc kén người trừ-nhị.

Tử-Tư nói:

« Cái ngôi trừ-nhị tất phải kén trong ngành trưởng, mới khỏi sinh loạn. Nay Thái-tử chẳng may thất-lộc, nhưng con cả là Phù-Sai cũng đã trưởng-thành, lập làm trừ-nhị nước Ngô thì rất sứng đáng đại-vương còn phải kén chọn ai nữa.

— Phù-Sai ngu mà bất-nhân, không thể nối được cơ-nghiệp nước Ngô?

— Thần xem Phù-Sai đãi người có tín ái, xử mình có lễ-nghĩa, sao đại-vương bảo là bất-nhân? Vả lại cha mất con thay, chính là hợp nhẽ, đại-vương còn nghi hoặc gì?

Vậy thời quả-nhân nghe nhời tướng-quốc mà lập Phù-Sai, sau này tướng-quốc cũng cố công giúp hắn cho khỏi phụ lòng quả-nhân. »

Hôm sau Hạp-Lư làm lễ ở nhà Thái-miếu lập Phù-Sai làm thái-tôn. Từ đấy Hạp-Lư

thấy các việc đã yên, cho là trong nước không lo gì nữa, có ý muốn chiếm lấn các nước láng diềng. Một hôm nghe tin vua nước Việt là Doãn-Thường mất, con là Câu-Tiễn nối ngôi, tức thì Hạp-Lư muốn nhân lúc nước Việt có tang kéo quân sang đánh, Tử-Tư can rằng :

« Nước Việt có cái tội đánh chộm nước ta khi trước, đại-vương muốn trị-tội là phải. Nhưng nay Việt đương có tang, mà ta kéo quân sang đánh thì không phải là quân nhân-nghĩa. Vậy thì việc đó xin đại-vương hãy tạm hoãn vài năm, cũng không muộn gì ».

Hạp-Lư không nghe, để Tử-Tư và Phù-Sai ở lại giữ nước, tự kéo ba vạn tinh-binh đem bọn Bá-Phỉ, Chuyên-Nghị và Công-Tôn-Hùng kéo ra cửa Nam, chẩy sang cõi Việt.

Bên kia Câu-Tiễn nghe thấy tin đó, liền cử Chư-kê-Hình làm đại-tướng, Linh-cô-Phù làm tiên-phong, Chù-vô-Dư, Tư-Hãn làm tả hữu dực, cùng Câu-Tiễn đốc xuất quân-sĩ thẳng lên cõi Bắc, tới Túy-Lý thì gặp quân Ngô, giao-chiến mấy trận, không phân thắng phụ, đến trận cuối cùng thì quân Ngô thua to, chết hại hơn một nửa. Chuyên-Nghị bị thương rất nặng, Hạp-Lư bị Linh-cô-Phù chém cụt một ngón chân cái ; các tướng thu nhặt quân tàn rút về Ngô. Bấy giờ Hạp-Lư tuổi già sức yếu lại bị giấu thương nặng quá. Khi lui quân về được bảy dặm, Hạp-Lư nằm trên xe kêu to một tiếng rồi chết. Các tướng đóng quân lại, khâm liệm nhập quan, rồi từ-từ lui về, quân Việt cũng không đuổi theo. Phù-Sai nghe tin Hạp-Lư đã chết, tức khắc đem quần-thần đi đón linh-cữu về Cô-tô, an-táng ở núi Hải-dũng. Táng xong, Phù-Sai làm lễ các miếu rồi lên ngôi vua. Cách vài ngày Chuyên-Nghị cũng chết. Phù-Sai cho phụ-táng ở núi Hải-dũng, bên cạnh mộ Hạp-Lư. Phù-Sai lại căm-tức và sầu hổ về việc Hạp-Lư bị chết về tay người Việt, quyết chí phải báo thù, chỉ vì lúc ấy quân Ngô mới thua to, tướng-sĩ hao tổn mất nhiều, vả lại đương lúc có tang, chưa tiện dùng binh ; nhưng lại sợ lần lữa tháng ngày, chí báo thù hoặc có nguội nhạt, mới sai mười người thị-thần, cắt lượt đứng ở dữa xân, mỗi khi Phù-Sai đi ra đi vào, thì người thị-thần ấy phải gọi mà hỏi rằng :

« Phù-Sai ! mày quên cái việc nước Việt giết ông mày rồi ư ?

Phù-Sai lại thưa rằng :

« Dạ, tôi không dám quên. »

Sở-dĩ làm như thế là Phù-Sai muốn tự mình răn mình vậy.

Phù-Sai lại sai Tử-Tư ra Thái-hồ luyện-tập quân thủy và dựng bia bắn ở núi Linh-nham dậy lính tập bắn, chờ đến khi hết tang sẽ cất quân báo thù.

Thì giờ thấm thoắt, chẳng bao lâu đã hết ba năm, mùa xuân tháng hai, sau khi đã làm lễ ở nhà Thái-miếu, Phù-Sai cắt Tử-Tư làm đại-tướng Bá-Phỉ làm phó-tướng, đốc-xuất quân sĩ cả nước theo đường thủy ở Thái-hồ kéo sang đánh Việt.

Bên kia Câu-Tiễn nghe thấy tin đó, kíp họp các quan đại-phu bàn việc cự-địch.

Một viên đại-phu là Phạm-Lãi tự là Thiếu-Bá đứng lên tâu rằng :

« Nước Ngô cãy đẳng về việc Hạp-Lư chết vì nước ta, cái chí báo-thù dự-bị đã ba năm nay. Ngày nay kéo quân sang, tướng-sĩ đều một lòng hăng-tức, quân ta không thể đương nổi, bất-nhược chia quân đóng đồn, giữ vững quan-ải là hơn. »

Một viên đại-phu là Văn-Chủng tự là Hội tâu rằng :

« Cứ như ý tôi thời nên nhún nhời tạ tội, sai sứ xin hòa, chờ khi quân Ngô rút về ta sẽ định liệu ».

Câu-Tiễn nói :

Hai ngươi một người bàn thế thủ, một người bàn thế hòa, đều không phải là mẹo hay, vì rằng nước Ngô chính là giặc thù của ta, nay kéo sang đánh ta mà ta không dám đánh lại, tất nhiên nó cho là mình không biết việc quân, như vậy có hại đến thể diện nhà nước ».

Câu-Tiễn bèn không nghe nhời hai người tự dẫn đinh tráng cả nước, ba vạn

người kéo đến Phù-tiêu đón đánh quân Ngô. Bắt đầu giao chiến một trận, quân Việt hơi thắng thế, Câu-Tiễn thúc quân chèo thuyền đánh dấn lên, lên được vài dặm vừa gặp đội quân của Phù-Sai; đôi bên đánh nhau một trận rất dữ-dội. Phù-Sai đứng trên đầu thuyền thúc chống để khích khuyến tướng-sĩ; tướng-sĩ bên Ngô hăng-tợn lạ thường; lại gặp một trận gió to, Tử-Tư cưỡi thuyền Du-hoàng, giương buồm buông xuống hạ-lưu, trong thuyền cung nỏ nhất-tề bắn sang bên Việt, tên bay như chấu, quân Việt thua to, tản-tác lui chạy. Linh cô-Phù đắm thuyền chết, Tư-Hãn trúng tên chết, quân Ngô thừa thắng đuổi theo, quân Việt bị giết rất nhiều, Câu-Tiễn bỏ thuyền lên cạn chạy vào Cố-lăng, đóng cửa thành lại chia quân cố giữ. Quân Ngô ở ngoài vây bọc kín mít, tuyệt hết các đường gánh nước của quân Việt, Câu-Tiễn thấy thế nguy-cấp để cho Phạm-Lãi ở lại giữ Cố-lăng, tự lĩnh một toán quân tàn, lừa chỗ quân Ngô thưa ít, liều chết đánh phá vòng vây chạy về Cối-kê; điểm-kiểm đinh tráng còn được hơn năm nghìn. Câu-Tiễn than với Văn-Chủng rằng:

« Từ lúc của đức tiền-vương đến nay, trong khoảng ba mươi năm, chưa có trận nào khốn nạn như ngày nay, cũng vì quả-nhân không nghe nhời hai đại-phu, cho nên mới đến như vậy, bây giờ hối lại không được nữa, thì làm thế nào ?

Văn-Chủng tâu:

— Cứ kể sự-thể bây giờ thật là cấp-bách, lắm, nhưng nếu sai sứ xin hòa may cũng còn kịp.

— Ngô không cho hoà thì làm thế nào ?

— Bên Ngô có thái-tể Bá-Phỉ là một người tham của mê sắc, hay cậy công mình mà ghét kẻ có tài, hắn cùng làm quan với Tử-Tư mà chí-thú không hợp nhau. Vua Ngô vẫn sợ Tử-Tư mà yêu hắn, nếu ta có người lẻn đến dinh hắn lấy nhời ngon-ngọt bom-thót cho hắn được lòng, rồi sẽ đinh ước giải hòa, hễ hắn nhận nhời mà nói với vua Ngô cho, thì công việc thế nào cũng xong, dẫu Tử-Tư có biết mà ngăn trở, cũng không thể kịp.

— Người sang yết-kiến Bá-Phỉ, đồ lễ phải dùng những gì ?

— Trong đám quân thứ chỉ thiết con gái, nếu mà giời còn độ cho nước Việt, kén được mấy người con gái thật đẹp đem sang, thì nói gì Bá-Phỉ cũng nghe ngay ».

Câu-Tiễn tức-thì sai sứ về kinh-đô, truyền Việt phu-nhân kén lấy tám người cung-nữ thật đẹp, ăn mặc rất sang trọng, và mở kho lấy hai mươi đôi bạch-bích, một nghìn nén hoàng-kim, giao cho Văn-Chủng ngay đêm lẻn sang vòng quân Ngô xin vào yết-kiến quan thái-tể.

Bá-Phỉ sai người ra thám xem rằng Văn-Chủng đến có việc gì; khi đã nghe thấy quan Việt có đồ lễ đem dưng, liền cho đòi vào. Văn-Chủng vào đến dinh, Bá-Phỉ vẫn ngồi vắt chéo khoeo ở trên giường, Văn-Chủng khúm núm quì xuống đất thưa rằng:

« Dám bẩm quan thái-tể, quả-quân trẻ tuổi trót dại, không biết đạo thờ phụng người trên, đến nỗi có tội với thượng-quốc, nay đã biết hối, muốn đem cả nước làm tôi tớ bên Ngô, nhưng sợ Thượng-vương quá dận mà không dung thứ cho; nghe nói quan thái-tể công đức ngang giời, về bên trong thì là ruột-thịt của nhà vua, về mặt ngoài thì là thành-lũy của nhà nước cho nên quả-quân sai kẻ hạ-thần khấu đầu ở trước cửa viên, kêu xin quan thái-tể nói cho một nhời, cho quả-quân được theo đòi ở dưới hè trái, thì quả quân và thần dân nước Việt đội ơn quan thái tể vạn bội. Những lễ vật nhỏ mọn này gọi là tỏ chút lòng thành, xin quan thái-tể mở lượng giời bể mà thu nhận cho, sau này sẽ xin trích hết của kho, thường thường dưng nộp.

Bá-Phỉ sầm mặt mà rằng:

— Chỉ trong sớm tối, nước Việt sẽ tan tành, ta có lo gì của nả nước Việt không về tay người Ngô ? Ngươi lại muốn dùng cái lễ gianh con ấy mà rử ta chăng?

— Nước Việt tuy thua, nhưng còn giữ được một xứ Cối-Kê, còn có được năm nghìn

tinh-tốt, còn có thể đánh nhau được một trận nữa, đánh mà không được bấy giờ sẽ đốt sạch kho tàng, chốn sang nước khác mà lo liệu việc khôi-phục, như vua Chiêu-vương nước Sở ngày xưa, chứ khi nào chịu để những của nả cho người Ngô lấy, mà giá cho đốt không kịp, còn để sót cho người Ngô lấy được chăng nữa, chắc là một nửa đem vào cho nhà vua, quan thái-tể và các tướng chẳng qua hôi được ít nhiều mà thôi. Sao bằng giúp cho nước Việt nên cuộc hòa-nghị, cho quả-quân được nương thân vào quan thái-tể, thì sau này năm năm cống hiến, trước hãy dưng quan thái-tể, rồi mới đệ vào Vương-triều. Như vậy có phải quan thái-tể được hưởng cả quyền lợi của nước Việt hay không ? Nếu quan thái-tể không nói giúp nước Việt, chắc là hòa-nghị không thành ; hòa-nghị không thành, chắc nước Việt phải hết sức mà quyết một trận tử-chiến đã quyết một trận tử chiến, cũng chưa chắc ai được ai thua, mà quan thái-tể cũng chưa chắc đã khỏi một phen nguy-hiểm. Vậy thì cuộc hòa-nghị tuy là lợi cho nước Việt mà chính là lợi cho quan thái-tể vậy, xin quan thái-tể nghĩ cho kỹ. »

Văn-chủng nói mấy câu, chính chúng vào bụng Bá-Pỉ, Bá-Phỉ bất-giác tự-nhiên gật đầu rồi tủm tỉm cười. Văn-Chủng lại chỏ vào tám người cung-nữ mà rằng :

« Đây tám người này đều ở trong cung vua Việt kén ra, nếu ở dân-gian, thì còn nhiều người hơn nhiều. Hễ nhờ ơn quan Thái-tể mà quả-quân tôi được về nước, thì xin hết sức kén chọn dưng nộp, để xung, vào việc quét rửa hầu hạ quan thái-tể.

Bá Phỉ nghe câu ấy đứng phắt ngay dạy mà rằng :

« Tôi không có lòng nào nhân lúc nguy mà làm hại người. Sớm mai tôi sẽ đưa ông vào yết-kiến chủ-thượng tôi, để điều đình cuộc hòa-nghị ấy.

Bá-Phỉ bèn sai người nhà nhận các đồ lễ và đưa tám người cung-nữ vào hậu-doanh rồi lưu Văn-Chủng ngủ lại trong dinh. Hôm sau cùng đến trung-quân, Bá-Phỉ vào trước nói cho Phù-Sai biết là Câu-Tiễn sai Văn-Chủng sang xin hòa. Phù-Sai hằm hằm mà rằng :

« Nước Việt với nước Ngô có cái thù không đội giời chung, quả-nhân không khi nào hòa với Việt!

« Đại-vương không nhớ nhời Tôn-Vũ đó du ? « Binh là việc hung, chỉ nên dùng tạm mà không nên dùng lâu», đó là nhời Tôn-Vũ đó. Nước Việt trước kia tuy là có tội với nước Ngô, nhưng nay đã biết hối tội, giốc lòng chịu lún, chẳng quản đê-hạ : vua Việt thì xin vào Ngô làm đầy tớ; vợ vua Việt xin vào Ngô làm con đòi; của cải châu báu, xin tải hết vào Ngô xung làm của kho. Sở dĩ hết lòng như vậy, là chỉ mong đại-vương tha cho cái mạng Câu-Tiễn để giữ lại giòng hương-hỏa cha ông mà thôi. Vậy thì đại-vương cho Việt hàng, là hậu-lợi vậy, tha tội Việt, là hiền-danh vậy ; danh lợi được cả, nước Ngô có thể trở nên một nước đàn anh. Nếu đại-vương cố ý dùng hết binh-lực, để diệt nước Việt, thì Câu-Tiễn sẽ đốt tôn miếu, giết vợ con, đổ vàng bạc châu báu xuống sông, mà đem cả năm nghìn tử-sĩ liều chết với quân Ngô ; như vậy há chẳng hại đến những kẻ chân tay của đại-vương ru ? xin đại-vương xét nghĩ.

— Bây giờ Văn-chủng ở đâu ?

Hiện ở ngoài dinh đợi lịnh đại-vương.

Phù-Sai truyền cho đòi vào, Văn-chủng vào đến cửa, đi quì lên thềm, lại đem những ý nói với Bá-Phỉ hôm trước, nói lại cho Phù-Sai nghe. Phù-Sai hỏi :

— Vua ngươi muốn làm thân-thiếp nước Ngô, thì có thể theo quả-nhân vào ở nước Ngô được chăng ?

Văn-chủng khấu đầu tâu :

Đã làm thần-thiếp đại-vương, thì sống chết nhờ ở đại-vương, nhẽ đâu dám không theo ?

Bá-Phỉ lại bước lên tâu :

— Vợ chồng Câu-Tiễn đã xin vào ở nước Ngô, thì đại-vương tiếng là tha nước Việt, mà thực là lấy nước Việt vậy. Đại-vương còn ngại gì nữa !

Phù–Sai nghe nói lấy làm phải, liền hạ lệnh cho Câu-Tiễn hàng.

Có người báo việc ấy với Ngũ-Tử-Tư. Tử-Tư tức khắc đi đến trung-quân, trông thấy Bá-Phỉ và Văn-chủng đứng ở cạnh vua, khí tức hằm hằm, liền hỏi:

« Đại-vương đã cho nước Việt liên-hòa rồi ư?

— Quả-nhân đã cho rồi.

Không nên! việc đó rất không nên! nước Việt cùng nước Ngô không thể đứng đôi được. Nếu Ngô không lấy Việt, chắc là Việt lấy Ngô, đó là một nhẽ không nên cho hòa. Vả lại, nếu như nước Tần nước Tấn, đất của họ ta không ở được, xe của họ ta không đi được, dẫu đánh được họ cũng không nên lấy. Nhưng mà nước Việt thì không thế, đất của Việt ta ở được, thuyền của Việt ta đi được, chính là cái lợi của xã tắc; đó là hai nhẽ không nên cho hòa. Nước Việt là một nước thù to của Tiền-vương, nếu không giệt nước Việt, thì sao cho đền được những nhời của kẻ đứng dữa xân từ trước đến rầy; đó là ba nhẽ không nên cho hòa. Xin đại-vương xét lại cho kỹ.

Phù-Sai không nói sao được, đưa mắt cho Bá-Phỉ, Bá-Phỉ liền đứng ra trước mà rằng:

« Tướng-quốc nói thế là nhầm, ngày xưa Tiên-vương gây dựng ra các nước hầu, xứ cao cũng vậy, xứ thấp cũng vậy. Ngô Việt thì ở xứ thấp mà Tần Tấn thì ở xứ cao, cũng là cái địa-thế phải như thế. Nếu cho là đất ở được, thuyền đi được, mà bảo rằng nước Việt nước Ngô không thể đứng được cả đôi, thế thì nước Tần, nước Tấn, nước Tề, nước Lỗ, có nhẽ cũng phải gồm nuốt lẫn nhau, mà hợp làm một nước hay sao? Nếu bảo rằng vì cái thù cả của đức Tiền-vương mà không nên tha nước Việt, thì cái thù của tướng-quốc đối với nước Sở, có nhẽ to hơn, sao tướng-quốc không diệt nước Sở mà lại cho hòa? Việc của tướng-quốc, tướng-quốc vẫn xử trung-hậu, mà việc của nhà vua, tướng-quốc lại muốn phải xử ác-nghiệt, trung-thần quyết không như thế.»

Phù-Sai mừng lắm, nói:

« Thái-tể nói có nhẽ, tướng-quốc hãy lui về, hễ khi nào nước Việt đem đồ cống hiến, quả-nhân sẽ chia cho tướng-quốc. »

Tử-Tư nghe câu ấy tức quá, mặt tái ngắt, thở giài mà rằng:

« Ta tiếc rằng không nghe nhời Bỵ-Ly, mà cứ cho quân nịnh-thần đồng-sự với mình, bây giờ mới biết là dại.»

Tử-Tư ngậm ngùi đi ra, lại bảo Vương-tôn-Hùng rằng:

« Người Việt sinh sôi trong mười năm, giậy bảo trong mười năm, chẳng qua hai mươi năm, nước Ngô sẽ thành hồ vực.»

Vương-tôn-Hùng không cho là phải. Tử-Tư không nói nữa hằm–hằm về dinh. Tử-Tư ra khỏi, Phù-Sai truyền Văn-Chủng về báo cho vua Việt biết tin, và hỏi đến bao giờ thì vợ chồng Câu-Tiễn sẽ vào nước Ngô. Văn-Chủng thưa:

« Quả-quân đội ơn đại-vương tha cho, tất phải về nước nhặt nhạnh vàng ngọc, kén chọn phi-tần, để đem cống hiến đại-vương. Xin đại-vương rộng hạn cho ít lâu, nếu mà phụ ước sai nhời, thì chánh đâu cho khỏi cái oai rìu búa. »

Phù-Sai ưng-ý, truyền lệnh hạn cho vua Việt đến trung-tuần tháng năm thì vợ chồng cùng vào ở Ngô. Lại sai Vương-tôn-Hùng đi kèm với Văn-Chủng sang Việt để đốc thúc vợ chồng Câu-Tiễn; sai Bá-Phỉ đem một vạn quân đóng ở núi Ngô-sơn để đợi Câu-Tiễn; nếu quá hạn mà vua Việt không sang Ngô, thì dẫn quân diệt ngay nước Việt, rồi sẽ về tâu. Phù-Sai tự dẫn quân về trước.

(Còn nữa)

NGÔ-TẤT-TỐ dịch thuật

時事之部

THỜI-SỰ

Tình-hình Hương-Cảng và Quảng-Đông.

Việc Trung Anh bất hòa này đã từ một năm nay. Việc đề-chế người Anh bắt đầu từ bọn lao-động Trung-Hoa rủ nhau rời ra hết Hương-Cảng ; sau có dân-gian hàng tỉnh ra công trợ lực, thành ra Hương-Cảng thiệt-hại cực nhiều, mà từ đó sinh ra một việc rất rối loạn trong trường giao-dịch thực-nghiệp của Hương-Cảng.

Không cần phải nói, chắc ai cũng biết rằng Hương-Cảng là cái hải-cảng của Quảng-Đông ; bao nhiêu các việc xuất nhập hàng hóa do Hương-Cảng đứng giữa thu lợi cả. Vì Quảng-Đông xa bể, tầu bè không thể đến được ; bao nhiêu việc giao-dịch đều qua Hương-Cảng, nên mới thành ra một nơi rất quan-yếu cho sự thương-mại của người Anh. Chính-phủ Anh ở Hương-Cảng bỏ ra không biết bao nhiêu tiền để sửa-sang theo những cách tối tân, khiến cho cái mầu cù-lao cỏn con đó có cái đặc-sắc ở trong cõi Viễn-đông này. Từ ngày bọn lao-động đình công, rủ nhau bỏ Hương-Cảng ; rồi lại tiếp theo ngay việc đề-chế người Anh, thì bao nhiêu các việc giao-dịch của hai đại thị-trường đều thôi cả. Từ bấy giờ không có một thứ hàng-hóa nào vào được Quảng-Đông và miền nam Trung-Hoa nữa. Các hàng nhập cảng thời ở Thượng-Hải hoặc bất cứ ở hải-cảng nào trở đến, miễn là hải-cảng đó không ở dưới quyền Anh thời thôi.

Đình công và đề-chế dai-dẳng đến một năm rồi mà Quảng-Đông vẫn khăng khăng một mực không chịu thôi. Từ ngày họ tuyệt giao với cù-lao Hương-Cảng thì họ lập ngay thương-cảng ở Hoàng-Phố, chính giữa đường giao-dịch. Làm như thế thành ra Hương-Cảng mất hết quyền-lợi, phải một phen trụy-lạc.

Anh đã nhiều lần thương-thuyết với Chính-phủ Quảng-Đông, nhưng không có hiệu-quả gì.

Mới đây lại sẩy ra một việc có ảnh-hưởng rất to. Ở tỉnh Giang-Tây, người Trung-Hoa bắn tầu người Anh, làm cho Anh mất hết năm vị quan võ và 12 tên lính. Việc này sẩy ra, ai cũng lo sợ, sợ rằng Anh sẽ khai chiến với Trung-Hoa.

Cứ dư-luận các báo tây thời việc này sẽ làm cho dung động cả hoàn-cầu, nay mai đây biển Thái-Bình sóng dậy lô-nhô, giòng nước trong veo kia sẽ đổi ra mầu đỏ. Có nhiều tờ báo đều bảo là việc biến sẩy ra ở Trung-hoa sẽ kéo cả Liệt-quốc hoàn-cầu vào trường tranh-chiến.

*
* *

Tin biên-thùy

Vì bên Quảng-Đông có chiến-sự, nên ở mạn Hon-gay ta nay đương phòng-bị riết, vì e bại-binh Trung-Hoa có tràn sang biên-giới ta chăng. Hiện chánh-phủ đã phái ra Hon-gay hai chiếc tầu có tải khí-giới của sở thương-chính cùng một toán lính tập.

Đã có lịnh quan trên truyền kíp làm cho chóng song con đường An-châu là con đường nối liền đường Phủ-Lạng-thương với đường từ Tiên-yên, Moncay đến Lạng-sơn. Khi hữu sự, nhà binh có thể do đường này vận-tải rất chóng những xe sung-trận và những xe ô-tô đại-bác lên một nơi nào thuộc về miền Moncay, Lạng-sơn. Nghe đâu tình hình miền ấy cũng có điều đáng lo ngại.

Quan Đại-tá Le Blanc và quan Đại-úy Jeannin đã dự thảo một cái chương-trình phòng biên, sẽ dùng tầu-bay vào việc tuần-

sát. Các tàu bay trừ-bị nay đương lắp máy, sẽ sắp sẵn lạc-đạn, lựu-đạn để phòng khi hữu sự có cần dụng đến chăng?

Nhà binh đã cho đem những xe sung-trận và những sơn-chiến đại-bác lên các miền có thể nghi-ngại rằng các toán quân Trung-Hoa sẽ tràn sang.

Sở pháo-thủ cũng đã cho một truyến xe lửa riêng tải binh-nhu đạn dược lên Lạng-sơn; có 17 người lính Tây và 48 người lính ta đi hộ-tống.

Cứ như những tin mới gửi đến vừa rồi thì có lẽ quân Trung-hoa sẽ không tràn sang biên-giới ta về mặt Quảng-Đông, nhưng mà sẽ tràn sang về mặt Quảng-tây, và có qua những đồn Tà-Lùng, Phúc-hoa đến Tràng-khánh-phủ, nghĩa là xuốt đường cương giới tỉnh Cao bằng.

Cảm-tình người Nam-trung đối với quốc-dân ở xứ Bắc

Nhân có sự nước lụt năm nay mà cảm tình của quốc-dân trong Nam-kỳ đối với quốc-dân ở Bắc-kỳ thực tỏ ra mười phần thân-thiết. Các báo-quán ở trong Nam, không cứ báo nào, đều hết lòng cổ-động về sự quyên tiền giúp dân bị lụt ở ngoài Bắc, hoặc viết làm xã-thuyết, hoặc đặt ra thơ ca, những nhời *« mau mau giúp đồng-bào ngoài Bắc »* thực không thể thuật xiết. Về các công-cuộc thực-hành sự lạc-quyên thời ở Saigon có đặt hội lạc-quyên, do lời nghị của quan Toàn-quyền ngày 2 Septembre 1926, ban hội ấy có đủ các quan Tây Nam đại-thần. Chiều chủ-nhật 12 Septembre, cuộc đá ban tại Đồng-lạc-viên Saigon; đêm 12 Septembre, cuộc hát cải-lương tại rạp cô Tám Cholon, đều là lạc-quyên để giúp về việc thủy-tai ngoài Bắc cả. Lại như Travinh là một tỉnh nhỏ ở xứ Nam, mà cái quang-cảnh việc lạc-quyên, thực đáng là cảm-mộ.

Ngày thứ sáu, mồng 10 Septembre, ba vị nữ-giáo viên thừa mạnh quan trên, vào từng nhà trong châu thành mà bán vé *chớp bóng*; sang ngày hôm sau thứ bảy, 11 Septembre, trước rạp Casino dựng cột cheo cờ liệt-quốc, trong trường gắn mặt bợm cầm cờ tam sắc, và xanh, đỏ, trắng, vàng, đen; vừa tối, số người đến dự cuộc chớp-bóng thật đông, làm cho rạp ấy không dung-thụ hết, phải chia diễn làm hai lần, lần trước từ 6 giờ rưỡi đến 8 giờ rưỡi, lần sau từ 8 giờ rưỡi đến hai giờ rưỡi. Ba vị nữ-giáo-viên tiếp rước các bà các cô một cách rất lịch-sự, diễn nửa chừng lại có các cô nữ học-sinh đầu cài tóc trỉnh tề, xiêm y diễm-lệ, tay bưng quả mây đựng các đồ ngoạn mục để dâng tận từng chỗ các vị hảo-tâm-nhân. Hết tích tuồng « Les loups noirs », lại diễn thêm vài lớp diễu cho vui lòng chư vị. Đúng giờ tan hát, khách khách lui chân.

Ôi! cùng nhau con cháu Lạc-Hồng, Bắc Nam xa cách nhưng lòng không xa. Cái cảm-tình của quốc-dân ở Nam-Kỳ đối với quốc-dân Bắc-Kỳ thực là không hạn bắc nam vậy. Bản-chí được hay những tin đó, không những vì các dân bị lụt ở Bắc-Kỳ mà mừng, mà thực vì đoàn-thể quốc-dân mà mừng, mừng cho cái tình hữu-ái của quốc-dân đã có phần lai-láng chứa-chan như ai mộng-tưởng khi xưa, thời vận-hội của quốc-dân sau này có ngày sẽ như hoa như gấm. Vì một sự vui mừng đó, Bản-chí không tự hiềm địa-vị hèn mọn, xin thay nhời quốc-dân xứ Bắc mà cảm tạ người Nam, cùng nhân đem mối cảm-tình của người Nam mà tỏ cùng quốc-dân ở Bắc.

Việc ông COGNACQ

Kỳ hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ vừa rồi có một điều đáng để ý nhất là việc M. *COGNACQ*. Các báo Nam-kỳ bình-luận việc ấy rất náo-nhiệt. Bản-chí cũng xin đăng các tin về việc đó, như sau này:

Việc này do ông trạng-sư *Gallet* đứng lên thủ-xướng. Phiên hội-đồng ngày 24 Août, nhân xét việc M. Gian, ông có trình rằng. Những công-văn của hội-đồng từ năm 1923, nay tìm đâu cũng không thấy. Không những thế mà thôi, lại còn nhiều biên-bản và công-văn khác, sai hẳn với chính-bản,

Ông nói xin kể chứng-cớ rất rõ-ràng ; trình các hội-viên. Vậy thì trong những việc gian trá ấy, ai là thủ-phạm ? ông khai hẳn ra là ông *Nguyên Thống-đốc Nam-kỳ đốc-tờ COGNACQ*.

Ông nói kịch-liệt quá, khiến cho ông Thống-đốc *Le Fol* phải cãi lại rằng « Hội-đồng quản-hạt không phải là nơi bới-móc riêng ai ; nếu ông còn buộc tội mãi ông *COGNACQ*, thì tôi sẽ phải bỏ hội-đồng mà đi ra ». Ông hội-trưởng *de la Chevrotière* cũng cấm không được buộc. Tuy vậy, ông Gallet cũng không thôi, cứ cãi hoài, phiên hội-đồng hôm ấy cực náo-nhiệt. Sau cùng, ông hội-trưởng rung chuông giải tán dữa lúc ông Gallet đang nói kịch-liệt nhất. Song truyện đã vỡ ra rồi, bọn ông Gallet lại mài-miệt riết. Ngay ngày hôm sau (25 Août 1926), năm ông MM. *Ch. Gallet, P. Monin, Nguyễn-phan-Long, Nguyễn-tấn-Được, Trương-văn-Bền* đều ký một lá đơn kiện ông *COGNACQ* tại tòa án tây hạt Seine, vì ông tư vị hai người đại tư-bản là Trần-trinh-Trách và Ngô-khắc-Mẫn mà thiện-tiện dám giả-trá và sóa chữa thêm vào tờ biên-bản của hội-đồng năm 1923.

Lần này là lần đầu mà có người bản-xứ đứng kiện một vị cao-quan của quí-quốc. Ông Gallet có nói mấy câu rằng :

« Một *người nào dù có là Thống-đốc Nam-kỳ chăng nữa, cũng không thể đứng ra ngoài vòng lệ-luật và nhời chê-bai của xã-hội được. Không nên có hai đường công lý : một đằng đối với người quyền hành và một đàng đối với kẻ khốn-nạn. Người đã có tội, thì phải chịu tội.* » :

⁂

Mới đây lại thấy một tin về ông COGNACQ Đông-Pháp thời-báo đăng như sau này :

M. COGNACQ về vườn

Bản-báo mới tiếp được tin rằng M. COGNACQ thực thọ Thố-ngđốc Nam-kỳ sẽ hưu-trí và nằm co luôn ở bên só nhà, chớ không trở qua xứ ta nữa. Cái nguyên-nhơn nó làm cho M. COGNACQ phải về vườn này, chắc các bạn độc-giả đã rõ rồi, vì công-việc xảy ra cách nay cũng chưa bao lâu.

Còn như ai thế M. COGNACQ thì chưa biết ?

Cái nông-nỗi ở chốn thôn-quê Nam-định.

Trong mấy tháng nay xiết bao nhiêu nỗi ê-chề thảm thương, nào là vua thủy-tế đưa giặc nước đến tàn-phá gia-tài điều-địa, nào là thần quan-ôn reo tai vạ chết biết bao người. Ôi, vua thì thế, quan thì thế, khiến cho dân chịu chết một bề.

Vừa rồi ký-giả lại được nghe câu truyện của mấy ông chánh-hương-hội huyện Mỹ-lộc mà động lòng thương cho cái nông-nỗi chốn thôn-quê. Các ông nói : nào nơi lụt nước sông, nào nơi lụt nước đồng, khắp hạt Bắc-kỳ có dễ không đâu là không lụt. Ai có về đến nhà quê thời mới biết nông-nỗi nhà-quê, thế mà quan huyện chúng tôi tế không thấu đến tình dân những lúc cơ giời dâu bể này. đi khám két (caisse) các làng, nào là phiền nhiễu dân đón rước, nào là cơm nước quan nha, làng nào cũng thế hơn bù kém phí vào hai đồng bạc. Một huyện mười tổng, một tổng mười làng, hết 200$ vào cái khoản phí ấy. Ký-giả nhớ truyện đến đâu thuật truyện đến đấy : một hôm, quan huyện về hội đền Trần (Bảo-lộc) lễ thánh, dân sở-tại cũng cung đốn cơm, nước và xe cáng, sau quan có ra chợ hỏi môn-bài các hàng buôn thúng bán mẹt, tóm được một sâu giài không có môn-bài, quan định giải về huyện ; nhưng *lạ gì cái thói quan nha, làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.* Lại một hôm quan cùng quan Trợ về ngoạn cảnh chùa Tức-mặc (chùa-tháp), nhà chùa cũng thành tâm làm bữa cơm mặn thết hai quan. Đâu sau khi cơm rượu song, quan huyện có ghi họ ghi tên ghi ngày ghi tháng vào hòn đá để làm kỷ-niệm.

Ôi ! sung-xướng thay cái ngày kỷ-niệm và thương hại thay cái khổ thôn-quê !

V. N. T. lai-cảo

Buổi hát giúp Đồng-bào bị lụt

Tối thứ bẩy 9 Octobre vừa rồi, hội Bắc-Kỳ Thanh-Niên Haiphong chúng tôi đã diễn vở hát « HIỀN THÊ NGHĨA-BỘC » giúp anh em đồng-bào bị lụt.

Tiền bán vé được . . . . . 832$00
Tiền bán chương-trình được . . . 34. 00
Tất cả là . . . . 866$00

Chúng tôi đã mang cả món tiền ấy lên nộp quan Đốc-lý để ngài chuyển lên Hội-đồng Cứu-tế Hanoi ; song ngài nhất-định bắt hội chúng tôi phải nhận lấy 66$00 để chi các món tiền thuê hai đào cùng tiêu pha trong 21 ngày lúc luyện tập vở « HIỀN THÊ NGHĨA-BỘC ».

Thế là Hội Bắc-Kỳ Thanh-Niên Haiphong chúng tôi đã được một món 800$00 giúp anh em đồng-bào trong khi hoạn-nạn.

Chúng tôi sở gĩ tổ-chức được buổi hát vừa rồi là nhờ có :

1° Ông Bùi-Bá-Ngọc làm việc tại nhà Đông-Pháp Ngân-hàng đã hết lòng ra công luyện tập trong 21 ngày dòng-dã, không hề vắng mặt một ngày nào.

2· Ông Simon làm nhà Descours et Cabaud cũng thế.

3° Bản trisự hội Trí-tri đã cho mượn hội-quán để luyện tập.

4° – Ông Nguyễn-văn-Tập, ông Nguyễn-thừa-Đạt, ông Vũ-văn-Thanh và ông Bảng (chủ hiệu xe đạp) đã ra công đi bán vé cho hội và đã cho mượn ô-tô đi cổ động.

5° – Ông Đoàn-khắc-Long đã cho phép hai đào ra hát giúp.

6 — Ông Quản Nghệ, ông Đặng-văn-Ngần, ông Phủ Kỳ đã cho mượn các đồ bài-trí cùng quần áo sắm-sửa cho vai hát.

7° — Ông chủ máy đèn đã cho điện 500 ngọn đèn trước cửa nhà hát.

8° – Ông Nguyễn-văn-Vinh và ông Nguyễn-văn-Minh ở nhà in đã giúp về việc in chương-trình và cáo-bạch.

Quý hóa thay tấm lòng nhiệt-thành của các ông.

Hội Bắc-kỳ Thanh-Niên chúng tôi không biết nói thế nào cho siết lòng cảm ơn của chúng tôi đối với các ông được, gọi là có mấy hàng xin đăng lên tờ báo để họa may tỏ tình được đôi chút chăng.

Trước khi chúng tôi dứt bút, xin hứa cùng công chúng rằng : hội Bắc-kỳ Thanh-Niên còn đang tìm cách để lấy thêm một món tiền kha khá nữa, để giúp anh em trong cơ-hội này.

Xin bà con cùng sẽ đem lòng nhiệt-thành mà giúp hội chúng tôi cũng như lần vừa rồi thì chúng tôi mới có thể làm thành công được.

Mong lắm thay ! mong lắm thay !

Hội Bắc-kỳ Thanh-Niên
(La Jeunesse Tonkinoise) lai cảo.

Quan huyện Gia-Bình bị hại

Được tin rằng: Tối hôm thứ bẩy mới rồi, quan huyện Gia-Bình (Bắc Ninh) thấy có tin báo rằng một làng kia trong hạt huyện có cướp, liền đem lính đi ba chiếc thuyền đến, nhưng không thấy có cướp bóc gì. Khi giở về đã gần sáng, quan huyện lấy một chiếc thuyền cùng mấy tên lính, định bơi thong-thả về, để sáng hôm sau vừa đi về vừa bắn chim.

Hồi bốn giờ sáng, người lái đò thấy quan huyện cùng lính ngủ cả, mới đỗ thuyền lại chỗ cửa sông. Có một chiếc thuyền muối cũng chở qua đó, thấy thuyền quan huyện, chẳng hay vì cớ gì lấy đá ném sang, quan huyện và mấy tên lính bị đá ném vào chỗ phạm chết cả. Chúng ném song, đem cả thuyền lẫn xác quan huyện và xác mấy tên lính dìm xuống sông. Duy chỉ có lái đò thoát nạn, chạy về báo tin. Sáng hôm sau, quan Sứ cùng quan huyện Lang-Tài đã cho vớt xác quan huyện Gia-Bình về và đã bắt được chiếc thuyền muối với 10 tên thủy-thủ. Việc này còn đang tra xét, nay mai có tin gì nữa sẽ đăng sau.

Xe hỏa đổi giờ chạy

Công-ty hỏa-xa Đông-Pháp có nhời kính cáo để công chúng biết rằng: quan Toàn-Quyền đã ưng thuận việc hỏa-xa đổi giờ chạy từ 15 Octobre này dở đi, sẽ đem thi-hành.

Giới thiệu sách mới

1°. — **Mộng-Trung-Du** của ông Cảnh-chi soạn, là một quyển Thế-Giới tiểu-thuyết, văn-chương rất ly kỳ, tư-tưởng rất huyền rượu, nhời văn rất đậm-đà. Sách ấy 39 trang, giá 0$40. In tại nhà In Xưa-nay Saigon.

2°. — **Địa-vị cụ Phan ở quốc-dân ta** của ông Ngô-khâm-Trai soạn, trong sách có các bài thơ vịnh cụ Phan khi được tha về Huế. Sách dầy 25 trang, giá bán 0$12, in tại Đông-kinh-ấn-quán Hanoi.

3°. — **Quốc-ngữ chỉ nam** của ông Vũ-hùng-Toán soạn, trong sách có các bài cho người mới học quốc-ngữ tập đọc, còn thời toàn là vần trắc vần bằng, có sửa ít nhiều các vần khác. Sách dầy 29 trang, giá 0$06. In tại Nghiêm-Hàm ấn-quán Hanoi.

MỘT MỐI BUÔN RẤT LỢI

Các ngài sẵn có tư tưởng về buôn-bán cũng đã thừa biết rằng: Nước mắm là một vật chất người mình hàng ngày cần phải dùng đến, người giầu sang thì kén mua hạng đắt tiền; người nghèo khó thì ăn dùng hạng rẻ tiền, vô luận là đàn ông, đàn bà, người già, con trẻ, hàng bữa đều phải ăn dùng đến cả; ta cứ tính dân số trong một hạt có tới 5 vạn người, mỗi người dù ăn ít nhất cũng phải mỗi tháng là 3 xu Nước mắm, vậy thì ta có thể cầm chắc là hạt ấy phải dùng tới 1500$00. Nước mắm trong một tháng, nhưng nước-mắm không khỏi có thứ nọ thứ kia chưa chắc mua đắt tiền đã được thứ tốt, hoặc là vì cách vận tải hàng đi kèm với người phí-tổn nhiều, thành ra bán giá đắt, vị tất đã tiêu thụ được nhiều, nếu muốn cho tiêu thụ mạnh thì phải bán thứ nước mắm cho thật tốt thơm ngon trong sạch, khiến cho người ta ăn không có thể chê được và oán hận tiếc tiền, thì chắc các ngài đã rõ biết thứ **NƯỚC MẮM VẠN-VÂN** của nhà chế tạo ĐOÀN-ĐỨC-BAN tại QUẢNG YÊN là thứ nước mắm « *trắng* » có giá trị thế nào rồi hẳn ?

NƯỚC MẮM VẠN-VÂN

THƯỢNG HẠNG NGUYÊN CHẤT
ĐÓNG CHAI hiệu **CỜ VÀNG**
Có bán những nơi sau này :

Hanoi hiệu	LÊ-TIẾN
Haiphong	NAM-TÂN
Namdinh	SONG-HỎA
Ninhbinh	BĂNG-TĨNH-ĐÀI
Nhoquan	TAM-HÒA
Dapcau	AN-MỸ
Laokay	THUẬN-XƯƠNG
Quangyên	LỢI-NHÂN-ĐƯỜNG
Vinh	NGUYỄN-V-HỮU

Nhà chế tạo NƯỚC MẮM VẠN-VÂN
ĐOÀN ĐỨC-BAN
CẨT-HẢI. QUẢNG-YÊN

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo an-nam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các Ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào — Hanoi
và Chi-điểm : 17, Phố Khách, Haiphong

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 %. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

SÁCH SẮP SUẤT BẢN.

Quyển "**Bưu điện tân lệ**" của ông *Mai-ngọc-Phương* và ông *Đỗ-đình-Lương* đến hạ tuần tháng này sẽ suất bản.

Quyển ấy tả từng mục rất rõ ràng, và chú thích những câu thí dụ khiến ai cũng hiểu được ngay. Thực là cần cho :

1o Các nhà buôn đỡ mất thì giờ và tránh được những sự thiệt thòi trong lúc gửi hàng đi các tỉnh ;

2o Các nhà chức-sự sở Bưu-điện đỡ phải tra-soát sổ sách, khi gặp việc gì chưa làm qua.

Vì quyển **Bưu điện tân lệ** là góp hết các điều cần thiết trong A 12 vậy.

Sách xuất bản có số ngài nào cần dùng xin gửi tiền trước — Sách giầy hơn một trăm trang — giá : 0$60 gửi thêm 0$20 tiền cước.

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BÁO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo : 186 đường d'Espagne

Giá báo đồng niên **8 $ 00**

— — nửa năm **5, 00**

Thư và Mandats gửi cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng-lý

Số 7 NĂM THỨ NHẤT 1er QUINZAINE OCTOBRE 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1647

AN-NAM TẠP-CHÍ
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

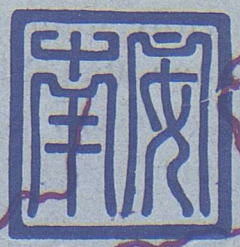

TOÀ BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50-52, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

CENTR. DOC. NAM

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết.** — *Mấy nhời nhắn nhủ bạn thôn-quê.*
Bài diễn-thuyết của Tôn Trung-sơn Tiên-sinh.
Mấy lời ngỏ cùng các ông Chánh, Phó Hương-hội, Chánh Phó-lý về phương-pháp nâng cao dân-trí ở chốn thôn-quê.

2 — **Văn-học.** — *Nhời luận-thuyết giải về nghĩa thiên-lương.*
Thế-giới vĩ-nhân liệt truyện — (Hoàng Hưng).
Văn thơ.
Ngô Việt xuân-thu (tiểu-thuyết)

3 — **Thời-Sự.** — *Vấn-đề trái khoản ở nước Pháp.*
Thời cục nước Tàu.
Cách chầm ý của người Đức đối với Âu-châu.
Việc Ấn-Độ.
Việc Phi-luật-Tân.
Hội-đồng quản-hạt Nam-Kỳ.
Việc cứu-tế dân lụt ở Quảng-Yên.
Giới thiệu sách mới.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :
từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** ; Nửa năm, **2 $ 20** : Mỗi số **0 $ 20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 7 NĂM THỨ NHẤT 1re Quinzaine Octobre 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

MẤY NHỜI NHẮN NHỦ BẠN THÔN-QUÊ

Nhân nghĩ về dân-quyền ở nước ta bấy lâu nay (tôi đã viết làm bài xã-thuyết ở An-Nam tạp-chí số trước) mà tôi xin có mấy nhời thành-chí khẩn-thiết, kính rãi cùng các bạn ở thôn-quê. Các bạn ở thôn-quê là như những ai? là những ông chánh, phó hương-hội, chánh phó tổng lý vậy. Hiện nay trong các ngài, tưởng không thiếu gì người kiến-thức học-vấn; tuy vậy mà nhời nói của tôi đây tưởng không phải là thừa, vì là do một tấm lòng thành-chí khẩn-thiết của tôi, hẳn các ngài không nỡ bỏ qua vậy. Vậy thời xin nói như sau đây:

1° Các ngài cần nên phải tự trọng. — Nhớ xưa đức Tự-Đức có thơ rằng: « 卑職殿文紳, 尤爲赤子親. *Ty-chức điện văn-thân, vưu vi xích-tử thân.* » Nghĩa là "*chức thấp ở cuối hàng văn-thân, với kẻ con đỏ càng là thân* ». Câu đó tức là nói vào địa-vị các ngài vậy. Địa-vị các ngài trọng như thế mà nếu các ngài không tự trọng, chẳng thực là đáng tiếc lắm ru? Xưa kia những người ra làm chức tổng lý, phần nhiều là những người ít học, chỉ vì sự ngôi-món ở trong làng mà phải lấy đồng tiền lo danh-phận; sau lúc đã thỏa lòng danh-phận thời tự cho là « *nam-nhi đáo thử thị hảo* ». Bởi một bụng nghĩ như thế, cho nên chỉ tranh dành sôi thịt, hà-hiếp con em: bởi những sự làm như thế, cho nên trên thời quan-trường đè nẹt, dưới thời dân-tráng oán ghét, ngoài thời xã-hội coi khinh, những tiếng « *kỳ-mục, kỳ-nát* » thực do thế mà ra vậy. Tới nay, phong-hội mở-mang, giang-san mới-mẻ, các người có học-thức, nhiều người ra gánh vác việc hương-thôn. Tuy vậy mà trong các

ngài một số người rất nhiều, những người có tư-cách như xưa, hẳn cũng còn nhiều chứ không ít. Bởi thế cho nên tôi quá nghĩ mà đem lòng thành khẩn, xin các ngài cần phải tự-trọng vậy. Nếu các ngài tự nghĩ cái địa-vị của các ngài là rất trọng, trên đối với nước, dưới đối với dân, quan-hệ không là nhỏ, giá-trị không là khinh, sao cho xứng cái địa-vị đó thời phải đứng-đắn không lèm-bèm, bỏ hết hẳn những cái thói hủ-bại giã-man như những ai khi trước; đối với quan-trưởng thời đừng nên thấy to bụng mà sợ; đối với dân-tráng thời đừng nên cả vú lấp miệng em; đối với việc chi-thu thời đừng có tham-tư hà-lạm, mang những nhời xâu mọt trong dân; đối với việc công-cử thời đừng vì đồng bạc bữa ăn, bầu cho kẻ buôn dân bán nước. Nếu các ngài biết tự-trọng như thế, thời sao để cho quan-trưởng được đẻ nẹt, dân tráng đến oán ghét, mà xã-hội dám coi khinh. Phàm con người ta muốn lập thân ở đời, khiến cho người khác trọng mình, thời tự mình phải trọng lấy mình trước; huống-chi các ngài đã sẵn đứng vào cái địa-vị rất trọng ở nhân-dân gia-quốc, thời càng nên tự-trọng là nhượng bao! Có tự-trọng mà rồi mới mong có tiến-thủ vậy.

2° Các ngài cần nên phải tiến-thủ. — Nước ta xưa kia theo chánh-trị chuyên-chế, một ông vua ngồi trên thống-trị cả thần dân; cái vận-mệnh trong một nước trông cả ở chiếu lệnh của Triều-đình mà quan dân chỉ có phụng-hành là chức-trách. Nay thời-đại đổi mới, nước Đại-Pháp đem chánh-trị dân-chủ sang bảo-hộ nước ta, khiến cho người nước ta, phàm là dân trong nước đều nên có trách-nhiệm với nước. Trách-nhiệm là sao? ai mỗi người mỗi tài, mỗi người mỗi việc mà đều phải hết lòng vì nước, mong cho có một ngày nước được văn-minh. Có trách-nhiệm, thời nên phải có lòng tiến-thủ. Tiến-thủ là sao? ai mỗi người mỗi tài mà cần phải làm cho cái tài của mình ngày càng hơn, mỗi người mỗi việc mà cần phải làm cho cái việc của mình ngày càng hay; đều phải tự miễn tự tiến, sao cho nên một người hiền-hào ích quốc lợi dân vậy. Các ngài quả có lòng tiến-thủ mà tự hứa mình vào hạng người hiền-hào trong nước, thời phải hết lòng với xóm mạc, khai-hóa cho con em; phàm những việc công-ích trong hương-thôn, chẳng quản khó-khăn, ra công chủ-liệu, như thế thời cái địa-vị của các ngài càng tôn. Sự tiến-thủ đó là mong có công-nghiệp với dân, có thực-ích cho nước, không phải như những ai chỉ mong tưởng phẩm-hàm làm cái danh-giá hư-hão riêng cho một mình vậy. Sách Mạnh-tử có câu rằng: «人皆可以爲豪傑 *Nhân dai khả dĩ vi hào-kiệt.*» Nghĩa là "*người ta ai cũng đều có thể làm nên đấng hào-kiệt.*» Nay các ngài nếu muốn làm nên hào-kiệt cũng không khó, nhưng các ngài cần nên phải tiến-thủ. Muốn tiến-thủ thời nghĩa *tương-ái* cũng cần nên phải biết lắm vậy.

3° Các ngài cần nên phải tương-ái. — *Tương-ái* nghĩa là yêu lẫn nhau. Thường-tình con người ta, dễ yêu nhau là người đồng-nghiệp, dễ ghét nhau nhất cũng lại là người đồng-nghiệp. Người đồng-nghiệp thời

cảnh-ngộ tâm-sự có giống nhau, cho nên cùng nhau dễ yêu; người đồng-nghiệp mà lại đồng sự với nhau thời vì lợi hại mà thường sinh ra cạnh-tranh, cho nên cùng nhau cũng dễ ghét. Sự yêu ghét đó cũng đều là nhân-tình; song ghét nhau mà hại nhau, hại nhau mà làm lợi cho người khác; thời sự ghét nhau đó nghĩ chẳng dại lắm rú? Xưa nay bao các ông tổng lý ghét nhau, hại nhau, mà làm lợi cho quan-trường, tưởng các ngài đã hiểu thấu lắm lắm. Vì danh-phận, vì lợi hại, vì một câu nói hiềm-khích mà làm cho nhau đến khuynh-gia bại-sản, đem đồng tiền bồ-hôi nước-mắt, đổ vào nơi nhà gió lò than; rồi lại thêm thù oán suốt đời, đồng quận đồng châu mà quá hơn Tần Việt. Như thế, về phần người đắc-thắng tự lấy làm đắc-ý; song thử bình tâm đứng vào địa-vị một người khác mà nghĩ thời nỗi đáng thương là nhường bao! Hiện nay những ông nào đương thù ghét nhau mà nghe nhời tôi nói đây, chắc cho làm câu truyện trái tai lắm; tuy vậy mà tôi cũng phải nói, vì thế mà tôi càng phải nói, thà rằng nói mà để các ông ghét tòa báo An-Nam tạp-chí, còn hơn là không nói mà để các ông cứ ghét nhau. Nghĩ như trong một làng có mấy ông đàn anh, trong những ông đàn anh được mấy ông có tư-bản, có học-vấn; sự tiến-hóa của một làng, thế phải trông-cậy ở như các ông đó. Các ông đàn anh đó quả thật đồng tâm hiệp lực mà mưu sự công-ích cho trong làng, tưởng cũng chưa dễ có công-hiệu; nếu các ông lại còn đương bận về sự ghét nhau, kiện nhau, khuynh-loát nhau, còn đương đem tiền bạc đi nơi khác để tìm cách hãm-hại nhau, còn đương chia bè chia đảng mà làm cho nát xóm nát làng, như thế thời vận-hội của một làng còn mong chi! Một làng như thế, nhiều làng như thế, thời vận-hội của xã-hội còn mong chi! Vì tính đến vận-hội của xã-hội, cho nên phải tính đến vận-hội của một làng; vì tính đến vận-hội của một làng, cho nên đối với các ông phải hết nhời khuyên can, mong rằng các ông nên yêu nhau mà đừng nên cứ ghét nhau mãi vậy. Văn chữ nho xưa có câu rằng: « 凡舉事, 毋爲親厚者所痛, 而爲見仇者所快。*Phàm cử sự, vô vi thân-hậu giả sở thống, nhi vi kiến cừu giả sở khoái.* » Nghĩa là: *người ta phàm định làm một việc gì, đừng để cho người thân hậu mình phải đau lòng, mà để cho kẻ thù hằn mình được khoái chí*». Tôi nay đối với các ông, tuy chưa dám nhận là một người thân-hậu; song các ông thử nghĩ trong lúc đương cùng nhau kiện cáo, những kẻ đứng ngoài mà khoái chí, có biết là bao? Nếu các ông nghe nhời tôi mà muốn bỏ những sự ghét nhau về trước, cùng mưu sự yêu nhau về sau, thời tôi xin có một cách muốn bàn cùng các ông, là cách tổ chức hội "*Hương-hào ái-hữu*" vậy.

4° Tổ-chức Hương-hào ái-hữu hội.— Gần nay trong nước ta, các hội ái-hữu đã có nhiều, như hội *Công-thương tương-tế* ở Bắc-kỳ, là những người cùng làm về việc thợ-thuyền buôn-bán ở Bắc-kỳ cùng vào hội với nhau; hội *Bắc-kỳ ái-hữu* ở Nam-kỳ, là những người Bắc-kỳ vào ở đất Nam-kỳ cùng vào hội với nhau; hội *An-Nam ái-hữu* ở Ai-Lao, là những người An-nam sang ở đất Ai-Lao cùng vào hội với nhau, lại như

các người làm việc ở các sở *Đoan*, sở *Giây-thép*, sở..... đều có hội *Ái-hữu*, cùng vào hội với nhau ; lại đến như những người trong quan-trường cũng có hội ái-hữu, cùng vào hội với nhau. Duy hội « **Hương-hào ái-hữu** » thời ở trong nước ta khắp ba kỳ chưa đâu có cả. Phàm hội ái-hữu lập ra, là để tỏ tình thân yêu nhau, những người cùng vào hội phải có nghĩa cứu-tế nhau, như thế thời hội *Hương-hào ái-hữu* ở nước ta, thực nên sớm có lắm vậy. Các ngài là hương-hào, như các ông chánh, phó hương-hội, chánh, phó tổng lý, thực chiếm một số người rất to ở xã-hội ; nếu các ngài cùng nhau kết được hội ái-hữu, thời cái đoàn-thể của các ngài rất to, thế-lực của các ngài rất mạnh, mà những sự ích quốc lợi dân có thể trông ở các ngài rất nhiều, không như những hội ái-hữu khác chỉ là thân yêu cứu-tế nhau mà thôi vậy. Vì thế tôi mong rằng các ngài sớm cùng nhau kết lập hội ái-hữu, gọi là "*Hương-hào ái-hữu hội*". Nay tôi xin vì các ngài dự nghĩ những yếu-nghĩa của hội và trật-tự sự lập hội như sau đây :

Hội Hương-hào ái-hữu lập ra, tôn-chỉ là để những người hương-hào như chánh, phó hương-hội, chánh, phó tổng lý cùng vào hội mà cùng thân yêu nhau ; những yếu-nghĩa của hội thời nên có ba điều rằng: 1° *Khuyên giải nhau về sự kiện cáo.* — Phàm những người đã cùng vào hội mà hai người cùng nhau có sự bất-hòa thời sự bất-hòa đó nên trình hội phân giải: nếu hội phân giải mà không song, khi ấy ai muốn kiện sẽ đem việc đi kiện ở một nơi pháp luật. Người nào vào hội mà có đến ba lần đi kiện người trong hội, thời bị trục xuất ra ngoài hội — 2° *Bênh-vực nhau về sự áp-ức.* — Phàm là người trong hội, ai có bị kẻ quyền-thế nào áp-ức một cách phi-lý, thời đem sự-tình trình tỏ với hội, các hội-viên họp hội-đồng để xét, nếu sự tình quả là bị ức thời hội sẽ gom tiền góp sức (1) để tìm phương bênh-vực cho. Hoặc không phải là sự bị ức mà tự người ấy muốn phiền hội để thỏa sự thù riêng, lợi riêng, thời hội không can dự.—3° *Hòa hợp nhau trong sự bảo cử.* — Phàm mỗi khi gặp có sự bảo-cử nghị-viên, các hội-viên trong hội họp nhau cùng định xem bầu ai là đích-đáng. Người ứng-cử hoặc là người trong hội, hoặc là người ngoài hội không cử, do ý-kiến công chúng thấy thật là đáng bầu thời cùng nhau quyết định bầu ; ai hoặc có không thuận bầu cho người đó thời chỉ bỏ phiếu trắng mà thôi, không được ăn tiền của kẻ nào mà theo bầu cho kẻ ấy. Sau kỳ bảo-cử, nếu ai phạm điều-cấm của hội mà bị chúng xét ra, thời người ấy cũng bị trục xuất ra ngoài hội.

Giở lên là tôi dự nghĩ về yếu-nghĩa của hội nên có những điều như thế mà thôi ; còn phàm những sự có thể giúp nhau cho tỏ tình thân yêu, thời là những chi-tiết của hội vậy.

(1) — Sự gom tiền, hoặc là từ khi vào hội, mỗi người mỗi tháng đóng tiền là thế nào; hoặc là nhân có việc phải bênh-vực một hội-viên nào mà lâm-thời đóng tiền là thế nào. Đây chỉ nói đại-ý mà thôi, nếu đến khi thực-hành thời phải có liệt khoản ở trong bản điều-lệ.

Trật-tự sự lập-hội thời phải từ nhỏ cho nên to: trước từ ba bốn người tương-thân tương-thức cùng kết ước với nhau cho tạm thành cơ-sở hội; rồi những hội con ấy cùng nhau thanh ứng khí cầu mà lập thành một hội. Khi đã thật thành hội thời phải có danh-hiệu chính-đáng, điều-lệ phân-minh, nhỏ thời trong một tỉnh, nhớn thời cả toàn kỳ, như " *Vĩnh-Yên Hương-hào ái-hữu hội;— Bắc-Kỳ Hương-hào ái hữu hội; —Trung-Kỳ Hương-hào ái-hữu hội.— Nam-Kỳ Hương-hào ái-hữu hội* ". — Điều-lệ thời trước khi lập hội, hội-viên sẽ cùng nhau tường-định mà xin ơn Chính-phủ duyệt-y.

Đó là đại-lược sự tổ-chức Hương-hào ái-hữu hội vậy.

Nay tôi có bấy nhiêu ý-kiến đối với các ngài là các bạn ở thôn-quê; nếu các ngài quá yêu mà không cho nhời nói của tôi là thừa, mà các ngài tự trọng cái địa-vị của các ngài, các ngài đều có cái chí tiến-thủ, các ngài đem bụng tương-ái mà tổ-chức hội Hương-hào ái-hữu cho bằng các hội ái-hữu khác trong nước ta, thời thật là hạnh-phúc cho chốn thôn-quê vậy. Trước khi tôi viết bài này để tỏ cùng các ngài, tôi cũng đã biết rằng báo An-Nam không tiêu-thụ ở chốn thôn-quê được mấy, thời nhời nói của tôi cũng không thấu đến các ngài được là bao; song tôi lại mong rằng có một ngài đọc báo An-Nam mà biểu đồng-tình cùng tôi, thời sẽ có nhiều ngài khác dẫu không đọc báo An-Nam mà cũng biểu đồng-tình cùng tôi; nếu được nhiều ngài biểu đồng-tình cùng tôi, thời hội Hương-hào ái-hữu của các ngài sẽ tổ-chức lên nay mai, tôi xin đứng làm một chân tán-trợ hội-viên và sẽ để ra một hai trang giấy trong quyển báo An-Nam để giúp làm cơ-quan cho hội ái-hữu đó.

Hiện nay, các bạn đọc An-Nam tạp-chí, phần nhiều không phải là các bạn ở thôn-quê; ngài nào xem bài này mà cho làm một sự bất-tương-quan thời xin cũng rộng lòng thứ cho, tuy là tôi đối với các ông hương-hào ở thôn-quê mà nói, song thực là vì hết thảy đồng-bào ở thôn quê là các bạn thôn-quê vậy.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Bài diễn-thuyết
của Tôn Trung-sơn Tiên-sinh

Nay được các ngài Nghị-viên trong hai viện, và các vị hữu-chí trong các giới vui lòng mà quá-bộ tới đây, khiến cho quang-cảnh diễn-đàn được vẻ-vang, tôi thật lấy làm cảm-khích và vinh-hạnh vô cùng. Đã hai năm nay, tôi những lưu-lạc phương xa, không được họp mặt với anh em trong nước; từ khi thấy cái đế-chế sống lại, không nỡ để cho tổ-quốc chôi chìm, nên phải quay về, giúp anh em một trận kịch-chiến. Nay đức nguyên-hung (1) đã chết, nền quốc-pháp lại gây, việc vũ-lực đã thành công, cuộc kiến-thiết mới bắt đầu tổ-chức. Các ngài Nghị-viên trong hai viện chẳng bao lâu sẽ tới kinh mở hội, mà trù-tính các qui-mô kiến-thiết sau này. Nhưng cứ như thiển-kiến của tôi, thì việc kiến-thiết tất phải cả

(1) — Chỉ vào Viên-Thế Khải

trong quốc-dân ai ai cũng gánh một phần trách-nhiệm ; điều đó, trước đây hai ngày tôi với các ngài nghị-viên đã cùng nhau nghiên-cứu tại Thượng-hiền-đường, hiềm vì thời-gian ngắn-ngủi, bàn luận chưa được tường-tận hoàn-toàn, cho nên ngày nay phải thành-khẩn trân-trọng mà đón rước Chư-tôn tới đây, để công-hiến nốt tấm lòng quê-kịch.

Gần nay trong nước ta nhiều người bàn đến vấn đề kiến-thiết, nhưng vẫn chưa biết phương-châm kiến-thiết nên chỉ về hướng nào. Vậy thì việc nghiên-cứu ngày nay, cần nhất là ta phải tìm cho được cái phương-châm nhất định. Trong hai mươi năm, tôi long-đong về việc cách-mệnh, tuy rằng theo đuổi chủ-nghĩa phá-hoại, nhưng cũng thường thường nghiên-cứu về vấn-đề kiến-thiết; mà từ nay về sau, tôi cũng xin hết sức cùng anh em trong nước mưu-đồ sự kiến-thiết. Vậy thì cái phương-châm kiến-thiết nên thế nào?

Quốc-dân ta nay, ai cũng nhắm cả tinh-thần về chính-phủ, đó cũng là một việc đương-nhiên. Mấy nghìn năm nay, chính-phủ khi dậy khi dỗ, mỗi lúc giang sơn đổi chủ, chính-phủ tất phải dựng lại, đó cũng là một sự kinh nghiệm về cuộc kiến-thiết của nhân-dân, song vẫn là nhân cũ suy mới mà thôi. Nay dân-quốc đã nhất tâm, thì cuộc kiến-thiết so với ngày xưa không thể giống nhau được. Xưa Trần-Bình lấy việc phay thịt mà ví việc trị thiên-hạ, bây giờ tôi xin lấy việc dựng nhà mà ví việc dựng nước :

Cách dựng nhà của người Á-đông và người Thái-tây, thật khác nhau lắm : người Á-đông ta dựng nhà thì đặt thượng-lương trước, mà người Thái-tây thì đắp nền trước. Đặt thượng-lương trước, nghĩa là chú ý vào chỗ rất cao, mà đắp nền trước là chú-ý vào chỗ rất thấp; chỗ chú-ý đã không giống nhau, thì phần hiệu-dụng tất phải khác hẳn. Con người ta làm việc gì, tất phải nhắm chỗ rất cao mà lập chí, nhưng phải lấy chỗ rất thấp để làm nền ; chỗ rất thấp đó tức là một chỗ gốc rễ vậy. Gốc rễ của một nước ở chỗ nào ? Cổ ngữ nói rằng : « *Dân là gốc nước* ». Cho nên sự kiến-thiết tất phải bắt đầu từ nhân-dân. Năm năm tới nay, việc dựng nước của ta phó-thác chưa phải người, cái gốc của dân-quốc suýt nữa bị lay nghiêng đầy đổ. May sao Giời còn thương đến Trung-quốc, mà lại trao cho đồng-bào ta cái cơ-hội mưu toan sự kiến-thiết này, thì phương-châm nên trước bắt đầu từ chỗ thấp, hay là nên bắt đầu từ chỗ cao, ta chớ để nhầm lẫn nữa.

Nước ta dựng nhà mà trước hết phải cất thượng-lương, đó là tục đời thượng-cổ ; họ Hữu-sào làm nhà ở ngọn cây ngọn cối, chỉ cốt đủ che mưa gió, không tính đến sự vững bền. Việc dựng nước cũng vậy, trước triều-đình rồi đến bách-quan, mà nhân-dân thì không kể đến, đó cũng là thói đời hồng-hoang, chỉ cầu cho thành nước mà không cầu đến sự vững-vàng. Nhà và nước đời nay, rất khác với nhà và nước đời xưa ; ngày xưa thì nhà cửa hẹp-hòi lụp-sụp, mà ngày nay phải lộng-liễu nguy-nga. Các nước Âu Mỹ có cái nhà cao đến bốn năm mươi từng, như vậy dù muốn cất thượng-lương trước, cũng không có cách nào làm được, cho nên phải dựng từ dưới đất dựng lên ; mà cũng chẳng những từ mặt đất mà thôi, từng dưới mặt đất cũng phải đào luồng sẻ móng, sây đắp thật kỹ, nếu không thế tất phải siêu đổ.

Cái cách dựng nước của ta ngày nay cũng phải khác với ngày xưa, muốn cho sau khi đã dựng, nền nước được lâu giài bền vững, tất phải đặt địa bàn ở đám nhân dân, nghĩa là không dựng từ chính-phủ giở xuống, mà dựng từ nhân-dân giở lên. Nếu bây giờ ta cứ đua nhau nghiên-cứu rằng : sau này làm Phó Tổng-thống là ai, làm Tổng-lý quốc-vụ là ai, làm Đô-đốc tỉnh-trưởng trong các tỉnh là ai, đó cũng như làm nhà mà trước kén thượng-lương vậy ; nếu hượng-lương hư hỏng, tất là cột phải gẫy mà nhà phải đổ, cách đó là một cách rất nguy. Cái nhẽ nước ta dùng các địa phương tự-trị (1), làm nền

(1) Địa-phương tự trị, nghĩa là ở phương-xứ nào tự cai trị lấy phương xứ ấy.

dựng nước; ngày trước tôi đã bàn qua nhưng chưa được hết, nay xin nhắc lại mà bàn thêm cho rộng ra.

Cách địa-phương tự-trị chính là nền móng của nước, nền móng không vững tất là nhà nước không bền, xem cái hiện-tượng của ta trong năm mươi năm nay cũng đủ rõ vậy. Vậy thì từ nay về sau, ta nên chú toàn-lực về cách địa-phương tự-trị. Xin Chư-tôn coi qua kiểu đồ này rất mới-mẻ.

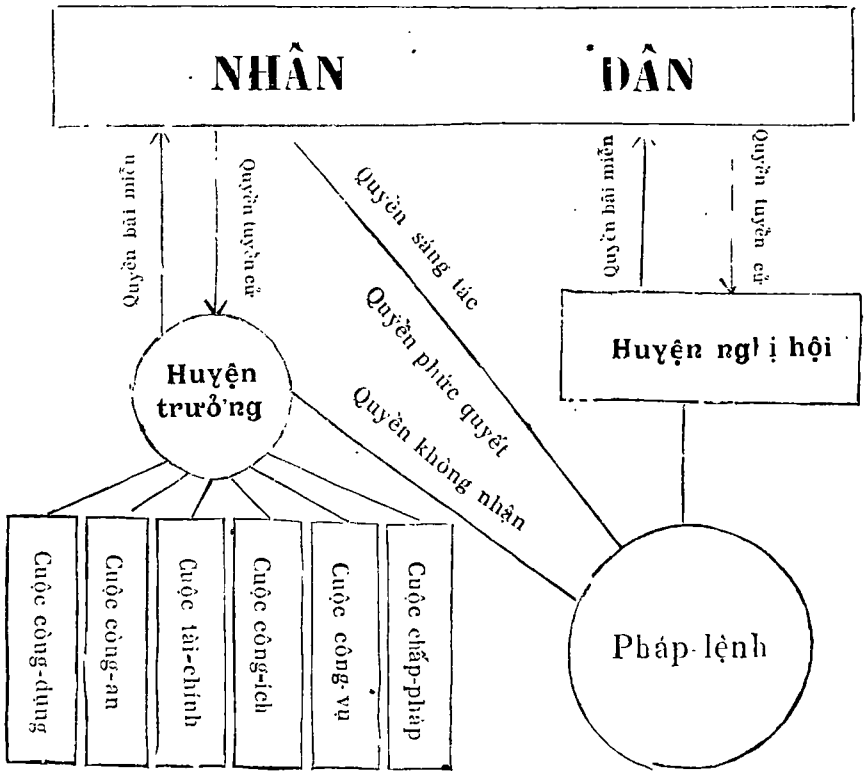

Kiểu đồ này là cái cơ quan tự-trị rất mới-mẻ của nước Mỹ vừa bắt đầu thi-hành trong khoảng mấy năm nay.

Các dân-quốc trong thế-giới có thể chia tóm làm hai chủng-loại, một chủng-loại thì do đường tự-nhiên tiến-hóa, mà một chủng-loại ở nhân lực gây nên.

Nước Thụy-Sỹ (Suisse) là một nước ở núi, đường giao-thông không tiện, người Âu-châu vẫn cho là khu đất núi, thói dân mạnh tợn, rất giầu về năng-lực tự-trị, vì nước ấy có cái chế-độ trực-tiếp với dân-quyền, đó là một nước tiến-hóa theo đường tự-nhiên.

Cái cách kiến-thiết do ở nhân-vi, vẫn là một cách cực nguy hiểm mà rất khó nhọc; nước Pháp-lan-tây canh-cải dân-chính, toàn do ở sức tư-tưởng của các bực học giả và sức huyết-chiến của nhân-dân, dòng-dã hơn tám mươi năm, mới được thành công; hiện nay cái cơ-quan thuộc về dân-quyền đã phát-đạt đến cực-điểm.

Nước Mỹ huyết-chiến trong bảy năm, nền nước mới dựng; cách lập quốc đó như cũng thuộc về nhân-vi, nhưng mà cái cách tự-trị của quốc-dân thì toàn nhờ ở sức tự-nhiên tiến-hóa. Lúc thoạt tiên đến Mỹ, thuần là những bọn giáo-đồ và những người bất-đắc-chí ở Âu-châu, đã từng trải nhiều phen trắc-trở gập-ghềnh, rất giầu về tính tự-trị, cho nên cái nền tảng dân quyền ở trong nước rất là bền vững. Từ khi đã dựng nước, không có khi nào trong nước chanh-chiến lẫn nhau; cái trận Nam Bắc giao binh, là họ tranh quyền

cho người giống đen, không phải là họ tranh quyền cho họ. Duy ở nước Mỹ các hạng người thượng-lưu chen nhau vào vòng thực-nghiệp, mà chính-giới thì không thèm mảng đến; Chính-phủ trung-ương họa may còn có một vài tay giỏi-dang chủ-trì công việc; đến như Chính-phủ địa-phương thì thật ít kẻ tài-cán vì thế mà nền tự-trị một ngày một hủ-bại. Người Mỹ có kẻ muốn chủ-trương cái chính-sách quân-chủ, cũng vì cớ đó. Ngày trước các ngài thấy viên cố-vấn của Viên-thế-Khải là Cổ-đức-Nặc (người Mỹ) hô-hào cái hiến-pháp chuyên-chế, chắc là các ngài lấy làm lạ lắm, nhưng cũng không phải là sự lạ: họ Cổ cũng là một nhà nghiên-cứu về cách tự-trị của các địa-phương, hắn thấy chính-sách đó đã đến ngày hủ-bại, nên mới mê-tín về phương-diện chuyên-chế. Trước đây vài năm, ở nước Mỹ có một thành kia bị nạn động bể chôi mất, nhân-dân nhiều người không muốn sây lại, mới ủy-thác cho mấy người chuyên chủ việc đó. Sau khi hoàn-thành, qui-mô cũng hơi tráng-lệ, nhân-dân lấy làm đắc-sách, mới đặt ra một cái tên mới, gọi là "*chế-độ ủy-nhiệm.*" Bấy giờ đã có trăm vài mươi thành bắt chiếc cái chế-độ ấy. Như vậy cũng có thể gọi là một cái chính-sách vừa cộng-hòa, vừa chuyên-chế nhưng cũng chỉ chuyên-chế trong vòng địa-phương tự-trị mà thôi. Cái chế-độ *ủy-nhiệm* cũng do những người thực có tài lược tình-nguyện đảm-đương công việc, cho nên được nhiều người tin. Lần này tôi về nước, trong tầu chỉ, gặp một người du học ở Mỹ đã tốt-nghiệp, sùng phụng cái chế-độ ấy: nhưng hắn không biết rằng chủ-nghĩa dân-quốc vốn là một thứ đạo-lý rất cao ở thế-giới, dù cho thi-hành hoặc có không hay, cũng không phải hỏng tại đạo-lý đó, vì rằng đạo-lý với hành-động nguyên là hai việc không phải một, cũng như những kẻ đọc sách thi đỗ, mà khi làm quan thì tham-ô, không thể đổ cho ông Khổng-tử giậy người như thế. Nước Mỹ nhiều người tin rằng cái học-lý dân-quyền còn lờ-mờ chưa khám phá, cho nên trong ba năm trước, thành Khắc-lợi-phù lại mới thi-hành cái chế-độ « *địa phương tự-trị* » rất mới mẻ này, nay xin giới-thiệu với anh em trong nước ta.

Trong kiểu đồ này: bực cao nhất đó là nhân-dân, lấy nghĩa rằng nhân-dân được thực-hành chủ-quyền vậy. Bực dưới thì một bên là *huyện-nghị-hội*, nhân-dân cử 26 nghị-viên coi quyền lập phép, mà 70 vạn người ở trong thành đó cũng phải giữ phép; một bên là *huyện-trưởng* cũng do nhân-dân cử ra chủ-trì những phép lệnh mà nghị-hội đã định, để chi-phối cả trong sáu cục. Sáu cục là: cục *chấp-pháp*, coi việc chiếu phép bắt người và nhắc-nhỏ những sự tố-tụng thuộc về việc công; cục *công-vụ* coi việc công-ích ở địa-phương về khoản không có lợi ích thu vào, như những việc đường xá, giáo-dục, thu-dưỡng, y-viện, vân vân; cục *tài-chính*, coi nhất-thiết các việc chi thu; cục *công-an*, coi việc cảnh-sát và việc vệ-sinh; cục *công-dụng*, coi những công-nghiệp về khoản có lợi ích thu vào, như những công-ty đèn điện, xe điện, nước máy, hơi than đá, vân vân..

Trong chính-sách đó, về phần dân-quyền lại có nhiều chỗ đặc-điểm khuếch-trương, là: trước kia nhân-dân chỉ có quyền được tuyển-cử, mà nay lại có quyền được bãi-miễn; trước kia nghị-hội đã lập ra một điều lệnh, dù có vi-phản với chí-ý nhân-dân, nhân-dân cũng không có phép được tiêu hủy, vì thế mà hoặc khi có kẻ được ít nhiều hối-lộ của các nhà tư-bản thì xếp bỏ những việc có ích của công-chúng không bàn đến; đó đều là những sự nguy hiểm lạ thường; nay thời khác hẳn, nếu trong 70 vạn người mà có 7 vạn người tán-thành và ký tên, thì có thể mở ngay một kỳ quốc-dân đại-hội; nếu muốn lập một điều pháp-luật gì mà trong số nhân-dân có đến 35 vạn người tán-thành, thì điều pháp-luật đó sẽ là thành-lập; trái thế, nếu pháp-luật có điều nào trái ý nhân-dân, cũng có thể theo cách đó mà thủ-tiêu đi; những pháp-luật của nghị-hội lập ra, nếu có chỗ nào đáng ngờ, cũng dùng lệ đó mà quyết định. Đến như huyện-trưởng

đối với sự lập phép, thì chỉ có quyền được không công-nhận, nếu không công-nhận thì nghị-định đó sẽ giao hội-nghị bàn lại, lập đại hội-đồng mà giải quyết, bên nào mà số người biểu đồng-tình được ba phần bốn, hoặc hai phần ba, thì là đắc-thắng. Nước ta muốn cho nền chính-trị được có trật-tự, tất phải bắt trước như thế, thì chủ-quyền mới về dân.

Hiện nay các lưu-học-sinh nhiều người hiểu được cách « ủy-nhiệm » và phép « bao biện » (một người coi cả toàn-thể việc tự-trị) của Mỹ, nhưng mà cái chính-trị rất mới mẻ này thì chưa ai biết, vì rằng chính-sách đó mới thi-hành trong ba năm nay, cho nên ở các học-đường chưa nghiên-cứu đến ; song lẽ thành hiệu đã rực-rỡ lắm, ta nên bắt chước mà thi-hành ngay. Các nước bên Âu-châu, trừ Thụy-Sỹ ra thì chưa nước nào dùng chính-sách ấy. Nước ta đã sẵn có nền tự-trị, nếu nay lại hòa-hợp với nhiệt-tâm tôn-trọng dân-quyền của dân, mà noi theo cái chính-sách đó, thì trong mười năm chắc có thể đạt được mục-đích

Có người cho rằng nước ta trình-độ quốc-dân còn kém, nếu thi-hành chính-sách đó, hoặc - giả có sự ngăn-trở ; nhưng không biết rằng : họp được một số rất nhiều người mà gây sự ngạnh-trở, đó là một việc rất khó. Ví như cái quyền sáng-chế mà tôi vừa nói mới rồi, thì muốn sáng luận một điều gì, rất ít cũng phải có một phần mười trong số toàn-thể quốc-dân cùng yêu-cầu, mà số tán-thành tất phải một nửa thì mới có phép mở đại hội-đồng ; nếu sự ngạnh-trở mà là một sự huyên-náo vô lý, chắc không khi nào được đông người biểu đồng-tình như thế ; tức là một sự chính-đáng, nhẽ nào mà không theo ý dân ? Vả lại dân-ý thường hay núp náu mà không hay hiện-lộ, nếu không uất-ức đến cực-điểm thì không phản-động bao giờ. Như dịp mới rồi, nếu Viên-thế-Khải chuyên-chế một cách bình-ổn, tất không đến nỗi cả nước phản-đối như vậy, kể đó cũng là họ Viên không khôn. Nếu muốn cho dân ý dễ phát hiện, tất phải có cái cơ-quan lương-thiện hoàn-toàn ; phép tự-trị rất mới-mẻ của người Mỹ này, chính là cơ-quan ấy đấy.

Dân-quyền ngày xưa ví như chiếc ghế chéo, mà dân-quyền ngày nay thì như toa đầu tầu, nghĩa là biết tự-động mà lại có cơ phát-đạt, cho nên ta cần thực-hành cái cơ-quan thuộc về dân - quyền biết tự - động này. Muốn được thực-hành, tất phải có các bực tiên-tri tiên-giác đứng lên gánh vác chức-trách ; nếu trong các bực tri-giác mà ai ai cũng hế. bổn-phận, thì lo gì quốc-dân không hiểu. Người nước ta vốn giầu về tính phục tòng các bực tiên-tri tiên-giác xem như những hạng thầy đồ nhà quê học-lực chẳng qua vài quyển sách cổ, thế mà bàn nói câu nào, trong một làng đều vui lòng nghe, đó là tính rất tốt của người mình vậy. Vào khoảng ba mươi năm trước, phàm ai đề xướng đến cái học-thuyết « *dân-tộc cách-mệnh*, » thì tức là tội phản-bạn, thế mà người nhà quê thì lại vui lòng nghe mà không sợ tội ; tôi còn nhớ được một việc này có thể làm chứng cho câu nói ấy :

Xưa có một người mua hàng của người nhà quê, giả tiền *Hàm-phong*, *Đồng-trị* (1) thì họ không lấy, mà giả tiền *Kiền-long*, *Khang-hi* (2) thì họ lấy, nghĩa là họ chỉ biết chữ *Kiền* chữ *Khang* mà thôi ; giở mặt trái đồng tiền mà hỏi hai chữ *Mãn-châu* thì họ không biết là chữ gì cả. Người mua hàng đó mới dẫn cho họ nghe rằng : « Đó là chữ *Kiền - long* và chữ *Khang - hi* của *Mãn-châu*. Mãn-châu đã cướp giang-sơn của ta mà lên làm vua, vua ngày nay có phải là người nước ta đâu. » Người nhà quê nghe đến câu đó, tự-nhiên hầm-hầm nổi dận ; chỉ trong phút chốc mà giảng vỡ lý - thuyết *dân - tộc cách - mệnh*. Cái tính biết nghe nhời phải là đặc - tính của người mình, xem một việc ấy cũng đủ rõ. Nếu bây giờ trong các ngài đây, ai nấy đều đem nghĩa *dân-quyền* dẫn-dụ cho người làng mình, thì chẳng mấy lúc mà phổ-thông được ngay. Tôi nhớ khi tôi còn ít tuổi, tính hiếu kỹ, có khi trong vài tháng giời, giạy được năm sáu vạn người nhà quê đều hiểu cái nhẽ đất tròn ; chắc rằng nếu giảng dân-quyền thì công-hiệu cũng như thế.

1. 2. Các niên-hiệu của vua Thanh.

Trí khôn của con người ta, ai cũng như ai, người nào cũng có một điểm lương-tri của giời cho, dẫu rằng sự học-vấn có người thiển người thâm, nhưng mà cái trí phân biệt điều phải nhẽ chái thì ai cũng có, xem như họ Viên trong mấy năm dùng biết bao nhiêu mưu mẹo để đánh lừa dân, hễ mà dân không phải lừa. Hắn từng in ra mấy vạn quấn sách nho-nhỏ như quấn « Tôn-Văn - tiểu - sử » vân vân, nhưng mà cũng không có hiệu-quả gì. Tôi nghe có người nhà quê xem đến quấn sách đó, họ lại phê-bình một câu rằng : « Tôn-Văn là quốc tặc, thì Viên-thế-Khải cũng đồ quốc-tặc chứ hơn gì.» Coi đó đủ biết dân ta thực khó lừa mà rất dễ bảo ; ai có chức - trách là bực tiên-tri, cũng nên cố gắng một chút.

Nước ta vốn vẫn có nền địa-phương tự-trị, ngày trước ông Hoàng-khắc-Cường cũng đã nói kỹ, nếu bấy giờ nhân nền tảng cũ đó mà dùng phép mới bồi đắp thêm lên, tự nhiên có thể phát - hủy được cái tính đó của người mình lưu-truyền trong mấy nghìn năm. Ngày trước tôi đã nói rằng : « Đối với nhân dân, bọn ta nên khuyên nhau như Thúc tôn-Thông, là nên cho quốc-dân biết dân-quyền là vật đáng quí.» Nay tôi lại khuyên các ngài nên làm Y-Doãn Chu-công dúp-đỡ quốc-dân, xây vững lấy nền dân-quyền. Ví dụ nền dân-quyền lấy một huyện làm unité, thì nước ta kể có hơn hai nghìn huyện, nếu cả Mông-cổ và Tây-tạng mà cũng dần dần thêm vào, thì ít ra cũng được ba nghìn huyện. Ba nghìn huyện đó cũng như ba nghìn hòn đá tảng, nếu ba nghìn hòn đá tảng đó mà được kiên-cố thì dựng một tòa lầu năm mươi từng cũng chẳng khó gì.

Dựng một nếp nhà không có thể trong phút chốc mà song ngay, dựng nước cũng vậy, nên có cái tinh thần rất kiên-nghị để làm cốt-lĩnh, lại có cái lực-lượng rất nhẫn nại để làm máy tiến-hành, cố công cùng sức trong năm năm mười năm, vì quốc-dân xây đắp ba nghìn hòn đá tảng đó, chắc là thế nào cũng thành công. Khi đó ta sẽ dùng hết năng-lực đặc biệt, khiến cho ba nghìn huyện đó, mỗi huyện cứ lấy một viên đại-biểu, mà những đại-biểu đó toàn là đại-biểu của quốc-dân, được quyền họp quốc dân đại - hội, và được quyền tuyển cử viên Đại-tổng-thống. Đối với sự lập-pháp ở trung ương thì những đại-biểu đó cũng được hành-động những quyền sửa sang chính-trị. Ấy tức là « dân-quyền trực tiếp » của toàn-quốc, mà cũng là cơ giáo-dục phát-đạt của quốc-dân. Rồi sau dần dần mỗi huyện đặt ra một đội quốc-dân-quân, như vậy thì gốc của nước đã dựng, sự vũ-bị của nước cũng mạnh mà cái chế-độ *dân quyền* mới được đại-định.

Muốn thi-hành pháp đó, trước hết phải định qui mô, bắt đầu hãy lập lấy nhiều nhà học dạy về *địa-phương tự trị*. Các huyện đều phải kén người vào học, trong một hai năm, học thành, sẽ giở về làm người nhiệm-sự cho địa-phương. Thứ hai phải sửa định lấy những chế độ *tự-trị* : một là *điều-tra nhân khẩu*, hai là *chỉnh-lý ruộng đất*, ba là *sang sửa đường-xá*, bốn là *mở mang trường học*, còn các chi-tiết khác, cũng lần lượt cử hành. Khi nào cách tự-trị đã có hiệu-quả, bấy giờ sẽ thi-hành cái phép *trực tiếp dân quyền*.

Nói tóm lại, tự-trị là cái nền móng của dân-quốc, nền có vững thì nước mới vững, nước vững thì con-cháu cũng được hưởng-thụ lợi phúc : nếu không có nước tức là không có nhà, không có nhà tức là không có thân. Vậy thì cuốc hội ngày nay, tôi mong rằng đồng - bào ta ai nấy đều hết lòng, mưu-đồ hạnh-phúc cho nước, tức là mưu cách bảo-tồn cho thân mình nhà mình vậy.

Ngô-tất-Tố dịch.

Mấy lời ngỏ cùng các ông

Chánh Phó Hương-hội, Chánh Phó-lý về phương-pháp nâng cao dân-chí ở chốn thôn-quê

Thưa các ngài,

« Dân vi quí, xã tắc thứ chi.... » Cụ Mạnh-tử là bực thánh hiền ngày trước đã dùng câu ấy mà bênh-vực lấy dân-quyền ở cõi Á-đông.

Bên Âu châu, ông Khang-Đức, ông Lư-Thoa, ông Mạnh Đức-Tư-Cưu là những bực vĩ-nhân, cũng vì dân mà đã làm ra bao nhiêu sách vở.

Ngay ở nước ta, cụ Phan Hy-Mã cũng vì một chủ-nghĩa ấy mà hy-sinh xuốt cả một đời, mãi đến lúc chết, hãi còn hăng-hái. Trừ ra một hạng người gỗ đá, còn quốc-dân ai chẳng sùng-bái kính yêu. Nhưng sùng-bái một bực vĩ-nhân, không phải ở những nhời ca tụng mà ở bụng noi theo vậy. Hiện nay, cái nghĩa dân-quí đã dung động tất cả hoàn-cầu, ngọn cờ dân-quyền đã phấp-phới khắp trong thế-giới ; thế mà nước nhà vẫn y-nguyên như cũ, dân với quan cách nhau một vực một trời, quan vẫn lộng quyền áp-chế, dân cứ quen thói phục tùng, một bên thì tham-ô, một bên thời ngu dại, tự mình tiêu-diệt lấy mình, mấy nghìn năm rồi mà cứ như thế mãi, phỏng còn mong sống được với cái thế-giới cạnh-tranh kịch-liệt này ru? Ôi, nước lấy dân làm gốc, dân như thế thì nước tài nào mà chẳng phải suy. Chính-phủ bảo-hộ là một nước giầu mạnh vì dân quyền, cũng muốn cho ta bắt chước, nên đã lập ra Hương-hội để cải-lương cho dân, mới rồi lại đặt ra Dân-biểu nghị-viện để cho dân được tham-dự vào chính-trị. Thế mà bấy nhiêu lâu dân-trí vẫn còn như cũ, quyền-lợi nghĩa vụ vẫn không biết một tý gì, là bởi tại đâu ? Anh em ta nòi Hồng giống Lạc, có tai có mắt, có trí-tuệ, có thông-minh, há cứ khoanh tay ngồi chờ cái chết mà không tìm phương cứu chữa hay sao ? Vậy thời ta phải cùng nhau lo-lắng, tìm lấy một phương-pháp gì để làm cho nước ta một ngày một giầu, dân ta một ngày một mạnh, thời mới có thể vĩnh viễn sinh-tồn được.

Một nước suy, vì cũng như một người đau yếu. Muốn chữa cho người đau khỏi, tất phải biết căn bịnh người ta. Thế thời ta phải xét xem nước ta tại sao mà suy nhược. Tìm kỹ thì biết ngay rằng cũng chỉ tại dân ngu dại. Căn bệnh biết rồi thời ta phải chữa, nhưng chữa tại đâu ? Chữa quan chăng? chữa dân chăng? Kẻ ngu này xin chất-vấn cùng chư quân-tử. Nhưng thiết-tưởng chữa quan rất khó, vì rằng hoàng-kim hắc thế tâm, dân ngu dại cứ vác của lên, cái gì cũng lễ, tự cho rằng hễ đến cửa công là phải mất tiền. Câu nén bạc đâm toạc tờ giấy » là câu sáo-ngữ của các chú sai-nha để bóp nặn dân, mà dân vì ngu dại cũng tự cho là phải, lâu dần thành ra một cái tập-tục ở chốn thôn-quê, mất cả công tâm công lý. May mà gặp được những bực liêm-quan, giầu lòng nhân-đạo, trọng nghĩa khinh tài, biết lấy dân làm qúy, coi dân như chân tay, đãi dân như ruột thịt, đem công-lý mà cai-trị, lấy tài năng mà giậy khuyên ; thế thời tiếng để nghìn thu, nhân-dân sùng bái, coi như phụ mẫu thật cũng là đáng vậy. Những bực liêm-quan như thế, ở nước ta kể hoặc cũng có, nhưng than ôi, thực là rất ít ; còn phần nhiều thấy của là mê, còn đâu liêm-sỉ, thành ra phải cho là chái, có nói rằng không, cốt vơ-vét sao cho đầy túi, rồi đua nhau cho xe bóng ngựa hồng, hầu non vợ đẹp. Một người làm quan, cả nhà ỷ-lại, có chiêu cậu ấm, sớm tối nhởn-nhơ, không lấy của dân, lấy đâu được thế. Ít lâu nay, ít nhà nghị-luận đã dùng nhời văn chừng-trị một cách rất nghiêm, nhưng than ôi, mưa qua đầu vịt, nước đổ lá khoai, chứng nào tật nấy, họ vẫn không chừa, dù nói lắm cũng là vô ích. Có đến tận chỗ công-đường mà xem thời mới biết nhiều kẻ xử với dân một cách giãn-man vô đạo. Ông cụ bẩy tám mươi, mày râu trắng xóa, họ cũng gọi bằng mày, cũng chửi cũng đánh, cũng sai

lính vả mồm vụt lưng, thật là quá tệ. Ôi, ở vào thế-kỷ thứ hai mươi này, tưởng không còn có một dân-tộc nào cùng giống người mà đãi nhau đến thế. Mong rằng Chính-phủ đặt thêm luật-pháp để chừng-trị bọn tham quan ô lại, họa may mới bớt dần dần. Mới rồi quan Thống-sứ Bắc-Kỳ đọc bài diễn-văn ở hội-đồng dân-biểu, đã tỏ ý sẽ đặt thanh-tra để trông nom về công việc các quan, ngài đã hứa thì rồi dân ta có thể trông mong được.

Vậy thời bây giờ điều cần nhất là ta phải tìm phương-pháp nào cho giản tiện để nâng cao dân-trí ở chốn thôn-quê, làm sao cho dân ta chóng được phổ-thông như dân các-nước. Dân khôn thì tự-nhiên quyền quan phải giảm, ai ai cũng biết được ít nhiều luật pháp thì tự nhiên công lý phải thắng cường quyền. Thôi ta chẳng cần phải bắt-chước ai, cứ theo ngay gương người Pháp. Dân Pháp tại sao mà giầu? nước Pháp tại sao mà mạnh? Ta lấy con mắt quan-sát mà coi thì biết ngay rằng nước Pháp sở-dĩ chiếm được một địa-vị tối cao trong thế-giới, là vì có hàng-hà-sa-số nhân tài; không những thế, toàn dân Pháp tự thành-thị cho đến thôn quê, người nào cũng biết đọc biết viết, biết luật-pháp, biết nhân-quyền, cho nên không ai nạt được. Cả đến đàn bà con gái Pháp cũng đều được phổ-thông như thế cả, vậy thì nước Pháp làm gì mà không hay.

Ôi, nghĩ đến nước nhà, dân-số đông tới 25 triệu, chia năm đến quá bốn phần không biết chữ, không biết luật-pháp, không biết nhân-quyền; phần nhiều ở chốn thôn-quê, vì ngu dại mà tự coi mình như trâu ngựa, ai muốn bắt chết thì phải chết, cho sống thì được sống, u u minh minh, không biết một tý gì, chỉ tranh nhau miếng thịt, đua nhau đồng cốt quàng-siên. Thậm chí một anh lính lệ là hạng mạt-lưu, có việc về dân, cũng ỷ quyền hành-hạ, vụt người nọ, đá người kia, rồi tham-lam buồng cau chái chuối. Nghĩ đến mà đau lòng, nói đến mà xót ruột? Chính-phủ thì ở xa, biết đâu đến cái ẩn-tình ở chốn thôn-dân như thế.

Muốn tránh khỏi cái tệ đã nói trên kia tưởng không gì bằng tìm cách nâng cao dân-trí lên là được. Phàm con người ta hễ học-thức nhiều thì tư-tưởng cao, kiến-văn rộng thì tâm-lý khôn. Dân-trí đã khá thì dân tự biết bênh-vực lấy quyền dân, dù quan tham nhũng đến đâu cũng không sao thi-thố cái thủ-đoạn giã-man, ra được.

Nâng cao dân-trí, không gì bằng giảng báo giảng sách.

Vậy thời làng nào cũng nên xin phép Chính-phủ mở ra một cái thư-viện ngay dữa trung đình; mua đủ các sách phổ-thông bằng quốc-văn: địa-dư, cách-trí, toán-pháp, mà nhất là luật-pháp; mỗi năm mua vài ba thứ báo quốc-văn; cử lấy một người cẩn-thận giữ-gìn sách vở; tối nào cũng thắp đèn mở cửa từ 6 giờ đến 9 giờ, để cho mọi người xem sách đọc báo. Mỗi tháng bốn kỳ giảng báo, cho mõ đi rao khắp cả trong làng, ai dỗi mời ra dự thính. Phải cử một người thông Hán-tự, giỏi quốc-văn, làm chức hương-giảng, để giảng sách giảng báo cho dân. Trong làng ai muốn mượn sách mượn báo về nhà xem cũng được, những người giữ sách phải chịu trách-nhiệm. Lúc ban đầu mỗi làng chỉ tiêu mất độ hơn trăm bạc thì thư-viện đã thành. Bàn, ghế, tủ, phải độ dăm sáu chục bạc; cây đèn to, độ bốn năm đồng. Trọn các sách quốc-văn có ích, mua độ dăm sáu chục bạc, kể cũng đã được nhiều. Tiền dầu đèn, tiền mua báo, mỗi năm chỉ độ năm chục nữa. Trong thư-viện nên có một quyển sổ bìa vàng, hay là một cái bia đá, biên hay khắc tên những nhà hảo-tâm cho tiền cho sách. Như thế, không bao lâu mà làng nào cũng có một thư-viện rất to.

Việc này tốn kém không là mấy, mà nhân dân chóng được có trí-thức phổ-thông tối đến đua nhau xem sách đọc báo, thành ra đỡ phí thì-giờ vào nơi cờ bạc, đã vô ích mà lại hại tiền.

Sẵn thư-viện, có báo có sách, kẻ biết đọc thời sẵn đó mà đọc mà xem. Có người giảng báo thời những người không biết đọc, cũng được nghe những điều hay nhẽ phải. Việc làm giản-dị thu công mà có ảnh-hưởng đến tiền-đồ xã hội, mong rằng các ông Chánh hương-hội, Chánh phó-lý ở chốn thôn-quê đứng lên xin phép và thu

xếp, hoặc trích tiền công-quỹ của dân, hoặc quyên các nhà hào-phú mà lập cho mỗi làng một cái thư-viện thì giang sơn này sẽ có hy-vọng về sau.

Các ngài cũng nên tự tôn tự nhiệm. Đầu một tỉnh thời ông Chánh Công sứ, ông Phó Công-sứ, đầu một làng thời ông Chánh hương-hội, Chánh Phó-lý, địa-vị tuy có khác nhau mà trách-nhiệm cũng tương-đang như thế. Các ông chánh phó Công-sứ phải lo mở-mang cho một tỉnh, thời các ông Chánh-hương-hội, Chánh Phó-lý phải lo mở-mang cho một làng, đó là nghĩa-vụ thứ nhất của các ngài, xin các ngài nên làm chọn vẹn.

Ta muốn cho nước ta chóng mạnh, dân ta chóng giầu, thời ta phải cùng nhau chịu thương chịu khó, bớt ăn bớt chơi, tìm phương nọ, kiếm kế kia, để dắt díu nhau ra khỏi vòng dốt-nát.

Một tấm lòng thành, mong rằng liệt-vị chư-tôn lưu tâm đến cho.

NGUYỄN U-LAN

DƯ LUẬN

Một gương pháp-chính

Ở huyện Quỳnh-lưu tỉnh Nghệ-an, có một viên Tri-huyện M, xuân-thu vừa kỳ đỉnh-thịnh, vốn người thế-phiệt trâm-anh, tân-học, cựu-học, các bậc văn-sĩ hiện-thời không mấy kẻ ăn đứt. Lúc ngài mới thiều để huyện-lỵ, dân-gian đều nô nức mừng rỡ. Bụng nghĩ rằng: Ngài ở trường pháp-chính bổ ra, chắc ngài sẽ thi-hành cái chính-sách tuần-lương. Ngờ đâu xem với cái chính-sách các viên trước, lại nghiêm-nhặt bội phần.

Nay xin lược thuật một việc sau này để hiến lãm độc-giả chư tôn.

Nguyên huyện chúng tôi điền địa thì ít, dân-gian phần nhiều lấy nghề "buôn ngược bán suôi" làm kế sinh-nhai; còn những kẻ hàn-nho thì quanh năm chỉ nhờ vào nghề "gõ đầu trẻ" ở các thôn-quê để qua ngày tháng. Nói tóm lại, dân-gian quá nửa phải đi xa để mưu kế sinh-tồn.

Mấy năm trước, dân-gian thông-hành tuy không được tự-do, nhưng chưa đến nỗi trói buộc mấy. Vậy nên con đường doanh-sinh từ nam đến bắc, dân chúng tôi chưa mấy kẻ đạp phải chông gai. Năm nay, từ khi viên tri-huyện M. đào lỵ đến bây giờ, nhiều người tay không đến xin tờ nhận-thực, để lên tòa lĩnh sách căn-cước; ngài chỉ lên mặt Triệu Tuàn, xua đuổi quát mắng một cách rất gớm-ghê. Ngài bảo rằng: « Chúng mầy lĩnh sách căn-cước làm gì? đi làm giặc à! đi xuất dương à? Đi ra, đi ra! Lính đâu rắt cổ chúng nó ra!»

Ngài làm như thế, chẳng biết ý-kiến ngài thế nào? hay là không có mọn lễ vào bầu? Có lẽ đâu. Ngài đã có ơn vua lộc nước, nhà rộng đường cao, nỡ nào mà thi-hành cái chính sách « buộc mèo treo chó, rán sành vặn chày » như thế. Hay ngài sợ phủ việt Chính-phủ chăng? Có lẽ đâu. Chính-phủ xưa nay đối với hoàn-cầu vẫn có tiếng là nhân-đạo, lại nhận thêm cái thiên-chức bảo-hộ ta; Chính-phủ muốn cho ai ai cũng có nghề-nghiệp làm ăn, há vì một việc mảy-may thế mà đầy đọa chiếc thuyền nan của ngài giữa bể hoạn hay sao. Hay là ngài không muốn cho con em sinh sôi nảy nở, mở mặt mở mày với người ta? Có lẽ đâu. Cha mẹ bao giờ chẳng muốn đông con nhiều cháu, phú quý vinh hoa.

Có kẻ bảo rằng: « Ngài có lòng thương dân, muốn cho ai ai nấy đều yên cư lạc nghiệp, bằng ngày tọa hưởng cái lạc-thú gia-đình, hơn là trèo non vượt bể, đất nước quê người, rồi đến nỗi phải đem thân mà bạn cùng chim cá ở đảo Côn-lôn. » Hoặc giả cũng có lẽ, xem ngài sổ câu chữ tây này: « C'est dans votre intérêt que je ne vous délivre pas les attestations. »

Ôi! Lợi chưa thấy mà hại đã rõ-ràng trước mắt. Mấy tháng nay dân-gian chỉ kêu gào về sự đói rét, nhưng kêu nào thấu đến trời.

Ngài đã vinh-hiển sung sướng rồi, lại còn muốn vinh-hiển sung-sướng hơn nữa. Ngài vội quên câu «*Dân cơ, viết ngã cơ chi; dân hàn, viết ngã hàn chi* 民饑, 曰我饑之。民寒, 曰我寒之。» Nhiễu điều phủ lấy giá gương, mà nỡ lòng ngăn trở đường sinh-nhai phường con em như thế. Ở thời-đại bây giờ, nếu ai ai cũng dùng cái chính-sách *hạ nhật* ấy thì nước nhà mong sao cho tấn-bộ được.

Một người dân huyện Quỳnh-lưu lai cảo

文學之部

VĂN-HỌC

NHỜI LUẬN-THUYẾT GIẢI VỀ NGHĨA THIÊN-LƯƠNG

SỰ LƯU-ĐỘNG CỦA THIÊN-LƯƠNG

Trước ta đã nói về *đại nghĩa của hai chữ thiên-lương, phần chung của nhân-loại* và *phần riêng từng một người*; nay xét về sự lưu-động của thiên-lương mà nghiệm ở nhân-sự ở hai châu Âu, Á.

Trước khi ta nghĩ về cái lý-tưởng này, ta thường nghĩ đến câu nói của ông *Lương-khải-Siêu* ở Trung-quốc rằng: « 三大聖人所生之國, 而其國微弱不振. *Tam đại thánh-nhân sở sinh chi quốc, nhi kỳ quốc vi nhược bất chấn.* » Câu nói đó của ông Ẩm-băng, là ông nghĩ rằng: " *Như nước Tàu, nước Ấn-độ, nước Do-thái, ba nước mà ba vị đại thánh-nhân là đức Khổng-tử, đức Thích-ca, đức Gia-tô sinh ra ở đó, mà những nước đó hèn yếu không phấn-chấn lên được.* " Ông nghĩ như thế mà ông cho làm một sự không hiểu nghĩa. Ôi, cái nghĩa không hiểu của ông Ẩm-băng, nay ta có thể giải được vậy. Xét về sự lưu-động của thiên-lương ở hai châu Âu, Á, mà nghĩa đó tự minh.

Một phần người rất nhớn ở trong thế-giới, các nguyên-chất của thiên-lương phát sinh tư-tưởng, lý cũng như một người. Là sao? Hoặc có dân-tộc tốt về chất nọ, hoặc có dân-tộc tốt về chất kia; cho nên hoặc phát-đạt mạnh về ngành nọ, hoặc phát-đạt mạnh về ngành kia; cho nên kết-quả của thiên-lương có khác. Kết-quả của thiên-lương có khác nhau, cho nên nhân-sự của những dân-tộc ấy có khác. Người giống da vàng ở Á-châu, nguyên-chất **lương-tâm** có tốt hơn, cho nên phát-đạt về lương-tâm hơn, cho nên một ngành **đức** rất nhớn; Khổng-tử, Thích-ca, Gia-tô, ba vị thánh-nhân đó tức là đại-biểu vậy. Người giống da trắng ở Âu-châu, nguyên-chất **lương-tri** có tốt hơn, cho nên phát-đạt về lương-tri hơn, cho nên một ngành **tri** rất nhớn; các nhà phát-minh ở Âu-châu tức là đại-biểu vậy. Trước đây ta đã nói «thiên-lương là không-khí thứ hai của loài người, tri là dưỡng-khí, mà đức là đạm-khí.» Do nghĩa đó xem ra thời dân-tộc Âu-châu giầu về dưỡng-khí, mà dân-tộc Á-châu giầu về đạm-khí. Âu-châu giầu về *dưỡng-khí*, cho nên cái *văn-minh tri-sảo* (do lương-tri phát vinh tư-trưởng) đến kỳ bành-trướng mà chàn qua sang cõi Á-châu. Á-châu giầu về *đạm-khí*, cho nên cái *văn-minh đạo-đức* (do lương-tâm phát-vinh tư-trưởng) cũng đến kỳ bành-trướng mà chàn qua sang cõi Âu-châu. Xem ở Á-châu, ngay như nước Ấn-độ và nước Tàu, to nhớn là nhường bao mà đều bị thế-lực của người Âu xâm-chiếm. Lại xem ở Âu-châu các nước, từ xưa đến nay, biết bao những vĩ-nhân triết-sĩ, mà toàn châu theo phụng giáo Gia-tô. Đó là hai cái hiển-chứng vậy. Hai cái văn-minh đó, đều theo sức bành-trướng mà chàn qua miền nọ sang miền kia, ấy là lý thế tự-nhiên, không phải tự sức người làm ra, cũng không có thể lấy sức người mà ngăn cấm. Như nước Ấn-độ, dẫu không bị người Anh xâm-chiếm, thời cũng về tay

một nước khác như nước *Pháp-lan-tây*, Đức-ý-chí, Bồ-đào-nha, Ý-đại-lỵ ở Âu châu. Người Âu-châu nếu không theo phụng giáo Gia tô, thời tất cũng phụng theo Phật-giáo, Khổng-giáo vậy. Khổng-giáo phát-sinh ở Trung-quốc, với Âu-châu rất xa; Phật-giáo ở Ấn-độ cũng xa, Gia-giáo ở Do-thái gần hơn, cho nên chàn qua sang Âu-châu tiện hơn, cho nên người Âu-châu theo phụng giáo Gia-tô vậy. Đó là sự lưu-động của thiên-lương ở hai châu Âu, Á, mà do đó thực giải vỡ cái nghi-nghĩa của ông Lương-khải Siêu. Ba nước mà ba vị đại thánh-nhân dáng sinh, đều giầu về đạm-khí mà không giầu về dưỡng-khí, cho nên suy hèn mà khó phấn-trấn vậy.

* * *

Nhân nói về sự lưu động của thiên-lương ở hai châu Âu, Á, mà nói đến việc **binh** của thế-giới.

Thiên-lương là không-khí, không-khí lưu-động thời thành gió. Việc **binh** của thế-giới, tức là **gió** thiên-lương vậy. Thiên-lương là không-khí mà binh là gió. Trong thế-giới từ xưa đến nay có hai luồng gió thiên-lương rất nhớn, tức là văn-minh Âu-châu chàn sang Á, và văn-minh Á-châu chàn sang Âu. Văn-minh Âu-châu chàn sang Á, xem như luồng gió nóng; văn-minh Á-châu chàn sang Âu, xem như luồng gió lạnh. Vô luận luồng gió thế nào, mà ở miền nọ qua miền kia, thường tất có gẫy cành rơi lá. Bởi thế cho nên việc binh của thế-giới, tất có tàn-sát mà không thể không vậy. Nay nghĩ như: giáo Gia-tô truyền sang Âu-châu thời có việc *Thập-tự-quân* là gió; thế-lực người Âu chàn sang Trung-quốc thời có trận *Bát-quốc liên-binh* là gió. Nếu không có những việc binh như thế, thời hai cái văn-minh Âu, Á, đâu cứ đấy, mà không lưu-thông được cùng nhau. Cho nên việc binh của thế-giới tức là do thiên-lương lưu-động mà làm ra, đem cái văn-minh nơi nọ truyền-thông giao-dịch cho nơi kia, thực là một sự rất có giá-trị của các dân-tộc ở thế-giới vậy.

Ngoài hai luồng gió ấy, trong thế-giới còn có nhiều trận gió thiên-lương rất to, làm cho đám không-khí đương bế-tắc mà khai-minh, thời như: có việc *Nam bắc Mỹ chiến-tranh* mà rồi mới có việc *giải-phóng hắc-nô*, có cuộc *Pháp-quốc đại cách-mệnh* mà rồi mới có cuộc *dân-chủ*. Nếu thử đem hết các việc chiến-tranh nhớn nhỏ trong thế-giới từ xưa giở lại, mà tìm cái kết-quả, có nhẽ rằng không việc nào không có kết-quả hay. Nhiều người không xét ra, mà cho việc binh là việc gở, tâm-tâm niệm-niệm chỉ cầu cho thế-giới được hòa-bình; cái lý-tưởng đó, nghĩ có như câu thơ *vịnh tuyết* của ông *Vương Kinh công* bảo rằng: «農夫不解豐年意,只欲青天萬里開. *Nông phu bất giải phong-niên ý, chỉ dục thanh-thiên vạn lý khai*, (1)» thật là không có kiến-thức vậy.

(Sẽ tiếp theo)

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Ông Vương-an-Thạch trong khi làm tướng, ông có làm nhiều chính-lệnh mới mà chúng-nhân không phục, cho nên ông mới làm bài thơ vịnh tuyết để ngụ ý. Hai câu này nghĩa rằng: Kẻ nông-phu không biết cái ý giời làm tuyết là sẽ cho năm được mùa, mà chỉ muốn giời xanh lúc nào cũng quang tênh muôn rặm.

THẾ-GIỚI VĨ-NHÂN LIỆT-TRUYỆN

HOÀNG-HƯNG 黃興

VII

Thời-đại sau khi cuộc cách-mệnh thứ ba đã thành công

Sau khi Viên-thế-Khải đã chết, những bọn xu viêm phụ thế, chơ-vơ như mất cha mẹ, cái đó chẳng nói cũng biết, bấy giờ Tiên-sinh có phúng một câu rằng:

« *Thương hại thay! bốn mươi hơn năm, tiếng anh-hùng góp với gậm giời; ngờ đâu tai điếc mắt lòa, một phút giở ngay khuôn mặt nạ!*

« *Ngắn-ngủi thật! tám mươi ba ngày, ngôi Hoàng-đế huỳnh trong sổ cửa; mua lấy dân*

nguyền nước dủa, nghìn thu để mãi cái trò cười ».

Bấy giờ Lê-nguyên-Hồng tuy rằng theo lệ mà nối ngôi Tổng-thống, nhưng mà những kẻ vuốt nanh ruột thịt của Thế-Khải vẫn chiếm giữ những nơi trọng-yếu ở Kinh-sư. Tiên-sinh thấy vậy, bàn với một người đồng-chí rằng : « Lê-công làm Tổng-thống, tuy cũng sứng - đáng với lòng ngưỡng - vọng của quốc-dân, song le đương lúc giời đất chông gai này, vẫn không được tự-do hành-động ; cái hi - vọng gây lại cuộc cộng - hòa, cũng khó mà đạt được mục-đích ». Bèn hợp các đồng-chí ở phương Nam, đánh điện cho chính-phủ hiện-thời, xin nghiêm-trị những kẻ thủ - xướng ra họa đế-chế, khôi-phục những điều ước năm Dân - quốc thứ nhất, và phải họp ngay một kỳ quốc-hội, truất-bãi những người vây cánh họ Viên. Nguyên - Hồng lấy làm phải, liền phúc điện mời Tiên-sinh tới kinh, đởm-nhậm hộ những sự điều-hòa về việc đó ; các đồng-chí đều khuyên nài Tiên-sinh nên đi. Tiên-sinh không nghe và nói rằng : « Nếu ta cố-kết mà ra sức đởm-đương việc này, cũng không phải không bổ-ích cho nước; nhưng mà những kẻ không biết, tất-nhiên ngờ rằng ta muốn mưu toan những việc kia khác. Từ nay, ta đã cầm vững một tôn-chỉ, đối với nước nhà, dẫu ta ở đâu cũng phải giúp ngầm đỡ kín, không cần tỏ lộ với ai, đó là ý-nguyện của ta vậy. » Chúng nghe nói, đều phục là cao kiến.

Lê-nguyên-Hồng nhận chức, trước hết mời ngay Tiên-sinh và Tôn-dật-Tiên cùng ra giúp đỡ, cất nhắc những việc to-tát khó-khăn ; nhưng mà Tiên-sinh không lấy làm phải, Tiên-sinh cho rằng : phàm các việc *nước, cầu lấy khéo mà có cơ thất-bại*, không bằng cứ chịu vụng mà có thể an-toàn. Xem cái thái-độ mặt ngoài của Tiên-sinh, ai cũng tưởng là một người rất lãnh-đạm, kỳ thực thì trong bụng Tiên-sinh không lúc nào không bối-rối về việc nước. Từ độ Thang-hương-Minh đi chốn, dân-sĩ tỉnh Tương họp nhau đánh điện cho chính-phủ, xin cử Tiên-sinh làm chức quân-trưởng ở Hồ-Nam. Các viên nguyên-thủ tổng-lý cũng công-nhận rằng : phi Tiên-sinh thì không người nào coi được xứ Tam-Tương, liền chuyền điện cho Tiên-sinh để tỏ rằng chính-phủ cũng đồng ý với người xứ đó. Tiên-sinh chối rằng : tài không đương nổi, không dám nhận chức. Tả hữu hỏi tại cớ gì. Tiên-sinh đáp rằng : « Ta lật-đật về việc nước hơn hai mươi năm, là cốt để lo cái hạnh-phúc cho cả nước, mà không phải chỉ mưu quyền-lợi cho một người. Ngày nay cuộc cộng-hòa sống lại, xã-hội còn nhiều việc đáng cải cách. Cái bão-phụ về chính-trị của ta, chỉ chú-trọng có hai phương-diện : là chủ-nghĩa bình-dân và chủ-nghĩa cải-lương ; nếu cứ theo đó mà tiến hành, cũng là giúp nước bằng một cách gián-tiếp. Các nước Âu-tây, chức-trách của đảng xã - hội, trọng yếu hơn chức-trách của nhà quan trường, ta nay cũng theo cái ý-tưởng đó ». Ấy Tiên-sinh là người chí-thú cao-thượng, tâm-địa trong sạch đến như thế.

Khi đó, cuộc cộng-hòa dù đã gây lại; ở kinh sư, những lớp sóng ngầm rối loạn cũng vẫn thường-thường nổi lên. Tiên-sinh rất lấy làm lo. Chẳng bao lâu sẩy có việc xung-đột của viên tổng - lý và viên nội-các kia, bấy giờ thiên hạ nôn-nao đã hồ thành một cuộc đáng sợ. Tiên-sinh nghe thấy tin đó, đau xót mà rằng : « cái tôn-chỉ chính-đáng của đảng ta, là chỉ biết nghĩa-vụ mà không biết đến quyền-lợi ; nay tên ấy cử-động như thế, đó là hắn mượn cái ngọn cờ dân-đảng để làm đồ quấy rối nước nhà; chẳng những chúng ta vì một nó mà mất cả giá-trị, phủ-viện cũng vì nó mà sinh mối ác-cảm, nhà nước cũng vì nó mà xa đắm vào vòng hiểm nghèo, thực là đáng đận lắm vậy. » Nói đoạn, thổ huyết lênh-láng. Người ta cho rằng sau này Tiên-sinh mắc bệnh, căn-do cũng nguyên ở đấy.

Thế-Khải chết, Nguyên-Hồng thay, các tỉnh bên ngoài lần lượt giải tán cuộc độc-lập ; ở xứ Thượng-Hải, những tay cách-mệnh khi trước họp nhau để đánh họ Viên, kể có vài vạn con người, bấy giờ ai nấy quần áo rách tơi, tư lương hết sạch. Tiên-sinh thấy vậy rất thương, mới họp bọn Tôn Trung-sơn, Đường-kế-Nghiêu và Bách-văn-Cử bàn nhau đánh công-điện cho

chính-phủ, xin cấp tiền ăn đường, để bọn cách - mệnh, ai về quê nấy, khỏi phải lưu lạc ở Thượng - hải. Tuy rằng chính - phủ đã bàn trích tiền công mười mấy vạn đồng để chẩn thải, đã phái quan - lại điều-tra số người, biên thành danh - sách, và đã tính ngày cấp phát ; nhưng mà giấy má sổ sách cũng phải làm đi làm lại lôi-thôi, không phải trong một ngày hai ngày mà xong được. Bấy giờ các đồng-nhân nguy cấp quá độ, không thể đợi được, kéo nhau đến nhà Tiên-sinh, kẻ hỏi vay, người xin dúp. Tiên-sinh không từ-nan chút nào, kẻ ít người nhiều, hết thảy đều bù đỡ cho cả. Tính trong mấy tháng, Tiên-sinh phí về việc đó không biết bao nhiêu. Đồn rằng một hôm có người đồng-chí bị bịnh sốt rét chết ở nhà trọ, áo quần quan quách không có một tý gì. Tiên-sinh thân đến tận nơi, chủ liệu việc tống-táng ; tiền lưng không đủ, phải cầm áo lấy vài mươi đồng để mua sắm các đồ khâm - liệm. Các đảng-nhân thấy vậy, đều cảm phục đức lượng của Tiên-sinh. Đó là nói qua những khoản to, ngoài ra những kẻ nghèo khó không có chỗ nào nương tựa, Tiên-sinh chu cấp cũng nhiều.

Bấy giờ ở kinh-sư, những bọn quan liêu hủ-bại ươn hèn vẫn muốn khư-khư giữ lấy quyền-chính. Tiên - sinh thấy vậy, thở giài mà rằng : « chúng bay vì cái tư-tưởng giữ vững bát cơm, chỉ là một việc rất nhỏ, mà làm cho nhầm nhỡ tiền-đồ của nhà nước, thật là cái hại vô cùng. » Khi ấy những người nóng tính trong dân-đảng muốn dùng thủ-đoạn kịch-liệt mà chừng - trị bọn vô- sỷ đó. Tiên-sinh vội ngăn rằng : « Chúng ta được trông thấy cuộc cộng-hòa sống lại, đó là cái hạnh-phúc rất to. Nay trong chính-giới dẫu có một vài kẻ trái phép, cũng chỉ nên theo pháp-luật mà giải quyết. Từ nay mà đi, chúng ta phải đổi bỏ chủ-nghĩa phá-hoại, mà chú-ý về phương-diện kiến-thiết ; dẫu cho quyền không ở mình, mà hậu-vận của nước nhà lúc nào cũng phải gìn giữ ; nghĩa là quyền lợi thì ta không tranh, mà hai chữ « nghĩa-vụ » thì ta sống ngày nào, còn phải gánh vác ngày ấy. Nói rằng *công thành thân thoái*, chẳng qua là không thiết quyền lợi mà thôi, chứ không phải là bỏ cả nước nhà không tưởng đến. » Các đồ-đảng đều lấy câu đó làm hay.

Mồng mười tháng mười, là ngày kỷ-niệm về việc xướng-nghĩa ban đầu ở Vũ-Xương. Tiên-sinh đã hẹn trước những đồng-chí tề-tập tại Vị-thuần-viên làm lễ chúc mừng Quốc-khánh. Sáng hôm ấy Tiên-sinh giậy sớm, đi dong quanh thềm nhà riêng ở con đường Hà-phi về tô-giới nước Pháp, chợt thấy tai ù mặt tối, toan vào nhà trong nghỉ tạm, nhưng chưa kịp đi, tự-nhiên máu tươi ở miệng và mũi đổ ra ồng-ộc, ngã gục xuống đất, mê-man không biết gì cả. Khi đó Thái-phu-nhân, và hai công-tử đều trọ ở đảo Trương-kỳ nước Nhật-bản, chỉ có công-tử cả là Nhật-Âu vẫn theo ở nhà với Tiên-sinh. Bấy giờ thấy cha bị cảm, sợ hãi hết vía, tức-khắc mời ngay thầy thuốc người Đức tên là Cụ-lễ-Sỹ cho một liều thuốc chữa mê. Một lát Tiên-sinh hồi tỉnh, liền sai mấy tên thị-giả báo cáo cho khắp các đồng-chí biết rằng cuộc hội ở Vĩ-thuận-viên, Tiên-sinh không thể đến được. Đồng-chí nghe tin, ai nấy mất vui ; lễ khánh-chúc hôm ấy cũng trung-chỉ.

Quá trưa hôm ấy, có điện-tín ở kinh-sư đưa đến, nói là Lê Hoàng-pha tặng Tiên-sinh làm nhất-vị nguyên-huân, Tiên-sinh khảng-khái mà rằng : « Ta dẫu lật-đật về việc nước hơn hai mươi năm, song đó cũng là nghĩa-vụ của ta đối với quốc-dân phải nên như thế, chớ có công-lao gì đáng khoe. Nay Lê-công tôn sùng ta đến như thế, ta thật lấy làm hổ thẹn. » Liền gọi Công-tử Nhật-Âu đến cạnh dường, Tiên-sinh đọc tờ từ-cáo cho công-tử chép ; chép xong, tức - khắc đánh điện về kinh cho Chính-phủ.

Từ khi Tiên-sinh thổ-huyết, tuy rằng điều-dưỡng mấy ngày, thân-thể cũng gần được như thường, nhưng mà tinh-thần thì rất đồi-bại. Một hôm có người Nhật-Bản tên là Cung-khi-Thao-thiên, trước vẫn bạn với Tiên-sinh, khi ấy nghe tin Tiên-sinh mắc bệnh, lên xe đến thăm. Tiên-sinh cầm tay Thao-thiên mà rằng. « Tôi từ thủa ra đời đến nay, lúc nào cũng đem bụng lo nước, cái bịnh của tôi căn-nguyên tiêm-nhiễm đã lâu, nghĩa là không phải bệnh

tại thân-thể, bịnh mà-tại gan ruột vậy. Tuy vậy, thân tôi còn sống ngày nào, bụng tôi còn phải lo nước ngày ấy, bây giờ mắc phải chứng này, hoặc-giả cái bầu nhiệt-huyết còn sót ít nào, phải tận số phun ra để báo đáp quốc-dân đó chăng? Nếu thực như thế, thì chắc nay mai tôi cũng sắp chết.» Thao-Thiên nghe mấy câu ấy, tự-nhiên nước mắt chứa-chan, sẽ khuyên Tiên-sinh hãy cứ yên tâm điều-dưỡng, may cũng có cơ bình-phục.

Tiên-sinh nằm phục thuốc mươi ngày, bịnh-chứng đã thấy hơi bớt, trước còn theo nhời thày thuốc, cấm hết các việc không cho đến tai; sau vì sốt ruột về thời-cục, nằm trong dường mà vẫn thường-thường gạn hỏi thị-giả về các việc nước. Khi nghe thấy án giao-thiệp ở Lao-Tây-Gian, cùng những ám-chào ở trong chính-hải, bỗng chốc bồn chồn tức tối, gầm hét quát tháo không rất miệng. Công-tử Nhật Âu mấy lần can ngăn thảm-thiết. Tiên-sinh cũng không nghe. Một lát, can-bộ phát chướng, rằn-dọc suốt đêm không ngủ. Cụ-Lê-Sỹ vào thăm, nói là cái ung trong dạ giầy đã vỡ, tiêm thuốc trước còn thấy hiệu, rồi sau cũng không chuyển được chút nào; ngày hôm sau toàn thân biến thành sắc vàng, thày thuốc bảo rằng trái mật vỡ, đởm-chấp tan vào huyết-quản, cho nên biến ra chứng ấy. Một lát lại thấy mầu tươi đổ ra, đầm-đìa cả chăn màn quần áo. Bấy giờ Tôn Trung-sơn và Đường-thiếu-Xuyên vừa vào, hai người hỏi đến bịnh-trạng, Tiên-sinh biết chứng không khỏi, gắn-bó dặn hai người phải gìn-giữ tiền-đồ cho dân-quốc và lại nói rằng: « Sau khi tôi đã nhắm mắt, nếu mà nước nhà được một ngày một giầu mạnh, thì tôi dẫu chết cũng như sống.» Hai người nghe nói, ai nấy nước mắt thánh-thót. Bấy giờ là ngày 30 tháng 10.

Quá trưa hôm sau, Tiên-sinh lại thổ huyết rất nhiều, thày thuốc cho thuốc cũng không hiệu nữa. Bấy giờ Cung-khi-Thao-Thiên vừa đến, lại mời hộ một người thày thuốc Nhật-Bản tên là Mộc-kim-Thái-Lang. Thăm mạch xong, Thái-Lang nói là không sao chữa được. Công-tử Nhật-Âu nghe nói, gào khóc rất thảm-thiết. Tiên-sinh nằm trên dường se-sẽ chớp mắt, vừa đên vừa thở, vừa bảo rằng: «Ta chết, con chớ khóc, hãy để cái bầu nước mắt đó mà khóc thương-sinh sau này; ấy thế là ta có con đấy.» Chiều hôm ấy, đúng bốn giờ rưỡi thì linh-hồn Tiên-sinh từ bỏ non-nước Trung-Hoa mà tiêu giao trên từng không khí trong năm miền đại-lục. Hỡi ôi, vui-vẻ thay!

Tiên-sinh đã tạ thế, các đồng-chí ở Thượng-Hải kéo đến đầy nhà, xúm quanh thi-thể, kêu gào than khóc. Công-tử Nhật-Âu một mặt đánh điện cáo-phó cho chính-phủ và các viên Quan Dân tổng-trưởng trong các tỉnh; một mặt đánh điện sang Nhật-Bản mời Thái-phu-nhân, Phu-nhân và ba công-tử, khắc kỳ về nước. Trong ngày thấn liệm, khách viếng kể có mấy nghìn người; những người ở xa, từ viên Tổng-thống giở xuống, đều có điện thăm, và có đồ phúng gửi đến. Xem đó biết lúc bình-thời, lòng người tôn qui Tiên-sinh là chừng nào.

VIII.

Những việc di-dật lúc sinh-bình

Tiên-sinh đã anh-hùng mà lại văn hay chữ tốt. Triệu-bá-Tiên cũng giỏi nghề văn mà hay thích đánh cờ, một hôm hai người gặp nhau, Bá-Tiên tưởng là Tiên-sinh cũng cao cờ, mới sai người bầy sẵn bàn cờ mời Tiên-sinh thưởng chơi. Tiên-sinh chối là không biết. Bá-Tiên cười mà rằng:

« Ai ngờ ông Khắc-Cường mà không biết đánh cờ.» Tiên-sinh cũng cười mà đáp lại rằng: « Cái nghề tỷ-mỷ nhỏ-nhặt ấy, có đáng kể chi.» Bá-Tiên cãi lại rằng: « Ông nói không phải. Nghề đánh cờ cũng như nghề binh: thế công thế thủ, thế tiến thế lui, cũng là những nước bắt lừa đánh úp, việc binh thế nào thì việc cờ cũng thế.» Bá-Tiên là người ý khí hào-hùng, suốt trong đời chẳng phục ai cả. Khi đó nói song câu ấy, cười khanh-khách đẩy án đứng giậy, bàn cờ bị rơi vỡ tan làm hai mảnh, quân cờ bắn vung mặt đất. Tiên-sinh buồn rầu mà rằng: « Ta nỡ ngồi mà nhìn cái cảnh núi sông tan-nát thế

này ư! (chữ núi sông đây chỉ về cái bàn cờ)? Bá-Tiên nghe nói cũng ngậm-ngùi không vui, bèn gọi rượu uống thật say rồi từ biệt.

Thủa Tiên-sinh còn học ở Lưỡng-hồ-thư-viện, khí-phách anh-kiệt, thường thường phát hiện ở trong câu nói tiếng cười, giáng ngồi cách đứng. Bấy giờ sĩ-phu bàn đến tân-học, ai cũng hâm-mộ người Âu-tây súng mạnh tầu bền, công thương phát-đạt, đua nhau học lỏm bộ da vỏ, mà bỏ mất phần tinh-thần, cả đến căn-bản lập quốc cũng tờ-mờ không biết. Duy có Tiên sinh đã nghĩ đến sự đó, Tiên-sinh có bảo một người rằng; « Nếu ta muốn cho nước ta phấn-chấn tinh-thần, nên được một nước giầu mạnh, thì đừng nghiên-cứu về phần hình-thức. » Người kia hỏi lại rằng: « Nếu vậy thì làm thế nào? » Tiên-sinh đáp rằng: « Khó nói lắm. » Nói song, nín bằng hồi lâu rồi lại nói: « Muốn dựng nhà mới, tất phải phá hoại những nền-nếp cũ; nếu cứ đem cái tường siêu mái nát mà bôi phấn quét vôi, làm cho trang-hoàng rực-rỡ, rồi tự khoe rằng ấy nhà mới đấy, đó là nói dối ai? nói dối người hay dối mình. » Người kia nghe thấy câu đó, cũng lấy làm phải; nhưng lại sợ những người cùng ngồi đem câu nói ấy phao đi, tất-nhiên triều Thanh bắt nã, mới nói tảng rằng: « Lệ-Ngọ (tên tự Tiên-sinh) lại muốn làm thợ quét tường hay sao, tôi khuyên anh đừng học cái mạt-nghệ ấy. » Tiên-sinh hiểu ý, từ đó không gặp tri-kỷ thì không dám thổ lộ can-trường.

Trong Lưỡng-hồ thư-viện, học-sinh độ hơn trăm người, quá nửa ăn ngủ trong viện; hễ đến giờ ăn, cai trường đánh chuông làm hiệu, khi sắp đến bữa, học-trò kéo đến chực sẵn quanh nhà, nhốn-nháo sôn-sao, quang-cảnh rất là náo-nhiệt. Duy có Tiên-sinh hôm nào cũng chờ thấy có tiếng chuông mới đến. Nhà học với phòng ăn cách nhau hơi xa, những lúc Tiên sinh nghe thấy chuông kêu, lại còn sếp dọn sách vở bút mực tề-chỉnh, rồi mới ra đi, có hôm đến nơi đã gặp người ăn song giở ra, thì lại quay lại, mua bánh ăn tạm. Ngày nào cũng thế, tốn kém rất nhiều, về sau Tiên sinh hà-tiện, thường có ngày chỉ ăn một bữa.

Khi đó Tiên-sinh có soạn một bài bút-minh và một bài mặc-minh, nhời nhẽ rất thanh trầm, ý-tứ rất hùng-tráng. Bài mặc-minh rằng:

« *Mực mài ngày một ngắn;*
« *Người mài ngày càng già.*
« *Thước ngọc chưa đủ quý;*
« *Tấc bóng đừng bỏ qua.*

Bài bút-minh rằng:

« *Sớm kỳ khu, tối kỳ-khu.*
« *Chạm sâu gọt triện làm chi du?*
« *Quăng bút như ai mới trượng-phu!* (1)

Tiên-sinh cũng thích văn thơ của Tăng-quốc-Phiên, trên án thường để một tập lúc rỗi lại giở ra xem. Có hôm Tiên-sinh bảo với người nhà rằng: « Chí tôi với chí Tăng-mỗ tuy không giống nhau, nhưng mà cái cách trị mình nghiêm-nhặt của hắn, thì tôi rất phục. » Tiên sinh lại bảo một người bạn rằng: « Người mà không chế được mình thì chẳng khi nào trị được người, mà cũng không có thể làm được công việc. Túc-hạ sơ-cuồng phóng-túng, tuy là bản-sắc anh-hùng, nhưng tôi cũng không phục là phải. » Những ý tưởng như câu nói đó đều ở Tăng văn suy ra.

Khi ở tỉnh Tương, Tiên-sinh với Tống-giáo-Nhân mới biết tiếng mà chưa biết mặt. Một hôm chơi nhà người bạn, khách khứa đầy nhà, ai nấy cười cười nói nói, tiếng vỗ tay vang một góc giời. Có một người cúi mặt ngồi im, chẳng góp một câu nào cả, nhưng mà trông mặt thì rõ ra một người anh-tuấn. Tiên-sinh sẽ hỏi người chủ rằng: « Ông kia có phải Tống-quân đó chăng? » Người chủ đáp là phải, và lại giới-thiệu cho hai người biết nhau. Bấy giờ hai người mới bàn luận việc đời, ý-khí rất tương-đắc. Về sau hai bên đi lại càng ngày càng thân.

(1) Ông Ban-Siêu ngày xưa đương làm thư-ký, quăng bỏ bút mà sau rồi làm nên đến phong-hầu.

Từ năm Tân-hợi về trước, ai cũng nói rằng hội Đồng-minh là cái cơ-quan đặc-sắc của đảng cách-mệnh ; nhưng không biết còn có hội khác, dùng văn tự mà khua động quốc dân, để giúp cho hội Đồng-minh, mà công-hiệu so với hội đồng-minh cũng không thua kém. Hội ấy tức là hội Nam-xã. Nguyên hội Đồng-minh thành-lập ở Đông-kinh, bấy giờ là năm Quang-tự thứ 32 và 33, địa-điểm của hội đã ở ngoại-quốc, công việc của hội lại rất bí-mật, muốn đem những tư-tưởng cách-mệnh mà tưới dội cho nhân-dân trong nước, sự đó không phải dễ-dàng. Vì thế, những người chân hội như Cao-Úc, Chu-bảo-Khang, Liễu-khí-Tật và Trần-khứ-Bệnh bàn nhau về nước tổ chức hội Nam-xã, giả danh lập hội để giảng học bàn văn, kỳ thực là để hô-hào việc cách-mệnh. Khi Nam-xã bắt đầu tổ-chức, do ở Tiên-sinh tán-thành ; chỉ vì tên họ của Tiên-sinh có trở-ngại cho sự hành-động, nên không kê vào sổ. Hội Nam-xã thành-lập dữa năm Tuyên-thống thứ hai, qua một năm thì người Thanh phải về Mãn-châu. Đương khi mới lập hội, Chính-phủ Mãn-Thanh cũng cho là mấy anh thư-sinh họp nhau uống rượu ngâm thơ mà thôi, không ngờ là đảng cách-mệnh, cho nên cũng không chú-ý, vì thế hội-đảng vẫn được yên ổn. Sau này việc cách-mệnh thành công, hội Đồng-minh đổi làm quốc-dân-đảng, nhân-dân trong nước đua nhau lấy sự có tên trong hội là vinh ; đến năm quí-sửu, cuộc cách-mệnh thứ hai đã thất bại, Quốc-dân-đảng bị cưỡng-bách phải giải tán, thế mà hội Nam-xã cũng vẫn yên lành, là vì họ Viên cũng tưởng là một hội văn-học mà không ngờ tỉ ực. Nhưng mà tôn-chỉ của hội thì rất kiẳng-khái kịch-liệt, chân hội cũng đặt những người hiệp-nghĩa, cho nên nhiều phen làm được việc to. Coi đó biết văn-tự cảm động lòng người thật sâu và thật dễ, mà đến cái công đề-sướng khí tiết, thì văn xã so với chính-đảng có nhẽ lại mạnh sức hơn.

Nhà Kiện-hành-công-học ở Thượng-hải cũng là một bộ cơ-quan của dân-đảng, các giáo-viên ở đó như bọn Chu-Bảo-Khang, Mã quân-Vũ cùng là những tay cừ-khôi trong đảng cách-mệnh, mà Tiên-sinh thì là một người tán-chợ. Tiên-sinh thường nói rằng : « Ta muốn đem cái hạt giống cách-mệnh mà gieo khắp trong nước, trừ học-xã báo-trương ra, thì không có cách nào mà làm cho nẩy mầm. Trong hai thứ đó, thì công-hiệu của học-xã có nhẽ lại mau chóng hơn, là vì học-trò nghe nhời giảy bảo và nhiễm cách dèn-tập của ông thày, lại dễ cảm-động hơn là xem báo ; một người thày giáo cảm-động được độ hơn một trăm học-trò; hơn một trăm học-trò ấy, lại làm thày giáo thì lại cảm-động được độ hơn một nghìn học-trò khác ; cứ thế mà làm, thì chẳng mấy chốc sẽ đào-tạo được rất nhiều hạng ái-quốc thiếu-niên, mà vô số hạt giống cách-mệnh đã rắc kín vùi ngầm khắp các giải đất trong nước. Một mai mưa xuân nhuần thấm, tất-nhiên nẩy búp đâm mầm. »

Năm Dân-quốc thứ nhất, Tôn Trung-sơn nhường ngôi Tổng-thống cho Viên-thế-Khải mà dũ áo ra về, bấy giờ Tiên-sinh còn ở lại giữ thành Nam-kinh ; trong dân-đảng có người đoán trước là Thế-Khải không phải là kẻ nhiệt-tâm về cuộc cộng-hòa, thường thường bảo với Tiên-sinh là Trung-Sơn bị lừa. Tiên-sinh đáp lại rằng : « Việc đó có phải là ta không biết đâu ? nhưng bây giờ ác-tích của hắn chưa rõ, nếu Trung-sơn không nhường cho hắn, tất hắn phải cố chết mà kháng-cự và gây việc với bọn mình, như vậy há là hạnh-phúc cho quốc-dân ! Vả lại nếu đã đến thế, chắc là ai ai cũng đổ tại bọn mình tranh quyền cướp lợi, để cho quốc-dân phải sa đắm vào vòng hiểm nghèo, thế thì mình cãi làm sao. » Lại có người hỏi Tiên-sinh rằng : « Cứ như nhân-cách của Thế-Khải, có thể mong hắn mưu oan về đường hạnh-phúc cho quốc-dân chăng» ? Tiên-sinh đáp rằng : « Tất không được, song quốc-dân cũng không hại gì, thế nào hắn cũng đeo lấy tiếng sấu mà chết. » Người kia hỏi tại sao, thì Tiên-sinh lại cắt nghĩa rằng : « Làm người ai chẳng muốn làm Hoàng-đế, nhưng mà cái ngày bắt đầu làm Hoàng-đế, tức là cái ngày sắp

sửa diệt-vong. » Lúc bấy giờ nghe thấy câu ấy, ít người tin là phải. Đến năm qui-sửu, Tống-giáo-Nhân đã bị ám-sát cái dã-tâm của Viên-thế-Khải đã lộ ra, lại có người bảo Tiên-sinh rằng : « Viên-thế-Khải sắp-sửa nhảy làm Hoàng-đế, sao ông không ra tay mà cứu lấy cuộc cộng-hòa » ? Tiên-sinh đáp rằng : « Bây giờ còn sớm, hắn chưa thực hành đế-chế thì chúng ta chưa thể đuổi hắn đi được ; vì rằng cái bộ mặt cầm thú của hắn chưa phơi hẳn ra, thì còn nhiều người nhận nhầm Tào-Man làm Hoa-thịnh-Đốn. » Chẳng bao lâu Viên-thế-Khải ngang-ngược càng tệ, những người kịch liệt trong dân-đảng, ai nấy tim gan điên tiết, tiếng chái-phá ở Hồ-khẩu đã nổ rồi, thì cái máy tự-động của quốc-dân không thể nào mà ngăn lại được. Tiên-sinh phải miễn-cưỡng nhận nhời đồng-đảng mà ra mặt chống lại họ Viên. Ngọn cờ khởi nghĩa đã kéo lên ở phía đông-nam, chí-sĩ bốn phương ầm-ầm hưởng-ứng ; chỉ vì cái bộ mặt giả-dối của Thế-Khải chưa lột hết, cho nên lòng dân hãy còn nửa phần tín nghi, vì thế mới có trận thất-bại năm qui-sửu, y như nhời Tiên-sinh định liệu khi trước. Cách hai năm, hội Chù-an (1) đã thành lập, Viên-thế-Khải đã thực hành đế-chế, bấy giờ nhiều người chột dạ vì trận thua năm xưa, cho là ngọn nghĩa-cờ của dân-đảng tất không khi nào lại dựng lên được ; vì thế, những kẻ giảo-hoạt thì đua nhau ôm chân nấp gối tân-triều, mà người cương-trực thì cũng đành chịu khóc chộm than ngầm, không muốn nghe chi việc nước. Bấy giờ Tiên-sinh có bàn với một người bạn rằng : « Cái bộ mặt giả của thằng gian-hùng đã lộ hết, có nhẽ nay mai hắn sẽ sụp ngồi mà chết. » Quả-nhiên được ít lâu thì mấy tỉnh đông-nam đùng-đùng khởi nghĩa, đánh một trận mà đạp đổ chính-phủ của đứa gian-hùng, bấy giờ thiên-hạ mới phục Tiên-sinh là người cao-kiến.

1 — Hội cơ-quan của Viên-thế-Khải

(Hết.)

NGÔ TẤT-TỐ dịch thuật

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BÁO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo : 186 đường d'Espagne

Giá báo đồng niên 8 $ 00

— — nửa năm 5, 00

Thu' và Mandats gu'i cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng-lý

Kính cáo

Số đầu của Bản-chí hiện nay đã hết cả, Bản-chí còn đương tính in lại, bớt đi ít nhiều trang không cần thiết mà giá bán hạ xuống 0$15. Vậy nay, các Ngài nhận bán lẻ cùng các Ngài mua năm mà muốn lấy từ số đầu Bản-chí xin tạm gửi từ số thứ hai giở đi, còn số đầu sẽ xin gửi sau.

An-Nam Tạp-chí

Vịnh bức địa-đồ bìa trước báo Annam

Vẻ chi quắng-quại tựa nhành hoa ?,
Ờ ! giải non sông của nước nhà.
Nhô-nhổm hùng-hào hình hổ-cứ
Rập-rờn dũng-dược trạng long-ba.
Trải thân mấy trận trường oanh-liệt,
Xao-xác bao hồi truyện xót-xa.
Chẳng chịt một vùng Nam chí Bắc,
Bến đò xưa đó với cây đa (1).

Nguyễn-anh-Tuấn
VĨNH-LONG Cochinchine

(1) Câu này tác-giả tất có dụng điển-tích, Bản-chí chưa được hiểu.

Sơ thu hoài cảm

(Họa vần bài của ông Tản-đà đăng trong Annam tạp-chí số 4)

Xuân qua hè tới, lại sang thu,
Chênh-chếch vầng giăng hé trước lầu.
Trông tỏ giời Nam cùng đất Bắc,
Soi chung cõi Á lại miền Âu.
Cuộc đời suy thịnh soay chưa chán,
Cữ nước vơi đầy bởi tại đâu.
Phong-hội văn-minh người cố-quốc,
Gió thu ve gọi, dế kêu sầu.

Ngọc-hồ **Nguyễn-viết-Bảo**

Giời thu

Non nước hơi thu cảnh lạnh-lùng,
Trông giời trông đất tứ mênh-mông :
Phá mây mong tỏ vừng giăng bạc,
Dội nước chờ tươi đóa cúc hồng.
Mỏi mệt cảnh sương thương Thục-đế,
Long-lanh mặt nước nhớ Tô công.
Giây đồng muốn lựa Nam-hoài khúc,
Chưa gẩy đà nên tiếng não-nùng.

Đêm không ngủ

Phút chốc trông giời đã rạng đông,
Một đêm thôi thế thế là song.
Thương nhà chưa ráo đôi hàng lệ,
Đợi nước thêm đau một tấm lòng.
Sự thế thăng trầm bao trắng nợ,
Cuộc đời thắng bại chửa thành công.
Phen này quyết giậy xem sao chứ ?
Nam-tử đâu đành phụ núi sông.

Nguyễn-văn-Năng

Đêm thu

Trống thành nghe đã điểm canh ba,
Ngửng giậy trông lên bóng nguyệt tà.
Ngọn cỏ hắt-hiu cơn gió thoảng,
Đầu tường lác-đác hạt sương sa.
Bên mình sách cũ dăm pho nát,
Trên án đèn con một ngọn mờ.
Rền-rĩ dế ngâm sầu mấy đoạn,
Phòng văn vơ-vẩn một mình ta.

Gió Á mưa Âu

Những là gió Á với mưa Âu,
Ngán cuộc trần-ai lúc bể dâu.
Lấy sức kim-tiền người mũ áo,
Mượn mồi son phấn khách đài lâu.
Bán văn buôn chữ bao hàng ế,
Bởi việc mua công lắm kẻ giầu.
Lạnh-lẽo nhân-tình như nước lã
Giang sơn cây cỏ nhuộm mầu thu.

Như-Tiến
Dương-tự-Hướng

Đêm thức nghĩ vẩn

Canh trường vơ-vẩn nghĩ buồn tênh.
Tưởng chuyện gần xa luống rật-mình.
Mặt nạ anh hề khôn nắu tiếng,
Câu văn bác bợm vẫn khoe danh.
Lắm tiền thì lắm ân cùng ái,
Không bạc nên không nghĩa với tình.
Sự thế đảo-điên như thế đó,
Hỏi rằng có thấu hỡi ông xanh ?

Bạn với văn chương

Nghĩ mình âu hẳn nợ văn-chương;
Có nợ cho nên phải vấn-vương.
Khuya sớm ham mê trồng sách nát,
Đêm ngày vơ-vẩn tập thơ xuông.

Nỗi nhà nghĩ tới thêm buồn-bực,
Sự thế xem ra những chán-trường.
Thôi ! lấy văn-chương làm bạn vậy,
Trò đời âu mặc thảm cùng thương !

Dương-đình-Tầy
Thương-chính à XUÂN-ĐAY

Bà Trưng-Trắc

(Văn cổ)

Đất Mi-Linh có bà Trưng-Trắc,
Bực tiên-nga tài sắc hơn người.
Thù lương-quân thề chẳng đội chung giời,
Đuổi Tô-Định thẳng giong ngoài viễn tái.
Ngũ thập giư thành tùy ngõa giải.
Bách thiên vạn kỵ vọng phong tòng.
Người Nữ lưu mà khí-phách anh-hùng,
Sáng vương-nghiệp, mở riêng nền Việt-điện.
Kìa Đông-Hán quần thần hùng kiệt,
Cũng bận lòng về một việc biên-cương.
Trận Cẩm-Khê tới lúc vội-vàng,
Còn tiết liệt để làm gương vạn cổ.
Nay qua chốn tà-dương cổ-thụ.
Miếu anh linh nữ-chúa rành rành.
So chi Triệu-Ẩu Trần-Trinh.

Chu-đàm-Anh sao lục.

Cảm thu tiễn thu

Từ vào thu đến nay,
Gió thu hiu-hắt,
Sương thu lạnh,
Giăng thu bạch.
Khói thu sây thành ;
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,
Sông thu đưa lá bao ngành biệt-ly.
Nhạn về, én lại bay đi,
Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm.
Lá sen tàn tạ trong đầm,
Nặng mang giọt lệ âm-thầm khóc hoa.
Sắc đâu nhuộm ố quan-hà ?
Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà-dương.
Nào người cố-quốc, tha-hương,
Cảm thu, ai có tư-lường hỡi ai ?

Nào những ai,
Bầy thước thân nam-tử,
Bốn bề chí tang bồng ;
Đường mây chưa bổng cánh hồng,
Tiêu-ma tuế nguyệt, ngại-ngùng tu my.
Nào những ai.
Sinh tưởng nơi khuê-các,
Khuya sớm phận nữ-nhi,
Song the ngày tháng thoi đi,
Vương tơ ngắm rện, nhỡ thì thương hoa.
Nào những ai,
Tha-phương khách-thổ,
Hải-giác thiên-nha,
Ruột tằm héo, tóc sương pha,
Gốc phần chệnh tưởng quê nhà đòi cơn.
Nào những ai,
Cù-lao bảo đức,
Sinh dưỡng đền ơn,
Kinh sương nghĩ nỗi mền đơn,
Giầu sang bất nghĩa mà hơn nghèo hèn.
Nào những ai,
Tóc xanh mây quốn,
Má đỏ huê ghen,
Làng chơi duyên đã hết duyên,
Khúc sông giăng rãi con thuyền chơi-vơi.
Nào những ai,
Dọc ngang giời rộng,
Vùng vẫy bể khơi,
Đội giời đạp đất ở đời,
Sa cơ thất thế quê người chiếc thân.
Nào những ai,
Kê vàng tỉnh mộng,
Tóc bạc thương thần,
Vẻo trông lá rụng đầy sân,
Công giành phù-thế có ngần ấy thôi.
Thôi, nghĩ cho
Thu tự giời,
Cảm tự người,
Người đời ai cảm, ta không biết,
Ta cảm thay ai, viết mấy nhời.
Thôi thời,
Cùng thu tạm biệt,
Thu hãy tạm lui,
Chi để khách đa tình đa cảm,
Một mình thay cảm những ai ai.

Tản-Đà

Hủ nho

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta.
Hủ sao hủ khéo hủ ghê mà !
Thơ suông nước ốc còn ngâm vảng,
Rượu bứ non chai vẫn chén khà.
Múa mép rõ ra văn chú chiệc,
Dài lưng nhưng vẫn thói con nhà.
Phen này cái hủ xuôi đi hết.
Cứ để cười nhau mãi thế a.

Cứ để cười nhau mãi thế a,
Cười ta ta cũng biết rằng ta.
Chót theo nho-nhã đầu khăn lượt,
Nên kém văn-minh cổ áo là.
Khó vậy làm em, giầu đã chị,
No thời nên bụt, đói ra ma.
Nay đương buổi hội ganh đua mới,
Cứ để cười nhau mãi thế mà.

Cứ để cười nhau mãi thế mà,
Cười ta ta cũng biết rằng ta.
Ngâm câu đả giã đùi dung nẳng,
Ngó chữ a b mắt loáng qua.
Tai mắt cùng chung người thế giới,
Mày râu riêng thẹn nước non nhà.
Ai ơi dấc ngủ sao không tỉnh ?
Mưa gió năm châu rộn tiếng gà.

Mưa gió năm châu rộn tiếng gà.
Dục hồn « ái quốc » tỉnh dần ra.
Chuông khua độc-lập vang lừng cõi,
Đuốc dọi văn-minh sáng dực nhà.
Khai-hóa đã đành khai-hóa mới,
Cải-lương còn phải cải-lương xa.
Anh em nghĩ lại sao không cố !
Ơi hỡi ! nhà nho bạn hủ ta.

Hoà-Phong **Đinh-đức-Phượng**

Ngô-Việt xuân-thu

HỒI THỨ V

(*Tiếp theo*)

Văn-Chủng về đến Việt, đem các công việc nói cho Câu-Tiễn nghe. Câu-Tiễn lấy làm tủi thân, nước mắt chứa-chan. Văn-Chủng can rằng :

« Cái hạn trung-tuần tháng năm ngặt lắm, đại-vương nên mau mau về nước để mà thu xếp công việc, bất tất phải thương xót vô-ích như vậy ».

Câu-Tiễn nghe nhời, gạt nước mắt đem Văn-Chủng và Vương-Tôn-Hùng về Chư-kỵ (Kinh-đô nước Việt). Tới nơi, trông thấy phố-phường như cũ, non nước vẫn nguyên, trong bụng lấy làm tủi thẹn, bèn mời Vương-Tôn-Hùng vào nghỉ ở quán-dịch, rồi lục-tục nhặt-nhạnh các kho tàng, vét-voi những đồ châu-báu, đóng thành từng xe, lại kén trong nước lấy ba trăm ba mươi người con gái thật đẹp, định để ba trăm người dưng vua Ngô, và ba mươi người tặng Bá-phỉ. Trong khi sắp-sửa đến hạn khởi trình. Vương-Tôn-Hùng mỗi ngày sai người dục-dã. Câu-Tiễn vừa khóc vừa bảo quần-thần rằng :

« Quả-nhân tự khi được nối nghiệp của tiền-nhân, vẫn phải đêm ngày lo nghĩ, không dám chễ lười ; không ngờ một trận Phù-tiên mà đến tan nhà mất nước, phải thân làm kẻ tù-đồ. Chuyến này ra đi, quyết không khi nào giở về nước nữa. »

Văn-Chủng bước lên thưa :

« Ngày xưa vua Thành-Thang cũng bị dam ở ngục Hạ-đài ; vua Văn-vương cũng bị dam ở ngục Cửu-Lý, rồi cùng làm nên nghiệp vương ; vua Tề-Hoàng cũng phải chạy sang ở nước Cử, vua Tấn-Văn cũng phải chạy sang ở nước Địch, rồi cùng làm nên nghiệp bá. Cái cơn gian-khổ, chính

là giời để mở đường cho các đấng bá vương, nếu đại-vương biết chiều ý giời, tự khắc có ngày phấn-chấn, can chi phải quá thương xót cho ngã lòng.»

Câu-Tiễn nghe nhời, tức thì tế lễ các miếu, rồi xin Vương-Tôn-Hùng hãy đi trước một ngày. Ngày hôm sau, vợ chồng Câu-Tiễn cũng sắm-sửa lên đường, quần thần tiễn đến sông Tích. Tới đó Phạm-Lãi đã xắp xẵn thuyền bè để đón Câu-Tiễn. Khi sắp xuống bến quần-thần bầy cuộc rượu tiễn? Văn-Chủng rót một chén rượu dưng Câu-Tiễn và chúc rằng:

« *Lạy giời phù hộ, chìm trước bổng sau.*
« *Cái nền phúc đức, ấy thủa lo-âu.*
« *Nạt người giời nạt, chịu người giời [thương.*
« *Nay dù gian-khổ, sau chắc phú-cường.*
« *Đất Việt âm-thầm, giời Ngô mờ mịt.*
« *Vua tôi xa lìa, cao xanh tỏ xét.*
Tiễn đưa một bước, châu lệ muôn hàng.
« *Nắm nem chén rượu, xin rãi gan vàng* ».

Câu-Tiễn đón lấy chén rượu, nước mắt giỏ ròng-ròng, chỉ ngửng lên giời mà ngậm-ngùi than thở; chẳng nói câu gì cả. Phạm Lãi đứng dậy nói:

« Thần nghe những người không ở nơi kín tối, thì không có chí rộng; không chải cơn sầu thảm, thì không biết lo xa; thánh hiền đời xưa, ai cũng có một phen sỉ nhục có phải một mình đại-vương đâu? Nay đại-vương chẳng may mà gặp vận-ách, lũ thần đều xin hết lòng hết sức, lo-lắng giúp đại-vương, xin đại-vương chớ lấy làm phiền. Ôi! cái búa chặt cây, không thể dùng mà chạm gọt; cái gươm chém sắt, không thể dùng mà thái bổ; cái mưu kế giải lâu vững-chãi, không thể trong một lúc mà làm được nổi lên đùng-đùng. Thần trên xem thiên-văn, dưới xét nhân-sự, thì Việt với Ngô không thể đứng được cả đôi, Ngô dậy thì Việt ngã, Việt còn thì Ngô mất. Nay Việt ta dẫu rằng đương lúc hiểm nghèo, mà chính là cái cơ hưng-vượng sau này đó. Xin đại-vượng cứ vững lòng.»

— « Vậy thì ngày nay là lúc quả-nhân sắp đem thân sang ở nước người; từ nay trở đi công việc trong nước, giao cả cho các đại-phu, trong các đại-phu, ai là người muốn theo sang Ngô, ai là người ở lại giữ nước, cũng nói cho quả-nhân biết.»

Văn-chủng nói:

— Giữ-gìn bờ cõi, sắm-sửa giáp-binh, và khuyên-đốc nhân-dân, khai-khẩn ruộng nương, chăm-chỉ cầy-cấy để cho dân-chúng không đói rét, lương-thực không thiếu-thốn đó là việc thần.

Phạm-Lãi nói:

— Cùng Đại-vương sang ở bên Ngô, hết lòng đeo-đuổi, hết sức lo-toan, dẫu ngu y hiểm cũng không chồn, lầm than cũng không quản, khiến cho Đại-vương đi rồi lại về, mà thù to cũng giả được, đó là việc thần.

Mấy viên đại-phu dưới mỗi người cũng xin nhận một việc. Kế-Nghê xin nhận việc Thiên-văn, Chư-Kê-Hĩnh xin nhận việc chiến-trận. Hạo-Tiến xin nhận việc giản-chánh. Duệ-Dong xin nhận việc thông sứ tiếp khách. Cao-Như xin nhận việc vỗ về dân chúng. Ai nấy đều kể tài tỏ chí cho Câu-Tiễn nghe. Câu-Tiễn nói:

Quả-nhân nay dẫu bỏ nước nhà làm thằng tù ở bên Ngô nhưng mà nhờ được các đại-phu đều là bực có đức có tài, đủ sức giữ gìn xã-tắc, thì quả-nhân có lo gì?

Bèn để các đại-phu ở lại, chỉ đem Phạm-Lãi và Việt phu-nhân cùng đi, vua tôi biệt nhau ở trên cửa sông, ai nấy nước mắt giàn dụa. Câu-Tiễn ngẩng lên giời than rằng:

« Sự chết thì ai cũng sợ, thế mà quả-nhân tuyệt không lo ngại chút nào. »

Nói xong, xuống thuyền, truyền lệnh thủy-thủ nhổ sào chèo đi, những người đưa tiễn, đứng trên bờ sông vừa khóc vừa vái theo. Câu-Tiễn cũng không ngảnh lại, Việt phu-nhân trông thấy tình cảnh thê-thảm vin mạn thuyền khóc nức khóc nở, chợt thấy một đàn chim diều dập-dìu ở trên bãi cát, bay đi bay lại, ra dáng vui vẻ tự-do. Phu-nhân có ý cảm-động, thổn-thức hát rằng:

« *Kìa kìa cái con chim diều đen.*
« *Quân vương ơi,! nó bay nó liệng nó lơ lơ lửng-lửng ở trên lưng chừng giời.*

« Khi ở mây xanh, khi nó lại xuống dưới [ven ngòi.
« Nó bắt con tôm, nó chiêu hớp nước, [chán đậu rồi nó lại bay đi.
« Thấy con chim mà đau nỗi lưu ly.
« Quân-vương ơi! thủa đầu xanh thiếp [đã tội gì mà đến như nay?
« Gió hiu hiu thuyền ngược về tây.
« Tắm thân vong-quốc, biết có ngày lại [thấy non sông?
« Mái chèo đưa như sé tơ lòng.
« Quân-vương ơi! thuyền đi một quãng, huyết-lệ biết bao giòng thiếp đã tuôn rơi.
« Thấy con chim mà thiếp cực đời ».

Phu-nhân hát mấy câu đó, Câu-Tiễn chỉ tần-ngần nín lặng, không nói gì cả. Phu-nhân lại hát theo :

« Thấy con chim mà thiếp cực đời,
Quân-vương ơi! kiếp chim vui vẻ, sao kiếp [người luống những thảm-thương?
« Kể từ ngày nương bóng quân-vương.
« Trăm năm những ước cảnh giàu-sang ở [đất kinh kỳ.
« Nào hay đâu gặp bước gian nguy.
« Quân-vương ơi! bỏ nhà bỏ nước, giắt [nhau đi sang ở xứ người.
« Khoác áo đơn, vợ ghép con đòi,
« Bỏ vành hiên-miện, ông chồng thời thay [đứa ở giai.
« Tính về sau, giằng-giặc con đường giải
« Tấm lòng uất-ức dễ có ai là kẻ hay cùng
« Thấy con chim mà thiếp đau lòng »

Câu-Tiễn nghe thấy tiếng hát ai-oán, liền gượng cười mà bảo phu-nhân rằng :

« Quả-nhân tuy rằng đương lúc cùng khốn, nhưng mà lông cánh đã đủ, chắc có ngày sẽ bay cao liệng bổng, quả-nhân có lo gì.

Khi sang đến địa-phận nước Ngô, Câu-Tiễn sai Phạm-Lãi trước đến núi Ngô-Sơn yết-kiến Bá-Phỉ, dưng những vàng bạc châu báu, và ba mươi người con gái. Bá-Phỉ hỏi :

« Văn-đại-phu sao không thấy đến ?

Phạm-Lãi thưa :

« Văn-Chủng còn phải ở lại giữ nước, cho nên không đến. »

Phỉ bèn đi với Phạm-Lãi đến chào Câu-Tiễn, trong khi nói truyện, Câu-Tiễn cảm tạ cái ơn Bá-Phỉ đã che-chở cho mình. Bá-Phỉ hứa rằng sẽ hết sức xoay-xoả, thế nào cũng xin cho Câu-Tiễn lại được về nước Việt. Trò truyện hồi lâu, rồi Bá-Phỉ dẫn quân đưa Câu-Tiễn về Cô-Tô, vào triều yết-kiến Phù-Sai. Câu-Tiễn cởi áo, phục ở dưới thềm. Việt phu-nhân phục theo ở bên sau, Phạm-Lãi thì đem trình nộp các đồ cống-vật và ba trăm con gái. Phù-Sai sai thị-vệ kiểm nhận. Câu-Tiễn hai lậy khấu đầu tâu :

« Kẻ địch-thần ở sứ bể đông là Câu-Tiễn; ngày xưa dại-dột, trót gây tội ở chốn biên-thùy, may nhờ đại-vương lấy lượng giời bể mà tha thứ cho, lại cho được cắp thúng cầm-chổi, hầu hạ ở dưới đền vàng, dẫu trong phút-chốc còn thoi-thóp được chút hơi tàn, thần cũng đội ơn khôn xiết. Xin khấu đầu muôn lậy đại-vương!

Phù-Sai nói :

« Quả-nhân đối với người thật là ân-hận; nhưng ngươi có biết cái thù của tiên-quân không ?

— Muôn tâu đại-vương, tội thần chết cũng chưa hết, nhưng xin đại-vương thương đến hương-hỏa nước Việt, mà tha tội chết cho thần, thì tiên tổ nhà thần ở dưới suối-vàng cũng được đội ơn vạn bội ?

Bấy giờ Tử-Tự ở bên cạnh đôi mắt đỏ ngầu, đứng lên nói :

« Con chim ở trên mây xanh, còn muốn dương cung mà bắn, huống chi nó đã rằm ở vườn ao, đậu ở bờ trái . . . . Vua nước Việt nếu cứ chốn buột sang núi Nam-Sơn, lẩn núp ở nơi rừng rú, ta cũng phải cố công cùng sức mà truy-tầm về, huống chi nay hắn đã ở chốn đầu thềm kẽ ngạch; đó là một miếng thịt trong lò bếp đó, đại-vương chớ bỏ hoài. Vả lại thần xem Câu-Tiễn thật là một người hiểm giảo, nay vì xa cơ thất thế như cá trong chậu, tính-mệnh ở trong tay người, cho nên rẻo mồm nịnh-hót, cầu được khỏi chết đó thôi. Một mai đắc chí, sẽ vông-vênh như rồng xuống biển, hổ về non, không ai săn

bắn được nữa. Xin đại-vương xét lại cho kỹ.

— « Quả-nhân nghe những kẻ giết người hàng-phục, quả-báo đến ba đời, quả-nhân có yêu gì Câu-Tiễn mà không giết, sợ rằng phải tội với giời, cho nên tha bắn đó thôi. »

Bá-Phỉ cũng chêm một câu rằng :

« Tử-Tư chỉ biết cái lợi trước mắt, mà không nghĩ đến những việc giài lâu, xin đại-vương cứ tự-ý mà làm, không cần chi những nhời ngang ngửa.

Tử-Tư nghe Bá-Phỉ nói, tức quá, không nói gì nữa đứng dạy lui về phủ. Phù-Sai chuyền vợ chồng Câu-Tiễn và Phạm-Lãi hãy tạm lui ra, rồi sai Vương tôn-Hùng xây một nếp nhà bằng đá cạnh mộ Hạp-Lư để cho vợ chồng Câu-Tiễn và Phạm-Lãi ra đó mà ở, bắt phải bỏ cả mũ áo, chuyên việc đóng xe giữ ngựa, không được đi đâu. Câu-Tiễn ở đó, lúc nào cũng đầu bù mặt nhọ, đói rét lầm than, tình cảnh rất là khốn nạn. Mỗi khi Phù-Sai đóng xe đi chơi, thì Câu Tiễn lại cầm roi ngựa theo hầu. Người nước Ngô trông thấy, trỏ vào mặt Câu-Tiễn mà bảo nhau rằng : « người này là vua nước Việt khi trước đấy. » Câu-Tiễn dẫu nghe thấy, cũng giả điếc cúi mặt mà đi. Một hôm Phù-Sai đòi Câu-Tiễn vào cung. Câu-Tiễn cúi dạp ở dưới thềm. Phạm-Lãi đứng chắp tay ở bên cạnh. Phù-Sai bảo Phạm-Lãi rằng :

« Quả-nhân nghe nói « con gái đảm thì không lấy chồng vào nhà lụn bại ; bực danh-hiền thì không làm quan ở nước diệt-vong. Nay Câu-Tiễn càn dông, nước Việt đã đến ngày mất, một mai thân chết, nòi giống sẽ không còn, thế mà ngươi vẫn đèo bòng với hắn cam-tâm làm tôi tớ nước Ngô, há chẳng đáng bỉ lắm du ? Quả nhân sẵn lòng thương người, muốn tha tội cho ngươi, ngươi có thể chừa hết lỗi cũ, bỏ nước Việt mà về với nước Ngô được không ? »

Bấy giờ Câu-Tiễn nghe mấy câu đó, nước mắt dàn-dụa chỉ lo lại mất Phạm-Lãi. Khi Phù-Sai nói rất nhời. Phạm-Lãi tâu.

« Thần là kẻ không trung, không tín, ở nước Việt mà không biết can ngăn vua Việt để đến nỗi mang tội với đại-vương, may nhờ đại-vương đoái thương đến mà không giết ngay, lại cho phần được tớ thày sum-họp, vào thì quét thềm rửa bệ, đứa thì hầu ngựa theo xe, như thế thần đã mãn-nguyện, không dám mong tưởng đến sự phú-qui.

— Ngươi đã không chịu đồi bụng, quả-nhân lại cho ngươi vào ở nhà đá.

— Thần xin tuân mệnh đại-vương.

Phù-Sai đứng dạy vào cung, Câu-Tiễn và Phạm-Lãi lại về nhà đá.

Ở đó ba năm, Câu-Tiễn thì manh áo cộc, vành khăn rách cắt cỏ ôm dơm dọn-dẹp đồ ăn cho ngựa. Việt phu-nhân thì áo mền không lót, quần không gấu gánh nước dọn dơ, quét rửa chuồng ngựa. Phạm-Lãi thì kiếm củi thổi cơm, mặt mũi nhem-nhuốc, xong các việc lại theo hầu Câu-Tiễn, nửa bước cũng không rời nhau. Phù-Sai vẫn thường sai người dò xem tình ý thế nào, chỉ thấy vợ chồng thầy tớ dọn-dẹp luôn chân luôn tay, mà nét mặt vẫn thường vui vẻ, tuyệt không có dáng oán-giận, suốt đêm không nghe thấy tiếng thở giài. Vì thế Phù-Sai cho là ba người cùng vô-tâm, cho nên không nghĩ gì đến. Một hôm Phù Sai đứng ở trên đền Cô-tô, trông ra phía nhà đá thấy Câu-Tiễn và Việt phu-nhân cùng ngồi ở cạnh đống phân ngựa, Phạm-Lãi cầm roi đứng hầu. Phù-Sai ngảnh lại bảo Bá-Phỉ rằng :

« Câu-Tiễn chẳng qua là vua một nước đã mất. Phạm-Lãi cũng là một kẻ dân hèn ; thế mà trong cơn cùng-ách, vẫn không bỏ lệ vua tôi ; quả nhân rất lấy làm thương.

Bá-Phỉ tâu :

« Xin đại-vương lấy lượng thánh-chúa mà đoái trông cho những kẻ cô cùng.

— Thế nào rồi quả-nhân cũng vì thái-tể mà gia ân cho vua tôi nước Việt.

Cách ba tháng, Phù-Sai xem được ngày tốt, muốn tha cho Câu-Tiễn về nước, mới đòi Bá-Phỉ vào cung bàn rằng :

« Quả-nhân muốn chiều lòng Thái-tể mà ân-xá cho Câu-Tiễn, nhưng chẳng hay Câu-Tiễn đã biết hối quá chưa ? sau khi được

tha, chẳng biết hắn có nhớ ơn quả-nhân hay không ?

Bá-Phỉ tâu :

« Thần nghe, thầy tớ Câu-Tiễn đã biết tội cả. Nếu đại-vương lấy lượng giời đất mà ân-xá cho họ về nước, khi nào họ dám quên, xin đại-vương đã thương họ thì thương cho chót ».

Bàn-bạc hồi lâu, Bá-Phỉ lui về, ngay đêm hôm ấy sai người báo tin cho Câu-Tiễn.

Hôm sau Tử-Tư nghe thấy việc đó, tức khắc vào triều bảo Phù-Sai rằng :

« Ngày xưa ông Kiệt đã dam vua Thang mà lại không giết, ông vua Trụ đã dam vua Văn-vương mà lại tha, về sau vua Thang thì đánh đuổi được ông Kiệt, nhà Chu đánh lấy được nhà Thương đó là cái nhẽ giời đất xoay vần, họa phúc không nhất định. Nay đại-vương đã dam Câu-Tiễn không giết mà lại tha, thần e rằng cái vạ nhà Hạ nhà Thương ngày xưa sẽ có ngày lại thấy ở nước Ngô ta vậy.

Phù-Sai nghe đến câu ấy, cũng lấy làm sợ, lại có ý muốn giết Câu-Tiễn, tức khắc chuyền đòi vào cung.

Câu-Tiễn hôm trước nghe tin sắp-xửa được tha, mừng lắm, nói ngay cho Phạm-Lãi biết. Phạm-Lãi bói một quẻ, rồi bảo Câu-Tiễn rằng, quẻ này nhời chiêm rất sấu, không phải là việc đáng mừng, hôm ấy có lệnh vua Ngô ra đòi một lát lại thấy người nhà Bá-Phỉ đem việc Tử-Tư can dán, và việc vua Ngô biến-tâm, kể hết đầu đuôi cho nghe, Câu-Tiễn giật mình kinh khiếp, nói ngay với Phạm-Lãi. Phạm-Lãi nói :

« Đại-vương đừng ngại, vua Ngô dam đại-vương trong ba năm nay mà không nỡ hại, không có nhẽ ngày nay lại vô-cố mà hại đại-vương, đại-vương cứ vững lòng mà đi, quyết không lo ngại gì cả.

Câu-Tiễn nói :

« Quả nhân sở-dĩ chịu khổ chịu nhục, mà không tự-vẫn chết ngay đi, là trông vào những mưu kế của đại-phu đó, xin đại-phu chớ làm nhỡ quả-nhân.

Tức thì Câu-Tiễn lủi-thủi vào thành, chờ đến buổi triều thì vào yết-kiến Phù-Sai, chẳng ngờ chờ chực luôn ba ngày Phù-Sai tuyệt không ra đến cửa tiền-triều, chiều hôm thứ ba thấy Bá-Phỉ ở trong cung ra, bảo Câu-Tiễn rằng :

« Chủ-thượng chuyền cho ông bảy về nhà đá.

Câu Tiễn hỏi vì cớ làm sao, Bá Phỉ nói :

« Chủ-thượng tin nhời Tử-Tư, có ý muốn trị-tội ông, cho nên mới dòi vào triều, may sao hôm nọ chủ-thượng mới bị bệnh, tôi vào thăm, nghe thấy việc đó, hết sức khuyên giải, ngài mới nguôi lòng, mới cho ông lại về nhà đá.

Câu-Tiễn khấu-đầu tạ ơn Bá-Phỉ, rồi lại đi về nhà đá. Lại cách ba tháng nữa, Câu-Tiễn dò hỏi biết vua Ngô vẫn chưa khỏi bệnh, mới bảo Phạm-Lãi thử bói một quẻ xem sao, Phạm-Lãi dàn quẻ xong, tươi cười hớn-hở, rỉ tai Câu-Tiễn nói thầm mấy câu, Câu-Tiễn cau mặt mà rằng :

« Quả-nhân dẫu hèn-mạt, cũng từng làm một ông vua, có nhẽ đâu ngày nay lại cam-tâm làm sự hạ ô đến như thế ?

– Nếu đại-vương muốn thành việc nhớn, thì chớ nề-hà những sự sấu nhỏ. Tính khí vua Ngô như một người đàn bà, làm việc gì cũng phân-vân không quyết, cho nên trước đã muốn tha đại-vương mà sau lại thôi. Tất phải nhắm mắt mà nịnh hót một cách đê-tiện như thế thì hắn mới động lòng thương. »

Câu-Tiễn nghe ra, ngay hôm ấy vào phủ thái-tể bảo với Bá-Phỉ rằng :

« Tôi nghe trong đạo làm tôi chúa lo thì mình phải lo. Bấy nay chủ-thượng khó ở, tôi những ăn ngủ không yên, vậy muốn theo quan thái-tể vào cung thăm hỏi chủ-thượng, để dãi chút tình tôi con, xin quan thái-tể mở lòng nhân từ mà tâu với chủ-thượng như thế cho.

Bá-Phỉ nhận nhời, vào cung nói với Phù-Sai, Phù-Sai ưng ý. Bá-Phỉ mới đưa Câu-Tiễn vào trong tẩm-thất, Phù-Sai mở mắt trông ra, vừa rên vừa hỏi rằng :

« Câu-Tiễn cũng vào thăm quả-nhân đấy du ?

Câu-Tiễn khấu đầu tâu:

« Kẻ tù-thần lâu nay nghe thấy long-thể không yên, tưởng như dao đâm gan phổi, vẫn muốn được vào hầu-hạ long-nhan, mà không dịp nào vào được.

Nói chưa rất nhời, thì vua Ngô đau bụng muốn đại-tiện, chuyền cho Câu-Tiễn hãy tạm lui ra, Câu-Tiễn tâu:

« Kẻ tù-thần khi còn ở xứ bể đông, đã từng theo học một ông thày thuốc, có thể xem phân người bệnh mà biết được chứng nặng hay nhẹ.

Nói xong, Câu-Tiễn lánh ra ngoài cửa chắp tay đứng. Phù-Sai đại-tiện xong, người thị-vệ bưng thùng dơ ra. Câu-Tiễn mở thùng bốc lấy Một nắm, quì xuống đầu giường mà nếm, tả hữu đều bịt mũi khạc nhổ. Câu-Tiễn đứng giậy bước vào trước mặt Phù-Sai khấu đầu tâu:

« Kẻ tù-thần kính mừng đại-vương: long-thể đến ngày kỷ-tỵ thì bớt, đến ngày nhâm-thân tháng ba này thì thật khỏi.

« Sao biết?

— Thần nghe sách thuốc nói rằng: » phân thởi cốc khí mà ra, cốc khí hợp với thời-tiết thì dẫu bệnh nặng cũng không can gì, cốc khí chái với thời-tiết, thì dẫu bệnh nhẹ cũng nguy-hiểm. Nay kẻ tù-thần thấy đại-tiện của đại-vương vừa đắng vừa chua, chính hợp với khí-tiết mùa xuân mùa hè, cho nên biết là sắp khỏi. »

Phù-Sai vừa ý lắm, reo dầm mà rằng

« Câu-Tiễn thật là một người trung-thần, bề tôi thờ vua chưa ai được hết lòng đến thế. Lại quay lại bảo Bá-Phỉ rằng:

« Thái-tể có thể như thế được chăng?

— « Thần dẫu rất yêu đại-vương, nhưng việc đó thì không thể sao được.

— « Chẳng cứ thái-tể, dẫu con quả-nhân đẻ ra, cũng không thể chịu được việc đó. »

Ngay hôm ấy, Phù-Sai chuyền cho Câu-Tiễn được rời đi ở chỗ khác, không dam ở nhà đá nữa, và lại hứa rằng: hễ mà khỏi bệnh sẽ tha cho về. Quả nhiên đến ngày kỷ-tỵ thì bệnh Phù-Sai mười phần bớt chín, đến ngày nhâm-thân thì thật khỏi; y như nhời Câu-Tiễn chẳng sai chút nào.

(Còn nữa)

NGÔ-TẤT-TỐ

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo annam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các Ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào — Hanoi
và Chi-điểm: 17 Phố Khách Haiphong

時事之部

THỜI-SỰ

Vấn-đề trái-khoản ở nước Pháp

Hiện nay ở bên Pháp, vấn-đề quan-yếu nhất là vấn-đề trái-khoản. Bao nhiêu tòa Nội-các, bao nhiêu chương-trình, bàn đi bàn lại mà cái hồi tài-chính quẫn-bách này vẫn như chưa thấy qua.

Cứ theo như bản chương-trình mà phần nhiều các ông đại-biểu nghị-viện đều ưng thuận, thì hai điều rất cần thiết là phải bớt các khoản tiêu, và thêm ra nhiều các khoản thu.

Trong một quyển sách (la Dette française) của một người Mỹ là ông Harold Monlton, có nói rằng « Hoa-kỳ không thể mong đợi gì về trái - khoản của Pháp cả ». Các nhà chuyên môn tài-chính cũng đồng ý mấy ông rằng : nay đánh thêm thuế chính - ngạch hay ngoại - phụ cũng đều không được ; còn như bớt các khoản chi tiêu thì nghe như cũng không có hiệu.

Các khoản chi-tiêu về việc hộ, việc binh, cùng nhiều khoản khác, tuy tổn nhiều thật, song muốn cho thế-lực trong nước bành - trướng kịp người, thì không thể rút được ; chỉ có về việc cai-trị còn nhiều chức thừa thì những tiền chi-phí còn có giảm được mà thôi. Đành vậy, nhưng cũng không nên mong đợi quá vào cách đó. Nay dẫu cho Đức giả hết nợ bồi-thường thì cũng còn lâu. Cứ tình-hình như thế thì Pháp có nhẽ khó mà ra khỏi hồi quẫn bách này được. Cứ như cái chương-trình tài-chính đang thi-hành bây giờ thì khéo làm chỉ giả được một phần mười tiền lãi là cùng.....

Thời-cục nước Tàu.

Đến nay cái tình-hình nội-loạn của nước Tàu mới thực là cực-điểm. Thời-cục càng ngày càng thay đổi mà quyền - chính vẫn không rõ là về tay ai ; cái cuộc tương-lai của Trung-hoa, thật là một điều đại bí-mật. Cứ như các báo tàu, thì hiện nay Trung-hoa có tám chính-phủ.

1) Chính-phủ Trung-ương. Gọi là Trung-ương, là tại chính-phủ đóng ở Bắc-Kinh, thực thì chẳng có quyền thế gì cả ; binh-quyền tài-chính không có mà cũng chẳng có ai chủ-trương nữa ; mấy lần tổ-chức một tòa nội-các cũng không xong ; cái chính-phủ vô hình ấy sinh-tồn được cũng là nhờ có Ngô-Bội-Phu tán thành cho ; còn về phần Trương-Tác-Lâm thì không trông mong gì được.

2) Chính-phủ cách-mệnh ở Quảng-đông. Chính-phủ này do tả-dực trong quốc-dân-đảng tán thành ; hơi nghiêng về chủ-nghĩa quá khích, nhưng vẫn giữ vững cái chủ-nghĩa quốc-gia, hiện nay thống trị khắp mặt Quảng - đông, Quảng - tây và một phần Hồ-nam.

3) Chính-phủ của Đường-Kế-Nghiêu, thống trị mặt Vân-Nam, Quí-châu ; lại có ý muốn lấn sang Quảng-tây, Tứ-xuyên.

4) Chính-phủ của Ngô-Bội-Phu, bờ cõi thống trị hãy còn chưa nhất định, nhưng phạm-vi cũng gồm cả miền Hồ-bắc, một ít phần Hồ-nam, Tứ-xuyên, Thiểm-tây, Trực-lệ nữa ; và lại muốn bảo-hộ cho chính-phủ Trung-ương nữa.

5) Chính-phủ của Trôn-Tuyền-Phương thống-trị năm tỉnh giầu nhất, là Phúc-Kiến, Tích-giang, Giang-tô, Giang-tây, An-huy và cả cửa Thượng-Hải.

6) Chính-phủ của Trương-Tác-Lâm, cầm quyền cả ba tỉnh Mãn-châu, lan cả sang mạn bắc Trực-lệ và một phần to tỉnh Thiểm-tây.

7) Chính-phủ của Trương-Tôn-Xương, nhất - thống ở Sơn-đông và một phần Trực-lệ và lại đồng-minh với Trương,

Ngô và Diêm-Tích-Sơn (Sơn-Tây) để cùng với ba đại-tướng quét cho sạch tàn quân của Phùng-ngọc-Tường.

8) Chính-phủ của quốc-dân-quân, Phùng-ngọc-Tường thống lĩnh và có đảng Sô-viết trợ lực cùng chính-phủ Quảng-đông tán thành. Về hồi tháng Juin, quân Quốc-dân đã nhất thống được miền Qui-châu, Mông-cổ và Sơn-tây, nhưng sau này lại bị đồng minh dồn về bờ cõi Mông-cổ rồi.

Ôi! một nước mà có đến tám chính-phủ, mỗi chính-phủ trong cách giao-tế với ngoại quốc, lại khuynh-hướng đi một phương diện khác nhau, mà mới đây lại có liệt-cường can dự vào (việc Trung, Nga bất-hoà) thì quyền-chính còn có ra sao? Bao giờ cho Trung-hoa ra khỏi cái giấc mộng mờ-mịt này?....

Cái chầm-ý của người Đức đối với Âu-châu ngày nay.

Từ hồi Đức thất-bại năm 1918, thì cái thái-độ đối với Âu-châu rất là khó hiểu. Tuy không để ý gì đến thời-cục ngoại quốc mà ngoại-nghị ai nấy rất phân-vân về cái chính sách của Đức. Người thì nói rằng tài-chính và kinh-tế nước Đức bây giờ đã chỉnh-đốn lắm rồi, hiện nay chỉ chờ lúc khởi lên để rửa cái thù năm 1914 mà đánh lại Đồng-minh. Người thì bảo rằng tình-hình hãi còn hiểm nghèo lắm, mà Đức bây giờ chỉ ra công chấn hưng công-nghệ thực-nghiệp cho kịp người mà thôi. Người thì lại nói rằng hiện nay Đức rất hoan-nghênh cái chủ-nghĩa dân-chủ cộng-hòa, qua cuộc đại-chiến vừa rồi thì hình như đã biết tự-hối cái dục-vọng vô-lý của mình mà nay chỉ mong một cuộc thế-giới đại hòa-bình thôi. Bấy nhiêu ý-kiến khác nhau, biết cái nào là đúng? hay là dư-luận phán-đoán chán-trê mà vẫn không ra khỏi vòng hoài nghi? Tóm lại, thì Đức cứ điềm-nhiên như thế, mà làm cho liệt-cường rất bận lòng.

Mới đây, hội người Đức vận động yêu-cầu vào hội Vạn quốc, thì tuyên bố rằng: Đức vẫn thực bụng hiếu hòa, sở-dĩ hành-động như thế là cốt để cộng-tác với liệt-cường gây nên một cuộc hòa bình vĩnh-viễn. Đành vậy mà vừa rồi bản giao hòa Nga, Đức thì hình như lại soay đi một phương-diện khác. Có người bảo rằng bản giao-ước đó có điều gì bí-mật riêng trong hai nước mà Đức ký cái điều ước đó thì như có ý lừa dối liệt cường.

Nguyên Nga không có chân trong Vạn-quốc-hội; nay nếu Đức vào Vạn-quốc là cốt để dữ vế với liệt-cường, lại liên-kết với Nga là có ý không phục hẳn các điều lệ của hội. Đại-khái như điều-lệ hội định rằng: khi nào hai nước gặp sự chiến-tranh với nhau thì các nước có chân hội phải đứng một cái địa-vị trung-lập, không được trợ lực cho bên nào.» Vậy thì Đức có phòng sự bất-kỳ sau này, mà mong Nga lâm-thời đến giúp mình chăng? Đều phán-đoán ấy cũng có chỗ đáng tin được, song cũng chỉ là một điều phán-đoán mà thôi, còn như cái chầm-ý của Đức trong các việc hành-động này thì ai là người hiểu thấu cho tường-tận?

Việc Ấn-Độ

Cứ như các báo Anh mới rồi thời sự bất-hòa người trong nước Ấn-độ với nhau, do các tôn-giáo bất đồng, kẻ đi đạo Phật, người theo đạo Hồi, nhiều khi sinh ra sô sát; nhất là trong các tỉnh Penjab, Bengal, mỗi khi có hội-hè rước sách, sinh ra đám đánh nhau rất to. Hiện nay các viên cai-trị ở các tỉnh đều lấy làm lo về cái vấn-đề ấy lắm.

Trong 4 năm đây, cuộc quốc-dân hội-nghị rất là giảm thanh-thế, vì tôn-giáo bất đồng, phe nào chỉ biết quyền lợi phe ấy mà quên quyền-lợi chung của công chúng. Một cái phong-trào như thế, rất hại cho người Ấn-Độ, vì những người theo đạo Hồi-hồi chỉ muốn riêng rẽ ra. Chính-phủ Anh đứng dữa cũng chỉ làm cho tạm hòa-bình mà thôi, chứ cũng không cần gì cho hai đảng liên-kết hẳn với nhau, mà hình như lấy làm

thích ý cái phong-trào ấy, vì một dân đã không đồng tâm đồng lực thì thế-lực tất giảm đi mà Anh đỡ phải coi xét nhọc mình.

Ôi! Nào đâu những cái chủ-nghĩa cao-thượng của ông Cam-địa, vừa mới ngày nào cả Ấn-Độ hoan-nghênh một bụng, mà sao nay đã nỡ bỏ đi hoài.

Việc nước Phi-luật-Tân
(Iles Philippines)

Ít lâu nay các báo đều nói về việc xứ Phi-luật-Tân yêu-cầu với Chính-phủ Hoa-kỳ cho được độc-lập. Ông Coolidge là Thống-lĩnh Hoa-kỳ phái ông Thống-soái Cori. P. Lompsol sang khảo-cứu về các vấn-đề Phi-luật-tân, và xét xem trình-độ dân-trí đã đến ngày tự lập được chưa. Hồi tháng Août, ông phái-bộ giở về, mang trình ông Thống-lĩnh một cái biên-bản. Ông Coolidge không nhận cho Phi-luật-tân được độc-lập.

Có phải ông xét rằng Phi-luật-tân chưa xứng cái địa-vị tự-chủ không? Có người bảo rằng không chắc, vì Hoa-kỳ có nhiều lẽ cần phải giữ cho thuộc-địa ấy được lâu.

Nguyên xưa, thì Hoa-kỳ cũng không có ý nom-ròm gì đến Phi-luật-tân. Năm 1898, Hoa-kỳ khai chiến với Tây-ban-nha, lấy cớ là để giúp đảo Cuba ra khỏi tay Tây, nhưng kỳ-thực là cốt để bành-trướng thế-lực của mình về miền trung Mỹ. Nhất là từ khi đã đào xong cái eo bể Suez. mà Đại-tây dương với Thái-bình-dương giao-thông với nhau, thì mặt ấy rất quan-yếu; nhân thế mà Mỹ đánh lan cả đến thuộc-địa khác của Tây-ban-nha. Nguyên người Phi-luật-tân vẫn tức dận cái cách cai-trị áp-chế của Tây-ban-nha, nên Mỹ đánh Tây rất dễ. Cuối năm 1898, Hoa-kỳ nộp cho Tây-ban-nha 20 triệu dollars, mà Tây nhường hẳn Phi-luật-tân cho; thế là Phi-luật-tân thoát khỏi Tây-ban-nha, về Mỹ. Mỹ đãi người thuộc-địa cũng có chỗ rộng rãi hơn; nhưng bây giờ cần phải có một nơi vững để gìn giữ thế-lực mặt Thái-bình-dương, ngăn-ngừa bớt thế-lực Nhật-bản, và ngó sang Tàu họp cùng các đại thị-trường Á-châu: Phi-luật-tân thời gồm được nhiều điều lợi, đất tốt, mỏ nhiều, rừng rộng, người chăm, như thế thời Mỹ rời Phi-luật-tân ra sao được!

Công-lao bồi-bổ 20 năm giời, nay đã đến ngày ăn quả, ai đã dễ bỏ đấy mà dở về?

Cái kỳ-vọng của Phi-luật-tân thật khó lòng mà thỏa-mãn lắm vậy. Nếu không tự-cường mà cứ ỷ-lại vào người thời còn đợi lâu.

Kết - quả cuộc tuyển-cử Hội-đồng Quản-hạt ở Nam-kỳ.

Cuộc tuyển-cử Hội-đồng Quản-hạt ở Nam-kỳ ngày 10 Octobre mới rồi, kết-quả như sau này:

1) Về phần người Annam mười ông đắc cử là.

M M. Bùi-quang-Chiêu
Nguyễn-phan-Long
Trương-văn-Bền
Nguyễn-tấn-Dược
Trần-văn-Đôn
Nguyễn-văn-Thịnh
Nguyễn-văn-Hượt
Lê-quang-Liêm tức Bầy
Huỳnh-ngọc-Bỉnh
Ngô-văn-Huấn.

2) Về phần người tây, cũng mười ông đắc cử là:

M M. De la Chevrotière
Héraud
Caffort
Alinot
Quintrie-Lamothe
Blanchard
Mariani
Guérini
Céro
Joubert.

Bản-chí xin có lời mừng các ông tân-hội-đồng kỳ nay, và mong các ông ra làm sẽ bênh-vực được lợi-quyền cho đồng-bào Nam-kỳ ta và sẽ mưu được nhiều việc công-ích.

Tờ cáo-bạch của hội Cứu-tế tỉnh Quảng-yên khuyên dân An-nam quyên tiền giúp các tỉnh bị lụt.

Đạo Cơ-đốc cần nhất là giúp người khốn khổ, đạo Thích-ca cần nhất là vớt kẻ trầm-luân. Hỡi anh em, chị em đồng-bào ta ở tỉnh Quảng-yên này ơi, nào người theo đạo Cơ-đốc, nào người mộ đạo Thích-ca, tai nghe câu truyện vỡ đê, mắt trông cảnh dân bị lụt, ai là chẳng ngẫm cơ giời mà ngao-ngán, vì nòi giống mà sót thương. Tỉnh Bắc-ninh thì đê Ái-mộ, Gia-lâm vỡ, tỉnh Hải-dương thì đê Vĩnh-bảo, Ninh-giang vỡ; đê Hà-lão vỡ, thuộc về tỉnh Thái-bình; đê Lục-điền vỡ thuộc về tỉnh Hưng-yên, và tỉnh Bắc-giang thì đê sông Thương cũng vỡ, đồng điền trắng láng, lúa má mất băng, nhà cửa siêu tan, nhân vật chết chóc; than ôi kẻ khuất đã cam, kẻ còn ta phải nghĩ làm sao đây. Kìa mẹ ẵm con, kìa ông giát chắu, tiếng người kêu khóc dậy đất vang giời, kể biết mấy mươi vạn con người bò nheo bò nhóc ở trên gò cao đống nhớn, sườn đê mặt đường kia, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, rầu mưa rãi nắng, ngậm đắng nuốt cay. Đau đớn thay! thảm thiết thay! những người ấy là ai? chính là những người lao-động cầy sâu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, xưa nay vẫn truyền nghề làm ruộng, để lấy thóc cho chúng ta phân lợi mà ăn đây; nào có tội tình gì đâu, chỉ có vì ngọn nước vô tình làm cho đến nỗi khổ-sở phiêu-lưu như thế. Xanh kia thăm thẳm từng trên, vì ai gây dựng cho nên nỗi này.

Từ khi bắt đầu sẩy ra nạn này, chính-phủ cũng đã phát tiền phát gạo và những bà từ-thiện ở các thành phố, những ông tòng-sự ở các công sở rủ nhau từng bọn, mua gạo mua ngô, đem đến tận nơi cấp phát, hội này hát cải-lương, hội kia thì đá bóng, để lấy tiền giúp đỡ. Nhưng xét ra thì cái nạn này không phải một vài tháng mà cứu-tế xong được, bởi vì mấy tỉnh bị vỡ đê này đều là tỉnh to, ruộng tốt thóc nhiều, nhà giầu của sản, bỗng chốc quấn theo ngọn nước mất cả, phương chi còn mấy tỉnh nhớn nữa; như Hà-đông, Nam-định, Hà-nam, Ninh-bình, thoát được nước lụt, lại bị nước mưa, lúa cấy ba phần còn một, bây giờ tiết giời dã lạnh, mạ hết không còn, dẫu có tục giá được ít nhiều, lấy gì mà ăn đến vụ chiêm sang năm cho đủ.

Ngọn bèo chân sóng lạc-loài,
Nghĩ mình no ấm thương người lưu-ly.

Nay bản-hội tuân lệnh quan trên lập ra hội-đồng cứu-tế này để quyên giúp đỡ cho những dân bị nạn các tỉnh về sự cơ cận tới nơi đây, nào người có huyết tính, nào kẻ có nhiệt thành, cùng sắc da vàng, cùng hòn máu đỏ, cùng con giòng châu giỗi giống nhà Lạc-hồng, cùng ở lộn ăn chung ở đất Nam-Việt, có nhẽ nào việc nhà thì nhác, ai chết mặc ai, ngảnh mặt làm thinh, che tai giả điếc, nếu ta thế thì đối với lương-tâm chẳng hổ thẹn lắm ru?

Nhiễu điều phủ lấy giá hương,
Người chung một nước ta thương nhau cùng.

Bởi vậy xứ Nam-kỳ và xứ Trung-kỳ đương lập hội quyên tiền gửi ra giúp đỡ. Tỉnh ta đây, tuy góc bể bên giời, đồng chua nước mặn, đường sinh lý hãi còn eo hẹp, nguồn tiền tài chưa được lưu thông, may mà tai nạn không đến, sóng gió không kinh, ăn ngon ngủ yên, nhà lành vách ráo, thì chúng ta cũng nên đoái tình máu mủ, thương người nước non, mở tấm hằng tâm, kẻ nhiều người ít, góp gió thành bão, họp cây nên rừng, họa chăng cứu vớt được đồng bào qua cơn nguy khổ này, há chẳng là quả phúc nhớn lắm ru. Thiện-căn bởi tại lòng ta, cùng trong thân-thích ruột-rà chẳng ai.

Ôi ! *con thỏ chết, con cáo còn biết thương! con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ*. Loài vật còn thế, huống chi là người...

Kính cáo

Án-sát NGUYỄN-NHƯ-GI

Giới thiệu sách mới

Annam ! tỉnh dậy ! (Annamite ! au travail !) là một quyển sách hai thứ tiếng (Pháp-văn và Quốc-văn) của hội **Việt-Nam Thanh-Niên** mới xuất - bản, trong có bài diễn - thuyết của ông P. MONET ở hội Khuyến-học Saigon cùng mấy bài trả lời của độc-giả Annam là M. DƯƠNG-VĂN-LỢI, lại đến bài trả lời của M. PAUL MONET đối ý lại mấy bài đó, sau hết có bức thư ngỏ của M. PAUL MONET với M. DƯƠNG-VĂN-LỢI.

Sách giầy 209 trang, giá bán **0$80**, in tại Imprimerie du Centre Saigon.

2°— **Ce que dit les grands hommes** của ông PHẠM-MỘNG-TIÊN. Trong sách toàn là những tư-tưởng hay trích dịch của các nhà Văn-sĩ nước Pháp, trên chữ Pháp dưới Quốc-ngữ, đặt theo vần A B C mỗi vần có nhiều mục, mỗi mục có nhiều câu, sách giầy 289 trang, giá **0$70**. — Nhà in Nghiêm-Hàm Hanoi xuất bản.

Pour nos jeunes écoliers là một quyển sách tập đọc dùng cho các học-sinh trong lớp nhì và lớp ba các trường sơ-đẳng Pháp-Việt. Trong sách có tất cả 27 bài, có cả bài trích ở các sách Pháp-văn, dưới mỗi bài lại có giải nghĩa các chữ khó hiểu ; các câu hỏi về ý nghĩa, về mẹo-mực (Grammaire) vân vân..... sách giầy 195 trang, giá **0$50**, in tại Nghiêm-Hàm Ấn-quán Hanoi.

SÁCH SẮP XUẤT BẢN

Quyển **Bưu điện tân lệ** " của ông *Mai-ngọc-Phương* và ông *Đỗ-đình-Lương* đến hết tuần tháng này sẽ xuất bản.

Quyển ấy tả từng mục rất rõ ràng, và chú thích những câu thí-dụ khiến ai cũng hiểu được ngay. Thực là cần cho :

1° Các nhà buôn đỡ mất thì giờ và tránh được những sự thiệt thòi trong lúc gửi hàng đi các tỉnh ;

2° Các nhà chức-sự sở Bưu-điện đỡ phải tra-soát sổ sách, khi gặp việc gì chưa làm qua.

Vì quyển **Bưu điện tân lệ** là góp hết các điều cần thiết trong A 12 vậy.

Sách xuất bản có số ngài nào cần dùng xin gửi tiền trước — Sách giầy hơn một trăm trang — giá : 0$60 gửi thêm 0$20 tiền cước.

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các Hiệu sách ở các tỉnh, Hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 %. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

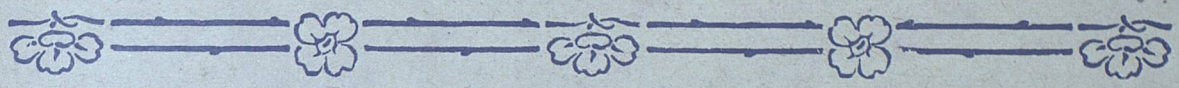

Số 8 NĂM THỨ NHẤT 2e QUINZAINE OCTOBRE 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 1770

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP CHÍ REVUE DE L'ANNAM 安南雜誌

CHỦ NHÂN
TÁN-DÀ NGUYỄN KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÀNG LONG GÂY GARE
50-52, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết.** — *Mấy nhời cảnh cáo bạn thanh-niên*
2 — **Văn-học.** — *Hoà-Bình phong-tục ký.*
Dưới bóng giăng trong.
Văn thơ
Tờ chúc-thư. — (tiểu thuyết)
3 — **Thời-Sự.** — *Một sự sáng lập khẩn thiết.*
Tại hội đồng quản-hạt Nam-kỳ.
Việc lụt ở Trung kỳ.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :
từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** : Nửa năm, **2 $ 20** Mỗi số **0 $ 20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm. hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành động trong lúc ban đầu : Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 8 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Octobre 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

MẤY NHỜI CẢNH CÁO BẠN THANH-NIÊN

Nay tôi có mấy nhời thành-chí khẩn-thiết, xin tỏ cùng các bạn thanh-niên trong nước ta. Các bạn thanh-niên đó là như những ai? tức là những các ông học-sinh, không cứ học ở trường công hay trường tư, cao-đẳng hay sơ-đẳng, phàm từ khoảng 15 tuổi giở lên mà hiện còn đương là học-sinh, ấy đều là các bạn thanh-niên của ta, đều là người rất có quan-hệ về tiền-đồ của giang sơn nước ta vậy. Bởi rất có quan-hệ đến tiền-đồ của giang sơn nước ta, cho nên tôi muốn có mấy nhời rãi tỏ cùng các ông. Trước khi tôi rãi tỏ cùng các ông, tôi mong rằng các ông hãy tự nhận là hạng người rất có quan-hệ đến tiền-đồ của giang sơn, rồi tôi xin nói với các ông có hai câu truyện là câu truyện *gia-đình* và câu truyện *xã-hội* vậy.

1°) **Câu truyện gia-đình.** — Người Á-đông thua kém người Âu-châu, phần nhiều là vì chỗ gia-đình; người Á-đông mà có hơn người Âu-châu, cũng chỉ có ở chỗ gia-đình. Nghĩ như thế là sao? Người Âu-châu thường không lấy gia-đình làm chú ý, ai có tài trí về phương-diện nào, cứ hết sức về phương-diện ấy, một là đối với tài trí của mình mà cùng công phát-triển, hai là đối với thế-cục của xã-hội mà ra sức đua ganh; bởi thế cho nên trong xã-hội nhiều người có tài, mà những người có tài ấy lại phần nhiều thích-dụng với xã-hội. Người Á-đông thời phải lấy gia-đình làm chú ý, phàm đã là một người có tài hạnh học-thức, có địa-vị trọng yếu ở trong gia-đình, thời phải gánh vác hết những trách-nhiệm trong gia-đình, không những trên đối với bố mẹ, dưới đối với vợ con, mà hết thảy các hàng em, các hàng

cháu, các họ-mạc gần xa, có thể bao-dung gây-dựng được đến đâu thời phải nhận phần trách-nhiệm đến đấy; nếu không thể thời là một người không có trọng-giá ở gia-đình, mà tự thân đối với hai chữ "*lề gia*", như có chỗ không tự mãn-túc. Bởi thế cho nên bao những người hiền-tài học-thức, vì cái chỗ gia-đình bó buộc, mà hết tài hết sức trong một đời, thường không làm sao cho đầy đủ được chức-trách ; bởi thế cho nên ít có người tài trí cao xa thích-dụng với xã-hội. Đó là cái nguyên-cớ người Á-đông thua kém người Âu-châu vậy. Người Á-đông thua kém người Âu-châu, vì ở cái chỗ gia-đình bó buộc ấy; mà cũng chỉ hơn người Âu-châu ở cái chỗ đảm-nhiệm được nhiều trách-nhiệm trong gia-đình. Nay chúng ta đã biết như thế, thời chúng ta là người Á-đông, câu truyện gia-đình, chúng ta cần nên phải giảng-cứu.

Cứ như tôi xét ra thời cái lý-tưởng của nhiều người hiện nay, như muốn vướch bỏ cái chức-trách đối với gia-đình để đem công thi-thố với xã-hội ; đó là nhiễm cái văn-minh Âu-hóa, mà muốn đổi hẳn cái bổn-tính người Đông-phương. Những người có cái lý-tưởng như thế, tất cũng có cái kiến-thức tùy-thời, phần riêng tôi không dám bảo là không phải ; song tôi chỉ nghĩ rằng: cái chức-trách gia-đình của người Á-đông ta, hoặc nên thu hẹp giới-hạn lại thế nào, mà không nên biến đổi một cách dữ mạnh quá. Nay các bạn thanh-niên ta hiện còn đương trong lúc đi học, những chức-trách gia-đình chưa có thì-giờ giảng-cứu đến cho kỹ, vậy xin hãy bàn về một chỗ đối với mẹ cha.

Tôi thường nghĩ: phàm là một người học-trò sinh vào thì buổi này, phần báo hiếu với mẹ cha nên phải gấp hơn những học-trò sinh vào thì buổi trước. Là sao? Xưa kia có câu rằng: « *Cơm ăn ba bát, cha cày cấy ; áo mặc tư mùa, mẹ vá may* ». Ấy là phần người con làm học-trò nhờ ơn dưỡng-dục của bố mẹ có như thế; còn như những bút giấy sách vở trong việc học, sự tốn kém so với nay cũng tầm-thường đơn-dản hơn nhiều. Lại trong khi học tập, phần nhiều tức là lúc thần-hôn, — cũng có người đem lương đi học xa, nhưng thuộc về số ít — một đôi khi có giỗ tết khách khứa, tật bệnh thuốc thang, bố mẹ còn được có con mà sai bảo những việc vặt ở trong nhà. Đến như nay thời cái thân-thế một người con làm học-trò, xem với trước đã gần như khác hẳn. Sự ăn mặc theo thời mà phần tốn kém phải gấp hơn, sự học-phí theo thời mà phần tốn kém phải gấp hơn, những nhà sẵn ở tỉnh-thành mà có con đi học thời còn giản-tiện được đôi phần, những nhà ở thôn-quê mà có con ra học tỉnh thời sự tốn phí càng thêm lắm. Thường thấy nhiều nhà ở thôn-quê có con ra học tỉnh, quanh năm chỉ lo về một sự cấp lương-thực, lấy làm một việc trọng đại nhất ở trong gia-đình. Những người con đã đi học như thế, lại ít khi về đến nhà; dẫu có nhân ngày lễ ngày nghỉ mà về chơi nhà chăng nữa, thời phần bố mẹ chiều con nhiều, mà phần con hầu bố mẹ ít, đó là cái tính chung của những người học-trò về Pháp-học ít quen làm những việc vặt ở trong gia-đình ở thôn-quê. Vậy thời cái công ơn cha mẹ đối với người con làm học-trò trong

buổi nay, thực có nặng hơn khi trước vậy. Đó là nghĩ về phần báo-đáp với cha mẹ nên thế nào là phải, tưởng các bạn thanh niên ta đều đã đủ thừa học-thức mà không cần tôi phải giảng bản; nay tôi muốn cùng các ông luận về đạo hiếu đây, chỉ là nghĩ về chỗ có khác giống vật vậy.

Phàm các giống động-vật ở thế-giới, đẻ ra con mà yêu thương là phần nhiều, con mà biết báo hiếu lại thời ít thấy. Bởi thế cho nên giống người ta nên phải có hiếu với cha mẹ, trước là để khác với giống vật, mà sự thủ ơn báo đức còn là phần sau. Một đạo hiếu ở phương Á-đông, thật dẫu rằng đất đổ giời rơi, mà không bao giờ có thay đổi. Mới rồi An-Nam tạp-chí số thứ 3, có đăng một bài của ông *Tạ-quang-Cát* về mục gia-đình, nghe dư-luận rất là phản-đối; sau dẫu có một bài của ông *Ngô-tất-Tố* bác lại, đăng ở số 4 An-Nam tạp-chí, mà dư-luận cũng chưa lấy làm hả lòng. Vậy càng biết sự luân-thường ở Á-đông, một đạo hiếu là không thể xâm-phạm đến như thế. Lại mới rồi tôi có lên chơi tỉnh Hòa-Bình, được tiếp quan Ấn nói truyện về người *Mán*, ngài nói rằng: người *mán* có học nhiều chữ nho mà tục rất là hiếu, con gái thường không chịu đi lấy chồng xa; có câu rằng: « 一孝不曾離父母, 一離父母心愁愁. *Nhất hiếu bất tằng ly phụ mẫu; nhất ly phụ mẫu, tâm sầu sầu.* » Nghĩa là: "*con hiếu không từng xa bố mẹ, hơi xa bố mẹ lòng ngùi thương.*" Xem đến người mán mà như thế, thời càng biết luân-lý ở Á-đông, đến chữ *hiếu* là trọng vậy! Nước ta từ xưa, người bất-hiếu tưởng cũng không ít, nhưng thuộc về kẻ vô-học là phần nhiều; gần nay, học-vụ biến đổi, luân-lý xuy đồi, những kẻ bất-hiếu thường ở trong hạng người học-vấn mà ra cả. Cứ tôi nghe thiên-hạ nói truyện thời có người con quan đại-thần, đi du-học, lấy vợ đầm, rồi về nhà giở luật tây để kiện bố; có người đỗ đến đốc-tờ, mày-đay bắc-đẩu, mà ham-mê gái, trái nhời cha; lại có người ở Hải-phòng lên chơi nói truyện rằng: ở Hải-cảng có một thầy làm việc kia, cứ bữa ăn, hai vợ chồng cùng ngồi ăn với nhau, mà mẹ già thời ăn với vú già ở dưới bếp. Là người học-vấn hiền-đạt mà ở với bố mẹ như thế, thời lấy gì làm khác với giống vật; ở gia-đình mà đối với bố mẹ còn như thế, thời các em, các cháu, các tộc-đảng còn mong chi! Những người đó không phải là hạng bạn thanh-niên của ta, nhưng cũng là các người đã từng qua trải lớp học-sinh ma ra vậy. Hỡi các bạn thanh-niên của ta, các ông học-sinh, nghĩ đó có đáng buồn đáng sợ hay chăng?

Chúng ta là người Á-đông, chúng ta thua kém người Âu-châu, nay phong-trào khích-thích, chúng ta nên tìm phương học-tập cho mỗi ngày theo kịp được người; tuy vậy mà cái đạo-nghĩa gia-đình của người Á-đông ta tự mấy nghìn năm xưa, ta cũng không nên để cho một trận cuồng-phong thổi tan cuốn sạch vậy. Nay nếu cái điều hay của người, đã chưa họp được; mà cái điều cũ của mình lại bỏ nốt, như thế thời ở trên thế-giới là hạng người chi chi? Các ông hiện còn đương trong lúc thanh-niên, tâm-thần minh sảng, các ông nên để ý ngay về chỗ đó, thời mai sau các ông được hiền-đạt, sẽ là

người cán-đáng trong gia-đình. Các ông cứ là người cán-đáng trong gia-đình, tức cũng đã là một hạng người tốt ở trong xã-hội của ta vậy.

2°. — **Câu truyện xã-hội.** — Người ta không cứ phải làm song chức-trách ở gia-đình, mà rồi mới làm đến công việc ở xã-hội; thường trong một thì-giờ mà gia-đình xã-hội có thể gánh vác được cả hai, cái đó tự ở người có chí mà dụng công thời tưởng cũng không khó. Xem những người ở gia-đình mà bất hiếu với bố mẹ như ai kia, thời đã làm ích cho xã - hội được những gì, nghĩ như thế đủ biết. Nay xin nói truyện với các ông về câu truyện xã-hội:

Hiện nay các ông còn đương trong lúc thanh-niên học-tập, chí-khí thanh-minh, những sự bỉ-tục lợi-dục ở đời chưa bận đến trong bụng; trong bụng các ông nay, nào là chan - chứa những tình ái quốc, nghĩa hợp-quần, tưởng như một mai đắc ý ra mà thi - thố với đời, thời không để cái địa-vị hào-kiệt vĩ-nhân nhường cho kẻ khác. Con người ta ở đời, nếu ai cũng giữ được cái chí-khí lúc thanh-niên, để thực-hành cái sự-nghiệp xuốt thân-thế, như thế thời hào-kiệt vĩ-nhân cũng chỉ là một vật rất tầm-thường dung-dị, mà quốc-gia xã-hội không mấy khi đến bại-diệt trầm-luân. Nhưng mà khó lắm thay! cái chí - khí trong lúc thanh - niên của con người ta, thường chỉ là cái chí-khí trong lúc thanh-niên vậy. Các ông nghe nhời tôi nói đây, hoặc có lấy làm không bằng lòng, nhưng xin các ông hãy tạm yên, để tôi được nói truyện cùng các ông những tình-trạng hiện nay trong xã-hội.

Trong xã-hội ta nay, có một phái người hủ-bại, chưa nói rõ, chắc ai cũng đều đã biết là một phái người nhà nho. Phái nhà nho, chỉ trừ ra độ có một số người rất ít, còn thời thật toàn là hủ - bại vậy. Trong một phái hủ-bại đó, lại có nhiều hình-thức khác nhau, có thể chia đại-lược làm ba hạng: Một là hạng *đương - đồ*. Hạng người này khoa - mục xuất thân, . . Hai là hạng *nhàn-tản*. Hạng người này như kẻ đi ăn cỗ đã no bụng mới làm khách, ngồi nhà lấy "hưu-phu, hưu tẩu (1)" tự xưng; hoặc là nhờ có vợ giầu, con làm việc, mà cũng rượu ngang, thuốc cống, trẻ đầu-xuân, coi đời ra rác. Ba là hạng *khốn-nạn*. Hạng người này chiếm một phần nhiều nhất ở trong phái hủ-bại, kẻ thời kiếm ăn theo những bọn đương-đồ, kẻ thời kiếm ăn quanh ở miền báo-giới, kẻ thời cơm áo không đủ, chỉ củ-rủ củi-rủi, tủi phận than thân. Tóm ba hạng người ấy, hình-thức dẫu có khác nhau, mà đều là vô-ích cho xã-hội vậy. Than ôi! bốn nghìn năm Hán-học, thánh-kinh hiền-truyện, rút lại còn được một phái người hủ-bại đó, cái kết-quả của sự học-vấn đã đáng buồn hay chưa?! Phái nhà nho đã hủ bại không ra chi, thời tiền - đồ của giang sơn, thế chỉ có trông mong ở các người trong Pháp - học vậy.

1.— *Hưu* 休 là hưu-trí, *phu* 夫 là thằng đàn ông, *tẩu* 叟 là lão già.

Nói đến các người trong Pháp - học thời như có một cái quang - cảnh rất mới-mẻ, cái khí-thế rất hăng-hái, cái cơ-sở rất vững - trãi, cái hi - vọng rất lâu dài; nhưng sau này chưa biết ra sao, cứ hiện nay xem ra, cũng lại chỉ là một phái hủ-bại duy tân vậy. Phái nhà nho là *cựu hủ-bại*, phái Pháp-học là *tân hủ-bại*. Trong phái Pháp-học này, trừ ra không biết được bao nhiêu người không hủ-bại, còn về phần hủ-bại cũng có thể chia làm ba hạng khác nhau: Một là hạng *đương-đồ*. Hạng đương-đồ về Pháp-học cũng chẳng khác gì hạng đương-đồ trong làng nho, địa-rư cách-trí, toán-pháp đích-tê, cũng như ngũ-kinh tứ-thư, kinh-nghĩa thơ phú khi trước vậy. Cái cách học dẫu có khác nhau, mà cái cách ra đời cũng như một; một thân đã sung-sướng, vợ con đã yên vinh, rồi cũng biệt-thữ sinh-phần, lắm trò dơ-dáng. Hai là hạng *tự-túc*. Hạng người này chiếm một phần nhiều nhất ở trong phái tân hủ-bại, ngoài trông vào tháng lương, trong có ít vốn-liếng, vợ con yên ấm, học vấn sùng-sằng, không hơn ai cũng không phục ai, không cần ai cũng không thiết ai, câu truyện ưu-thời cũng có nghe mà nghe để ngoài tai, câu truyện ái-quốc cũng có nói mà nói ở đầu lưỡi. Ba là hạng *vô-lại*. Trong một hạng người này, lại có hai bổn-sắc khác nhau: hoặc là do sinh-trưởng ở nhà phú-quí, ăn chơi quen thói, học tập hư hèn mà thành ra vô-lại; hoặc là cửa nhà vốn nghèo khó, thị-thành đua ăn chơi, học chẳng nên thân, tiền làm không đủ mà thành ra vô-lại. Tóm ba hạng người đó, hình-thức dẫu có khác nhau, mà cũng đều là vô ích cho xã-hội vậy. Phái nhà nho hủ-bại đã như thế, phái Pháp-học lại hủ-bại như thế; phái cựu hủ-bại vô ích đã như thế, phái tân hủ-bại lại vô ích như thế; ngoài hai phái hủ-bại vô ích đó, lại còn có những thứ người cũng do ở Hán-học Pháp-học đào-trú đặc-biệt mà sinh xuất những tính-tình quái ác, làm hại cho xã-hội thực gớm-ghê. Ôi, đó là cái tình-trạng hiện nay ở trong xã-hội ta, là chưa nói đến những người không có học-vấn vậy.

Hỡi các bạn thanh-niên ta, các ông đều là người về phái Pháp-học, mà hiện nay các ông còn đương là học-sinh; chưa biết vài ba năm, năm bảy năm về sau mà các ông đắc-chí hay thất-ý thế nào, nhưng các ông có thể tự liệu rằng giữ vững được như cái chí-khí trong lúc thanh-niên này hay chăng? Khó lắm thay! tôi thật vì các ông mà lo cho các ông rằng khó lắm thay! Hoặc như một mai kia các ông đắc-chí ra mà ngã vào hạng người "đương-đồ tân hủ-bại", hoặc như một mai kia các ông thất-chí ra mà ngã vào hạng người „ vô-lại tân hủ-bại", hoặc như một mai kia các ông được yên ấm mà ngã vào hạng người "tự-túc tân hủ-bại", đó đều là những sự-thể chưa dám quyết rằng không, cho nên đáng lấy làm lo vậy. Nếu trong ba hạng người về phái tân hủ-bại đó, mà các ông sẽ có ngã vào một, thời bao nhiêu cái chí-khí của các ông trong lúc thanh-niên này thật là đáng tiếc! mà tiền-đồ của giang-sơn xã-hội hết nhẽ trông mong! Vì tôi quá mong ở các ông, cho nên quá lo cho các ông; vì quá lo cho các ông, cho nên nói hoặc quá nhời mà không dám sợ các ông có oán vậy. Cái tình-trạng của xã-hội ta hiện nay, phái hủ-bại cũ chưa tan trò, phái hủ-bại mới lại khai diễn. Giang sơn

trật hẹp, phong-trào cấp bách, dung sao được những bọn hủ-bại đó cứ thay đổi nhau mà lên diễn-đài mãi như thế ru ! Nếu phen này mà bọn tân hủ-bại lại nối nhau diễn mãi cho mãn võ tàn canh, thời thật là vô hạnh-phúc cho giang sơn vậy. Nghĩ vì thế mà tôi phải hết nhời cùng các ông, mong rằng các ông cố giữ vững cái chí-khí tốt đẹp như trong lúc thanh-niên này, thời mai sau dù đắc-chí hay thất-ý thế nào, ắt cũng là có ích cho xã-hội lắm lắm.

Riêng về phần tôi viết bài này, tôi tự nghĩ cũng vô hạn tự sầu và tự thẹn : trong một phái người cựu hủ-bại, chính lại cũng có mình ở trong. Xuân-xanh quá nửa đời người, mà ngoài ngòi bút quốc-văn không có cách gì lập thân, ngoài ngòi bút quốc-văn không có cách gì sinh-kế. Mặt giời giữa thời xế, mặt giăng tròn thời khuyết, người đến đứng tuổi thời giở về cõi thọ ; đom-đóm đồng không, vờ-vờ nước chảy, trăm năm thân-thế, cùng ai ngao-ngán nỗi hoang-lương! Nghĩ về thế mà tôi muốn cùng một đôi người đồng-chí, đem cái tinh-thần Hán-học, tự mình biết được chút nào, phô diễn ra tờ báo quyển sách, để cống-hiến cùng các ông; tức là muốn gửi vào các ông một đôi chút tinh-thần cũ-kỹ đó, để mai sau các ông đắc-ý mà ra thi-thố với xã-hội, thời chúng tôi dẫu không được dự có phần giá-trị đối với giang-sơn chủng-tộc, cũng còn may nhờ ở các ông đó mà gỡ được cái tội lỗi đối với kinh thánh truyện hiền. Đó là cái ý-nguyện riêng của tôi, còn như các ông có dung-nạp hay không thời chưa dám biết vậy. Nay chỉ vì các ông là hạng người có quan-hệ đến tiền-đồ của giang sơn nước ta, cho nên tôi muốn kính khuyên các ông rằng : các ông cố giữ lấy cái chí-khí như trong lúc thanh-niên này, để mai sau thực-hành cái sự-nghiệp xuốt thân-thế, trong cán-đáng lấy trách-nhiệm ở gia-đình, ngoài gánh vác lấy công việc của xã-hội, không hủ-bại mà thật là duy tân. Bốn nghìn năm nước tổ, non nước còn xuân, trên nhờ Bảo-hộ, dưới có quốc-dân, may ra Hồng-Lạc rư-đồ chưa đến khi vĩnh kiếp trầm-luân vậy. Cái vinh-dự ở giang sơn Việt-Nam ta sau này, không phải các bạn thanh-niên ta hưởng thụ đó mà ai.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính cáo

An-Nam tạp-chí số thứ 1, vì nhà in bận nhiều công việc, cho nên chưa in lại được kịp ; các Ngài có lòng yêu mà hỏi đến, xin bằng lòng đợi ít lâu. Nay Ngài nào bắt đầu mua cả năm, Bản-chí tạm gửi đi từ số hai, còn số nhất đến sau sẽ gửi.

BẢN-CHÍ

文學之部

VĂN-HỌC

HÒA-BÌNH PHONG-TỤC KÝ

Tham-tri lĩnh Hòa-Bình Tuần-phủ

ĐINH-CÔNG-THỊNH

soạn

Tỉnh Hoà-Bình nguyên xưa không có, mới từ bổn-triều *Đồng-khánh* năm thứ hai (1886), chính-phủ Bảo-hộ có nghị định trích lấy hai châu Lạc-sơn, Lạc-thủy ở tỉnh Ninh-Bình; hai châu Lương-sơn Kỳ sơn ở tỉnh Sơn-tây; hai châu Đà-bắc và Mai ở tỉnh Hưng-Hóa, lập ra tỉnh-lỵ tại phố *Phương-Lâm*, nên mới gọi là tỉnh *Phương-Lâm*. Sau lại di tỉnh lên *chợ-Bờ*; vẫn gọi là tỉnh Phương-Lâm (tục gọi là tỉnh Bờ). Đến năm *Thành-thái* thứ chín (1898) lại di tỉnh-lỵ về đóng tại đầu làng *Hòa-Bình*, nên mới đổi tên gọi là tỉnh *Hòa-Bình*.

Đến năm Duy-tân thứ hai (1908), nhà nước lấy châu Lạc-thủy sáp về tỉnh Hà-Nam, nên tỉnh Hoà-Bình nay chỉ còn có năm châu là *Lương-sơn*, *Lạc-sơn*, *Kỳ-sơn*, *Mai* và *Đà-bắc*. Cộng có 14 tổng, 84 xã, 1386 thôn xóm. Quan đầu tỉnh chức Chánh-quan-lang (tức là quan Tuần-phủ), rồi đến quan Án-sát-sứ, 5 Tri-châu, 5 phó Tri-châu, dưới nữa đến Thổ-lang, Thổ đạo, đều là thổ-quan trị thổ dân.

* * *

Trong tỉnh có 6 thứ người, người *Mường*, người *Thổ*, người *Mán sơn đầu*, người *Mán cao-lan*, người *Mán đeo tiền*, người *Mán mèo*.

Mán sơn đầu vì rằng đàn bà con gái đánh sáp lên tóc và bôi mỡ tóc chít thật chặt, cho nên gọi là *Mán sơn đầu*.

Mán đeo tiền cũng như Mán sơn đầu nhưng đầu tóc lại làm ra hai từng, mà đàn ông ai cũng đeo tiền đằng sau cổ áo, cho nên gọi là *Mán đeo tiền*.

Các thứ Mán thì từ xưa đến nay vẫn làm nhà cửa và làm nương trên ngọn núi cao. Các thứ Mán không nhất định ở hẳn một nơi, vì rằng làm nương năm bẩy năm nhạt đất, hoa-mầu không tốt, lại phải đi xin đất quan-lang chỗ khác mà ở.

Người Mường châu Lương-sơn, Lạc-sơn, Kỳ-sơn và nửa châu Đà-bắc đều một thứ tiếng. Còn nửa châu Đà-bắc và châu Mai, toàn là người Thổ, có một thứ chữ riêng gọi là chữ thổ, và nói khác thứ tiếng.

Trong xứ người Mường này, họ nhà lang có 4 họ là *Đinh*, *Quách*, *Bạch*, *Hoàng*. Trong bốn họ này từ xưa đến nay tuy rằng khác họ, nhưng làm thông-gia với nhau, có việc gì thì cũng một lòng giúp đỡ với nhau; đến trung-gian đời nhà Hậu-Lê mới thêm ra hai họ nữa, một là họ *Xa*, hai là họ *Hà* làm lang, nhưng cũng là cùng trong 4 họ mà phân ra.

* * *

Đường thủy thì có sông *Đà-giang* (tức là sông Bờ), có tầu thủy chạy lên đến Chợ-Bờ, cứ đến cuối năm là tháng Décembre, tầu chạy ở Hanoi, thứ bẩy chạy, chủ-nhật tới Hoà-Bình và Chợ-Bờ; thứ hai tầu xuôi, thứ ba ở Hanoi chạy, thứ tư thì tới Hòa-Bình và Chợ-Bờ, thứ năm lại xuôi.

Đường bộ quan-lộ đi được ô-tô, thì từ *Hanoi* qua *Hàđông* vào hạt *Lương-sơn*, *Hoà-Bình*, *Chợ-Bờ*, *Suyút*; con đường đi *Vạn-Mai* thuộc tỉnh Hoà-Bình lên *Hồi-xuân Sầm-nưa*, thì đường chỉ người và ngựa đi được.

Con đường từ *Suyút*, *Mai-châu* rẽ về tay phải, sở lục-lộ đương phái làm để lên *Sơn-La* và sang *Lào*.

Con đường *Cao-Phong* vào châu *Lạc-sơn*, ước chừng hơn 80 kilomètres thì giáp với con đường *Nho-Quan*, hiện bây giờ đương làm, ô-tô đã chạy được đến xóm *Vảm* xã *Cao-Phong*.

Con đường *Hoà-Bình* đi *Tu-Vũ*, *Phú-Thọ*, hiện bây giờ đương làm, ít nữa thì hoàn thành, là đến địa-phận *Phú-Thọ*. Con đường này làm rất rộng-rãi, ô-tô quan khách vẫn chạy đi lại xem đường luôn.

Còn các con đường nhỏ trong năm châu các thôn xóm đi lại với nhau, phần nhiều phải đi lội khe xuối, chèo qua chân núi này sang chân núi khác, chỉ người đi được mà thôi, ít khi đi được ngựa, vì rằng leo đá khó-khăn.

* * *

Lang coi dân mường như là con cháu, dân mường đối với lang như là bố mẹ. Lang truyền việc gì, dân cũng phải rốc một lòng vâng lệnh của lang; dù là việc nguy cấp như giặc đã sắp đến, lang sai dân phải liều mình ra đánh, dân cũng phải gắng sức liều thân mà xông-pha cố đánh. Sau khi đó thời nhà lang có thưởng cho những người đã có công, mỗi người một mẫu hay là hai mẫu ruộng nhất đẳng, gọi là ruộng công-khố, được cấy truyền tử nhược tôn; người bị tử thì thưởng cho trâu bò làm ma; người bị thương thì thưởng cho tiền chữa thuốc.

Vì lang đối với dân có nhiều điều tình nghĩa rất là mật-thiết như thế, cho nên từ xưa đến nay, dân đối với lang cũng không bao giờ thay đổi (I).

Giở lên nói về sự lập tỉnh và lý lộ quan dân, để độc-giả biết qua đại-thể tỉnh Hoà-Bình là như thế; đây giở xuống, mới nói đến phong-tục dân mường ở Hoà-Bình.

* * *

Việc hiếu nhà lang — Khi bố hay mẹ lang mới mất, trong nhà lang đánh hiệu trống ba hồi; tất cả dân nghe hiệu trống ấy, biết rằng bố hay mẹ lang đã mất, thời mỗi nhà chỉ để một người ở giữ nhà, còn bao nhiêu người đến nhà lang tất cả để thăm biết giờ nào nhập quan; rồi mỗi nhà lại một người trở về, người thì lấy bông, người thì lấy vải, người thì lấy tơ, rồi đem đến nhà lang để khâm liệm nhập quan. Áo quan thì làm bằng *cây gỗ tròn*. Nhập quan xong rồi thời đón *thầy mo* (2) đến làm lễ *động tiếng* và *cắt tóc*. Khi thầy mo đến, trước hết treo trống đồng (cái trống bằng đồng, người khác không được treo); rồi chọn giờ tốt mới động tiếng (tức là khóc); khi ấy họ-hàng con cháu và dân đều quì phục xuống chân linh-cữu mà khóc. Khi động tiếng thì đánh trống đồng, đánh chiêng, và bắn 12 phát súng đại-bác mường; xong rồi làm lễ tế thành-phục, tất cả con cháu họ-hàng và dân mường từ già chí trẻ đều *cắt tóc để tang 3 năm*. Khi còn có tang, từ họ hàng chí dân không ai được làm sự gì vui mừng. Các lễ ấy đã xong thời những người dân ai lại về nhà người ấy. Linh-cữu để thờ ở trong nhà 3 năm, mỗi ngày hai lần đặt cơm như là khi còn sống (tức là phải bưng cơm dót nước cho vong-hồn, mà chỉ có một họ bưng cơm dót nước, chứ họ khác không được). Khi đặt cơm thì chính ông thầy *chuốc* phải đánh một hồi trống đồng, rồi đánh đủ 100 tiếng, đánh xong thì thầy chuốc hạ cái mâm cơm cúng vong-hồn xuống, chính ông thầy chuốc phải ăn mâm cơm ấy, chứ con cháu không được ăn. Khi sắp làm ma thì thổ-đạo kỳ-mục và dân chiểu tính số ruộng của lang cho dân mà góp tiền, góp trâu bò, gạo, rượu, lợn; để làm ma cho bố mẹ lang. Các nghi-vật trong việc ma thời áo quan phải bọc ba lần vóc, lại thêm một lần tạ quan, và làm

(1) Một đoạn nói về tình nghĩa quan với dân đây, Bản-chí sẽ có nghị-luận ở nơi khác.

(2) *Thầy mo* tức như *thầy tu* hay *ông cố* ở dưới vùng xuôi, đó tức là tôn-giáo của dân mường vậy

xe minh-tinh, nhà-táng, nhà vong, nhà-phật, nhà minh-khí, thuyền bát-nhã, nón phướn và một cái nhà 12 từng (hình như cây tháp), trên đỉnh nóc có một con quạ. Sắm-sửa đủ cả những đồ đó, rồi mới chọn ngày tốt để làm ma.

Khi bắt đầu làm ma thì thầy mo đứng giậy, tay tả cầm chuông, tay hữu vác gươm, để mời vong-hồn ra ăn cỗ, khi ấy tất cả *nàng dâu họ nội phải mặc áo mạng-phụ lối mường* (thứ áo này, các bà lang mường những bà nào khéo lắm mới làm được, vì rằng mũ may liền với giải áo, mà mũ thì trên có nhiều tua, các thứ hạt), đeo vòng vàng, hạt vàng, tay tả thì cầm cái quạt bằng lá bẹ, đều đứng một dẫy phía trong quan-tài, khi thầy mo cất tiếng mời vong-hồn ra ăn cỗ thì các nàng dâu đều quạt vào linh-cữu cho đều (mà nàng dâu không được để *chở*) : nếu mà khi làm ma không có nàng dâu đứng quạt như thế, thì rồi trong họ sẽ không được thịnh-vượng. Thảng hoặc con trưởng còn bé, mà trong nhà bố hay *mẹ mất thì phải đợi con trưởng* lấy được nàng dâu, rồi mới dám làm ma, là vì phải có nàng dâu trưởng đứng đầu mà quạt. Tục nàng dâu phải quạt như thế có ba họ, là họ Đinh-thế, họ Quách và họ Bạch không được bỏ, nếu nhà nào mà bỏ thì con cháu tất suy đốn.

Khi làm ma thì chính con trưởng nhà lang phải làm một bữa *đìm* ; bữa đìm tức là cái bữa thầy mo mang vong-hồn lên giời xin lỗi trở về, chính tối hôm ấy người con trưởng phải lấy của trong nhà ra làm thịt độ hơn hai chục trâu bò, lợn không kể, phải trọn con trâu to nhất, sẹo con trâu ấy phải làm bằng bạc, chạc con trâu ấy phải làm bằng vóc, trên lưng con trâu thì phải phủ bằng vải trắng, mà chính con bố phải cầm mà giắt con trâu ấy. Sắm-sửa đủ rồi thì thầy mo mới lại mặc áo đội mũ, tay tả cầm chuông, tay hữu vác gươm, đứng giậy khấn vong-hồn và mời rằng : « *Mới vóc nguộc mình rồng vàng, bóng khính ngày dâm sang* (1) *ra xem trâu.* » Khi ấy người rước cũng như chật, ông mo đi trước, rước vong-hồn đi sau, xuống thang màn ra sân, chỗ giắt con trâu ấy. Ông mo đứng lên cái cối giã gạo, kể gốc-tích khi trước sinh ra trâu bò, để cho vong-hồn nghe ; sau ông mo mới bảo vong-hồn rằng : « Ngài đã mất mấy năm nay, con trưởng và binh mường đã chọn được ngày lành tháng tốt, để làm ma cho ngài ; con trưởng ngài chọn được con trâu tốt thứ nhất, để mổ thịt ra làm lễ báo hiếu cho ngài. Xin ngài nhận lấy, rồi phù hộ cho con cháu ». Song rồi ông thầy mo lại cúng vong-hồn trở lên nhà ; con cháu họ hàng và dân thì rước con trâu ấy ra đồng làm thịt. Còn như cái giây thừng bằng cả tấm vóc, cái sẹo bạc, và mấy cái vải phủ trên trâu, thời chính ông bố được lấy, chứ người khác không được lấy. Bữa đìm là bữa ăn to nhất trong việc ma.

Song bữa đìm ấy thời kế đến bữa con rể. Con rể đi làm một bữa đãi cho bố vợ, trâu bò ít ra cũng phải hai mươi con, lợn không kể ; gạo, rượu, nồi, miếng, xanh, đem đi để đồ sôi và làm bánh, ít ra cũng phải *tám trăm phu* mới mang hết. Khi làm bữa thì chính người rể đem đi phải thịt trâu, thịt bò lấy, để làm cỗ mà đãi, và các bà nàng của mình phải làm các thứ bánh. Khi con rể làm cỗ xong, bưng ra ngoài trạm làm ở ngoài đồng, ngoài trạm đã làm một cái nhà chồng 12 từng, như là cây tháp ; rồi thầy mo mới mặc áo đội mũ, cầm gươm dung chuông, rước vong-hồn ra chỗ nhà 12 từng ấy. Khi rước vong-hồn ra, đằng trước dàn mặt súng bông-mai và gươm, cờ trống, đồ lộ-bộ, kế đến nhà rước vong, sau đến nhà nhạc, sau cùng thì họ hàng con cháu. Rước đến nhà 12 từng thì đặt nhà vong-hồn bên cạnh, rồi quan-viên làm lễ tế ông thần Sích-lân. Khi tế lễ song rồi thì ông chùm tư-văn cầm quyển sách đứng đọc ở cửa đống nhà tháp 12 từng. Khi đọc nửa chừng, thì tất cả đồ lộ-bộ và những người chấp-kích rước vong-hồn đi chạy vòng xá cái nhà 12 từng. Nhà ấy chia ra làm 4 cửa, người chấp-kích chạy đi ra cửa đông, khắp một vòng thì lại lộn lại chạy ra cửa tây, người chạy trước

(1) *Bóng-khính ngày-dâm-sang*, nghĩa là ông chúa ở trong đất.

quanh lượt ngoài, mà người đi sau cũng chưa tới cửa đông, thành ra bốn năm từng người chạy đi chạy lại. Người đi đầu chạy ước chừng 4, 5 vòng mới được đứng lại. Rồi lại rước nhà vong đến bên cạnh cây tháp, nghỉ một lúc, rồi ông chùm tư-văn lại đọc đến cửa tây, cửa nam, cửa bắc, khi đọc đến cửa nào, lại phải chạy như lần trước. Đọc quyển sách này ít ra cũng đến ba hôm mới hết, mà những người chấp-kích ước chừng độ năm sáu mươi người, những đồ dùng của vong-hồn như là nón phướn, cây bông, cây hoa, nhà vong, nhà phật, nhà minh-khí, nhà minh-tinh, thuyền bát-nhã và hòm siêng phải rước tất cả, nên hóa ra đông người chấp-kích. Mỗi ngày cứ buổi sáng rước vong hồn ra, để quan-viên đọc sách *mãi nhà*, thì cứ phải chạy như lần trước, mà hôm đầu tiên thì tất cả họ-hàng và các làng đều ăn cơm ở chỗ mãi nhà ấy. Bữa ấy là bữa của con rể, tiếng mường gọi là bữa *đãi*, chính người bên nhà rể phải rọn-rẹp bưng mâm, nếu thiếu đâu thì người ta hạch-sách đến đấy.

Quyển sách *mãi-nhà* toàn là chữ nho, phải đọc quyển sách ấy giao các thứ đồ vật cho vong-hồn, thì con cháu mới mát-mẻ.

Tục nhà lang hễ có việc hiếu, thì nhà ông quan lang khác đem đồ trâu bò đến viếng mà giúp đỡ; các quan lang đã đến viếng thì phải ở cho đến khi cử-hành, chứ không phải đến viếng mà về ngay như tục đường xuôi; vì thế nên số người dự đám mà càng ngày càng đông, không lấy mâm bát đâu mà rọn cho đủ. Các quan lang đến viếng thì ăn cơm ở trong nhà hiếu-chủ; còn những người nhà theo hầu thì cho ở ngoài làng, nhà hiếu đã cắt sẵn mấy trăm người chỉ một việc mỗi ngày khiêng gạo, rượu, thịt, mắm, muối, ra phát cho các sở người ta làm lấy người ta ăn.

Nhà lang trong xứ mường có 6 họ, ở xa cách mấy ngày đường mặc lòng, có thư cáo về việc hiếu thời đều đến, không ai dám bỏ qua bao giờ.

Sau khi cử-hành an-táng, dân phải cắt người làm trại bên cạnh nhà lăng (mộ) để canh giữ đủ trăm ngày, vì rằng trong nhà lăng nhiều đồ, nên phải ở canh giữ như thế; đủ trăm ngày làm lễ rồi đốt đi mới thôi.

Tục cưới nhà Lang. — Khi con ông Thổ-lang trưởng thành, thì dân tự ý đi các nhà thổ-lang khác, trọn một cô nàng khôn-ngoan có hiền đức, về nói với lang, xin lấy cô nàng nhà ông lang chỗ ấy cho con giai lang, để về làm *bà trưởng* hay là *bà chu*. Dân bằng lòng thời lang cũng bằng lòng, rồi đem đồ sánh-lễ đến hỏi, bạc 2 nén, vóc rồng một tấm, dầu cau 20 gánh, mía trăm đôi, trè tầu 2 cân, đường mất 20 cân, đem đến nhà ông thổ-lang có cô nàng để làm lễ vấn-danh.

Khi ấy ông lang có con gái bằng lòng gả thì làm thịt trâu, bò, lợn để làm lễ thết đãi họ nhà rể, ăn uống song rồi trở về. Độ năm ba tháng sau, ông lang có con gái cho người sang nhà rể cắt đồ sánh-lễ, bạc 10 nén, vóc rồng 2 tấm; sanh đồng từ 30 tuổi giở xuống để sắp cái nọ vào lòng cái kia, cho đến sanh 3, 4 tuổi, ước độ 25 cái sanh; mũ vóc 12 chiếc, áo tấc 12 chiếc; trâu, bò, lợn, gạo, rượu, phải cho đủ cho họ nhà gái ăn uống. Những áo mũ nói trên này, khi rể dẫn đến, thì ông lang phát cho kỳ-mục ở làng mình được mũ áo ấy, là phần thưởng công nuôi-nấng cô nàng đến trưởng thành, cho đến nay làm dâu làng khác.

Khi bên nhà gái cắt lễ xong thì bên nhà giai những kỳ-mục lại đến bên nhà gái cắt của hồi-môn cho nàng dâu, chăn đệm toàn làm bằng gấm vóc, phá-lào, ít ra cũng phải 60 bó; gối dựa, gối ngủ đem về biếu, ít ra cũng 60 đôi; những thứ này là thứ tốt, đem về biếu bố mẹ chồng và họ-hàng nhà chồng, còn như chăn gối thường, ít ra cũng phải 500, chăn thường, ít ra cũng phải 200, gối thường thì khi nàng dâu về làm dâu, phải phát cho kỳ-mục mỗi người một cái, còn chăn thường thì khi nhà chồng có khách thì nàng dâu phải lấy cho khách đắp, và kỳ-mục dân đắp.

Những con gái bình-dân (bên nhà gái), ít ra cũng phải hai ba trăm đến nhà lang để đi đưa dâu với cô nàng. Khi rể đến cổng nhà dâu, thì bọn con gái ấy nó đóng cổng

lại, mà ở bên trong cổng thì sắp sẵn những củ ráy và quả khế ; khi con gái đóng cổng thì bên rể đã có bà mối nói với bọn con gái lấy bao nhiêu tiền lệ ; những con gái thu tiền lệ hoặc 15 đồng hay 20 đồng đủ rồi, thì họ mới mở cổng ra cho rể và khách bên rể vào ; rồi bọn con gái lại lấy những quả khế và củ ráy ném chàng rể và khách nhà rể, đau mặc lòng, không được chống-cự lại. Bên nhà gái lấy của sánh-lễ, làm lễ tổ-tiên, rồi chàng rể làm lễ giường thờ, rồi làm lễ bố mẹ vợ và họ hàng chú bác nhà vợ, ăn uống mấy hôm, rồi mới đón nàng dâu về.

Bên nhà gái, người đưa dâu, ít ra cũng đến hơn 1000 người ; võng nàng *biêng* (các cô nàng đi đưa dâu) ít ra cũng đến 20 chiếc. Khi võng nàng dâu đến thang màn nhà chồng, bên nhà chồng đã sắp sẵn một cái sanh đồng to (20 tuổi), đổ nước để ở dưới thang màn, để họ nhà dâu rửa chân ; còn nàng dâu vẫn nằm ở trong võng, vì những người cáng nàng dâu, chưa được nhà rể nộp tiền lệ cho chúng thì chúng chưa cho nàng dâu xuống. Khi bên nhà rể cho đủ tiền lệ cho những người cáng, họ mới cho nàng dâu xuống. Khi nàng dâu xuống võng rồi, những nàng biêng đội nón nghệ che đỡ cho nàng dâu chèo lên thang màn ; bên nhà rể đã bầy hương-án, nhang-đăng sẵn thờ ông táo-quân, chính nàng dâu phải cầm nón mà lễ bốn lễ.

Khi ấy bên nhà rể đã cắt một người đàn bà giầu có song toàn, đủ cả con giai con gái, chực sẵn ở đấy ; nàng dâu lễ song, thì chính người đàn bà ấy cầm bỏ nón nghệ cho nàng dâu và đưa vào buồng ngồi.

Khi làm lễ tổ, nàng dâu phải mặc áo vóc rồng ra lễ giường thờ, song rồi lễ bố mẹ chồng và họ hàng nhà chồng, rồi nàng dâu lễ những kỳ-mục to ở trong làng. Song rồi, kỳ-mục lại đem tất cả dân lạy mừng nàng dâu, chính người kỳ-mục nhất ở trong làng xướng to lên rằng : « Nay được ngày lành tháng tốt, đón bà về cầm đất cầm nương ; đặt tên bà là *bà Chu* (hay là *bà Trưởng*), để cho dân mường được làm ăn thịnh-vượng ; bà sinh ông Chu nàng Ả để nối nghiệp, cho dân được trông cậy ; khi dân có vận-hạn hay là đói kém, bà phát trâu bò đỡ cho dân. »

Hoặc như con lang lấy con gái nhà kỳ-mục hay là con gái nhà dân, dù lấy về trước mặc lòng, sau dân đi cưới bà Chu hay bà Trưởng, thì người con gái nhà dân cũng là nàng hầu, chứ không được là bà cả. Khi lang lấy con gái nhà dân thì lang cưới lấy, chứ dân không phải giúp đỡ.

Con trưởng lang thì tất là ông *chu* hay là ông trưởng ; con thứ thì đặt là *ông mường*, con gái thì đặt là *nàng ả* ; thứ hai thì gọi là *nàng hai*, v. v.

* * *

Chức-phận dân mường đối với nhà lang.— Ngoài hai việc hiếu hỷ, chức-phận dân mường đối với nhà quan lang, như là : Nhà cửa của lang, dân đều phải làm ; khi lợp nhà song thời lang làm thịt trâu bò lợn cho tất cả dân từ già chí trẻ đều được ăn uống và lấy phần.

Ruộng của lang, dân phải cầy cấy ; khi lúa chín thời dân phải gặt đem về để vào kho cho lang. Khi dân cấy ruộng cho lang thời lang cũng làm thịt trâu bò lợn cho tất cả dân ăn uống và lấy phần.

Trong nhà lang thời dân phải cắt người hầu-hạ và canh giữ.

Lễ-tục các quan lang giao-tiếp với nhau.— Ông quan lang này đến chơi nhà ông quan lang khác, đường cách xa thường năm bẩy ngày, các quan lang thời đi bằng ngựa, các bà thời đi bằng võng ; khi đã đến nơi thời chủ-nhân làm thịt bò lợn để thết đãi cơm rượu, ở chơi thường năm bữa nửa tháng, hoặc đến một tháng. Dẫu không quen biết mà ông nọ đến chơi với ông kia, cũng thết đãi trân-trọng tử-tế như thế.

Thảng hoặc một ông quan lang ở cách xa bao nhiêu mặc lòng, dân và nhà ông quan lang ấy bị giặc-dã tàn phá, thời tất cả họ hàng nhà ông quan lang ấy đến ở nhờ nhà ông quan lang chỗ yên-ổn kia để nương tựa, ở một năm hay là hai năm, nhà ông quan lang kia cũng nuôi-nấng thiết-đãi trọng thể. Khi nào làng ông quan lang kia đã yên ổn, thời chính ông quan lang cho nương tựa lại lấy người đưa về bản-quán ; ở chơi năm bẩy hôm mới trở về.

Từ xưa Tiền-triều, các nhà quan lang ở vùng này vẫn giúp đỡ nhau như thế.

(*còn nữa*)

DƯỚI BÓNG GIĂNG TRONG

Bài này Jaurès Tiên-sinh viết năm 1890, khi sắp nhập phái xã-hội.

Đêm kia, ở vùng thôn-quê, tôi đi chơi nói truyện với người bạn thiếu-niên vừa tốt nghiệp tại trường cao-đẳng thực-nghiệp, lại thêm lão-luyện về khoa văn-chương, học-lực uyên bác mà tư-tưởng cao thâm.

Chúng tôi thung-thăng trên nơi cao nguyên cho-trụi, phía tả có rẫy gò chạy liên-tiếp, chiếc nọ chiếc kia chỉ cách nhau một cánh đồng cỏ hẹp như hình sơn-khê. Giăng tròn chiếu ánh xuống quãng rộng, quang-đãng tốt tươi; trót-vót trên giời thì các vì tinh tú lờ-mờ lấp-lánh, trông rất có vẻ êm đềm cảm động. Trước mặt chúng tôi, con đường trắng xóa, dưới bóng giăng trong, chạy thẳng tới chốn tịch-mịch hư-vô, ở nơi chân giời mịt-mù thăm thẳm, khúc sáng khúc tối, tựa hồ như đưa chúng tôi từ xứ thực-tại đến xứ mộng-ảo vậy. Tôi thưa cùng bạn rằng:

« Ở xã-hội hiện-thời này, không phải tôi chỉ tức giận vì những sự cùng-khốn thuộc về vật-chất mà thôi; những sự cùng-khốn đó ở dưới quyền một chính-phủ lương hảo, có thể cũng thuyên giảm được; nhưng tôi rất lấy làm bực-tức vì những sự phổ-thông thuộc về tinh-thần: cạnh-tranh một ngày một thêm kịch-liệt, các đẳng-cấp một ngày một thêm chếch-lệch, thì những sự phổ-thông đó lại một ngày một thêm bành-trướng.

« Lao-động đáng lẽ phải là một chức-trách, phải là một sự duyệt-lạc, thế mà nhiều khi chỉ là một sự ức-chế, một sự đau-đớn; đáng lẽ phải là cuộc chiến-đấu của loài người hợp-sức để chống lại loài vô-tri vô-giác, để chống lại những sự ngẫu-nhiên của tạo-hóa cùng những sự bất-trắc của tang-thương, thế mà thường thường chỉ là một trận quyết-liệt của người lại chọi với người, dùng hết cách giảo-quyệt để tranh-giành nhau mọi sự khoái-lạc, đem hết lòng tham ngạnh ra mà chiếm-đoạt lợi-tức lẫn nhau, khỏe đè yếu, lớn nuốt bé, cạnh-tranh một cách rất là tàn bạo bỉ ải, không còn biết giới-hạn là đâu nữa.

Trong bọn người mà ta gọi là hạng người sung-sướng, thực ra cũng không có ai được sung-sướng, vì họ bị những tính-chất bạo-ngược của sự sinh-nhai nó ràng buộc, nó không cho họ có quyền được công-bằng quảng-đại; nếu không tuân theo nó thì sẽ bị vùi lấp ở dưới làn sóng nhân-loại ngay. Trên bãi chiến-trường bao-quát khắp gầm giời đó, có kẻ làm nô-lệ cho sự phú-quý, cũng như có kẻ làm nô-lệ cho sự bần-tiện. Dù ở bọn thượng-lưu, dù ở bọn hạ-lưu, cái kỷ-luật của xã-hội hiện-thời chỉ đào tạo ra rặt một giống nô-lệ, vì những kẻ không có đủ thì giờ, không có đủ mãnh-lực để sống một cách cao-thượng, sống bằng tư-tưởng, sống bằng linh-hồn, thì chưa thể gọi là hạng người tự-do được.

« Mà bác thử nhìn xuống xem, đã cực-khổ chưa? không phải cực khổ về cách sinh-nhai mà chính cực-khổ về sự sinh-nhai vậy. Bác hãy ngắm hàng triệu thợ thuyền kia, xem làm-lụng trong nhà máy, trong công-sưởng, mà không có một chút quyền lợi gì về những nhà máy ấy, về những công-sưởng ấy, có lẽ ngày mai họ bị đuổi cũng nên.

« Những máy móc họ lau chùi kia, họ cũng không có một chút quyền lợi gì, không được hưởng một phần cỏn con nào về những khí-cụ lớn-lao mà nhân-loại đã sáng tạo dần dần ra từng mảnh một. Họ đều là hạng người không có can-hệ gì đến cái năng-lực của nhân-loại, mà dễ cũng hầu không có can-hệ gì đến cái văn-minh của nhân-loại vậy.

« Những mỏ cùng sông, những hải-cảng đường sắt, những công-trình kỳ-dị của hơi nước và điện-khí, hết thảy những sự vĩ-liệt phi-thường đã làm cho loài người được có quyền tự-cao tự-đại, về những công-cuộc đó họ không có một chút tài-cán gì, họ chỉ là những vật-liệu vô linh-hồn mà

thôi. Họ không được dự vào những hội-đồng xếp đặt, và quản-lý những công-cuộc đó. Hết mọi việc quan-trọng đều ở trong tay một giai-cấp hạn-chế được riêng hưởng cái thú-vị về đường tinh-thần, về đường sáng-kiến, cũng như họ riêng hưởng hết các khoái-lạc về đường vật-chất vậy. Nếu không đoàn thể hợp quần mà người ta có thể sung-sướng được, thì bọn đó thực đã sung-sướng. Biết bao triệu con người lao-động, một đời đã thành máy móc. Mà ghê-gớm thay, nếu mai họ có thể lấy máy thay người được, trong nhân-loại cũng không có chi thay đổi cả.

Đến khi đảng xã-hội đã toàn thắng thì không thế nữa. Khi cái quang-cảnh hòa-bình đã kế tiếp cái quang-cảnh chiến đấu, khi mọi người ai ai cũng có phần lợi ở trong tư-bản lớn-lao của nhân-loại, có phần sáng-kiến, có phần dục-nguyện ở trong những công-trình vĩ-đại của nhân-loại, thì cái tính cao thượng và cái lòng duyệt-lạc của ai cũng sẽ được hoàn-toàn, khi đó thì hết thảy mọi người đều sẽ phải công nhận rằng cái cách lao-động bằng hai bàn tay cũng có thể giúp cho sự tiến-hóa của văn-minh toàn thế-giới, mà cách lao-động như thế cao-thượng biết bao, thân-mật biết bao. Vì ai cũng sẽ để ra ít thì-giờ nhàn-hạ mà ngẫm-nghĩ đến cuộc đời.

« Khi đó thì hết thảy mọi người ai ai cũng thấu cái nghĩa sâu xa của đời người, họ sẽ hiểu cái mục-đích thần-bí của đời người là ở sự hòa thuận các lương-tâm, ở sự hòa-duyệt các năng-lực và tự-do của loài người. Họ sẽ hiểu và họ sẽ thích khoa sử-ký, vì sử-ký sẽ chép đời họ, vì họ sẽ là thừa-tự của nhân-loại. Sau hết họ sẽ rõ nghĩa chữ vũ-trụ, vì họ thấy trong nhân-loại, lương-tâm và lương-tri được toàn thắng, thì họ hiểu ngay rằng vũ-trụ bao bọc cả nhân-loại ở trong lòng, không khi nào lại tàn nhẫn với nhân-loại được, và ở trong vũ-trụ không chỗ nào là không có tinh thần, không nơi nào là không có linh hồn, mà chính vũ-trụ cũng chỉ là một tấm lòng nguyện-vọng to tát khao-khát được có trật-tự, được có toàn mỹ, được có tự do, được có toàn hảo mà thôi vậy. Họ sẽ đem con mắt dịu-dàng, tấm lòng trong sạch mà ngắm, không những hết thảy mọi người là anh em họ mà cả đến đất cùng giời, cả đến đá cùng cây, cho chí loài vật, cỏ hoa, cùng các vì tinh tú nữa.

« Ấy đó, vì thế mà ta có thể tư-tưởng đến những sự cao xa ở giữa cánh đồng mông-mênh dưới gầm giời sao sáng. Phải, chúng ta có thể xin cái ban đêm tuyệt mỹ này chứng-quả cho những lời nguyện-vọng tuyệt-mỹ của chúng ta, chúng ta có thể hoà-hợp cái êm-đềm mơ-tưởng của loài người với cái êm-đềm vĩ-liệt của vạn-vật vừa yên-tĩnh vậy. »

Nhà bác-vật thiếu-niên đáp rằng:

« Bác biện-luận rất đúng. Nhưng sao bác không nói sự tiến-hóa của xã-hội mà lại cứ nói đảng xã-hội ? Sự tiến-hóa của xã-hội là một sự thực, đảng xã-hội chỉ là một tiếng, chỉ là tên một phái lơ-thơ, nói khoác mà cục-cằn; ngay trong phái cũng lục-đục chia rẽ đó, không phải là một cái năng-lực cần-trọng của sự tiến-hóa. Vẫn biết cũng có nhiều vấn-đề phải giải quyết như ý-kiến đảng xã-hội, nhưng không bao giờ có thể có một chính-phủ tựa vào đảng xã-hội mà hành chính được ; vì một chính-phủ muốn cải-cách và chấn-hưng các sự hiện-tại, tất phải tựa vào sự-thực, thế mà đảng xã-hội lại tự nhận cái chức-trách tố-giác, tự nhận là tân-thánh-kinh, tựa vào tương-lai mà đào tạo tương-lai.

« Nói thực ra thì ở xã-hội hiện-thời, những tài liệu về vấn-đề ấy cũng đã có dư, mà các cách giải quyết cũng đã trần-thuyết cùng khởi-thảo cả : Vấn-đề xã-hội có phải tóm tắt ở mấy câu này không : "được tự-do chính-trị, mở trường cho dân học, bọn lao-động được có quyền doanh-nghiệp tự-do" ? Thế nhưng sự tự-do chính-trị đã có sự giáo-dục thì vẫn một ngày một cao, mỗi ngày một mở rộng trong thế-giới lao-động, mà bọn lao-động thì vẫn có quyền được tụ-tập tự-do (đây là nói ở bên Pháp).

« Khi họ học đã cao lên một bực nữa thì họ sẽ đem tư-tưởng, đem tinh-thần mà dự vào hết các công-trình lớn-lao của nhân-loại ; khi giá-trị họ, tinh-tình họ đã cao lên một trật nữa, thì giá-trị ấy, tinh-tình ấy

sẽ phản động ra ngoài mà dẫn-đạo cho xã-hội. Chẳng lạn nếu hết cả trẻ con trong dân-gian đều đi học, đều chịu một cái giáo-dục sinh-hoạt tốt tươi, thì kẻ lao-động, làm việc có thời hạn, không thể không bỏ ra mỗi ngày vài giờ nhàn-hạ mà đọc sách, mà di dưỡng tinh-tình được. Lúc đó cái khoái - lạc của tinh - thần đã thành một sự cần thiết vậy. Vả khi họ đã hiểu thấu cái cơ - quan của sự xuất - sản, của sự giao - dịch ; khi họ đã rõ cái hình-trạng các kỹ - nghệ và kỹ - nghệ của họ, đã biết nơi nào có những thị-trường để tiêu - thụ hàng - hóa kỹ - nghệ của họ, đã rõ tư-bản kỹ-nghệ ấy là bao nhiêu, và phải bỏ vào bao nhiêu nữa thì có thể mở-mang rộng thêm ra được; khi họ đã hiểu các lẽ đó mà lại sẵn đã có tự-do, có giáo-dục, có hợp-quần, thì lo gì không được dự vào hội-đồng quản-lý các công-ty ; về sau dần dần không đứng quản-lý hẳn những công cuộc trung-bình được. Thế có phải họ sẽ được dự một phần lợi-tức, một phần quyền bính, một phần thế-lực không ?

« Song xin nhắc lại một lần nữa rằng : những sự đó không cần phải bàn tán ầm-ỹ cũng sẽ thành tựu, và ta sẽ đi đến tận cực-đoan đảng xã-hội mà không cần phải gặp đảng xã-hội ở giọc đường. Các nhà thủy-thủ lão-thành vẫn lòe những kẻ mới bắt đầu đi bể rộng, từ Bắc-cực sang Nam-cực phải vượt qua đường xích-đạo căng thẳng trên mặt nước. Không, ta không gặp con đường nào cả, mà nếu ta không tính toán tỉ-mỉ thì ta cũng không biết ta vượt qua xích-đạo lúc nào. Vậy thì ta sẽ vượt qua đường xã - hội mà ta cũng sẽ không ngờ rằng ta vượt qua lúc nào.

« . . . Có kẻ động nói đến tương-lai là dùng chữ hoa, và thường đem tương-lai phản đối với ký-vãng cùng hiện-thời, tựa như đem cái vòng ánh sáng thiên-thần mà so sánh cái hang tối-tăm ma-quỷ. Lúc nào họ cũng tưởng-tượng có luồng gió tương-lai chạy qua mái tóc họ, rung động chùm râu họ. Họ chờ đợi nhân-vật tương-lai, khoa-học tương-lai, xã-hội tương-lai, mỹ-thuật tương-lai, tín-ngưỡng tương-lai. Thiết tưởng họ cho mặt giời kia là chiếu ánh sáng ít-ỏi quá, quê-mùa quá, và họ cũng chờ đợi một vùng thái-dương tương-lai đấy.

« Họ vẫn yên trí rằng các linh-hồn sắp cháy bùng lên, sắp sôi sục lên mà đào-tạo nên xã-hội mới, cũng như khối lửa trong lòng quả đất đã đào-tạo nên những ngọn núi mới. Cái hy-vọng kiêu-căng biết bao ! Vì họ vẫn tự nhận cái chức - trách chỉnh - lý nền xã-hội mới đó. Lòng đại-độ huyền-hoặc sao ! Tính khoe-khoang quái gở sao ! Xã-hội của nhân-loại cũng như quả đất, hình-thức đã gần nhất-định rồi, hoán cải chút đỉnh thì được, chứ canh-tạo hẳn lại thì thực vô-lý.

« Sự tiến-hoá của nhân - loại đã đến cái thời - kỳ bình tĩnh, song không phải thời - kỳ kém phần phong - nhiêu. Pascal tiên - sinh ngược mắt ngắm giời mà kêu lên rằng : « Sự yên-tĩnh muôn đời của quãng rộng không bờ kia, làm cho ta khiếp sợ. » Câu đó đã an-ủi lòng tôi, khiến tôi quên những cuộc chiến-đấu về vụ bảo-cử, những lời lăng-mạ cùng những bài trào-phúng đăng ở các báo-trương. Vũ trụ vẫn lẳng lặng mà theo đuổi các công-trình của vũ trụ, không gào hét ở trên từng cao chót vót kia, không viết chương-trình chói-lói vào hàng tinh-tú bình-tĩnh kia.

« Thiết tưởng xã-hội Pháp-lan này đã đặ vào trong cái thời-kỳ đầm-ấm đó, khiến các công-cuộc đều thi-hành một cách không ầm-ỹ náo-động, vì các công-cuộc đó đã đến thời-kỳ khai hoa kết quả, sẽ có cải cách mà cải cách cũng vĩ-đại ; song những sự cải-cách đó không cần có tên, mà cũng không làm mất được sự hòa-bình của quốc-gia, tỉ như quả chín kia rụng, không làm sao động được những ngày êm-đềm của mùa thu vậy. Nhân-loại tuần tự mới trèo tới mục-đích là tình hòa-thuận công bằng, cũng như quả đất mang chúng ta yên-lặng, noi tới con đường nhỡn-tuyến tinh tú kia. »

« — Chết, tôi xin cãi, tôi có nhiều ý-tưởng muốn bầy tỏ cùng bác. »

« — Không, không, xin bác đừng cãi tôi tối hôm nay vội. Bác hãy ngắm xem, bác hãy nghe xem. Trong khi chúng ta mơ

tưởng đến tương-lai, trong khi chúng ta cãi lý cùng nhau, thì hết thảy sinh-vật đương hưởng cái thú-vị của giờ này, cái êm-đềm của ban đêm tươi tốt này. Kìa các chủ nhà quê từng tụm đi bẻ ngô, đương họp nhau trong trại, họ cả tiếng hát ran. Con rắn nước dật mình thức dậy, quằn-quại mấy cái, rồi lại ngủ liền ở dưới đám cỏ mờ-mờ mịt - mịt. Dưới rặng lúa chín, trong đồng cỏ khô, các con trùng vẫn còn ca hát; âm nhạc của chúng tuy không được déo - dắt đầm - ấm như đêm xuân đêm hạ, song nếu chưa đến nỗi lạnh-lẽo như đêm đông thì chúng xin hát kỳ-cùng. Ở giữa đồng, ngọn lửa cỏ khô bốc lên rực-rỡ, bao bọc ở trong cái ánh sáng dịu-dàng của mặt giăng, có phải linh-hồn của trái đất bùng lên mà hòa-hợp với cái tia sáng huyền-bí của bầu trời đó không? Đàn chó ngồi rồi, sủa theo chiếc xe uề-oải, ngọn đèn lờ-mờ chiếu sáng, con lừa cỏn con kéo trên con đường xa lắc, chú vọ tán tỉnh trong bóng cây cao, quả chín tí-tách rơi bên vệ đường, con thanh-xà phun phì-phì ở gần nơi giếng nước, trời quang-đãng, đất xướng ca. Thôi, tôi xin bác cứ để mặc vũ-trụ phân phát sung-sướng cho công-bằng, cho đủ khắp mọi giống sinh-vật. Vũ-trụ đã có cách riêng theo phái xã-hội của vũ-trụ».

Việt–Cuồng dịch.

VĂN - THƠ

Bài hịch đánh Vũ-Triếu

Nàng *Vũ-Triếu* nguyên là hậu-cung vua Thái-tôn nhà Đường; vua Tái-tôn mất, con là vua Cao-tôn lên ngôi, lấy Vũ-Triếu làm hậu-phi. Vua Cao-tôn lại mất, Vũ-Triếu bèn cướp ngôi nhà Đường, tự lên làm vua, giết con cháu nhà Đường rất hại; cả con mình đẻ ra, cũng giam ở một nơi; chỉ dùng những các cháu về họ Vũ cho làm quan; lại gian dâm với mấy kẻ bầy tôi đẹp giai, nhiều điều rất xấu-xa càn rỡ. Vì thế, *Từ-kính-Nghiệp* là tướng-quân nhà Đường, khởi quân lên để đánh họ Vũ, cậy *Lạc-tân Vương* là một nhà đại văn-hào đương-thời thảo bài hịch truyền dụ cho quan lại nhân dân các châu quận. Bài hịch này là văn của *Lạc-tân - Vương* mà nhời của *Từ - kính-Nghiệp* vậy.

***

Đứa Ngụy-triều họ Vũ đó,
Phú tính điêu-toa,
Vốn nòi đê-tiện.
Triều Thái-tôn thủa trước, phiên trầu từng theo ghép đội thanh-y;
Buổi văn-tiết về sau, mắu bợm lại quấy hôi nơi tử-cấm.
Giả dối lừa riêng Tiên-đế, gọt tóc lần vào chùa,
Khéo-khôn chiều lấy hậu-phòng, cúi đầu luồn dưới mái.
Đong-đưa ghen ghét, thói mày ngài chẳng chịu thua người.
Uấn-éo rèm pha, nhời miệng khiếu làm mê lòng chúa.
Chồng chung lẽ làm cả, khiến hậu-phi một phút mất quyền.
Vợ chạ cha rồi con, để chủ-thượng nghìn thu mang tiếng.
Vả lại,
Lòng như rắn rết, ngậm nọc chực phun người;
Nết tựa sói mèo, ăn con không xót ruột.
Lả-lơi gần-gụi, chỉ những phường xanh vỏ đỏ lòng.
Tàn hại đọa-đầy, biết bao kẻ gan vàng dạ sắt.
Nào anh nào chị, cùng bị giết oan;
Kìa mẹ kìa vua, cũng đều chết uổng.
Người đã ghét, quỉ thần cũng ghét;
Giời không dong, đất nước không dung.
Thế mà,
Dạ thú vẫn đèo-bòng,
Ngai rồng còn ngấp nghé.

Chút con thiên-tử, tội chi mà giam cấm một nơi ;
Đảng giặc đồng-tông, công đâu cũng trao dùng mọi chức.
Than ôi !
Hoắc-tử Mạnh (1) nay khôn sống lại ;
Chu-hư-hầu (2) xưa đã thác rồi .
Cái điềm con én mổ người, nghiệp họ Hán đến ngày sắp hết (3) ;
Câu truyện nhãi rồng rày áo, sân nhà Hạ tới lúc dần suy (4).
Kính-Nghiệp đây,
Tôi cũ nhà vua,
Con giòng cửa tướng ;
Nề-nếp sẵn tiền-nhân để lại,
Móc mưa nhờ bản-quốc đã nhiều.
Ca Vy-tử mấy khúc thảm thương, cũng vì cớ đó (5) ;
Lệ Quân-sơn đôi hàng chan-hứa, há sự bổng dưng (6).
Vì thế mà,
Khí căm xông thẳng giời mây,
Chí cả muốn yên xã tắc.
Nhân lúc giang sơn vắng chủ, khắp gậm giời chơ-chỏng bơ-vơ ;
Thuận bề dân chúng quây-quần, xuốt trong nước trông mong tin cậy.
Đã ra sức dựng cao cờ nghĩa,
Quyết sẵn tay quét sạch hơi iêu.
Bên giải giời nam, xứ Bách-Việt dốc lòng hợp sức ;
Trên miền đất bắc, cõi Tam-Hà một dạ cùng thề.
Ngựa tế từng đàn.
Xe bon chen bánh ;
Chốn chừ-tích gò cao bể thẳm, thóc đỏ đầy khê ;
Bóng quân-dong bến khuất sông che, cờ vàng sáng rực.
Tiếng còi sẽ rít, cơn gió bắc đùng đùng ;
Ánh kiếm cao xông, bóng đầu nam mờ-mịt.
Ba quân hò hét, núi lở non nghiêng ;
Một tiếng gầm gào, mây bay gió quấn.
Binh-uy ấy dùng mà trừ giặc, ngói tan trúc chẻ, cơ phá địch có là bao ;
Binh-uy ấy đem mà lập công, cờ mở trống dong, cuộc khải-hoàn dành chẳng khó.
Lũ các ông,
Hoặc người ở chung đất Hán ,
Hoặc người cùng họ nhà Đường,
Hoặc người vâng trách nặng ở chốn ải mây,
Hoặc người nhận nhời dặn ở nơi cửa cấm.
Tiếng nói bên tai còn vẳng,
Chữ trung trong dạ phải ghi.
Mặt rồng tuy đã xa-sôi, nắm đất nọ hãi còn chưa ráo ;
Chiếu phượng biết bao gắn bó, con côi kia những cậy vào ai.
Nếu ai biết bỏ đường dữ, theo đường lành.
Để ta cùng đưa người thác, thờ người sống.
Mài đòng chuốt giáo, thù non sông quyết giả bằng song ;
Tạc đá ghi vàng, ơn cơm áo phải đền cho trọn.
Thời hốt ngà ấn ngọc, việc thưởng công không hẹp chi ai,
Mà khoán núi thề sông, cuộc hưởng phúc rồi đây chẳng hết.
Nhược bằng, thành nghèo còn mến tiếc, nhời bảo trước đã không nghe ;
Lối tắt vẫn quanh-co, tội đến sau dừng có trách.
Mắt tai trong nước đó, kẻ biết cơ thử ngẫm mà coi ;
Non nước gậm giời này, ai là chủ rồi mai sẽ rõ.

Ngô-tất-Tố dịch.

1. — Ông Hoắc-Quang làm tướng nhà Hán, bỏ vua Xương-Ấp. Câu này dùng về điển ấy.
2. — Nàng Lã-hậu là vợ vua Cao-tổ nhà Hán, định cướp ngôi nhà Hán sang họ Lã , Ông Tru-hư hầu Lưu-Trương là tôn-thất nhà Hán, nhân một tiệc rượu, cầm gươm chém người nhà họ Lã, làm cho Lã-hậu mất âm-mưu, Câu này là dùng về điển ấy.
3 — Nàng Triệu-phi-Yến là hậu-phi vua Thành-đế nhà Hán, giết hại con cháu nhà Hán. Câu này dùng về điển ấy. — Yến là con én.
4. — Đời nhà Chu có nàng Bao-Tự, là cái quái nhãi con rồng hóa ra, rồi mà làm cho nhà Chu đến thất bại. Câu này dùng về điển ấy.
5. — Ông Vi-tử là tôn-thất nhà Ân, sau lúc nhà Ân đã mất nước, đi qua chỗ kinh-đô xưa, thấy đồng lúa xanh tốt mà làm bài thơ cảm thương.
6. — Viêu-An là bề tôi nhà Hán, vì vua nhỏ, họ ngoại truyền quyền, nói đến việc nước thời thổn thức chay nước mắt.

Ba bức thư tình đưa người tình-nhân không quen biết

Tôi nghĩ trong xã-hội tất có người không quen biết mà rất là thân-thiết, đã thân thiết thời có thể gọi là tình nhân, cho nên ở cuối quyển KHỐI-TÌNH-CON thứ hai, tôi có viết một bức thư đưa; đến hai năm không thấy giả nhời, sau đã có thơ trách. Từ khi có bức thư trách ấy đến nay, lại đã đến sáu năm mà cũng vẫn không thấy giả nhời, cho nên nay lại phải có thư trách. Song nghĩ: thư đưa thời đưa, trách thời trách, nhưng ai là tình-nhân đó biết có tiếp hay không? Vậy nay lại in cả ba bức thư tình sau trước, gửi đưa ai tình-nhân.

I. — Thư đưa người tình-nhân không quen biết.

Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước xa khơi tình bỡ ngỡ,
Ai tri-âm đó nhận mà coi.

Ngàn mây biếc long-lanh đầy nước,
Bóng tà-dương ngả gác non đoài.
Tranh kia ai vẽ cho giời,
Ngoài sơn thủy lại một người đứng chơ.
Hồn kiếp trước ngẩn-ngơ chưa tỉnh,
Mối tình riêng vơ-vẩn càng thêm;
Tuyệt mù tăm cá hơi chim,
Nào người nhớ hỏi thăm tìm là đâu?
Kể từ độ lọt dầu xe tóc,
Cũng cùng mang tiếng khóc mà ra.
Cội sầu ta lại với ta,
Lọ quen biết mới gọi là tương tri.
Cơn gió thảm có khi cùng khóc,
Bóng giăng thanh lắm lúc cùng chơi;
Gượng vui cùng một nét cười,
Nguyệt hoa cùng trải nước đời như nhau.
Bể trần hải chẳng sâu mà sóng,
Cầu hành-tinh đã rộng thêm tròn,
Tài tình một gánh con con,
Đông, tây, nam, bắc, ai còn gặp ai.
Nổi bèo nước đã thôi thời thế,
Tình cỏ sương khôn dễ mà khuây.
Phòng văn giở lại gót giầy,
Chén tương-tư rót cho đầy lại vơi.
Tấc son rãi mấy nhời huê bút,
Tờ giấy bay theo ngọn gió đông.
Lòng kia hỡi có in lòng?
Nước non khơi cách nghìn trùng chưa xa.

II. — Thư trách người tình nhân không quen biết.

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi trách ai.
Non nước bấy lâu lòng tưởng nhớ,
Mà ai tri-kỷ vắng tăm hơi!

Đỉnh non Tản mây giời man-mác,
Giải sông Đà bọt nước lênh-bênh,
Bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình,
Nước kia mây nọ như mình với ta.
Người đâu tá? quê nhà chưa tỏ;
Tuổi bao nhiêu? tên họ là chi?
Đã sinh cùng nước cùng thì,
Cùng ta không biệt mà ly hỡi mình!
Kể từ độ thư tình gửi nhắn,
Trải bao năm tin nhạn chờ mong;
Những là ngày hạ đêm đông.
Hồi-âm chẳng thấy, như không có mình.
Hỏi cùng núi, mây xanh chẳng biết;
Hỏi cùng sông, nước biếc không hay;
Sông nước chẩy, núi mây bay,
Mình ơi, có biết ta đây nhớ mình?
Cuộc trần-thế công danh chẳng thiết,
Áng phong-lưu hoa nguyệt đã thừa
Nhớ mình ra ngẩn vào ngơ,
Trông mây trông nước nay chờ mai mong.
Mong giáp mặt, mặt không giáp mặt,
Chờ tin thư, thư mất tin thư;
Tháng ngày thấm-thoắt thoi đưa,
Tuổi ba mươi lại đã rừ một vài.
Câu tri-kỷ cùng ai tri-kỷ,
Truyện chung-tình ai kể chung-tình:
Bụi hồng vắng vẻ mắt xanh,
Mình ơi ta nhớ! mà mình quên ta!
Không quen biết cũng là quen biết,
Ta nhớ mình, ta viết thư chơi.
Thư tình này bức thứ hai,
Tiếp thứ xin chóng giả nhời cho nhau.

III. — Thư lại trách người tình-nhân không quen biết

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này lại trách ai.
Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ,
Để ai luống những nhớ ai hoài!

Phố Hà-nội tiếng người chưa động,
Báo An-nam giấc mộng đương dài,
Hỏa-xa còi hét bên tai,
Kật mình chợt tưởng như ai gọi mình.
Cho hay vẫn si-tình là thói,
Nào có đâu ai gọi mà thưa;
Trông ra non nước mịt-mờ,
Nghĩ nguồn-cơn lại bây giờ nhớ ai.
Giải sông cũ đầy vơi cữ nước,
Đỉnh non xưa tản mác ngàn mây;
Nước mây ngày tháng đổi thay,
Non sông ngày cũng một ngày khác xưa.
Tình-thư gửi, tới chưa? chưa tới?
Nước non này, ai hỡi! hỡi ai!
Ngư nhân trông mất tăm hơi,
Nước mây man-mác cho người sầu thương.
Ứa bốn bể đôi hàng lệ ngọc,
Gầy ba đông một vóc sương mai;
Ơn nhà nợ nước hai vai,
Nước nhà ai để riêng ai nặng-nề!
Trông mây nước bốn bề lạnh ngắt,
Ngắm non sông tám mặt sầu cheo.
Đường xa, gánh nặng, bóng chiều;
Cơn giông biển nhớn, mái chèo thuyền nan.
Nghĩ thân-thế, mềm gan lắm lúc;
Nhìn giang sơn, bạc tóc như chơi.
Mong ai mỏi mắt chân giời,
Nhớ ai đi đứng ăn ngồi thần-thơ.
Thế mà gửi tình-thơ hai bức,
Chỉ là ngong tiêu-tức tám năm;
Phải rằng ai hẳn vô tâm,
Núi sông mây nước cũng nhầm bấy nay!
Người ốm yếu, hơi may lạnh chán,
Đêm thu trường, tựa án thâu canh;
Phố-phường dộn-dã trần-thanh,
Ngoài song con sẻ trên cành tiếng kêu.
Truyện non nước còn nhiều chưa hết,
Sẵn bút nghiên lại viết cho mình.
Thử ba này bức thư tình,
Phục-thư chẳng thấy thời dành không ai.

Tản-Đà

Thành cổ Sơn-tây

Sơn-tây thành cổ cũng bền nao!
Bốn cửa còn hai, bốn mặt hào.
Loáng thoáng rêu phong tường đá mốc,
Lưa-thưa cỏ mọc cột cờ cao.
Rình quan Tuần nọ đàn xu-bái,
Trại khố xanh kìa tinh thể-thao.
Thay đổi gớm cho tay tạo-hóa,
Cảnh xưa, rầy thế, biết mai sao?!

An-sơn

Qua Loa-thành cảm hoài

Hai nghìn năm trước đất thần-kinh,
Qua viếng chiều thu khách dật mình.
Xúm-xít tổ chim cây trước miếu,
Tơi-bời hang chuột đất ven thành.
Tắm châu riếng cũ rêu in đá,
Thi bắn đền xưa cỏ lấp mành.
Bệ ngọc thềm son dâu dấu-tích,
Bóng tà man-mác bãi tre xanh.

Ngô-tất-Tố

Xem bể sinh cảm

Bát-ngát xa trông nước một làn,
Tình này cảnh ấy chứa chan chan.
Thuyền ngư đủng-đỉnh trèo đua mái,
Bãi cát mông-mênh sóng vỗ chân.
Mặt nước nhấp-nhô tăm cá lội,
Chân giời quang-quẻ đám mây tan.
Bể dâu mấy độ đầy chăng tá?
Những tiếc cho công cái dã-tràng!

Trần-viết-Bảo

Miếu Tam-trung

Tật-phong bàn tuế phân kiên ủy.
Thái-lĩnh hồng-mao đẳng trọng khinh.
Khá khen người chống vững cô-thành,
Vì ơn nặng phải lấy mình làm nhẹ.
Dù thẳng-thốt, thong-dong thời mặc thế,
Thôi cũng liều gia sắt với gan vàng.
Miếu tam-trung nghi-ngút khói hương.
Tiếng thơm để làm gương thiên-cổ.
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
Lưu thử đan-tâm chiếu hãn-thanh.
Mượn nhời quê mà viếng kẻ trung-trinh,
Mừng thế-đạo đã gây nên khí-tiết.
Cột giời đất gây nền Nam-Việt,
Đem tinh danh mà ghi với sắt son.
Nam-nhi cuộc đã vuông tròn.

Thuật-hoài

Bài này truyền là của cụ Cao-bá-Quát.

Ngoài tam thập, sức nam-nhi đương mạnh,
Chí tang-bồng chưa dễ nhường ai.
Quyết mấy năm giả sạch nợ đời,
Dẫu của trúc lều gianh thì cũng thú.
Xỉ phận vị năng thành vũ- rụ,
Môn tâm thử thậm qui thần-minh.
Chốn hành môn còn di-dưỡng tinh tinh,
Chờ con Tạo ngả-nghiêng rồi sẽ tính.
Gan thiết thạch vốn trong lòng đã định,
Bỗng đất bằng, ầm sóng gió bốn phương.
Bụi trần không chút dính vương,
Trơ như đá giữa giời Nam đứng vững.
Chốn lang-miếu một tay gây dựng,
Mang nợ đời mà giả cái hoàng-oanh.
Chữ rằng " hữu chí-cánh thành. "

Chu-Đàm-Anh sao-lục

Tờ chúc-thư

(Xã-hội tiểu-thuyết)

Soạn-giả NGÔ-TIẾP

Trong khi ông Đào-trọng-Vận còn làm Tuần-phủ ở tỉnh Thái-bình, Bản-chí chủ-nhân có tiếp người ở Thái-bình lên nói một câu truyện, sự-tình cũng giống như truyện đây; nay vở tiểu-thuyết này, hoặc là tác-giả tựa vào truyện đó mà viết chăng? Sự không lấy gì làm chắc-bằng, Độc-giả ai có hiếu-sự mà muốn biết cho tường, cứ hỏi ở dân-gian tỉnh Thái-bình tự rõ.

An-Nam tạp chí

I

Trong một cái quán ở dữa một cánh đồng mông-mênh ở một làng kia ở Thái-Bình, có một người đàn ông, trạc 40 tuổi, tay cầm cái ô máy đen, mình mặc cái áo the thâm đã bạc trắng cả hai vai và đeo chiếc quần cháo lòng ống cao ống thấp, chân đi đôi giầy da gót mòn gần hết, mồm nhai tóp-tép miếng rầu, đương trỉ bảo mấy người nông-phu làm-lụng lom-khom ở chung quanh đấy, những gánh lúa hãi còn bừa-bãi ngổn ngang.

Bỗng ở phía cổng làng, có một người đàn ông nữa đội nón chóp rứa đi ra, quần áo chỉnh-tề hơn, mặt đỏ gay; coi bộ như đã có men rượu, cũng đi xuống đồng, bước qua con đường có quán ấy. Người cầm ô vội-vàng vái chào:

— Thưa ông Phó đi đâu thế?

Người đội nón dừng bước lại:

— Tôi không dám, bác Thôn! tôi xuống làng dưới có chút việc quan. Bác ra trông gặt bây giờ chưa về ư?

— Thưa ông, bây giờ hãi còn sớm, nhà cháu phải trông nom cho nó thu-xếp lúa mà cho song mới thể về được. Thưa ông, đã mấy giờ rồi?

Người kia lật áo, vạch cái hầu-bao da ở thắt lưng đeo ở dữa rốn, kéo cái đồng-hồ quả-quít ra xem rồi đáp rằng:

- Gần 4 giờ chiều rồi.

Rồi tủm-tỉm lại nói:

– Bác Thôn chịu khó nhỉ, năm nay mùa-màng tốt, Bác lại phải lợp thêm mấy lớp nhà nữa để chứa thóc chắc?

Người kia gãi tai cười nói:

— Thưa ông, nhờ giời vụ năm nay tốt nước, cả vùng ta đều được mùa, nhà

cháu cũng không đến nỗi phải ăn kém; nào đã được dư thóc đâu mà để dành.

— Bác Thôn dấu giấu mãi! Thế bây giờ bác đã cấy thêm được mấy mẫu rồi?

— Thưa ông, cũng chưa được bao nhiêu. Cũ, nhà-cháu vốn đã có dăm mẫu, nhờ tổ-ấm sau cấy thêm được dăm mẫu nữa.

— Thôi thế lại còn gì nữa! chục mẫu ruộng là giầu rồi đấy.

— Thưa ông, ông giậy quá lời. Nhà-cháu mấy năm trước làm không đủ ăn, nên phải cố công cùng sức, một nắng hai sương, khó nhọc lắm, nhờ giời bây giờ mới có được mấy mẫu đất, thì cũng mới đủ ăn với đủ giả nợ.

Người đội nón chép miệng rằng:

— Khéo lắm! Bác có, tôi cũng mừng; việc gì bác phải giấu. Thôi, vô phép bác.

Nói song, người ấy đi thẳng sang cánh đồng bên kia.

Người đội nón ấy là ai? Là người phó-lý đương thứ ở làng ấy, tính-tình thâm độc, hay kiếm truyện cùng người làng, mà súc xiểm việc thưa kiện: người làng ai cũng kinh.

Còn người cầm ô kia là một người điền-chủ ở làng ấy, tên là *Nguyễn-Phu*, tục-danh là *thôn Phụ*. Cha mẹ bác ta xưa vốn giầu có, song không may, nhà hai lần bị cướp, nên cũng chẳng còn gì. Bác ta chỉ có một em giai tên là *Mâu*, tính hoang-đãng, nên anh em không hợp ý. Khi cha mẹ mất đi, còn di-sản mười mẫu ruộng và một số tiền nổi, có để chúc-thư lại, dặn anh phải chia cho em một nửa phần ruộng và một phần số tiền. Việc phân sản, anh em theo di-mệnh chia cho nhau, có họ hàng chứng-kiến, có làm giấy má theo phép. Anh em khi ấy không có điều tiếng gì.

Tính *thôn Phụ* rất cần kiệm, lại hơi có chút tính biển-lận, nên cơ-nghiệp của cha mẹ cho, không những giữ được, lại khuếch-trương thêm gấp lên.

Danh Mâu tính hoang-toàng, say đắm vào rượu chè cờ bạc, nên bao nhiêu ruộng nương cứ bán dần đi mà ăn hết.

Phụ thấy em hư, vẫn trách mắng đến điều, lại cấm không cho lại cửa. Người em nhân thế, mới có bụng hiềm anh.

Chiều tối hôm ấy, *thôn Phụ* trở về, tự thấy mệt nhọc, cởi áo lên giường nằm. Khi lật chiếu quét phản cho sạch-sẽ, thấy có một phong-thư để giấu ở dưới, *Phụ* lấy làm lạ, hỏi vợ. Vợ nói:

— Lúc trưa hôm nay, có con bé hàng xóm mang cái giấy ấy lại, nói của chú hai gửi đưa cho bố nó. Tôi nghĩ chú nó chắc lại muốn vay mượn gì đấy, nên không muốn cho bố nó xem, mới cất vào đó.

Thôn Phụ mở thư ra xem, thư viết bằng chữ nôm.

Rằng:

« *Tôi là Mâu, có lời lại thưa với bác* « *rằng: độ này trong nhà tôi khốn quẫn vạn* « *phần, cơm lo có bữa sớm không có bữa* « *tối; vợ con nheo-nhóc khổ-sở lắm. Xin bác* « *nghĩ tình anh em, cho vay vài nồi gạo,* « *để độ-nhật trong mấy hôm, cám ơn* « *bác vạn bội. Tháng sau, tôi đòi được món* « *nợ bác Tư, tôi sẽ giả bác chu-tất.*

« *Đệ Mâu bái.* »

« *Tái bút: Độ này tôi chừa được thói đánh* « *bạc rồi, nói để bác mừng cho.* »

Thôn Phụ than rằng:

— Cơm chẳng có mà ăn, có tiền đâu nữa mà cờ bạc. Nói chữa khéo chửa.

Người vợ hỏi:

— Có phải chú nó hỏi vay không?

— Phải, hỏi vay vài nồi gạo, kêu rằng độ này khốn quẫn vạn phần; lại nói đến tháng sau đòi được nợ bác Tư sẽ giả.

— Ối chao ôi! thừa gạo cũng chẳng cho tuồng phá-gia ấy vay. Ấy là mới có 5 mẫu ruộng, chớ 50 mẫu ruộng cũng hết. Bố nó không biết: hôm nọ, nó lục cả hòm quần áo của vợ nó, để tìm kiếm vật đi cầm lấy tiền đánh bạc. Hôm qua, nó tháo nốt cả đôi vòng chân bằng bạc của con nó nữa. Đồ vô-nghĩa bất-nhân như thế, hoài thóc gạo mà cho vay.

Phụ thở giài nói:

— Kể ra thì chẳng nên thương. Song nghĩ hơi ái-ngại cho vợ con nó một chút.

— Phải, ông Thôn ơi! ông thương người ta, mà người ta chẳng thương ông. Ông có biết người ta vay gạo của ông, người ta lại đem đổ vào sòng bạc, chứ vợ con người ta hồ dễ dã được ăn!

— Có, nếu ta cho vay, thì ta giao tận tay vợ con nó, nó bán thế nào được.

— Thôi đi, ông Thôn ôi, ông đừng nhân nghĩa vụn. Vì ông gặp phải cảnh như thế, thì người ta có đoái thương đến vợ con ông hay không? hay là vợ con ông phải chết đói dã họng ra. Ông không xem: nó cư-xử với ông mấy năm nay đã tử-tế chưa, hở ông?

— Không cho vay thì thôi, mẹ nó việc gì phải to tiếng thế!

Đương nói, bỗng có đứa con gái bên hàng xóm, tay xách cái thúng không, ở cổng bước vào, nói với *Phụ* rằng:

— Thưa bác, bác hai tôi ban trưa có nhờ tôi đưa thư lại cho bác. Bây giờ lại cho tôi đem thúng sang vay bác vài nồi gạo.

Người vợ *thôn Phụ* vội-vàng đứng chắn ngang mặt chồng, trỏ tay bảo con bé hàng xóm rằng:

— Em về nói hộ với chú nó rằng, bác có gạo chỉ đủ ăn, không thừa đâu mà cho vay. Kể ra thì tình thân-thuộc không đâu bằng anh em ruột, nhưng từ khi ông bà mất đi, thì "kiến giả nhất phần". Nhà tôi có được bao nhiêu ruộng, chú nó cũng được bấy nhiêu. Chú không chịu cầy cấy làm lấy mà ăn, thì chú bán ruộng đi để lấy tiền mua thóc gạo cũng thế; chớ nhà tôi, ruộng ông cha để lại đã không dám bán, lại phải khó-nhọc làm-lụng lắm mới có hột gạo mà ăn. May mà không phải vay nhờ ai, được đủ no là tốt, có dư đâu mà cho chú vay.

Người con gái láng-riềng lại xách thúng đi ra.

Thôn Phụ ngồi nghĩ-ngợi một lúc, rồi tủm-tỉm nói rằng:

— Ừ, mà u nó nói cũng phải.

II

— Khăn đâu, mà đầu tóc bơ-sờ ra thế kia?

— Thưa ông, tôi vội, bỏ quên nhà.

— Bỏ quên ở nhà cai Phả ở xóm dưới phải không? Anh giấu thế nào được tôi. Sáng sớm ra ở dưới ấy đi lên mà đầu lại không khăn, người khác thì tôi không nghi, chớ như anh, tôi còn lạ gì nữa.

— Thưa ông, ông nói thật đúng. Hôm qua, nhà hết gạo, cho sang vay bác cháu không song, nên phải cố cái khăn để định dậy hóa, không ngờ lại thua mất. Giờ đương lo không biết nghĩ sao đây.

Đó là lời *Mâu*, em *thôn Phụ*, đáp lại lời viên Phó-lý ở làng ấy. Hôm ấy Phó-lý ở trong làng ra, gặp *Mâu* ở làng dưới đi lên, vốn biết *Mâu* hay đánh bạc ở nhà cai Phả ở xóm ấy, nên đoán là *Mâu* thua bạc trở về. Khi nghe *Mâu* nói thì bảo rằng:

— Anh không biết cách dậy hóa, chỉ tổ mất tiền thêm. Anh theo tôi vào trong đình này, tôi sẽ bảo anh cách kiếm su được vô số.

Người Phó-lý vừa nói, vừa trỏ tay vào cái đình làng ở gần đấy. Hai người cùng dưa nhau vào trong sân đình.

Viên Phó-lý nhìn quanh không thấy ai, vỗ vào vai *Mâu*, cười hỏi:

— Anh nói, tôi chưa tin, anh Thôn nhà anh thiếu gì gạo, mà tình anh em chí thân, còn tiếc gì nhau mà không cho vay.

Mâu thưa:

— Chỗ anh em trong nhà, tôi nói ra thì xấu-hổ. Song giấu ai, chớ tôi tưởng cũng chẳng giấu được ông. Anh tôi thực quá keo-bẩn, mà được chị dâu tôi lại keo bẩn gấp mười. Nói có bóng mặt giời, thực xưa nay tôi chưa từng vay anh tôi được một su một chữ nào cả. Động tôi bước chân vào tới cổng, anh tôi nào mỉa rằng «dại bạc dại cờ», nào nhiếc rằng «phá cơ phá nghiệp». Chị dâu tôi thời nói bóng nói gió, chửi chó mắng mèo, lắm phen tôi phải giả lời mà cùng với anh chị tôi đã có một đôi khi sô-sát to tiếng. Hôm qua, vì sự cùng-quẫn quá, nghe nhà tôi, tôi mới viết giấy sang vay. Không ngờ anh chị tôi xử với tôi tận tình như thế đấy.

Phó-lý hỏi:

— Giỗ tết bây giờ, anh còn đi lại nhà anh Thôn anh nữa không?

— Thưa ông, ông tính thế, tôi còn mặt mũi nào mà lại nhà ; đã hơn một năm nay, tôi không bước chân đến cổng.

-- Chà ! Anh em cùng máu mủ, có kẻ cạn tầu ráo máng được như thế ư ! Tôi nghe nói cũng tức bực hộ.

— Ai không biết thì tưởng trái lại tôi, chớ người biết ra, cũng cho tôi là phải.

— Ối chao ôi ! Trong làng ai chẳng rõ. Có anh hèn thì anh chịu, chớ dịa-vị tôi như anh, dễ mà tôi để cho nó ở yên được.

— Thưa ông, chẳng thế thì làm thế nào ?

— Ối chao ôi , chẳng được ăn thì đạp đổ. Thế-gian thiếu gì cách lừa nhau. Anh thực chí ngu, trách nào cứ phải chịu một thân nghèo khổ.

— Thưa ông, ông giậy làm sao. Ông có kế nào ông mách giúp cho tôi qua được lúc cơ-nhỡ này, tôi không dám quên ơn ông.

— Tôi nghe nói khi ông thân-sinh ra anh mất đi, có để chúc-thư lại nói rằng di-sản được 10 mẫu ruộng, sẽ quân-phân cho hai anh em. Sự đó đã thi-hành chưa ?

— Thưa ông có . Anh tôi khi ấy có chia đủ cho tôi năm mẫu ruộng, và một số tiền. Chứng-kiến có hai ông chú họ, nay đã mất cả rồi.

— Thôi, thế thì được. Tối hôm nay, anh lại tôi, tôi làm cho anh một lá đơn để anh đem lên cửa quan mà thưa.

— Vâng, thế thì đa-tạ ông lắm lắm. Song có một điều tôi xin hỏi trước : việc chia ruộng, anh tôi đã tuân chúc-thư mà thi-hành, tưởng đã đúng phép lắm. Bây giờ ông giậy cho cách thưa, thì thưa ra làm sao ?

— Giời ôi, Anh ngu lắm ! Ở trước cửa quan, lại có nói gì đến việc phải trái, đến đúng phép hay không đúng phép. Anh phải biết tôi ra vào cửa quan đã mòn gót, những cách phân-xử của quan, tôi còn lạ gì. Tối hôm nay, anh cứ lại tôi, tôi dặn anh đủ mọi đường khôn-khéo, anh không lo gì về phần hại, chỉ có phần lợi mà thôi.

— Thưa ông, sao thế ?

— Anh lại còn sợ à ? Anh nhát thế, chẳng trách cứ phải chịu chết đói. Này, tôi bảo cho biết, để anh yên tâm ; anh là thằng cùng-đinh, mà anh anh là thằng có máu mặt ; hễ đến cửa quan, chỉ thằng có máu mặt là thiệt, chớ như anh thì quan ăn gì được của anh mà anh lo.

—Thưa ông, thế là tôi hiểu rồi. Tối, tôi xin lại hầu ông.

III

Trước nha-môn quan . . . ở tỉnh Thái-Bình buổi trưa hôm ấy, việc quan vừa xong, cửa dinh đã khép, mà còn có một người đàn ông trạc ngoài 30 tuổi, áo nâu quần vải, chân đi đất, tay cầm một lá đơn, đi đi lại lại, thỉnh-thoảng lại cúi đầu nhìn vào cái khe cửa dinh, như có ý muốn kêu nài việc gì.

Người ấy chính là *Máu*, em *thôn Phụ*, cầm giấy lên cửa quan, định vào thưa người anh đấy.

Bỗng chốc, ở trong dinh có một người hé cửa đi ra, đầu khăn lượt, mình áo the, chân đi đất, lính cơ không ra ráng lính cơ, lính lệ không ra lính lệ, thấy *Máu* ròm-nom vào cửa quan, liền quát hỏi rằng :

— Tên kia ròm vào dinh quan, định để làm gì ?

Máu đoán ngay là cậu đầy-tớ quan, liền thưa rằng :

— Dạ, chúng tôi định vào kêu Cụ-lớn một việc.

-- Hết giờ rồi, còn kêu gì ! Đến sáng mai lại đây.

-- Tôi có lá đơn này, trăm sự nhờ cậu đệ vào dinh Cụ-lớn, để Cụ-lớn xét cho. Tôi không dám quên ơn cậu.

-- Đệ đơn mấy đệ từ gì bây giờ ! Cụ-lớn làm việc có buổi, để lúc nào ngài cũng ngồi đó để nhận đơn cho anh ? Anh muốn tốt thì đi ngay, kẻo lính nó ra, thì anh không có đường chạy.

Máu biết nói không không chôi, liền lấy ra năm hào đưa cho cậu đầy-tớ quan. Cậu gia-nô liền giận mà rằng :

— Anh không biết lệ xưa nay mỗi lá đơn là 3 đồng à ?

— Chúng tôi thực là nghèo khổ quá, mới phải kêu Cụ-lớn, trông nhờ người minh xét cho việc ức này, họa may mới có tiền độ-thân.

— Việc gì ?

— Về việc gia-sản.

— Việc hệ-trọng thế mà anh còn là-tiện thì thôi anh đi về.

Cậu gia-nô nhà quan vừa nói vừa đẩy *Mâu* đi ?

Mâu bất-đắc-dĩ, lại phải xỉa ra năm hào nữa mà nói rằng :

— Tiền này là tôi kính riêng cậu đây : còn với Cụ-lớn, tôi không dám thế.

— Đưa đơn đây.

Mâu liền đưa đơn với một đồng bạc hào cho cậu nhỏ nhà quan. Cậu nhận rồi, bảo *Mâu* rằng :

— Anh hãy ngồi đây, tôi vào xem nếu Cụ-lớn chưa ngơi, có tiện đưa được thì tôi đưa cho.

Đứa đầy-tớ khi sắp vào, thì gặp người linh cơ ở trong vác súng đi ra, bèn bảo người linh cơ rằng : « Anh để người này đợi đây, hoặc Cụ-lớn có truyền gọi. Bổn-phận anh canh cửa, sao anh cứ đi đâu ? »

Người linh vâng lời.

Mâu ở ngoài đợi độ 20 phút đồng-hồ, thấy đứa quan-nô ra gọi, liền theo chân vào dinh, đi vòng vào mãi nhà tư-thất ở tận nơi sau chốn công-đường. *Mâu* bước lên trên thềm nhà, nhìn thấy một vị rậm râu sâu mắt, mình mặc áo lụa giài trắng, một tay cầm cái đơn của *Mâu*, một tay dựa gối xếp nhiều điều, ngồi chễm-trệ trên sập cao, một chân bỏ thõng ra mặt trước sập. Cạnh đấy, có một đứa đầy-tớ giai đứng cầm quạt lông phẩy. Chung quanh nào câu đối khảm, câu đối sơn, nào bàn trà ghế gụ, đôn sứ, đỉnh đồng, thẩy-thẩy rực-rỡ choáng cả mắt.

Mâu nghĩ thầm, chắc vị này là cụ-lớn, liền xụp xuống lạy. Lạy xong, lui lại vài bước, chắp tay cúi đầu đứng yên lặng.

Một lát. Cụ-lớn cất tiếng lên phán rằng :

— Tên kia, bay làm nghề-nghiệp gì ?

Mâu thưa :

— Dạ bẩm Cụ-lớn, con trước làm nghiệp nông. Từ khi con xa-xút, bán cả ruộng nương đến nay, chửa có nghề gì kiếm ăn, thực là nghèo khổ lắm.

— Trong đơn bay thưa anh bay rằng : cứ chiếu theo chúc-thư thì anh bay chia gia-sản cho bay hãi còn thiếu. Vậy thiếu làm sao, bay nói không rõ.

— Dạ bẩm cụ-lớn, về việc chia ruộng, con không dám thưa, vì phần con đã nhận đủ. Duy có phần tiền, thì anh con chưa giao hết cho. Nguyên khi cha chúng con mất đi, còn để lại tiền 3.000 đồng, khi ấy anh con mới cho 300 đồng, nói rằng một vài năm sẽ trả hết. Con cũng nghĩ chỗ anh em trong nhà còn nghi-ngại điều gì, không ngờ anh con đem lòng bất-trắc, nhất định không chịu giả nốt.

— Sao khi ấy bay không thưa ngay, mà để đến bây giờ mới lên kiện ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, nếu mấy năm trước, giời không làm mất mùa, con không phải bán mấy mẫu ruộng, thì con tưởng số tiền ấy cũng chưa phải đòi anh con làm gì. Không ngờ vận nhà sa-sút, làm chẳng đủ ăn, hỏi anh con, anh con đã chẳng giả thì chớ, lại lấy tiền của con tậu thêm ruộng. Lại buông lời chửi mắng con, cấm con không được đến cửa. Cụ-lớn không tin lời con, dám xin Cụ lớn cho xét hỏi người trong làng, ai ai cũng biết.

— Hiện tờ chúc-thư bây giờ ở đâu ?

— Dạ cầm Cụ-lớn, tại anh con giữ.

Cụ-lớn nghe đến câu ấy, hình như động lòng, lấy tay vuốt mãi râu, từ-từ mà nói rằng :

— Ừ thôi được, bay cứ về. Ta phải sức đòi đem chúc-thư lên để xét lại kỹ-lưỡng. Thực hư thế nào, ta sẽ liệu.

Trước khi lỗi tạ quan phụ-mẫu để lui ra, *Mâu* còn gãi tai thưa dốn rằng :

— Trăm lạy Cụ-lớn, Cụ-lớn đèn giời soi-xét, cứu cho kẻ nghèo-nàn, phải một người anh giầu-có đánh lừa, không thương gì đến tình cảnh em trong khi khốn-bĩ.....

IV

— Lạy ông, ông cho gọi tôi lại có việc gì ?

— Chao ôi ! vì việc anh mà hôm qua tôi phải lên quan gọi.

— Quan gọi ông làm gì ?

— Anh không biết, phàm việc gì trong làng này, đã lên đến quan, trước khi quan xử, là quan phải gọi tôi hỏi đã.

— Quan hỏi ông việc gì vậy ?

Đó là lời hỏi của *Mâu* hỏi viên Phó lý ở nhà viên ấy. Vì hôm đó, Phó-lý cho gọi *Mâu* lại nhà mình nói truyện.

Viên phó-lý liền mỉm cười, nói sẽ vào tai *Mâu* rằng :

— Quan chỉ hỏi về tình-hình bên nguyên bên bị giầu nghèo thế nào mà thôi. Anh biết chưa?

Lại nói :

— Tôi đã nói tốt cho anh rồi đấy.

Mâu mừng, liền hỏi :

— Cám ơn ông, ông nói tốt cho tôi thì ông nói làm sao ?

— Tôi bẩm, anh chỉ là thằng khố-giây ; chớ anh anh thì. . . . . thì ; ; ; ; nó giầu lắm ! Ba, bốn nghìn, sức nó lo cũng nổi.

— Nếu thế, anh tôi thiệt mà tôi chẳng được ích gì à ?

— Không, sao lại không được ích gì. Tôi đã thưa với quan rằng: Cảnh anh nghèo khổ lắm, quan có xử, xin quan trông xuống cho anh. Quan hứa rằng thế nào quan cũng trông lại. Nếu sau này có thế nào, anh phải biết ơn tôi mới được.

— Dám đâu quên, thưa ông.

*
* *

Trong khi *Mâu* vừa ở nhà Phó-lý đi ra, thì có người trông thấy *thôn Phụ* bước chân vào nhà lý-trưởng đương-thứ, sắc mặt như có vẻ sợ-hãi.

Vậy *Phụ* đến đó có việc gì mà sợ hãi thế? Nguyên hôm ấy viên lý-trưởng làng có cho người nhà lại bảo *thôn Phụ* rằng : lại ngay nhà y có việc quan. *Phụ* hỏi dò việc gì, thì đứa đầy-tớ đáp rằng :

— Tôi nghe như có tờ trát của quan..... không biết trong sức việc gì mà ông Lý tôi bảo tôi mời ông lại.

Phụ lấy làm sợ hãi, vội-vàng theo châu đứa tiểu-đồng ấy lại ngay nhà lý-trưởng đương-thứ.

Viên lý-trưởng bèn đưa tờ trát của quan cho *Phụ* xem, và nói rằng :

— Đấy bác xem, quan sức tôi phải đưa bác lên dinh ngay, để đối tụng việc gì không rõ. Vậy sáng sớm mai, bác phải lại đây để theo tôi đi.

Phụ tay cầm trát xem, run lên cầm-cập ; khi đọc song, hỏi người lý-trưởng rằng :

— Thưa ông, về việc gì đó?

— Tôi không rõ. tôi tưởng việc của bác thì bác biết, sao lại hỏi tôi.

— Thưa ông, tôi thực không rõ. Nếu ông có biết, xin ông bảo cho tôi để tôi đỡ lo.

— Tờ sức vừa đến tay tôi buổi trưa hôm nay, trong chỉ có từng ấy chữ, bác xem bác cũng rõ, lọ phải hỏi gì tôi.

— Thưa ông, sưa-thuế tôi không thiếu, rượu lậu tôi không nấu, thuốc phiện lậu tôi không buôn, tôi làm ăn lương-thiện, có điều gì nên tội mà quan cho trát bắt tôi.

— Thôi, bác không ngại, mai ta cùng nhau lên dinh sẽ hay.

Phụ chào về. Đêm hôm đó, hai vợ chồng bàn soạn xuốt đêm, lo-ngại lắm, không ngủ được.

Thế mới biết dân thôn-ổ hãi còn chất-phác, chỉ biết nghiệp cầy sâu cuốc bẫm, động đến việc quan là mất ngủ bỏ ăn. Cái nguyên-nhân đó tự đâu ? Chỉ vì thói quan-trường xưa nay phần nhiều người cai-trị đã không được trọn bổn phận, lại trái lương tâm, coi thôn-dân như một hạng gia-nô, như một kho tiền vô-tận, có thể tùy việc sẩy ra trong giới-hạn quyền mình mà tha-hồ làm tội làm tình, mà nặn mà bóp, mà cố vơ cố vét, để cho đầy túi tham. Bởi thế nên chỗ quan-lại với dân thôn-quê, thành vẫn có một tấm hắc-mặc rất u-ảm thê-thảm, khó ai có thể đoán rõ ở trong ra làm sao !

Than ôi ! Cái cảnh gia-đình nhà bác thôn Phụ kia, đương làm an vui-vẻ thế, mà bỗng chốc hóa ra thất-cơ lơ-vận, cũng nguyên-nhân tự hôm đó, nhận được tờ trát qui-hóa của quan trên.

Sáng hôm sau, *thôn Phụ* sắm-sửa sớm, đến nhà lý-trưởng, rồi cùng với lý-trưởng trỏ đường lên dinh quan. Tiền lộ-phí, *thôn Phụ* phải hứng đựng, sự đó là tự-nhiên.

Khi hai người lên đến nha-môn thì đã quá giờ làm việc, đành phải tìm nơi nghỉ trọ để sáng hôm sau vào hầu quan.

Sáng hôm sau, *Phụ* theo chân lý-trưởng vào chốn công-đường, thôi thì từ bực cửa dinh ngoài cho đến chỗ bàn giấy quan xử kiện, chân bước đi đã không vững, hai con mắt đã kém mất tinh-thần, mà trống ngực lại đồ hồi, hai hàm răng bỗng run lên cầm-cập.

Giời bẩm sinh ra con người yếu bóng-vía, nên mới gặp cậu linh cơ ở cổng, bác *thôn Phụ* ta đã vái rạp xuống đất; vào đến sân, trông lên dan bên trái, thấy một giẫy nhà tơ, người ngồi lố-nhố, cũng vái rạp xuống tận đất; sau rốt, nhìn lên dan bên phải, thấy quan phụ-mẫu mặt sắt đen sì, ngồi một mình ngất-nghểu một bàn giấy, thì *thôn Phụ* bấy giờ hồn vía không còn, cứ biết theo lý-trưởng bước lên thềm, thấy y làm lễ lạy, cũng phải bắt trước. *Phụ* tự nghĩ mình khi ấy như là người phải tội, bị quỉ-sứ bắt điệu đến trước tòa Diêm-vương, mà các viên nhà tơ tưởng như các ông Phán-quan vậy. *Phụ* không dám ngửng đầu lên nhìn.

Một lát, viên lý-trưởng dẫn tờ trát lên trình, Quan phụ-mẫu nhìn tờ trát, ngẫm-nghĩ một lúc, rồi cất giọng lên phán rằng:

— Lý-trưởng làng. . . là nhà thầy phải không?

Lý-trưởng thưa :

— Dạ. . .

Quan lại truyền :

— Tên *Nguyễn-Phụ* là đứa nào? Thày Lý có đưa nó lên đó không ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, tên *Nguyễn-Phụ* con đã đưa lên đó.

— Nó có mấy anh em ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, tên *Phụ* này chỉ có hai anh em. Y là anh cả, người em tên là *Nguyễn-Mâu*.

— Cha mẹ nó chết đã được bao lâu nay ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, ước độ tám chín năm nay.

— Thầy có biết truyện nó mạo chúc-thư của cha mẹ nó để định chiếm lấy cả gia-tài, không muốn chia cho em nó không ?

— Dạ. . . . .

— *Phụ* nghe đến câu ấy, bụng lấy làm ức khổ lắm, ứa nước mắt ra định kêu van, song chưa biết nói ra làm sao, thì bỗng thấy quan phụ-mẫu đập bàn, ra ý giận lắm, trỏ vào mình mà thét rằng :

— Thằng kia. Mày tham ngoan đủ đường, dám cả gan làm chúc-thư giả, để cướp cả phần em ! Bây giờ chính thằng *Mâu* là em ruột mày nó thưa mày, mày còn cãi làm sao được !

Phụ luống-cuống, vội-vàng quì xuống trước bàn, lạy mà kêu rằng :

— Bẩm . . . bẩm . . . bẩm lạy Cụ-lớn, đèn giời . . . . soi xét . .

Quan thét luôn :

— Bay dối được ai, chớ bay dối thế nào được tao ! Lính đâu ! hãy đem thằng này giam cổ lại, để sáng mai tao tra lại lần nữa.

Lập tức có hai tên lính cơ lên điệu *Phụ* xuống giam dưới trại lính.

Quan ngảnh cổ lại bảo lý-trưởng rằng :

— Việc thầy thế là xong, cho về.

Viên lý-trưởng bèn lạy đi ra.

Thôn Phụ bị giam dưới trại lính, sáng hôm sau, lại lên công-đường đợi quan tra hỏi.

Lần này, giọng quan không dữ-dội như hôm trước, ngài bảo rằng :

— Thằng em mày nó thưa rằng mày làm mạo chúc-thư, để tranh phần của nó. Sự đó thực hay hư, ta cho mày biện bạch.

Thôn Phụ thấy quan không ra uy lắm, cũng hơi vững dạ, liền quì xuống thưa rằng :

— Trăm lạy Cụ-lớn, ngài đèn giời soi xét, thực là em con nó vu-vạ cho con; chớ chúc-thư có đủ hai người trứng-tá và lý-trưởng nhận thực, quả không dám làm man. Còn như việc phân-sản, con làm phân-minh lắm, cũng có những người ấy làm trứng, lại viết giấy má hẳn-hoi, theo như phép nhà nước. Nếu Cụ-lớn không tin, con xin đem những giấy ấy lên trình Cụ-lớn xét.

Quan phụ mẫu liền gật đầu mà rằng :

— Ừ, mày phải đem hết những giấy má ấy lên đây, cả chúc-thư văn-tự, cũng là giấy

phân sản để ta xét. Giả hay thực, ngay hay gian, phải có đủ những bản ấy, ta mới có thể phân-xử được. Vậy ta cho phép nhà bay ba hôm nữa, phải đem nộp đủ những giấy ấy lại đây ; nếu cố tình giấu diếm, thì tội càng nặng thêm, biết chưa ?

Phụ vội thưa :

— Dạ bẩm Cụ-lớn, Cụ-lớn cho phép con về, con xin đem lên trình Cụ-lớn ngay, không dám để chậm.

Quan phán :

— Cho về .

Thôn Phụ mừng-rỡ, vội lạy tạ, rồi lui ra ; ra đến cổng dinh, hỏi thăm tin người lý-trưởng làng, thì người lính cơ đáp rằng : y đã về ngay từ hôm trước.

V

Thôn Phụ về đến nhà, liền kể truyện với vợ đầu đuôi việc lên quan như thế nào. Rồi hai vợ chồng cùng nghiến răng nguyền rủa người em. Đoạn, hai vợ chồng bỗng mai oán lẫn nhau, chồng đổ tại vợ, vì hôm ấy ngăn mình không cho *Mâu* vay gạo, thành gây lên câu truyện thù-hằn ; vợ riếc chồng rằng bởi nhà ai vô-phúc, nên anh em mới đem nhau đến cửa công. Cãi vã nhau hồi lâu, sau cùng bàn đến truyện đem văn-tự chúc-thư và tờ phân-sản lên quan xét, thì người vợ tỏ ý ngại-ngùng nói rằng :

— Cơ-ngiệp nhà ta chỉ trông cả vào mấy bản chúc-thư văn-tự ấy, nếu nay nộp cả vào quan, nhỡ có thất-lạc, thì trông mong vào đâu ?

Phụ nói :

— Không đem lên cũng không xong, mà đem lên cũng ngại. Giời ơi, biết nghĩ thế nào đây ?

Vợ nói :

— Thôi, được rồi. Mai đem những giấy ấy ra, nhờ người sao tinh tường mỗi thứ một bản. Ta đem những bản sao ấy lên nộp, tưởng cũng được chớ sao.

— Ừ, thế cũng gọn. Nhưng chỉ sợ quan trên không tin ở bản sao thì làm sao ?

— Văn-tự, văn-khế, xưa nay tôi thấy người ta sao chán ra đấy, có việc gì mà sợ. Bố nó cứ nghe tôi, thử đem bản sao đi ; nếu quan không nghe, bấy giờ ta về lấy bản chính ra cũng không muộn.

— Ừ, u nó nói cũng phải.

Nghĩ một lúc, Phụ lại nói :

— Nhưng nếu lúc quan không nhận bản sao, lại phải giở về lấy bản chính, thì vừa mất thì giờ, vừa lôi-thôi thêm truyện. Chi bằng ta đem cả hai bản đi, mà ta hãi đưa bản sao trước ; nếu quan không nhận, bấy giờ bản chính ta sẽ nộp ra sau. »

Vợ cũng biểu đồng ý.

Bàn định xong, hôm sau *Phụ* bèn nhờ người sao cả văn tự, chúc-thư, tờ phân-sản, mỗi thứ một bản, rồi gói làm hai gói, đem thẳng lên dinh quan.

Phụ đi được sáu hôm, vợ ở nhà mong đợi, nóng ruột lắm. Đến hôm thứ bẩy. *Phụ* mới về. Vợ ra đón, thấy sắc mặt chồng có vẻ buồn, liền hỏi :

— Việc đã xong chưa ? Sao đi lâu thế ?

Phụ tay cầm một gói giấy, ném xuống giường mà rằng . .

« Đã biết trước ! Bảo không nghe ! Cứ xui khôn xui dại người ta mãi ! Xuýt nữa phải một trận đòn, cũng chỉ vì nghe vợ »

Người vợ lấy làm kinh-nghi, không dám hỏi nữa.

Phụ lại nói :

— Đây, những bản sao lại đem về đây, những bản chính còn ở trong dinh quan. Tưởng rằng ngày một ngày hai thì cụ-lớn tôi sét xong, không ngờ đợi đến bốn hôm, đến năm hôm, cụ-lớn tôi cũng chửa xét đến ! Không biết đến mấy tháng nữa, mấy năm nữa, ngài mới xét đến cho ! Thực là cơ-cực. Đợi no chầy nẫy nước, động bước chân đến cửa dinh, thì lính canh đuổi đánh không cho bén mảng !

Phụ nói xong, nằm lăn ra giường thở hồng-hộc.

Nghỉ một lát, lại ngồi giậy nói rằng :

— Ối chao ôi ! U nó tưởng đến cửa quan là dễ lắm ! Này có biết hôm tôi đưa những bản sao ra, cụ-lớn ngài nói làm sao không ? Ối giời ôi ! Khi ngài mở ra xem, ngài liền nổi cơn giận, ném ngay những bản sao ấy vào mặt tôi, mà thét lính định dăng nọc tôi ra đánh. Tôi sợ quá, liền rút những bản-

china mà dâng lên. Rồi nghe ngài thét rằng: « Đồ khốn! Tao là bậc quan cha mẹ bay, vì có đứa thưa bay, nên tao phải bảo bay đem chúc-thư, văn-tự lên tao xét. Thế mà bay không tin tao là bậc quan cai-trị cả toàn hạt dân xứ này, dám đem lòng ngờ-vực, sợ tao tiêu-hủy mất chúc-thư, văn-tự của bay đi hay sao? mà bay vội đem bản sao ra để nộp. Bay phải biết ắng muốn xét ra sự thực, phải có đưa giấy má thực, chớ bản sao kia có giá-trị gì. Bay ngạo-mạn phép quan như thế, phỏng đáng tội gì?» Giời ôi, tôi run cả người, vội-vàng lạy lấy lạy để, để tạ tội. Cụ-lớn ngài được cái cũng đại-lượng, liền cho lính tống cổ tôi ra khỏi dinh. Ôi! từ bấy giờ đến năm sáu hôm sau, tôi không thể bạ men đến được gần cửa dinh nữa.

Người vợ nghe xong câu truyện, có ý ái-ngại thay cho chồng, liền yên-ủi rằng:

— Thôi bố nó cứ yên dạ. Chầy ra là nửa tháng nữa, quan cũng xét xong. Tháng sau ta hãy lên dinh, cũng không lấy gì làm muộn.

Thôn Phụ không nói gì nữa, chỉ nằm ngay trên ghế dựa mà thở vắn than giài.

Thấm-thoát đã được nửa tháng, chồng lại bàn với vợ, định cất công lần nữa lên dinh quan, đòi lại các giấy má về gia-sản.

Lần này đi, *Phụ* dự-bị sẵn tiền trè lá, để phòng khi không được vào hầu quan, thì nói lót với người biện-sự nào gần ngài nhờ nhắc-nhỏm hộ việc đó. Không ngờ đi mấy hôm lại giở về không. Cái nguyên-nhân không được bước vào cửa dinh, cũng đại-để giống như lần trước. Duy lần này *Phụ* có tìm đến nhà một viên thừa-phái, lễ một cân trè tầu và một chục đồng bạc, nói rõ lai-ý của mình, trông nhờ quan Thừa đánh tiếng với cụ-lớn. Viên thừa phái có nhận lời, song mấy hôm sau, giả lời *Phụ* rằng:

— Công việc quan độ này bề-bộn lắm, lại nhiều việc hệ-trọng. Việc của bác là việc ẩm-thường, nên quan còn xếp só một nơi chưa xét đến. Tôi đã nói hộ cho bác, song cụ-lớn truyền để vài tuần nữa sẽ hay.

Phụ chán quá, lật-đật lại về làng, nghĩ hối rằng tại mình không đem nhiều tiền đi, nên không được lọt vào trước mặt cụ-lớn.

Khi về đến cổng làng, vừa gặp viên Phó-lý đi ra, *Phụ* bụng bảo dạ:

— Anh này nó lịch-thiệp lắm, cửa quan nào nó cũng lọt, hay ta thử vấn kế nó xem sao.

Chợt lại nghĩ rằng:

— Anh này nó tinh quái lắm, chỉ sợ dính vào nó, tiền mất mà tật vẫn mang; thôi để bàn với u nó cho chín đã.

Phụ bèn chào viên Phó-lý rồi về thẳng nhà.

Hai vợ chồng bàn đi tính lại, nghĩ trừ viên Phó-lý, thực không biết cậy nhờ vào ai, vì xưa nay *Phụ* hẹp giao-thiệp lắm. Song nhờ lời viên thừa-phái, *Phụ* cố đợi cho hết vài tuần, hoặc quan trên có cho trát gọi mình chăng.

Thôi thì chỉ uổng công đợi mà thôi, tập giấy can-hệ kia đã lọt vào tay mặt sắt, vì không có hơi đồng, hồ dễ tự-nhiên đã buông tha ra. Vợ chồng *thôn Phụ* đành phải mời viên Phó-lý lại, nói rõ việc mình, nhờ y chạy-chọt hộ.

Phó-lý nói:

— Sao lúc bác đem *chúc-thư văn-tự lên* quan, bác không bảo tôi. Trước mặt quan, bác làm như thế, đến bụt cũng phải giận. Nay quan đã ra ý không bằng lòng thì việc bác càng thêm khó. Rõ thực sai một ly đi một rậm, biết làm thế nào bây giờ.

Hai vợ chồng nghe nói càng sợ, cố nằn-nì viên Phó-lý giúp cho, dẫu tốn kém ít nhiều cũng xin chịu. Viên Phó-lý chỉ đợi nói đến câu ấy, bèn mủm-mỉm bảo rằng:

— Bây giờ hai bác đã nhờ đến tôi, là có ý tin cậy tôi lắm; nếu tôi thấy việc khó mà từ, thì thực tôi phụ lòng hai bác. Vậy tôi phải cố công giúp cho xong, tôi mới được hả dạ. Thế mai bác giai theo tôi lên tỉnh, tôi xin đưa bác vào ông Đô, ông này làm việc đã lâu, thân-mật với cụ-lớn lắm. Hôm nọ bác có đến nhờ một ông Thừa trẻ tuổi, thực là vô-ích, ông ta có thế-lực gì đâu.

Thôn Phụ mừng lắm, hôm sau lại đón viên Phó-lý cùng đi. Tiền lễ tiến-kiến ở nhà quan Đô cũng đem theo.

Lúc đến nhà quan Đô, quan Đô nhận đồ

lễ, hứa đến tối hôm sau lại nhà y để y giả lời.

Quan Đô, trông người xương-xương, dong-dỏng cao, hãi còn bủi tóc, ước độ hơn ngũ tuần, mắt lòa phải đeo nhỡn-kính luôn, ăn nói có giọng mềm mỏng.

Thôn-Phụ nghe lời, hôm sau lại cùng Phó-lý đến. Quan Đô bảo rằng :

— Tôi đã nói việc bác với Cụ-lớn, bất-đồ Cụ nổi giận lên, nói rằng định nay mai đòi bác lên để trị tội. Thành ra tôi tắc lời không biết nói làm sao được.

Viên Phó-lý nhìn *thôn Phụ* có vẻ sợ-hãi, vội nói hộ :

— Thưa cụ, dù nay mai có trát đòi hay không, cũng là ở tay cụ. Cụ lựa lời thưa với Cụ-lớn ngài nguôi giận đi thì là xong.

Quan Đô lắc đầu :

— Khó lắm ! Cụ-lớn tôi đã giận thì đố ai nói được cho ngài nguôi. Tôi nghĩ cứ lấy làm phàn-nàn cho bác, sao bác dại thế ! Nếu cụ-lớn ngài tức mình, cứ chiều luật để xử, thì bác phải tù như chơi.

Phó-lý lại nằn-nì :

— Trăm sự nhờ cụ, bác Thôn có bởi thật-thà quá hóa nên tội, xin cụ thương tình mà cứu cho. Cụ giạy cho thế nào, để bác nó xin lo liệu.

Quan Đô gật-gù nói :

— Ừ thôi, có thầy Phó giới-thiệu, tôi cũng xin hết sức dúp. Kể ra không biết đường lối thì khó lòng, chớ nếu biết ra thì cũng dễ.

Phó-lý bèn bấm đùi *Phụ*, rồi nói :

— Đấy, cụ đã vì tôi mà cố sức dúp bác, thì bác nói thế nào ?

Phụ vội thưa :

— Thưa cụ, nếu cụ thực lòng thương mà cứu cho, thì cụ giạy thế nào, con cũng xin vâng.

Quan Đô vuốt râu nói :

— Nếu thế thì bác phải biện đủ thế này thì mới được. (Vừa nói, quan Đô vừa giơ hai ngón tay lên.)

Phó-lý ỏi liền :

— Bẩm, như thế cụ giạy là hai trăm ?

Quan Đô vội đáp :

— Chà ! thế là hai nghìn bạc ! Việc như thế mà hai trăm, chẳng hoá ra dễ lắm à ! Này đừng tưởng thế là nhiều đâu, tôi đã liệu châm-trước lắm rồi đấy.

Thôn Phụ ngẩn người ra, sợ hãi không biết nói làm sao, thì viên Phó-lý nói đỡ rằng :

— Cụ giạy như vậy, chúng con xin hãy cứ vâng. Cụ rộng cho mấy hôm, sẽ xin phúc đáp cụ.

Nói xong, viên Phó-lý cùng *thôn Phụ* đứng giạy xin từ. Khi tiễn chân ra, quan Đô còn nói rằng :

— Số ấy phải cho đủ, chớ thiếu thì khó xong việc đấy.

Phó-lý đưa *thôn Phụ* về nhà, để cho hai vợ chồng bác Thôn ta bàn-bạc lo-liệu. Rút cục vợ chồng phải dằn lòng thu-xếp lấy một nghìn bạc, lại nhờ viên Phó-lý đưa đi.

Quan Đô nhận số tiền ấy, rồi nói rằng :

— Thế này chưa biết Cụ-lớn tôi đã nghe cho chưa ; song tôi cũng cố nói hộ, nếu Cụ-lớn tôi bằng lòng, thì thế nào mai cũng có trát gọi bác vào dinh lĩnh những giấy má ấy về. Vậy bác hãi cứ đợi ở nhà trọ cho tiện.

Quả-nhiên, cách một hôm sau có người cầm trát lại tìm *thôn Phụ* ở nhà trọ. Viên Phó-lý cười bảo *Phụ* rằng :

— Việc bác sắp xong, bác phải biết công tôi mới được.

Phụ mừng tạ.

Hôm sau, *Phụ* nhờ có tờ trát được vào thẳng trong dinh, quan phụ mẫu truyền rằng :

— Đây tao giao giả nhà bay mấy cái văn-tự ruộng này, bay hãi nhận lấy. Còn tờ chúc-thư và tờ phân-sản, hiện chưa thể giả bay được ngay, vì ta còn đương bảo dịch ra chữ tây, để nay mai đệ lên quan Sứ xét lại. Biết chưa ?

VI

Ngán thay cho bác *thôn Phụ* ta, đã chịu bỏ ra một nghìn đồng, mà không ngờ chỉ mới chuộc được có mấy bản văn-tự ruộng. Cái bụng tham-lam của quan cũng sâu như khơi, rộng như bể, biết đem bao nhiêu muối để đổ vào cho vừa !

Tha hồ cho bác chầu-chực ở cửa dinh, đi lại chán ở nhà viên Đô-lại, mười lăm hôm, ba mươi hôm, một tháng rưỡi, cũng chỉ nghe được một câu rằng :

— Tập chúc-thư ấy quan trên còn xét. Việc án-từ quan-sự còn bừa-bộn lồng chồng, dỗi việc đâu mà nghĩ đến việc nhà anh.

Phụ biết rằng cái số hai nghìn bạc mình mới đưa được nửa, cho nên quan mới trả cho có một nửa giấy má : đành phải trở về làng bán bốn mẫu ruộng để lấy số tiền một nghìn nữa, đem nộp vào cửa quan. Lần này quan Đô không chịu đứng làm người đại thu nữa, bảo Phụ bỏ món tiền ấy bằng bạc giấy vào trong phong-bì, đến đêm cùng với viên Phó-lý vào thẳng nhà tư-thất quan để tiện bạch lấy.

Tối hôm ấy, lính canh cửa để cho *Phụ* và Phó-lý vào dinh tự do, chừng quan Đô đã nói trước. Nhưng vào đến nơi, hai người không được giáp mặt cụ-lớn, vì cụ-lớn đã nằm nghỉ ở trong màn. Có đứa hầu gái đỡ lấy chiếc phong-bì quí-hoá ấy đưa vào trong màn thì *thôn Phụ* và viên Phó-lý nghe thấy tiếng ngài truyền ra rằng :

— Được, con cứ về; để mai Cụ xét lại việc đó, cụ sẽ cho lính lại gọi.

Quả nhiên, mấy hôm sau, có lính lại nhà trọ gọi *thôn Phụ* vào quan đòi. *Phụ* nửa mừng nửa lo, bước vào hầu quan, lạy rồi, nghe tiếng ngài phen này lại rất là ôn-tồn. Ngài nói :

— Tờ chúc-thư và tờ phân-sản của con, Cụ đã xét kỹ; làm phải phép, không có điều chi đáng ngờ. Song trước khi Cụ đưa giao giả con những giấy ấy, Cụ muốn biết rõ xem những chữ ký của hai người làm chứng ở trong chúc-thư có đích-thực là thủ-tích của hai người đó không. Vậy con phải giở ngay về làng, đưa hai người làm chứng ấy lên đây, để Cụ so tự-rạng mới được.

Phụ nghe xong, mướt mồ-hôi lưng, vội bẩm rằng :

— Bẩm lạy Cụ-lớn, hai người làm chứng ấy đã mất cả rồi.

Cụ-lớn lại chừng mắt hỏi :

— "Mất cả rồi," lời khai đó có thực không?

— Bẩm lạy cụ-lớn, đích thực thế.

— Nếu vậy lại khó ra một từng. Biết thế nào mà phân biện là tự-tích của hai người ấy!

— Bẩm Cụ-lớn đèn giời soi xét, chúng con thực không dám man. Hai chữ ký ấy đích thực là của hai người ấy, hiện đã có triện của lý-trưởng làng nhận.

— Ừ, nếu thế thì được, để ta đòi lý-trưởng tên hỏi. Song ta xét ra, chữ lý-trưởng ký ở trong chúc-thư, hình như không phải chữ ký của lý-trưởng đương-thứ.

— Bẩm, thầy lý ấy làm khóa trước thầy lý đương-thứ. Cụ-lớn cứ trất-vấn thầy lý đương-thứ cũng rõ. Hay cụ-lớn cho gọi thầy lý cựu lên hỏi cũng được. »

Cụ-lớn gật đầu, rồi ngảnh mặt gọi ông Đô lại gần mà bảo rằng :

— Ông thảo trát gọi ngay lý-tưởng đương-thứ làng. . . . . và lý trưởng cựu tên là Mỗ lên tôi hỏi.

Ông Đô dạ một tiếng, rồi ngảnh lại bảo *thôn Phụ* rằng :

« Vậy nhà-anh hãi về đợi ít lâu nữa, để Cụ-lớn trất-vấn lại, rồi sẽ giả nhà anh tờ chúc-thư ngay.

Phụ đành phải lui về. Khốn-nạn thay ! vì một câu truyện cuối cùng của cụ-lớn mà làm cho bác *thôn Phụ* ta đi về bao nhiêu truyến, từ dinh quan về đến làng, lại từ làng lên đến dinh, mà tờ trát của quan không biết lạc vào ngả nào, người lý-trưởng làng vẫn chưa nhận được.

Phụ nóng ruột, muốn mời cả lý-trưởng cựu và đương-thứ cùng đi với mình lên dinh, không đợi đến khi tờ trát đến; nhưng họ đều chối rằng:

— Quan tôi không phải vừa đâu, tôi không dám tự-tiện thế. Bác muốn chóng việc, phải lên nói với quan Đô, nhờ ngài thảo trát ngay cho mới được.

Phụ cực chẳng đã, lại phải lên hầu quan Đô, thì quan Đô nói rằng :

— Việc của bác lắm sự rắc-rối, tôi vẫn sẵn lòng dúp bác, mà không thể nào dúp cho xong được ngay. Thực tôi cũng lấy làm ân-hận lắm. Song có điều này tôi nói thực : chẳng qua chỉ bởi bác ngu-xuẩn, lại

tần-tiện không phải đường. Như lúc đầu, dá bác đừng đem bản-sao lên, thì quan không sinh giận. Quan không giận thì đâu ra lắm truyện phiền lòng. Kế đây, tôi bảo bác phải lo đủ hai nghìn, bác tiếc tiền bớt lại một nửa. Thành sau cũng vẫn phải đưa nốt, mà đối với ngài vẫn không được thành-tâm. Ấy chỉ bởi thế, mới sinh ra lắm nỗi khúc-triết. Nay tôi có một kế, nếu bác thực bụng chịu nghe thì không những không phải gọi lý-trưởng lên, thêm sự phiền-phí, mà bác được rút hết những tờ chúc-thư, phân-sản, đem về nhà mà hưởng thụ, không ai dám sinh điều lôi-thôi.

Phụ mừng hỏi kế gì. Quan Đô ngài thong-thả nói rằng :

— Bác phải biện một nghìn nữa thì xong cả.

Phụ dật nảy mình, không ngờ ứa nước mắt ra, nói rằng :

— Bẩm cụ xét cho, con không phải là hà-tiện. Con đã phải bán mất bốn mẫu ruộng ; nếu nay cụ-lớn và cụ không dủ lòng thương cho, thì con hết mất cơ-nghiệp.

Ông Đô nói :

— Tôi nói thực. Bác không muốn lo thì tùy bác, tôi không ép. Những việc mới rồi, bác đã rõ, nào phải rằng tôi nói ngoa.

Phụ kêu nài khóc-lóc mãi, quan Đô động lòng thương, bèn nói :

— Thế bác bây giờ có thể lo được bao nhiêu nữa ?

Phụ nói :

— Con chẳng dám giấu cụ, thực có thể chỉ lo được năm trăm đồng nữa mà thôi. Nếu cụ không nói dúp cho, con cũng đành đối phúc cùng giời, không biết làm thế nào được nữa. Nhà con hiện chỉ còn có năm mẫu ruộng, là phần của tổ phụ để lại. Nếu con dối cụ, thì con chết theo bóng mặt giời, vì phần ruộng của con tậu sau vừa bán mất rồi. Bây giờ cụ bảo con lo thêm tiền, thì con chỉ có thể cố bán một nửa phần ruộng còn đó, một nửa kia phải lưu lại để nuôi thân và nuôi vợ con. Nếu lo đủ một nghìn nữa, thì cả nhà đến chết đói.

Quan Đô nghe biết là lời nói thực, bèn hứa rằng cố sức dúp, may ra lần này thành công.

Mà lần này thành công thật. Vì khi *Phụ* giở về, vợ chồng cắn răng viết văn-tự cầm cố mấy mẫu ruộng nữa, lấy đủ năm trăm bạc đưa vào nhà tư-thất quan, thì chính tay quan phụ-mẫu nhân-từ kia mở tủ đưa giả bản chúc-thư và giấy phân-sản cho *Phụ* mà *Phụ* luống cố công đợi chờ mong-mỏi bấy lâu nay.

Phụ mừng - rỡ, vội cầm mấy bản giấy qui-giá ấy, về đưa cho vợ. Vợ đỡ lấy, đoạn rồi vất xuống đất mà khóc rằng :

— Ối giời đất ơi ! vẻ chi mấy mảnh giấy vô dụng này, mà khiến cho kẻ làm ăn lương-thiện, tốn bao nhiêu mồ-hôi nước mắt, dãi-dầu năm nắng ba sương, mới gây thêm được dăm mẫu ruộng, để cho người mũ cao áo rộng, ngồi mát ăn dưng, vô-cố cướp sống hết cả. Ối phụ mẫu ôi là pháp luật ôi ! Thế-gian có lắm nỗi bất-bình như thế ư ! Thảm chưa ? Giời đất ôi !

Thôn Phụ vội - vàng nhặt những mảnh giấy ấy lên, rồi lại bịt miệng vợ, không muốn cho nói, sợ nỗi tai vách mạch rừng.

Danh Mâu nghe quan đã lấy của anh mình được hai nghìn rưởi bạc, vội-vàng tìm đến dinh xin vào hầu quan.

Cụ-lớn ngài cho vào, nhưng không để cho *Mâu* kịp nói, liền mắng trước rằng :

— Thằng này, bay dan ngoan đủ đường. Việc chúc-thư và gia-sản của anh em nhà bay, ta đã xét kỹ, không có sự chi là trái phép, sao bay dám thưa dan. Chiếu luật ra, bay thưa dan như thế đáng phải tội nặng. Song ta thương bay đói ăn vụng, túng làm càn, nên ta sinh phúc mà tha thứ cho. Liệu đem mặt ra sớm, kẻo chết mất sác bây giờ !

Mâu đành lui giở ra, vừa được vài bước, Cụ-lớn chừng ngài nghĩ thương tình, liền gọi giở lại, ngài mở bí da lấy ra một cái giấy bạc năm đồng, đưa cho *Mâu* mà bảo rằng :

— Ấy chỉ vì ta có chút thiện-niệm, muốn để âm-chất cho con cháu ta về sau, nên ta mới thí cho bay như thế này. Biết chưa ?

Mâu nhận rồi, lạy tạ mà lui ra.

Cảm đề.

Thật có, hay là mắc tiếng oan?
Kém năm trăm nữa, dủ ba ngàn.
Hơi đồng dà sạch mồm ông lớn,
Mặt sắt còn bia mắt thế-gian.
Cũng bởi thằng dân ngu quá lợn,
Cho nên quân nó dễ làm quan.
Đào mà đào được, nên đào mãi;
Mềm? cứng? bây giờ dất Vĩnh-an?

Tản-Đà

時事之部

THỜI-SỰ

Một sự sáng-lập khẩn-thiết

Bản-chí có tiếp một phong thư ở Nam-kỳ gửi ra, trong có một bài trích mấy số báo ở Saigon, nhờ đăng. Nghĩ như việc đây có quan-thiết cho sự học của người An-nam ta ở bên Pháp, cho nên lược phần nghị-luận mà đăng phần thực-sự như sau, để các bạn thanh-niên cùng những nhà có con cho đi du học cùng rõ.

An-nam tạp-chí

« Độc-giả quí-hữu ai cũng đã từng biết ông *Paul Monet*, xưa làm quan Ba Pháo-thủ Thuộc-địa, là một người chiến-sĩ bị thương nặng, trong sáu năm nay ông đã hiến thân ra làm việc mở-mang học-thức luân-lý cho người Annam ta, hi-sinh cả chức nghiệp công danh, tiêu-tán hết một phần gia tài lớn, thiệt hại sức khỏe của ông và cả gia-quyến. . . . .

Nay ông đã định đem cả một dinh-cơ rộng và một tòa nhà lớn của ông đã tậu từ trước ở bờ biển Địa-trung-hải để dựng cho thiếu-niên Annam một cơ-sở mà ông đã đặt hiệu là tràng « *Pháp-Việt Tu-Long* » hay là I. F. A. T.

Gọi là I. F. A. T., vì rằng lối Âu-châu hay dùng chữ tắt để hiệu trường này lập ở trong một cái vườn lớn rộng hơn một mẫu tây, có cây-cối xanh-tốt như là những bách-dương, sốt-rét, mất-cơ, nhiều thứ cây có trái, với những trúc-tre, búng-báng, xương-rồng, lô-hội, thiên-ma, phong cảnh thật là rườm-rà mát-mẻ, sáng sủa đẹp đẽ, thiếu-niên Annam trông thấy sẽ tưởng tượng như ở quê-hương mình vậy. Cái dinh-cơ đó mặt trông ra biển, cao hơn mặt biển ba mươi thước, cách một con đàng lớn quanh theo bờ biển, có giồng cây búng-báng mát mẻ đẹp-đẽ. Có một đường xe điện từ gare về qua đường ấy đỗ ngay giữa cửa trường rất tiện. Ở trường ra chỉ qua ngang con đường ấy là bước xuống bải biển, dày nước vừa nông vừa phẳng, hầu hết các mùa người ta có thể xuống tắm được mà thật là dễ-dàng chắc-chắn, chớ không có một chút chi là nguy-hiểm.

Trong vườn sắp đặt rất là có thứ-tự đẹp-đẽ: Chỗ nào cũng có để những bàn ghế ở dưới bóng cây; có nhiều sân đắp chung quanh có bao-lơn, có thể đứng dựa mình mà ngắm xem Địa-trung-hải mặt nước chân trời mông-mênh thăm-thẳm, cùng là phong-cảnh vũng biển Toulon xinh đẹp bát-ngát, nào là tầu chiến tầu ngầm, máy bay, mỗi ngày càng thêm tiến tới, đi lại dập-dìu phất-phới ngay ở trước mắt những khách phương xa đến đó ngoạn cảnh mơ màng. Cái sân đắp chính giữa rộng được 1.500 thước vuông, có nhiều bóng mát cây thông rườm-rà xanh tốt; trong sân có nhiều chỗ lót tam hiệp ở trên có đặt bàn, và nhờ khí-hậu ôn-hòa đặc biệt ở nơi đó mà mùa nào người ta cũng có thể ăn cơm ở ngoài được. Ngay giữa cửa vào có một cái máy nước xây đắp, tinh xảo là công tạo-tác cuối cùng của một nhà tạc-tượng có danh tiếng lớn hiệu là Pradier, bóng cái lâu-đài ấy chiếu thẳng xuống một cái bể xây, nước trong sáng-sủa, cá lội êm-đềm. Lại còn có những nhà bồi-bếp, đặt-địa, làm ăn, để xe, cùng là những chỗ chơi thể thao và sân đánh bóng lót xi-măng rộng-rãi.

Tòa nhà lớn để cho học-sinh ở, có tất cả 26 buồng: mỗi buồng để cho một người hay là ba người ở, bên trong bày biện trang-hoàng, theo lối phương đông, rất là lịch-sự. Trên mỗi từng lầu đều có phòng tiện nước chảy, buồng tắm rửa

máy nước vòi tắm sạch-sẽ; nhà ăn cơm thì có cửa kính rộng trông ra biển rất là ngoạn mục; có cả phòng riêng cho thiếu-niên làm buồng học v. v.., Những thiếu-niên vào trường nầy không phải bị câu-thúc như học-trò ở những nơi u-uất khó chịu, thiếu-niên sẽ được tự-do vui vẻ như tại nhà mình, và cách ăn ở tại đó sẽ được sung-sướng đặc biệt như lối các con nhà sang-trọng nhất ở Đông-pháp hay là ở Đại-pháp. Trong trường có đủ người làm việc như là những người trông nom, cai quản, làm vườn, gác cổng, nấu bếp, làm cơm, đầy tớ cần dùng.

*
* *

Ông Đốc thì chăm-chỉ cốt nhất về việc giáo-dục học-sanh; trong những lúc học-hành làm việc, hội hiệp ăn uống cùng là giải trí du quan, học-sanh phải cử chỉ đứng-đắn nghiêm-trang, không ai được làm những cách vô phép bất tiện. Chỉ có ở trong vườn và trong buồng ngủ là được nói tiếng Annam mà thôi. Thiếu-niên phải tập theo những lễ phép tây cho lịch-sự, và lại giữ gìn kính trọng cả những phong-tục quốc-túy của Annam ta; những thiếu-niên có đạo Gia-tô thì mỗi chủ-nhật đã có một ông cố đưa đi làm lễ nhà-thờ gần đấy, rồi lại đưa về tử-tế. Còn những thiếu-niên theo những Tôn-giáo cũ của Tổ-quốc thì mỗi chủ-nhật sẽ nghe ông Đốc diễn-thuyết về Khổng-giáo, Phật-giáo và luân-lý cổ-truyền. Những sự bàn luận bài-bác về chánh-trị và tôn-giáo thì có cấm hẳn. Những nhật-trình Tạp-chí gởi đến cho học-trò thì phải trình duyệt ông Đốc trước và ông Đốc có quyền ngăn cấm những thứ bất tiện.

Ban ngày thì thiếu-niên theo học các lớp ở Lycée Toulon, có người đưa đi tử-tế, những giờ học bài thì ở tại Trường nhờ có người trông nom; bữa ăn thì hội hiệp chung cả, có ông Đốc chủ-tọa hay là người học-trò lớn tuổi nhứt, Ngoài những giờ đó thì thiếu-niên được tự-do chơi ở trong vườn rộng-rãi, vui-vẻ, có nhiều sự giải trí khoẻ-mạnh như thể-thao đánh bóng.

Ông Đốc xem xét từng người, chăm-chỉ mở-mang cả đường trí-dục và đức-dục, vừa giảng dạy giúp đỡ lại, kiểm-soát trông nom; mỗi tháng người có gửi giấy về nhà cho biết rõ những nốt của học-sanh về bài-vở, về cách ăn ở, về đàng luân-lý, cùng là sức khoẻ với những chí-hướng của học-sanh. Như vậy có nhiều điều tiện-lợi cho cha mẹ để lo-liệu hậu-vận cho con cháu. Ở trong trường ấy có dạy học tư về các bài như là Pháp-văn, cách-trí, họa-hội, âm-nhạc và cả múa hát cùng cách giao-thiệp.

Mỗi chủ-nhật hay là ngày lễ có hội hiệp du-quan: ăn cơm ở những nơi phong-cảnh xinh đẹp thiên-nhiên, xem các nhà kỹ-nghệ, kho để khí-giới, các thứ tầu chiến, tầu ngầm, đi xem chớp ảnh và tắm biển, tập bơi, có người trông nom cẩn thận v. v.. Trong vụ nghỉ hè thì lập cuộc "đem lều đi chơi" trong một tháng ở tại cù-lao Paquerolles (một nơi thắng cảnh). Bốn tuần lễ đó thiếu-niên ăn ngủ ở trong lều mắc ở dưới những bóng cây thông, tam xuyên-lựu, ở một bãi biển rộng, mỗi người làm lấy "cơm ăn", lúc nào cũng có ông Đốc trông nom cẩn-thận; đó là một tháng chơi đùa thật là thỏa thích, và thở hút khí trời có hơi muối rất là mạnh khỏe. Ở gò Paquerolles cũng đưa học-sanh có đạo Gia-tô đi lễ-bái trân-trọng như ở Toulon vậy.

Khi chơi về đến Toulon, học-sinh lại mở một cuộc hội-tiết lớn thường niên, có diễn-kịch, ca-nhạc, v.v... Những bài làm trong nghỉ hè thì có xem xét cẩn-thận, nhưng chỉ chuyên cho những người cần phải làm việc thêm mà thôi.

Cơm ăn thì theo cách tây ngon lành tử-tế, ăn uống rồi-rào, mỗi ngày bốn bữa; học-sanh nào muốn ăn thêm cơm cũng được. Quần áo đã có nhà trường sai đặt và chịu phí-tổn.

Nhà trường nầy cho học-sinh ở có số hạn thôi, và cốt để cho những con nhà giàu có, tiền học-sinh phải trả đã tính giá rất sát, cũng có hơi cao hơn giá ở các trường học ký-túc, nhưng xét theo những cách-thức ăn ở lịch-sự

trong trường này thì giá ấy lại còn rẻ nhiều lắm, vì rằng nếu học-sinh tự liệu biện lấy được cách ăn ở lịch-sự như thế, thì sẽ tiêu tốn hết hơn nhiều lắm. Như vậy, cha mẹ học-trò đã hiểu rằng con mình ở trường ấy đã có đủ mọi sự cần dùng, học hành dạy bảo tử-tế, ăn ở sang-trọng sung-sướng, chơi bời thể-thao lịch-sự (chỉ trừ ra có học tư thêm hay là phải đau ốm chữa chạy thì mới phải giả tiền thêm), như thế nếu học-trò còn xin cha mẹ gửi cho tiền thêm nữa thì thật là thừa, chỉ tổ sinh hư. Vậy xin các cha mẹ có thì chỉ nên gửi thêm cho thật ít mà thôi. Vả lại những thói cờ bạc thì đã nghiêm cấm cẩn-thận lắm.

Khi học-trò có lỗi thì bị ông Đốc trách mắng tư hay ở trước mặt các anh em bạn, nếu tái phạm thì sẽ phải phạt nhốt ở trong buồng học có người coi giữ, hay là không được đi chơi. Còn khi phạm điều lỗi nặng lắm thì học trò có khi phải đuổi. Khi đó thì ông Đốc lấy vé tầu, thân hành đưa kẻ bị đuổi xuống tầu ở Marseille, dẫn xuống dưới tầu, trông coi cho đến lúc tầu chạy và điện báo về nhà cho cha mẹ biết. Vậy nên giả tiền tầu về xứ-sở phải gửi trước nhà trường, lấy biên-lai của ông Đốc, là để phòng khi đó. Nhưng chúng tôi chắc rằng sự phạt đó sẽ không xảy ra ở trong trường này, là nơi mọi người sẽ hết lòng tin yêu nhau lắm, như thể ở trong một nhà vậy.

Khi học sanh sang tới Marseille thì đã có ông Đốc đón, hay là người quản-trường đón và đưa về tận trường Toulon.

Những thiếu-niên đã học ở trường ấy, đỗ bằng Tú-tài rồi, nếu muốn theo học nữa vào các trường khác hay vào các Đại-học-đường tỉnh Aix Marseille và Montpellier, thì ông Đốc sẽ làm ơn xin giùm cho không lấy tiền. Ông Đốc sẽ tìm cho người bảo tín. Những thiếu-niên có đạo Gia-tô thì sẽ gửi ở những nhà tử-tế và cũng theo đạo ấy.

Quan-ba Monet là người bạn tốt của ta, nay sắp về Pháp để thực-hành cai chủ ý quảng-đại đó; nếu nay có ít học-trò theo ông về thì tiện lắm. Chúng tôi xin hết lòng khuyên các nhà có con cháu muốn cho sang tây học thì nên viết thơ ngay lại cho ông *Paul Monet, ở số nhà 150 đường Mac-Mahon Saigon* mà hỏi các điều cần biết và sắp-sửa ngay từ bây giờ. . . . . »

Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ

Trích ở Đông-Pháp thời-báo

Tuân lịnh quan Thống-đốc Nam-kỳ, Hội-đồng Nam-kỳ đã nhóm lại hôm thứ hai 15 Novembre, vào lúc bốn giờ chiều.

Bốn giờ 15, thì quan Thống-đốc Le Fol tới. Khi xe hơi của ngài dừng bánh cửa ngoài, thì M. Blanchard là người lớn tuổi hơn hết ở trong Hội-đồng ra đón rước.

Hội-viên Pháp cả thảy là 14 người mà hôm ấy chỉ có 13 người đến, vì M. Caussin là đại-biểu của phòng thương-mại có việc, nên gửi giấy kiếu; còn mười ông Hội-đồng Annam ta thì đều có mặt đủ cả.

Chiếu lệ, quan Thống-đốc Nam-kỳ đọc bài diễn-văn để khai hội. So theo mọi khi thì bài diễn-văn này vắn-tắt lắm.

Đọc song bài diễn-văn, quan Thống-đốc ra về; hết thảy mấy ông nghị-viên đều đứng dậy đưa theo.

Khi quan Thống-đốc ra đi rồi, thì M. Blanchard là người lớn tuổi hơn hết làm chủ-tọa; Hội-đồng bầu-cử ban viên-chức trọng yếu (le Bureau). Hết thảy là 23 người bỏ thăm mà 13 lá thăm bỏ cho M. De Lachevrotière làm Nghị-trưởng; còn mười lá thăm trắng. Thấy M. De Lachevrotière là người thù nghịch của nòi giống mình, mà được 13 người nghị-viên Pháp cử vào chức Nghị-trưởng, thì ngay khi đó mười ông hội-viên Annam ta đều cùng nhau đứng dậy rắp một lượt bỏ hội ra về.

Mấy người hội-viên Pháp cứ ngồi hội như thường và bầu-cử ban viên-chức trọng yếu (bureau).

M. Alinot được cử làm phó nghị-trưởng.

M. Joubert được cử làm thư-ký. 13 người hội-viên Pháp hiện-diện lúc bấy giờ cùng rủ nhau bầu đại luôn một người phó nghị-trưởng và một người thư-ký Annam; không thèm hỏi đến ý-kiến của nghị-viên Annam ta. . . . .

Liền khi cử bureau song, M. De Lachevrotière lót-tót chạy lên, vừa đọc vừa "rống" một bài diễn-văn của y đã đặt sẵn đâu ở nhà rồi. Có lẽ bởi ngó mòi không êm, nên y xin từ chức chánh Nghị-trưởng.

Bấy giờ 13 người hội-viên Pháp cùng nhau cử lại M. Héraud vào chức ấy.

Còn về phía Annam ta, thì khi ra khỏi Hội-đồng rồi, mấy ông hội-viên đồng đứng cùng nhau gửi cho quan Thượng thơ thuộc-địa (Paris), quan Toàn-quyền Varenne (Paris) và quan quyền Toàn-quyền Pasquier (Hanoi) bức điện-tín sau này:

« Thấy Nghị-viện Pháp đồng lòng cử De Lachevrotière, là người đã từng khêu chọc chưởi mắng dân Annam, lên làm Nghị-trưởng Hội-đồng quản hạt, thì chiều nay đại-biểu Annam đều bỏ Nghị viên ra về ráo. Chúng tôi đã hết sức nhẫn nhục; nhưng nay thấy Nghị-viên Pháp tỏ cách bất-hòa như thế, thì chúng tôi tưởng thật cũng khó lòng mà đề-huề được nữa.

10 người Nghị-viên quản-hạt »

Chuyến Hội đồng quản-hạt này kết quả thế nào chưa biết được.

Việc lụt ở Trung-kỳ

Mới ngày nào dân mấy tỉnh Bắc-Ninh, Hải-dương, Hưng-yên, Thái-Bình ở Bắc bị lụt vỡ đê, nay lại được tin lụt ở Trung-kỳ. Tuy ở Trung-kỳ bị lụt, sự tổn hại không bằng ngoài Bắc; song đối với Bắc-kỳ và Nam-kỳ thời dân Trung-kỳ nghèo khổ hơn cả, khi bình thường chưa chắc có đủ ngày hai bữa ăn thay, huống nay lâm cơn hoạn nạn thời sự quẫn-bách cực-khổ lại càng thảm-thiết muôn vàn. Việc lụt ngoài Bắc thời trên có Chính-phủ lập Hội-đồng cứu-tế, chỉnh-đốn công việc đắp đê, dưới quốc-dân có hạng thượng-lưu Trung Nam Bắc ra sức hô-hào cổ-động sự quyên tiền, tổ-chức các cuộc hát làm nghĩa để giúp đồng-bào trong lúc gian-nan. Còn ở Trung-kỳ nay mới nghe tin lụt ngập các miền trung-ương, cứ theo như lời các báo nói thời lụt cũng lớn, mùa màng súc-vật hư hại cũng không ít. Thường cứ mỗi năm xứ này có lụt, ít khi thấy Chính-phủ lập hội-đồng cứu tế như ở Bắc, chỉ khi nào có lụt dữ-dội hư-hại như cuối năm 1924 mới có Hội-đồng cứu-tế mà thôi. Vì vậy cho nên mỗi khi xứ này gặp phải cái cảnh như thế, thường xảy ra lắm sự rối trong dân-gian làng xóm, như là trộm cướp, giựt của ban ngày; lại có nhà đương dọn cỗ bàn đơm cúng thời đâu một lũ dân đói có đến bốn năm chục con người đến xin ăn; lại cũng có bọn đến bẻ trộm lúa bắp trong vườn đương giữa ban ngày, mà phần nhiều nhà cũng sẵn lòng để cho mặc sức bẻ, vì có cấm cũng không đặng. Cái nạn ấy bởi đâu mà ra, cũng chẳng qua vì bần-cùng sinh đạo tặc. Lại có người vì chịu đói rét không thấu, đến nỗi bỏ thân giữa đường giữa chợ, thảm hại vô cùng, không sao kể xiết; ai là người nhơn-đạo trông thấy mà chẳng cảm thương tâm. Ôi, cái nạn lụt ở Trung-kỳ dẫu ít mà cái thảm-trạng khốn khó của dân thời nhiều; tưởng mỗi khi có lụt cũng nên có Hội-đồng cứu-tế, họa may sự cực-khổ của dân mười phần dảm năm bảy.

Nói đến việc cứu-tế, phải trông về phần thượng-lưu hữu-tâm trong quốc-dân. Vậy ai là người có lòng yêu nước thương nòi, nên mau mau lo phương cứu giúp.

NHA-TRANG

Đoàn-trọng-Thưởng

lai-cảo.

Kỳ này vừa hết trang; các sách gửi đến cho Bản-chí, xin để kỳ sau giới-thiệu.

An-nam tạp-chí

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các Hiệu sách ở các tỉnh, Hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10°/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BAO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo: 186 đường d'Espagne

Giá báo đồng niên 8 $ 00

— — nửa năm 5, 00

Thư và Mandats gửi cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng-lý

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo an-nam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các Ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUÂN-KHOÁT

42, Hàng Đào – Hanoi

và Chi-điểm: 17 Phố Khách Haiphong

Số 9 NĂM THỨ NHẤT 1er QUINZAINE NOVEMBRE 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 1933

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP-CHÍ REVUE DE L'ANNAM

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

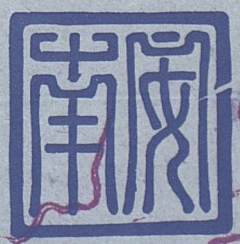

TÒA BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50-52, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

MỤC-LỤC

1 — Xã-thuyết. — *Người An-nam, tình hữu ái.*
Dư-luận. — Sao cho Hương-hào ải-hữu hội chóng thành-lập ; Đối cùng ý-kiến ông Song-Khê.
2 — Gia-đình. — *Nhời răn con của cụ Trần-danh-Án.*
3 — Văn-học. — *Hoà-bình phong-tục ký.*
Tạp-ký.
Văn-thơ.
Tiêu-diêu-du (tiểu-thuyết)
4 — Thời-sự. — *Một cụ Phan mới.*
Một lá thư của dân huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

. . . . . .

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :

từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** : Nửa năm, **2 $ 20** Mỗi số **0 $ 20**

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà gửi mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành động trong lúc ban đầu : Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 9 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Novembre 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社 說

XÃ-THUYẾT

NGƯỜI AN-NAM, TÌNH HỮU-ÁI

Xưa kia báo Hữu-thanh ra đời, lấy hữu-ái làm chủ-nghĩa, hô-hào cổ-động, rút lại không có công-trạng gì, đó thực là tội lỗi của những người có chức-việc trong tòa báo Hữu-thanh mà nhất là như tôi là người chủ-bút lúc ban đầu vậy. Báo Hữu-thanh khi xưa vô-trạng đã như thế, nay mà lại nói đến hữu-ái, chắc có nhiều người nghe lấy làm chán tai. Tuy vậy mà cái chủ-nghĩa hữu-ái thực rất cần cho quốc-dân An-nam ta, cho nên trong báo An-Nam không thể chán được mà không nói. Nay xin lại theo cái chủ-nghĩa hữu-ái của Hữu-thanh, nói về tình hữu-ái.

Ít lâu nay, trong quốc-dân ta đã nhiều người biết sự hữu-ái là cần, cho nên các hội ái-hữu thành lập đã lắm lắm; lại nhất là về việc cứu-tế dân bị lụt thời nam bắc đồng thanh, hội hát nọ, cuộc ban kia, cũng đủ tỏ cái lòng hữu-ái của người An-nam ta có khác hơn xưa vậy. Tuy vậy, cứ tĩnh tâm mà nghĩ, thời cái tình hữu-ái của người An-nam ta phần nhiều như chỉ mới biểu bạch ở những nơi công-chúng, mà hiếm thay thực-hiện trong những lúc bình-cư. Tôi nói đây, hoặc có chạm lòng những nhà làm việc hữu-ái chăng, song mà thực có như thế. Nay như một nơi công-chúng, nhà tây cao, đèn điện sáng, tiệc bầy cống-phẩm, người họp bắc nam, cái tình hữu-ái của người An-nam ta tưởng như kết giải đồng-tâm vậy. Vậy mà thử nghĩ như những ai trong tiệc đó, người là sĩ-hoạn, trong lúc bình-cư nơi ly-sở, đối với kẻ lưng đen khố rách, có hữu-ái được ít nhiều hay chăng? người là chủ ruộng, trong lúc bình-cư nơi trại-ấp, đối với kẻ cầy sâu cuốc bẫm, có hữu-ái được ít nhiều hay chăng? người là thầu-khoán, trong lúc bình-cư nơi doanh-tác, đối với kẻ khuân vôi vác đất, có hữu-ái được ít nhiều hay chăng? Thử đặt những câu hỏi như đó, mà cho những ai kia là

những hạng người ấy ngồi một mình mà tự giả nhời lấy, tưởng cũng ngượng-ngựu ngập-ngừng mà khó nói ra câu vậy. Than ôi, cái quang-cảnh tốt đẹp của người đời, chỉ là cái quang-cảnh ở mặt ngoài sân hát; trong thế-giới từ xưa thường vẫn thế, trách chi người nước Việt-Nam nhà!

Đó là cử một cái ví-dụ rất minh-bạch để ai nấy cùng rõ; còn như những sự kém hữu-ái mà làm cho ngăn-trở sự tiến bộ, xin lại kể như một hai điều:

Dân Trung-hoa đi ra ngoài, sự thương-mại có tiếng nhất thế-giới, chỉ là họ có lòng hữu-ái đối với nhau. Nghe rằng một người giầu có đối với một người nghèo, giúp vốn cho buôn bán làm ăn, nếu thua lỗ thời lại giúp cho một lần nữa; lại thua lỗ thời lại giúp cho một lần nữa; đến lần thứ ba lại giúp, nếu làm ăn lại thua lỗ thời là người ấy thật không đủ có tài buôn bán, thời từ đấy mới thôi. Bởi thế cho nên ta thường thấy có nhiều người khách sang bên ta, trước kia chỉ một cái hòm kẹo-cò phán-sớ đi bán rong, mà không mấy năm đã có một hiệu phở; người có hiệu phở, không mấy năm đã nổi lên một hiệu cao-lâu. Ấy dẫu là tại họ có tài buôn bán và tính kiên-nhẫn hơn người mình, song phần nhiều cũng nhờ ở đồng-bào họ có lòng hữu-ái mà cùng giúm-giúp cho nhau vậy. Người nước ta mà giúm-giúp cho nhau được như thế thời ít thấy. Tôi lại thấy có nhiều người nước mình, những người buôn-bán nhỏ vốn, đều nói truyện rằng: buôn-bán với người khách dễ hơn, là họ cho cất hàng về mà bán, cứ đến cuối năm mới tính sổ; như thế thời cũng như họ giúp vốn cho vậy. Bởi thế cho nên trong một hồi tẩy-chay hàng-hóa của người Tầu năm xưa, rút lại không có giá-trị gì, là cái lòng hữu-ái của người An-nam như đã có một phần trộm dấu thầm yêu với người khách. Như thế mà nào những các báo-văn diễn-thuyết còn mong cho nhau giầu, mong cho nhau khá, mong nhau những hợp-quần đoàn-thể để mong làm những việc kia khác, thời mong chi! — Tôi lại nhớ trong khi tôi làm việc báo Hữu-thanh, có một bài lai-cảo là của một ông kỹ-sư ở Hà-đông gửi đăng để cổ-động về việc lập hội chế tạo cơ - khí; khi ấy tôi đã có đăng bài văn ấy vào Hữu-thanh và lại có thêm nhời cổ-động của nhà báo, rút lại chẳng thấy có hiệu-quả gì. Nay nghĩ lại như một việc đó, không dám biết rằng cái tài-năng của mấy ông kỹ - sư ấy có thật đủ làm cái công - việc hùng - vĩ như thế, chăng; nhưng chỉ không thấy ai hưởng-ứng một chút nào, thời biết rằng cái lòng hữu-ái của quốc-dân đối với những người có tài lãnh-đạm đến như thế Như thế mà còn mong những sự văn-minh tiến-hóa thời mong chi! — Tôi lại nhớ có một người bạn, cũng là chủ ấp, từng có nói truyện rằng: « Làm nghề trại ấp này, nghĩ cũng không khác gì nghề cho vay lãi; mỗi đến kỳ thu lúa, thực cũng chỉ như đi bắt nợ vậy.» Lại nghe có nhiều người khác nói truyện rằng: tàn-nhẫn thời đến hạng chủ đồn-điền là nhất. Họ chỉ cho những người cầy ruộng của họ có thể được đủ ăn quanh năm mà xuốt đời làm đầy tớ cho họ; không những một mình làm đầy tớ mà cả nhà ổ vợ con đều xuốt đời làm đầy tớ họ; nếu có kỳ nào thiếu thóc thời đánh đập khổ-sở mà

công nợ lại tính lên. Cho nên những người nghèo khó đem thân đi làm với chủ ấp, chỉ xuốt đời đầy-tớ, xuốt đời công-nợ, mà xuốt đời vẫn là người mang ơn. Nghĩ như thế thời thực có quá hơn nghề cho vay lãi vậy. Như thế mà còn nói những sự tự-do bình-đẳng, thời nói chi! — Ôi! cái tình hữu-ái của người An-nam ta còn kém xa, cho nên con đường tiến-bộ của quốc-dân An-nam ta hãy còn bước thấp bước cao mà chỗ tới còn xa vậy.

Nghĩ như trong gia-đình, người là huynh-trưởng đối với hàng các em mà có lòng hữu-ái, thời phải tùy tài dậy bảo, tính đường gây-dựng cho mở mặt nên thân; chớ không phải là chỉ nuôi cho ấm no mà riêng để xuốt đời sai bảo, lại không phải là chỉ cứu-giúp cho trong khi túng nhỡ mà đã là ân huệ nặng-nề. Sự hữu-ái ở xã-hội, đứng vào cái địa-vị huynh-trưởng trong xã-hội, thời nên coi những kẻ ngu hèn đói rách như em trong một nhà, mà đem lòng hữu-ái cũng như thế. Như thế thời những kẻ ngu hèn đói rách đó mới có thể trông mong nhờ cậy mà tôn kính thân yêu, tôn làm đại-biểu, coi làm thượng-lưu vậy. Nếu chẳng thế mà chỉ một đôi khi nước lụt, ít nhiều tiền cứu-tế, tình hữu-ái tưởng cũng chưa lấy gì làm chứa-chan. Này hỡi ai là những người thượng-lưu đại-biểu trong quốc-dân, thử tĩnh xem các chốn thôn-quê, các nơi thành-thị, những kẻ chồng cầy vợ cấy mà ăn đói mặc rách đó, nhờ chúng ta những gì? những kẻ bán rau gánh phở mà kêu đêm rao sớm đó, nhờ chúng ta những gì? Hàng tây sang lắm thời ta mặc, cơm tây ngon lắm thời ta ăn, nhà tây cao lắm thời ta ở, ô-tô nhanh lắm thời ta đi, bao nhiêu những cái sung-sướng ở tân thời-đại, bán-khai phong-hội này, nhờ Đại-Pháp bảo-hộ khai-hóa mà chúng ta được hưởng-thụ như đó, những kẻ ngu hèn đói rách ở các nơi thành-thị thôn-quê kia tưởng đều không biết chi chi vậy. Tuy vậy mà những kẻ ngu hèn đói rách đó cứ vẫn phải coi chúng ta làm thượng-lưu, tôn chúng ta làm đại-biểu; giời bắt dại thời chúng phải dại, nhưng chúng ta nghĩ sao? Nếu chúng ta cũng đều vô học như những kẻ ngu hèn đói rách ở các nơi thành-thị thôn-quê kia thời chúng ta cũng không cần phải vấn tâm mà tự thẹn; nhưng chúng ta thực đều là hạng người có ít nhiều học-vấn, thời chúng ta nghĩ sao? Nếu chúng ta định không coi những bọn kia là người Nam-Việt, là giống Lạc-Hồng, hay chúng ta tự để mình là khách Trung-Hoa, là dân Đại-Pháp, thời chúng ta cũng không cần đối với chúng phải hữu-ái cho lắm; nhưng chúng ta thực cũng còn vẫn nhận những bọn đó là đồng-bào đồng-chủng, thời chúng ta nghĩ sao? Nếu chúng ta đừng hay nói đến những chữ *đồng-bào, đồng-chủng, tổ-quốc, quốc-dân,* thời cũng như chúng ta quên đi mà chẳng nhớ; nhưng trong những lúc cùng nhau tụ họp mà đích-cua diễn-tuyết, chúng ta còn hay cứ nhắc đến những tiếng đó, thời chúng ta nghĩ sao? Ôi, cái nghĩa hữu-ái, qui ở tình mà rồi mới đến sự; phải có sự mà rồi mới đến nghi-văn. Nếu chỉ có nghi-văn mà không có sự-thực thời cái nghi-văn ấy không có giá-trị gì; có sự-thực mà không có tình thời cái sự-thực ấy tất cũng tạp những chất giả-mạo, miễn-cưỡng, cô-tức, cẩu-thả mà giá-trị

không đáng là bao vậy ! Hiện nay chốn hạ-dân, những nỗi lầm-than, nhiều nỗi còn thảm hơn tình-cảnh nơi bị lụt ; trong xã-hội, những việc hữu-ái, nhiều việc còn to hơn cứu-tế dân thủy-tai. Mong rằng quốc-dân ta, nhất là những bực thượng-lưu đại-biểu, ai ai nấy, trước hết hãy đem một tấm lòng hữu-ái đối với nơi công-chúng mà thời thường thực-hiện trong những lúc bình-cư ; rồi sau sẽ xuy như một việc cứu-tế dân thủy-tai để cùng nhau làm các sự công ích, như thế thời cái đạo hữu-ái mới quảng-hành mà cái việc hữu-ái mới có nhiều giá-trị vậy. Nay trong bài đây, tôi truyên nói về cái tình hữu-ái các kỳ sau khác, sẽ xin lục-tục nói về việc hữu-ái. Các việc hữu-ái ở trong nước An-Nam ta, trước mong ở cái tình hữu-ái của người An-nam ta.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu.

Sách Lên-Tám

MỚI IN RA LẦN THỨ NĂM

Bán tại

Sở báo An-Nam và nhà in Đông-Kinh

HANOI

Giấc-Mộng-Con

Lần thứ hai đương in sắp song

Có xứa lại

Nguyễn-khắc-Hiếu

DƯ-LUẬN

SAO CHO "HƯƠNG-HÀO ÁI-HỮU HỘI" CHÓNG THÀNH LẬP ?

Xem bài xã-thuyết An-Nam tạp-chí số 7, có khuyên các bạn thôn-quê tổ-chức Hương-hào ái-hữu hội, không hiểu ý các bạn độc-giả thế nào, tôi đây thì rất có lòng hoan-nghênh, vì nếu hội này mà khắp trong nước ta đâu cũng tổ-chức lên được thì tiên-đồ Việt-Nam ta cũng có vẻ khả-quan vậy. Bởi thế tôi có mấy lời thô-thiển bàn sau đây để tỏ ý biểu tình, và mong rằng : "*Hương-hào ái-hữu-hội*" mau thành-lập.

Trước khi bàn về vấn-đề này, hãy xin xét về lịch-sử hương-hào ở nước ta xưa nay : Nói về quyền-thế thì quyền-thế của hương-hào không bằng các bực quan-tư, nói về học-vấn thì học-vấn của hương-hào không bằng các nhà thân-sĩ ; nhưng nói về địa-vị thì hương-hào bao giờ cũng triếm một cái địa-vị rất vững-trãi ở dân-gian. Nào mạnh lệnh của chính-phủ thì hương-hào truyền bá cho dân, nào tình ý của dân thì hương-hào thông đạt lên chính-phủ ; thế là chính-phủ đối với dân, dân đối với chính-phủ, đều nhờ hương-hào môi-giới vậy. Hương-hào nhiều ông lại có tài mẫn-cán, can-đảng được mọi việc trọng yếu, để trên giúp chính-phủ, dưới giúp cho dân. Xem như đê điều được vững-vàng, thôn ấp được yên-ổn, chẳng phải là công của hương-hào ru ? Ấy kể lúc bình-thường thì thế ; còn những lúc nước có biến-cố, dân bị lầm-than, hương-hào lại tỏ tài thao-lược để với dân cứu nước cũng có.

Tôi nói thế, chắc có người bảo là khen quá, nhưng không phải. Ông Bố-Cái-đại-vương chẳng là hương-hào ở Đường-lâm ru ? mà đánh đuổi quân Đường để cứu dân ; ông Khúc Tiết-độ chẳng là hương-hào ở Hồng-châu ru ? mà tự lĩnh Giao-châu để tự-trị ; vua Lê Thái-tổ là hương-hào làng Bồ-Vệ, mà đánh đuổi quân Minh ; vua Nguyễn Quang-trung là hương-hào trại Tây-Sơn mà đánh đuổi quân Thanh ; lại về cuối đời Lê, ông Dương-quốc-Tuấn khởi quân cần-vương để giúp vua Chiêu-thống trong khi bôn-bá, xét ra thì là hương-hào làng Dương-lâm, huyện Yên-thế. Đó là mới kể đại-lược ; nếu kể hết thì còn nhiều. Ấy hương-hào ở nước ta khi xưa như thế ; nước ta mà gọi là nước có lịch-sử vẻ-vang, phần nhiều cũng nhờ ở các bực hương-hào đó.

Hương-hào khi xưa thì thế ; hương-hào ngày nay thế nào ? Tôi dám chắc rằng hương-hào ngày nay, cũng nhiều ông có tài lỗi-lạc như các bậc hương-hào ngày xưa, chỉ vì sinh trưởng ở trong luồng không-khí truyền-chế, lại tập-nhiễm cái tục hương-ẩm cạnh-tranh, thành ra kiến-thức hẹp-hòi, tư tưởng bó buộc, mà nhân-cách mới kém các bậc hương-hào ngày xưa vậy.

Ôi ! thời-đại này là thời-đại nào ? chẳng là thời-đại dân-quyền ru ? Hương-hào là hạng người nào ? chẳng là hạng đại-biểu dân ru ? Đã là đại-biểu dân thì tư-cách dù chửa hoàn-toàn, nhưng cũng phải kha khá mới được ; thế mà cứ xem báo đăng hàng ngày về tin các ông hương-hào ta, thì thực đáng chán quá : nào ẩm-thực-hội ru ! nào cải-lương hóa cải-ác ru ! ấy là chưa kể những việc tranh dành hão, tức khí xằng mà diễn ra những tấn kịch rất đáng thương tâm vậy. Ôi ! dân-biểu như thế, thì còn mong gì mọi việc công-ích công-an.

Bởi những nhẽ đó, mà những người có lòng lo nước thương dân, không thể ngồi yên mà không săn-sóc đến các ông cho được, như là lời khuyên "*tổ-chức Hương-hào ái-hữu hội*" của An-Nam tạp-chí, cũng là lẽ thấy người ốm mà mách bảo cho phương thuốc hay vậy. Ý hẳn cũng cho là hội ấy có tổ-chức nên được, thì tình tình của các ông mới hoà-hợp lại với nhau, mà kiến văn ngày rộng, trình-độ ngày cao, trừ bỏ dần những cái tật xấu kể trên, để cùng nhau lo

toan mọi việc ích dân lợi nước. Hồn-hậu thay cái ý ấy! quý-báu thay phương thuốc ấy!

Tuy vậy, ý thì tốt thật, thuốc thì hay thật, nhưng thiết tưởng người ốm đã mê-man bất tỉnh nhân-sự, còn có thể tự đi lấy thuốc mà uống ru? Hẳn là không được. Tất phải có người dúp mới song. Xuy thế thì Hương-hào ái-hữu hội chưa có thể mong các ông hương-hào tự tổ-chức lấy được, tất cũng phải có người dúp thế nào vậy.

Vậy cứ cái ý thiển-kiến tôi thì muốn có hội ấy, trước phải gây dựng cho hội ấy có tinh-thần, ví như người làm nhà muốn dựng nhà, trước phải xây móng; như người giồng cây, muốn ăn quả, trước phải gieo hạt mới được.

Cách-thức xin kể như sau này:

Trong ba kỳ ta, xứ nào xứ ấy, trước hết các bạn đồng-chí ta cùng hô-hào nhau rồi xin phép Chính-phủ lập một cái hội tại nơi đô-hội nào đó, để làm chủ-động-lực cho Hương-hào ái-hữu-hội. Hội này tôi xin tạm đặt tên gọi là "*Quốc-dân hội,*" mục-đích hội là để giúp Chính-phủ khai-hoá quốc-dân; hội-viên thì người trong quốc-dân hạng nào vào cũng được, nhưng phải là người tốt. Các chân hội-viên và tiền chân vào hội cũng có đẳng hạng, đại-để cũng như hội Khai-trí-tiến-đức. Công việc của hội thì việc chính là làm sách, báo, tạp-chí và diễn-thuyết, còn ngoài ra thì đều là việc phụ.

Làm sách thì dùng cách đặt giải thưởng, để người làm sách chịu gắng sức làm lấy sách hay, người trong hội hay người ngoài hội, ai làm cũng được. Báo và tạp-chí thì đặt riêng một tòa, người trong hội hay thuê người ngoài làm, hội đều giả lương. Diễn-thuyết thì khi diễn tại hội-quán, khi thì đi tra các tỉnh, các phủ huyện, mà sự đi thì nên nhiều hơn, vì muốn cho nơi thôn-quê chóng được tiến-hoá. Người diễn-thuyết thì hội chọn lấy những người học rộng, biết nhiều truyện, làm diễn-văn và luân truyền nhau đi các nơi thôn-quê diễn-thuyết, khi đến phủ huyện nào thì nhờ quan sở-tại đấy, sức cho hương-hào cùng mọi dân-đinh đến dự thính cho đông. Diễn-văn tuỳ lựa những vấn-đề nói về phận-sự dân đối với nước phải thế nào, dân có những quyền-lợi gì ở trong nước, và mọi vấn-đề thuộc về công-ích như lập trường học, lập sở giảng báo, lập nhà hộ sinh, lập xưởng kỹ-nghệ, vân vân, mà cần nhất là cách tổ-chức Hương-hào ái hữu-hội. Những người diễn-thuyết cũng ăn lương của hội như mọi người làm các việc kia. Trong một năm thu được tiền sách báo và tạp-chí thì trừ tiền ấn-loát, tiền giấy và lương của mọi người làm đi, còn thì sung vào công-quỹ hội để làm mọi việc công-ích.

Đó là phác qua cái tôn-chỉ và công việc hội đại-khái như vậy, chứ chửa phải là ấn-định; nếu được đồng-bào tán-thành thì khi lập hội sẽ lại bàn kỹ.

Khi hội đã thành-lập, thì hội theo tôn-chỉ mà làm, nào sách, nào báo chí, nào diễn-thuyết, tuy mỗi cơ-quan khác nhau mà cùng là cái máy khai-hóa quốc-dân, thì ta nên vận-động luôn, không để cho lúc nào giián-đoạn. Nếu như thế, thì dân-trí chẳng bao lâu mà khai-thông; dân trí đã khai-thông thì các Hương-hào ái-hữu-hội còn khó gì mà chẳng tổ-chức nổi. Thế là Quốc-dân-hội tạo thành ra Hương-hào ái-hữu-hội vậy. Quốc-dân-hội đã tạo thành ra Hương-hào ái-hữu-hội thì các Hương-hào ái-hữu-hội tất phải coi Quốc-dân hội là ân-nhân mà báo đền lại bằng cách tiêu-thụ sách và báo chí, mà Quốc-dân-hội cũng thịnh-vượng thêm lên. Hai đẳng đối với nhau có một cái quan-hệ rất mật-thiết, như thế thì cái giây liên-lạc tất bền, cái máy hô-ứng cũng nhậy, vô số đoàn-thể nhỏ họp lại thành một đoàn-thể nhớn, mà sinh ra sức mạnh vô cùng. Tiền-đồ Việt-Nam ta chẳng khả quan lắm ru? Ấy cái lý-tưởng dùng Quốc-dân-hội để dẫn khởi Hương-hào ái-hữu-hội, sự kết-quả có như thế.

Nhưng đó là vì cái lòng "ước mong Hương-hào ái-hữu-hội mau thành-lập" mà phát ra nhời bàn thô-thiển ấy, chưa chắc đã là phải; nên chăng thế nào, xin chất chính cùng hải-nội chư quân-tử.

Song-Khê Nguyễn-khắc-Nhu

ĐỐI CÙNG Ý-KIẾN ÔNG SONG-KHÊ

Ông Song-khê viết bài trên đây, câu cuối, ông có rộng cho rằng : « *nên chăng thế nào, xin chất-chính cùng hải-nội chư quân-tử.* » Tôi tuy không dám tự liệt vào hàng hải-nội quân-tử, song cũng vì một chút nhiệt-tâm mong cho « *Hương-hào ái-hữu-hội chóng thành lập,* » mà xin có ý-kiến đối cùng ông.

Trước khi đem ý-kiến đối cùng ông, về phần riêng, tôi xin cảm tạ rằng ông đã biểu đồng-tình cùng tôi ; về phần chung, tôi xin kính phục rằng ông có nhiệt-tâm với xã-hội. Còn như ý-kiến đồng dị, xin rãi như sau đây :

Ông Song-khê luận về hương-hào mà bảo rằng cái địa-vị rất vững-trãi ở dân-gian, cùng là nói về những công trạng của hương-hào trong những lúc bình-thời và những khi biến-cố, ông lại lược kể những bực danh-nhân trong hương-hào ở lịch-sử mà biểu dương ra như đó, thực là sác-đáng chính-đại, có giá-trị ở trên trường ngôn-luận vậy. Tuy vậy, bổn-ý ông Song-khê là « *mong cho Hương hào ái-hữu-hội chóng thành lập ;* » mà đại-ý của ông trong bài đây là « *muốn lập Quốc-dân-hội để dẫn khởi Hương-hào ái-hữu-hội* » ; như thế thời sợ rằng hai cái ý của ông lại tự phá-hoại nhau. Hoặc là ông chưa xét rõ cái tình-trạng ở trong xã-hội ta hiện nay, cho nên có chỗ sai nhầm mà muốn chóng lại thành ra để chậm vậy.

Ông Song-khê muốn lập *Quốc-dân-hội mục đích là để dúp Chính phủ khai-hóa quốc-dân ; hội-viên thời hạng người nào trong quốc-dân vào cũng được ; công-việc chính của hội thời là làm sách, báo, tạp-chí và cắt người diễn-thuyết.* Quả như thế mà làm được cho xứng ý, thời dẫu không có Hương-hào ái-hữu-hội, mà nước nhà cũng đã có lắm vẻ khả-quan ; nhưng thực là một sự chưa có thể, dẫu nói đến cũng chẳng qua chỉ để đó mà thôi. Nay ông thử nghĩ như muốn lập một cái hội mà làm các công-việc như thế thời phải có số tiền là bao nhiêu ; tôi tưởng số tiền ấy hẳn cũng không ít mà thu được cũng không dễ. Lại từ khi hội *Ích-hữu-thư-xã* thất bại, làm bại-hoại cái lòng vi-thiện của xã-hội thực nhiều ; sau khi đó, ngl e đến tiếng "*hội,*" thiên-hạ hãi như hổ. Đến nay lại muốn chiêu-tập lấy tiền để mà làm những công-việc như thế, nghĩ chẳng là không có thể lắm ru ? Ông Song-khê lại bảo rằng: « *các chân hội-viên và tiền chân vào hội, đại-để cũng như hội Khai-trí-tiến-đức.* » Vậy thời ông không rõ rằng hội *Khai-trí-tiến-đức* mà thành lập được, mà đứng được cho đến bây giờ, là ở trong có một cái thế-lực đặc biệt ; tuy vậy mà thường vẫn có nguy-cơ, cho nên những người sáng-lập chủ-trì trong hội ấy mới phải bầy ra những cách ăn chơi, như rượu trè, cờ bạc, dầu đĩ, hát xướng, để thu phục nhân-tâm cho bền cơ-sở hội. Ôi, thu phục nhân-tâm bằng những cách ăn chơi như kia, mà mong làm những việc mở trí khôn, tiến đức tốt cho đồng-bào, nghĩ cũng trái lắm vậy ! Thất bại thời như hội *Ích-hữu thư-xã*, thành lập thời như hội *Khai-trí-tiến-đức*, đều chỉ là quấy hòi bôi nhọ cho quốc-dân. Xem như thế thời biết rằng trình-độ người an-nam ta hiện nay, chưa đủ tư-cách mà lập thành một cái hội để làm những công-việc như thế ; dẫu có lập ra nữa, cũng lại chỉ để cho những kẻ nào khôn-khéo tùng trung lợi dụ đó mà thôi. Theo như ý-nguyện ông *Song-khê* thời có chăng phải đến mươi mười lăm năm về sau mới có thể có được cái hội như thế ; hội *Hương-hào-ái hữu* lại phải nhờ vào hội đó dẫn-khởi mới thành lập, như thế thời lại chậm là bao nhiêu. Ông Song-khê là người nhiệt-tâm với xã-hội, mà tình-trạng của xã-hội thời ông chưa để ý xét tường, đáng tiếc vậy !

Nói về *Hương-hào ái-hữu hội*, ông Song-khê bảo rằng : « *chưa có thể mong ở các ông hương-hào tự tổ-chức lấy được,*

tất phải có người dúp thế nào. » Câu nói đó tựa cũng có nhẽ. Nhưng gọi là "*dúp*" thời chỉ dúp về các công-việc tổ-chức mà để các ông hương-hào tự đứng ra lập hội, như thế thời phải hơn, mà sự-thế cũng có thể làm lắm. Ở trên ông đã nói rằng : « *Hương-hào ngày nay, chắc cũng nhiều ông có tài lỗi-lạc* . » Vậy thời lấy cái tài lỗi-lạc mà mong làm như các bực hương-hào trong lịch-sử, như ông Song-khê lược kể đó, như thế mà bảo rằng khó thời tôi không dám biết ; chớ như chỉ cùng nhau lập cái hội hữu-ái, mà ông ví như " *những người Ốm bất-tỉnh tự đi kiếm lấy thuốc,*" câu đó thời thực có quá vậy. Cứ bình-tình nghĩ ra, hương-hào ngày xưa so với hương-hào ngày nay, tất-nhiên trình-độ còn kém xa ; những bực danh-nhân trong hương-hào ở lịch-sử mà ông Song-khê thuật ra đó, nghìn thu có được mấy người. Nếu biểu-dương những người ấy mà bảo rằng hơn hương-hào ngày nay, thời tưởng phàm các hạng người đều có thể đem mấy người cổ-nhân mà nói như thế cả, cứ chi một hạng hương-hào ru? Ông Song-khê nguyên vì yêu các ông hương-hào mà mong cho Hương-hào ái-hữu-hội chóng thành lập, song mà ông có ý khinh các ông hương-hào quá, cho nên ông tính có sai nhầm mà cái muốn chóng thành ra muốn chậm vậy.

Cứ ý tôi đối với một việc này, chỉ mong rằng trong các bạn hương-hào, có một vài người đứng ra trước, rồi rủ các *người đồng-chí sau, năm người cũng là hội,* ba người cũng là hội, trước ít rồi sau đông, trước nhỏ rồi sau nhớn, cốt gây lấy hương-hào ái hữu-hội cho thành lập, rồi các sự công-ích ở chốn thôn-quê thời tính sau. Như thế thời mới là « *muốn dựng nhà, trước xây nền,* » theo như câu nói của ông Song-khê vậy. Ông Song-khê nghĩ sao? các ông hương-hào nghĩ sao? các quân-tử trong xã-hội ta nghĩ sao? Sao cho Hương-hào ái-hữu-hội chóng thành lập !

Tản Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Hài-đàm

Hai sự không lịch-sự

Tòa báo hay nhắc tiền những người mua năm,

là sự không lịch-sự.

Người mua năm chậm giả tiền,

cũng là sự không lịch-sự.

Đó là hai sự không lịch-sự.

Một người mua năm đã giả tiền

lai cảo.

社會之家庭說

GIA-ĐINH

NHỜI DẶN CON CỦA CỤ TRẦN-DANH-ÁN

Cụ Trần-danh-Án là Tiến sĩ đời Cố-Lê, là một vị bề-tôi tiết-nghĩa. Bài này của cụ nguyên là Hán-văn, nay dịch ra quốc văn.

Cụ ông xưa, năm mươi mốt tuổi mới có ta; lúc ta trưởng thành, thời cụ không được trông thấy. Ta từ khi nhờ sức học làm nên khoa-bảng, liền đem thân mà đua đuổi với nước nhà, lộc chúa ơn trên, chưa được một ngày hưởng-thụ; phong-trần nửa kiếp, tang tử một giời ăn mặc nhờ người, ốm lo xuốt tháng; nhà thờ không được chút hương lửa, mẹ già không được chút ngọt bùi: vợ yếu con thơ không được chút trông mong nhờ cậy; xét như ta ăn về hồng-phúc thì thư thật cũng ít-ỏi lắm vậy. Nhưng ta bình-sinh chẳng có sự gì quá ác, hoặc-giả ông xanh xét đến, còn thương đoái mà hậu-hỹ chút nào chăng. Hiện nay máu đào để lại, còn một mình mày; cái giòng xiêm mũ ba đời, muốn cho sau được khỏi tắt rưt, trăm năm trông cậy vào ai? Nghĩ như mày, kể tuổi cũng đã nhớn, trải đời cũng đã nhiều, bao nhiêu mùi cay vị đắng của ta, mày vẫn nếm chung tất cả, nếu kẻ làm con biết nghĩ, tất phải đau lòng xót ruột mà gắng sức cố công, mong sao mình dựng lấy mình, cho được yên lòng cha mẹ: nỡ nào mà chẳng tưởng lập thân lập chí, chẳng buồn nhắc chân nhắc tay, ăn no ngủ say, suốt ngày chẳng lo-lắng chi cả. Xưa nay trong thế-gian, những người nuôi được miệng, nuôi được vợ con không đến nỗi rét áo đói cơm mà chết, xét ra cũng có nhiều cách: hoặc là học-hành thi đỗ, trông về ngòi bút cái nghiên, đó là bực nhất; hoặc cầy cấy giồng-dọt, trông về sào ruộng thước đất, đó là bực thứ hai; hoặc là làm thầy làm thợ, làm nghề buôn, trông về chân tay đó là bực thứ nữa. Nếu mà không thế, vải không dệt mà có mặc, lúa không cấy mà có ăn, tất phải có ruộng cả ao liền, tiền dương thóc đống của cha ông để lại. Lại không thế nữa, tất phải tài chui cúi, khéo dình mò, hoặc làm đứa ở thằng hầu, hoặc làm quân cướp kẻ trộm thời mới khỏi phải chết đói chết rét. Vậy thì mày thử nghĩ xem, từ bực làm ruộng cho đến bực kẻ trộm, mày có thể chọn được một nghề mà làm chăng? Ta chưa từng thấy có người rào tài không có, học không có, của nả không có, vốn liếng cũng không có, lại ăn lười làm biếng, tay vụng chân bèn, lêu-lổng ngông-nghênh, ông chẳng ra ông thằng chẳng ra thằng, học chẳng hay, cầy không biết, chùng-chục một khối thịt như đứa trẻ chưa biết cười, thế mà nuôi được thân và nhà bao giờ. Nay ta còn sống, dẫu chưa chắc mày đã khỏi cơ hàn, song có cơ hàn cũng chưa tệ lắm; nhưng mà ta đã già yếu, cái chết cũng sắp đến nơi, không biết sau khi ta nhắm mắt rồi, mày sẽ nhờ cậy vào đâu? mà ta trông mong vào ai? Hiện nay cơi nghiệp nhà còn được những gì? Một khu vườn rậm, nửa mẫu ao tù, đó là tất cả cơ-nghiệp vậy; nếu đem mà cầm bán, phỏng được mấy tháng nuôi thân? Vả lại vì sự nuôi thân trong mấy tháng, mà để cho tiên-tổ mất nơi nương bóng, vợ con mất chỗ chú chân, như thế nghĩ thật là không được. Vậy thời dùng cách gì? Tìm kẻ quen thuộc mà năn-nỷ kêu xin, tìm nghề bèn mạt mà kiếm ăn lần-hồi đều không thể song cả. Mùa màng có năm được năm mất, cuộc đời có khi họp khi tan, đến lúc bấy giờ tất chỉ có "chết đói" thôi vậy.

Nhưng chết đói cũng là sự nhỏ, chưa thật xấu lắm; làm người mà đối với nước đã không danh tiếng, đối với làng chẳng có công ân, sống thì khụt khịt với lũ đen đầu, chết thì thối nát cùng loài cây cỏ. Than ôi! người mà đến thế thời dẫu no mà chi! ấm mà chi! trường thọ mà chi! cái sác thịt lù-lù bẩy thước đó đội giời đạp đất mà làm chi! Huống chi buổi đời nay, người tử-tế thì ít, người bạc ác thì nhiều, nói không giữ thời bị lừa, làm vô ý thời mắc tội, vạ khó biết mà chánh, phúc khó biết mà cầu, ở vào đời nay mà không khôn, khó mà giữ được tính mạnh. Những kẻ con cháu bất tiếu, thế-gian thường vẫn chê cười, mà nghĩa chữ « *bất tiếu* » là thế nào? là không nối được nghệ-nghiệp của tiên-tổ ông cha đó mà thôi. Ôi, con cháu vô phúc mà đến nông nỗi như thế, thì chẳng những đeo xích đội gông, tan nhà mất xác, mới là nhục tổ tiên; ông cha chẳng may mà có con cháu như thế, thì chẳng cứ chết không ai chôn, rỗ không người cúng mới là hết giống nòi. Người mà đức hạnh không đáng tôn, dáng điệu không đáng kính, ngoài thì quan lại dọa nạt, trong thì họ mạc mỉa mai, cả đến những kẻ lưng cao khố đen vai u thịt bắp trong xóm làng cũng vì sự cả cánh dầy vây mà coi làm bằng vai ngang lứa. Người ta trông thấy trỉ vào mặt mà bảo nhau rằng: « Ấy con ông ấy đấy, ấy cháu ông ấy đấy; cái mạnh gia thế thi thư của nhà ấy có nhẽ đã hết hay sao? sao mà sa-sút đến thế! » Như vậy tức là nhục tổ tiên; tức là mất nòi giống đó vậy. Mỗi khi ta nghĩ đến đó, xuốt đêm canh-cánh lo-phiền. Lo về sự gây dựng, trước cha ông bao nỗi gian-truân; lo về đường nối theo sau con cháu nhiều điều xuy đốn. Thế mà mày vẫn không biết tự-xét ru! Ta dẫu tài cao tinh phiếm nhưng mà mỗi lúc dụng tâm nghĩ ngợi, thường thường quên ngủ quên ăn, sớm khuya săn-sóc: lắm lúc mải ngồi xón đái, ăn song quên nước; nội trong năm kinh bốn truyện, ngắt nhặt chẳng sót đâu, sao chép đã hồ khắp, cả đến nội-kinh ngoại-khoa, sách thuốc sách bói, các sách giậy về nghề vặt, không thứ nào mà không ra sức dùng công. Nay dẫu già yếu lề-mề, mà vẫn tay không rời sách, trong lòng đau đáu chỉ sợ số tuổi không đủ cho việc làm. Thế mà đức-nghiệp vẫn chẳng hơn ai, là tại tính ta như nước thủy-triều, lên thì chóng mà xuống cũng chóng. Huống chi như mày, tài-bộ so với ta, mười phần mới có ba, chí-nghiệp so với ta trăm phần chưa được một. Như thế còn mong chi! Cụ ông xưa chín tuổi đã bồ côi cha, nghìn rặm theo thầy đi học chiếc thân cô độc, trăm nỗi đắng cay, thế mà làm được vẻ-vang cha mẹ, lừng-lẫy thân-danh, phúc-ấm để mai sau con cháu ấy cũng tự có chí thì nên đó, ai là người nhắc-nhỏ khuyên bảo cho. Ta sinh trưởng ở nhà phú-quí, những vẻ phồn-hoa xa-xỉ trơi-bời ở trước mắt, cụ ông thì mình già tuổi tác, dậy bảo chẳng được là bao; về phần văn-chương, ta chỉ lần theo lối cũ; về phần nghĩa-lý, cũng là nghiền-ngẫm tự bụng riêng. Thế mà không đến nỗi đánh đổ nền thi lễ của tổ tôn, có phải chỉ dùng tài-khí xoay-xỏa mà thôi đâu, cũng do ở lập chí cao mà dùng công khốn-nạn vậy. Mày nay mới ra đời gặp ngay lúc đất nước tan-tành, cửa nhà xa-xút, khó-khăn hết tháng; quẫn bách quanh năm, cái đó tuy là chẳng may, mà chính cũng là một sự rất may vậy. Nghĩa là không có tiền của đâu mà muốn chơi bậy chơi càn, ham thanh mê sắc, thời tính-tình không phóng-đãng, tai mắt không ù-lòa, cái cơn lo sợ nghèo hèn, chính là lúc thợ giời tô điểm khách mày râu, mà cũng là lúc chí-sĩ đắp xây nền sự nghiệp. Cho nên sách Chu-dịch diễn trong ngục tối (1), bộ Hán thư biên ở nhà tằm (2); coi đó biết các bực hiền thánh ngày xưa, làm nên công nghiệp nhớn, văn-chương hay, phần nhiều do ở lúc hiểm-nghèo hoạn-nạn. Nay mày tuy khốn quẫn, nhưng còn có sách vở đủ học, còn có khuôn phép đủ theo ta dẫu già yếu, còn có thể cùng mày trải chuốt nhời văn, dùi mài nghĩa

(1) — Ông Văn-vương khi bị vua Trụ giam ở ngục Cửu-lý, diễn ra sách Chu-dịch.

(2) — Ông Tư-mã-Thiên khi bị tội giam ở nhà nuôi tằm, làm ra pho sách Hán-thư.

sách. So với ta và cụ ông thủa trước thời cái địa vị mày còn dễ hơn nhiều mà công phu cũng không khó lắm ; cớ sao nó đã rát hầu bỏng cổ, mà mày vẫn không cố-kỉnh chút nào. Ta xét mày không phải là kẻ cam chịu hèn kém cũng không phải là đứa bảo chẳng ăn nhời, cái tội chỉ có lười thôi vậy. Ngày nay long-đong, ngày *mai bận-bịu*, ngày nay chưa thể làm việc, ngày mai hãy tạm nghỉ-ngơi, muốn cố học hành để ngày khác cũng chưa là muộn ; rồi đến ngày khác cũng tìm cớ mà thoái-thác như xưa. Ôi ! có một bệnh đó, gần nửa đời rồi mà vẫn không sao chữa khỏi ! Mày thử nghĩ từ khi mày nói những câu thoái thác ấy đến nay đã được mấy năm, là cái lúc học-hành của mày còn đợi đến ngày nào nữa ? Người ta sống ở trên đời, trường cửu là 70 tuổi, trong 70 tuổi đó, cái ngày dùng sức về sự học chẳng qua từ năm 15, 16 đến năm 25, 26 tuổi mà thôi. Thánh-hiền thủa xưa, hoặc quí thì-giờ, hoặc tiếc bóng nắng, trong lòng canh-cánh chỉ sợ cái già đến sau ; huống chi những người tư-chất bình thường, mà nỡ bỏ liều cho ngày tháng hao mòn, thì còn làm được việc gì nữa ! Ông Chu-khảo-Đình nói rằng : « Chớ bảo ngày nay hết, lại có ngày mai chớ bảo năm nay hết, lại có sang năm. » Ông Trần-kế-Nho nói rằng : « Cái thân trong một phút sau, không phải là thân trong một phút trước. » Qui thay mấy câu nói đó ! thật là thuốc chữa bệnh, kim chỉ phương của kẻ học-giả vậy. Mày nay đã 21 tuổi, chẳng mấy chốc mà đến 30, ruột gan nghĩ-ngợi những gì ? học hành tấn-tới được ..: bao ? Mày chắc trong mình mày sau này làm nên thế nào ? Sự-nghiệp của Cụ ông và ta đành không thể mong được, tài đức của các bực anh-tuấn trong đời, đành không thể mong được, so với những người chưa có tiếng ở trong bè-bạn, thì mày đọ được cùng ai ? Nếu người khác nghe những câu đó, tất phải chau mày mà nghĩ, sốt ruột mà lo, ứa nước mắt, toát mồ hôi mà kinh mà thẹn. Tại vì sao ? Ngày tháng qua rồi, đã khó lấy lại ! thì giờ sắp tới, cũng chẳng chờ ai. Sao mày không nghĩ lại một đôi chút vậy ! Nếu mà mày biết nghĩ lại cũng còn vừa kịp. Nghĩa là mày tuy nhớn mà chưa già, tuy túng mà chưa đói ; sự học nếu sao-nhãng, ta gấp sức mà dùi-mài ; tư-chất nếu thấp hèn, ta cố học cho tấn-tới ; chí-khí dù có non yếu, ta khua động tinh-thần cho thêm hăng, số mệnh dù có gian truân, ta trao giồi chí-khí cho hăng-hái ; người dùng sức một, ta dùng sức trăm ; người dụng công mười ta dụng công nghìn ; tâm-chí cầm cho bền, khoá trình giữ cho đúng ; ngặt như phép Thương-quân, dẫu chết chẳng phạm ; nghiêm như lệnh Tôn-tử, chỉ tiến không lui, vậy : có khi đen khi đỏ, mà học đừng vừa học vừa chơi, thân có lúc yên lú nguy mà bụng chớ khi xiêng khi nhác : cả đến lúc ngồi lúc đứng, lúc nói lúc làm, lúc lật đật, lúc vội-vàng, một khắc chớ bỏ qua nửa giờ đừng để phí, cố công cùng sức mà nghĩ-ngợi trong ba năm may ra cũng đã nên vẻ ; còn về từ đó mà đi, thì ta không thể biết đến nữa. Ôi, khi mưa khi nắng, tiết giời bất thường, lúc thịnh lúc xuy, vận nhà khó chắc, rồi ra họ hàng làng xóm, nhiều việc lôi-thôi, nhà cửa vợ con, lắm bề vương vứu ; nào cảnh nghèo hèn, cơn hoạn nạn nào tình đói rách, nỗi ốm đau, đều có thể làm cho rối tinh-thần, loạn tâm-chí ; tuổi một ngày một nhớn, học càng ngày càng cùn, hèn yếu chút thân, ngổn-ngang trăm việc, dẫu có sào đồng cột đá còn lo chống chế không song, thời còn thì-giờ đâu mà nghĩ đến sự học ? Gia cho lúc bấy giờ mày có tỉnh ra mà biết nghĩ chăng nữa, nhưng cũng học trước quên sau mà thôi. Nay ta đương lúc bồng-bềnh lưu-lạc, thương mày lênh-đênh, mong mày tấn-tới, rút ra một đoạn tâm-huyết mà bảo mày, tuy rằng chưa chắc mày đã nghe, nhưng mà cái đạo làm cha phải như thế ! Nếu mà giời còn thương lại, mở lòng khai khiếu cho mày, khiến mày nghe mà biết nghĩ, biết kiếp trần-ai là thấm-thoát, biết lòng cha mẹ rất trông mong, như chết mà hồi, như mơ mà tỉnh đó là giời ngặt với ta mà rộng với mày cái đó mày cũng có phận. Nếu ta nói đến thế mà mày vẫn không ăn nhời, thời cũng là tại giời, tại mệnh, tại cái quả-báo về nghiệp văn học của ta ; ta cũng chẳng trách chi mày vậy.

Ngô-tất-Tố dịch

文學之部

VĂN-HỌC

HÒA-BÌNH PHONG-TỤC KÝ

Tham tri lĩnh Hòa-Bình Tuần-phủ

ĐINH-CÔNG-THỊNH

soạn

(*Tiếp theo và hết*)

Những người chức-dịch dân mường. — Người mường, kỳ-mục thì tất là *cai xã, cai chung, cai nhưng, cai hầu, cai kho,* những chức này trông nom tất cả công việc trong nhà quan lang. Cai kho thì coi về việc làm ruộng và thóc gạo cho lang, tức là người giữ kho; cai-giáp và *chấu-chiếng*, tức là anh phần tau, làm việc cùng với chánh, phó-lý; *ấu-bố*, hễ mà vợ lang sắp sinh nở thì ấu-bố đón về nhà cho bà lang sinh nở. ấu-bố và bà bố chỉ nuôi con lang ở trong nhà một tháng hay là hai tháng, tnấy con lang mạnh bú sữa, tốt-đẹp cứng-cát, rồi mới đưa con lang và bà lang về nhà lang. Khi con lang trưởng thành, thì dân và bà bố đi lấy vợ cho, khi đón dâu về thì vào nhà bố trước, ở nhà bố một hôm hay là hai hôm, trọn được ngày giờ tốt thì ông bố, bà bố mới đưa dâu về nhà lang.

Con gái lang trưởng-thành đi lấy chồng, khi rể mới đến dẫn của cưới, cũng phải vào ở nhà bố; thảng hoặc bố mẹ lang qui tiên, thì chính ông bố tay hữu phải cầm một cái dao, đứng lên trên cửa sổ sẵn; thầy mo chọn được giờ tốt mới động tiếng (tức là khóc), chính ông bố cầm bên sống dao đánh vào bạo cửa, kêu giời ba tiếng rằng: «*Lang* (hay bà *Lang*) *tôi chết*!» thì con cháu mới được khóc sau. Thảng hoặc ông bố hay bà bố chết, thì lang phải để trở và làm ma cho ông bố, bà bố, vì ông bố bà bố có công nuôi-nấng. Năm nào cứ đến gần tết, thì bố phải mang lợn gạo đến để làm vía cho lang. Thảng hoặc ông bố bà bố lỗi chái với lang thế nào mặc lòng, nhưng lang không được cách ông bố bà bố, là vì có nhời nguyền từ xưa; nếu cách bố thì nhà lang không hay.

Con gái ông bố bà bố tốt đẹp đến đâu mặc lòng, lang không được lấy làm vợ.

Ông bố và những chức kỳ-mục trên này thì lang đều cho mỗi người một phần ruộng là ruộng của lang cho.

Việc hiếu của dân mường. — Tục dân mường làm ma cho bố hay mẹ, khi bố hay mẹ mới mất thì cũng phải đón thầy mo ngay; thầy mo đến, trước nhất chủ nhà phải đặt bàn lễ thánh-sư; ông mo cúng thánh-sư, rồi chọn được giờ tốt mới cho động tiếng. Khi động tiếng thì bắn ba phát súng để quán chúng; quan-tài thì làm bằng gỗ tròn, làm hai mảnh, mảnh trên mảnh dưới, đục ở giữa, mảnh trên mảnh dưới ghép vào mộng liền như một, và cái trên lắp xuống cái dưới. Khi quan-tài những người Mường đã làm song, khiêng về nhà gác, ông mo chọn được giờ tốt để làm lễ nhập-quan thì tay tả vác thanh gươm lên vai, tay hữu cầm cái chuông, rồi rung chuông, lại cầm một cành lá nánh (tức là cây xã-

nhân), làm phép vào cành lá nhánh rồi quét vào quan-tài mà khấn rằng: « Những bóng vía con cháu, họ hàng, làng nước, cùng là thợ đục thợ trạm ở đâu, thì phải ra tất cả; bóng vía ma đâu thì vào. » Ông mo quét ba lần ở trong quan-tài song rồi, thì con cháu họ hàng mới để bông tơ giải khắp lòng dưới quan-tài, rồi mới nhập quan. Con cháu đặt dường thờ, thờ cơm nước như là khi sống, ít ra cũng là một năm hay là hai năm để quan tài trong nhà. Khi nhập quan song thì gia-chủ làm thịt trâu hay là lợn để ông mo cúng vong-hồn, khi ấy ông mo vác gươm đứng dậy rung chuông, bảo vong-hồn rằng: « Mặt giời cầm sổ cho thôn chẳng rạng, cầm trạng cho thôn chẳng lành; đã chết nên ma hôm nay (tức là thầy mo bảo vong-hồn rằng trên thiên-đình đã chấm sổ chết đấy rồi.) Ông mo lại thỉnh thánh-sư đem vong-hồn đi nhìn lấy tướng, nhìn lấy họ lấy hàng cho đủ. (1) Khi làm lễ song thì tất cả họ hàng phải ra lậy thánh-sư và ông mo rồi mới được ăn uống. Con trưởng và nội-tộc thấy kỳ-mục và dân làng ngồi vào mâm cơm thì phải đi lạy tất cả, để báo hiếu cho bố mẹ; khi kỳ-mục dân làng ăn uống song rồi, thì con cháu nội-tộc mới được ăn, mà những con cháu họ hàng khi ăn thì rải lá vào cái nong, để đồ ăn lên trên, mà phải ngồi ở phía dưới linh-cữu, chứ không được ngồi ăn ở chỗ khác. Nhà có thì làm lễ ba hôm, nhà không có thì làm lễ một hôm hay là hai hôm, song rồi thì dân làng và thầy mo mới về. Kể từ hôm mất đến 10 ngày, 20 ngày, 50 ngày, 100 ngày, những ngày ấy đều phải làm thịt lợn hay là thịt bò để làm giỗ cả. Khi ấy đều phải đón ông mo đến làm lễ cúng cho vong-hồn, chứ con cháu không được cúng. Thảng hoặc để quan-tài thờ trong nhà một năm hay là hai năm, gia-chủ lo được đủ đồ làm ma, như là nhà xe, nhà táng và quan-tài bọc ba lần vải lây, và sắm sửa đủ cả lợn gạo trâu bò, mời cả dân đến giúp việc hiếu, lại đón ông mo đến. Bắt đầu ông mo cúng Thánh-sư, rồi ông mo vác gươm cầm chuông, đứng dậy thỉnh thánh-sư đem vong-hồn lên giời, để ông thánh-sư tâu với Ngọc-hoàng xin tha các tội lỗi cho vong-hồn, rồi ông mo lại cúng để đưa vong-hồn về. Khi làm lễ cử-hành nhắc linh-cữu đi dọc đường, lúc nào cũng bắn súng; đến khi hạ huyệt, lại bắn ba phát súng nữa, rồi lấp đất. Song rồi rước vong-hồn về thờ ở nhà, con cháu mỗi ngày phải bưng cơm ra đặt ở mộ, ngày hôm thứ nhất thì đặt ở gần mộ, ngày thứ hai thì đặt ở nửa đường, ngày thứ ba thì đặt gần nhà thì thôi. Để trở đủ ba năm rồi làm lễ mãn tang. Khi làm lễ mãn tang, thì phải có trình rượu cần, cắm que vào; thầy mo mặc áo đội mũ đứng dậy, mà con cháu thời quàng áo tang, không mặc, mà phải ngồi chung quanh trình rượu cần. Khi ấy thầy mo khấn rằng: « Vong-hồn chết đã ba năm ba tháng mười ngày, đem trình rượu cần này là trình rượu mãn tang, đem dưng tổ tiên và vong-hồn uống trước, để con cháu uống sau cho mát-mẻ. » Khi con cháu uống rượu cần, thì thầy mo đến từng người mà bỏ khăn, bỏ áo trở vất đi, giao cho người khác đem ra sông, suối mà giặt rịa; rồi thầy mo lại đội khăn thâm cho con cháu, song tất cả rồi, thầy mo mới cất tiếng lên bảo con cháu rằng: « Nay là đủ ba năm, ba tháng, mười ngày, thầy đến cởi trái làm lành (*trái*, tức là cái áo xồ gấu). từ nay trở về sau, con cháu đều được thịnh-vượng mát-mẻ. » Rồi thầy mo lại thổi kèn mừng, tức là kèn bỏ tang mà lại được vui cười. Rồi thầy mo lại ráng thưởng ba câu. (1)

Tính tình dân mường. — Tục người mường, việc hiếu hay là việc hỷ, cầy ruộng hay làm cửa nhà, ai có việc thì đến làm giúp lẫn nhau, gia-chủ phải thết cơm rượu, chứ không thuê mướn mất tiền.

Thảng hoặc có việc gì cần kíp, bất cứ nửa đêm hay mưa to gió nhớn, nghe tiếng động hiệu, thời đều chạy đến đông đủ cả, biết rằng hiệu ấy là hiệu cần kíp, cho nên không ai đến chậm.

1. — Tức là Thánh-sư, ông mo đem vong-hồn đi nhận mặt bố mẹ mẹ và chú bác họ hàng.

(1) Ráng thưởng ba câu, tức là thầy mo hát theo lối mường, chúc cho gia-chủ

Tính người mường phần nhiều người thực-thà, không có hay xa-phí, mà cư xử với nhau phần nhiều thuận-hòa, chứ không hay sinh sự; xử với người trên rất là thành kính, đối với bè bạn thật là thực-thà, không có sự lừa rối: *cơm đồ, nhà gác, nước vác lợn thui*, nghĩa là người mường ăn toàn sôi, cơm đồ tức là sôi, nhà thì toàn nhà gác; nước vác là đi lấy nước sông, nước mỏ cho vào cái ống bương to rồi vác về; lợn thui là công việc gì lấy rơm phủ vào mình lợn, đốt bong da, rồi lấy dao cạo lại và rửa cho sạch mới đem làm thịt.

Việc cưới của dân mường. — Người mường, khi con trưởng-thành, lấy vợ cho con, lúc đi hỏi, đem một đôi vòng bạc, bánh chưng, bánh giầy, hai đôi mía, dầu cau. Bên nhà gái thuận gả thời chọn ngày cho cưới. Bên nhà giai phải giẫn của cưới: lợn hai con, gạo sáu thúng, rượu một trăm chai, bạc tám chục đồng. Khi rể đến nhà gái, thì bên nhà gái cũng ném như tục nhà lang đã nói trên, rồi làm lễ, ăn uống; ăn uống song, thì đưa dâu về lúc nửa đêm. Khi đưa dâu thì bên nhà giai đánh cái cồng mà bên nhà gái cũng đánh cái cồng, để cho biết duệ-hiệu của dâu rể. Khi dâu về đến nhà chồng, thì dâu cũng đội nón lễ ông Táo-quân, rồi bên nhà chồng làm lễ tổ, dâu đi lễ, song rồi thì lễ bố mẹ chồng và họ hàng; khi dâu lễ họ hàng thì người cho một đồng, người thì cho năm bẩy hào, nhà nào đông họ hàng, thì nàng dâu cũng được năm bẩy chục bạc.

Khi kỳ-mục hay là dân sắp đi hỏi vợ cho con, rất là phải hỏi cho kỹ-lưỡng mấy đời giở về trước bên nhà gái, giòng-dõi có sạch-sẽ thì mới lấy; nếu mà giòng-dõi biết chài, thì không ai dám lấy.

Các đồ cổ ở xứ mường. — Những đồ quí-báu và linh-ứng ở xứ mường này, có nhà ông quan lang Đinh-thế-Lộc, quán ở xã Thạch-Bi là xã Phong-Phú bây giờ, thuộc châu Lạc-Sơn, có một cái sanh to 4 tai, luộc thịt trâu hết độ chừng chín mười con, lại một cái sanh nữa, trong lòng có 3 ngăn, một cái trống đồng đẹp rất lạ, một cái miếng 3 họng (1), đúc từ đời Hồ quí-Ly, cái trống đồng đúc từ đời vua Hùng-vương.

Cái miếng 3 họng rất là linh-thiêng, hễ khi nhà quan Lang ấy có việc hiếu, thì mới dùng cái miếng này mà đồ sôi để cúng tế. Khi sắp đồ sôi thì phải bầy mâm cỗ cúng ông thần miếng và 2 tai cheo 2 miếng thịt, nếu không cúng và không cheo thịt, thời cứ đun cả ngày cũng không lên hơi mà không chín sôi, thường khi lại vụt nước lên bỏng cả người. Cái miếng này, khi nhà ông quan lang song việc hiếu, thì có một họ tên là Đạo-Kèm, quán ở xã Địch-giao, mang cất cái miếng ấy lên sườn núi mà chôn, mà phải làm lễ một con lợn, nếu họ khác đem đi cất thì không được. Khi đem đi cất thì chôn cái miếng ấy ở trên sườn núi, hễ khi nào nghe cái miếng ấy kêu ầm ầm thì Đạo-Kèm lại phải thăm miếng, nếu thấy nổi lên đủ hai tai, thời nhà quan lang đã sắp có việc hiếu, nên nó báo trước, chỉ cách một tháng hay là hai tháng thì nhà quan lang quả-nhiên có việc hiếu, Đạo-Kèm lại phải đem một con lợn làm lễ rồi mới mang lấy cái miếng ấy về nhà quan lang để đồ sôi cúng tế. Hiện bây giờ lại còn như thế.

Tục hiếu hỷ ở Thổ, Mán. — Tục hiếu hỷ của người thổ thời cũng như người mường, không khác gì mấy. Về việc hiếu chỉ khác rằng con rể báo hiếu cho bố vợ, tục phải giồng *cột cạo* (2) ở bên cạnh lăng; người nào không sinh con gái thời đến lúc chết phải mượn một người con rể trong họ để làm như thế, mới mát-mẻ.

Tính bạnh người Thổ thì thuần-thục và thật-thà, đối đãi với bè bạn thì không có hay lừa dối, sử với bề trên rất là trung thành, ẩm thực cũng như người mường.

Phong tục người mán Cao-lan, sơn-đầu, thì bố hay mẹ chết, cũng làm quan tài bằng cây gỗ tròn rồi làm nhà táng úp vào quan tài để trong nhà; nhà giầu thì đón thầy mo về cúng và làm ma ba đêm ngày. Khi sắp cử-hành thì mỗi một nhà phải một

(1) Là cái ninh đồ 3 chỗ sôi.

(2) Một cây gỗ cao, ở trên có hình con chim, tiếng thổ gọi là « cây cạo ». Sự này có điển-tích, nay lược.

vác củi đem ra ở một nơi cạnh nhà có việc hiếu độ một kilomètre, rồi sếp củi thành đống lại đấy; khi cử-hành khiêng quan tài ra để lên trên đống củi ấy, rồi họ hàng, làng xóm mang lửa đốt đống củi ấy cháy hết cả, mới bới đống gio ấy, nhặt lấy xương tra vào một cái hũ sành, bịt gắn thật kín, rước về treo ở bờ rào, chứ không để trong nhà. Sau rồi nhờ thầy địa-lý mán, hoặc một năm hay là hai năm tìm được đất, mới mang hũ hài cốt ấy đi chôn. Tục người mán có họ thì phải đốt như thế mới mát mẻ, có họ không phải đốt như thế, nhưng khi đã chôn rồi không được cải táng.

Tính hạnh người mán không có xa-phí mà lại chặt-chẽ, người thì thật-thà không có ăn trộm ăn cắp lẫn nhau.

Nhà thì nhà gác làm soàng ở trên ngọn núi. Thóc gặt về thì để vào bịch. Mỗi nhà có một cái máng nước, lấy nước trên núi chẩy vào nhà, chứ không phải đi vác.

Việc cưới thì soàng, bên nhà gái cắt cho nhà chồng phải có bạc độ 3 nén; lợn thì lấy độ 100 hay 200 lạng thịt; gạo rượu đủ thì thôi. Khi dâu về nhà chồng, không có gối, chăn, chiếu, đệm, như là người Mường.

Những người mán kiêng và sợ nhất là thịt chó vì thế nên phải ở trên núi cao; ở chỗ thấp sợ người ta mang chó ra suối mổ, chẩy nước xuống mà nhỡ ăn uống phải chăng.

Còn như mán mèo, mán đeo tiền, làm nhà cũng ở trên núi, nửa ở gác, nửa ở đất; cách ăn uống rất là bẩn-thỉu, không được sạch-sẽ.

Sự chài của dân mường. (1) — Tục mường xấu nhất là sự biết chài, nghĩa là dùng ma-thuật để làm hại người. Kẻ biết chài mà nó thù hằn ai thì nó lấy một ít tóc, quấn vào một cái kim thật chặt, rồi để cái kim ấy lên trên bàn tay, phù trú cho cái kim ấy bay đến nhà thù kia. Khi mà trong nhà kia bị ma chài đến thời không biết, cách một hôm thời biết ngay, là vì khi dọn cơm, ăn song bữa thời cả nhà đều mửa tất cả và đều sốt rét cả; về sau đấy cứ bữa nào cũng mửa, rồi người nhà đều yếu-đuối gầy mòn. Đã bị như thế thời nhà ấy phải đi tìm thầy trượng (tức là thầy cúng mường) đến để làm lễ mà nhương trừ, mới khỏi.

Ấy là thù vừa thời nó làm như thế; nếu nó tâm thù ai mà định làm cho người ấy đến phải chết, thời nó có thể bắt bóng vía người ta, đem ngâm xuống nước; hoặc là làm cho người ấy ăn phải cái kim quấn tóc, rồi trong bụng như xưng lên thành khối, như thế thời có thầy cao tay lắm mấy chữa cho sống được.

Những người biết chài, nó đến chơi nhà ai giầu, thấy nhiều gà vịt, xin một con mà không được, thời nó chỉ khen một điều rằng: « *yêu lắm* » đến tháng sau, bao nhiêu gà vịt đều chết cả.

Trong một làng mường, chỉ có độ một hai người biết chài, chứ không phải ai cũng đều biết chài cả. Kẻ biết chài làm hại nhân vật, cũng như một con cọp dữ; mà đem nó lên quan thời lại không có tang chứng gì. Khi trước triều-chính An-nam, hễ đứa nào biết chài, làm hại nhân vật, thì đồng dân đuổi đi biệt-xứ; quá lắm thời người ta bắt tất cả nhà nó, bỏ xuống hố *răng sâu* (là cái hố đất sâu xuống ba trượng mà không có nước, chỉ mùa mưa mới có nước).

Ở mường xấu nhất là sự biết chài, hơn là mồ đường xuôi; nếu người lành mà người ta ngờ cho là biết chài, thời lấy làm một sự xấu-sa không gì bằng.

Vì thế cho nên sự lấy vợ gả chồng ở mường, phải gạn hỏi rất cẩn thận. Họ nào biết chài thời những nhà lành không ai dâu-da với.

HẾT

(1) Sự này thuộc về ma-thuật, nguyên-văn của soạn-giả còn dài, Bản-chí lược trích mà phụ-biên ở cuối đây, cũng để các độc-giả biết qua rằng ở trên mường có cái dị-đoan như thế.

AN-NAM TẠP-CHÍ

Tạp-Ký

CÂU CHUYỆN CON KHỈ

Xin các ngài đọc báo chớ thấy cái đầu-đề mà vội cho là câu chuyện không đáng nghe, câu chuyện là câu chuyện « *con khỉ* » thật, mà nếu các ngài nghe song có lẽ lại cho là lý-thú hơn cái câu chuyện con người. Vậy xin phép cho được nói.

Một người bạn ở đường rừng về chơi, có thuật nhiều chuyện cho ký-giả nghe, chuyện gì nghe cũng hay hay, nhưng hay nhất chỉ có câu chuyện « *con khỉ !* » Là các nhà hay đi săn bắn ở trên rừng đã nghiệm ra rằng : giống khỉ thật là một giống tinh khôn, biết kết hiệp nên đoàn-thể, mà lại biết giữ-gìn binh-vực nhau : nếu xét ra có con nào vì tham ăn hay làm sự gì có hại cho đoàn-thể, thì cả đoàn hiệp lại, mỗi con cắn một cái; nếu phải là cái tội nặng thì cắn đến chết mới thôi. Lệ thường, khỉ ở núi kéo nhau xuống dưới đồng ruộng kiếm ăn, thì có cử một con khỉ ngồi ở trên một cây cao gần chỗ đó, để trông ra bốn bề xem có sự gì nguy hiểm, nhất là có người săn bắn ở đằng xa đi lại thì lập-tức kêu hú lên một tiếng thật to, cho cả đàn cùng chạy. Vậy mà có một hôm kia, đàn khỉ đang ăn trong ruộng ngô, có mấy người lẻn đến bắn, con khỉ ngồi trên cao, không rõ là vô-tình hay mải nghĩ về sự riêng gì, mà không biết để báo cho đàn ở dưới biết, nên phải mấy con bị thương. Đàn khỉ vội-vàng khiêng mấy con bị-thương lên núi, để yên một chỗ, rồi ra hiệu gọi con khỉ trên cây xuống, bắt ngồi thật im, rồi cứ lần-lượt mỗi con chạy lại cắn một cái. Con khỉ kia ý chừng cũng biết tội, nên đành cứ chống hai tay xuống đất, cúi đầu cắm mặt mà chịu để cho cả đoàn tự ý ra hình, không dám cựa, mà cũng không dám kêu la chi cả.

Câu chuyện "*con khỉ*" như thế, có lý-thú không ? Tưởng không những là có lý-thú mà lại khiến cho « con người » chúng ta phải cảm-động nữa. Làm thân một con khỉ, là một cái phẩm-tử nhỏ-nhen ở trong một loài vật mà con người vẫn cho là hèn-mạt xấu-xa, vì một cái tội lỗi làm hại giống hại đàn, thế mà không chánh khỏi, không những không chánh khỏi mà lại biết tội không dám chánh. Vậy thì ta cũng có thể giảm-đẳng cho cái « con khỉ » ấy, vì nó dẫu có tội, nhưng nó cũng còn có lương-tâm, biết xấu hổ, biết ăn-năn là đã làm hại đoàn-thể. Vậy nó lại chẳng hơn những cái « con người » chúng ta đây, mặt mũi khôi-ngô đẹp hơn khỉ, trí thức khôn-ngoan tinh hơn khỉ, lại có đặc-sắc mà đời nhà khỉ không bao giờ có là kiến-văn rộng, học-thức giỏi, văn-chương hay ; ngờ đâu cái con người như thế mà lại nỡ lòng làm những việc độc ác là ngấm ngầm hãm hại đồng-bào, để cầu lấy sự vinh hoa phú quí riêng cho mình, vậy mà cứ mặt dạn mày dầy, không những không biết ăn-năn xấu-hổ như khỉ, mà lại láo hơn khỉ là khéo giả danh thương nòi yêu nước, đem những cái giọng nhiệt-thành tâm-huyết phỉnh-phờ, lừa người thật dạ ngay lòng, để giựt tròng mà lấy công cho thêm vẻ-vang sung-sướng. Như vậy thì con người với con khỉ, đằng nào hơn ?

K. H. . .

Lục-tỉnh Tân văn

VĂN THƠ

Nghề làm thơ

Trong thiên-hạ có một nghề rất vô-dụng mà rất khó, là cái nghề làm thơ. Thơ cũng là một giống trong vận-văn mà khó hơn hết cả. Trong loài thơ, như *tứ tuyệt*, *cổ-phong trường-thiên* còn hơi dễ ; đến như thơ *thất-ngôn Đường-luật* (tức là lối *tám câu năm vần*) thời thật là khó quá, từ xưa đến nay có nhẽ không mấy bài được toàn, dẫu đến tay nhà nghề thường cũng chỉ được đến bốn câu hay là nhiều, còn thời cũng chỉ gọi là thông mà thôi, hay cả tám câu thời tuyệt hiếm. Không biết tại làm sao mà một nghề thơ đó trong văn-chương, khó đến như thế ! Hoặc cũng vì một chỗ khó đó, cho nên chỉ là một nghề vô-dụng mà vẫn có giá-trị chăng ? Cứ như thơ quốc-âm của ta gần đây, những người có tiếng

hay như ông *ba Giai*, cụ *Yên-đổ*, bà *Thanh-Quan*, nàng *Xuân-Hương*, kể cũng không ít kẻ; song có thể gọi là "*tay nhà nghề*" thời có nhẽ chỉ một *ông tú Xương* mà thôi. Thơ ông tú Xương, tuy rằng bài tám câu không hay được cả tám, nhưng trong bài rào tất cũng có câu hay mà không câu nào đến có bệnh. Lại như thơ các người khác, mỗi người hay mỗi vẻ; thơ ông Xương thời đủ hết các vẻ hay. Trong thi-đàn quốc-âm, ông thực triếm riêng một chiếu vậy.

Hiện-thời nay không có ai nổi tiếng trong làng thơ, nhưng một hai câu hay không phải là không có. Thơ đã là một nghề khó thời dẫu một hai câu hay cũng là quí, mà là người trong làng thơ thời càng nên lượng cho nhau và quí nhau. Nay tôi vì một mối cảm-tưởng đó, nên nghe biết được câu nào của ai, trộm phép đăng lên An-Nam tạp-chí, cùng những câu trong các bài đã có đăng ở An-Nam tạp-chí mà ý riêng lấy làm thích đều có nhời bình luận ở sau, cốt là để tỏ tấm lòng quí nhau vậy.

1°) *Sớm trông núi Tản đèo Tam-đảo,*
Chiều ngắm sông Tương ngọn Lục-đầu.

Đây là hai câu trong bài thơ của một người tương-thức của tôi là ông *Lương-ngọc-Tùng*, khi đó làm thư ký ở một sở đồn-điền ở Lục Nam, gửi về thăm tôi ở Sơn-tây. Một người ở Lục-Nam gửi về thăm một người ở Sơn-tây mà như hai câu này, thật là thiết cảnh mà vô hạn tình tứ-luyến, lại cũng tề-trỉnh mà đẹp nhời, có thể gọi là câu thơ hay vậy. Tiếc rằng núi *Tản-Viên* không phải là *Tam đảo*, Tam-đảo riêng là một ngọn núi ở về tỉnh Vĩnh-Yên; tác-giả ở xa không rõ, hoặc nhầm vì Tản-Viên có tên là "*Ba-vì*" mà đặt như thế chăng? Chữ "*Tam-đảo*" đối với chữ "*Lục-đầu*" thời thật hay mà lại ra sai hỏng như thế; thế càng biết được một câu thơ hay là khó vậy. Song đã là lượng cho nhau thời chỗ nhầm cứ nhầm mà chỗ hay cứ hay.

2°) *Chừng-trạo giang sơn hai mắt ngược,*
Vông-vênh hồ hải tám chân ngang.

Hai câu này là ở trong bài thơ "*vịnh con cua*" của ông *Ngô-tất-Tố* là trợ-bút của An-Nam tạp-chí, ông có từng đọc cho tôi nghe; tôi nghĩ đi nghĩ lại, lấy làm thật hay, khó mà chữa được chữ nào nữa. Sáu chữ "*hai mắt ngược, tám chân ngang*", thật tả được cái chân-tướng của con cua; bốn chữ *chừng-trạo, vông-vênh*" lại thật tả được cái tinh-thần mắt ngược chân ngang của con cua đó; bốn chữ "*giang sơn, hồ hải*" thời đặt được có khí-tượng mà thực cũng không ngoa. Hoàn-toàn mười bốn chữ hai câu, trác-lạc hùng-hồn, đủ là hai câu thơ hay vậy.

3°) *Thân tớ vì không lành tựa đất,*
Cuộc đời hồ dễ đã ra gio!

Hai câu này là ở trong bài thơ "*ông Táo tự thán*" của ông *Nguyễn-công-Hoan* hiện làm giáo-học ở Hải-dương, ông có đọc cho tôi nghe trong khi ông còn học ở trường Sư-phạm Hà-nội. Hai câu này, văn thiết-thực như không có điêu-luyện gì, nhời ung-dung mà vô hạn cảm-khái; khiến cho người đọc đi ngâm lại, như sinh có một cái tình-tự vơ-vẩn ngậm-ngùi. Thơ như thế cũng có thể gọi là hay vậy.

4°) *Bia đá mai-mòn theo sóng nước,*
Bảng vàng tan-tác với phong sương.
Công hầu để bá trăm năm trắng,
Phú quí vinh hoa một giấc vàng.

Bốn câu này là ở trong bài thơ "*đời người*" của ông *Anh-viên Nguyễn-văn-Năng* ở Thái-bình, đã đăng ở An-Nam tạp-chí số thứ 3, chắc các độc-giả đã biết qua. Bốn câu này ý nghĩa không có gì là mới, lại hai vế điệp nhau, lại ba chữ "*trăm năm trắng*", nhận như có hơi cưỡng; duy nhời thơ thời tơi-bời bay-bướm mà nghe ra ảm-đạm thê-lương, lấy về đẹp nhời kêu câu thời có nhẽ nhất trong thơ quốc-văn từ xưa đến nay vậy.

5°) *Bến đò xưa đó với cây đa.*

Một câu này là câu kết ở bài "*vịnh bức địa-đồ bìa trước báo An-Nam*" của ông *Nguyễn-anh Tuấn* ở Vĩnh-long Nam-Kỳ, đã đăng ở An-Nam tạp-chí số 7, chắc các độc-giả cũng cùng biết. Trong khi đăng bài thơ đó tôi không rõ nghĩa câu này ra làm sao, mà nghe ra như rất có ý-vị và đã ngờ rằng tất có dùng điển-tích. Quả-nhiên sau được nghe một người bạn ở trong Thanh ra chơi, nói truyện rằng: «nguyên xưa có cậu

rằng : *Trăm năm vì nỗi hẹn-hò*, *cây đa bến cũ, con đò khác xưa.* » Lại nói điển-tích rằng : « nguyên xưa có một người học - trò đi qua một cái bến đò có cây đa, đến lần sau về lâu lại đi, thời cây đa vẫn ở bến cũ mà con đò cùng là người chở đò đã đổi khác, cho nên có câu lụ -bát ấy. Chữ *xưa* trong câu ấy, có người đọc là *đưa*. Câu ca ấy, người ngoài Bắc ít biết.» Từ biết câu ca ấy mà mới rõ câu thơ này thật là ý-vị rất hay : chỉ dùng câu cổ nói thoáng qua, ý không hết ở nhời, mà cái cảm-tình đối với giang sơn, lâm-ly vô hạn. Câu kết như thế, thật là câu thơ hay.

6° Á cũ qua rồi, mới chửa Âu ;
Học Kiều xúm-xít bọn mày râu.

Hai câu này ở bài "*cảm-tác về ngày kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du*" của ông *Kim-Hà*, đăng ở kỳ này bên dưới đây. Hai câu này nhời rất cứng-cỏi, không có mềm-mại chút nào ; bảo là câu thơ hay, khó thể cho làng thơ công nhận. Song như một câu trên, cách dùng chữ thật mới, mà lập thế cho câu thừa cũng hay, câu thứ hai thời cứ thực-sự tả ra mà nghị-luận đáo-để : hai chữ « *xúm-xít* » tả được cái trạng-thái của một bọn người ngu dại vô kiến-thức tư-tưởng, xuống đến ba chữ « *bọn mày râu* » thời tỏ ra đáng khinh mà đáng thương, đọc luôn hai câu mà nghe, thời lại như có vô hạn sầu cảm đối với trình-độ sĩ phu và phong-trào học giới của nước nhà, có thể đương được một thiên nghị-luận của người khác. Thơ cảm-thời như thế, cũng có thể gọi là hay vậy.

Thơ hay, mỗi người mỗi vẻ, xem thơ, mỗi người mỗi thích. Những nhời bình-luận ở trên đây, chẳng qua là cái ý thích riêng của tôi như thế nhân biểu ra đó để tỏ lòng quí nhau, không dám bảo là định-bình ở trong thi-giới vậy. Sau này có nghe biết được câu nào của ai nữa, xin sẽ lục-tục đăng-tải và bình-luận, cũng chỉ để chơi riêng trong làng thơ. Cái thú tủn-vủn đó, cũng chỉ người trong làng thơ có biết với nhau vậy. Nếu lại có thì giờ nhàn rỗi, sẽ xin cùng các độc-gả đàm - luận rộng về các thứ văn quốc-văn.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Nhân kỷ-niệm cụ Tiên-điền Nguyễn-Du cảm tác

Á cũ qua rồi, mới chửa Âu ;
Học Kiều xúm-xít bọn mày râu.
Vẩn-vơ người ấy phường giăng gió ;
Đau-đớn lòng ai cuộc bể dâu.
Mấy khúc đoạn-trường khơi mối dục,
Một giây bạc-mạnh chuốc cơn sầu.
Ai ơi thức cụ Tiên-điền dạy,
Làm để người sau dại thế ru ?

Kim-Hà

Lão nông than mưa

Muốn bắc thang lên đến tận giời,
Hỏi giời mưa mãi biết bao thôi ?
Rằm sào mạ giống chôi phăng cả,
Mấy luống rau ương nát sạch rồi.
Gánh vác vua quan đành có trẻ,
Thuế sưu nhà nước để phần ai ?
Bâng-khuâng luống tủi nguồn-cơn ấy,
Muốn bắc thang lên hỏi tận giời.

Qua Thúy-sơn hoài cổ

Mấy mảnh bia tàn, ngọn núi cao,
Một mình ta luống ngẩn-ngơ sao.
Tháp xưa Linh-tế giờ đâu nhỉ ?
Nền cũ Li-cung ở chốn nào ?
Bốn mặt non sông chiều bảng-lảng,
Một vùng cây cỏ cảnh dìu-hiu.
Ai về nhắn hỏi hồn sơn-chủ,
Cụ có thiêng không ? cụ Hán-Siêu.

Qua bến đò cũ nhớ bạn

Bến cũ đi về khách gọi nhau,
Thuyền tình lơ-lửng, bạn tình đâu ?
Đường về chốn cũ rêu phong kín,
Nghìn rặm non sông một mối sầu.

PHUC-ĐÌNH
Dương-duy-Dzao

Giang sơn vấn đáp

Khi thong-thả anh Sông anh Núi,
Hai anh em cùng nói truyện chơi.
Núi rằng : « đáng chán cho đời,
« Biết ta mà chẳng ai người ivì ta,

« Nghĩ lắm lúc sương pha giọt lệ
« Ngồi buồn tênh biết kể cùng ai,
« Hôm nay nhân buổi mát giời,
« Vui tình bè-bạn, ngỏ nhời tâm-can. »
Sông nghe nói, chứa-chan giọt lệ,
Khóc thưa rằng : « Bác kể làm chi !
« Người dời mấy kẻ ra chi,
« Ăn no vỗ bụng, thiết gì đến ta.
« Càng nghĩ đến, nghĩ mà càng chán,
« Thôi công dâu than-vãn rậm nhời.
« Bán sầu, ta gượng làm tươi,
« Cõi trần chi quản ai người tương-tri.
« Bác về hái rau vi mấy ngọn,
« Để tôi về kiếm món cá tươi,
« Gật-gù đánh chén ta chơi,
« Truyện đời hay dở mặc người trần-gian
« Nay thời-thế gian-nan điên-đảo,
« Hãy chờ xem cơ tạo xoay vần.
« Bể dâu từng chải trăm lần,
« Dễ mà mòn, cạn, mà cần phải lo !
« Cùng nhau hãy chén cho say khướt,
« Bạn-bè cùng gió mát giăng trong.
« Mai sau còn lắm tao-phùng,
« Nước non đâu thiếu anh-hùng mà lo. »

Trúc-sơn
PHẠM-VĂN-NGHỊ

Cái đồng-hồ báo thức

Đồng-hồ kia ơi ! một mình my kêu tí-ta tí-tách, my kêu mãi, my kêu hoài ! my kêu rí-ra rí-rách, xuốt một đêm dài, my đã chán thưa ?

Nỗi-niềm my những rỉ-rắn, họa may có ca tỉnh mà thấu chăng cho my cùng. Khen cho my, chí dạ anh-hùng, gọi người gọi vật để vẫy-vùng trong bữa hôm mai.

Đồng-hồ kia ơi ! my kêu mãi, lẽ đâu hoài ; tiếng gà rộn-rịp, mái ngoài giời đã rạng đông ; vì tiếng chuông my vang-động tứ-tung, anh-hùng hồ-thỉ đã sớm vẫy-vùng khỏi chốn đêm qua.

Ngán thay tiếng chuông my kêu mãi thế mà, còn nhiều người mê ngủ chẳng là nó phí cái công my !

Long-ri

Bức thư giả nhời của người tình-nhân không quen biết.

Ông Tản-Đà có gửi mấy bức thư cho tình-nhân không quen biết, bẩy tám năm chẳng thấy hồi-âm ; lòng ông mong-mỏi nhớ nhung, bấy phen bứt-rứt. Nay kẻ viết bài này cũng chưa chắc đã là tình-nhân của ai, mà ai cũng chưa hẳn là tình-nhân của người đó. Song đọc thư ai sinh cảm, cảm sinh tình, cầm bút viết mấy lời gửi ai, dù quen biết, hay không quen biết, đọc thư nhau xin thấu lòng nhau.

N. D. C. S.

Tiếp được thư ai gửi nhắn ai,
Bút cùn mực cạn khó nên lời.
Xin ai chớ tưởng ai không biết,
Non nước này nên phải nín hơi.

*
* *

Ngồi nhớ lại cảnh giời thủa trước,
Riêng một bầu non nước thảnh-thơi,
Xuân-quang rực-rỡ tuyệt vời,
Trăm hoa hớn-hở, vui cười với xuân.
Nay nghĩ máy xoay vần cũng lạ,
Vừa xuân mà phút đã xuân qua :
Vườn xuân khói toả sương sa.
Nhớ xuân ai chẳng sót-sa trong lòng !
Mở mắt thấy giời đông ảm-đạm,
Ngắm non sông gợi thảm khơi sầu,
Xuân nay nào biết tìm đâu !
Những trông quá-khứ, những cầu tương-lai.
Cố cầm bút gửi ai một lá,
Dù quen nhau hay chả quen nhau.
Biết nhau biết những từ bao,
Nhớ nhau chi để bạc đầu say-sưa !
Thơ mấy bức những chờ cùng đợi,
Những đợi chờ ai hỡi hay chăng ?
Mấy phen ta luống ngập-ngừng.
Muốn kêu nhưng nghĩ trông chừng kêu ai ?
Lòng đau-đớn thương dời say mãi.
Say mãi mà vẫn hãi chưa thôi.
Thương ơi, giấc mộng lâu rồi,
Mà đời hủ-bại còn dài mãi ru !
Nay ta lúc ngẩn-ngơ đêm vắng,
Cảnh non sông thấy lặng như tờ ;
Trông ra u-ám mịt-mờ,
Gió đưa hơi lạnh, đèn trơ bóng vàng.

Thoảng tiếng trống canh trường đâu hết,
Bọn ngu-sĩ bán rẻ tuổi giời,
Trong vòng hoa nguyệt miệt-mài,
Giang sơn câu truyện ngoài môi thiết gì.
Này đàn muỗi vo-ve nhớn nhỏ.
Nọ lũ rơi khoe bộ khoe tài,
Nóc nhà đám chuột đua hơi,
Cảnh này mắt thấy lòng người buồn teo
Toan nói hết xem chiều khó nói,
Canh đã tàn tựa gối bâng khuâng.
Giọt châu lã-trã đôi hàng,
Hoa lan rừng tối mơ-màng ai hay.
Cảnh nhân-thế đắng cay là thế,
Viết khôn cùng xin để thư sau.
Chẳng quen xin nhớ lời nhau,
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.
Cùng non nước nợ-nần một gánh.
Cùng bước chân lên cảnh xuân tàn.
Sao cho chủ nghĩa vẹn toàn.
Mấy lời trân - trọng muôn ngàn về sau.

N. D. C. S. A. V.

Hài-đàm

Bạn mua báo, có người hỏi tôi rằng :

— Ở xã-hội ta nay, hay gọi nhau bằng « *cụ* », những người 30 tuổi cũng gọi nhau bằng *cụ*. Nay nếu như vào chơi một nhà, người 30 tuổi đó đã chào là *cụ* ; lại thấy có ông cụ chừng hơn 50 tuổi, lại thấy có bà cụ chừng hơn 70 tuổi, vậy thời nên dùng những tiếng gì để chào. Năm mới gần đến, sự chúc tết cần dùng tiếng chào gọi, xin Quí chủ-bút bảo cho.

Nhời đáp :

— Theo như ý khách mà tất muốn lấy nghĩa cho chánh-đáng, thời những bực trên đó, tiếng ta thật không đủ dùng. Bất-đắc-dĩ thời tôi xin nghĩ rằng : sự đó phải lấy vần quốc-ngữ làm truẩn. Như người 30 tuổi đã chào là *cụ*, con người lấy thời là *cu* (tức là thằng cu) ; những bực trên thời cứ theo các giấu sắc, huyền, hỏi, ngã mà gọi : trên bực *cụ* thời là *cú*, trên bực *cứ* thời là *cử*, trên nữa thời là *củ* là *cũ*. Thưa các cụ nghĩ sao ?

Tản-Đà

Kính cáo

Gần đây nhiều Ngài độc - giả viết thư hỏi về sự mất báo, lại trách bản-quán không giả nhời ; vậy xin giả nhời chung để các Ngài rõ cho rằng : Ngài nào mất báo, bản-quán đã phải gửi đền đã là một sự thiệt-hại ; nếu lại cứ mỗi cái thư mà giả nhời nữa thời tiền tem lại tốn là bao nhiêu. Vì rằng : về phần các Ngài mỗi người gửi cho bản-quán một cái thư, mà bản-quán nếu giả nhời lại thời phải giả nhời nhiều lắm. Như thế mà kỳ nào cũng có nhiều báo mất, thời sự thiệt-hại cho bản-quán là bao nhiêu. Việc gửi báo, gần nay bản-quán càng phải kiểm-soát cẩn-thận mà vẫn cứ mất mãi. Bản-quán chưa tìm được cách nào giữ khỏi ; vậy mà nhiều ông viết thư gửi về trách, nhời-nhẽ nặng-nề, thậm đến vì thế mà không mua báo nữa, thực là một sự rất buồn cho bản-quán vậy. Nay xin phải nói rõ như thế để các Ngài lượng cho ; như Ngài nào có cách gì đối với nhà giây thép mà giữ được sự mất báo, xin dậy cho bản-quán biết, bản-quán rất lấy làm cám ơn.

Án-Nam tạp-chí

Tiêu-diêu-du (A)

Đây là một thiên thứ 7 trong quyển tiểu-thuyết **Giấc-mộng-con**, *chép sự du-lịch Bắc-băng-dương của một bọn người thám-hiểm. Quyển Giấc-mộng con hiện nay đương tái-bản, mà xuất-bản được liệu cũng còn hơi chậm vậy nay đăng một thiên này lên Tạp-chí, để tạm đối với cái hậu-ý của các Ngài nhắn mong chờ đợi bấy lâu nay.*

Soạn-giả chí

Ngày tháng Janvier năm 1922, từ kinh-đô Washington đứng dậy đi, qua mấy tỉnh to, đến một chỗ, nước hồ mênh-mông, là đã đáp-giới với thuộc-địa của nước Anh là Canada (Da-nã-đại.) Năm cái hồ nhớn cuấy thông nhau, buồm tầu ngày đêm không rướch bóng. Một hôm, tàu đi trong hồ Erié, đứng lắng tai xa nghe, có tiếng ầm-ầm như thiên binh vạn mã ở mặt trước. Đi tới một ít nữa, trông về mạn đông-bắc, một làn trắng xóa dài đến ba bốn trăm thước tây, từ trên khoảng cao buông dải xuống, tựa như thể sông Ngân-hà tức, vỡ, chảy chút xuống nhân-gian, thời là cái chênh nước Niagara, cao ước 50 mètres. Khi tầu đã đỗ bến, đi theo đường bộ đến tận nơi, thời giữa cái chênh nước ấy có một cái đèo nhỏ bằng đá, chân cái đèo đá ấy có một cái đường hang; đi ở trong đường hang, như sét đánh trên đầu, như bão lộng ngoài tai, như mưa táp xuống mặt, là một chỗ vừa mưa, vừa bão, vừa sấm xuốt quanh năm, kẻ hèn người yếu không thể kham, nhưng thật là một cảnh chơi riêng rất kỳ-thú cho những các con nhà thích mạo-hiểm. Cái chênh nước nhớn ấy, không những là một cảnh-trí lạ đẹp, mà lại là một kho sức mạnh vô cùng: người nước Mỹ có đem dựng cái nhà máy gần đấy, lợi-dụng sức nước để chạy các máy; kể thực-tế về trên sự văn-minh cho một nước cũng nhiều, nhưng tình-cảnh thiên-nhiên cũng có vì thế bớt một đôi phần phong-thú. Qua cõi đất Canada, sang đến Alaska, lại là một địa-hạt riêng của nước Mỹ. Đường đất gần thuộc về giải lạnh, khí-hậu mỗi ngày lạnh hơn. Đến mạn bắc xứ ấy, ngày đêm đều 20 giờ đồng-hồ. Ở chơi năm ba hôm, rồi theo mấy nhà thám-hiểm lên bể Bắc-băng-dương, thẳng tiến về mặt bắc. Tầu đến một chỗ, băng cứng quá, không đi được, nhân cùng đeo vật-dụng lương-thực xuống đi bộ. Từ đấy mà đi, thì-giờ toàn thuộc về phần ngày. Đi mệt quá, thời dải mấy lần chiên trên mặt băng, cắt canh nhau để coi lang (chó sói), rồi ngủ. Ngủ dậy, ăn song lại đi. Mãi đến một chỗ, xét ra thấy có đất. Mặt đất cũng toàn băng. Rét cắt da thấu xương, ống hàn-thử xuống dưới o độ đã hơn 40 độ. Kể từ lúc mới xuống tầu cùng đi, tất cả 23 người. Trước sau bị chết mất 7 người, đến đấy chỉ còn 16 người, đều không ai biết đấy là nơi nào; ý tất là một cái cù-lao mới chưa ai đến. Sau khi đã lên đất, lấy kính thiên-lý trông đằng xa, tựa như có rừng cây. Đến nơi, quả là một rừng thông, cành lá lơ-thơ, như cảnh-sắc các thứ cây về mùa đông dưới giải ấm. Đi trong rừng thông ấy, băng tuyết ít thấy, khí giời dần dần càng ấm hơn. Rừng gần hết, băng tuyết hết; hết rừng, lộ ra một chàn hoa, trăm đóa hoa tranh tươi, cái khí-tượng mênh-mông như một cánh đồng mùa của các nhà hầu vương nước truyên-chế. Chốn ấy nếu không có người ở, chẳng cũng là một nước Hoa? Trong chàn hoa, thấy có nhiều *cột sắt* như cột giây thép ở dưới ta mà cao đến gấp hai; mỗi độ trong 100 mètres carrés thời 10 cột như thế, trên có chằng lưới thưa bằng sắt; lưới nọ thông lưới kia, truyền nhau như mạng rện. Dưới mỗi lưới, hoa chia làm mỗi khu, có đường đi. Đi ở trong đường hoa, khí hòa hương ngát, hồn thanh cốt nhẹ, dẫu cho bụng đầy chứa bỉ-tục, đến đấy, cũng tuyết tan băng tiêu. Đi khỏi một chàn hoa thời ruộn

nương lúa mạ đủ cả ; thôn lạc cũng không xa. Cột sắt lưới sắt khắp mọi nơi, chỗ thấp chỗ cao ; khí-hậu toàn như ở Bắc-kỳ ta trong mấy tháng về mùa xuân. Nhớ khi ở nhà còn trẻ con, thường nghe nói nhiều truyện thần-tiên ; quả có, thời tất khoảng này hẳn ! Xuốt các người cùng đi đều mừng sướng ngờ lạ, phân - minh thân đến chỗ Bồng-đảo. Một lúc, thấy thôn-dân kéo nhau ra xem đông, trông như cũng về giống người trắng, mà lắm người mặt mũi anh-tú, nghe nói cũng là tiếng anglais mà nói hơi khó nghe. Trong có một ông già, ăn mặc ra một cách tôn trọng, đứng hỏi rằng :

« — Các ông ừ đâu đến ?

Khách (1) : — Chúng tôi từ Alaska.

— Đấy có là về đất Mỹ-châu không ?

— Thưa phải. »

Ông già ấy nhân mời cả về chỗ ở. Đến thôn, trong thôn không có một cây gì, nhà ở theo nhau có hàng-ngũ. Qua mấy thôn, đến một chỗ, dinh thự mênh-mông, lâu đài cao nhớn, có mấy người đàn bà con gái ra đứng xem, nước da trắng đẹp lạ thường, thần-thái phong-độ đều khác tuyệt trần-thế. Đến đấy, ông già mời cả vào, các người theo xem vào đông cả. Ngồi song, pha nước uống. Chủ-nhân (2) nói :

— Tôi là Thống-trưởng ở nơi này, nhận chức đã hơn hai mươi năm nay,

Khách : - Chúng tôi thật chưa được biết đây là nơi nào.

— Thế các ngài là người Âu-châu ? hay Mỹ-châu ?

— Trong bọn chúng tôi có mấy người Âu, mấy người Mỹ, còn mấy người ở xứ khác. »

Quan Bác-sĩ lại nói :

— Tôi là người ở Hoa-Kỳ.

Quan Thống-trưởng nghe song, tựa như không hiểu, ngây mặt hỏi :

— Hoa-Kỳ . . . về nơi nào ?

— Ở một phần phía nam châu Bắc-Mỹ.

(1) Đây giở xuống chép chữ *khách*, hoặc là quan Bác-sĩ, hoặc là người khác trong bọn đi, hoặc cả bọn.

(2) Đây về sau chép *chủ-nhân*, hoặc *Thống-trưởng*, đều tức là ông già ấy.

Ngài cũng vẫn như thể không hiểu, rồi nói :

— Chúng tôi, tổ-tích nguyên cũng là người ở Mỹ-châu. Lịch cũ, 1770, tổ tiên chúng tôi dận nước Anh xử đãi một cách hà-khắc, nhân dủ nhau hơn 100 người và đem thêm người giống đỏ hơn 200 cùng đi. Lạ thay ! sự đi ấy không hướng-định là đi đâu, rồi đưa nhau lên bể Bắc-băng-dương, chống nhau với khí lạnh, đánh nhau với thú dữ, trăm nguy vạn khổ mà mới tìm được đến chỗ cù-lao này ; sau nhân lấy chỗ cù-lao này làm *Cõi-đời-mới* (Tân thế-giới) ; còn các phương đất khác trong thế-gian, gọi cả là *Cõi-đời-cũ* (Cựu thế-giới). Lịch cũng theo lịch mới, tính từ năm ở Mỹ-châu đứng dậy đi đến nay là năm thứ 153. Các sự - thể công - việc trong thế-gian, từ lịch cũ 1770 giở về trước, tổ-tiên có làm ra sử-ký để lại cả. Còn từ nửa năm ấy về sau đến nay, không biết tình-trạng Cõi-đời-cũ ra làm sao ?

Khách nghe song, cùng trông nhau lấy làm một sự rất mới lạ. Quan Bác-sĩ nhân lược kể từ khi ông Georges—Washington (Hoa-thịnh-đốn) đến nay, công-việc địa-vị của nước Mỹ và tình-trạng trong doanh-hoàn. Quan Thống-trưởng và đông khắp mọi người đứng xem cùng lắng tai nghe song, cũng lại đều cùng nhau ngậm-ngùi, ngẩn-ngơ, như bừng qua một giấc chiem-bao vậy. Một lúc lâu, các người xem lui tan ; chủ-nhân mời khách đến buồng ăn. Trong bữa ăn, đại-lược cũng như dưới ta. Đồ ăn thịt thời lấy một vị *vịt giời* làm nhất, rồi đến *cầy*, *cúi* và mấy thứ *cá* ; còn như gà, lợn, bò, dê, nhất-thiết không có cả.

Ăn song, khách lại hỏi rằng :

— Dưới chúng tôi vẫn cho là ở giải lạnh gần hai cực thời băng tuyết quanh năm, không có cây cỏ gì mọc được, cho nên không có người ở, không ngờ ngày nay lên đến đây, không khác dưới kia mấy. Không hiểu là vì sao ?

Thống-trưởng :

— Dưới các ngài nghĩ cho là thế, là lấy vì trên này xa mặt giời, cho nên không có khí nóng tiếp đến chăng ?

— Phải.

— Vẫn thế ; nhưng các ngài lại phải biết rằng : phàm giống sinh-vật gì đã sinh-sản ra ở đâu, thời tất tự chỗ ấy phải có đủ các nhẽ cho có thể sinh-sản. Nguyên tổ-tiên chúng tôi mới đến đây khi trước, tiếng rằng tìm được chỗ có đất, nhưng xuố' một cái cù-lao bằng đất ấy, chỉ tuyết cùng băng. Khi ấy phải đào hầm để ở, nhờ sự săn-bắn mới có ăn. Vẫn có mang nhiều các thức hột giống giữ kín không-khí ở trong các hòm sắt, nhưng chưa tính được thế giồng. Đành chịu khốn-khổ hơn 20 năm, hết sức óc mà sau mới nghĩ được một cách *lấy khí nóng ở tim đất.* Từ lúc đã nghĩ được một cách lấy khí nóng ấy, lại mất công-trình 10 năm nữa mới thành hiệu. Khi đã thành hiệu thời khí-hậu ấm, băng tuyết tan, gieo lúa mạ và các thứ cây quả sinh trưởng như ý cả. Từ đấy mới xoay làm nhà lên đất để ở. Sau, các thức cây cối rau cỏ, không giồng mà tự mọc cũng nhiều. Nay những các cột sắt, lưới sắt, chăng khắp mọi nơi, đều là những vật để truyền khí nóng cả. Vậy thời trong một quả đất đã đủ hết các nhẽ cho vạn vật đủ sinh nở ; trong vạn vật, giống người là chủ-tể, phải nên xét hết các nhẽ sinh nở ấy mà gây nên cõi đời. Nếu chỉ trông nhờ vào một cái mặt giời xa tuyệt ấy, thời cái mặt giời ấy hoặc lạnh đi, hoặc rơi mất, chẳng cũng nguy lắm thay ? !

— Ừ, một sự lấy khí nóng ở tim đất, chúng tôi thật đã chịu ; nhưng ngài bảo muốn toàn k' ông nhờ đến mặt giời, thời ánh sáng làm sao cho đủ dùng ?

— Đó là các ngài quen một cái tính nương nhờ, cho nên nghĩ thấy thế ,' chớ cái ấy cũng chưa chắc đã là khó. Ở chúng tôi trên này, nửa năm về p' ần ngày, nửa năm về phần đêm. Nửa năm về phần ngày thời sẵn có ánh sáng của mặt giời thật ; còn nửa năm về phần đêm, mặt giời đâu mà nhờ ? Vì thế, phải hết lòng suy nghĩ, chế ra được một thứ kính, đeo vào thời trông ra như sáng giăng, nghĩa là sức sáng bằng mặt giăng ; nhân gọi là *kính giăng*, trông xa rõ được 1 mille (1. ooom). Chẳng thế thời trong mấy tháng Nam-cực quay hướng về mặt giời, người chỗ cù-lao này dẫu có tức nữa mà kiện ai? Nay chúng tôi còn đương nghĩ chế một thứ kính, sức sáng gấp hơn nữa, sao cho trông đêm như ban ngày, thời gọi là *kính mặt giời ;* nhưng chưa biết có thể đến lúc nào xuất-hiện được không ? Nếu có thể đến lúc nào xuất-hiện được, thời khi ấy thật không phải phiền lụy đến mặt giời chút nào, mà một vùng thái-dương, ánh sáng và khí nóng, xin nhường cả cho người ở dưới Cõi-đời-cũ.

Các ông khách khi còn ở nhà, dẫu không là tự-phụ, thật cũng đều để mình vào một áng người văn-minh. Nay chợt nghe mấy câu truyện của chủ-nhân, mới như Hà-bá ra đến bể ! Nhiều ông ngỏ ý muốn ở lại để học các sự tiến-hóa mới. Chủ-nhân nói :

— Phàm nhẽ tiến-hóa trong đàn người, sự gì một người đã nghĩ đến, tất người khác cũng có thể nghĩ đến. Nay cũng hãy để các ông phải dùng đến sức óc ít nhiều, tự mình có công-phu, lúc hưởng-thụ mới có vị. Vậy xin khi nào các ông về, sẽ biếu mỗi ông một đôi kính giăng ; gọi là của đi chơi đem về từ nơi Cõi-đời-mới . »

Quan Thống-trưởng nói song, thân đứng dậy đưa khách đến nhà nghỉ. Qua mấy giấy hành-lang, đến một cái nhà lầu ; thoạt mới trông, kỳ tuyệt ! *Thân nhà thuần một chất pha lê, như một khối pha-lê tạc thành một hình động trăm sắc.* Bước vào trong đi lên, có nhiều từng ; mỗi từng có nhiều phòng ; mỗi phòng một sắc riêng. Đứng trong một phòng nào, toàn hình hiện sắc ấy. Không không mà sắc sắc ! sắc sắc hay không không ! ? Khuất-khúc mê-ly, hồn tiêu mắt loạn. Đi qua các phòng khắp một lượt, rồi lên sân đỉnh chơi ; đứng trông xuống chung quanh, thu toàn cù-lao vào gương mắt : Thôn lạc ngói đỏ, ruộng nương nước bạc, cây rừng lá xanh, tròn ba vòng bọc quanh, như mặt quả rưa hấu bổ nửa. Lại lấy kính xa trông phóng ra ngoài cái cù-lao ấy, trên giời xanh, dưới băng trắng, hết tầm mắt không chút bụi trần. Than ôi ! tiếc cho các anh em nơi cố-hương, không được có cái hạnh-phúc mà cùng nhau chơi xem cái cảnh-trí này vấy ! Đứng chơi một lúc lâu, chủ-nhân mời xuống nghỉ. Trước hết đưa cả đến một cái phòng rộng, có bàn ghế, bầy

toàn cốc con đủ số uống và hai chai rượu nhớn, sắc xanh.

Chủ-nhân hỏi :

— Các ngài, mỗi ngài định ngủ trong mấy giờ đồng-hồ ?

Khách không hiểu là sao, không một người nào giả nhời.

Chủ-nhân lại nói :

Đây là thứ *thuốc ngủ*. Cái cốc này ba ngấn rưỡi, mỗi ngấn là liều cho một giờ. Ai định ngủ mấy giờ thời tùy ý dùng uống bấy nhiêu ngấn.

Rồi người định ngủ 3 giờ, người 4 giờ, người bốn giờ rưỡi ; Hiếu ta xin năm giờ. Uống song, chủ-nhân lui, khách đều tới mỗi người một phòng riêng. Khi đặt mình xuống thì ngủ ngay. Lúc tỉnh dậy, hoảng-nhiên ! dẫu chưa phải là thần-tiên, thật cũng đã có như câu thơ Đào-nguyên của ông Hàn Chảo-châu rằng : « *cốt lãnh hồn thanh vô mộng-mị* ! » — Dậy, mở cửa buồng để đi ra, đã thấy có người hầu đứng bên cửa đợi sẵn. Hỏi các ông khách kia thời đã xuống trước cả dưới thềm đứng chơi đợi ; nhân theo xuống, lại cùng về nhà thường.

Bữa ăn song, ngài bảo sắp nhiều xe cùng đi chơi. Xe toàn nai kéo, đều không dùng giây cương. Đến chỗ ngã ba đường quặt nào, thấy ngài nói tiếng gì (. . . . .), tự-nhiên các nai đều rẽ theo như ý. Khách lại lấy làm quái, tranh nhau hỏi về việc không hiểu ấy. Chủ-nhân nói :

— Ở đây hiếm người lắm, mà vật-súc ở trong nhà chỉ có một giống này, sai dùng đến luôn, cho nên tổ-tiên chúng tôi có xét ra tiếng của nó rồi dậy khắp mọi người, thời thấy tiện lợi lắm. Không những một sự kéo xe không dùng cương, mà muốn sai đi đâu, bảo việc gì, nhất thiết được như ý. Từ đấy các trẻ con sinh sau tự-nhiên quen hiểu ; đến nay, đứa trẻ mười tuổi giở lên, tiếng nai đều biết cả. Giống súc là vật để sai khiến, nếu không thông tiếng, sao cho được tiện dùng ? Cõi-đời-cũ ở về những giải đất ấm, nực, các động-vật rất nhiều, tôi tưởng chắc đã nhiều nhà truyên-khoa giảng về y tiếng thú súc, mà không ngờ đến nay các ngài còn lấy sự đó làm câu hỏi.

Nghe song, khách ai nấy đều sợ mà thẹn. Đi mãi, qua nhiều thôn. Bao ngoài các thôn là ruộng, bao ngoài ruộng là các rừng cây. Đi cho đến một rừng. Rừng chia làm nhiều khu, khu giồng một thứ cây ; chỗ hai khu cách nhau đều có đường đi xe ; ngã tư đường có nhiều ghế ngồi nghỉ. Qua khu lê, một bên thời là cam, nghe có đông nhiều tiếng trẻ hát. Quan Thống-trưởng nói :

— Đây các rừng cây như nhau, mỗi rừng là thuộc về một thôn. Tiếng hát đấy là những trẻ con gái ở trong thôn đem thuốc đi trừ các sâu cam.

Ngài nói song thời đi vừa đến ngã tư đấy cùng nghỉ. Khách lại hỏi :

— À, còn như cách dân-cư, việc coi-trị ở trên này thế nào ?

Thống-trưởng : — Cái cù-lao này, tính tất cả phần mặt được 2400 milles carrés. Hiện số dân, giai gái già trẻ cộng 2213 người, cùng ở đông cả về phần giữa, đều có lưới khí. Nay các chỗ không ở đến, chưa có đặt lưới thời vẫn còn băng tuyết không kể, cứ đất ở hiện chia làm 20 khu, mỗi khu là của một thôn. Mỗi thôn đều cứ 15 nóc nhà giở lại, đều có một người để coi-sóc, là *Thôn-trưởng*. *Thống-trưởng* thời coi toàn cù-lao, cũng là tự trong hàng Thôn-trưởng bầu-cử lên. Còn khi bầu Thôn-trưởng thời toàn dân trong thôn, giai 13 tuổi, gái 16 tuổi giở lên, đều có quyền được bỏ vé. Một vé chính bằng hai vé phụ. Bầu song, mời các Thôn trưởng khác đến công-nhận, rồi lên trình Thống-trưởng định. Thống-trưởng và Thôn-trưởng, trừ phi có lỗi công, thời làm mãi xuốt đời.

— Vé chính, vé phụ là thế nào ?

— Dân đây, chia 5 thời 2 phần giống người trắng, 3 phần giống người đỏ, các thôn ở sau-sẻ đều nhau. Sự bầu-cử thì người giống trắng là vé chính, người giống đỏ là vé phụ Thôn-trưởng thời hoặc người giống trắng, hoặc người giống đỏ

đều có thể đứng làm, cứ theo vẻ bảo-cử Thống-trưởng thời chỉ riêng giống người trắng đứng làm mà thôi. Ấy là khoán-lệ từ xưa đến nay vẫn như thế ; nhưng gần nay sự hôn-giá thông đồng; sự chủng-tộc sau này thế cũng đến đồng-hóa, thời về sự bảo-cử, vẻ chính vẻ phụ sau này có nhẽ cũng xoá bỏ. Vả như hiện nay, cũng chỉ một sự đó có phân biệt ; còn như làm ăn hàng ngày trong một thôn thời phần khó nhọc, phần vui sướng đều nhau cả.

— Như thế nào ?

— Mỗi năm, các việc mùa màng, hoa quả, than củi, săn bắn, . . . các Thôn-trưởng liệu xuất dân trong thôn ra làm, giai, gái, già, trẻ, hạng nào đi hạng ấy, tùy sức mà cắt việc. Lại như một đôi khi có việc công trong cù-lao, như làm nhà học, nhà máy, khai mỏ, hay lập thêm thôn nào, các Thôn-trưởng đều phải xuất hết tráng-đinh trong thôn dẫn lên tại sở Thống-trưởng để ứng-dịch. Kể đại-lược về phần phải khó nhọc độ như thế ; còn cách ăn ở thời giản lắm : mỗi thôn có một sở bếp và nhà ăn, đến bữa, trừ hai vợ chồng ông Thôn-trưởng, còn thời xuốt dân trong thôn, giai, gái, già, trẻ, đều đến tại nhà ăn, cũng hạng nào ngồi theo đi hạng ấy. Cho nên mỗi thôn 15 người, chỉ là chỗ đoàn-tụ riêng của bố mẹ, vợ chồng, con cái, mà không nhà nào có của riêng.

— Vậy thế, không có chợ búa gì cả ?

— Phải, thôn nào cũng thế cả, không có sự mua bán thời còn có chợ búa gì?

— Nếu thế cũng không có tiền bạc gì cả ?

— Phải, chỉ bởi có học sách thời biết rằng ở Cõi-đời-cũ có đặt ra một vật gọi là *tiền* dùng để mua bán ; nhưng cũng chỉ biết qua thế thôi, ở trường không nói đến, cho nên những trẻ con và một đôi người đàn bà kém học, nói đến *tiền* không biết là vật gì. Nhiều người dẫu có học mà giảng cho hiểu được nghĩa đồng tiền cũng khó lắm. »

Hết câu truyện ấy, 16 người khách đều vỗ tay đứng dậy mà cười, lấy làm một tình-cảnh rất có thú ; rồi về.

Khi khác, nhân bữa ăn, khách lại hỏi :

— Ở đây xem với Cõi đời-cũ thật hơn nhiều, nhưng động-vật thực-vật còn thiếu quá. Sao ngài không cho thông đi lại mua bán để đem các giống vật dưới ấy lên, chẳng tiện đủ hơn ư ?

Thống-trưởng. — Nguyên tổ-tiên chúng tôi có để lại một câu ước chung cho người sau ở cái cù-lao này rằng : « Thiết không nên tự mình giao-thông với người ở Cõi đời-cũ mà làm mất cái tinh-thần thiên-nhiên ở cái cù-lao này. » Vì thế, chúng tôi đến nay vẫn biết ở Cõi-đời-cũ nhiều các giống động thực, mà phải giữ câu ước của tiên-tổ làm một cái then khóa rất hệ-trọng không khi nào dám buông, cũng chỉ là tham tiếc cái tự-do trong sạch, cái độc-lập thanh-nhàn là cái phúc riêng cho người ở phương Cõi-đời-mới. Kể từ ngày tổ-tiên mới đến đây đến nay, không có sự thiên-tai, không có sự địa-biến, không có sự trộm cướp, không có sự chiến-tranh, không có sự án-từ, không có sự kiện cáo, không có sự buôn danh bán lợi, không có câu thế-thái nhân-tình. Ngoài lo ăn lo dùng, chỉ truyên ý xuy cầu nhẽ tiến-hoá. Lắm khi xem sử-ký của tổ-tiên để lại, nói về tình-trạng Cõi-đời-cũ thời tưởng cho các người sinh vào trong chỗ túi-bụi ấy, ngày đêm hết sức óc để che-chống ứng-tiếp với việc đời chưa chắc đủ, còn đâu có thì giờ nhàn-rỗi, tư-tưởng trong sạch, mà khơi nguồn đắp nấm trong tinh-linh. Cho hay hơn cái ấy, phải kém cái khác, nghĩ cũng là nhẽ thường. Vả lại phàm các vật dùng của người ta, nguyên không có thời không là thiếu. Như các ngài ngày nay mới đến đây, chắc nhiều cái thấy thiếu ; còn như thân chúng tôi sinh-trưởng ở đất này, con mọt ăn cây, con run ăn đất, cũng tự lấy làm đủ, cần chi dám tham muốn những các vật xa lạ mà bỏ nhời ước cũ để làm mất cái thế-sản truyền lại 153 năm nay.

— Ngài nói cái ý không muốn giao-thông với người ở Cõi-đời-cũ thời xem ra lý thế hoặc có thể. Còn như bảo người ở Cõi đời-cũ sinh vào chỗ túi-bụi mà không học

Ai hay một giống người rất thua kém trong thế-giới, mà đâu cũng chèo nhanh chen trước bước văn-minh! Sự chính-tục dưới ta, không cứ nước nào, thường chia nhân-dân làm 4 hạng, là sĩ, nông, công, thương. Nay xem như ở đấy thời ai cũng là sĩ, là nông, là công mà không có dân thương. Quan Thống-trưởng đối với các bình-dân, tình thân lễ dẫn, có giống như thiên Mân-phong trong kinh Thi nói khí-tượng vua và dân nước Mân. Các con gái mười bẩy, mười tám tuổi, nước da và phong-cách đều tuyệt trần, mà trí khôn về trên sự tình-dục thời so với người Hà-nội ta hạng mười ba mười bốn tuổi còn kém xa. Trong khoảng bấy nhiêu lâu, dù ngồi nhà, dù ra đường, tai không nghe thấy ai có một tiếng than buồn, mắt không trông thấy ai có một hột lệ. Ruộng không có số, mỗi thôn có một giới-hạn riêng. Số đinh thời giai gái chia ra làm hai, mỗi bên lại chia làm 5 hạng: từ 12 tuổi giở xuống là một hạng, 13 đến 20 là một hạng, 21 đến 40 là một hạng, 41 đến 50 là một hạng, 51 giở lên là một hạng. Chia như thế là để tiện cho lúc cắt việc, mà không hạng nào có thuế thân. Lạ thay! muốn gọi là một nước, không phải rõ một nước; muốn gọi là một nhà, không phải rõ một nhà. Kể cũng chỉ gọi được ba tiếng «*Cõi-đời-mới.*» Nay muốn chép cho kỹ thời dẫu vài ba mươi tờ giấy không đủ; chép lược quá thời lại tiếc cho cái tinh-thần thể-cách chỗ Bồng-lai tiên-đảo ấy không toàn-nhiên hiển-hiện ở nhân-gian. Nói rút lại một câu thời là trình-độ văn-minh đã như đến cuối quãng-đời (1) thứ 21 giở về sau, mà phong-vị uyển-nhiên ngày thái-cổ. Nổi chìm bể khổ, ấy ai cánh bèo; yêu nhau cũng muốn mà theo, nợ trần lụy thế còn nhiều chưa song!

Khi sắp về, quan Thống-trưởng lấy cho mỗi người một đôi kính và tự nói mấy câu truyện rằng:

— Kể từ tổ tôi lên ở đây, con cháu đến nay không được biết chỗ quê cha đất tổ ra làm sao; dẫu ăn yên ở vui, cũng lắm khi trông đầu về phương Nam, tấc lòng ngùi nhớ. Nay không ngờ lại được các ngài từ đất nước cũ lên chơi như thế này, thật là một sự đoàn-tụ cùng nhau trong giấc mộng. Duy hơi e-lệ chỗ một phương cù-lao này từ nay mà về sau, chắc không lại giữ được cái tinh-thần cảnh-tượng như từ nay giở về trước; nhưng thôi cũng là cơ giời đến lúc dã mở ngõ, thời ý người cũng khó thể lại che đậy, thời tôi cũng không dám phiền dặn các ông đừng đem nói truyện với người ngoài.

Lúc đứng dậy ra đi, Ngài dã bảo trước sắp nhiều xe cùng ra tiễn. Quan Thống-trưởng, các ông Thôn-trưởng, các bình-dân, người giống trắng, người giống đỏ, đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con cùng đi đông, số xe không biết là bao nhiêu. Đi hết cánh rừng thông, chủ-nhân giở lại cả Từ đấy, Lưu Nguyễn về Trần, Thai Bồng xa cách; chẳng hay du-khách, sau này có ai?

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Người Tây lấy 100 năm làm một siècle, tính từ năm ông Jésus Christ giáng sinh; chữ Tầu dịch là *thế-kỷ*, đây tạm dịch là *quãng đời*. Theo lịch tây thời thế-giới hiện đương ở quãng đời thứ 20.

Kính cáo

Gần đây nhiều ngài hỏi mua báo mà bảo gửi bắt đầu từ 1er Janvier 1927 Vậy Bản-chí xin thưa rằng: vì Bản-chí ra không được đúng tháng, cho nên không thể gửi theo như thế được. Ngài nào muốn lấy từ số đầu, hoặc từ số thứ mấy, xin cho biết rõ. Bản-chí sẽ xin gửi hầu.

An-Nam tạp chí

Chẳng những thế mà thôi, cụ đã hiểm mà cụ lại quyệt, cụ lại mưu với các nhà trạm, các nhà điện-báo trong phủ, để tắc thư-từ ngôn-luận của dân-gian, cách hành-động của cụ như thế, thiệt là khôn-ngoan cũng ít có vậy

Ôi, cụ ở phủ chúng tôi vài năm nay cụ làm biết bao thủ-đoạn rã-man truyên chế, biết bao chính-sách tham tàn độc dữ dân chúng tôi nào là nát xương mòn thịt, nào là hao tài tốn của, huyết-mạch đã hết; sinh-khí không còn, còn mong gì có ngày sống xót với quốc-dân Nam-Việt nữa! Trách vì dân ngu chỉ đem cao-huyết mình cho Ngài sơi mãi, thì dân mình huyết-tuyền đừng cạn hết hay sao? Tôi mong rằng Chính-phủ là đèn giời soi thấu dân chúng tôi là nơi thâm-sơn cùng-cốc này, mà thăng quan cụ lên Thiên đường đi, thì dân chúng tôi mới thoát khỏi vòng địa-ngục vậy.

Ôi! cũng là cụ Phan cả, cũng là giang sơn chung anh dục tú cả, sao hai cụ Phan cũ thì như thế, mà cụ Phan mới này sao lại như thế? — Hay là cụ Phan mới này hấp-thụ riêng lấy cái thán-khí bã cặn của sông Lam núi Hồng hay sao? — Tôi mong rằng có lắm bực người như hai cụ Phan cũ, mà cụ Phan mới này thiệt không nên mở mặt mà đứng vào trong xã-hội ngày nay vậy. Hai cụ Phan cũ đã hi-sinh thân thế với vận-mệnh giang-sơn chủng-tộc, thì tôi chỉ mong rằng cụ Phan mới này cũng nên hi-sinh đời người của cụ với Diêm-vương Hà-bá để cho dân chúng tôi được thăng-siêu lên cõi bồng-lai tiên-cảnh vậy. Cụ Phan mới nghĩ sao?

Một người dân phủ Anh-sơn lai cảo

Cảm đề

Thái-bình chưa rướch tiếng kêu oan,
Lại tiếng kêu giời ở Nghệ an!
Một phủ Anh-sơn trong mấy tháng,
Mà tay Phan-tử lấy ba ngàn!
Cũng phường dối nước, quân-ăn cắp!
Cũng lũ tàn dân, giống hại đàn!
Lạnh lẽo hơi sương tòa Tạp-chí,
Lệ ai dàn-dụa với giang san.

Tản-Đà

Một lá thư của dân huyện Thanh-Chương tỉnh Nghệ-An

Mới cuối tháng Décembre trước, tiếp bài lai-cảo của người phủ Anh-Sơn tỉnh Nghệ-An, đăng như trên đây: sang đầu tháng Janvier này, lại tiếp luôn một lá thư của dân huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An, cũng một nhời ca thán như thế. Lá thư sau đây, thực là của dân chúng ít học, cho nên không biết cách viết thư, không có đề ngày tháng gì và cũng không có chấm câu gì cả. Nay lược y nguyên-văn đăng tải, để trên thấu đến chánh-phủ Bảo-hộ, dưới ngỏ cùng độc-giả chư-tôn. Mong rằng Chánh-phủ xét đến chỗ lại tệ dân tình mà tìm phương cứu chữa; các quân-tử có bụng ưu thời ái quốc, cần nên để ý đến chốn thôn-quê vậy.

An-Nam tạp-chí

*
* *

Kính thưa ông chủ-bút An-Nam Tạp-Chí kính thưa ông: dân chúng tôi có lời xin chúc qui-báo ngày ngày gõ mõ rung chuông, khai dân-chí Việt-Nam và chừ những thói tham ô thời dân Việt-Nam sau này cũng có nền hạnh phúc.

Nay dân chúng tôi ở thuộc về tỉnh Nghệ-An, huyện Thanh-Chương mà bị phải một ông quan Huyện tên là *Nguyễn-Toại* lên ngồi trị hạt chúng tôi đã vài ba năm nay mà dân sự chỉ chịu bề nguy hiểm và trong dân lại có những phường dơ nhớp làm việc cũng vừa theo ông mà làm chó săn hươu để ức hiếp dân thiệt là khốn khổ từ ngày ông mới tới Huyện chúng tôi thời tiếng đồn nhà ông giàu bẩy tám trăm mẫu ruộng dân chúng tôi đã mừng thầm tưởng là ông làm việc chính đáng ai ngờ ông làm những việc lôi thôi như sau này; Từ ngày ông mới

lại như thế, để dân chúng cùng biết, và xin chúc cho khắp nhân-dân trong hạt huyện đều được khang ninh.

An-Nam tạp-chí
Chủ-nhân
Tản-Đà Nguyễn-hắc-Hiếu
Kính đáp

Một con có năm cha

Bài này, cứ một đoạn trên, là thể văn ở trong báo hằng ngày, không hợp đăng lên ở Tạp-chí ; duy câu truyện và phần nghị luận ở dưới, thực có quan-hệ thống-thiết đến phong-hóa, cho nên trích-lục làm gương.

An-Nam tạp-chí

« Tại nhà Bảo-sản bà N. T. N. ở Huế, mới rồi có sẩy ra một truyện khiến cho ai nghe đến cũng ôm bụng phì cười, tắc lưỡi lắc đầu, chê bai không xiết, thế thì cái truyện ấy ký-giả thuật ra đây, tưởng có thể cùng độc-giả vui mắt trong đôi hồi vậy.

Số là một cô thiếu-nữ con một ông thầu-khoán kia, nhà giầu có, lại có tánh mộ Phật-giáo, nên trong nhà có thiết ban thờ Phật, lại có nuôi một vị sư để tụng - niệm xuốt năm. Ông sư này nào có phải già-cả sóm-sém như ai, chính một vị sư mắt sáng như đèn, răng trắng tợ ngọc, có đạo-mạo thanh cao như ngành mai điểm tuyết, có tinh-thần đạm-bạc như ánh trúc vương mây, cái phong-tư đã dường ấy, lại có cái thanh âm tuyệt kỳ, giọng tụng kinh trong vắt như tiếng hạc từng mây, hòa với tiếng mõ tiếng chuông, khi bổng khi trầm, khiến người nghe cũng êm tai khỏi não.

Nam-mô A-di-đà-phật, Phật còn có Độ-hận bồ đề, Khiền-tình-long-nữ, huống-hồ, là thầy ; có lẽ bởi cớ ấy mà thầy nghĩ lầm tưởng cô con gái nhà chủ là Độ - hận, là Khiền-tình đó, cho nên lâu nay thầy độ thế nào không biết mà nay cô đã kết thành một cái bồ-đề, đến ngày tuổi gái cập kê, có nhà vấn-tự, cha mẹ cô đã đành gả, cô chẳng chịu, cứ khư khư với người áo mực mà bỏ hẳn mối tơ hồng, để cho sinh sự lôi-thôi, thân đến chốn tụng-đình, đã trải bao sỉ nhục, song cô chẳng chịu nghe lời giáo-huấn, quên cả luật-phép, đành bỏ chồng mà theo gã sư ông.

Được ít lâu, cha mẹ từ bỏ, cô có bao nhiêu nữ-trang tư riêng đều cùng cho anh đầu trọc. Nay đến ngày khai hoa nở nhị thì kẻ tu-hành đã nghĩ rằng sự xả thân cầu đạo mà nay được chút phước dư là chút con đỏ đã sinh ra đó, nên được tin lật-đật đến nơi nhà bảo-sản để thăm con ; ai ngờ khi đến nhà bảo - sản, vào trong phòng đẻ thì đã thấy ngồi đó bốn vị, nào là thầy thông, thầy ký, ông thầu-khoán, cậu học-trò. Trước còn tưởng là bốn vị ấy là bà con cùng cô, sau hỏi ra mới biết rằng không phải, té ra bốn vị ấy toàn là người đi đến thăm con cả.

Ối chao ôi ! con có một, sao đến năm cha đến thăm, thế thì biết ai là cha ruột ? ai là cha ghẻ ? biết ai là cha đẻ ? ai là cha nuôi ? mà xem cái cảm-tình của năm vị đó thì vị nào cũng là cha ruột cả. Ấy thế, ai nghe đến lại chẳng buồn cười. Ôi, sách có chữ « *tam phụ bát mẫu,* » song chữ *tam phụ* ấy là nghĩa mượn, chớ không phải là nghĩa thật, nghĩa là người dậy dỗ cho nên thân cũng là cha, mà những người cúc-dục trong khi rủi-ro thiệt - thòi thì cũng gọi là « tam phụ bát mẫu ». Ngày nay lại có đến « ngũ phụ nhất mẫu » mà toàn là cha mẹ thật cả, thì đứa bé ấy ngày sau có lẽ là một đứa con của xã-hội chung đó chăng ?

Than ôi ! trong lúc luân - thường đồ nát, trong xã-hội lắm điều ngổn-ngang, xem qua một truyện này cũng nên buồn cười mà cũng nên tỉnh-ngộ. Buồn cười là cười truyện trớ-trêu, không ngờ mà có ; mà tỉnh-ngộ là tỉnh-ngộ sự tu-hành là khó được chơn - tu. Khuyên cùng những nhà có mộ đạo, thì mộ ở lòng cũng là đủ. " Thờ cha kính mẹ " tức là tu ; hà-tất phải lễ Phật hành hương, mới là đắc đạo ; can chi phải lập am rước sãi, cho sinh truyện lôi-thôi.

Phật là đại từ-bi, song cũng là đại-hùng đại-lực. Những kẻ tu-hành chân-tánh, nên xét kỹ mà kính mà nhường ; còn những bọn gian-ni ác - tăng như lão trọc này thì nên trừ nên khử. »

CÔNG-LUẬN

trọng nghề thực - nghiệp, vì nghề thực-nghiệp có tự-do, có lợi-lộc, hơn đi làm việc quan, và nghề thực-nghiệp là đáng kính đáng trọng, chứ quốc-dân không hư như xưa mà xem khinh xem thường nữa.

Kể qua loa chương-trình của hội như vậy, thực đã bao-la rộng-rãi, công việc rất khó, rất trọng, nhưng có ích lợi chung cho nước, nên chúng tôi chắc rằng Ngài cũng đồng trí, mà hiệp-lực với chúng tôi làm thành công-quả, quên được các sự khó-khăn ban đầu, thì thực là may cho tiền-đồ thực-nghiệp lắm lắm.

Xưa kia ta không biết chuộng về đường thực-nghiệp, nên chi thực-nghiệp nước ta mỗi ngày một thấp kém, quốc dân ta vẫn biết vậy, nên có lòng mong mỏi có một hội nào ra đời để chấn-hưng thực-nghiệp. Nếu hội ái-hữu ta lập thành, thì rất hợp thời, tất là quốc-dân ta giao-phó cho ta một cái nghĩa-vụ ích chung mà ta dám đảm nhận, thật đanh giá cho ta biết đường nào vậy.

Các Ngài là nhà thực-nghiệp không nên vội nói rằng : « Thực-nghiệp không cần ái-hữu », xin hãy nghĩ rằng cái sự cần có ái-hữu không trực-tiếp với sự lợi hại riêng của Ngài, nhưng thật là có ích chung cho đoàn-thể.

Vậy đến ngày nào các nhà thực-nghiệp ta đã dùng hết trí lực mà chiếm được một địa-vị trên thị-trường vạn-quốc, đến ngày nào ta đã có nhiều công-ty thương-mại kỹ-nghệ lớn lao, đến ngày nào người ngoại-quốc không nói được rằng dân Annam không biết làm thực-nghiệp, không cả gan toan việc lớn, thì ngày ấy ta sẽ nói được rằng ta đã làm xứng đáng cái nghĩa-vụ của ta đối với nước ta vậy.

Các Ngài đồng-bào ơi ! xin đừng cân nhắc. Các ngài vào hội ái-hữu, ấy là làm một việc nghĩa-vụ của các Ngài đấy.

Hiện nay quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y bản điều-lệ và cho phép lập hội. Chúng tôi dự định trung tuần tháng giêng tây này sẽ lập đại-hội-đồng thành-lập ; vậy ngài nào có đồng-trí với chúng tôi và muốn vào hội ái-hữu ấy thì xin viết ngay thư cho ông Sơn-xuân-Hoan (Quảng-Hưng-Lon, Hanoi) để kê vào sổ hội-viên sáng-lập và tiện mời đến dự kỳ đại-hội-đồng lần đầu.

Nay kính đạt

HỘI LIÊN - HIỆP NÔNG CÔNG THƯƠNG

Sách mới xuất bản

I — Gương Thiếu-Niên *(quyển thứ hai) của MM.* Phạm - Dật-Công *và* Phạm-Mộn .-Tiên *đã xuất-bản là một quyển tiểu - thuyết có ích cho thiếu-niên ta, sách giầy 44 trang, giá* 0$10, *in tại Vĩnh-Thành công-ty Hanoi.*

II — Bưu - Điện Tàn - Lệ, *của MM.* Mai - Ngọc - Phương *và* Đỗ - Đình - Lương *soạn, là một quyển sách có ích cho mọi người, ai cũng cần phải biết để giao-dịch với nhà Giây-thép, giá* 0$60, *in tại Long-Quang Ấn Quán Hanoi.*

III — Sóng-hồ-ba bể, *là một cuốn tiểu-thuyết của ông* Phạm-Bùi-Cầm *soạn, Nam-Đồng-Thư-Xã xuất-bản, sách giầy 80 trang, giá* 0 $ 25, *in tại Nghiêm-Hàm Ấn Quán Hanoi.*

IV — Ba người ngự lâm pháo thủ (Les trois mouquetaires) *của* Dịch Văn-Thư-Xã *mới xuất-bản, mục-đích là để truyền-bá tư-tưởng Âu Tây, sách này sáng lập bởi Quan Thống sứ* R.Robin, *dịch ra Quốc-âm do MM.* Vayrac *và* Nguyễn-văn-Vĩnh, *sách bỏ túi được, giầy 70 trang giá* 0$05 *một quyển.*

V — Túp lều tranh *là một cuốn triết-học tiểu - thuyết của ông* Vũ - Công - Nghi *dịch-thuật, sách giầy 22 trang, giá* 0$15, *ông* Nguyễn-Ngọc-Tâm *xuất bản và in tại Long-Quang Ấn-Quán Hanoi.*

VI Cầm ca tân điệu, *là một quyển có các bài đờn và bài ca đờn nguyệt đều theo điệu cải-lương, của MM.* Lê-văn-Tiếng *và* Trần-Phong-Sắc *diễn ra, sách giầy 147 trang, giá* 1$00, *in tại nhà in J. Viết Saigon.*

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các Hiệu sách ở các tỉnh, Hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10°/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

QUẢNG CÁO

Giá quảng-cáo định trước nay bỏ đi; bắt đầu từ nay, Ngài nào muốn đăng việc gì ít nhiều kỳ, xin cứ gửi tiền về, Bản-chí sẽ lượng đăng lẫn vào cuối bài, ở những chỗ còn thừa giấy trắng.

An-Nam Tap-chi

Số 10 NĂM THỨ NHẤT 1re QUINZAINE MARS 1927

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 6172

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

AN-NAM TẠP CHÍ
REVUE DE L'ANNAM

TOÀ BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50-52, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1927

Cảm tạ lòng ai

An-Nam Tạp-Chí
Chủ Nhân
50, Phố Hàng Lọng
Hà-nội

Nguyễn Trần. Sinh nhà giàu,
Báo mới ra đời, tin ấy sớm
hiểu mọi nơi, gửi về hình
tăng. Xin Trần Sinh cùng mà
nhận cho.
Thích chuẩ,
An-Nam Tạp-Chí nghĩ lắm!
Sự nghiệp của Trần-Sinh cũng
vì non-sông trường thọ!
Bái phục.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

bái tạ

Trần Sinh Hồng Đăng Mandat
số: 088819

N° 10 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Mars 1927

AN-NAM TẠP-CHÍ

CUNG CHÚC

Đại đa số Quốc-dân có tư-cách

AN-NAM TẠP-CHÍ

社 說

XÃ-THUYẾT

MỘT CUỘC CHIẾN-TRANH, NGƯỜI AN-NAM, SẼ KHỞI ĐẦU TỪ NĂM ĐINH-MÃO

Năm cũ đã qua, năm mới đã đến, toàn-thể quốc-dân An-nam ta, phải nhất tâm tề lực, đối với một cuộc chiến-tranh này, thời giống người An-nam chúng ta mới có thể sinh-tồn ở trên thế-giới sau đây vậy.

Một cuộc chiến-tranh này, không phải là chiến-tranh bằng binh đao, không phải là chiến-tranh bằng võ-lực, cũng không phải là chiến-tranh gì với ai; chỉ là hết cái sức tiến-thủ, để đánh nhau với thời-cục mà tranh sự sinh-tồn. Người là người, ta cũng là người. Sự sinh-tồn của

TRẬN-THẾ

師 軍
Quân-sư
Đại Pháp bảo-hộ

軍 鋒 前
Quân tiền-phong
Các báo-quán

軍 翼 左
Quân tả-giực
Hương-hào

軍 翼 右
Quân hữu-giực
Sĩ-phu

軍 中
Trung-quân
Toàn thể quốc-dân,
nam phụ lão ấu

隊 載 運
Đội vận tải
Các nhà tư-bản

隊 洋 巡
Đội tuần-dương
Các người du-học

軍 後
Hậu-quân
Học-sinh

軍 備 儲
Quân trừ-bị
Các dân mường, thổ, mán

軍 傷 救
Quân cứu-thương
Các đàn bà, con gái

軍 城 守
Quân thủ-thành
Quan-trường

quân đó, phải lệ chí tu thân, nhiệt thành ái quốc, để theo đuổi với tiền-đồ của giang sơn ; không được lập chí rằng sau khi đỗ ra, chỉ hưởng-thụ riêng cái sung-sướng trần-đồ, cái danh-giá thế-tục, mà không bận-bịu đến dân nước.

8° Cứu-thương quân.—Quân Cứu-thương truyên về việc từ-thiện. Các đàn bà con gái, nhất như các nữ giáo-viên, nữ học-sinh, xung vào đội quân đó, đều phải đoan trang cần kiệm, trong giúp đỡ cho chồng con ở gia-đình, ngoài xem xét đến các việc từ-thiện của xã-hội ; không được ăn chơi nhàn biếng, lại đua nhau xa-xỉ hoang-đãng, làm hại phong-hóa của quốc-dân.

9° Trừ-bị-quân. — Quân Trừ-bị, tuy chưa phải ra trận, nhưng cũng cần phải thao-luyện. Các dân mường, thổ, mán, xung vào hạng quân đó, các thổ-lang cần phải tìm phương khai-đạo, cho dân chúng được khôn ; không được cứ để mặc cho ngu, để lợi dùng sai khiến.

10° Thủ-thành quân —. Quân Thủ thành truyên giữ ở bên trong, rất phải nghiêm cẩn. Trong quan-trường, trừ những người nào có học-thức tư-tưởng đã xung vào đội quân Hữu-giực, còn thời không cứ tại-chức hay hồi hưu, đều xung vào một đội quân đó. Các người xung vào đội quân đó, cần phải tu trỉnh nhân-cách, nghiêm thủ bổn-phận ; không được tham-lam tàn-nhẫn, hà-hiếp lũ con em.

Giở lên quân-pháp lược thảo đó, sau khi đã ban-bố, phàm kẻ nào không tuân, nghĩ xử là hạng người hạ-lưu trong xã-hội ; kẻ nào hại đàn hại nước, không kể là người An-nam ; kẻ nào hại đàn hại nước đến quá lắm, thời bố mẹ, anh em, vợ con, đều không kể là giống người An-nam. Kẻ nào hết sức tiến-thủ, có công to trong cuộc chiến-tranh này, thời sau khi chiến thắng thành công, sẽ có bia đá tượng đồng, nghìn thu báo-đáp.

*
* *

Hỡi quốc-dân An-nam ta, nước An-Nam ta từ năm *Đinh-mão* này giở về trước, cái hay cái dở, có chép ở sử-sách, chúng ta đều đã biết ; nước An-Nam ta từ năm *Đinh-mão* này giở về sau, chúng ta chưa biết ra sao vậy. Cái vận-mạnh của nước ta sau này hay dở, hoặc-nhiên có tiền-định ; nhưng vô luận tiền-định thế nào, chúng ta phải hết sức tiến-thủ, tức như trong nhà có bố mẹ bệnh ốm, không thể tính số-vận, mà sự kiếm thuốc là rất cần. Từ năm *Đinh-mão* này giở về trước, cái hay cái dở, đều đã dĩ-nhiên ; từ năm *Đinh-mão* này giở về sau, chúng ta phải cố sức cho được hay, không nên cẩu-thả nhân-tuần, tự làm thú súc vậy. Nay nhân gịp năm mới, xin lấy lệnh của toàn thể quốc-dân, đại-xá cho những ai trong quốc-dân, dù kẻ nào có tội lỗi gì với quốc-dân xã-hội, nhất-thiết tha thứ mà dung cho cải quá tự tân. Vậy thời như những ai tự vấn tâm là người có tội lỗi với quốc-dân xã-hội kia, đều sớm nên cải lự hồi đầu, cùng xã-hội quốc-dân, mưu đồ tiến-thủ. Giang sơn chật hẹp, phong trào cấp bách, nhân-tài ít, dân-số không nhiều. Họp đại-đoàn-thể quốc-dân An-nam ta

Luận về quyền-hạn của Chính-phủ và nhân-dân

Gậm giời chưa có nước nào không nhân dân mà có thể gọi là nước, cũng không có nước nào không chính-phủ mà có thể gọi là nước được; vậy thì chính-phủ và nhân-dân, đều là những vật-liệu để dựng nên nhà nước cả. Bảo rằng chính-phủ thuộc về nhân-dân là không phải, bảo rằng nhân-dân thuộc về chính-phủ càng không phải; nghĩa là bên trên chính-phủ và nhân-dân lại còn có một cơ-quan gọi là « nhà nước có tư-cách, » làm giường làm nóc, cầm một chủ-quyền rất nhớn rất cao, mà chính-phủ và nhân-dân đều xum họp nghỉ-ngơi ở bên dưới vậy.

Kẻ thiên trọng về nhân-dân thì cho rằng: nhà nước chẳng qua là một đoàn-thể kết-hợp của nhân-dân, chủ-quyền nhà nước phải thuộc về cá-nhân. Thuyết đó nếu mà đạt đến cực-điểm, tất phải có một ngày quyền của nhân-dân vô hạn. Tệ đó sẽ kết-quả thành một dân-tộc không chính-phủ, dắt cả quốc-dân về vòng dã-man.

Kẻ thiên trọng về chính-phủ thời nói rằng: Chính-phủ là đại-biểu của nhà nước, đem chí ý của nhà nước mà bày ra sự-thực; cho nên chủ-quyền nhà nước phải thuộc về chính-phủ. Thuyết đó nếu mà đạt đến cực-điểm, tất phải có một ngày quyền của chính-phủ vô hạn. Tệ đó sẽ kết-quả thành một chính-thể truyền-chế, hãm cho quốc-dân không bao giờ tới cõi văn-minh.

Cho nên muốn gây một nền nước mĩ-mãn hoàn-toàn, nghĩa thứ nhất là phải định rõ quyền-hạn của nhân-dân và chính-phủ.

Vì quyền nhân-dân vô hạn mà hại đến nhà nước, thì Âu-châu gần nay cũng có, như cuộc cách-mệnh lần đầu của nước Đức về cuối thế-kỷ thứ mười tám đó vậy. Nhưng mà việc đó rất ít thấy. Xem xuốt lịch-sử, trong mấy nghìn năm, thì những sự rối-loạn ở thế-giới, phần nhiều là do ở chính-phủ lạm-dụng quyền-hạn, để nên nhân-dân, cho nên trong bài này lấy quyền-hạn của chính-phủ đối với nhân-dân là nghĩa chính, lấy quyền-hạn của nhân-dân đối với chính-phủ làm nghĩa phụ.

Chính-phủ mà được thành-lập thì nguyên-lý do ở đâu? tất phải do ở dân-ước. Nhân-dân mà không có công-quần thời không có thể khiến cho nội-giới được phát đạt, cũng không có thể cùng với ngoại-giới cạnh tranh. Cho nên trong sự hợp-quần, bao-hàm có hai nguyên-lý: một là cá-nhân tự làm lấy; hai là đoàn-thể cùng làm chung. Đã cùng nhau kết hợp được một công quần, thì phàm công-việc trong bản-quần, ai ai cũng phải gánh vác; nhưng nếu ai ai cũng đem cả thì-giờ tài-sức mà lo việc công-quần, thì sự sinh-kế riêng, tất-nhiên không thể làm xiết. Vì thế nhân-dân mới bàn nhau rằng: Ta đương làm ruộng, ta đương làm thợ, ta đương đi buôn, ta đương đi học, ta không có sức thừa, thì giờ rỗi, mà lo việc công-quần, âu là ta kén chung lấy bấy nhiêu người ở trong công-quần của ta, mà giao-phó cho họ lo-lắng công-việc. Đó là cái nghĩa Chính-phủ.

Vậy thì Chính-phủ chỉ là một cơ quan để thay nhân-dân lo lắng việc công-quần, muốn xét xem chức-trách của *Chính-phủ* là những gì, quyền-hạn của Chính-phủ được thế nào, tất phải dùng thế đó mà đoán.

Chính-hộc(1) của Chính-phủ là gì? có phải là chọn việc công-ích không? Công-ích kể thì nhiều việc, nhưng cũng chẳng qua là làm cho nội-giới phát-đạt, cùng với ngoại-giới cạnh-tranh. Phàm việc gì mà sức một người không thể làm nổ thì chính-phủ làm thay; người nào mà hành-động hại đến người khác, thì chính-phủ phải đàn-áp. Cứ như thế thì nghĩa-vụ của chính-phủ dầu có ngàn đầu muôn mối, chúng ta có thể tóm lại làm hai câu: một là dúp cho sức tự-doanh (2) của nhân-dân hoặc có không đủ; hai là giữ cho quyền tự-do của nhân-dân hoặc bị chiếm lấn. Theo đó mà làm, cứ đó mà giữ, chính-phủ mà đáng quí là vì thế. Nếu mà không thế thì có chính-phủ cũng chẳng hơn gì không. Nếu lại tệ nữa: không những

1. *Chính-hộc* là cái đích ngay thẳng.

2. *Tự-doanh* nghĩa là tự làm lấy công-việc của mình.

chẳng những lợi ích cho nhân-dân, mà thực là lợi ích cho chính-phủ vậy.

Một nhà danh-nho nước Anh bàn về nguyên-lý tự do, có nói rằng :

« Trải xem lịch-sử của ba nước Hy-Lạp, La-Mã, Anh-Cát-Lợi, về đời vãng-cổ, nhân-dân thường vẫn cùng chính-phủ tranh quyền ; những sự chính-phủ thi-hành, chẳng những là chẳng theo ý muốn của dân, mà lại đè nén dầy lấn thêm, làm cho nhân dân không thể chịu được. Bấy giờ những bực nghĩa-sỹ yêu nước, ầm ầm nổi lên, cho rằng : nhân-dân không yên, chỉ tại quyền của chính-phủ vô hạn. Từ đó, cái nghĩa tự-do mới thịnh hành. Nhân-dân giữ quyền tự-do, không vượt khỏi hai phép này :

1. — Định quyền-hạn của những người chế trị, đem ra giao ước với chính-phủ, mà có nhời chính-phủ thừa nhận. Tự đó về sau, nếu chính-phủ trái quyền-hạn đó, thì là sai ước ; nhân-dân được phép dùng sức mà chống cự, chính-phủ không được gọi là bạn-nghịch.

2. — Nhân-dân đều được đem ý riêng tỏ ra ngôn-luận, đặt vào luật lệnh, để ngăn giữ lợi ích cho toàn thể.

Trong hai phép đó, thì phép thứ nhất, Âu-châu thi-hành đã lâu ; còn phép thứ hai thì lần này đã thấy phát-đạt, có nhẽ cũng dần dần lan chàn khắp cả mặt đất.

Có người cho rằng : « khi xưa chính-sách truyền-chế còn thịnh hành, các quân-chủ chỉ biết mình mà không biết dân là đâu, thời sự đặt quyền-hạn thật là không thể thôi được. Ngày nay dân-chính đã thịnh, nguyên-thủ (1) trong một nước đều do nhân-dân công-cử ra, thì có thể bắt phải theo ý của dân, làm lợi cho dân, những sự bạo-ngược, quyết không bao giờ mà khởi ra được, thế thì cần gì phải đặt quyền-hạn. » Ôi, câu nói đó thật là không phải. Càng ở những nước dân-chính, càng nên định rõ quyền-hạn của chính-phủ. Tại vì sao ? vì rằng những nước dân-chính, tiếng rằng nhân-dân tự trị, không phải có ai cai-quản ; nhưng trong một nước, không phải ai ai cũng được có quyền hành-chính, có kẻ được cai-trị, mà cũng có người bị cai-trị. Chính-lệnh thi-hành tuy rằng vẫn theo ý muốn của dân ; nhưng mà những ý muốn đó, cũng không phải là ý muốn chung của cả nước, chẳng qua là ý muốn riêng của một số nhiều người mà thôi. Nếu không chế định quyền-hạn, thì cái nửa về bên số nhiều, tất áp-chế cái nửa về bên số ít ; những nhân-dân về bên số ít thế yếu, chẳng mấy lúc mà mất quyền tự-do, mà sự truyền-chế của bên số nhiều dần dần có khi to hơn quân-chủ. Cho nên quyền-hạn của chính-phủ và nhân-dân, vô luận nước nào theo dùng chính-thể nào, đều phải rõ-ràng gẫy-gọn.

Coi đó thì những nước quyền dân rất thịnh, mà sự đặt ra quyền-hạn cũng phải cần đến như thế ; huống-chi những nước dân-trí chưa khai-minh. Sách Lễ-ký chẳng nói đó ru : « Giời sinh dân, mà lập ra vua, là cốt để chăn dân coi dân, mà không phải là để một người làm càn ở trên dân vậy. » Các nước văn-minh không có người nào mà được làm càn, nhân-dân cũng thế, chính-phủ cũng thế, số ít cũng thế, số nhiều cũng thế ; người nào có quyền người ấy, quyền nào có hạn quyền ấy. Quyền-hạn nghĩa là gì ? nghĩa là hạn-chế người trong nước không được lạm-dụng quyền tự-do vậy. Lạm dụng quyền tự-do, tức là xâm tự-do của người khác, đó là tự do một cách dã-man. Không ai được lạm dụng quyền tự-do, thì ai ai cũng được tự do, đó là một cách tự-do văn-minh. Nếu không có văn-minh tự-do, thì nhà nước không thể nào mà thành-lập được.

Nói tóm lại thì chánh-học của chính-trị tức là công-ích, nguyên-liệu của công ích tức là tự-do. Chúng ta sinh ở ngày nay, trải mấy nghìn năm nung-đúc hun-đèn, qua mấy nghìn lớp vun giồng bón tưới, đã nghiễm-nhiên khỏi vòng trứng nước mà đến lúc khôn nhớn, vượt cõi man-dã mà tới cõi văn-minh ; ta há không nên tìm cách tự doanh tự-trị, mà cứ học đứa oe oe quấy khóc, chờ ăn đợi bú của những phường nái sữa vú em !

Ôi quyền-hạn ôi quyền-hạn, thật là nền móng dựng nước vậy.

NGÔ-TẤT-TỐ *dịch*

1: Nguyên-thủ là người đứng đầu, tức như các ông thống-lĩnh.

bản khi bắt đầu lập hội, chỉ độ hai mươi nghìn đồng 20000$00 tiệm tiệm đã đủ, còn việc lập hội-quán sẽ lại liệu dần. Nếu được phép lập hội, thì ta nhờ các báo làm cơ-quan cổ-động giùm, còn các chân sáng-lập chủ-trì cũng tự mình cổ-động lấy nữa, người về phái cựu-học thì cổ-động trong phái cựu-học, người về phái tân-học thì cổ-động trong phái tân học, người ở các giới nông, công, thương thì cổ-động trong các giới nông, công, thương. Nói tóm lại là người về phái nào, cổ động phái ấy; ai quen nơi nào, cổ-động nơi ấy. Ai ai cũng một lòng nhiệt-thành như vậy, thì hội-viên tất đông, thì số tư-bản chừng hai mươi nghìn kia tưởng chẳng còn thiếu là mấy, mà có thiếu cũng không ngại: các nhà hảo-tâm ở nước ta ngày nay, kể đã khá nhiều, nếu là việc nghĩa, thì ai chẳng có lòng giúp: như thế mà còn thiếu thì ta cầu đến Chính-phủ. Chính-phủ đã nhận cái trách-nhiệm khai-hóa dân ta, mà nay lại có hội ta giúp việc thì lẽ nào Chính-phủ lại chẳng sẵn lòng chợ cấp mà ngại. Như thế thì vấn-đề tư-bản sẽ giải-quyết được, chứ có khó gì.

Lại nói đến các chân hội-viên, ông Tản-Đà dẫn ra hai cái hội là hội Ích-Hữu-Thư-Xã ngày trước và hội Khai-Chí-Tiến-Đức ngày nay mà quyết rằng: « Người An-nam hiện nay chưa đủ tư-cách mà lập được cái hội, để làm những công việc như thế, có chăng phải mươi mười lăm năm về sau. » Điều này xem ra ông đã từng xét tình trạng xã-hội lắm, nhưng ngẫm lời ông nói, thì ông có ý khinh xã-hội quá. Ôi, một xã-hội như xã-hội Việt-Nam ta, tài tuấn chẳng phải là ít, lại ở vào cái thời-đại như thời-đại ngày nay, học-thuật không phải là kém, mà cầu lấy một số ít người đủ tư-cách lập hội cũng không có, như thế thì chẳng cực lắm ru? Nhưng sự-thực có hẳn thế không? Tôi xin trả lời rằng: không. Nam-Kỳ đang mưu lập-hiến, Trung-Kỳ đang mưu lập chánh-đảng, đan cử hai việc đó, đủ biết rằng người An-nam không thuần một hạng vô huyết-tính cả. Vậy thì cái hội như hội Quốc-dân này, chỉ có làm sách, làm báo và diễn-thuyết, chứ không can-thiệp gì đến chính-trị cả, hà lại không đủ tư-cách mà lập được ru? Ông Tản-Đà có lẽ nghĩ chưa kỹ mà đã nói, cho nên nói có hơi quá mà thành ra ý kiêu-ngạo vậy. Còn như thấy hội Ích-Hữu-Thư-Xã thất bại và hội Khai-Trí-Tiến-Đức thành lập chẳng ra gì, mà cho là hội Quốc-dân chưa có thể lập, phải chơi mươi mười lăm năm về sau, thì ông lo hơi xa quá; cái lo như thế, chẳng là cái lo của Kỷ-nhân ru? Không biết rằng hai cái hội kia, cái thì thất-bại, cái thì thành lập không ra gì, đều là bởi tính-cách riêng của nó. Tuy thế mà hai cái hội ấy, đã dạy cho ta một bài học hay rồi đó; nếu ta khéo học, biết đâu chẳng vì đó mà khôn thêm ra. Như ta đã biết hai cái hội ấy quấy bôi bôi nhọ cho xã-hội, thì ta phải giữ-gìn thế nào cho khỏi sẩy ra những cái xấu ấy. Đại-khái khi lập hội, trước hết là chọn những người chân chính quân-tử, sẵn lòng yêu nước xưa nay, dủ vào các chân sáng-lập; còn các chân hội-viên khác cũng vậy, đều là những người tốt, mục-đích hội thì chỉ giúp Chính-phủ khai hóa quốc-dân, chứ không có điều gì bí-mật khác. Hội-viên tốt, việc làm chính đáng, thì có điều gì đáng nguy mà lo thất-bại. Không thất bại tức là thành lập. Thành lập mà hội viên không phải là những người có lòng hoạn đồ hoạn thất, hoặc ủy thủ ủy vĩ gì, thì làm gì phải giả thác ra mọi cách chơi bời để chiều ý người, mà làm mất giá-trị hội như những ai ai, hay là lại để cho những kẻ khôn-khéo nào họ tùng trung dụng lợi được, như lời ông Tản-Đà đã nói.

Nói trái lại mà hội nếu lại thất bại hay thành-lập không ra gì đi nữa, thì ta đã đem thân ra lo việc nước, ta phải nghĩ cách nào mà làm cho đạt mục-đích của ta mới nghe chứ, vì thất-bại là mẹ đẻ ra thành-lập kia mà. Nếu việc chưa làm đã lo những thất-bại mà không dám động đến, thì thường hai ba mươi năm, năm bẩy mươi năm, hoặc một trăm năm, việc cũng vẫn đấy, chứ có hạn gì mươi mười lăm năm mà kể.

Vì ông Tản-Đà cho là người Annam chưa đủ tư-cách lập hội, cho nên bàn đến việc lập Quốc-dân-hội để dẫn khởi Hương-hào ái-hữu-hội, thì ông nói rằng: « Nếu Hương-hào ái-hữu hội, lại phải nhờ vào Quốc-dân hội thì chậm biết bao nhiêu. Nhưng

tiệp - pháp hơn hết là diễn-thuyết. Những việc đó, không phải sức một người làm nổi, vậy nên lập quốc - dân - hội để làm các việc khai-hoá ấy; nên không thì quyền ở xã - hội, tôi không dám tự quyết, tôi chỉ biết rằng nếu bỏ việc khai-hoá ấy ra, thì Hương-hào ái nữu hội có bàu đến cũng là để đấy mà thôi, quả như lời ông Tản-Đà đã nói, chưa có cơ thực-hiện ngay được; mà có thực hiện ngay được, cũng không vững bền, vì chưa có gì là tinh-thần cả.

Ông Tản-Đà nghĩ sao? Đồng bào ta nghĩ sao?

SONG-KHÊ NGUYỄN-KHẮC-NHU

文學之部

VĂN-HỌC

HÁN-HỌC TINH-THẦN

Nước ta từ khi chưa có Âu-học truyền sang, toàn nước mấy nghìn năm theo ở Hán-học: triều-đình theo ở đó để trị nước, sĩ phu theo ở đó để lập thân, dân-gian theo đó mà cùng nhau ăn ở; phàm chính giáo lễ tục, quốc-thể nhân-tài, đều là do Hán-học đào-trú mà gây thành một dân-tộc có văn-hóa. Tuy rằng nước nhỏ người ít, cho nên không có trọng-giá ở Á-đông; song cứ dĩ-vãng mà xuy tương-lai, may cũng là một dân-tộc không mai-một ở thế-giới. Hán-học đối với quốc-dân ta có công-dụng trọng đại đến như thế, mà chúng ta nỡ bỏ quên đó ru? Hiện nay nước ta nhờ Đại-Pháp khai-hóa, đem văn-minh Âu-hải truyền sang, toàn nước sĩ phu lại theo về Pháp-học. Chính giáo lễ tục, từ nay mà đi, hẳn mỗi ngày mỗi khác, sự hay dở chưa có thể tiên-tri: duy cái học cũ tự mấy nghìn năm xưa thời từ đây lạnh-lẽo thềm hiên, ít ai quá vấn. Tôi chính là một kẻ hậu-sinh vãn-tiến trong phái người Hán-học, lại đương vào đứa lúc Hán-học tàn vong, nghĩ không có tài lực chi mà mong cho ích quốc lợi quần, thời nhân cái thì giờ biên-tập An-Nam tạp-chí này, đem những cái tinh-thần có thấy được ở Hán-học ấy, diễn thuật ra quốc-văn, để nói truyện cùng một đôi người thiếu-niên học-sinh, hoặc cũng là một câu truyện có lý thú. Than ôi, cái tinh - thần Hán-học, nghĩ như nước bể Thái-bình-dương: tự kẻ thiển-học này mà có diễn thuật ra nữa chăng, chẳng qua cũng chỉ một đôi gáo đó mà thôi, các thức-giả tưởng cũng không bỡ cười, không bỡ trách vậy.

I Tinh-thần cao-thượng

Trong Hán-học, quý nhất là cái tinh-thần cao-thượng, xin đem nói trước như sau đây.

1. Sự cao-thượng của các nhà dụng thế.

— Người ta ở đời, lấy làm việc cho đời là một nhẽ chánh-đáng hơn cả. Các nhà dụng

như cũ. Từ đấy, ông làm ra nhiều nhời huấn-giới để dạy bảo vua Thái - Giáp, phận là vua tôi, tình như cha con ; đến khi vua Thái - Giáp thật đủ là một ông vua hiền, mà ông Doãn mới xin cáo-lão vậy. Nghĩ như ông Y - Doãn, thật là một người làm việc đời, mà trước khi chưa có ba lần đón của vua Thang thời ông chỉ là một kẻ đi cầy ở thôn-quê, cuộc đời hay dở ra sao, tuyệt không chú ý. Chỗ đó là cái tinh-thần cao - thượng của ông Doãn ; chỗ đó là cái tinh - thần cao thượng của ông Doãn có thua kém đức Khổng-tử, mà bao các hiền-hào ở hậu - thế, ít người sánh theo. Ông Mạnh - tử xuy cái bụng ông Doãn mà nói rằng : « Làm một điều bất nghĩa, giết một kẻ không có tội, mà cho được có cả thiên-hạ thời cũng không chịu làm. » Đó lại là cái tinh - thần cao thượng của ông Doãn có giống như đức Khổng-tử, mà bao các hiền hào ở hậu-thế lại càng ít kẻ sánh theo vậy. Ôi, như thế là cái tinh - thần cao-thượng thứ hai trong các nhà dụng thế ở Hán-học vậy.

3. *Ông Gia-Cát-Lượng, Ông Trương Tử-Phòng, Ông Phạm-Lãi* . — Cái tinh-thần cao-thượng của các nhà dụng-thế, dưới như thế một bực nữa thời đến như ba ông Gia-cát - Lượng, Trương Tử-Phòng, Phạm-Lãi. Ba ông này, chí-nghiệp tuy khác nhau, mà cái tinh-thần cao thượng thực như một. Nay lược thuật từng ông như sau :

Ông Gia-cát sinh vào đời cuối Hán, bốn bề nước xủi, hào-kiệt ong bay ; ông thực có cái tài hơn nhất ở trong đời, mà ở nhà cầy ruộng ở Nam - dương, việc đời tuy có quan tâm, cũng hẩy để ra ngoài góc bụng. Xem ông nói truyện với hai người bạn học, mà bảo hai người kia rằng : « các anh ngày sau làm quan, có thể đến Thứ - sử Quận-thú. » Các người kia hỏi lại ông ngày sau ra sao, thời ông chỉ cười mà không có giả nhời. Vậy thời trong lúc còn thanh-niên, ông đã dự tính cuộc đời, tưởng như truyền-vận ở bàn tay vậy. Tuy vậy mà Tào - Tháo cho người đến đón thời ông xin chối từ. Tất như ông Lưu-Bị là giòng-dõi vua nhà Hán mà thân tự đến tìm ở dưới chốn nhà gianh, đến hai lần, đến ba lần, mà rồi cái tài chí kinh-luân của ông mới quyết đem ra để giúp người tri-kỷ. Ông Mạnh-tử nói rằng : « Người quân - tử không phải là không muốn ra làm việc với đời ; nhưng lại chỉ ghét rằng nếu không do cái con đường chánh – đáng. » Như ông Lượng thật là thế ru ? Từ lúc ông đã ra khỏi chốn nhà gianh, giúp chàng Lưu Bị, mà gió mây Ngô, Ngụy, truyền-động phân-phi. Ông Lưu-Bị xưa kia không có một chỗ đất cắm dùi, mà cắt ba thiên-hạ chiếm một phần, cũng xưng đế xưng vương, nối giòng vua Hán. Vậy thời cái tài-lược của ông Lượng đối với người tri-kỷ, có chăng không phụ cái bụng thành kính của người tri-kỷ kia xử đãi với ông vậy. Ông Lưu-Bị đã chết, con là Lưu-Thiện rất ươn hèn ngu dại lên nối ngôi ; ông hết lòng phù-trợ chi-ngộ, còn làm được cho cái nước Thục còn con, đối với bắc Ngụy đông Ngô, mười phần danh-giá. Đến lúc ông Lượng chết mà cái tinh-hồn của người tri-kỷ của ông là ông Lưu-Bị kia cũng mới thật chết vậy. Tóm công-việc của nước Thục mà nghĩ, thời một mảnh sơn hà, như hoa như gấm đó, tự tay ai làm ra ; mà ông Gia-Cát lúc lâm-chung, tức là lúc đương làm Thừa-tướng làm Tướng-quân, dâng tờ biểu để lại cho vua Hán (tức là Lưu-Thiện) có nói rằng : « Nhà tôi ở Nam-dương, có ba mẫu ruộng, năm trăm gốc dâu, để cho các con sau này, cũng không lo đói rét ; hiện nay trong kho tàng, tiền tài các khoản, xin khai hết để dâng nộp nhà nước, cho được khỏi cái tội bất-trung của tôi. » Than ôi, cao thượng vậy !

Ông Trương Lương, tự Tử-phòng, là người ở nước Hàn về đời Tần. Cuối đời chiến-quốc, nước Tần lấy binh-uy gồm chiếm hết các nước, Hàn cũng là một nước trong các nước bại-vong. Ông Trương-Lương tự nghĩ mình không những là người Hàn, mà lại là giòng-dõi nhà quan tướng nước Hàn *bao nhiêu đời, cho nên do cái bụng vì Hàn* báo Tần mà ông mới lặn-lội xông-pha vào thế-cục. Kỳ thủy, ông bán hết gia-sản, lấy tiền đi tìm thuê được một kẻ tráng-sĩ dùng một cái dùi sắt thật to nặng, đánh vua Tần

ông Doãn không làm vậy. Ông Trương-Lương lúc đánh cửa Hàm-Cốc, dụ cho quân Tần hàng, đương lúc quân Tần còn hồ-nghi chưa quyết mà Lương xui Bái-công đánh phá Hàm - Cốc - quan (1) ; lại như lúc Hán Sở đã giảng hòa mà quân Sở rút về, Lương liền xui Bái-công theo đánh ở Cai-Hạ (2). Phàm những sự quyền-mưu trí-trá như thế, ông Doãn không làm vậy. Ông Phạm-Lãi đương lúc Việt mất về Ngô thời thân sang bên Ngô hót phân ngựa, hết cách nhẫn-nhục để cầu hòa; đến khi Ngô lại mất về Việt mà sứ-giả nước Ngô sang cầu hoà, thời Lãi giả nhời rất quyết tuyệt, rồi cầm trống thúc quân sang lấy Ngô (3). Những cái tàn nhẫn bội lý như thế, ông Doãn không làm vậy. Cho nên như cái cao - thượng của ba ông Gia- Cát, Tử - Phòng, Phạm - Lãi đó, chỉ là cái cao-thượng của người hào - kiệt, so với cái tinh-thần cao-thượng của nhà đạo - đức như ông Doãn thời kém xa. Cho nên cũng là cái tinh - thần cao-thượng của nhà dụng thế mà nên chia đứng xuống thứ ba vậy.

(còn nữa)

Nguyễn-khắc-Hiếu

Truyện người Bắc-Xuyết

Ở đời thế nào là sướng ? Được ăn ngon mặc tốt, lên xe xuống ngựa, lầu các nguy-nga, có phải là sướng không? Hay là ăn cơm rau, mặc áo vải, ở lều tranh, cầy sâu cuốc bẫm từ sớm đến chiều, nhưng mà tinh-thần bao giờ cũng an nhàn mới là sướng? Hay là bầu rượu túi thơ, ngao-du sơn thủy ; hay là cắm-cúi trong thư-phòng, trong học-viện, tìm chân-lý, luyện văn-chương ; hay là rứt bỏ trần-lụy, gửi thân cửa Phật cửa Trời, tìm lối lên thiên-đường toà-sen, mới là sướng ?

Đó là một vấn-đề cổ kim đông tây cũng đã nhiều người bàn đến, mỗi người một thuyết, mỗi thuyết một khác, mà thuyết nào nghe cũng xuôi tai, rút lại vấn-đề vẫn chưa giải-quyết, mà có nhẽ cũng không bao giờ giải-quyết được.

Duy có một điều, người thức-giả thấy đều công-nhận, là : nếu ở đời mà quá vụ lấy cái ăn, cái mặc, vân vân. . . . . cho rằng chỉ có thế mới được sướng, thì là lầm. Thứ nhất đương cái buổi còn trăm công nghìn việc khác đáng lưu tâm hơn, đương cái buổi đáng phải khoan ăn bớt mặc, bớt sự vui thú, lúc nào cũng canh-cánh bên lòng một mối lo âu, gặp buổi như thế mà từ sớm đến tối chỉ biết chăm chăm vụ cho thần-xác, thì không những là lầm mà lại còn có tội với đời nữa.

Trong xã-hội ta ngày nay, không nói chi nữ-lưu, không dám nói đến các cụ, ngay trong bọn thiếu-niên nam-tử, mà thứ nhất là trong bọn ấy, cái hạng người như thế thấy cũng lắm. Rưa rau không biết ăn, sô gai không biết mặc, hơi bức là quạt máy, động rét là đốt lò, bước ra ngoài một bước phải có xe, tối nào cũng hát tuồng chớp ảnh mới đủ khoái ; thậm chí có kẻ lực bất cập mà bề ngoài cũng phải sênh-sang. Ngắm quang-cảnh bất giác lại nhớ đến đoạn cổ-sử về người Bắc-Xuyết (Spartiates),

Người Bắc-Xuyết cũng là người Hy-Lạp. trước ở miền Bắc, sau bị người Tiết-Xa-Liên (Thessaliens) khu trục, mới dồn xuống

---

1 — Lương xui Bái-công rằng : nhân lúc quân Tần chễ-nả sự phòng - bị thờ đánh phải được, bèn đánh phá Hàm-Cốc-quan.

2 — Trong khi Hán Sở tranh hùng, Hánvương có bố là Thái-công, vợ là Lữ-hậu, đều bị Sở bắt được. Đến sau hai bên giảng hòa, hẹn rằng cắt đất Hồng-Câu, chia đôi thiên- hạ, lấy từ đấy giở về tây là Hán, giở về đông là Sở. Vì thế Sở mới giao giả Thái-công Lữ hậu cho Hán mà rút quân, thời Lương xui Hán-vương theo đánh ở Cai-Hạ, làm cho Hàng-Vũ phải chết ở Ô-giang, mà nhà Hán toàn có cả Trung-quốc.

3 /— Sứ-giả bên Ngô sang cầu hòa, nói về tình nghĩa khi trước. Phạm Lãi một tay cầm trống, một tay cầm dùi mà giả nhời rằng : «Chúng tôi dẫu cho mặt là người, thực cũng chỉ như loài cầm thú. » Làm cho sứ Ngô không thể nói được nữa. Sứ-giả lui ra thời Lãi thúc quân đi theo sang lấy Ngô.

Người Bắc-Xuyết cúc-cung-tận-tụy, thờ thần tổ-quốc, cho nên đặt ra những chế-độ luật-pháp nghiêm-khắc như thế. Trong đó có lẽ cũng có một đôi điều quá-đáng, song chẳng thà quá nghiêm như người Bắc-Xuyết lại còn hơn quá dễ.

Như người nước ta ngày nay, phong-trào hình như: ăn mặc có sa-xỉ thì mới là sang, các ngón chơi-bời có sành thì mới là thiệp; còn như kẻ nào muốn đứng ra ngoài phong trào thì lại bị chê là « gàn, » là « dở, » là «không biết lợi dụng cuộc đời ngắn-ngủi», là « xa-phí mất cái tuổi trời cho.» Ôi, đời ngắn thì ta phải tìm cách làm cho giài, tuổi trời cho là cho ta để làm việc có ích. Làm cho giài đời, há có phải là ăn cao lương, uống thuốc bổ để sống lâu đâu! Làm việc có ích, há có phải là chỉ vụ lấy vinh thân phì da đâu! Gặp cảnh hay, mải vui mà mê đã đành; phải cảnh dở mà cũng cứ mê thì định đến lúc diệt-vong mới tỉnh hay sao? Tây-nho có câu rằng: « Kẻ thù ở bên cạnh ta, kẻ thù ở trong người ta, kẻ thù chính là ta. tức là những dục-tình của ta. Ghê thay kẻ thù đó, lúc nào cũng chỉ dình ta hớ-hênh một chút là làm hại ta; ta ha lại không hết nghị-lực mà khu-trừ nó dư? Ta mà thắng được nó thì ta còn sợ thua ai! » Người Bắc-Xuyết trừ được dục-tình, tức là trừ được kẻ thù đáng sợ nhất, vì vậy mà có thể sống được ở dữa bọn tử-thù là dân A-dương, đem sức non một vạn người mà hàng ngày giữ miếng cùng mấy mươi vạn thù-nhân, không những không đến nỗi ngày một hao mòn, mà lại dần dần nẩy nở, hùng cứ một cõi bán-đảo Ban-Cương, lưu danh lại đời sau là một dân anh-hùng bậc nhất. Nghĩ người lại nghĩ đến ta, thực là một giầy một mỏng.

PHƯƠNG-ĐÌNH.

VĂN-THƠ

Câu chuyện nhà văn

Tôi có tiếp một bức thư ở Huế gửi ra, đề ngày 15 Février 1927. Trong thư xin miễn sự ký tên, cho nên không biết là ai; lại thấy tự-thuật là người Nam-kỳ, cho nên biết là người Nam-kỳ; tuy biết là người Nam-kỳ mà cũng không biết rõ rằng ông ở Huế du-học, hay là làm việc gì. Trong thư toàn nói về chuyện văn-chương, mà những tiếng xưng hô thời ông đối với tôi quá nhũn, ông tự nhận là« *đệ-tử* » mà gọi tôi là « *phu-tử* », là « *tiên-sinh.*» Tôi nghĩ như ông với tôi là hai người bình-đẳng trong xã-hội, đâu tôi dám nhận cái thịnh-tình của ông như thế. Vậy nay xin lược đăng nhời thư của ông lên Tạp-chí, để cùng nhau nói chuyện, mà những chữ xưng-hô như chữ «*tiên-sinh*» thời đổi là chữ «ông,» chữ « *đệ-tử* » thời đổi là chữ « tôi, » cho hợp với tiếng gọi thông- thường của hai người bình-đẳng trong xã-hội cùng nói chuyện với nhau. Thư lược đăng như dưới.

Mới đây tôi được đọc An-Nam số 9, mục « văn-thơ » thấy ông thuật lại câu « *Trăm năm vì nỗi hẹn-hò, cây đa bến cũ, con đò khác xưa* » của một người ở Thanh, đọc cho.

Tôi người Nam-kỳ, thủa còn bé vẫn nghe họ hát một câu cũng tương tự vậy. Hát rằng: « *Trăm năm vì lỗi hẹn-hò, cây da* (trong Nam gọi là cây da) *còn đó, con đò vắng đưa.*» Không biết ở tỉnh ông Nguyễn-Anh-Tuấn người ta có hát khác chăng? nhưng tưởng ở Nam-kỳ đâu đâu cũng hát như câu trên ấy cả. Song phong-dao là truyền miệng, bằng-cứ vào đâu mà biết được phải chăng; cho nên xin thưa ông, hoặc có giúp được phần so-sánh chút ít.

Ở Nam-kỳ chừng mươi năm gần đây, thời các câu hát có ý-vị như thế, cũng không còn nghe thấy ở đâu; vì phong-tục ngày một đổi dời, nhân-tâm ngày một nghiêng-ngửa, những câu hát có luận-

mà ở ngoài Bắc gọi là « *mười nhăm* », cũng gốc ở chữ *n* mà chuyển qua; chính nó là «*mười năm*» (15) (*mười* thêm *năm* nữa). Trong Nam, chữ *N* đọc ra *L*; ngoài Bắc lại thêm *h* nữa. — Chữ *nhầm* ở trên kia, trong Nam đọc là *lầm*. Việc này còn phải đợi người ngữ-học lão-luyện; nay hãy xin nói qua để mà-khảo-cứu câu hát trên kia thôi.

Xin ông thu xếp chóng chóng, để cho việc Hàm-thụ mau khởi ra, là một sự may cho nhiều người, mà riêng may cho tôi.

Nay kính

* * *

Nay tôi không được có thì giờ rộng-rãi, vậy chỉ xin đáp lại ông mấy nhời vắn-tắt như sau đây:

1. — Câu lục-bát in ở An-Nam tạp-chí số 9 về mục văn-thơ, trong bài « Nghề làm thơ, » không biết rằng có phải là tôi nhầm tháng, hay chính là người đọc cho tôi đọc chư thế? Khi người bạn ấy đọc song thời nói liền lấy bút chép, thực là chữ « *nổi* », chớ không phải tại thợ nhà in xếp nhầm. Nay được ông nói chuyện như thế, thời cái câu đó mới lại càng rõ nghĩa hơn trước, mà ý-vị càng hay. Vậy thời như câu trước kia, quyết-nhiên là vì truyền-khẩu mà sai, mà có nhẽ cũng tại chữ n với chữ l nhiều nơi nói lẫn nhau mà hóa ra như thế.

2. — Những câu phong-dao mà ông viết ra ở trong thư, nhiều câu thực hay, thời tôi đã in ra trên đây, để các độc-giả cùng coi chơi; trong có mấy câu không thấy hay lắm, mà ở ngoài Bắc tôi thường cũng thấy hát, cho nên không đăng-tải.

3. — Câu chuyện người nữ-chí-sĩ ở Nghệ-An, tôi thực hẹp-hòi, cho nên không được nghe biết; nay nghe ông nói thời cũng mới biết như thế thôi. Bài thơ bà cũng hay mà hai câu kết thời hay lắm, tôi ngâm mãi không chán. Nay đã in bài thơ đó và câu truyện của ông nói lên đây, thời rồi các văn-nhân ở tỉnh Nghệ, chắc thế nào cũng có ông xét về việc đó mà biên chép để lại cảo cho An-Nam tạp-chí. Hai là khi nào tôi có qua Nghệ-An, sẽ xin tìm hỏi, rồi hực hư thế nào, sẽ lại xin đăng lên tạp-chí để nói truyện cùng ông: Bài thơ đã có thực, thời câu truyện có nhẽ cũng không là hư vậy.

4 — Quyển An-Nam tạp-chí in khổ rộng, sự đó cũng có nhiều người cho là bất-tiện. Ý tôi khi ấy, một là muốn cho nó khoát-đạt hơn mọi quyển sách thường, hai là phải rộng như thế thời ở trong mỗi trang chia làm hai cột mới thực vừa. Vậy cũng xin nói để ông rõ.

5 — Ông hỏi tôi về việc Hàm-thụ nên thu xếp cho chóng ra, vậy tôi không rõ rằng ông hỏi thế, là hỏi về việc Hán-văn hay quốc-văn. Nếu về việc quốc-văn thì từ nay về sau thật khó có thì giờ mà lại làm được nữa. Về việc Hán văn thì từ khi ra tạp chí, tôi đã định làm ngay, đặt vào làm một mục trong quyển Tạp-chí; nhưng hiềm vì tại nhà in chưa có đủ con chữ Hán để in, cho nên chưa được như ý. Sau này việc *Tạp-chí chấn trỉnh* được, thì việc Hán văn cũng sẽ lại bắt đầu, mà hợp vào trong Tạp-chí thì tiện cho nhiều người hơn, vì giá Tạp-chí mỗi năm có bốn đồng (4$00) mà trước kia học-phí Hán-văn mỗi tháng hai đồng (2$00) thì nhiều người dẫu có bụng mà thực khó theo quá.

Sau này nhân-tiện tôi nói chuyện để ông biết rằng: Hiện nay tôi đương tính một cuộc đi chơi, lúc quay về có qua Huế. Khi tôi đến Huế, nếu tôi ngụ ở đâu mà ông tìm đến chơi nói truyện thì hay lắm, vì trong thư ông đã không cho tôi biết rõ, thì tôi không thể biết ông đâu mà tìm. Sự đó tôi cũng ước-ao như thế thôi, còn như cái duyên hội ngộ của người ta ở đời thì không biết đâu mà định trước được vậy.

Nay kính đáp.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Thơ xuân

1. — *Xuân có duyên gì với cảnh ta,*
Một năm xuân lại một lần ra.
Cành đào lá liễu tươi cười gió,
Khóm huệ chồi mai lác-đác hoa.
Sực thấy quan-hà cây cỏ mới,
Ngùi thương tâm-sự nước non xa.
Xuân này mà hết mong, xuân nữa,
Hạ tàn, đông tàn, xuân cũng qua.

2. — *Thấy xuân mà lại tiếc cho ta,*
Món nợ tang-bồng gỡ chửa ra.
Một tấm tình riêng non với nước,
Muôn hàng tâm-sự cỏ cùng hoa.
Cuộc đời xoay truyền cơ nào hết,
Thân-thế lo toan bóng đã tà,
Cất chén thương xuân say lại tỉnh,
Giật mình còn nhớ bạn đường xa.

Hoài-Nam-tử

Đề cột cờ Nam-Định

Cao ngất giời nam ngọn cột cờ,
Ấy ai xây đắp tự bao giờ
Đổi thay dâu bể chân còn vững,
Lay truyền cơ giời đá vẫn chơ.
Dấu cũ rêu in khêu nỗi nhớ,
Thềm xưa khói toả động lòng thơ.
Từng cao nhẹ bước người du-tử,
Liếc mắt xa trông dạ ngẩn-ngơ.

ĐÔNG-SƠN
NGUYỄN VĂN-LUẬN

Ngô Việt xuân-thu

HỒI THỨ NĂM

(*Tiếp theo và hết*)

Đượm phấn son, Tây-Thi nghiêng xã tắc;
Xửa đòng giáo, Câu-Tiễn phục non sông.

Phù-Sai đã khỏi tật, khi bắt đầu ra coi chiều, chuyền lịnh bầy tiệc ở Văn-đài, cho đòi Câu-Tiễn vào ăn yến. Câu-Tiễn vâng lệnh, tắm gội thay áo, vào đến sân chiều, lậy hai lậy phủ phục tận mặt đất. Phù-Sai thân đến nâng dậy và truyền lệnh rằng:

— Việt-vương là người nhân đức, không nên bắt phải phục mãi. Quả-nhân đã định xá tội cho về. Nay Quả-nhân vì Việt-vương đặt cuộc yến này để đền cái lòng nhân đức của Việt-vương đó, quần thần phải lấy lễ khách mà đãi.

Liền vái Câu-Tiễn và mời vào tiệc. Quần-thần nước Ngô ngồi xếp hàng ở hai bên. Tử-Tư tức lắm, cố bấm gan không nói sao cả, rũ áo đi ra. Bá-Phỉ đứng lên tâu Phù-Sai rằng:

Đại-vương lấy lượng đấng nhân-giả, tha tội cho một vị nhân-nhân, thực là việc thịnh-đức. Thần nghe sách có câu rằng «cùng tiếng thì ứng, cùng nơi thì tìm.» Bữa tiệc hôm nay, ai là người nhân thì nên ở, ai là người bất-nhân cũng nên đứng dậy. Tướng-quốc không ở mà ra về, chắc rằng trong bụng cũng tự thẹn.

Phù-Sai cười mà rằng:

— Thái-tể nói phải lắm.

Rượu độ vài tuần, Câu-Tiễn và Phạm-Lãi cùng đứng dậy dâng rượu chúc thọ cho Phù-Sai. Phù-Sai thích ý lắm. Hôm ấy uống rượu thật say, đến chiều mới tan tiệc, sai Vương-tôn-Hùng đưa thày trò Câu-Tiễn sang ở khách-quán và dặn rằng:

thường treo những thứ thật đắng ở cạnh chỗ ngồi, lúc ăn lúc uống, lúc giậy lúc nằm, tất phải lấy xuống mà nếm; có lúc đương nửa đêm dở giậy khóc ngầm, khóc chán lại kêu, hai tiếng " Cối-Kê " không lúc nào rút miệng. Câu-Tiễn lại sợ rằng nước Việt đã bị một phen tàn phá, số dân thưa ít, mới hạ lệnh trong nước rằng: Con giai trẻ không được lấy vợ già, đàn ông già không được lấy vợ trẻ: con gái mười bẩy tuổi không gả chồng, con giai hai mươi tuổi không lấy vợ, thì cha mẹ đều bị phạt; đàn bà có mang, sắp đến kỳ sinh nở, tôi phải trình quan phái thầy thuốc trông coi; hễ sinh con giai thì cho một hồ rượu, và một con chó; sinh con gái thì cho một hồ rượu và một con lợn; ai sinh được ba con, thì quan nuôi cho hai; ai sinh hai con thì quan nuôi cho một. Có khi Câu-Tiễn tự đi cầy, Việt-phu-nhân tự phải dệt vải. Vợ chồng ăn không dùng thịt, áo không mặc đến hai mùi, chỉ có sự giả thăm hỏi bên Ngô, chẳng tháng nào bỏ thiếu. Phù-Sai khen rằng trung thuận, sai sứ cắt đất phong thêm cho nước Việt. Câu-Tiễn mới chế mười vạn tấm vải cát, một trăm chum mật ngọt, năm đôi áo da cáo, mười chiếc thuyền bằng tre nước Tấn, đem dâng Phù-Sai để tạ về việc phong đất. Phù-Sai thích lắm, cho Câu-Tiễn những đồ phẩm phục rất quý. Tử-Tư thấy vậy tức lắm, cáo tật không vào chầu. Phù-Sai thấy nước Việt hết lòng thần phục, cũng tin nhời Bá-Phỉ, một hôm hỏi Bá-Phỉ rằng:

— Nay bốn cõi vô sự, quả-nhân muốn sửa sang cung điện để ở cho vui, không biết nên sửa ở chỗ nào là phải.

Bá-Phỉ tâu:

— Cứ kể trong nước Ngô này, thắng-cảnh không đâu bằng thành Cô-Tô, chỉ hiềm những cung điện của tiên-vương xây đắp chưa được tráng-lệ; âu là đại-vương sửa lại cho thêm cao thêm rộng, để sau này nuôi thật nhiều phường trèo con hát, đêm ngày hát múa; thần tưởng như thế thật là sướng nhất trên đời vậy.

Phù-Sai lấy làm phải, mới treo giải đi tìm được gỗ tốt và đẹp thời thường. Văn-Chủng nghe thấy tin đó, bảo Câu-Tiễn rằng:

— Chim chết về mồi, cá chết về câu; Đại-vương muốn báo thù nước Ngô, tất phải dùng cạm mà đánh bẫy. Thần có bẩy mẹo này có thể phá được nước Ngô: một là thả nhiều của cải cho vua tôi vui lòng; hai là mua đắt thóc-gạo cho kho đụn chống rỗng; ba là dùng nhiều con gái đẹp làm cho mê hoặc tâm-chí; bốn là tiến nhiều thợ khéo gỗ tốt, để hắn làm nhiều cửa nhà, cho hết sạch của cải; năm là tiến cho rất nhiều mưu-sĩ để làm cho mưu mẹo rối loạn; sáu là dùng mẹo bách cho những người dân-thần phải chết, để cho mòn bớt vây cánh; bẩy là chứa của đèn quân để chờ cơ-hội. Bẩy mẹo ấy nếu mà dùng cả, thì lấy nước chẳng khó gì vậy.

Câu-Tiễn nói:

— Phải lắm. bẩy mẹo dùng hay cả, nhưng bây giờ dùng mẹo nào trước.

— Nay vua Ngô đương chữa lại điện Cô-Tô, nên dùng ngay mẹo thứ bốn.

Câu-Tiễn bèn kén ba nghìn thợ vào núi đẵn gỗ, đẵn được vô số những gỗ tốt và nhớn, kén thợ đục trạm thật khéo, sai Văn-Chủng chở qua sông đem dựng Phù-Sai. Phù-Sai trông thấy mừng lắm, truyền đem gỗ ấy làm cột điện Cô-Tô. Sang-sửa ba năm, điện mới song, cao ba trăm trượng, rộng tám mươi tư trượng, đứng trên đàn trông xa được hai trăm dặm, nhân-dân phục dịch vất-vả mà chết không biết bao nhiêu. Câu-Tiễn nghe thấy tin đó, bảo Văn-Chủng rằng:

— Cái mưu dùng gỗ này đã thành hiệu rồi, tất phải dùng đến mẹo tiến con gái, nhưng mà nếu chưa tìm được con gái thật đẹp, khó mà lay được bụng hắn. Vậy thì việc đó ngươi lại định giúp quả-nhân.

Văn-Chủng thưa:

— Nếu giời định làm mất nước Ngô thì lo gì không có con gái đẹp. Đại-vương nên sai trăm người hoạn-quan và vài mươi người thầy tướng đi khắp trong nước, thấy người nào đẹp thì biên rõ tên họ quê quán, rồi đòi đến kinh-sư mà lựa chọn một lần nữa, thế nào cũng có người dùng được.

Câu-Tiễn khen phải, liền y mẹo phái người đi tìm, tìm trong nửa năm, được hơn hai

truy-hoan, chẳng thiết gì đến việc nước. Câu-Tiễn biết tin đó, lại đòi Văn-Chủng vào bàn. Văn-Chủng thưa:

— Thần nghe nước lấy dân làm gốc, dân lấy sự ăn làm đầu, năm nay mất mùa, thóc gạo sắp dắt, Chúa-công nên sai sứ vay thóc nước Ngô, phát cho dân đói. Nếu lòng giời muốn làm mất nước Ngô, thì tất-nhiên nước Ngô bằng lòng cho ta vay.

Câu-Tiễn liền sai Văn-Chủng đem tiền sang lót Bá-Phỉ, xin đưa vào yết Phù-Sai nói việc vay thóc. Phù-Sai nhận nhời cho vay. Tử-Tư can rằng :

— Không nên, ngày nay nếu nước Ngô không lấy nước Việt, tất là nước Việt lấy mất nước Ngô. Thần xem ý nước Việt không phải là thật đói mà vay đâu, là họ vay cho hết thóc của ta. Nay cho họ vay, họ cũng chẳng thân hơn; chẳng cho họ vay, họ cũng không thù được. Bất nhược Đại-vương không cho vay.

Phù-Sai nói :

— Lúc xưa Câu-Tiễn phải dam ở nước ta, ngày ngày cầm roi theo hầu trước ngựa, việc đó chư-hầu đều biết cả. Nay ta tha cho về nước, giao giả xã tắc tôn miếu, ơn ấy khác gì cải tử hồi sinh; mà nước Việt cũng vẫn cống hiến đúng kỳ, quyết là không có ý bội-bạn.

— Thần nghe Câu-Tiễn thường vẫn ngày đêm lo nghĩ, nuôi dân tập lính, chỉ định báo thù nước Ngô. Nay Đại-vương lại đem thóc cho vay, thì thật là nối giáo cho giặc. Thần e chẳng báo lâu mà bươu nai sẽ đùa ở trên đền Cô-Tô này vậy.

— Nước Việt nay đã chịu làm bề tôi nước Ngô, có nhẽ bề tôi đánh vua hay sao ?

— Ông Thang đánh vua Kiệt, ông Vũ-vương đánh vua Trụ, chẳng là bề tôi đánh vua đó ư ?

Bá-Phỉ nghe thấy câu đó, quát rằng :

— Tướng-quốc nói hỗn quá. Quân-vương ta cũng như ông Kiệt ông Trụ à? Vả lại hai nước láng giềng cũng còn chia tai sẻ nạn cho nhau, huống chi nước Việt lại là bề tôi nước Ngô, năm nay cho Việt vay thóc, sang năm lại bắt phải giả đủ số, như vậy thì nước Việt được nhờ ơn, mà nước Ngô cũng không thiệt, việc đó sao lại không nên.

Phù - Sai khen Bá - Phỉ nói phải, liền truyền lịnh mở kho lấy một vạn hộc thóc, cho nước Việt vay. Văn-Chủng lĩnh thóc đem về, Câu-Tiễn mừng lắm, truyền đem chia phát cho dân.

Năm sau nước Việt được mùa to, Câu-Tiễn bàn với Văn-Chủng rằng:

— Ta không giả thóc nước Ngô thì là thất tín, mà giả hết thì ta hại mà nước Ngô lợi. Việc đó ngươi nghĩ thế nào là phải ?

Văn-Chủng thưa:

— Nên kén những thóc thực tốt, hấp cho chín, rồi đem sang giả; hễ họ qui thóc của mình mà đem reo giống, thì kế của ta có thể thành được.

Câu-Tiễn nghe nhời, liền truyền lịnh bí-mật hấp chín đủ một vạn hộc thóc, rồi sai Văn-Chủng đem sang giả Ngô. Phù-Sai khen là thành tín, lại thấy thóc của nước Việt mẩy và tốt, mới truyền dân-gian phải dùng thóc đó làm giống, chẳng ngờ đến lúc đem reo, không có hột nào nảy mầm ; nước Ngô nhiều ruộng không có mạ mà cấy, nhân-dân đói to, nhưng Phù-Sai cũng tưởng là phong thổ khác nhau, cho nên thóc không mọc mầm, chứ không biết là tại thóc hấp. Khi đó Câu-Tiễn nghe tin dân Ngô bị đói, muốn kéo quân sang đánh. Văn-Chủng can rằng:

— Cơ-hội chưa tới, vì rằng trung-thần nước Ngô hãi còn.

Câu-Tiễn lại hỏi Phạm-Lãi. Phạm-Lãi thưa:

— Cơ hội cũng không lâu nữa, xin Chúa-công hãy tạm hoãn ít ngày, để dèn tập binh lính cho tinh thạo đã.

Câu-Tiễn nghe nhời, liền đón thầy dậy gươm và tập nỏ. Tử - Tư nghe tin, vào yết-kiến Phù-Sai, vừa khóc vừa nói:

— Đại-vương cứ tin nước Việt dốc lòng qui thuận. Nay nước Việt dùng Phạm-Lãi đêm ngày luyện tập quân sỹ, cung tên kiếm kích đều tinh giỏi cả, một mai thừa cơ kéo

có nát gan, cũng chưa đủ báo - đáp. Nay nghe tin đại - vương sắp khởi nghĩa-binh đánh kẻ mạnh, cứu kẻ yếu; vậy nên sai kẻ hạ-thần là Văn-Chủng kính dưng hai mươi chiếc áo dáp và các binh - khí của các tiền-vương nước Việt để lại. Vậy thì ngày nào hưng sư, xin đại - vương truyền cho kẻ tiện thần được biết; kẻ tiện thần sẽ xin đem cả đi tráng trong nước, đi theo tướng - sĩ nước Ngô. Câu-Tiễn cũng xin mặc áo dáp đeo gươm, tới cửa trận mà xông - pha tên đạn, dẫu chết cũng không quản.

Phù Sai bằng lòng lắm, liền mời Tử-Cống vào triều và bảo rằng :

— Câu - Tiễn thực quả là người có tín nghĩa, hắn muốn thân dẫn đinh - tráng theo quả-nhân sang đánh Tề, Tiên-sinh tưởng có nên cho đi không ?

Tử-Cống đáp.

— Không nên, đã bắt dân đem dùng, lại bắt vua phải phục dịch, như thế thật là thái-quá Đại-vương chỉ nên nhận quân của Việt mà chối Câu-Tiễn đi, thế là phải.

Phù-Sai nghe nhời. Tử Cống từ-biệt đi.

Mùa xuân năm sau, Câu Tiễn sai Chư kê Đình đem ba nghìn lính sang giúp Ngô. Phù - Sai tức thì bắt lính chín quận, định ngày kéo sang đánh Tề. Trước khi chẩy quân, sai người làm sẵn biệt - quán ở đất Câu-khúc, chung quanh giồng những cây ngô-đồng, đặt tên là Ngô-cung, đón Tây-Thi ra đó chánh nắng, đợi khi đánh được nước Tề thì Phù-Sai cũng về đấy nghỉ hè, rồi mới về triều. Lúc quân Ngô sắp chẩy, Tử-Tư can rằng :

— Nước Việt còn, cũng tức như cái ung cái nhọt ở trong gan ruột của ta ; nước Tề chẳng qua như nốt chốc nốt ghẻ ngoài bì-phu mà thôi. Nay đại - vương kéo quân mười vạn, đem lương ngàn dặm, để tranh nhau với cái bệnh chốc ghẻ, mà bỏ quên cái bệnh ở trong gan ruột, thần e rằng đánh nước Tề chưa chắc đã được, mà vạ nước Việt thì sắp-xửa thấy ngay vậy.

Phù-Sai tức dận mà rằng ;

— Quả-nhân đã định kỳ chẩy quân, giặc già cố ý nói những câu gở, để ngăn trở việc nhớn của nhà-nước, như vậy nên khép tội gì ?

Phù-Sai nói đoạn, đùng - đùng muốn giết Tử-Tư. Bá-Phỉ sẽ tâu rằng :

— Hắn là lão - thần của tiền - vương, đại-vương không nên giết; nên sai sang hẹn ngày giao chiến với nước Tề, để mượn tay người Tề giết đi.

Phù - Sai nghe nhời, liền viết bức thư kể tội người Tề rất tàn - tệ, rồi sai Tử-Tư đem sang đưa cho vua Tề, ý muốn làm cho vua Tề tức - dận mà giết Tử - Tư vậy. Tử - Tư liệu rằng nước Ngô tất mất, lúc sắp sang Tề, đem giấu con là Ngũ - Phong cùng đi. Khi đến Lâm Chi, đưa phong thư của vua Ngô cho vua Tề. Vua Tề xem song nổi giận, muốn chém Tử-Tư. Một viên đại phu là Bão-Tức can rằng :

— Ngũ Tử-Tư là trung-thần bên Ngô, thấy vua Ngô càn-dỡ, ông ta thường hay can-ngăn; vua tôi ghét nhau như nước với lửa. Nay sai sang đây là có ý muốn mượn tay nước ta giết đi. Nếu ta giết đi, thì họ được hả giận mà mình mang tiếng bị lừa. Bất - nhược cứ tha cho về, để họ giết lẫn nhau.

Vua Tề lấy làm phải, bèn hậu đãi Tử-Tư và viết thư đáp lại vua Ngô, đưa cho Tử-Tư mang về.

Nguyên Tử - Tư với cha Bão - Tức là Bão - Mục có biết nhau, khi ấy được vua Tề tha cho không giết, Tử Tư liền đem con vào chơi Bão - Tức. Bão - Tức gạn hỏi việc nước Ngô, Tử-Tư chỉ khóc không nói. Hồi lâu, Tử - Tư sai Ngũ-Phong lậy Bão - tức, nhận là anh, xin cho ở nhờ trong họ Bão, đổi tên là Vương- tôn Phong. Dặn - dò đâu đấy, Tử Tư từ-biệt về Ngô, đưa thư của vua Tề cho Phù-Sai. Phù-Sai xem song tức lắm, lập tức định ngày chẩy quân. Một người dật-sĩ là Công-tôn-Thành đón đường can ngăn, Phù - Sai truyền lực - sĩ lấy dùi sắt đánh chết, đem thây bỏ ở dưới núi Dương-sơn ; rồi tự dẫn bọn Bá-Phỉ, Tư-môn-Sào, Cô - Tào và mười vạn quân Ngô, ba nghìn quân Việt, trông về con đường sơn - đông chẩy đi. Quân đến dữa đường, Tử - Tư cáo bệnh xin giở lại.

Phù-Sai liền sai người đem cho Tử-Tư một thanh kiếm chúc-lâu. Tử-Tư đón lấy thanh kiếm, than rằng:

— Đây là vua Ngô muốn cho ta tự xử lấy.

— Liền chân không bước xuống dữa sân, ngửa lên giời, kêu rằng :

— Giời ơi ! Ta vì nhà mày phá nước Sở, đánh nước Việt, binh-uy lừng-lẫy chư-hầu. Nay mày không nghe nhời ta, bắt ta phải tự tử. Ngày nay ta chết, thì ngày mai quân Việt kéo vào, khai quật xã-tắc nhà mày vậy.

Lại ngảnh lại bảo người nhà rằng:

— Sau khi ta chết thì chúng bay khoét lấy hai mắt, treo lên cửa đông, để cho ta xem quân Việt nó kéo vào nước Ngô .

Dặn song, rút gươm tự-vẫn. Sứ-giả nhặt lấy thanh gươm về trình Phù-Sai và tâu hết những nhời lâm chung của Tử-Tư Phù-Sai thân ra tận nơi, trỏ vào thây Tử-Tư mà rằng :

— Tự,bây giờ mày còn biết gì nữa không ?

Liền sai cắt lấy đầu Tử-Tư đem bêu ở cửa thành, và đem xác nhồi vào cái túi da ngựa, sai người khiêng đi quăng xuống sông, rồi lại bảo rằng :

— Mặt giời mặt giăng hun xương mày ! thuồng-luồng ba-ba ăn thịt mày ! Mày đã xương nát thịt tan, còn biết gì nữa.

Xác Tử-Tư từ khi ném xuống sông, ngày ngày theo ngọn nước triều trôi đi trôi lại, làm cho sóng nổi đùng-đùng, lở cả bờ sông bãi cát. Thổ-dân thấy vậy sợ hãi, đêm ra vớt lên, đem mai-táng ở núi Ngô. Nay ở dưới núi có miếu thờ. Lũng-tây cư-sĩ viếng một thiên cổ-phong như sau :

Tướng-quân trí dũng hơn muôn thủa.
Đầu xanh lừng lẫy tiếng hùng-vũ.
Một phút cha anh chết vị dèm.
Sông Tương thề chỉ nuốt đất Sở.
Cung tên đeo cắp buổi lên đường.
Thành Huỳnh sông Trụy bước dở-dang.
Ải Chiêu chặt khóa bay không cánh,
Một đêm đầu tóc bạc như sương.
Rừng Lau bến Lật gặp tri-kỷ.
Khúc tiêu ai-oán chợ Mai-Lý.
Long-lanh thước kiếm định vua tôi,
Thao-luyện ba quân, tiến ăn-sĩ.
Đánh chán năm trận phá Sở-cung.
Sở-vương đầm cỏ ứa giọt hồng.
Đào mồ đánh xác hả giận cũ,
Tấm thành soi chói bóng cầu vồng.
Nước Ngô hai chuyến dựng xã tắc,
Phù-Tiêu một trận tha tướng giặc.
Cá chậu đã thoát tay chù-đinh,
Sống cũi hùm thiêng nanh vuốt sắc.
Trên điện Cô Tô nàng Tây cười,
Người trung thương viếng, kẻ dèm vui.
Khó nhọc hai triều công dúp nước,
Chúc-lâu thước kiếm, ôi thương ôi !
Chiếc túi da ngựa sóng sông Tiền.
Sớm sớm hôm hôm tiếng khóc đêm.
Ngô Việt được thua câu truyện cũ,
Hồn trung muôn thủa mây giời đen.

Phù Sai đã giết Tử-Tư, bèn thăng Bá-Phỉ làm tướng-quốc, và muốn thêm đất phong cho nước Việt. Câu-Tiễn giả cách cố ý chối tạ mới thôi. Từ đó, Câu-Tiễn về nước, càng nóng-nẩy mưu sự báo thù nước Ngô. Nhưng Phù-Sai cũng vẫn không biết, ý nghĩ càng ngày càng kiêu-căng, sai thái-tử Hữu, Vương tử-Địa và Vương-tôn-Di-Dung ở nhà giữ nước, tự đem tinh-binh kéo lên phía Bắc, họp vua nước Lỗ ở Thác-cao, họp vua nước Vệ ở Phát-dương, rồi lại hẹn chư-hầu đại-hội ở Hoàng-trì, muốn cùng với nước Tấn tranh ngôi minh-chủ.

Câu-Tiễn nghe tin Phù-Sai đi vắng, liền bàn với Phạm-Lãi đem bốn vạn tinh-binh sáu nghìn tướng tá, theo đường bể kéo sang đánh trộm nước Ngô.

Bên Ngô thì những quân tinh-tráng đi theo Phù-Sai tất cả, ở lại giữ nước thuần là những quân chưa từng thao-luyện, không thể địch nổi quân Việt. Vương-tôn-Di-Dung và Thái-tử Hữu đều bị chết trận, quân Việt kéo thẳng đến dưới chân thành. Vương tử-Địa đóng chặt cửa thành, đem dân phu lên thành canh giữ, một mặt sai người đi Hoàng-trì cáo-cấp với Phù-Sai.

Khi đó Phù-Sai và các vua nước Lỗ, nước Vệ, nước Tấn ở Hoàng-trì đương bàn-định về việc đồng-minh. Chợt thấy có sứ cáo-cấp, Phù-Sai sợ tái mặt. Bá-Phỉ tuốt gươm toan chém Sứ-giả. Phù-Sai ngăn lại và hỏi :

— Ngươi toan chém sứ-giả là ý gì ?

Bá-Phỉ tâu :

thể tha được. Viết song, buộc vào mũi tên lại bắn sang giả. Phù-Sai nhặt được xem song, ứa nước mắt mà rằng :

— Quả-nhân không nghĩ đến thù tiền-vương, mà không giết Câu-Tiễn, thật là bất hiếu. Giời hại nước Ngô cũng phải.

Vương-tôn-Hùng cũng khóc mà rằng:

— Thần xin lại ra yết-kiếm Việt-vương, cố ý kêu van, họa may có được

— Quả-nhân cũng chẳng mong gì lấy lại cơ-nghiệp nếu được làm nước phụ-dung đời đời thờ-phụng nước Việt, như thế cũng là mãn-nguyện .

Vương-tôn-Hùng nghe nhời, đi đến vòng quân Việt ; Văn-Chủng Phạm-Lãi cự không cho vào. Câu-Tiễn ngồi trong trông thấy sứ-giả nước Ngô kêu khóc mà vào, rồi lại kêu khóc mà ra, trong bụng cũng hơi thương, mới sai người bảo Phù-Sai rằng :

— Quả-nhân nghĩ tình ngày trước, muốn mời quân-vương ra xứ Dũng-đông, quả-nhân xin cấp đàn ông đàn bà năm trăm hộ, phục-dịch hết đời quân-vương.

Phù-Sai đáp lại rằng :

— Nếu quân-vương làm ơn mà tha nước Ngô thì xin cho nước Ngô làm ngoại-phủ ; nếu quân-vương cấp cho năm trăm hộ để làm tôi, thì quả-nhân già rồi, không the theo được ngôi dẫy dân đen, quả-nhân chỉ chết là hết.

Sứ-giả nước Việt đi khỏi, Phù-Sai hãi còn dùng-dằng chưa quyết. Câu-Tiễn bèn chống thành kiếm bộ-quang, đứng ở trước trận, sai người bảo rằng :

— Đời không vua muôn tuổi, chết sau chết trước cũng một lần! Quân-vương không nên đợi quân lính dùng đến gươm mác.

Phù-Sai liền thở giài mấy tiếng, nhìn quanh bốn phía mà khóc rằng :

— Quả-nhân giết oan hai người trung-thần là Ngũ-Tử-Tư và Công-tôn-Thánh, nay mới giết mình cũng là muộn. Nếu chết mà có biết, thì quả-nhân mặt mũi nào trông thấy hai người? Tả hữu đâu, lấy bức lụa đắp mặt cho quả-nhân.

Nói rứt nhời, lấy hươm tự vẫn, chết. Vương-tôn-Hùng cởi áo đắp kín thây Phù-Sai, rồi lấy giải lưng thắt cổ chết theo. Câu-Tiễn dùng hầu-lễ táng Phù-Sai ra núi Long-vĩ, Ngay hôm ấy, Câu Tiễn vào ngự trong đền Cô-Tô, trăm quan chầu mừng; bấy giờ Bá-Phỉ cũng ở bên cạnh, ra ý cậy công, có vẻ lên mặt. Câu-Tiễn sai lực-sĩ bắt đem chém và chu-di cả nhà. Lại giết Tây-Thi quăng xuống sông Tiền-đường để tế cái trung hồn Ngũ-Tử-Tư. Cách vài ngày, mở tiệc ở đền Văn-đài, yến huởng quần thần. Ngay đêm hôm ấy, Phạm-Lãi bỏ quân chốn xuống thuyền, trèo qua Tam-giang vào Ngũ-Hồ, rồi đi mất. Hôm sau Câu-Tiễn sai người đuổi theo không kịp.

Oán đều thù giả, non sông lấy lại, nước Việt từ đó vang-vẻ ở bầu giời. Xem trước ngẫm sau, mới hay những đấng anh-hùng thường tay trắng mà dựng nên thời-thế.

HẾT

Xoay ngược kiền khôn, dảo cuộc đời,
Anh-hùng tai mặt đáng như ai.
Nợ chung đất nước mà vương dạ,
Gánh nặng non sông phải ghé vai.
Ải tía hỡi ai đổi mái tuyết (1).
Thành hoang nào kẻ chiếc giường gai (2)
Tấn tuồng Ngô Sở gương người Việt,
Sấm sét nghìn thu cái kiếp giai.

Dịch - giả NGÔ-TẤT-TỐ
cảm đề.

1. —Ngũ-Tử-Tư.
2. —Phạm-Lãi.

định các việc, như là đắp thêm đường, đặt hỏa-xa, thương-phụ cùng là khuếch xung những sản-vật trong nước; tóm lại mục-đích là để mở-mang đường sinh-hoạt của hạng bình-dân trong nước để cái nông-nỗi khó-khăn như từ trước đến nay.

Về việc ngoại-giao thì việc cần nhất là bàn về cách chính-phủ Quốc-dân nên xử chí thế nào với liệt-cường cho phải. Tuy chính-phủ Quốc-dân không thi-hành cái chính-sách bài-ngoại nữa, song đối với liệt-cường cũng không chịu thua hèn mãi. Hội-nghị bàn song vấn-đề ấy, bèn đồng-thanh ưng-thuận việc yêu-cầu liệt-cường thủy những bản giao-ước « bất-bình-đẳng » (traités inégaux) vẫn thi-hành từ trước đến nay. Sự yêu-cầu đó tuy là yêu-cầu, mà thực là một cách « làm già » quá, chắc đâu liệt-cường ưng-thuận; hoặc có ưng-thuận chăng nữa, vị-tất có lợi cho chính-phủ Tầu, vì thế nào liệt-cường cũng lại thêm những điều-khoản khác mới nghe.

Tóm lại mục-đích hội-nghị cũng nhiều điều quan-trọng: là lập nên một chính-phủ thật xứng-đáng cái tên chính-phủ, chứ không như chính-phủ hữu danh vô hình ở Bắc-kinh — có đủ tư-cách để làm đại-biểu cho toàn-thể quốc-dân trong hết thảy các việc nội-trị, ngoại-giao, và chỉnh-đốn sự giáo-dục của quốc-dân, cùng là tìm những phương-kế sác-đáng để làm cho cách sinh-hoạt của quốc-dân càng ngày càng tấn-tới.

Gần đây, dư-luận thường bàn đến việc chính-phủ Anh sẽ công-nhận chính-phủ Quảng-Đông làm nhất-thống-thay cho cả quốc-dân Trung-Hoa. Thế mới biết có một ít thế-lực cũng có hơn thật! Tuy vậy, từ dư-luận đến thực-sự cũng còn xa... Các báo Anh bàn đến việc ấy, đều tỏ ý rằng: nếu chính-phủ Quảng-Đông chịu tuân theo một vài điều-khoản thì chính-phủ Anh sẽ sẵn lòng công-nhận lắm; những điều-khoản ấy là bắt chính-phủ Quốc-dân phải công-nhận các bản giao-ước cũ. Chính-phủ Quốc-dân nay đương yêu cầu bãi đi thì sao chịu ưng-thuận? Anh lại nói rằng: « Các điều ước ấy khi nào tiện thì liệt-cường sẽ kiểm-điểm lại ». Liệt-cường cũng không ra ý phản-đối hẳn ý-kiến ấy, song xem chừng cũng chẳng vội gì đem ra thi-hành. Rút lại vẫn chưa có điều gì giải-quyết hẳn được vì chưa thấy Anh hay nước nào trong liệt-cường công-bố ra điều gì cả. Chẳng qua các báo dư-luận như thế, chỉ là để giò-la ý-kiến của chính-phủ Quảng-Đông ra sao mà thôi.

Mới đây chính-phủ Anh lại phái ông lãnh-sự Thượng-Hải là ông Lampson đến Hán-Khẩu để điều-đình với quan Tổng-trưởng bộ ngoại-giao của chính-phủ Quốc-dân. Mục-đích việc điều-đình ấy là để hỏi rõ các điều yêu-cầu của chính-phủ Quốc-dân và đem những sự yêu-cầu ấy cùng cái chính-sách ngoại-giao của chính-phủ Anh ngày nay mà tỏ cùng quan Tổng-trưởng bộ ngoại-giao của chính-phủ Quốc-dân. Việc điều-đình ấy rồi cũng chẳng có hiệu-quả gì, vì ý-kiến Anh bao giờ cũng thiên về chính-phủ Bắc-Kinh và không chịu vì chính-phủ Quốc-dân mà làm điều gì thiệt đến quyền-lợi của chính-phủ Bắc. Rộng ra lắm thì Anh đến chịu công-nhận chính-phủ Quảng-Đông ngang với chính-phủ Bắc-kinh là cùng.

* * *

Việc đó tuy ảnh-hưởng chưa có gì, song cũng đủ tỏ cho ta biết rằng nếu Anh đã chịu để tâm đến, thì tất chính-phủ Quốc-dân ngày ngày càng thêm thế-lực, nên mới có người chơi với, chứ không như ngày nào Anh còn ngắm nửa con mắt, coi như một chính-phủ ăn cướp, như một đoàn giặc cỗ xoàng mà thôi.

Qua hồi Trung-Anh kình-địch mới đây thì Anh lại đem thêm mãi tuần-dương-hạm đến cửa sông Đương-tử, như có ý coi sóc gì. Dư-luận ở Quảng-châu đều lấy làm ác-cảm cách hành-động ấy lắm. Tuy nhiên, việc ấy cũng như việc điều-đình của ông Lampson, lại thêm thanh-giá cho chính-phủ Quốc-dân lắm, vì cái nguyên-nhân các sự hành-động ấy há chẳng phải ở cái thế-lực của chính-phủ Quốc-dân càng ngày càng tăng mãi ư?

AN - NAM TAP - CHI
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
50-52, Route Mandarine
HANOI

AN - NAM TẠP - CHÍ

CHỦ – NHÂN

TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Kính trình

Độc - giả chư tôn

Nay tôi có mấy nhời chủ - trương, xin thưa cùng các Ngài ; mong các ngài cũng lấy tình chủ - trương mà xem cho, đa hạnh.

Câu truyện tôi muốn thưa cùng các ngài đây, là An-Nam Tạp-chí ra đến số 10 này thời phải tạm đình bản.

Sự đình-bản này không phải Chính-phủ có can-thiệp ; chỉ là vì thiếu tiền cho nên báo không thể ra được nữa vậy.

Nguyên từ khi An-Nam Tạp-chí được phép, tôi là người chủ-động, trong tay không có tiền mà một mình đứng ra làm ; nhờ cảm-tình của quốc - dân xã - hội, các bạn mua báo năm cũng lượng tình mà lục-tục gửi tiền giả trước cho, cho nên Tạp – chí mới xuất bản được từ số 1 đến số 10 này. Nay thời báo - quán còn thiếu của nhà in một số tiền không ít, mà số tiền của các bạn mua báo chưa giả cho cũng thực nhiều ; mỗi tháng, chưa kể tiền nhà in, các tiền thuê nhà, công người làm (kể cả lương chủ - bút là tôi), cũng là mọi sự chi - phí, ít không thể dưới số 200 $ 00. Về phần riêng tôi, phải lụy vào các anh em bạn hữu, cũng là tiền bán sách, trước sau tiếp-tục cũng có hơn 700 $ 00 bỏ vào đó (1) ; đến nay thời không thể biết vay mượn vào đâu, cho nên An-Nam Tạp-chí phải đình bản.

An-Nam Tạp-chí nay đình bản, trong xã-hội, ai là người ghét An-Nam Tạp-chí hẳn lấy làm khoái ý ; ai là người yêu An-Nam Tạp-chí, ắt cũng có ít nhiều động tâm sự. Các yêu ghét của xã-hội thế nào, thời xã-hội tự biết. Về phần tôi thời tôi tự biết rằng : xưa kia tôi làm việc báo Hữu-Thanh đã từ chức, đến nay đứng làm báo An - Nam lại đình bản, như thế, thực có mất nhiều lòng tín-nhiệm của công-chúng ; làm một việc An-Nam Tạp-chí, kể cũng chưa lấy gì làm to-nhớn khó-khăn cho lắm, mà chịu để đến nỗi tự đình bản, thời lại cũng thẹn thay với những kẻ anh-tài. Nay An-Nam Tạp-chí đã không thể xuất bản được nữa, thời tôi ở Hanoi rất vô-trạng, vậy muốn tính một cuộc đi chơi : sẽ từ Hanoi khởi hành, xuống Haiphong, đi đường tầu thủy vào Nam-kỳ ; qua sang Pnompenh, Vientiane ; lại quay về Saigon, theo đường bộ qua các tỉnh miền nam ở Trung-kỳ, ra Tourane, ra Huế ; qua các tỉnh mạn bắc ở Trung-kỳ, ra Hanoi. Tôi tính cuộc đi chơi như thế, một là để cho được rộng kiến-văn, thư thần-chí ; hai là cũng có chủ-tính về công-việc làm ăn, mong đến khi An-Nam Tạp-chí lại xuất bản sau này, sẽ có phần hoạt-bát hơn trước.

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các Hiệu sách ở các tỉnh, Hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10°/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

QUẢNG CÁO

Giá quảng-cáo định trước nay bỏ đi; bắt đầu từ nay, Ngài nào muốn đăng việc gì ít nhiều kỳ, xin cứ gửi tiền về, Bản-chí sẽ lượng đăng lẫn vào cuối bài, ở những chỗ còn thừa giấy trắng.

An-Nam Tap-chi